BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

HÀ NỘI – 2023

MỤC LỤC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN.....1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN 10
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....23
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 34
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....47
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG.....58
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN NHÀ NƯỚC PHÁP LUẬT Y HỌC CỔ TRUYỀN 70
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 77
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 89
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 96
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 104
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2 131
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3 145
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 1.....157
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH.....172
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 2.....183
ĐỀ CƯƠNG THAM KHẢO CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN.....197
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DÂN SỐ HỌC 197
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN 205
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ SINH.....222
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN HÓA HỌC 231
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN TIN HỌC ỨNG DỤNG – XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC.....242
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TÂM LÝ Y HỌC - ĐẠO ĐỨC Y HỌC - TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE Y HỌC CỔ TRUYỀN.....259
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN.....272
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU 1 279
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: GIẢI PHẪU 2 290
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔ PHÔI THAI HỌC.....302
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ HỌC 319
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH.....335
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN HỌC PHẦN VI SINH 351
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÝ SINH TRÙNG.....372
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU BỆNH 386

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH.....401
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN DƯỢC LÝ 421
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM446
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP Y HỌC CỔ TRUYỀN.....457
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN DỊCH TỄ HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN 476
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN 489
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NỘI CƠ SỞ YHHĐ.....505
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI 533
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NỘI BỆNH LÝ YHHĐ 557
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1.....592
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 2.....619
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI.....649
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NGOẠI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 677
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤ SẢN YHHĐ.....702
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN PHỤ SẢN Y HỌC CỔ TRUYỀN 719
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI.....741
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH HỌC VÀ ĐIỀU TRỊ NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN.....760
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 784
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TIỀN LÂM SÀNG YHHĐ.....805
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH.....818
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUNTRUYỀN NHIỄM Y HỌC HIỆN ĐẠI KẾT HỢP Y HỌC CỔ TRUYỀN:.....834
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG.....859
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH 877
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỒI SỨC CẤP CỨU.....897
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....913
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN Y HỌC GIA ĐÌNH 923
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA-TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ Y HỌC CỔ TRUYỀN 937
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN THỰC TẾ CỘNG ĐỒNG 948
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN LÝ LUẬN CƠ BẢN YHCT.....959
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC 970
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN CHẨN ĐOÁN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN 980
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN.....996
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC 1012
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHÂM CỨU 1.....1029

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN CHÂM CỨU 2 1047
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC 1068
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN PHƯƠNG TỄ 1 1091
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN PHƯƠNG TỄ 2 1117
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT 1140
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG 1163
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN MẮT 1176
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN UNG THƯ 1190
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN.....1215
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN HỌC PHẦN LAO.....1231
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN DA LIỄU 1250
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN DỊ ỨNG VÀ MIỄN DỊCH LÂM SÀNG.....1272
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TÁC PHẨM KINH ĐIỂN YHCT VIỆT NAM 1292
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN TÁC PHẨM KINH ĐIỂN YHCT TRUNG QUỐC 1303
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP 1312
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NGOẠI KHOA YHCT 1322
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NHI KHOA YHCT 1340
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN NỘI KHOA YHCT 1354
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN PHỤ SẢN YHCT 1394
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP .....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo**: 7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin
* Tiếng Anh: Marxist - Leninist philosophy
- Mã học phần: PLO 1001
- Số tín chỉ: 03 LT
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
[x]	□	□	□	□	□	□

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Kiểm tra: 2 tiết (bài thi kết thúc học phần, bài giữa kỳ và đánh giá TX)
  + Thời gian tự học: 103 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	buithuyllct@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Huê	0989525368	vuhue081084@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin; những quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; những kiến thức cơ bản chủ nghĩa duy vật lịch sử về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp, đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, dân tộc và con người.
MT2	Có phương pháp tư duy triết học khoa học, kỹ năng thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1	1					
MT2			1			

1 - Mức đóng góp ít; 2 - Mức đóng góp vừa; 3 - Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Từ đó, sinh viên hiểu được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.
CLO2	Trình bày được những quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức duy vật biện chứng.
CLO3	Trình bày được những kiến thức cơ bản chủ nghĩa duy vật lịch sử về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp, đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, dân tộc và con người.
CLO4	Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2															
CLO 2		2															
CLO 3		2															
CLO4														1			

6. Yêu cầu của học phần/mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới. Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện

nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập/thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao: Nội dung, câu hỏi, slide, phản biện..

- Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động tổ chức tiết tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80%. Hoàn thành bài đánh giá thường xuyên và kiểm tra giữa kỳ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác - Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân. Đồng thời giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam. Từ đó, người học có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chon, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết) Buổi 2 (4 tiết) Buổi 3 (4 tiết)	- Giới thiệu về học phần Triết học Mác - Lênin Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin. 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết	12/0/32	Biết được hình thức, phương pháp, trọng số thi, kiểm tra, đánh giá của học phần. Phân tích và lý giải về triết học, vấn đề cơ bản của triết học; Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết	CLO1 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	Phần chuẩn bị ở nhà: - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 11 đến trang 34 - Phần	Điểm thường xuyên

	học 2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.		học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.			thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 4 (4 tiết) Buổi 5 (4 tiết) Buổi 6 (4 tiết) Buổi 7 (4 tiết)	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vật chất và ý thức [*] 2. Phép biện chứng duy vật 3. Lý luận nhận thức	16/0/32	Phân tích được về vật chất, các hình thức tồn tại của vật chất; Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức; Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; Phép biện chứng duy vật. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO2 CLO4	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Thảo luận. 4. Hướng dẫn tự học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 117 đến trang 283. - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4 Phân công, Thuyết trình bài thảo luận về 06 cặp phạm trù 5. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi. 6. Nghiên	Điểm thường xuyên

						cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi	
Buổi 8 (4 tiết) Buổi 9 (4 tiết) Buổi 10 (4 tiết) Buổi 11 (4 tiết) Buổi 12 (1 tiết)	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 2. Giai cấp và dân tộc 3. Nhà nước và cách mạng xã hội 4. Ý thức xã hội 5. Triết học về còn người/ Kiểm tra	17/01/38	Phân tích được về sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội; - Giải thích được sự biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; - Hiểu được sự biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên; Giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; Triết học về con người Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO3 CLO4	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4.Thảo luận, phản biện	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 284 đến trang 489, thảo luận nhóm các vấn đề: Tìm hiểu về các hình thái kinh tế - xã hội; Vấn đề Giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay. - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 3.Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi. 4. Làm bài kiểm tra định kỳ	- Điểm thường xuyên - Kiểm tra định kỳ Tự luận, kiểm tra 50 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc chương 2) + Kiến thức: Chương 1-2

Theo lịch thi	Thi test	0.6 tiết					Kết thúc học phần

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra (**không áp dụng thực hành đối với học phần này**)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100%	Luôn chú ý và tích cực tham gia các hoạt động, chuẩn bị tốt, đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Khá chú ý, có tham gia, chuẩn bị đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Có chú ý, ít tham gia Chuẩn bị nội dung bài học không đầy đủ	Không chú ý/ không tham gia Không chuẩn bị nội dung bài học
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 6 tiết sẽ không được thi			

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5 - 10 điểm	7.0 - 8.4 điểm	5.5 - 6.9 điểm	4.0 - 5.4 điểm	0 - 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2 CLO4	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức	20%		Chữ viết rõ ràng; trình	Chữ viết rõ ràng;	Chữ viết đọc được;	Chữ viết xấu, khó	Cẩu thả;	

trình bày;			bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra Học phần	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30		Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40		Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Cách sử dụng: GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhómTrước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm, trả lời ngắn	Điểm chuyên cần	70%	Rubric 1 hoặc rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
			Thảo luận, vấn đáp	30%			
Điểm kiểm	20%	Làm bài kiểm	Điểm bài	100%	Rubric	CLO1	Theo KH

tra giữa học phần		tra 1 tiết	kiểm tra		2	CLO2 CLO4	bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo lịch thi của Học viện

9.4. Ma trận đề thi và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	30%	18	12	06	0
CLO2	40%	24	16	08	0
CLO3	30%	18	12	06	0
CLO4	0%				
Tổng	**100%**	**60**	**40**	**20**	**0**

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = [Điểm chuyên cần (10%) + Điểm kiểm tra giữa học phần (20%) + Điểm thi kết thúc học phần (70%)]

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[2]. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Tập bài giảng triết học Mác - Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[3]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN
Đối tượng đào tạo: YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Tên tiếng anh: Marxist – Leninist political economy
- Mã học phần: POLI 1002
- Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 02 LT/0TH/0LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết (bài thi kết thúc học phần, bài giữa kỳ và đánh giá TX)
  + Thời gian tự học: 68 tiết
- Đối tượng học: Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin.
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths.Tưởng Thị Thắm	0989055525	tuongtham76@gmail.com
2	Ths.Trần Hồng Thanh	0976365787	thanh.hvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	- Khái quát hoá được kiến thức cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, cập nhật tri thức mới, giải thích được các quan hệ lợi ích kinh tế, vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.

MT2	- Có khả năng vận dụng các kiến thức của kinh tế chính trị Mác – Lênin để nhận diện bản chất các quan hệ kinh tế; khả năng phản biện, ra quyết định, lập kế hoạch, giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2	2			1		

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT C2TĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin;
CLO2	Khái quát hoá được nội dung cơ bản về lý luận giá trị, về kinh tế hàng hóa, hệ thống tri thức của kinh tế thị trường…
CLO3	Trình bày được nội dung cơ bản của Học thuyết giá trị thặng dư, nhận diện bản chất lợi ích kinh tế, các biểu hiện của giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường
CLO4	Trình bày quan hệ của cạnh tranh và độc quyền, biểu hiện của độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường
CLO5	Trình bày được các nội dung liên quan về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam
CLO6	Trình bày nội dung về cách mang công nghiệp, mô hình công nghiệp hóa trên thế giới, nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam..
CLO7	Thuyết trình, phản biện, lập kế hoạch, và giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2															
CLO 2		2															
CLO 3		2															
CLO4		2															
CLO5		2															
CLO6		2															
CLO7		2								1				1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: giáo trình, tài liệu tham khảo

- Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn, Giáo trình, tài liệu tham khảo

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không áp dụng học phần này

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP, bảng, phấn
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao: Nội dung, câu hỏi, slide, phản biện..

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Kinh tế chính trị Mác Lênin cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế

của người học. Học phần giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (2 tiết)	- Giới thiệu về học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chương 1. Đối tượng, Phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT MLN 1.Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT MLN 2.Đối tượng, phương pháp nghiê cứu của KTCT MLN 3.Chức năng của KTCT MLN	02LT/0 KT/0 thảo luận/04 tự học	Biết được hình thức, phương pháp, trọng số thi, kiểm tra, đánh giá của học phần. Phân tích được nội dung cơ bản của đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin.	CLO1	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Động não ,, vấn đáp 3. Giải quyết vấn đề	1.Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 11 đến trang 33 2.Nghe, ghi chép, 3. Suy nghĩ - trả lời Lắng nghe ghi chép	Điểm đánh giá thường xuyên

Buổi 1 (2 tiết) Buổi 2 (4 tiết)	Chương 2. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 1.Lý luận của Mác về sản xuất hoàng hoá và Hàng hoá 2.Thị trường và nền kinh tế thị trường	06LT/0 Kt//0 thảo luận/ 12 tự học	- Trình bày được nội dung cơ bản của Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường - Vận dụng được kiến thức cơ bản về hàng hoá, thị trường phản biện, lập kế hoạch và giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống	CLO2 CLO7	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Động não, vấn đáp .. 3. Giải quyết vấn đề	1.Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 34 đến trang 81 2.Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Suy nghĩ - trả lời 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết) Buổi 4 (4 tiết)	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 1.Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 2. Tích luỹ tư bản 3.Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	06LT/ 0 bai tập/0 kiểm tra/0 thảo luận/ /18 tự học	- Trình bày được nội dung cơ bản của Học thuyết giá trị thặng dư, bao gồm: - Phân tích được các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, phản biện, lập kế hoạch và giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống	CLO3 CLO7	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Thuyết giảng 2. Động não, vấn đáp 3. Giải quyết vấn đề 4.Bài tập tình huống	1. Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 84 đến trang 123 Làm bài tập vận dụng 2.Nghe, ghi chép, 3. Suy nghĩ - trả lời 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe	Điểm đánh giá thường xuyên

						ghi chép Làm bài tập tình huống	
Buổi 5 (4 tiết) Buổi 6 (2 tiết)	Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường [1]. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường [2]. Đặc điểm của độc quyền và độc quyền Nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền Nhà nước trong giai đoạn hiện nay Vai trò của chủ nghĩa tư bản (*)	02 lý thuyết/ 0 kiểm tra/ 04 thảo luận/ 12 tự học	-Xác định được mối quan hệ của Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Biểu hiện độc quyền trong kinh tế thị trường Thuyết trình, phản biện, kế hoạch và giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống	CLO4 CLO7	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Thảo luận Lớp học đảo ngược ? 4. Tự học (*) Sinh viên cần : Làm rõ thành tưu và hạn chế và xu hướng vận động của CNTB	1. Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 124 đến trang 168 Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời 3. Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận Mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường? Vai trò của các tổ chức độc quyền xuyên trong kinh tế thị trường hiện nay? Có thể kiểm soát	Điểm đánh giá thường xuyên

						độc quyền trong thực hiện lợi ích trong quan hệ lợi ích với xã hội bằng phương thức nào? Biểu hiện của độc quyền và độc quyền Nhà nước trong kinh tế thị trường Làm việc nhóm, thuyết trình Trao đổi – thảo luận, phản biện. 4. Tự học (*) Đọc giáo trình và thực hiện các yêu cầu của giảng viên đề ra	
Buổi 6 (2 tiết)	Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 1.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2.Hoàn thiện thể chế	04 lý thuyết/ 0 thảo luận/ 1 kiểm tra/ 10 tự học	- Trình bày được nội dung của Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Vận dụng để giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các quan hệ lợi	CLO5 CLO7	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 169 đến trang 220 Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời	Kiểm tra định kỳ + Tự luận, kiểm tra 50 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc chương 5 + Nội dung chương 1-5

Buổi 7 (2 tiết)	kinh tế thị trường ở Việt Nam 3.Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế [*]		ích kinh tế - xã hội trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống		4. Hướng dẫn Sv tự đọc [*] Phân tích bản chất, vai trò của lợi ích kinh tế, Phân biệt các quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong kinh tế thị trường	3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc phần [*] Đọc và thực hiện các yêu cầu của giảng viên đề ra	
Buổi 7 (2 tiết) Buổi 8 (2 tiết)	Chương 6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1.Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 2.Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam (*)	04 lý thuyết/ 0 kiểm tra/ 0 thảo luận/ 12 tự học	- Xác định được nội dung cốt lõi của Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Vận dụng được kiến thức cơ bản của Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Có tư duy phản biện, ra quyết định, giải quyết quan hệ lợi ích trong thực tiễn nghiệp và cuộc sống	CLO6 CLO7	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Động não, vấn đáp 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn Sv tự đọc [*] Sinh viên cần : -Làm rõ tính tất yếu khách quan của HNKT	1. Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 224 đến trang 286 Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc phần [*] Đọc và thực hiện các yêu cầu của	Điểm đánh giá thường xuyên

					- Lợi ích và ảnh hưởng của HNKT đến quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam - Phương hướng HNKT của Việt Nam	giảng viên đề ra	
Theo lịch thi	Bài thi	0,4 tiết					Kết thúc học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần, bài kiểm tra, tiểu luận

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tích cực tham gia các hoạt động, chuẩn bị tốt, đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Khá chú ý, có tham gia, chuẩn bị đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Có chú ý, ít tham gia Chuẩn bị nội dung bài học không đầy đủ	Không chú ý/ không tham gia Không chuẩn bị nội dung bài học
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 6 tiết sẽ không được thi			

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của HP	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt

Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/	Điểm chuyên cần	70%	Rubric 1 và rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Theo kế hoạch bài giảng
			Thảo luận, vấn đáp	30%			
Điểm kiểm tra giữa học phần	20%	Làm bài kiểm tra 1 tiết / Bài tập lớn	Điểm bài kiểm tra	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo lịch thi của Học viện trên máy tính

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	8%	***04***	2	2	
CLO2	20%	***10***	4	6	
CLO3	28%	***14***	6	8	
CLO4	16%	***08***	4	4	
CLO5	14%	***07***	3	4	
CLO6	14%	***07***	3	4	
Tổng	**100%**	**50**	**22**	**28**	**00**

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = [Điểm chuyên cần (10%) + Điểm kiểm tra giưa học phần (20%) + Điểm thi kết thúc học phần (70%)]

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4/10

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình (TLC)

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Kinh tế chính trị Mác –Lênin (dành cho bậc đại học – không chuyên Lý luận chính trị)- NXB Chính trị Quốc gia sự thật, HN, 2021.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục và đào tạo*;* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2015.

[2] Bộ giáo dục và đào tạo*;* Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
***Đối tượng đào tạo : Bác sĩ YHCT, Mã số đào tạo:* 7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học
* Tiếng Anh: Scientific Socialism
- Mã học phần/ mô đun: POLI3003
- Số tín chỉ: 02 LT/0TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
+ Lý thuyết: 30 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần: 2 tiết (1 lần kiểm tra lý thuyết giữa kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi cuối kỳ)
+ Thời gian tự học: 68 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên ***Y học cổ truyền*** năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương [x]		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	□

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Th. Tưởng Thị Thắm	0813182268	tuongtham76@gmail.com
3	ThS. Trần Hồng Thanh	0976365787	thanh.hvyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Khái quát được quá trình ra đời, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Có kiến thức căn bản về các vấn đề lý luận và thực tiễn con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam
MT2	Có phương pháp tư duy khoa học, kỹ năng thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan

	điểm cá nhân, giải quyết được vấn đề trong học tập, chuyên môn và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT2	2					
MT2			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Trình bày được sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.
CLO2	Trình bày được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và giai cấp công nhân Việt Nam
CLO3	Trình bày được các vấn đề về: Chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
CLO4	Trình bày được các nội dung liên quan về Dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
CLO5	Trình bày nội dung về cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lê CNXH. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam
CLO6	Trình bày được nội dung liên quan đến Dân tôc, tôn giáo và vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
CLO7	Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	2																
CLO 2	2																
CLO 3	2																
CLO 4	2																
CLO 5	2																
CLO 6	2																
CLO 7														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Lý thuyết: giáo trình, tài liệu tham khảo
- Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn, Giáo trình, tài liệu tham khảo

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1 Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: không

6.2.3. Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

-Chương 2. Đọc giáo trình và TLTK, thảo luận nhóm để giải quyết tình huống đươc giao về những quan điểm cơ bản của CNMLN về GCCN và nội dung sứ mệnh lich sử của GCCN. Tại sao GCCN lại có sứ mệnh lịch sử đó?

Chương 3. Đọc giáo trình và TLTK, thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao về vấn đề Trách nhiệm cá nhân trong việc góp phân xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay?

Chương 4. Đọc giáo trình và TLTK . Giải quyết tình huống về vấn đề: Trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHXN, Nhà nước pháp quyền XHN ở nước ta hiện nay?

Chương 5. Đọc giáo trình và TLTK, thảo luận và ý kiến bản than về trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trog việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

Chương 7. Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo để góp phần tích cực buổi học đạt hiệu quả cao

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun: Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT / Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4tiết)	Giới thiếu học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	04 LT/0 KT/0TL /0 tự học	-Biết được hình thức, phương pháp, trọng số thi, kiểm tra, đánh giá của học phần. - Nhắc lại được sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu môn Chủ nghĩa xã hội khoa học. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO1	1.Thuyết trình 2. Phát vấn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 11 đến trang 39. - Nghe giảng, ghi chép bài học, đặt câu hỏi, động não, trả lời câu hỏi; giải quyết vấn đề	Điểm thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	04 LT/0 KT/0TL /20 tự học	-Trình bày được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân,	CLO2 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 51 đến trang 84 -Nghe	Điểm thường xuyên

			nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.		tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Thảo luận, phản biện	giảng, ghi chép bài học, thảo luận thuyết trình vấn đề :	
Buổi 3 (4 tiết)	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04 LT/0 KT/0TL /20 tự học	- Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO3 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 237 đến trang 407, giải quyết vấn đề:	Điểm thường xuyên
Buổi 4	Chương	04 LT/0 KT/0TL	- Khái quát được bản chất của nền	CLO4	1. Thuyết trình,	- Phần chuẩn bị ở	Điểm thường

(4 tiết)	4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	/10 tự học	dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa và giải thích được các nội dung liên quan đến vấn đề này ở Việt Nam hiện nay. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO7	thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4.Thảo luận, phản biện	nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 125 đến trang 162, thảo luận nhóm vấn đề:Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay?	xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	04 LT/0 KT/0TL /10 tự học	- Trình bày được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO5 CLO7	1.Thuyết trình 2. phát vấn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 165 đến trang 193 -Nghe giảng, ghi chép bài học, đặt câu hỏi, động não, trả lời câu hỏi; giải quyết vấn đề	Điểm thường xuyên
Buổi 6	Chương 6: Vấn	08 (04 LT,	- Trình bày được quan điểm chủ	CLO6	1. Thuyết trình,	- Phần chuẩn bị ở	Kiểm tra 1 tiết (50

và buổi 7 (8 tiết)	đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	03 thảo luận, 01 kiểm tra.	nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc và tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO7	thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4.Làm bài kiểm tra định kỳ	nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 195 đến trang 236, 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận lập luận bảo vệ quan điểm về vấn đề mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay? Trách nhiệm cá nhân?	phút) nội dung các bài thuộc chương3 -6
Buổi 8 (2 tiết)	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	02 LT/0 KT/0TL /8,35 tự học	- Trình bày được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. -Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá	CLO6 CLO7	1.Thuyết trình, 2.phát vấn, 3.Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 239 đến trang 268 - Nghe giảng, ghi chép bài học, đặt câu hỏi, động não, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

			nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.				
Theo lịch thi	Bài thi	0,4 tiết					Kết thúc học phần

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động, chuẩn bị tốt, đầy đủ nội dung bài học	Khá chú ý, có tham gia, chuẩn bị đầy đủ nội dung bài học	Có chú ý, ít tham gia. Chuẩn bị nội dung bài hoc không đầy đủ	Không chú ý/ không tham gia. Không chuẩn bị nội dung bài học
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 6 tiết sẽ không được thi			

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng;	Chữ viết rõ ràng;	Chữ viết đọc	Chữ viết xấu,	Cẩu thả; Không	

			trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra Học phần	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	CLO6 CLO7	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30		Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40		Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Cách sử dụng: GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhómTrước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm,	-Điểm chuyên cần/	70%	Rubric 1 và rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng

		trả lời ngắn	-Thảo luận, vấn đáp	30%		CLO5 CLO6 CLO7	
Điểm kiểm tra giữa học phần	20%	Làm bài kiểm tra 1 tiết	Điểm bài kiểm tra	100%	Rubric 2	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo lịch thi của Học viện trên máy tính

9.4. Ma trận đề thi và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**(Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2(**Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3**(Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	6%	3	1	2	
CLO2	20%	10	4	6	
CLO3	16%	8	3	5	
CLO4	16%	8	3	5	
CLO5	12%	6	2	4	
CLO6	30%	15	7	8	
Tổng	**100%**	**50**	**20**	**30**	

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = [Điểm chuyên cần (10%) + Điểm kiểm tra giữa học phần (20%) + Điểm thi kết thúc học phần (70%)]

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – không chuyên Lý luận chính trị)- NXB Chính trị Quốc gia sự thật, HN, 2021.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục và đào tạo*;* Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2015.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

***Đối tượng đào tại: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo:* 7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tư tưởng Hồ Chí Minh

* Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh

* Tiếng Anh: Ho Chi Minh's thought

- Mã học phần/ mô đun POLI 3004
- Số tín chỉ: 02 LT/0TH /LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

+Thực hành: 0 giờ

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết (bài thi kết thúc học phần, bài giữa kỳ và đánh giá TX)

+ Thời gian tự học : 68 tiết

- Đối tượng học: Năm thứ ba
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết : Không

+ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. GVC. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	camtuhvyd@gmail.com
2	Ths. Trần Thị Xoa	0974174883	tranthixoa.kt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT 1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập TTHCM; cơ sở, quá trình hình thành và

	phát triển và những nội dung cơ bản trong hệ thống quan điểm TTHCM
MT 2	Có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2				1		1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được Khái niệm, Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM :,Cơ sở quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh
CLO2	Khái quát được Cơ sở quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh
CLO3	Trình bày được Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
CL04	Trình bày được Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân .do nhân dân vì nhân dân
CLO5	Trình bày được Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế
CLO6	Trình bày Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, văn hóa và đạo đức con người
CLO7	Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2															
CLO2		2															
CLO3		2															

CLO4																	
CLO5																	
CLO6																	
CLO7														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: : Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

- Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải có giáo trình môn học và có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %
- Phải dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần TTHCM bao gồm 02 tín chỉ: trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hệ thống quan điểm TTHCM về con đường cách mạng Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	Giới thiệu về học phần môn TTHCM, Chương I: khái niệm Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	1/0/4	-Biết được hình thức phương pháp .trọng số thi,kiểm tra đánh giá của học phần Xác định được nội dung cơ bản của đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn TTHCM, khái niệm TTHCM	CLO1 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 11 đến trang 31 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
Buổi 1 (3 tiết) Buổi 2 (3 tiết)	Chương 2: Cơ sở quá trình hình thành và phát triển TTHCM I..Cơ sở hình thành TTHCM II. Quá trình hình thành và phát triển TTHCM	6/0/14	1. Nhắc lại được cơ sở hình thành và quá trình phát triển TTHCM 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân	CLO2 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Seminar	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 32 đến trang 72 - Phần thực hiện trên lớp:	Điểm thường xuyên

			giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.		5. Thảo luận, phản biện 6. Lớp học đảo ngược	1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời. 3. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép. 5. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tào liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Buổi 2 (1 tiết) Buổi 3 (4 tiết)	Chương 3 TTHCM về Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc II. TTHCM về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam	4/1 TL/10	1. Trình bày được TTHCM về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và	CLO3 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Seminar 5. Thảo luận, phản biện	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 73đến trang 122 - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả	Điểm thường xuyên

	III. TTHCM về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội IV.Vận dụng TTHCM về độc lập dân tộc gắn liền CNXH trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay		chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.			lời. 3. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép. 5. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tào liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Buổi 4 (4 tiết)	Chương 4 TTHCM VỀ ĐCS VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN DO NHÂN DÂN VÌ NHÂN DÂN I. TTHCM về Đảng Cộng Sản Việt Nam II. TTHCM Về nhà Nước của Nhân dân do nhân dân vì nhân dân	6/2 thảo luận/16	1. Giải thích được TTHCM về Đảng cộng sản về nhà nước của nhân dân do nhân dân vì nhân dân 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến	CLO4 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Seminar 5. Thảo luận, phản biện 6. Lớp học đảo ngược	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 123 đến trang 168. - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời. 3. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi	Kiểm tra 1 tiết (50 phút) nội dung các bài thuộc chương 1,2,3,4

Buổi 5 (4 tiết)	III. Vân dụng TTHCM vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước		thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.			4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép. 5. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tào liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Buổi 6 (4 tiết)	Chương V. TTHCM VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ I. TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc II. TTHCM về đoàn kết quốc tế III. Vận dụng TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	4/0/10	1. Giải thích được TTHCM về đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời	CLO5 CLO7	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Seminar 5. Thảo luận, phản biện 6. Lớp học đảo ngược	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 169 đến trang 204 - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời. 3. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép.	Điểm thường xuyên

						5. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Buổi 7 (4 tiết) Buổi 8 (2 tiết)	Chương 6 TTHCM VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC ,CON NGƯỜI I.Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người IV. Xây dựng văn hóa ,đạo đức,con người Việt Nam hiện nay theo TTHCM	6/0/14	1. Trình bày được TTHCM về văn hóa, đạo đức,con người 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời	CLO6 CL07	. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Seminar 5. Lớp học đảo ngược	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 205 đến trang 266 - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời. 3. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép. 5. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập	Điểm thường xuyên

						luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Theo lịch thi	Bài thi	0,4 tiết					Kết thúc học phần

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tích cực tham gia các hoạt động, chuẩn bị tốt, đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Khá chú ý, có tham gia, chuẩn bị đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Có chú ý, ít tham gia Chuẩn bị nội dung bài học không đầy đủ	Không chú ý/ không tham gia Không chuẩn bị nội dung bài học
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 6 tiết sẽ không được thi			

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO7	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai	

			chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra Học phần	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30		Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40		Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Cách sử dụng: GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhóm

Trước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm, trả lời	Điểm chuyên cần	70%	Rubric 1 và rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng

		ngắn	Thảo luận, vấn đáp	30%		CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	
Điểm kiểm tra giữa học phần	20%	Làm bài kiểm tra 1 tiết	Điểm bài kiểm tra	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO7	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo lịch thi của Học viện

9.4. Ma trận đề thi và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	3,3%	2	1	1	
CLO2	20%	12	8	4	
CLO3	20%	12	8	4	
CLO4	20%	12	8	4	
CLO5	20%	12	8	4	
CLO6	16,7%	10	6	4	
Tổng	**100%**	**60**	**39**	**21**	

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = [Điểm chuyên cần (10%) + Điểm kiểm tra giưa học phần (20%) + Điểm thi kết thúc học phần (70%)]

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4/10

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban

hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

+ Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2021

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

+ Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

+ Hội đồng thi đua - khen thưởng trung ương - ban tư tưởng - văn hóa trung ương (2001),Chân dung anh hùng thời đại Hồ Chí Minh

+ Trần Đình Ba (2010), Cuộc đời sự nghiệp văn thơ và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh – NXB Thanh Niên

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo**: 7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

* Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**

- Mã học phần/ mô đun: POL 4005
- Số tín chỉ: 02 LT/0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
  +Thực hành: 0 giờ
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết (bài thi kết thúc học phần, bài giữa kỳ và đánh giá TX)
  + Thời gian tự học : 68 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Y học cổ truyền năm thứ 4
- Vị trí của học phần/mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
01	ThS. Đinh Thị Cẩm Tú	0968946686	Lý luân Chính trị	camtuhvyd@gmail.com
02	ThS.Trần Thị Xoa	0974174883	Lý luân Chính trị	tranthixoa.kt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay).
MT2	Có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Khái quát quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung cơ bản và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền giai đoạn 1930-1945.
CLO2	Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)
CLO3	Giải thích được quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới và nội dung chính của các Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (1975-nay).
CLO4	Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ động cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2															
CLO 2		2															
CLO 3		2															
CLO4														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

- Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới. Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập/thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao: Nội dung, câu hỏi, slide, phản biện..

- Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80%. Hoàn thành bài đánh giá thường xuyên và kiểm tra giữa kỳ.

7. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu nên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số giờ (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	1 - Giới thiệu về học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2- Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn LSĐCSVN	1/0/2	-Biết được hình thức, phương pháp, trọng số thi, kiểm tra, đánh giá của học phần. -Xác định được nội dung cơ bản của đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học LSĐCSVN	CLO1	1. Thuyết trình, thuyết giảng	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 11 đến trang 34 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
Buổi 1 (3 tiết) Buổi 2 (4 tiết) Buổi 3 (2 tiết)	Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	9/0/18	1. Khái quát quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung cơ bản và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được	CLO1 CLO4	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4. Thảo luận, phản biện 6. Lớp học đảo ngược	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 35 đến trang 125, thảo luận nhóm, làm sline thuyết trình vấn đề về quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Tại sao Nguyễn	Điểm thường xuyên

			vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.			Ái Quốc lại lựa chọn con đường theo cách mạng vô sản cho Việt Nam? Phân tích thời cơ của cách mạng Tháng Tám và việc tận dụng thời cơ của Đảng ta? - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 3. Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 4. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	

Buổi 3 (2 tiết) Buổi 4 (4 tiết) Buổi 5 (4 tiết)	Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) II. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)	10/1/20	1. Trình bày được quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO2 CLO4	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4.Thảo luận, phản biện 5. Lớp học đảo ngược	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 127 đến trang 235, thảo luận nhóm làm sline thuyết trình vấn đề: 1. Chứng minh đường lối kháng chiến chống Pháp là sự kế thừa truyền thống đánh giặc của cha ông ta? 2. Tìm hiểu về trận Điện Biên Phủ trên không? - Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2.Suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 3. Phân công,	Điểm thường xuyên, Kiểm tra 1 tiết (50 phút) nội dung các bài thuộc chương 1 và phần I chương 2

						Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Buổi 6 (4 tiết) Buổi 7 (4 tiết) Buổi 8 (2tiết)	Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018)	10/0/28	1. Giải thích được quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới và nội dung chính của các Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (1975-nay). 2. Thuyết trình, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân giải quyết được vấn đề cần thảo luận trong học tập và chủ đông cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp suốt đời.	CLO3 CLO4	1. Thuyết trình, thuyết giảng 2. Động não 3. Học tập dựa vào giải quyết vấn đề 4.Thảo luận, phản biện 5. Lớp học đảo ngược	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước giáo trình từ trang 237 đến trang 407, thảo luận nhóm làm sline thuyết trình vấn đề: 1.Tìm hiểu về thời bao cấp dưới cơ chế kinh tế giai đoạn 1975-1986? 2. Tìm hiểu về sự phát triển đường lối đối ngoại của Đảng CSVN từ năm 1991 đến nay.	Điểm thường xuyên

						- Phần thực hiện trên lớp: 1. Nghe, ghi chép. 2. suy nghĩ - trả lời, đặt câu hỏi 4 Phân công, Thuyết trình bài thảo luận, lập luận bảo vệ quan điểm 6. Nghiên cứu tài liệu, đưa ra vấn đề, đặt câu hỏi.	
Theo lịch thi	Bài thi	0,4 tiết		CLO1 CLO2 CLO3			Kết thúc học phần

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tích cực tham gia các hoạt động, chuẩn bị tốt, đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Khá chú ý, có tham gia, chuẩn bị đầy đủ nội dung bài học đầy đủ	Có chú ý, ít tham gia Chuẩn bị nội dung bài học không đầy đủ	Không chú ý/ không tham gia Không chuẩn bị nội dung bài học
Thời gian		Nếu nghỉ trên 6 tiết sẽ không được thi			

tham dự		

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2 CLO4	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3: Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra Học phần	8.5 - 10 điểm	6.5 - 8.4 điểm	4.0 - 6.4 điểm	0 - 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30		Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa	Phân tích, đánh giá chưa tốt

					tốt	
Chất lượng đóng góp ý kiến	40		Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Cách sử dụng: GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhóm

Trước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm, trả lời ngắn	Điểm chuyên cần	70%	Rubric 1 ,rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
			Thảo luận, vấn đáp	30%			
Điểm kiểm tra giữa học phần	20%	Làm bài kiểm tra 1 tiết	Điểm bài kiểm tra	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo lịch thi của Học viện

9.4. Ma trận đề thi và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	30%	15	10	5	0
CLO2	30%	15	10	5	0
CLO3	40%	20	13	7	0
CLO4	0%				
Tổng	**100%**	**50**	**32**	**18**	**00**

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = [Điểm chuyên cần (10%) + Điểm kiểm tra giữa học phần (20%) + Điểm thi kết thúc học phần (70%)]

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 4

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[2]. Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Văn kiện Đảng toàn tập, Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN:
TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Tin học học đại cương

* Tiếng Anh: General Informatics

- Mã học phần/ mô đun: INTE1001

- Số tín chỉ: 2(0.5LT/1.5TH)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 7.5 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 45 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 4 tiết

+ Thời gian tự học: 43.5 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Y học cổ truyền năm thứ nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Các học phần tiên quyết: không

+ Các học phần học trước: không

+ Các học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán -Tin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	Toán-Tin	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	Toán-Tin	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	Toán-Tin	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	Toán-Tin	nguyentukhaothi@gmail.com

5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Toán-Tin	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	Toán-Tin	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	Toán-Tin	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy tính, hệ điều hành Window, Internet, thư điện tử và các phần mềm ứng dụng cho văn phòng Microsoft office.
MT HP2	Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Hệ điều hành, phần mềm ứng dụng trên máy tính; Khắc phục một số hiện tượng máy tính hay gặp lỗi; Thao tác được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan; Khai thác được các công cụ tìm kiếm trực tuyến và ngoại tuyến; Có kỹ năng cơ bản về các phần mềm tin học văn phòng cơ bản.
MT HP3	Vận dụng được một số kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2		1			
MT HP2	2		2			
MT HP3						1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin, hệ điều hành, quản trị mạng và bộ phần mềm ứng dụng văn phòng Office.
CLO2	Thao tác được các kỹ năng cài đặt, khắc phục được một số hiện tượng máy tính hay gặp lỗi, sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
CLO3	Vận dụng các kỹ năng để khai thác được một số phần mềm thuộc bộ office về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
CLO4	Làm việc độc lập và giao tiếp hiệu quả với các hoạt động trên lớp của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		1															
CLO 2		1						1	2								
CLO 3		1						1	2								
CLO 4														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, máy tính, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Phòng thực hành Tin học 405
2.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22
3.	Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China
4.	Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lư.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Lắng nghe giảng viên giảng bài; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn sinh viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

Thực hiện đúng nội qui, qui định của phòng thực hành Tin học.

6.2.2. Bài tập:

Sinh viên làm bài tập về nhà (đạt 80% yêu cầu) theo chủ đề trong bài học, sau khi được giảng viên hướng dẫn nội dung bài học mới, có thể tương tác với giảng viên để kiểm tra lại bài chuẩn bị trước khi lên lớp nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dạy - học.

Chương trình Winword:

6.2.3. Tự học:

+ *Lý thuyết*: Sinh viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên, chủ động chuẩn bị bài thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên, tài liệu học tập và các nguồn khác (nếu được yêu cầu), phân công cá nhân và tổ thực hiện bài thuyết trình. Đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo để có bài học cá nhân. Cụ thể các bài học lý thuyết sinh viên cần đọc và tìm hiểu:

Bài 1: Đại cương về Tin học: đọc giáo trình trang 5-43 trong TLC [1] và tài liệu tham khảo TLTK [1][2].

Bài 2: Chương trình Microsoft Word: đọc giáo trình trang 44-101 trong TLC [1] và tài liệu tham khảo TLTK [3].

Bài 3. Chương trình Microsoft Powerpoint**:** đọc giáo trình trang 102-122 trong TLC [1] và tài liệu tham khảo TLTK [3].

Bài 4. Chương trình Microsoft Excel: đọc giáo trình trang 123-171 trong TLC [1] và tài liệu tham khảo TLTK [3].

+ *Thực hành*: Sinh viên chủ động tổ chức ôn bài học trước, tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và làm trước các bài tập thực hành có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới trong phần bài tập lượng giá, phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định. Cụ thể sinh viên cần làm và tìm hiểu trước các bài tập trong phần bài tập lượng giá:

Bài 1: Đại cương về Tin học: bài tập 1, bài tập 2 (trang 1,2) TLC [1].

Bài 2: Chương trình Microsoft Word: bài tập 1 đến bài tập 16 (trang 3-18) TLC [1].

Bài 3. Chương trình Microsoft Powerpoint**: :** làm bài tập theo nhóm, mỗi tổ chia là 2 nhóm(khoảng 8-12 sinh viên), mỗi nhóm làm 1 chủ đề khác nhau để báo cáo, khoảng 12-15 slide, SV trình bày trong 5 phút theo các chủ đề sau:

1. Tìm hiểu về đại Y thiền sư Tuệ Tĩnh.
2. Tác động của mạng xã hội đối với cuộc sống.
3. Y học cổ truyền và niềm đam mê của bạn
4. Cám dỗ học đường.
5. Tác động của cuộc cách mạng 4.0 vào ngành y và y học cổ truyền nó riêng.

Bài 4. Chương trình Microsoft Excel: làm trước phần gõ nội dung, định dạng văn bản từ bài tập 1 đến bài tập 19(trang 19 - 37) TLC [1].

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần

+ Tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học giờ học lý thuyết.

+ Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần tin học đại cương cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, hệ điều hành Windows, bộ Office 2016 gồm: phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Học phần giúp người học vận dụng sử dụng tin học trong các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề y hoc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (1 tiết)	**Bài 1: Đại cương về tin học** **1**. Kiến thức chung về CNTT 2. Hệ điều hành Window 7 3. Mạng lan - Internet- Thư điện tử	**1/0/2**	- Hiểu được lịch sử phát triển, vai trò của CNTT, cũng như tác động của cuộc sống số, cách mạng 4.0 tới sự phát triển của con người. - Hiểu được các hệ điều hành nói chung và hệ điều hành Window 7 nói riêng. - Hiểu được mạng LAN, Internet và thư điện tử	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần LT; 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 1 (2.5 tiết)	**Bài 2. Chương trình Microsoft Word** 1. Microsoft word 2016. 2. Word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016. 3. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản 4. Làm việc với nhau trong thời gian thực 5. Tra cứu thông minh	**2.5/0/5**	- Hiểu được phương pháp soạn thảo văn bản, định dạng, trang trí văn bản...	CLO1 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần LT; 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời	Điểm kiểm tra thường xuyên

Buổi 2 (1 tiết)	**Bài 3. Chương trình Microsoft Powerpoint**	**1/0/2**	- Hiểu được phương pháp tạo bài thuyết trình theo các mẫu được định dạng sẵn - Hiểu được phương pháp chuẩn bị bài thuyết trình theo đúng các thao tác cơ bản	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần LT; 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 2 (3 tiết)	**Bài 4. Chương trình Microsoft Excel** 1. Chương trình Excel. **2.** Giới thiệu và sử dụng các hàm.	**3/0/6**	- Hiểu được các thành phần chính của cửa sổ, bảng tính.	CLO1 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần LT; 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời	Điểm kiểm tra thường xuyên
	Tổng số	**7.5/0/15**					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Buổi 1 (4 tiết)	**Bài 1: Đại cương về Tin học** 1. Kiến thức chung về CNTT 2. Hệ điều hành Window7 3. Mạng lan + Internet+ Thư điện tử	**4/0/2**	- Hiểu được cuộc sống số và khắc phục được Một số lỗi thường gặp - Cách làm việc với chương trình Window. -Thực hiện được các thao tác cơ bản trong sử dụng Iternet - Tạo và sử dụng được thư điện tử.	CLO2 CLO3	- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	1. Thuyết trình ngắn 2. TH theo hướng dẫn.	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần thực hành; 2. Nghe, trả lời 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả	Không
Buổi 2 (2 tiết) Buổi 2 (2 tiết) Buổi 3 (4 tiết) Buổi 4 (4 tiết)	**Bài 2: Chương trình Microsoft Word**	**12/0/6**		CLO3 CLO4				
	1. Giới thiệu word 2016 và một vài thao tác căn bản trên word 2016	2/0/2	- Soạn thảo văn bản, lập được bảng biểu. - Thực hiện các hiệu chỉnh văn bản, kiểm tra văn bản trước khi in.		- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	1. Thuyết trình ngắn 2. TH theo hướng dẫn 3. Làm việc nhóm	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần thực hành; 2. Nghe, trả lời 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả	Điểm kiểm tra thường xuyên
	2. Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản	10/0/4						
	Bài 3. Chương trình Microsoft Powerpoint	**8/0/8.5**		CLO3				

Buổi 5 (4 tiết) Buổi 6 (4 tiết)	Giới thiệu và những thiết lập cơ bản Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt - Sử dụng hình vẽ - Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Một số thao tác trình chiếu PowerPoint	4/0/4	- Sử dụng các thao tác cơ bản, hiệu trỉnh được bài thuyết trình, tạo các hiệu ứng văn bản - Thao tác được các cách trình chiếu bài thuyết trình		- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	1. Thuyết trình ngắn 2. TH theo hướng dẫn 3. Làm việc nhóm	1. Tự học: như mục 6.2.3 phần thực hành; 2. Nghe, trả lời 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả	Không
	- Lưu văn bản và in văn bản	4/0/4.5						
	Bài 4. Chương trình Microsoft Excel	**21/0/12**		CLO3 CLO4		1. Thuyết trình ngắn 2. TH theo hướng dẫn		
Buổi 7 (4 tiết)	- Làm việc với dữ liệu trong excel - Định dạng - Tìm và thay thế dữ liệu - Sắp xếp và lọc dữ liệu	4/0/2	- Thực hiện thao tác, xử lý dữ liệu trên bảng tính . - Sử dụng, tính toán được một số hàm quan trọng trong Excel để xử lý các bài toán trong y dược. - Quản trị được các dữ liệu.				1. Tự học: như mục 6.2.3 phần thực hành; 2. Nghe, trả lời 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả	Điểm kiểm tra thường xuyên
Buổi 8 (4 tiết) Buổi 9 (4 tiết) Buổi 10 (4 tiết)	- Giới thiệu công thức và hàm Hàm ngày tháng Hàm ký tự. Hàm toán học Hàm Logic Hàm thống kê Hàm Tìm kiếm và Tham	12/0/8						

	chiếu							
Buổi 11 (4 tiết)	Khai thác cõ sở dữ liệu	5/0/2						
Buổi 12 (5 tiết)	Thi TH trên máy tính	**0/4/0**		CLO1 CLO2 CLO3				Điểm thi TH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần đi học	Đi học <9 buổi.	Đi học <10 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <10buổi, không đi muộn	Đi học <11 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Chuẩn bị bài tập TH	Làm <5 bài tập (0 - 3.9)	Làm <8 bài tập (4 – 5.4)	Làm <11 bài tập (5.5 – 6.9)	Làm <14 bài tập (7 – 8.4)	Làm <17 bài tập (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Chuyên cần	Thường xuyên	100%	Không	CLO4	Kế hoạch của BM

Điểm thi kết thúc học phần	90%	Thi TH trên máy tính	01 bài	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Kế hoạch của BM

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm học phần là điểm thi thực hành trực tiếp tại phòng thực tập Tin học.
- Điểm học phần = Điểm chuyên cần * 0.1 + Điểm thực hành * 0.9

Điểm kết thúc học phần phải tối thiểu đạt 4/10

- Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học, *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Y – dược học cổ truyền VN.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Máy tính căn bản*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[2]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến
- ✓ Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN NHÀ NƯỚC PHÁP LUẬT Y HỌC CỔ TRUYỀN
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Nhà nước và Pháp luật
* Tiếng Anh: Law State
- Mã học phần/ mô đun: SOC 4002
- Số tín chỉ: 1,0 LT/TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 50 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 5 tiết
  + Thời gian tự học: 30 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn YTCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914.681.139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Cung cấp những kiến thức căn bản nhất về Nhà nước và Pháp luật, giới thiệu 1 số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Lao động, hành chính, pháp luật phòng chống tham nhũng.
MT HP2	Vận dụng được các quy định của pháp luật về lĩnh vực sức khỏe hiện hành để giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực hành nghề y.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1		2				
MT HP2		2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu các nội dung chính yếu trong các văn bản pháp luật hiện hành, đặc biệt trong lĩnh vực sức khỏe ở Việt Nam để vận dụng vào thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và hành nghề y.
CLO2	Tuân thủ các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO1		2															2
CLO2		2															2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết:

-Sinh viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên, chủ động chuẩn bị bài thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên, tài liệu học tập và các nguồn khác (nếu được yêu cầu), phân công cá nhân và tổ thực hiện bài thuyết trình. Đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn khác để có bài học cá nhân.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; tham dự 100% buổi kiểm tra đầy đủ

- Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nhà nước và Pháp luật là học phần lý thuyết trong khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 01 TC. Học phần Nhà nước và pháp luật gồm các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước CHXHCN VN, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam. Một số các chế định cơ bản của pháp luật Việt Nam, qua đó giúp sinh viên tuân thủ các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1	Chương I. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	04/0	1.Hiểu được các khái niệm cơ bản về nguồn gốc ra đời của nhà nước	CLO1	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	

Buổi 2	Chương II Một số vấn đề cơ bản về Pháp luật	04/0	1.Hiểu được các khái niệm cơ bản về nguồn gốc ra đời của pháp luật	CLO01	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	
Buổi 3	Chương III. Luật Hiến pháp -Luật Hành chính - Luật Cán bộ, công chức - Luật Viên chức. Pháp luật về Phòng chống tham nhũng	04/0	1.Hiểu và nắm được bộ máy nhà nước CHXHCNVN. 2. Vận dụng được các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính	CLO01, CLO02	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	
Buổi 4	Luật Hình sự - Luật Dân sự- Luật Lao động	03/0	1.Hiểu và nắm được quy định của pháp luật trong hành nghề y dược 2. Vận dụng được các quy định của pháp luật trong hành nghề y dược	CLO01,	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	
Thi kết thúc học phần		0/2/0		CLO1		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <1.5 buổi.	Đi học <3 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <3 buổi, không đi muộn	Đi học <4 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 4 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Lý thuyết	Điểm thường	50%	Rubric 1	CLO1	Trung bình

thường xuyên			xuyên				Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50 (Dễ 50%; Trung bình: 30%; Khó 20%)

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	50 %	25	13	4	4	4
CLO2	50 %	25	12	4	4	5
Tổng	100%	50	25	8	8	9

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết thi phần lý thuyết

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2020). *Giáo trình Pháp luật đại cương dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật*, Nxb Đại học Sư phạm

2. Giáo trình Nhà nước và pháp luật, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (2020), lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1]. Luật Hiến pháp (2013), Luật hình sự (2015); Luật Dân sự; Luật Lao động; Luật Hành chính; Luật Phòng chống tham nhũng (2018); trong trang website https://thuvienphapluat.vn/)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Giáo Dục Thể Chất 1

* Tiếng Anh: Physical education 1

- Mã học phần: GDTC 1001
- Số tín chỉ: 2TC (1LT/1TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 8 tiết
  + Thời gian tự học: 47 tiết
- Đối tượng học : Sinh viên đại học YCT năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương [X]		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [ ]						
		Kiến thức cơ sở khối ngành [ ]		Kiến thức cơ sở ngành [ ]		Kiến thức ngành [ ]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp [ ]
Bắt buộc [X]	Tự chọn [ ]	Bắt buộc [ ]	Tự chọn [ ]	Bắt buộc [ ]	Tự chọn [ ]	Bắt buộc [ ]	Tự chọn [ ]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn GDTC – GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hương Giang	0967968268	huonggiang7467@gmail.com
2	TS. Trương Hữu Hoà	0928396786	hoagdtc.qp@gmail.com
3	Th.S. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com
4	Th.S. Nguyễn Việt Hà	0973764313	Hitendra1387@gmail.com
5	Th.S. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	Nguyenhung.vatm@gmail.com
6	Th.S. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
7	Th.S. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com
8	Th.S. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
9	TS. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu MT	Nội dung MT HP
MT HP1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về GDTC trong trường học; giúp sinh viên nắm vững được các động tác, đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kĩ thuật để phòng tránh chấn thương trong tập luyện.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	1		

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về GDTC trong trường học, thể dục nhịp điệu (nữ) và Taekwondo (nam).
CLO2	- SV trình bày được những kiến thức cơ bản về GDTC dưới dạng bài thu hoạch (HP LT). - Giúp sinh viên nắm vững được các động tác: Kỹ thuật cơ bản trong Taekwondo (nam) bao gồm các đòn chân, đòn tay và bài quyền; Thực hiện được kỹ thuật động tác của bài TDNĐ (Nữ) trên nền nhạc tự chọn.
CLO3	Đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kĩ thuật để phòng tránh chấn thương trong tập luyện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2												1			
CLO 2		2												1			
CLO 3		2												1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.3. Thực hành: Sân bãi, Dụng cụ.

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Loa , Đài, Còi , Mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), để phục vụ quá trình học, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Dự lớp học thực hành: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/thực hành/thảo luận: Sinh viên ôn tập bài tập được giao tại nhà và thực hiện các hướng dẫn của giảng viên trước khi lên lớp.
- Tự học: Tự học bài cũ, luyện tập bài cũ ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Không nghỉ quá 20% số giờ lên lớp ; Nếu nghỉ không có lý do hoặc nghỉ trên 20% số giờ lên lớp sẽ không được tham gia dự thi. Sinh viên không được vắng mặt các buổi thực hành.
- Phải tham dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Giáo dục thể chất trang bị kiến thức giáo dục thể chất cơ bản, thể dục nhịp điệu và Taekwondo cho người học. Nữ học Thể dục nhịp điệu giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh, nâng cao trí lực, làm việc hiệu quả bằng bài TDNĐ 12 động tác. Nam học Taekwondo về luật thi đấu, các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật đối luyện, bài quyền số 2 giúp cơ thể tăng sức bền, mạnh mẽ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Buổi (4 tiết/buổi)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	**BÀI 1: GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG TRƯỜNG HỌC** 1. Giới thiệu môn học Một số khái niệm 2. GDTC trong trường học 3. Nhiệm vụ và yêu cầu học tập môn GDTC trong trường học 4. Các hình thức GDTC 5. Những điểm cần chú ý khi tập luyện TDTT	4/0/4	- Hiểu và trình bày được các khái niệm, nhiệm vụ và các hình thức GDTC trong trường học.	*CLO1, CLO2*	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời	Đánh giá thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	**BÀI 2: LỢI ÍCH, TÁC DỤNG CỦA TDTT VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI** 1. Khái niệm và vị trí của sức khỏe 2. Lợi ích và tác dụng của tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người.	4/0/4	- Hiểu và trình bày được khái niệm và vị trí của sức khỏe, lợi ích của việc tập luyện đối với sức khỏe con người. với thái độ đúng đắn, kiên trì và trách nhiệm.	*CLO1, CLO2*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết)	**BÀI 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP GDTC**	4/0/5	- Hiểu và trình bày được các phương pháp luyện tập	*CLO1, CLO2*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,	Đánh giá

	1.Khái niệm phương pháp giáo dục thể chất 2. Phương pháp giáo dục thể chất		đa đạng phù hợp với bản thân một cách khoa học, đa phương pháp và tích cực.		2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	2. Suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	thường xuyên
Buổi 4 (3 tiết)	**Bài 4: CÁC NGUYÊN TẮC VỀ PHƯƠNG PHÁP GDTC** 1. Nguyên tắc tự giác tích cực 2. Nguyên tắc trực quan 3. Nguyên tắc thích hợp, cá biệt hóa 4. Nguyên tắc hệ thống 5. Nguyên tắc tăng dần các yêu cầu (nguyên tắc tăng tiến*)*	3/0/4	- Hiểu và trình bày được các nguyên tắc về phương pháp GDTC, thái độ trong việc luyện tập nâng cao sức khỏe phát triển bản thân.	*CLO1, CLO2*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Đánh giá thường xuyên
	Thi Kết thúc học phần	4 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra (BÀI TẬP DANH CHO SINH VIÊN NỮ)

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Buổi 1 (4 tiết)	- Giới thiệu chung về môn TDNĐ - Học khởi động chuyên môn - Học động tác 1-3 của bài TDNĐ	4/0/4	- Thực hiện được các động tác của khởi động chuyên môn. - Thực hiện được động tác 1-3 của bài TDNĐ. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn 3 động tác đã học của bài TDNĐ - Học mới từ động tác 4- 6 của bài TDNĐ - Luyện tập từ động tác 1-6	4/0/4	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác TDNĐ đã học và mới học theo yêu cầu của GV. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn 6 động tác đã học của bài TDNĐ - Học mới từ động tác 7- 9 của bài TDNĐ - Luyện tập từ động tác 1-9	4/0/4	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác TDNĐ đã học và mới học theo yêu cầu của GV. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 4 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn động tác 1- 9 của bài TDNĐ - Luyện tập với nhạc - Học động tác 10- 12 của bài TDNĐ	4/0/4	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác TDNĐ đã học và mới học theo yêu cầu của GV. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn tập - Tập với nhạc	4/0/4	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác TDNĐ đã học theo yêu cầu của GV.	CLO1, CLO2,	Loa , Đài, Còi ,	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện	Đánh giá thường xuyên

			- Khớp nhạc - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO3	Mic	3. Quan sát, sửa sai.	cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm.	
Buổi 6 (4 tiết)	- Bước đầu hoàn thiện bài TDNĐ - Tập với nhạc	4/0/4	- Thực hiện được kỹ thuật bài tập đã học. - Khớp nhạc. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 7 (4 tiết)	- Tập với nhạc - Hoàn thiện nâng cao bài TDNĐ	4/0/4	- Thực hiện được kỹ thuật bài tập đã học trên nền nhạc. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 8 (2 tiết)	- Tập với nhạc - Hoàn thiện nâng cao bài TDNĐ chuẩn bị thi kết thúc môn. - Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc môn.	2/0/2	- Thực hiện được kỹ thuật bài tập trên nền nhạc. - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm.	Đánh giá thường xuyên
9	Thi kết thúc thực hành	4 tiết						KTTH

8.2.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra.(BÀI TẬP DANH CHO SINH VIÊN NAM)

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	1. Khái quát môn võ: 2. Tập 1 số khẩu thủ lệnh cơ bản. 3. Cách nắm đấm, cách đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng. 4. Học các bước tấn cơ bản: tấn ngắn, tấn dài và trung bình tấn.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn lại các bước tấn đã học. 3. Đứng trung bình tấn đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng 4. Học kĩ thuật đá tống trước.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn lại các bước tấn đã học. 3. Đứng trung bình tấn đấm: trung đẳng, hạ đẳng, thượng đẳng. 4. Ôn kĩ thuật đá tống trước.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát,	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp.	Đánh giá thường xuyên

	5. Học các kĩ thuật tay cơ bản: gạt hạ đẳng, đỡ trung đẳng, đỡ thượng đẳng.		thương trong tập luyện.			sửa sai.	3. Tập luyện chia nhóm	
Buổi 4 (4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn các kĩ thuật tay cơ bản. 3. Ôn kĩ thuật đá tống trước. 4. Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn ngắn. 5. Kết hợp các kĩ thuật tay với tấn dài.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn các kĩ thuật tay với tấn ngắn. 3. Ôn kĩ thuật tay với tấn dài. 4. Học kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. 5. Tập hướng đi của bài quyền số 2 (Taekwondo). 6. Học bài quyền số 2 (taekwondo) 18 động tác, từ động tác số 1- 6.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 6 (4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn kĩ thuật đối luyện: chống dao và bắt chân đánh ngã. 3. Ôn hướng đi của bài quyền số 2 (taekwondo). 4. Ôn bài quyền số 2 từ động tác 1- 6. 5. Học tiếp bài quyền số 2 từ động tác 7- 18.	4/0/4	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO1, CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi , Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 7		4/0/4	- Nhớ và thực hiện được	CLO2,	Loa ,	1. Thuyết	1. Nghe,	Đánh giá

(4 tiết)	1. Kiểm tra bài cũ 2. Ôn tập kỹ thuật đối luyện 3. Hoàn thiện bài quyền		những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO3	Đài, Còi, Mic	giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	thường xuyên
Buổi 8 (2 tiết)	Tổng ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	2/0/2	- Nhớ và thực hiện được những kiến thức về các kỹ thuật động tác trong môn Taekwondo - Biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện.	CLO2, CLO3	Loa , Đài, Còi, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
9	Thi kết thúc HP thực hành	4 tiết	-					KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

9.2. Rubric: Không

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**CĐR của học phần/mô đun (CLO)**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	50%	Bài thi kết thúc lý thuyết	01 bài viết thu hoạch	100%	Không	CLO1, CLO2	Bài Kế hoạch của BM
Điểm thi kết thúc học phần thực hành	50%	Thi thực hành trên sân	SV thực hiện bài TDNĐ trên nền nhạc tự chọn (Nữ). Bài Taekwondo (Nam)	100%	Không	CLO1, CLO2, CLO3	Bài Kế hoạch của BM

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Đối với lý thuyết: Thi viết
- Đối với môn thực hành: Thi trực tiếp trên sân

* Điểm GDTC1= (Điểm thi LT + Điểm thi TH)/2

- Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 5, SV trượt ở nội dung nào thì học lại nội dung đấy.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Lý luận và phương pháp TDTT

[2] Nguyễn Văn Chung (1999), *Giáo trình Taekwondo*, NXB Thể Dục Thể Thao, Hà Nội.

[3] Giáo trình Thể dục (tập 1)- NXB TDTT.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Mạng Internet...

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202….

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Giáo Dục Thể Chất 2
* Tiếng Anh: Physical education 2
- Mã học phần: GDTC1002
- Số tín chỉ: 1TC (0 LT/1TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 50 tiết
+ Lý thuyết: 0 tiết
+ Thực hành: 30 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá: 04 tiết
+ Thời gian tự học: 16 tiết
- Đối tượng học: Sinh viên đại học YCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương [X]		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □ QUOTE	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết: Không
+ Học phần học trước: GDTC1
+ Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn GDTC- GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trương Hữu Hoà	0928396786	hoagdtc.qp@gmail.com
2	Th.S. Nguyễn Việt Hà	0973764313	Hitendra1387@gmail.com
3	Th.S. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	Nguyenhung.vatm@gmail.com
4	Th.S. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
5	TS. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MTHP2	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về thể dục dưỡng sinh cổ truyền và

	nắm vững các động tác, cách hít thở khi tập luyện. Đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật về thể dục dưỡng sinh cổ truyền, thực hành Ngũ Gia Quyền để phòng tránh chấn thương.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MTHP2		1	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về thể dục dưỡng sinh cổ truyền để thực hiện các kỹ thuật động tác của bài Ngũ Gia Quyền.
CLO2	Đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật bài Ngũ Gia Quyền để phòng tránh chấn thương.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2												1			
CLO2		2												1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Không áp dụng lý thuyết với Học phần này

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Loa đài, còi, mic, sân tập

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp học thực hành: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Tự học bài cũ và rèn luyện ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Không nghỉ quá 20% số giờ lên lớp; Nếu nghỉ không có lý do chính đáng hoặc nghỉ trên 20% số giờ lên lớp sẽ không được tham gia dự thi.
- Phải tham dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần:

Giáo dục thể chất 2 cung cấp cho người học hiểu biết và thực hành thể dục dưỡng sinh tổng hợp cổ truyền: Thể dục cơ khớp, thể dục nội tạng và thể dục thần kinh. Nó dựa trên hệ thống các bài tập của các môn phái võ thuật, khí công, các phương pháp dưỡng sinh, phục hồi chức năng, xoa bóp bấm huyệt cổ truyền, được tổng hợp, chọn lọc, tinh giản phù hợp với thể trạng và tâm sinh lý của mọi đối tượng quần chúng. Nó giúp người học rèn luyện sức khỏe tốt phục vụ cho học tập, công tác, phổ biến đến cộng đồng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

(Không áp dụng lý thuyết với học phần này)

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	- Giới thiệu chung về môn NGQ - Học khởi động chuyên môn - Học động tác 1-3 của bài NGQ	4/0/2	- Nhớ được những kiến thức cơ bản về TD dưỡng sinh và bài quyền. - Thực hiện được các động tác khởi động chuyên môn, kỹ thuật động tác 1-3 của bài Ngũ Gia Quyền với ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài, mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn 3 động tác đã học của bài NGQ - Học mới từ động tác 4-8 của bài NGQ - Luyện tập từ động tác 1-8	4/0/2	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác đã học cũ và mới của bài Ngũ Gia Quyền với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài, mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn 8 động tác đã học của bài NGQ - Học mới từ động tác 8-13 của bài TDNĐ - Luyện tập từ động tác	4/0/2	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác đã học cũ và mới của bài Ngũ Gia Quyền với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài, mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên

	1-13							
Buổi 4 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn động tác 1- 13 của bài NGQ - Học mới từ động tác từ 14 – 18 bài NGQ.	4/0/2	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác đã học cũ và mới của bài Ngũ Gia Quyền với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài , mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	- Kiểm tra bài cũ - Ôn động tác 1- 18 của bài NGQ. - Tập đi bốn cửa bài quyền	4/0/2	- Thực hiện được các kỹ thuật động tác đã học cũ và mới của bài Ngũ Gia Quyền với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài , mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 6 (4 tiết)	- Hoàn thiện đi bốn cửa bài quyền - Hướng dẫn cách thức thi kết thúc học phần.	4/0/2	- Thực hiện được bài Ngũ Gia Quyền đi 4 cửa với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài , mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 7 (4 tiết)	- Ôn tập	4/0/2	- Thực hiện được bài Ngũ Gia Quyền đi 4 cửa với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài , mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên

Buổi 8 (2 tiết)	-Tổng ôn chuẩn bị thi kết thúc môn. -Thi thử	2/0/2	- Thực hiện được bài Ngũ Gia Quyền đi 4 cửa với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương	*CLO1, CLO2*	Loa, đài , mic, còi	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	4 tiết						KTHP

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric: Không

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Đánh giá thường xuyên	10%	Kiểm tra thực hành	Thường xuyên	100%	Không	CLO2	SV đi học đúng giờ, đủ 100% số buổi, trang phục đúng quy định
Đánh giá cuối kỳ	90%	Thi thực hành trên sân	Thi bài NGQ 4 cửa	100%	Không	CLO1, CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm đánh giá thường xuyên x 10% + Điểm đánh giá cuối kỳ x 90%

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 5

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC): Thể dục dưỡng sinh tổng hợp cổ truyền

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK): Video trên mạng internet,...

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ SV thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, thi, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202…….

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Giáo Dục Thể Chất 3
* Tiếng Anh: Physical education 3

- Mã học phần: GDTC 2003
- Số tín chỉ: 1TC (0 LT/1TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 50 tiết
  + Lý thuyết: 0 tiết
  + Học tập: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 4 tiết
  + Thời gian tự học: 16 tiết
  + Hoạt động nhóm: Không
- Đối tượng học: Sinh viên đại học YCT năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương [X]		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □ QUOTE	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước(đã học): GDTC1, GDTC2
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn GDTC- GDQP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hương Giang	0967968268	huonggiang7467@gmail.com
2	TS. Trương Hữu Hoà	0928396786	hoagdtc.qp@gmail.com
3	Th.S. Trần Thị Tú Quyên	0977958252	trantuquyengdtc@gmail.com
4	Th.S. Nguyễn Việt Hà	0973764313	Hitendra1387@gmail.com
5	Th.S. Nguyễn Quang Hưng	0974288588	Nguyenhung.vatm@gmail.com
6	Th.S. Đào Đình Hải	0983740359	daohaigdtc@gmail.com
7	Th.S. Nguyễn Thị Thu Trang	0978897299	tranganh19871984@gmail.com
8	Th.S. Lê Thị Vân Trang	0983562557	minhchinhgiapngo@gmail.com
9	TS. Đặng Danh Nam	0946656788	danhnamdang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về Thái cực quyền 24 thức và nắm vững các động tác, cách hít thở khi tập luyện. Đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật về Thái cực quyền 24 thức để phòng tránh chấn thương.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT		2	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về Thái cực quyền 24 thức và nắm vững các động tác, cách hít thở khi tập luyện.
CLO2	Đảm bảo sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật về Thái cực quyền 24 thức để phòng tránh chấn thương.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2												1			
CLO2		2												1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Khoogn áp dụng lý thuyết đối với học phần này

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Loa đài, còi, mic, sân tập

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp học thực hành: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Tự học bài cũ và rèn luyện ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Không nghỉ quá 20% số giờ lên lớp; Nếu nghỉ không có lý do chính đáng hoặc nghỉ trên 20% số giờ lên lớp sẽ không được tham gia dự thi.
- Phải tham dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần:

GDTC 3 là học phần về Thái cực quyền. Nó trang bị cho người học về kiến thức và nội dung tập luyện thái cực quyền qua dưỡng sinh và tự vệ. Các động tác của bài quyền uyển chuyển và mềm mại, trong nhu có cương, dung hợp với học thuyết kinh mạch âm dương, tâm thể hài hòa. Từ đó, người học có thể vận dụng rèn luyện sức khỏe để gìn giữ sức khỏe đảm bảo cho sự sống và phát triển nghề nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không áp dụng lý thuyết đối với học phần này

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	- Giới thiệu môn học. - Học bài khởi động chuyên môn. - Học từ thức 1 – 3	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về TCQ. - Thực hiện được các yếu lĩnh kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 2 (4 tiết)	+ Ôn từ thức 1 – 3 + Học từ thức 4 – 6	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về TCQ. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 3 (4 tiết)	+ Ôn từ thức 1 – 6 + Học từ thức 7-9 + Luyện tập với nhạc	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về TCQ. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 4	+ Ôn từ thức 1 – 9	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về	*CLO1,*	Còi,	1. Thuyết giảng	1. Nghe, quan	Đánh giá

(4 tiết)	+ Học từ thức 10-14 + Luyện tập với nhạc		TCQ. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO2*	Đài loa, Mic	(hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	thường xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	+ Luyện tập 1-14 + Học từ thức 15-19 + Luyện tập với nhạc	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về TCQ. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 6 (4 tiết)	+ Ôn từ thức 1-19 + Học từ thức 20-24 + Luyện tập với nhạc	4/0/2	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về TCQ. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác của bài TCQ 24 thức với ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
Buổi 7 (4 tiết)	+ Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần.	4/0/2	- Thực hiện bài TCQ phối hợp với nhạc. - Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên

Buổi 8 (2 tiết)	+ Tổng ôn chuẩn bị thi kết thúc học phần. + Thi thử.	2/0/2	- Thực hiện bài TCQ phối hợp với nhạc. - Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể. - Biết cách phòng tránh chấn thương.	*CLO1, CLO2*	Còi, Đài loa, Mic	1. Thuyết giảng (hướng dẫn) 2. Làm mẫu. 3. Quan sát, sửa sai.	1. Nghe, quan sát, làm theo 2. Tập luyện cả lớp. 3. Tập luyện chia nhóm	Đánh giá thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	4 tiết						KTHP

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên: SV đi học đúng giờ, đủ 100% số buổi, trang phục đúng quy định

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành.

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**CĐR của học phần/mô đun (CLO)**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Đánh giá thường xuyên	10%	Kiểm tra thực hành	Thường xuyên	100%	Không	CLO2	SV đi học đúng giờ, đủ 100% số buổi, trang phục đúng quy định
Đánh giá cuối kỳ	90%	Thi thực hành trên sân	Thi bài TCQ 24 thức trên nền nhạc	100%	Không	CLO1, CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm đánh giá thường xuyên x 10%+ Điểm đánh giá cuối kỳ x 90%

Điểm đánh giá kết thúc học phần: Đạt ≥ 5

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC):

- Giáo trình Thái cực quyền học viện YDHCT Việt Nam
- Thái cực quyền dưỡng sinh- NXB Phương Đông
- Thái cực quyền dưỡng sinh (24 thức)- NXB trẻ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK): Video trên Internet...

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ SV thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, thi, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202…..

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH 1

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh 1

* Tiếng Anh: General English

- Mã học phần: ENGL1001
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 43 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 02 tiết
  + Thời gian tự học: 105 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không có
  + Học phần học trước (đã học): Không có
  + Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp trong thực hành tiếng Anh nói chung; sử dụng được kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.
MT HP2 Kỹ năng	Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để đáp ứng việc nghe hiểu, hội thoại về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, diễn đạt ý kiến rõ ràng, viết đoạn văn ngắn có cấu trúc cơ bản; đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc theo cặp và làm việc nhóm trong môi trường học tập bằng tiếng Anh.
MT HP3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo và hợp tác trong quá trình học tập và sử dụng tiếng Anh, đồng thời phát triển khả năng tự học, thích nghi và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế, học tập và công việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2	2					
MT3	2				1	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Đọc hiểu các văn bản ngắn với nội dung rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong đời sống như gia đình, bạn bè, công việc, sức khỏe, môi trường, du lịch, thực phẩm và giải trí, ...; đồng thời viết đoạn văn có cấu trúc logic, sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để diễn đạt ý tưởng một cách mạch lạc và chính xác.
CLO2	Có đủ vốn từ vựng và khả năng sử dụng các câu đơn giản để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống quen thuộc, bao gồm trao đổi thông tin về gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, sức khỏe, chỉ đường, các hình thức giải trí, thể thao, du lịch, ... và các hoạt động thường ngày, đồng thời diễn đạt ý kiến một cách rõ ràng và phù hợp với ngữ cảnh.
CLO3	Thể hiện tinh thần tự giác, chủ động trong học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, sẵn sàng hợp tác trong giao tiếp và làm việc nhóm bằng tiếng Anh, phát triển tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	2.1.1	2.1.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.14	2.3.15	2.3.16	2.3.17
CLO 1		2											3				
CLO 2		2											3				
CLO 3													3	1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài tập được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

Tên bài học	**Nội dung tự học và nhiệm vụ cụ thể**
Lessons 1A-1D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Câu hỏi với to be, trợ động từ, How & What ✓ Từ vựng về điện thoại, gia đình & bạn bè Cụm động từ và collocations liên quan đến tình bạn Bài viết: Viết một tin nhắn cá nhân trên website Thực hành nói: Giới thiệu bản thân và gia đình trong 1–2 phút • Chuẩn bị nội dung Lessons 2A-2D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 2A-2D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Thì Quá khứ đơn, Quá khứ tiếp diễn, Used to ✓ Từ vựng về giáo dục, cơ sở vật chất trường học Bài viết: Mô tả thành phố hoặc thị trấn của bạn Thực hành nói: Kể về một trải nghiệm đáng nhớ thời học sinh • Chuẩn bị nội dung Lessons 3A-3D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.

Lessons 3A-3D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Danh từ đếm được & không đếm được (some, any, no), từ chỉ số lượng ✓ Từ vựng về nhà cửa, chỉ đường, thị trấn Bài viết: Viết email cho một người bạn Thực hành nói: Miêu tả ngôi nhà hoặc khu vực bạn sống • Chuẩn bị nội dung Lessons 4A-4D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 4A-4D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Thì Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất ✓ Động từ trạng thái, giới từ thời gian Bài viết: Viết email sắp xếp một chuyến đi Thực hành nói: Kể lại một câu chuyện cá nhân • Chuẩn bị nội dung Lessons 5A-5D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 5A-5D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Tương lai đơn (will), tương lai gần ✓ Đặt câu hỏi & yêu cầu, từ ghép về du lịch Bài viết: Viết bài đánh giá về một nhà hàng Thực hành nói: Mô tả kế hoạch du lịch tương lai • Chuẩn bị nội dung Lessons 6A-6D • Ôn tập nội dung kiến thức thuộc Lessons 1A-5D; Chuẩn bị nội dung ôn tập theo đề cương ôn tập để kiểm tra điều kiện. *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 6A-6D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ So sánh hơn, so sánh nhất ✓ Từ vựng về đồ ăn, nhà hàng Bài viết: Viết đơn xin việc Thực hành nói: So sánh hai món ăn yêu thích

	• Chuẩn bị nội dung Lessons 7A-7D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 7A-7D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Hiện tại hoàn thành (already, yet) ✓ Cụm từ liên quan đến công việc Bài viết: Viết ghi chú hướng dẫn Thực hành nói: Nói về một sự kiện lịch sử ảnh hưởng đến xã hội • Chuẩn bị nội dung Lessons 8A-8D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 8A-8D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Cách dùng may, might, will ✓ Dự đoán, chỉ dẫn, từ ghép với số Bài viết: Viết bài đánh giá phim Thực hành nói: Dự đoán tương lai của ngành công nghệ • Chuẩn bị nội dung Lessons 9A-9D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 9A-9D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Câu bị động, động từ -ing & -ed ✓ Từ vựng về rạp phim, chương trình TV Bài viết: Viết câu chuyện ngắn Thực hành nói: Mô tả một bộ phim yêu thích • Chuẩn bị nội dung Lessons 10A-10D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 10A-10D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Hiện tại hoàn thành với for, since ✓ Từ vựng về sức khỏe, thể thao

	Bài viết: Viết mô tả một đồ vật yêu thích Thực hành nói: Kể về một thói quen lành mạnh • Chuẩn bị nội dung Lessons 11A-11D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 11A-11D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: Động từ nguyên mẫu, động từ khuyết thiếu (quá khứ) Từ vựng về quần áo, thời trang Bài viết: Viết bài luận ý kiến cá nhân Thực hành nói: Tranh luận về chủ đề *Tối giản hay xa xỉ?* • Chuẩn bị nội dung Lessons 12A-12D *Lưu ý chung:* ✓ Hoàn thành bài đọc & ghi chú từ vựng trước buổi học. ✓ Viết nháp bài tập viết và chỉnh sửa trước khi nộp. ✓ Ghi âm & tự đánh giá phần thực hành nói.
Lessons 12A-12D	• Ôn tập bài học: Từ vựng & ngữ pháp: ✓ Giới từ chỉ chuyển động, mệnh đề quan hệ, động từ cụm ✓ Chủ đề lễ hội, ngôn ngữ & văn hóa Bài viết: Viết bài luận về một vấn đề toàn cầu Thực hành nói: Giới thiệu một lễ hội truyền thống • Ôn tập toàn bộ nội dung chương trình học trong giáo trình, làm bài tập theo đề cương ôn tập của Bộ môn.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần

Học phần **Tiếng Anh 1** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Bài học Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/ KT/TH)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Giới thiệu học phần và các tài liệu tham khảo cho sinh viên. **Lesson 1A: Family life** 1. Grammar: Questions with to be 2. Vocabulary: Family and friends 3. Reading & Listening: Mother Love; A description of a typical English family 4. Speaking: Talk about your family & friends; Describing a typical family in your country	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống về bạn bè và gia đình.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 2, giáo trình chính.	Không
	Lesson 1B: Where are they now? 1. Grammar: Questions with auxiliary verbs 2. Vocabulary: Verb collocations (friendship) 3. Pronunciation: contractions 1 4. Reading & Listening: A dialogue about an old photo 5. Speaking: Discussing		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt trong vấn đề tình bạn.	CLO1 CLO2 CLO3			

	friendship 6. Communication activity: Facebook 7. Writing: A personal message for a website						
	Lesson 1C: Neighbours 1. Grammar: How & What questions 2. Pronunciation: The Alphabet 3. Reading & Listening: Who would you like as a neighbor? 4. Speaking: Talking about your neighbours; Ranking famous people as good/bad neighbours		Vận dụng ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt các chủ đề liên quan đến những người hàng xóm.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 1D: Making contact 1. Functional language: Phone numbers; phone messages 2. R&L: Newspaper advertisements; Four phone messages 3. Speaking: Talking about different ways of making contacts; Role play: phone messages		Vận dụng được các cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để trình bày các các vấn đề về hình thức liên lạc qua điện thoại.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 2A: School days 1. Grammar: Past simple 2. Vocabulary: Adjectives with	3/0/10	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi	Đánh giá thường xuyên

	preposition 3. Pronunciation: Regular past simple verbs 4. R&L: Three people talk about their school days 5. Speaking: Talking about your school days		tiếng Anh để diễn đạt về chủ đề thời học sinh.		+ Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 3, giáo trình chính.	
	Lesson 2B: Irish school 1. Grammar: Used to 2. Vocabulary: Education 3. Pronunciation: Irregular past simple verbs 4. R&L: Schools in Europe: The republic of Ireland 5. Speaking: Taking about schools in your town; Comparing schools now & in the past		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để trình bày về chủ đề giáo dục, trường học ở quá khứ và hiện tại.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 2C: Red faces 1. Grammar: Past continuous 2. R&L: Web page: an internet discussion group 3. Speaking: Discussing embarrassing situation; Discussing ways parents & children can embarrass each other		Vận dụng được ngữ pháp, cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để thảo luận về những tình huống và hành vi khiến con người bối rối.	CLO1 CLO2 CLO3			

	4. Writing: A story 1						
	Lesson 2D: Which school? 1. Vocabulary: School facilities 2. Functional Language: Asking for information 3. R&L: Asking for information in a language school. 4. Speaking: Choosing a language school; Role play: asking for information; Did you know?		Vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt trong tình huống lựa chọn trường học.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 3A: Flatmate 1. Grammar: Countable & uncountable nouns with some, any & no 2. Vocabulary: House & Home 3. Pronunciation: /h/ 4. R&L: A dialogue between two friends about where they live 5. Writing: A description of your town	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về chủ đề nhà ở và nơi ở.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 4, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 3B: Migrants 1. Grammar: Some, many & most 2. R&L: Scotland: the people 3. Speaking: Discussing immigration; Did you know		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để thảo luận về chủ đề con người và vấn đề nhập cư.	CLO1 CLO2 CLO3			

	Lesson 3C: Hometown 1. Grammar: Quantifiers 2. Vocabulary: Towns 3. R&L: Web page 4. Speaking: Describing & comparing towns		Vận dụng được các từ vựng về thành phố, kết hợp với các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để miêu tả thành phố.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 3D: Lost! 1. Vocabulary: Places in a town 2. Functional Language: Directions 3. Pronunciation: To 4. R&L: Asking for directions in Newcastle 5. Speaking: Comparing Newcastle to towns in your country; Roleplay		Vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và các cấu trúc trong chỉ dẫn tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt các tình huống về chỉ đường.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 4A: Relationships 1. Grammar: Present simple, frequency adverbs & phrases 2. Pronunciation: final -s 3. R&L: A relationship tyle quiz 4. Speaking: Discussing relationship styles; Discussing quotes about love	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt trong các mối quan hệ tình bạn, tình yêu.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 5, giáo	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 4B: Wedding bells 1. Grammar: Present continuous, stative verbs		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ	CLO1 CLO2 CLO3			

	2. Vocabulary: Weddings 3. R&L: If you ask me… 4. Speaking: Describing a wedding; Did you know?		tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về chủ đề đám cưới.			trình chính.	
	Lesson 4C: At the movies 1. Vocabulary: Relationship verbs 2. Functional Language: Telling stories 3. Pronunciation: /i/ & /i:/ 4. R&L: A description of a film (The holiday) 5. Speaking: Inventing a film dialogue; Communication activity: retelling film stories		Vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ, từ vựng tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về chủ đề phim ảnh.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 4D: Going out 1. Grammar: Prepositions of time Functional Language: Invitations & suggestions 2. R&L: Two phone calls: arranging to go out 3. Writing: An email to a friend		Vận dụng được các từ vựng, kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt trong tình huống sắp xếp một cuộc hẹn với bạn bè.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 5A: Tourist trail 1. Grammar: Future 1 (Future plan) 2. Vocabulary: Compound nouns 3. R&L: The ruins of Machu	4/0/9	Vận dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để nói về các vấn đề	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập	Đánh giá thường xuyên

	Picchu 4. Speaking: Talking about tourism in your country; Planning improvement in your country for tourists		phát triển du lịch ở nơi mình sinh sống.		+ Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 6, giáo trình chính.	
	Lesson 5B: A weekend break 1. Grammar: Future 2 (will) 2. Vocabulary: Hotels 3. R&L: A radio programme about the worst hotel in Britain. 4. Speaking: Describing the best/worst hotel you have stayed in		Vận dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về chủ đề khách sạn.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 5C: Holiday heaven 1. Vocabulary: Verb patterns 2. Pronunciation: Silent letters 3. R&L: Web page 4. Speaking: Planning a trip for visitors around your country 5. Writing: An email to arrange a trip		Vận dụng từ vựng, các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để sắp xếp một chuyến đi.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 5D: Planes 1. Vocabulary: Air travel 2. Functional Language: Requests 3. Pronunciation: Intonation 4. R&L: Three dialogues at the airport		Vận dụng từ vựng, cấu trúc diễn đạt và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống tại sân	CLO1 CLO2 CLO3			

	5. Speaking: Describing a journey; Roleplay		bay và hành trình.				
	Lesson 6A: Junk food 1. Grammar: Modifiers 2. Vocabulary: Food 3. R&L: Eating the Elvis Presley way 4. Speaking: Planning a 'theme" restaurant	3/1/9	Vận dụng ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống chủ đề nhà hàng.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 7, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 6B: Slow food 1. Grammar: Comparatives 2. Vocabulary: Adjectives 3. Pronunciation: Word stress 1 4. R&L: Quiz: Are you a foodie?; An interview about "slow food". 5. Speaking: Discussing quiz		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt trong chủ đề đồ ăn.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 6C: Coffee break 1. Grammar: Superlatives 2. R&L: Coffee break 3. Speaking: Talking about your favourite drinks; Did you know?		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt trong chủ đề đồ uống.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 6D: Class meal 1. Vocabulary: Eating out 2. Functional Language: Making a reservation in a restaurant		Vận dụng ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc diễn đạt và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng	CLO1 CLO2 CLO3			

	3. Pronunciation: Emphatic stress 4. R&L: Making a restaurant reservation; A dialogue in a restaurant. 5. Speaking: Talking about restaurants in your town; Roleplay. 6. Writing: A review of a restaurant		Anh để thảo luận về chủ đề nhà hàng.				
	- Ôn tập nội dung của 24 đơn vị bài học (từ Lesson 1A – Lesson 6D). **- Bài kiểm tra số 1**		- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt được từ loại và cấu trúc ngữ pháp đã học. Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3	- Ôn tập/tổng hợp nội dung kiến thức đã học. - Ra đề kiểm tra đảm bảo đánh giá được năng lực và kỹ năng của SV theo CĐR	- Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm bài kiểm tra	Hình thức: trắc nghiệm/ thảo luận/tự luận/ bài tập 50 phút, tổng hợp kiến thức của 24 đơn vị bài học
	Lesson 7A: Work experience 1. Grammar: Present perfect simple 2. Vocabulary: Work 3. Pronunciation: / æ/ & /ʌ/ 4. R&L: A radio programme	4/0/8	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt kinh nghiệm trong công	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo	Đánh giá thường xuyên

	about people who have met celebrities. 5. Speaking: Describing & guessing jobs		việc		hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 8, giáo trình chính.	
	Lesson 7B: Hard work 1. Vocabulary: Verb collocations (work) 2. R&L: Life on the other side 3. Speaking: Talking about your experience of work; Describing an imaginary life; Did you know?		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về chủ đề công việc.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 7C: Job selection 1. Grammar: Present perfect simple with already & yet 2. Vocabulary: Adjective & nouns (personality) 3. R&L: An article about horoscopes & work; Horoscopes 4. Speaking: Deciding what qualities are needed for different jobs.		Vận dụng ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về vấn đề năng lực, phẩm chất cần thiết trong công việc	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 7D: The recruitment agency 1. Vocabulary: Curriculum vitae 2. Functional Language: Advice 3. Pronunciation: Email & website addresses		Vận dụng được các cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, phỏng vấn xin việc	CLO1 CLO2 CLO3			

	4. R&L: An interview in a recruitment agency 5. Speaking: Talking about finding a job in your town 6. Writing: A letter of application						
	Lesson 8A: The futurological conference 1. Grammar: Predictions 1 (may, might & will) 2. Pronunciation: Contractions 2 3. R&L: A conference programme 4. Speaking: Talking about science fiction films; Giving a thirty-second talk	4/0/8	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để diễn đạt về sự phát triển khoa học trong tương lai.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 9, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 8B: Space tourist 1. Grammar: Predictions 2 (maybe, probably, certainly, etc.) 2. Vocabulary: Compound nouns with numbers 3. Pronunciation: Word stress 2 4. R&L: A description of Star Quest, a TV game show 5. Speaking: Deciding who is the best candidate for Star Quest		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp về vấn đề du lịch vũ trụ.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 8C: Great ideas 1. Grammar: Present tense in		Vận dụng được ngữ pháp, cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ	CLO1 CLO2 CLO3			

	future 2. Vocabulary: Adjectives with infinitives 3. R&L: Descriptions of gadgets; A great idea? 4. Speaking: Discussing & choosing gadgets on a website		tiếng Anh để miêu tả và thảo luận về những ý tưởng tuyệt vời.				
	Lesson 8D: Help! 1. Vocabulary: Computer actions 2. Functional Language: Giving instructions. 3. R&L: A dialogue about how to send an email. 4. Speaking: Talking about how to use computers 5. Writing: A note giving instructions		Vận dụng được từ vựng, cấu trúc và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để diễn đạt các vấn đề về sử dụng máy tính.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 9A: What's on 1. Vocabulary: -ing & -ed adjectives 2. Pronunciation: Diphthongs 3. R&L: A radio programme about entertainment in London 4. Speaking: Talking about entertainment in London & your town; Did you know?	3/0/8	Vận dụng được từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để trao đổi về chủ đề các chương trình giải trí trên phương tiện truyền thông.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 9B: Reality TV		Vận dụng được ngữ	CLO1			

	1. Grammar: Passive 2. Vocabulary: TV programme 3. R&L: Reality TV –love it or leave it 4. Speaking: Planning a reality TV show		pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để thảo luận về chủ đề truyền hình thực tế.	CLO2 CLO3		trước bài 10, giáo trình chính.	
	Lesson 9C: Oscar and raspberries 1. Grammar: Passive with agent 2. Vocabulary: Films 3. R&L: Oscar night 4. Speaking: Talking about going to the cinema; Acting a scene from Avatar 5. Writing: A review of a film		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng, kết hợp với các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để diễn đạt về chủ đề phim ảnh.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 9D: Box office 1. Functional Language: At the box office 2. Pronunciation: Dates 3. R&L: Four people buy tickets on the phone 4. Speaking: Roleplay; Describing a concert		Vận dụng được các kỹ năng và cấu trúc ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp tại phòng bán vé.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 10A: Animal lovers 1. Grammar: present perfect simple with for & since 2. R&L: The United States of	3/0/8	Vận dụng được ngữ pháp và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV	Đánh giá thường xuyên

	animals 3. Speaking: Talking about pets & animals; Communication activity: guessing animals		về chủ đề thú cưng.		+ Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 11, giáo trình chính.	
	Lesson 10B: Stress 1. Grammar: Present perfect simple for unfinished time 2. Vocabulary: Collocations with get 3. R&L: An article about stress 4. Speaking: Discussing stressful jobs; Ranking stressful experiences. 5. Writing: A story 2		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về những áp lực trong cuộc sống con người.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 10C: Marathon men 1. Grammar: Present perfect simple with been & gone 2. Vocabulary: Sport Pronunciation: /ɔ:/ 3. R&L: A news report about the marathon runners, Ranulph Fiennes & Mike Stroud 4. Speaking: Talking about how fit you are; Did you know?		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng, các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về chủ đề thể thao.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 10D: Doctor, doctor 1. Vocabulary: Body & health 2. Functional language: At the		Vận dụng được các từ vựng, cấu trúc và kỹ năng ngôn ngữ	CLO1 CLO2 CLO3			

	doctor's 3. Pronunciation: Sentence stress 4. R&L: Two doctors' appointment Speaking: roleplay: at the doctor's		tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống liên quan đến vấn đề sức khỏe.				
	Lesson 11A: Things 1. Grammar: Infinitive of purpose 2. Vocabulary: Personal possessions 3. Functional language: Paraphrasing 4. Pronunciation: /ð/ & /θ/ 5. R&L: Two people talk about things they wanted when they were younger. 6. Speaking: Describing a favorite possession; Communication activity: describing & guessing objects 7. Writing: A description of a favorite possession	4/0/8	Vận dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để trao đổi về tài sản sở hữu cá nhân.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 12, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Lesson 11B: Fashion victim 1. Grammar: Modals of obligation (present time) 2. Vocabulary: Clothes 3. R&L: Office worker flip flops		Vận dụng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, các kỹ năng ngôn ngữ tiếng anh để giao tiếp, diễn đạt	CLO1 CLO2 CLO3			

	out of a job 4. Speaking: Discussing clothes & appearance		về chủ đề thời trang.				
	Lesson 11C: Camden Market 1. Grammar: Modal of obligation (past time) 2. R&L: Home comforts 3. Speaking: Giving a presentation on shopping in your town; Did you know?		Vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng, các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về chủ đề mua sắm.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 11D: Looking good 1. Vocabulary: Fit, go with & suit 2. Functional language: In a clothes shop 3. Pronunciation: /ð/ & /θ/ Word linking 4. R&L: Dialogue in a clothes shop 5. Speaking: Roleplay: In a clothes shop		Vận dụng từ vựng, cấu trúc diễn đạt và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp trong các tình huống tại cửa hàng thời trang.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 12A: Around the world 1. Grammar: Prepositions of movement 2. Vocabulary: Phrasal verbs Pronunciation: /ɜ:/ 3. R&L: A news report about American adventurer, Steve	3/1/10	Vận dụng ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt về chủ đề những chuyến phiêu lưu vòng quanh thế	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp	Đánh giá thường xuyên

	Fossett Speaking: Discussing famous explorers; Planning a 'round the world' trip		giới.		+ Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung ôn tập.	
	Lesson 12B: Let's dance 1. Grammar: Relative clauses 2. Vocabulary: Festivals 3. R&L: An email describing Trinidad carnival 4. Speaking: Talking about festivals; describing a festival		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về chủ đề lễ hội.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 12C: Global English 1. Vocabulary: Countries & Languages 2. Pronunciation: British & American accents 3. R&L: English as an international language – no problem, OK? 4. Speaking: Talking about the English language in your country		Vận dụng từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và diễn đạt về chủ đề sử dụng ngôn ngữ.	CLO1 CLO2 CLO3			
	Lesson 12D: Global issues 1. Vocabulary: Global issues 2. Functional language: Agreeing & disagreeing 3. R&L: Three dialogues at a party		Vận dụng từ vựng, cấu trúc diễn đạt và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh để thảo luận và diễn đạt về chủ đề các vấn đề	CLO1 CLO2 CLO3			

	4. Speaking: Discussing global issues; Did you know? 5. Writing: An opinion composition		toàn cầu.				
	- Ôn tập nội dung của 24 đơn vị bài học (từ Lesson 7A – Lesson 12D). **- Bài kiểm tra số 2**		- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt được từ loại và cấu trúc ngữ pháp đã học. Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3	- Ôn tập/tổng hợp nội dung kiến thức đã học. - Ra đề kiểm tra đảm bảo đánh giá được năng lực và kỹ năng của SV theo CĐR	- Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm bài kiểm tra	Hình thức: trắc nghiệm/ thảo luận/tự luận/ bài tập 50 phút, tổng hợp kiến thức của 24 đơn vị bài học
Theo lịch của phòng ĐTĐH	**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**		- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi.	CLO1 CLO2 CLO3			- Tổng hợp kiến thức. - Trắc nghiệm: 30 phút

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Tổng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 8 buổi.	Đi học < 9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 9 buổi, không đi muộn	Đi học < 10 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Điểm đánh giá thường xuyên	10	Chuyên cần, chuẩn bị bài được giao nhiệm vụ phần tự học, đóng góp xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết bài tập trên lớp, ...	Điểm thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 1	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 2	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra (đánh giá định kỳ) gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm đánh giá thường xuyên*, *Điểm đánh giá định kỳ* (Trung bình của Bài kiểm tra số 1 và số 2) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá thường xuyên *0.1 + Điểm đánh giá quá trình * 0.2 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Philip Kerr (2016). *Straightforward* - Pre-intermediate Student's Book. Macmillan Publishers

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Micheal Mc Karthy & Felicity O'Dell. *English Vocabulary in Use (Pre-Intermediate)*. Cambridge University Press.

[2]. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles. *Destination B1-Grammar & Vocabulary with key*. NXB Macmillan.
[3] Webcode của giáo trình Straightforward.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202…

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN NGOẠI NGỮ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	**Người cập nhật** **Doãn Thị Lan Anh**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Tiếng Anh 2
* Tiếng Anh: English 2 (English for Medical Purposes)
- Mã học phần: ENGL2002
- Số tín chỉ: 3TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150
  + Lý thuyết: 43 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 2 tiết
  + Thời gian tự học: 105 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương √☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc √☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không có
+ Học phần học trước (đã học): Tiếng Anh 1
+ Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1 Kiến thức	Kiến thức và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y học ở các chủ điểm: khai thác thông tin bệnh án, các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, hướng dẫn và các quy trình y tế, giải thích và trấn an bệnh nhân và người nhà, xử lý và quản lý thuốc, lối sống ảnh hưởng đến các vấn đề sức khỏe.
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu để tiếp nhận, nắm bắt thông tin; kỹ năng viết thư xin việc, thư nội bộ, báo cáo, hướng dẫn quy trình; kỹ năng thuyết trình, khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2	2					
MT3					1	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có khả năng vận dụng kiến thức và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y học ở các chủ điểm: khai thác thông tin bệnh án, các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, hướng dẫn và các quy trình y tế, giải thích và trấn an bệnh nhân và người nhà, xử lý và quản lý thuốc, lối sống ảnh hưởng đến các vấn đề sức khỏe trong các ngữ cảnh giao tiếp thông thường và trong chuyên ngành y.
CLO2	Có khả năng vận dụng các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu để tiếp nhận, nắm bắt thông tin; kỹ năng viết thư xin việc, thư nội bộ, báo cáo, hướng dẫn quy trình; kỹ năng thuyết trình, khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
CLO3	Hình thành thái độ học tập tích cực, nhiệt tình, chăm chỉ, trung thực; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm; chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	2.1.1	2.1.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.2.11	2.2.12	2.2.13	2.3.14	2.3.15	2.3.16	2.3.17
CLO1		2											3				
CLO2		2											3				
CLO3													3	1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài tập được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

Tên bài học	Nội dung tự học và nhiệm vụ cụ thể
Unit 1	• Ôn tập Unit 1: ✓ Từ vựng: Tìm hiểu và ghi nhớ 10 từ vựng về triệu chứng bệnh (ví dụ: *fatigue, dizziness, nausea*…). ✓ Kỹ năng nghe: Nghe một đoạn hội thoại giữa bác sĩ và bệnh nhân, ghi lại các câu hỏi mà bác sĩ sử dụng để khai thác thông tin. ✓ Thực hành viết: Viết một đoạn hội thoại ngắn giữa bác sĩ và bệnh nhân, sử dụng các câu hỏi nhẹ nhàng và cách mô tả cơn đau. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập cách sử dụng thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn khi mô tả triệu chứng. • Chuẩn bị nội dung Unit 2
Unit 2	• Ôn tập Unit 2: ✓ Nghiên cứu: Tìm hiểu về hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Anh và so sánh với Việt Nam. ✓ Từ vựng: Ghi nhớ 20 từ vựng liên quan đến công việc của bác sĩ gia đình (GP). ✓ Kỹ năng nghe: Xem một video về công việc của bác sĩ tổng quát và tóm tắt nội dung chính. ✓ Thực hành nói: Luyện tập nhập vai bác sĩ và bệnh nhân để hỏi và trả lời về tiền sử bệnh án. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập và thực hành thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn trong mô tả bệnh án

	• Chuẩn bị nội dung Unit 3
Unit 3	• Ôn tập Unit 3: ✓ Từ vựng: Học 20 từ vựng liên quan đến quy trình y khoa (ví dụ: *sterilize, disinfect, incision*…). ✓ Kỹ năng đọc: Đọc một bài viết về hướng dẫn rửa tay trong y tế và tóm tắt các bước chính. ✓ Thực hành viết: Viết một hướng dẫn ngắn về cách rửa tay đúng cách hoặc cách đo huyết áp. ✓ Kỹ năng nói: Thực hành nhập vai hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện một thủ thuật y khoa đơn giản. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập câu mệnh lệnh và cách dùng động từ khuyết thiếu *(must, should).* • Chuẩn bị nội dung Unit 4. • Ôn tập nội dung Unit 1,2,3 và chuẩn bị nội dung ôn tập theo đề cương ôn tập để kiểm tra điều kiện
Unit 4	• Ôn tập Unit 4: ✓ Từ vựng: Học 15-20 từ/cụm từ thường dùng để trấn an bệnh nhân (ví dụ: *Don't worry, It's a common procedure*…). ✓ Kỹ năng nghe: Nghe một đoạn hội thoại về bác sĩ giải thích nội soi dạ dày và liệt kê các bước chính. ✓ Thực hành viết: Viết một đoạn mô tả quá trình nội soi đơn giản bằng tiếng Anh. ✓ Kỹ năng nói: Luyện tập nhập vai giải thích một thủ thuật đơn giản cho bệnh nhân. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập câu bị động trong mô tả quy trình y khoa. • Chuẩn bị nội dung Unit 5
Unit 5	• Ôn tập Unit 5: ✓ Từ vựng: Học 15-20 từ/cụm từ liên quan đến kê đơn thuốc (ví dụ: *dosage, side effects, contraindications*…). ✓ Kỹ năng đọc: Đọc một hướng dẫn sử dụng thuốc và trả lời câu hỏi liên quan. ✓ Thực hành viết: Viết một đoạn hướng dẫn ngắn về cách dùng thuốc cho bệnh nhân. ✓ Kỹ năng nói: Nhập vai hướng dẫn bệnh nhân về tác dụng phụ của thuốc, sử dụng *can/may*. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập động từ khuyết thiếu và cách sử dụng *phrasal verbs* trong y khoa. • Chuẩn bị nội dung Unit 6
Unit 6	• Ôn tập Unit 6: ✓ Từ vựng: Học 20 từ vựng về lối sống và sức khỏe (ví dụ: *obesity, stress, nutrition*…). ✓ Nghiên cứu: Tìm hiểu về ảnh hưởng của béo phì đến sức khỏe và

	viết một đoạn ngắn tổng hợp thông tin. ✓ Kỹ năng nghe: Nghe một đoạn hội thoại về tư vấn lối sống lành mạnh và ghi lại các lời khuyên chính. ✓ Thực hành viết: Viết một email ngắn tư vấn bệnh nhân về cách giảm stress. ✓ Kỹ năng nói: Nhập vai bác sĩ đưa ra lời khuyên cho bệnh nhân về việc tập thể dục. ✓ Ngữ pháp: Ôn tập cấu trúc khuyến nghị *(should, ought to)* và cách dùng danh từ ghép trong y khoa. • Ôn tập toàn bộ nội dung chương trình học trong giáo trình từ Unit 1-6, làm bài tập theo đề cương ôn tập của Bộ môn.
Hướng dẫn chung	✓ Làm bài tập theo chủ đề đã học. ✓ Tích cực tham gia vào các hoạt động nhập vai để rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên ngành. ✓ Sử dụng từ vựng mới vào bài viết và bài nói để tăng khả năng ứng dụng thực tế. ✓ Tự đánh giá tiến độ học tập bằng cách ghi âm bài nói hoặc viết nhật ký học tập hàng tuần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra định kỳ.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 (TACN) là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh 1) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần Tiếng Anh 2 (TACN) gồm 06 bài học, giúp sinh viên phát triển kiến thức tiếng Anh học thuật trong lĩnh vực y học. Môn học trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để sử dụng trong học tập và công việc. Sinh viên có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành ở mức cơ bản đến trung bình, nghe hiểu các bài giảng, báo cáo hoặc thảo luận chuyên môn với mức độ chính xác tương đối. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện kỹ năng viết báo cáo ngắn, thực hành thuyết trình về các chủ đề chuyên ngành và nâng cao khả năng làm việc nhóm cũng như ứng biến trong các ́nh huống giao tiếp học thuật.

Đồng thời, học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong chuyên ngành, từ đó chủ động rèn luyện và áp dụng kiến thức vào thực tế. Môn học cũng khuyến khích sinh viên phát triển khả năng tự học, nâng cao kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc chuyên môn.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/KT/TH)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Giới thiệu học phần và các tài liệu tham khảo cho sinh viên. **Unit 1. Presenting complaints** Listening: Personal details/Presenting complaints Speaking: Diagnosing/presenting complaints Writing: A case report Language spot: Asking short and gentle questions/Tenses in the presenting complaint Vocabulary: Describing pain Pronunciation: Medical terms: word stress	7,5/0/17,5	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 2, giáo trình chính.	Không
	Unit 2. Working in	7.5/0/17.5	- Vận dụng chiến lược để phân tích	CLO1	+ Thuyết giảng	- Đọc tài liệu	Đánh giá

	general practice Listening: Description of a GP's job Reading: Social factors in general practice Speaking: GP statistics/Case history role - play Writing: A referral letter Language spot: Present Perfect and past simple Vocabulary: Medical jobs/Signs and Symptoms Pronunciation: Medical jobs: main stress/Questions: rising and falling intonation.		nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO2 CLO3	+ Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 3, giáo trình chính.	thường xuyên
	Unit 3. Instructions and Procedures Listening: Preparing for the first ward round/Giving instructions Reading: Direct Observation of Procedural Skills Speaking: Explaining a process/procedure/case presentation	7.5/0/17.5	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 4, giáo	Đánh giá thường xuyên

	Writing: Case notes Language spot: Giving instructions/Explaining procedures/making polite requests Vocabulary: Instructions for a procedure				động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	trình chính.	
	Unit 4. Explaining and reassuring Listening: Explaining gastroscopy/discussing complications Reading: Gastroscopy Speaking: Explaining procedures Writing: An explanation of possible complications Language spot: Explaining procedures with the present passive and going to future Vocabulary: Adjectives to describe procedures Pronunciation: Word stress: Suffixes	6.5/1/17.5	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 5, giáo trình chính.	- Đánh giá thường xuyên - Kiểm tra 50 phút theo nội dung kiến thức của 3 bài (1,2,3) Tự luận/trắc nghiệm/bài tập
	Unit 5. Dealing with medication Listening: Benefit and side effects	7.5/0/17.5	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV	Đánh giá thường xuyên

	Reading: Concordance Speaking: A drug chart/explaining medications Writing: Clinical incident reporting Language spot: Phrasal verbs/ explaining side effects with can, may Vocabulary: Abbreviations		được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.		+ Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 6, giáo trình chính.	
	Unit 6. Lifestyle Listening: Family history and social history Reading: Overweight and obesity Speaking: Making changes Writing: An email about dealing with stress Language spot: Encouraging patients and making suggestions Vocabulary: Language for exercise Pronunciation: Word stress in noun phrases	6.5/1/17.5	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vưng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung ôn tập.	Tổ chức kiểm tra 50 phút theo nội dung kiến thức của 6 bài. Tự luận/trắc nghiệm/bài tập
Theo lịch thi của	Final Exam		- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc	CLO1 CLO2			Thi trắc nghiệm (tổng hợp

phòng ĐT ĐH			ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi.				kiến thức của các bài học trong chương trình).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Tổng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 8 buổi.	Đi học < 9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 9 buổi, không đi muộn	Đi học < 10 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm đánh giá	10	Chuyên cần, chuẩn bị bài	Điểm thường	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ

thường xuyên		được giao nhiệm vụ phần tự học, đóng góp xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết bài tập trên lớp, ...	xuyên			CLO3	môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 1	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 2	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra (đánh giá định kỳ) gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm đánh giá thường xuyên*, *Điểm đánh giá định kỳ* (Trung bình của Bài kiểm tra số 1 và số 2) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá thường xuyên *0.1 + Điểm đánh giá quá trình * 0.2 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Sam McCarter. *Oxford English for Careers: Medicine 1* Student's Book. Oxford University Press.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Barbara Janson Cohen (2016). *Medical Terminology: An Illustrated Guide*, 8th Edition. Wolters Kluwer.

[2]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.
[3]. Barbara A. Gylys (2012). *Medical Terminology Systems: A Body Systems Approach* 7th Edition. F.A. Davis Company.
[4]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202….

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN NGOẠI NGỮ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	**Người cập nhật** **Doãn Thị Lan Anh**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH 3

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh 3

* Tiếng Anh: English 3 (English for Medical Purposes)

- Mã học phần: ENGL2003
- Số tín chỉ: 2TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100
  + Lý thuyết: 29 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
  + Kiểm tra: 1 tiết
  + Thời gian tự học: 70 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương √☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc √☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không có
+ Học phần học trước (đã học): Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2
+ Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1 **Kiến thức**	Kiến thức và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y học ở các chủ điểm: bệnh học nhi khoa, kỹ năng giao tiếp với người bệnh, bệnh học thần kinh, bệnh giai đoạn cuối và hấp hối, kỹ năng làm việc nhóm chuyên môn, sự đa dạng ở nơi làm việc (yếu tố văn hóa), ...
MT2 **Kỹ năng**	Kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu để tiếp nhận, nắm bắt thông tin; kỹ năng viết thư xin việc, thư nội bộ, báo cáo, hướng dẫn quy trình; kỹ năng thuyết trình, khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
MT3 **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2	2					
MT3					1	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có khả năng vận dụng kiến thức và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y học ở các chủ điểm: bệnh học nhi khoa, kỹ năng giao tiếp với người bệnh, bệnh học thần kinh, bệnh giai đoạn cuối và hấp hối, kỹ năng làm việc nhóm chuyên môn, sự đa dạng ở nơi làm việc (yếu tố văn hóa), ... trong các ngữ cảnh giao tiếp thông thường và trong chuyên ngành y.
CLO2	Có khả năng vận dụng các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu để tiếp nhận, nắm bắt thông tin; kỹ năng viết thư xin việc, thư nội bộ, báo cáo, hướng dẫn quy trình; kỹ năng thuyết trình, khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
CLO3	Hình thành thái độ học tập tích cực, nhiệt tình, chăm chỉ, trung thực; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm; chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2											3				
CLO2		2											3				
CLO3													3	1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài tập được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

Tên bài học	Nội dung tự học và nhiệm vụ cụ thể
Unit 7	• Ôn tập Unit 7: ✓ Viết đoạn văn (150-200 từ) về cách trấn an một phụ huynh lo lắng khi đưa con đi khám bệnh. ✓ Tìm hiểu về lịch tiêm chủng cho trẻ sơ sinh tại Việt Nam hoặc quốc gia bạn đang sinh sống. Chuẩn bị một bài thuyết trình ngắn (3-5 phút) về tầm quan trọng của việc tiêm vaccine. ✓ Bài tập ngữ pháp: So sánh cách sử dụng *First Conditional* và *Second Conditional* trong các tình huống y khoa. • Chuẩn bị nội dung Unit 8
Unit 8	• Ôn tập Unit 8: ✓ Xem một đoạn video hội thoại giữa bác sĩ và bệnh nhân (trên YouTube hoặc TED Talks), ghi lại cách bác sĩ đặt câu hỏi mở và câu hỏi đóng. ✓ Tìm hiểu về kỹ thuật lắng nghe tích cực, viết một đoạn văn mô tả tầm quan trọng của nó trong giao tiếp y khoa. ✓ Luyện viết email chuyên môn: Viết một email phản hồi cho một bệnh nhân có câu hỏi về việc thay đổi lối sống để giảm nguy cơ bệnh tật. • Chuẩn bị nội dung Unit 9
Unit 9	• Ôn tập Unit 9: ✓ Đọc một bài báo khoa học về trầm cảm hoặc rối loạn lo âu, tóm tắt nội dung chính bằng tiếng Anh. ✓ Luyện nói: Chuẩn bị một bài nói ngắn (3 phút) về cách đánh giá tình trạng tâm thần của bệnh nhân. ✓ Bài tập từ vựng: Tìm hiểu các thuật ngữ mô tả cảm xúc và hành vi của bệnh nhân trong tâm thần học. • Chuẩn bị nội dung Unit 10.
Unit 10	• Ôn tập Unit 10: ✓ Viết một đoạn hội thoại giữa một y tá và người nhà bệnh nhân khi thông báo tin xấu. ✓ Nghiên cứu các phương pháp hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhân mắc bệnh nan y và viết một bài báo ngắn về cách hỗ trợ tinh thần cho họ. ✓ Luyện nghe: Tìm và nghe một podcast hoặc video về chăm sóc cuối đời, ghi chú lại những điểm quan trọng. • Chuẩn bị nội dung Unit 11.
Unit 11	• Ôn tập Unit 11: ✓ Làm bài tập tình huống: Đọc một kịch bản mô tả xung đột giữa các nhân viên y tế, viết cách giải quyết vấn đề theo phong cách chuyên nghiệp. ✓ Thực hành phỏng vấn: Đóng vai một bác sĩ thực tập, luyện tập trả lời các câu hỏi phỏng vấn bằng tiếng Anh với bạn học. ✓ Tìm hiểu về quy tắc ứng xử trong môi trường y tế, viết một bài ngắn (200 từ) về cách làm việc hiệu quả trong nhóm.

	• Chuẩn bị nội dung Unit 12 • Ôn tập nội dung các Unit 7-11, chuẩn bị nội dung ôn tập theo đề cương ôn tập của Bộ môn để làm bài kiểm tra định kỳ
Unit 12	• Ôn tập Unit 12: ✓ Tìm hiểu về các vấn đề văn hóa trong chăm sóc y tế, viết một đoạn văn mô tả cách một bác sĩ có thể thích nghi với bệnh nhân từ các nền văn hóa khác nhau. ✓ Xem một video về đa dạng văn hóa trong y tế, viết một bài tóm tắt nội dung chính. ✓ Thực hành viết báo cáo: Viết một báo cáo ngắn về cách bệnh viện của bạn có thể cải thiện sự hòa nhập văn hóa trong chăm sóc bệnh nhân. • Ôn tập toàn bộ nội dung chương trình học trong giáo trình từ Unit 7-12, làm bài tập theo đề cương ôn tập của Bộ môn.
Hướng dẫn chung	✓ Làm bài tập theo chủ đề đã học. ✓ Tích cực tham gia vào các hoạt động nhập vai để rèn luyện kỹ năng giao tiếp chuyên ngành. ✓ Sử dụng từ vựng mới vào bài viết và bài nói để tăng khả năng ứng dụng thực tế. ✓ Tự đánh giá tiến độ học tập bằng cách ghi âm bài nói hoặc viết nhật ký học tập hàng tuần. ✓ Tài liệu tham khảo: Sách giáo trình, TLTK, báo cáo khoa học, TED Talks, YouTube (các kênh uy tín về y khoa).

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra định kỳ.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Tiếng Anh 3 (TACN) là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh 1) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần Tiếng Anh 3 (TACN) gồm 06 bài học, giúp sinh viên phát triển kiến thức tiếng Anh học thuật trong lĩnh vực y khoa. Môn học trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để sử dụng trong học tập và công việc. Sinh viên có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành ở mức cơ bản đến trung bình, nghe hiểu các bài giảng, báo cáo hoặc thảo luận chuyên môn với mức độ chính xác tương đối. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện kỹ năng viết báo cáo ngắn, thực hành thuyết trình về các chủ đề chuyên ngành và nâng cao khả năng làm việc nhóm cũng như ứng biến trong các tình huống giao tiếp học thuật.

Đồng thời, học phần Tiếng Anh 3 giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong chuyên ngành, từ đó chủ động rèn luyện và áp dụng kiến thức vào thực tế. Môn học cũng khuyến khích sinh viên phát triển khả năng tự học, nâng cao kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc chuyên môn.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/KT/ TH)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Giới thiệu học phần và các tài liệu tham khảo cho sinh viên. **Unit 7. Parents and young children** Listening: Talking about oneself/sharing experiences Reading: Recommendations for the use of vaccine Speaking: Empathizing Writing: Reflecting on one's own experiences Language spot: First conditional vs Second conditional Vocabulary: Qualities of a good pediatrician/Signs and symptoms	5/0/12	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 8, giáo trình chính.	Không
	Unit 8. Communication Listening: Acknowledging verbal cues/Appropriate responses Reading: Barriers to prevention Speaking: Considering what the patient thinks Writing: Writing accurately for	5/0/12	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp	Đánh giá thường xuyên

	training or working application Language spot: Open and closed questions Vocabulary: Alcohol Pronunciation: Stress in the sentence		- Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.		nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 9, giáo trình chính.	
	Unit 9. Working in psychiatry Listening: Describing patients Reading: Eliciting the history Speaking: Mini-mental state examination Writing: Notes from a mental state examination Language spot: The simple past and past perfect/wishes and consequences in negotiations Vocabulary: Appearance, behavior and manner Pronunciation: Weak forms	5/0/12	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 10, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Unit 10. Terminal illness and dying Listening: Recognizing and dealing with patients' emotions Reading: Breaking bad news Speaking: Breaking bad news Writing: Preferred coping	5/0/12	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp	Đánh giá thường xuyên

	mechanisms Language spot: Expressing likes, dislikes and preferences Vocabulary: Reactions to bad news/ words and phrases related to death		- Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.		nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 11, giáo trình chính.	
	Unit 11. Working in a team Listening: Appropriate responses Reading: Syllabus and competences of the foundation programme Speaking: Communicating with a consultant Writing: Describing an example of good practice Language spot: Being polite Vocabulary: Teamwork/describing attitude and behavior	5/0/11	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài 12, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	Unit 12. Diversity at work Listening: Avoiding and responding to tactless comments Reading: A multicultural UK Speaking: Cultural awareness/Reporting and clarifying	4/1/11	- Vận dụng chiến lược để phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp	- Đánh giá thường xuyên - Tổ chức kiểm tra 50 phút theo nội dung

	Writing: A response to a report Language spot: Reported speech Vocabulary: Awareness of feelings Pronunciation: Saying long sentences		- Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thực hiện được việc thảo luận nhóm chủ đề của bài học.		nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà và chuẩn bị nội dung ôn tập.	kiến thức của 6 bài. Tự luận/trắc nghiệm/bài tập
Theo lịch thi của phòng ĐT ĐH	THI KẾT THÚC HỌC PHẦN		- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi.	CLO1 CLO2			Thi trắc nghiệm (tổng hợp kiến thức của các bài học trong chương trình).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Tổng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 8 buổi.	Đi học < 9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 9 buổi, không đi muộn	Đi học < 10 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm đánh giá	10	Chuyên cần, chuẩn bị bài được giao nhiệm	Điểm thường	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH

thường xuyên		vụ phần tự học, đóng góp xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết bài tập trên lớp, ...	xuyên			CLO3	của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 1	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 2	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra (đánh giá định kỳ) gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm đánh giá thường xuyên*, *Điểm đánh giá định kỳ* (Trung bình của Bài kiểm tra số 1 và số 2) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá thường xuyên *0.1 + Điểm đánh giá quá trình * 0.2 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Sam McCarter. *Oxford English for Careers: Medicine 1* Student's Book. Oxford University Press.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Barbara Janson Cohen (2016). *Medical Terminology: An Illustrated Guide*, 8th Edition. Wolters Kluwer.

[2]. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

[3]. Barbara A. Gylys (2012). *Medical Terminology Systems: A Body Systems Approach* 7th Edition. F.A. Davis Company.
[4]. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202….

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN NGOẠI NGỮ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 1
Trình độ đào tạo: Bác sĩ YHCT, Ngành: YHCT ; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun

* Tiếng Việt: Tiếng Trung cơ bản 1
* Tiếng Anh: General Chinese I

- Mã học phần CHN1001
- Số tín chỉ: 03

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 43 tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
+ Kiểm tra: 02 tiết
+ Thời gian tự học: 105 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không có
+ Học phần học trước (đã học):
+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com

8	Ts. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trong thực hành tiếng Trung nói chung; sử dụng được kiến thức nền về các vấn đề thường gặp trong đời sống.
MT HP2 Kỹ năng	Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để nghe hiểu và đưa ra hồi đáp các nhận định đơn giản đáp ứng nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày; hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản; viết những cụm từ, câu ngắn có cấu trúc cơ bản về bản thân, gia đình, trường lớp… đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc theo cặp và làm việc nhóm trong môi trường học tập bằng tiếng Trung.
MT HP3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo và hợp tác trong quá trình học tập và sử dụng tiếng Trung. Phát triển khả năng tự học, thích nghi và vận dụng tiếng Trung trong các tình huống thực tế, học tập và công việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	2					
MT HP2	2		1		1	
MT HP3	2		1		1	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Đọc hiểu các văn bản ngắn với nội dung rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong đời sống như bản thân, gia đình, trường lớp, bệnh viện, mua sắm; đồng thời và viết đoạn văn có cấu trúc logic, sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để diễn đạt ý tưởng một cách mạch lạc, chính xác.
CLO2	Có đủ vốn từ vựng và khả năng sử dụng các câu đơn giản để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống quen thuộc, bao gồm trao đổi thông tin về bản thân, gia đình, trường lớp, mua sắm, đồng thời diễn đạt ý kiến một cách rõ ràng và phù hợp với ngữ cảnh.

CLO3	Thể hiện tinh thần tự giác, chủ động trong học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, sẵn sàng hợp tác trong giao tiếp và làm việc nhóm bằng tiếng Trung, phát triển tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2											3				
CLO2		2											3				
CLO3											1		3	1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Nghiên cứu kỹ đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên về các nội dung sau:

Buổi 1: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo về Tổng quan về Ngữ âm tiếng Hán + các nét chữ Hán, quy tắc bút thuận, tìm hiểu về cách phát âm các nhóm thanh mẫu d,t,n,l,g,k,h và vận mẫu a, o, e, i,u,ai, ei, ao,ou và thanh điệu, các quy tắc viết.

Buổi 2: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第2课，第3课,tìm hiểu cách phát âm các nhóm thanh mẫu b p m f zhi ch shi r;vận mẫu an en ang eng ong ua uo uai uei (-ui) uan uen(-un) uang ueng; Thanh điệu:Thanh nhẹ ,Thanh ba và quy tắc bút thuận

Buổi 3: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第4课，第5课, tìm hiểu cách phát âm các nhóm thanh mẫu j q x z c s ;vận mẫu ia ie iao iou (-iu) ian in iang ing iong üe üan ün –i và Quy tắc bút thuận của chữ Hán, Các nét phái sinh từ nét cơ bản

Buổi 4: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第6课，第7课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến quốc tịch, nghề nghiệp, đồ dùng học tập và địa điểm

Buổi 5: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第8课，第9课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến trường học, nghề nghiệp, chào hỏi khi gặp nhau lần đầu.

Buổi 6: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第9课，第10课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến nghề nghiệp, lớp học.

Buổi 7: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第11课，第12课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, ngữ pháp và bài khóa trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến gia đình, mua sắm đồ dùng hàng ngày. Sinh viên chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo nội dung sau: （1）你家有几口人？（2）每个人做什么工作？(3) 你常去商店买什么？

Buổi 8: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第14课，第15课，ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, ngữ pháp, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến địa điểm, phương vị. Sinh viên chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo nội dung sau: （1）你常去图书馆借什么书？（2）你有什么报，什么书和什么杂志？

Buổi 9: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第14,15课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu ngữ pháp trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến nhu cầu

mua sắm sách vở. Phân nhóm chuẩn bị ppt giới thiệu theo chủ đề 介绍你们的学校 (yêu cầu sử dụng cách từ vựng và ngữ pháp trong bài)

Buổi 10: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第16,17课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu ngữ pháp trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến các hoạt động trong ngày. Sinh viên chuẩn bị các nội dung giới thiệu chủ đề 你的一天

Buổi 11: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第18课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu ngữ pháp trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến thời gian. Sinh viên chuẩn bị các nội dung giới thiệu tuổi, sinh nhật các thành viên trong gia đình. Hệ thống lại các kiến thức ngữ pháp và từ vựng từ bài 1-18.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.
- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

6.2. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Trang bị phòng học có máy tính với đường truyền Internet tốc độ cao để có thể truy cập các phần mềm dạy -học ngoại ngữ.
- Phòng học với đủ bàn, ghế, bảng, máy chiếu, máy tính, loa đài đúng chuẩn. Phòng học đủ ánh sáng, âm thanh, cách âm tốt.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần **Tiếng Trung cơ bản 1** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Trung có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/ KT/TH)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	- Giới thiệu học phần và các tài liệu tham khảo cho sinh viên. Tổng quan về Ngữ âm tiếng Hán + các nét chữ Hán, quy tắc bút thuận 第一课 你好	4/0/12	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giao tiếp (chào hỏi thông thường)	CLO1 CLO2 CLO3	+Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
2	第二课 老师	4/0/9	Vận dụng	CLO1	+ Thuyết	- Đọc tài	Đánh

	好 第三课 他是老师吗？		được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giao tiếp đơn giản (chào hỏi, giới thiệu)	CLO2 CLO3	giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	giá thường xuyên
3	第四课 你身体好吗 第五课 我学习汉语	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để hỏi thăm sức khỏe, giới thiệu việc học tập đơn giản	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo	Đánh giá thường xuyên

						trình chính.	
4	第六课 你叫什么名字？ 第七课 你去哪儿？	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung trong giao tiếp khi gặp nhau lần đầu (hỏi, giới thiệu họ tên, quốc tịch..)	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
5	第八课 我在北京中医药大学 第九课 这是我的朋友	3/1/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về nơi học tập, giới thiệu bạn bè một cách đơn giản.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà;	Đánh giá thường xuyên+ Bài kiểm tra số 1

						đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
6	第九课 这是我的朋友 第十课 我们班有十四个同学	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để hỏi, giới thiệu sơ qua về đặc điểm chung của lớp học (có bao nhiêu thành viên, số học sinh nam, học sinh nữ và bạn bè)	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
7	第十一课 高朋的家 第十二课 我们学校的商店	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để đi mua sắm đơn giản (giới thiệu sản phẩm, hỏi tên và giá cả sản phẩm)	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập	Đánh giá thường xuyên

					vụ, bài tập nghiên cứu.	- Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
8.	第十三课 我要借中文医学杂志	3/1/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giao tiếp (hỏi, mượn cách loại sách, tạp chí thường gặp)	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên+ Bài kiểm tra số 2
9.	第十四课 我们的学校 第十五课 牙科在楼上 第十六课 复习	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu vị trí của người hoặc vật hoặc	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm,	Đánh giá thường xuyên

			địa điểm nào đó		+ Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
10.	第十七课 玛丽的一天	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về thời gian (ngày, giờ, buổi, và các hoạt động trong các giờ khác nhau.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
11.	第十八课 今天是星期天 期末复习复习	5/0/12	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập	Đánh giá thường xuyên

			về năm, tháng, ngày và các hoạt động đã trải qua.		+ Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
Theo lịch thi của phòng Đào tạo ĐH	期末考试 Thi hết HP	30 ph	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi.	CLO1 CLO2			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá						Tổng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 8 buổi.	Đi học < 9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 9 buổi, không đi muộn	Đi học < 10 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	10	Chuyên cần,đóng góp xây dựng bài, chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm thường xuyên	100%	Rublic 1	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 1	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 2	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra điều kiện gồm 20-25 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần, *Điểm đánh giá định kỳ* (Trung bình của Bài kiểm tra số 1 và số 2) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

中医汉语 （下）王砚农、阎德早主编 （1999）北京语言文化大学出版社， 1999

Hán ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền (Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn 2017) - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] - *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển),* Dương Kỳ Châu chủ biên - Nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh 2002.Trần Thị Thanh Liêm biên dịch;

[2] *Ngữ pháp (Grammar essential and pratice)* – Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.

[3] *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)* – Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.

[4] *Từ điển Hán - Việt* – Phan Văn Các chủ biên – NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

Trình độ đào tạo: Bác sĩ YHCT, Ngành: YHCT ; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Tiếng Trung chuyên ngành

* Tiếng Anh: Chinesse for Medical Purposes

- Mã học phần: CHN1003

- Số tín chỉ: 02

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 29 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết

+ Kiểm tra: 01 tiết

+ Thời gian tự học: 70 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 3

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Tiếng Trung cơ bản II

+ Học phần học trước (đã học): Tiếng Trung cơ bản I + II

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com

8	Ts. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trong thực hành tiếng Trung nói chung; sử dụng được kiến thức nền về các vấn đề phổ biến nhất liên quan đến chuyên ngành y học cổ truyền.
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết: Có thể đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay nghe hiểu bài phát biểu các chủ đề quen thuộc liên quan đến chuyên ngành v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong chuyên ngành;
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo và hợp tác trong quá trình học tập và sử dụng tiếng Trung. Phát triển khả năng tự học, thích nghi và vận dụng tiếng Trung trong các tình huống thực tế, học tập và công việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	2					
MT HP2	2		1		1	
MT HP3	2		1		1	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Đọc hiểu các chủ đề: tuổi thọ của con người, tác dụng của trà và văn hóa trà của người Trung Quốc, điều trị bệnh tâm thần bằng đông dược, các bài thuốc như: Hoàng liên giải độc thang, Bát trân thang, An cung ngưu hoàng hoàn và viết đoạn văn có nội dung liên quan đến các chủ đề trên. Có khả năng sắp xếp từ thành câu, câu thành đoạn và dịch tài liệu chuyên ngành các chủ đề được học.
CLO2	Có thể trao đổi về các chủ đề tuổi thọ của con người, tác dụng của trà và văn hóa trà đạo của Trung Quốc, chữa bệnh tâm thần bằng đông dược....Trình bày các bài thuốc thường gặp bằng từ ngữ và ngữ pháp được học.

CLO3	Thể hiện tinh thần tự giác, chủ động trong học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, sẵn sàng hợp tác trong giao tiếp và làm việc nhóm bằng tiếng Trung, phát triển tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2											3				
CLO2		2											3				
CLO3											1		3	1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

Buổi 1: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 1课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các hiện tượng ngữ pháp, các từ vựng trọng điểm trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến chủ đề tuổi thọ con người và các yếu tố liên quan đến tuổi thọ.

Buổi 2: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 2课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các hiện tượng ngữ pháp, các từ vựng trọng điểm trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến trà và công dụng của trà trong đời sống.

Buổi 3: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 3课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các hiện tượng ngữ pháp, các từ vựng trọng điểm trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến công dụng của Ngũ cầm hý và cách luyện ngũ cầm hý.

Buổi 4: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 4课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các hiện tượng ngữ pháp, các từ vựng trọng điểm trong bài. Tìm hiểu từ vựng liên quan đến chứng điên và cuồng.

Buổi 5: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 5课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các từ vựng liên quan đến thành phần, công năng, chủ trị của Hoàng liên giải độc thang.

Buổi 6: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 6课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các từ vựng liên quan đến thành phần, công năng, chủ trị của Bát trân thang.

Buổi 7: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第 7课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa và tìm hiểu cách dùng các từ vựng liên quan đến thành phần, công năng, chủ trị của An cung ngưu hoàng hoàn.

Buổi 8: Ôn tập lại các từ vựng, cách dụng các trọng điểm ngữ pháp, các bài khóa, bài tập đã học và đã làm.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

6.2. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Trang bị phòng học có máy tính với đường truyền Internet tốc độ cao để có thể truy cập các phần mềm dạy -học ngoại ngữ.
- Phòng học với đủ bàn, ghế, bảng, máy chiếu, máy tính, loa đài đúng chuẩn. Phòng học đủ ánh sáng, âm thanh, cách âm tốt.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần 3 môn Tiếng Trung chuyên ngành là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo tiếng Trung không chuyên dành cho sinh viên chuyên ngành Y học cổ truyền của Học viện. Học phần cung cấp kiến thức từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, bài khóa chuyên ngành và nội hàm văn hóa của nó. Sau khi học hết học phần này, sinh viên có thể tiến hành tự học, tự nghiên cứu và đọc hiểu các bài thuốc, đơn thuốc có sự hỗ trợ của từ điển và các ứng dụng online.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với CĐR:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CĐR:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết**	**CĐR của bài học**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV** (*)	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**第1课：人的寿命**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về tuổi thọ con người và các yếu tố liên quan đến tuổi thọ	CLO1 CLO2 CLO3	+Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm	

						sau, giáo trình chính.	
	第2课：喝茶	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về Trà và công dụng của Trà trong đời sống, sức khỏe.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	第3课：五禽戏	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về công dụng của Ngũ cầm hý và cách luyện ngũ cầm hý	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	第4课：让精神错乱的人恢复健康	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để kể về cách phân biệt và chữa trị chứng	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập	Đánh giá thường xuyên

			Điên và cuồng		+ Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
	第5课：黄连解毒汤	3/1/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu thành phần, công năng, chủ trị của Hoàng liên giải độc thang	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên + Bài kiểm tra định kỳ
	第6课：八珍汤	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu thành phần, công năng, chủ trị của Bát chân thang	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
	第7课：安宫牛黄丸	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV	Đánh giá thường xuyên

			tiếng Trung để giới thiệu thành phần, công năng, chủ trị của An cung ngưu hoàn		+ Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
	复习	2/0/7	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài ôn.	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
Theo lịch thi của phòng Đào tạo ĐH	期末考试 Thi hết HP	30ph	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi.	CLO1 CLO2			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá						**Tổng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 6 buổi.	Đi học < 6 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 7 buổi, không đi muộn	Đi học < 7 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên	10	Chuyên cần,đóng góp xây dựng	Điểm thường	100%	Rublic 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ

cần		bài, chuẩn bị bài, làm việc nhóm	xuyên			CLO3	môn
Điểm đánh giá định kỳ	20	Bài kiểm tra định kỳ	Điểm định kỳ	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra điều kiện gồm 20-25 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần, *Điểm đánh giá định kỳ* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] 王砚农、阎德早主编，*中医汉语（下）*，北京语言文化大学出版社，1999年

[2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Hán ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền*, 2017.

[3] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Hán ngữ phương tễ*, 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển),* NXB Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002.Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.

[2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên*, Ngữ pháp (Grammar essential and pratice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.

[3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.

[4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.

[5]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集HSK二级，北京语言文化出版社，2010年.

[6]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集HSK三级，北京语言文化出版社，2011年.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 20…

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 2
Trình độ đào tạo: Bác sĩ YHCT, Ngành: YHCT ; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun

* Tiếng Việt: Tiếng Trung cơ bản 2

* Tiếng Anh: General Chinese II

- Mã học phần CHN1002

- Số tín chỉ: 03

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 43 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

+ Thời gian tự học: 105 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Tiếng Trung cơ bản 1

+ Học phần học trước (đã học): Tiếng Trung cơ bản I

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com

8	Ts. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thị Mai Trang	0981532938	tranglemai79@gmail.com
11	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com
12	Ths. Lê Thị Vân	0946360678	levan.bmnn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trong thực hành tiếng Trung nói chung; sử dụng được kiến thức nền về các vấn đề thường gặp trong đời sống.
MT2 Kỹ năng	Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để nghe hiểu những cụm từ ,ý chính trong các hội thoại quen thuộc , mô tả về bản thân và các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống; đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản; viết những cụm từ, câu ngắn có cấu trúc phức tạp hơn về các chủ đề quen thuộc như thời tiết, trải nghiệm bản thân, thăm quan, du lịch… đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng làm việc theo cặp và làm việc nhóm trong môi trường học tập bằng tiếng Trung.
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo và hợp tác trong quá trình học tập và sử dụng tiếng Trung. Phát triển khả năng tự học, thích nghi và vận dụng tiếng Trung trong các tình huống thực tế, học tập và công việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	2					
MT HP2	2		1			
MT HP3	2		1		2	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Đọc hiểu văn bản ngắn và viết đoạn văn có nội dung liên quan đến các chủ đề quen thuộc như thăm quan, trải nghiệm, học tập, thời tiết...; đồng thời và viết đoạn văn có cấu trúc logic, sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để diễn đạt ý tưởng một cách mạch lạc, chính xác.
CLO2	Có đủ vốn từ vựng và khả năng sử dụng các câu đơn giản để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống quen thuộc, bao gồm các chủ đề liên quan đến trải nghiệm, thăm quan, du lịch, viết thư, so sánh thời tiết khí hậu....; đồng thời diễn đạt ý kiến một cách rõ ràng

	và phù hợp với bối cảnh
CLO3	Thể hiện tinh thần tự giác, chủ động trong học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, sẵn sàng hợp tác trong giao tiếp và làm việc nhóm bằng tiếng Trung, phát triển tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường học tập và làm việc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2											3				
CLO2		2											3				
CLO3											1		3	1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy…theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học…), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập…trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầu đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

Buổi 1: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第19课，第20课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến công viên và các từ vựng thể hiện mong ước và nguyện vọng của bản thân.

Buổi 1: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第19课，第20课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các từ vựng liên quan đến công viên và các từ vựng thể hiện mong ước và nguyện vọng của bản thân.

Buổi 2 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第21课，第22 课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng liên quan đến để nói về một số bệnh thường gặp và các hiện tượng, sự việc sắp xảy ra.

Buổi 3 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第23课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để viết một bức thư hỏi thăm sức khỏe, giới thiệu việc học tập cuộc sống cho người thân.

Buổi 4 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第24-25课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về về trải nghiệm 1 lần đi tham quan bệnh viện.

Buổi 5 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第26课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về kết quả thực hiện các một số hành động quen thuộc .

Buổi 6 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第27课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về giới thiệu về việc học trước và sau khi sang Trung Quốc.

Buổi 7 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第28课, ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về kể về một lần đi thăm nhà người quen có sử dụng bổ ngữ xu hướng đơn.

Buổi 8 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第29-30课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về để giới thiệu về những hành động đang xảy ra.

Buổi 9 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第31-32课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về trải nghiệm đi thăm bạn ở bệnh viện .

Buổi 10 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第33课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng để kể về tình hình bản thân sau khi đến Trung Quốc, sử dụng câu so sánh để giới thiệu thời tiết trong năm, so sánh thời tiết giữa các này và các nơi khác

Buổi 11 : Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo 第34课ghi chép, luyện đọc các từ vựng, câu chức năng, bài khóa trong bài. Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp trong bài và các từ vựng
tiếng Trung để kể về một câu truyện xảy ra trong cuộc sống. Ôn tập lại các từ vựng, hiện tượng ngữ pháp đã học từ Buổi 1-10

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

6.2. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Trang bị phòng học có máy tính với đường truyền Internet tốc độ cao để có thể truy cập các phần mềm dạy -học ngoại ngữ.

- Phòng học với đủ bàn, ghế, bảng, máy chiếu, máy tính, loa đài đúng chuẩn. Phòng học đủ ánh sáng, âm thanh, cách âm tốt.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần **Tiếng Trung cơ bản 2** trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Trung có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với CĐR:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CĐR:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giới thiệu học phần và các tài liệu tham khảo cho sinh viên. **第十九课:** **去商店买东西** **第二十课:** **安娜要去香山公园**	4/0/12	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để đi mua đồ hoặc thể hiện mong ước, nguyện vọng của bản thân	CLO1 CLO2 CLO3	+Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Xem đề cương môn học, chuẩn bị kế hoạch học tập và học liệu - Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
2	**第二十一课:** **玛丽病了** **第二十二课:** **汽车快要开了**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV	Đánh giá thường xuyên

			Trung để nói về một số bệnh thường gặp và các hiện tượng, sự việc sắp xảy ra		+ Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
3	**第二十三课:** **给妈妈的信**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để viết một bức thư hỏi thăm sức khỏe, giới thiệu việc học tập cuộc sống cho người thân	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
4	**第二十四课:** **复习（2）** **第二十五课:** **参观中医医院**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi	Đánh giá thường xuyên

			năng ngôn ngữ tiếng Trung kể về trải nghiệm 1 lần đi tham quan bệnh viện		vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
5	**第二十六课：安娜的自行车找到了**	3/1/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu kết quả thực hiện các hành động	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên + Bài kiểm tra số 1
6	**第二十七课：以前我没学过汉语**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời	Đánh giá thường xuyên

			năng ngôn ngữ tiếng Trung để hỏi, giới thiệu về việc học trước và sau khi sang Trung Quốc		+ Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
7	**第二十八课: 到王教授家去**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để kể về một lần đi thăm nhà người quen có sử dụng bổ ngữ xu hướng đơn	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên
8	**第二十九课: 我们正在锻炼身体**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể	- Đọc tài liệu - Nghe giảng	Đánh giá thường xuyên

	第三十课: **去医院看玛丽**		các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu về một lần đi bệnh viện thăm bạn hoặc 1 tình huống, trạng thái đang xảy ra		+ Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	
9	**第三十一课:** **复习（3）** **第三十二课:** **他来中国两个多月了**	3/1/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để kể về tình hình bản thân sau khi đến Trung QUốc	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	- Đọc tài liệu - Nghe giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	Đánh giá thường xuyên + Bài kiểm tra số 2
10	**第三十三课:** **今天比昨天冷**	4/0/9	Vận dụng được ngữ pháp, từ	CLO1 CLO2 CLO3	+ Thuyết giảng + Giải thích	- Đọc tài liệu - Nghe	Đánh giá thường

			vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giới thiệu thời tiết trong năm, so sánh thời tiết giữa các này và các nơi		cụ thể + Đặt câu hỏi + Giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Giao bài tập thực hành + Học tập chủ động: giao nhiệm vụ, bài tập nghiên cứu.	giảng - Trả lời câu hỏi của GV - Làm bài tập - Làm việc theo nhóm, theo cặp hoặc độc lập - Tự học: làm bài tập về nhà; đọc trước bài hôm sau, giáo trình chính.	xuyên
11	**第三十四课：“笑一笑，十年少”**	5/0/12	Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để kể về một câu truyện xảy ra trong cuộc sống	CLO1 CLO2 CLO3			Đánh giá thường xuyên
Theo lịch thi của P.Đào tạo ĐH	期末考试 Thi hết HP		Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung để giao tiếp	CLO1 CLO2			

			(chào hỏi thông thường)				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá thường xuyên

Rubric đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá						**Tổng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 8 buổi.	Đi học < 9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 9 buổi, không đi muộn	Đi học < 10 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 11 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	10	Chuyên cần,đóng góp xây dựng bài, chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm thường xuyên	100%	Rublic 1	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 1	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm đánh giá định kỳ	10	Bài kiểm tra số 2	Điểm định kỳ	50%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70	Bài thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm theo Ngân hàng câu hỏi trên phần mềm máy tính	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Trắc nghiệm	CLO1 CLO2	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra điều kiện gồm 20-25 câu hỏi trắc nghiệm, nội dung được mô tả như cột (3) của bảng 9.3.1. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần, *Điểm đánh giá định kỳ* (Trung bình của Bài kiểm tra số 1 và số 2) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần: Điểm đánh giá quá trình * 0.3 + Điểm thi kết thúc học phần * 0.7

(Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Vương Nghiên Nông (1999). *Hán Ngữ Trung Y* - NXB Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Dương Kỳ Châu (2002). *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*. NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[2] Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji (1997). *Ngữ pháp (Grammar essential and pratice)*. NXB Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh.

[3] Li Dejin, Cheng Meizhen (1998). *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*. NXB Hoa ngữ giáo học.

[4] Phan Văn Các (2001). *Từ điển Hán - Việt*. NXB TH TP Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202…

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG THAM KHẢO CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DÂN SỐ HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: YHCT

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dân số học

* Tiếng Việt: Dân số học

* Tiếng Anh: Demography

- Mã học phần/ mô đun: SOC 5003
- Số tín chỉ: 1,5 LT/00.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
  + Lý thuyết: 22.5 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 .tiết
  + Kiểm tra: 7,5tiết
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	**Bắt buộc** ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	**binhytcc2012@gmail.com**
2	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	**bshaytcc@gmail.com**
3	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	**thuhoaiytcc@gmail.com**
4	Thạc sỹ Đinh Thị Hương	0914681139	**dinhhuong512@gmail.com**

5	Thạc sỹ. Đỗ Văn Pha	0963836058	**dopha2005@gmail.com**

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiên thức
MT HP1	- Trình bày được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.
MT HP2	- Phân tích được thực trạng công tác dân số trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam
	Kỹ năng
MT HP3	- Biết tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản.
MT HP4	- Biết đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP5	Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1		2				
MT HP2		2				
MT HP3		2				
MT HP4		2				
MT HP5		2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Xác định được các nội dung cơ bản về Dân số như dân số học, biến động dân số, các phương pháp đo lường mức sinh, chết và chính sách, chiến lược dân số trong giai đoạn hiện nay.
CLO2	Thực hành tính các chỉ số đo lường mức sinh, mức tái sinh sản, đo lường mức tử vong, mức độ bệnh tật.
CLO3	Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Dân số trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO1		2															3

CLO2		2															3
CLO3		2															3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mịc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nghiên cứu học phần "Dân số học" là trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa thực tiễn của dân số học, tình hình dân số thế giới và dân số Việt Nam; Quy mô, sự phân bố dân cư và cơ cấu dân số; Các yếu tố biến động dân số: mức sinh, mức chết, di dân và đô thị hóa; Mối liên hệ giữa dân số và phát triển: dân số và kinh tế, dân số và các vấn đề xã hội, dân số và tài nguyên và môi trường; Phương pháp dự báo dân số và chính sách dân số.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Nhập môn Dân số học và các quan điểm Dân số	3	Trình bày, Phân tích được khái niệm dân số, lịch sử ngành dân số học và trình bày được các quan điểm dân số qua các thời kỳ.	CLO 1,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Bài 2: Đo lường mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh	2	Thực hiện được cách đo lường mức sinh và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng	CLO 1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

3	Bài 3: Di dân và đô thị hóa	3	Phân tích khái niệm di dân và đô thị hóa	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Bài 4: Dân số và Y tế	2	Phân tích khái niệm dân số và Y tế	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Bài 5: Dân số phát triển kinh tế Dân số và giáo dục	2	Phân tích khái niệm dân số phát triển Kinh tế, dân số và giáo dục	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	Bài 6: Chính sách dân số	3	Phân tích khái niệm chính sách dân số	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Bài 7: Dự báo dân số	Tự đọc	Trình được khái niệm về dự báo dân số.	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Bài 8: Quy mô và phân bố cơ cấu dân số	Tự đọc	Trình bày được khái niệm quy mô, cơ cấu và phân bố dân số	CLO 1,2,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	20%	Điểm kiểm tra/ bài tập lớn/ .	Quá trình	100%	Rubic 1	CLO	Theo Rubic 1
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun lý thuyết	80%	Thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

  Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	20	5	5	10	0
CLO2	60 %	30	10	10	10	0
Tổng	100%	50	15	15	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết thi phần lý thuyết *0.7 + Điểm kiểm tra * 0.3

10. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập chính:

Học Viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2017). Tài liệu hướng dẫn học phần Dân số học. Dùng cho đào tạo sinh viên Đại học ngành YHCT và BS Đa khoa. Lưu hành nội bộ.

-Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dân số học (2009), *Dân số học (Sách đào tạo hệ Bác sỹ y học dự phòng)*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2006), *Giáo trình Dân số và phát triển*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Bác sỹ Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Sinh học và Di truyền

* Tiếng Anh: Biology and Genetics

- Mã học phần/ mô đun: BIOL1001
- Số tín chỉ: .2.5 LT/0.5 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:150 tiết
  + Lý thuyết: 37.5 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng:15 tiết
  + Bài tập:.0.... tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: ...0...tiết
  + Kiểm tra: Đánh giá : 15 tiết (Thi Lý thuyết + thi Thực hành)
  + Thời gian tự học: 82.5 tiết (Lý thuyết :77.5, Thực hành:5 tiết)
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sỹ cổ truyền năm thứ nhất
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
  + Học phần học trước (đã học): không
  + Học phần song hành:không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh học và di truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Vi Thị Hiếu	0986280525	Bộ môn Sinh học và Di truyền	hieudaotaovatm@gmail.com
2	Đỗ Thị Tố Uyên	0978787666	Bộ môn Sinh học và Di truyền	Dothitouyen76@gmail.com
3	Phạm Thị Thanh Hương	0983896944	Bộ môn Sinh học và Di truyền	Phhuong08@gmail.com

4	Trịnh Thị Hào	0967917956	Bộ môn Sinh học và Di truyền	nhuhaotk@gmail.com
5	Hoàng Thị Thu Phương	0989346833	Bộ môn Sinh học và Di truyền	phuongsinhvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Áp dụng được kiến thức các nguyên tố của sự sống những hợp chất vô cơ và hữu cơ cấu tạo nên tế bào, Sinh học tế bào, Sinh học phát triển cá thể, Sinh thái, hệ thống sinh giới để giải thích các vấn đề liên quan sức khỏe.
MT HP2	Áp dụng được kiến thức về đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học phân tử ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền nhóm máu, di truyền đa gen đa nhân tố, bất thường bẩm sinh, di truyền ung thư để giải thích các vấn đề liên quan đến bệnh tật di truyền.
MT HP3	Làm được các tiêu bản để phân biệt các thành phần của tế bào và sự sinh sản của tế bào
MT HP4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	3	4	5	6
MT HP1		1				
MT HP2		1				
MT HP3		1				
MTHP4			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được kiến thức các nguyên tố của sự sống những hợp chất vô cơ và hữu cơ cấu tạo nên tế bào, Sinh học tế bào, Sinh học phát triển cá thể, Sinh thái, hệ thống sinh giới để giải thích các vấn đề liên quan sức khỏe.
CLO2	Vận dụng được kiến thức về đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học phân tử ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền nhóm máu, di truyền đa gen đa nhân tố, bất thường bẩm sinh, di truyền ung thư để giải thích các vấn đề liên quan đến bệnh tật di truyền.
CLO3	Thực hiện được các tiêu bản máu, tiêu bản biểu bì hành…. để phân biệt các thành phần của tế bào trên tiêu bản.
CLO 4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		1															
CLO 2		1															
CLO 3		1															
CLO 4														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

VD: Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng...

6.1.2. Lâm sàng:

VD: Bệnh viện.... (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kính hiển vi, tiêu bản mẫu (tinh hoàn, tiểu não...), dao lam, mẫu vật tươi(hành củ, cà chua, ớt chuông, khoai tây....), lam kính, lamen, khay hạt đậu, hóa chất Xanhmethylen, nước cất, glycerol, Fucsin, cồn 70 độ, cồn tuyết đối, khăn lau, giấy thấm.
2	Động vật (con rết, con bọ cạp, sao biển, Cá ngựa, Cá nóc)
3	Máy chiếu Projecter, laptop
4	Loa, mic, phấn, bảng

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thể hiện rõ kế hoạch cá nhân và kế hoạch nghiên cứu bài học.

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại lục 10).
- Phải có giáo trình của học phần đáp ứng yêu cầu
- Dự lớp học lý thuyết:

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Lắng nghe giảng viên giảng bài; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

✓ Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn sinh viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

✓ Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

- Bài tập/thực hành/ thảo luận:

+ Sinh viên chuẩn bị các nội dung chủ đề trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận, tham gia đầy đủ 100% các bài thực hành/thảo luận.

+ Sinh viên chuẩn bị slide hoặc bài tập theo chủ đề trong bài học sau khi được giảng viên hướng dẫn cho bài học mới, có thể tương tác với giảng viên để kiểm tra lại bài chuẩn bị trước khi lên lớp nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dạy - học.

- Tự học:

+ *Lý thuyết*: Sinh viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên, chủ động chuẩn bị bài thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên, tài liệu học tập và các nguồn khác (nếu được yêu cầu), phân công cá nhân và tổ thực hiện bài thuyết trình. Đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn khác để có bài học cá nhân.

❖ Lý thuyết

- Phần Sinh học đại cương

Chương I: Các nguyên tố của sự sống, các chất vô cơ và hữu cơ cấu tạo nên tế bào: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học

Chương II: Sinh học tế bào: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương III: Sinh học phát triển cá thể: Đọc TLC và TLTK, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương IV: Nguyên lý Sinh thái: Đọc TLC và TLTK 1, 2. trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương IV: Hệ thống sinh giới: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Tự học phần Đa dạng sinh học

- Phần Di truyền

Chương I: Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến nhiễm sắc thể ở người: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học

Chương II: Một số kỹ thuật Sinh học phân tử ứng dụng trong y học- giới thiệu bộ gen người: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học. Tự đọc phần giới thiệu bộ gen người.

Chương III: Đột biến gen và các bệnh phân tử ở người: Đọc TLC và TLTK, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương IV: Di truyền đơn gen: Đọc TLC và TLTK. Trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương IV: Di truyền nhóm máu: Đọc TLC và TLTK . Trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương V: Di truyền đa gen và đa nhân tố ở người Đọc TLC và TLTK. Trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương VI:Bất thường bẩm sinh. Đọc TLC và TLTK. Trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Chương VIII: Di truyền ung thư. Đọc TLC và TLTK. Trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

+ *Thực hành*: Sinh viên đọc trước mỗi bài thực hành, chuẩn bị nội dung và kết quả báo cáo (dự kiến) cho bài thực hành (vấn đề được giảng viên giao).

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham gia và đạt 100% học thực hành và tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học lý thuyết.
- Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Sinh học gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.

Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1(2 tiết)	Các nguyên tố của sự sống. Các hợp chất vô cơ và hữu cơ cấu tạo nên tế bào. I. Các nguyên tố tạo sự sống II. Các hợp chất vô cơ trong cơ thể sinh vật III. Các hợp chất hữu cơ IV. Trạng thái lý học của nguyên sinh chất (*)	2/0/4	Vận dụng các kiến thức của bài học để giải thích các nguyên tố cấu tạo nên sự sống, các hợp chất vô cơ và hữu cơ cấu tạo nên cơ thể sống	*CLO1,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 1: (2 tiết+Buổi 2: 3.5 tiết)	Sinh học tế bào I. Lược sử hình thành tế bào học và học thuyết tế bào (*) II. Tế bào và hệ thống sinh giới III. Cấu trúc và chức năng của tế bào IV. Sự phân chia tế bào V. Sự chết tế bào có	5.5/0/4	Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc, hồi phục, sinh trưởng, phát triển, sinh sản tế bào.	*CLO1,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không

	chương trình (Apoptosis)						
Buổi 3(4 tiết)	Sinh học phát triển cá thể I. Khái niệm II. Các phương thức sinh sản của sinh vật III. Quá trình phát triển cá thể của động vật IV. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi(*) V. Một số thực nghiệm về phôi VI. Sự tái sinh(*) VII. Đa phôi	4/0/8	vận dụng các kiến thức vào chăm sóc sức khỏe theo lứa tuổi.	*CLO1,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 4(2 tiết)	Nguyên lý Sinh thái PhầnI. Hệ thống sinh giới I. Một số khái niệm chung II. Một số vấn đề của sinh cảnh III. Loài người và môi trường ngoại cảnh	2/0/5	Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh, hữu sinh đến sức khoẻ con người. Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc sức khỏe.	*CLO1,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 4(2 tiết)	Hệ thống Sinh giới I. Phân loại học II. Phân chia sinh giới PHẦN II. ĐA DẠNG SINH	2/0/5	Vận dụng các kiến thức để phòng các bệnh do vi khuẩn, virus, động vật	*CLO1,CLO3*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ -	Không

	HỌC(*) I. Khái niệm II. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đa dạng sinh học. III. Hiện trạng của đa dạng sinh học		nguyên sinh, nấm và những côn trùng, giun sán gây nên.			trả lời	
Buổi 5(4 tiết)	Đột biến nhiễm sắc thể và các hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể của người I. Những phương pháp xét nghiệm NST của người I. Vật thể giới tính của người III. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người IV. Đột biến nhiễm sắc thể V. Chỉ định xét nghiệm nhiễm sắc thể VI. Giới thiệu một số hội chứng bệnh liên quan đến rối loạn nhiễm sắc thể VII. Đa bội thể ở người	4/0/8	Vận dụng các kiến thức để giải thích các bệnh liên quan đến nhiễm sắc thể	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 6 (4 tiết)	MỘT SỐ KỸ THUẬT SINH HỌC PHÂN TỬ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC – GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI	4/0/8	Vận dụng các kiến thức gen để giải thích bệnh di truyền.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ -	Không

	I. Kỹ thuật tách chiết,điện di ADN II. Enzym giới hạn – phân đoạn ADN III. Phương pháp nhân ADN in vitro (Polymerase Chain Reaction: PCR) IV. Xác định trình tự Nucleotid trong phân tử ADN (Sequencing) V. Lai acid Nucleic VI. RFLP (*)(Restriction Fragment Length Polymorphisms) VII. Dấu ấn ADN (DNA Fingerprinting) VIII. Kỹ thuật chuyển gen – liệu pháp gen (*) GIỚI THIỆU BỘ GEN NGƯỜI (*)					trả lời	
Buổi 7 (3 tiết)	Đột biến gen và các bệnh phân tử ở người I. Đột biến gen II. Đột biến gen liên quan đến bất thường của phân tử Protein không phải enzym:bệnh Hemoglobin và rối loạn các yếu	3/0/8	Vận dụng các kiến thức gen để giải thích bệnh di truyền phân tử.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không

	tố đông máu *III. Bệnh Hemoglobin do bất thường số lượng chuỗi globin (Thalassemia).* IV. Đột biến gen gây rối loạn các yếu tố đông máu V. Bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh (Inborn errors of Metabolism *(*)*						
Buổi 8 (3 tiết)	Di truyền đơn gen I. Phân loại các nhóm bệnh do rối loạn vật chất di truyền gây nên II. Các tính trạng và rối loạn kiểu Mendel	3/0/8	Vận dụng các kiến thức về di truyền đơn gen để giải thích các bệnh, tật do di truyền đơn gen gây nên.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 9(2 tiết	Di truyền nhóm máu I. Di truyền nhóm máu II. Cơ sở di truyền đặc tính miễn dịch (*)	2/0/4	Giải thích cơ sở di truyền các nhóm máu và ứng dụng các kiến thức vào truyền máu an toàn	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 9 (2 tiết)	Di truyền đa gen và đa nhân tố ở người I. Các định nghĩa II. Đặc điểm của di truyền đa nhân tố	2/0/7.5	Giải thích được các nguyên lý dự báo nguy cơ tái mắc tật, bệnh di truyền đa gen, đa nhân tố.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không

	III. Một số bệnh,tính trạng di truyền đa gen ở người VI. Dự báo nguy cơ tái hiện bệnh ở thế hệ sau		Ứng dụng các kiến thức vào phòng bệnh.				
Buổi 10 (2 tiết)	Bất thường bẩm sinh I. Khái niệm II. Phân loại bất thường bẩm sinh III. Nguyên nhân phát sinh bất thường bẩm sinh IV. Các giai đoạn phát sinh bất thương bẩm sinh	2/0/4	Vận dụng các kiến thức vào chăm sóc và phòng ngừa bất thường bẩm sinh.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không
Buổi 10 (2 tiết)	Di truyền ung thư I. Kiểm soát sinh trưởng và biệt hóa tế bào II. Nguyên nhân phát sinh ung thư III. Cơ chế phát sinh ung thư IV. Thuyết nhiều tác động của sự phát sinh ung thư V. Các loại gen ung thư (cancer genes) VI. Ung thư và một số dạng đột biến	2/0/4	Vận dụng các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế di truyền để giải thích bệnh ung thư.	*CLO2,CLO4*	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Không

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi1 **(3 tiết)**	BÀI 1 KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC	3/0/1	Làm và quan sát được tiêu bản biểu bì hành, biểu bì cà chua bằng kính hiển vi	*CLO3,CLO4*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, mẫu vật là hành củ, cà chua	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Đánh giá thực hành bài 1
Buổi1 (2 tiết)	BÀI 2 HÌNH THỂ VÀ NHÂN TẾ BÀO	2/0/0	Quan sát được một số loại tế bào: máu, tiểu não… bằng kính hiển vi	*CLO3,CLO4*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, tiêu bản có sẵn.	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Đánh giá thực hành bài 2
Buổi2 (2 tiết)	BÀI 3 MỘT SỐ BÀO QUAN VÀ THỂ VÙI TRONG	2/0/0	Quan sát được một số loại tế bào: tinh thể	*CLO3,CLO4*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao	Đánh giá thực hành bài 3

	TẾ BÀO		oxalat calci trong vỏ củ hành khô bằng kính hiển vi - Làm được tiêu bản tinh bột khoai tây, hạt sắc lạp biểu bì ớt chín		hành, mẫu vật tinh bột khoai tây và tiêu bản có sẵn.	lại dựa vào bảng kiểm - Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	
Buổi2(2 tiết)	BÀI 4 TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT HOÀ TAN QUA MÀNG TẾ BÀO	2/0/1	Quan sát và làm được tiêu bản co nguyên sinh và phản co nguyên sinh ở biểu bì lá sò huyết Giải thích hiện tượng co và phản co nguyên sinh ở biểu bì lá sò huyết	*CLO3,CLO4*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, mẫu vật lá sò huyết	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm - Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Đánh giá thực hành bài 4
Buổi3 (2 tiết)	BÀI 5 PHÂN BÀO NGUYÊN NHIỄM	2/0/0	Quan sát được hình thức sinh sản của tế bào: nguyên phân rễ hành ., bằng kính hiển vi	*CLO3,CLO4*	Kính hiển vi, các dụng cụ thực hành, tiêu bản nguyên phân rễ	Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm	Đánh giá thực hành bài 5

					hành có sẵn,	thực hành (trực tiếp)	5. Viết báo cáo	
Buổi3 (1 tiết)	BÀI 6 MỘT SỐ TẾ BÀO SINH DỤC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT SINH TINH TRÙNG	1/0/0	Quan sát được tiêu bản hạt phấn hoa đơn kim, hạt phấn hoa ly, tinh hoàn động vật bằng kính hiển vi	*CLO3,CLO4*		Dạy học bằng phương pháp mẫu thực hành lại dựa vào bảng kiểm Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Đánh giá thực hành bài 6
Buổi 4(1 tiết)	Bài 7 PHÂN TÍCH BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI BÌNH THƯỜNG, BẤT THƯỜNG VÀ XẾP BỘ NHIỄM SẮC THỂ NGƯỜI (LẬP KARYOTYP)	1/0/1	Phân tích bộ NST người bình thường và bất thường	*CLO3,CLO4*	Bộ nhiễm sắc thể có sẵn	Thuyết trình Luyện tập và thực hành (trực tiếp)m	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Không
Buổi 4(1 tiết)	BÀI 8 NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BỆNH DI TRUYỀN ĐƠN GEN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHẢ HỆ	1/0/1	Làm được các bài tập tình huống có sẵn và phân tích quy luật di truyền	*CLO3,CLO4*		Dạy học bằng bài tập có sẵn	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	Không
Buổi 4 (1	Bài 9	1/0/1	*Nhận diện và*	*CLO3,CLO4*		Thuyết trình	. Nghe	Đánh giá

tiết)	**đặc điểm chính một số động vật liên quan đến y học**		*mô tả được 05 mẫu động vật liên quan đến Y học.*			Luyện tập và thực hành (trực tiếp)	2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Tiến hành thực nghiệm 5. Viết báo cáo	thực hành Bài 9
Thi hết thực hành: 5 tiết Hình thức thi: chạy trạm								

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**8.5 - 10 điểm**	**6.5 - 8.4 điểm**	**4.0 - 6.4 điểm**	**0 - 3.9 điểm**
Thái độ tham dự	100	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ không tham gia
Thời gian tham dự		Nếu nghỉ trên 8 tiết sẽ không được thi			

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm đánh giá thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần/thảo luận/kiểm tra	Thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO1,CLO 2, CLO4	Kế hoạch của BM
Điểm thực hành	30%	Thi thực hành	Bài thi	100%	không	CLO3	Thi chạy trạm
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Bài thi	100%	Không	CLO1, CLO2	Theo Kế hoạch của HV

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút, tổng số 60 câu

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	40%	24	9	10	5
CLO2	60%	36	10	18	8
Tổng	100	60	19	28	13

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung ́bnh chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1]. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2019), *Giáo trình Sinh học đại cương*.

[2] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam, Bộ môn Sinh học và Di truyền (2019), *Giáo trình Di truyền Y học*.

[3] Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt nam (2020), Giáo trình thực hành Sinh học và di truyền

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ SINH

Trình độ đào tạo: Đại học, **Ngành**: Bác sĩ Y học cổ truyền, **Mã số đào tạo**: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lý Sinh

* Tiếng Anh: BioPhysics

- Mã học phần/ mô đun: BIOP1001

- Số tín chỉ: 03 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

  + Lý thuyết: 38 tiết

  + Thực hành: 15 tiết

  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0

  + Kiểm tra, đánh giá: 7

  + Thời gian tự học: 90

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không

  + Học phần học trước (đã học): không

  + Học phần song hành: không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y vật lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Nguyễn Khắc Điền	0969745538	nguyenkhacdien@gmail.com
2	Ths. Chu Anh Tuấn	0983889344	cat07061982@gmail.com
3	Ths. Đào Văn Dinh	0399520963	daovandinh88@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Có kiến thức về các ứng dụng của vật lý trong chẩn đoán và điều trị.
MT HP2	Có khả năng đo lường một số thông số vật lý cơ bản của cơ thể.
MT HP3	Có kĩ năng làm việc độc lập, tích cực, hợp tác và sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân và của nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	1					
MT HP2	1					
MT HP3			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được các hiện tượng và các quá trình sinh học cơ bản xảy ra trong cơ thể sống bằng kiến thức và quy luật vật lý
CLO2	Vận hành được một số thiết bị đo lường cơ bản trong thực hành và nghiên cứu y sinh.
CLO3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả khi tham gia các hoạt động học tập của Học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra học phần (CLO) VÀO chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		1															
CLO 2		1															
CLO 3														1			

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy chiếu, loa, mic, bảng , phấn.

6.1.2. Lâm sàng: không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Nhớt kế
2	Khúc xạ kế
3	Phân cực kế để bàn
4	Lực kế
5	Kính hiển vi trường sáng
6	Máy quang phổ hồng ngoại – khả kiến (UV-VIS)
7	Cân phân tích
8	Thước kẹp
9	Nhiệt kế
10	Đồng hồ bấm giây

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: >80% số tiết LT, 100% các buổi thực hành
- Bài tập: Không
- Tự học: Không
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: tham gia >=80% số tiết lý thuyết,

7. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Lý Sinh là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành.

Môn học giúp phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sự biến đổi năng lượng trong cơ thể	4/0/8	Trình bày được các quá trình biến đổi năng lượng	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo	

			trong cơ thể		người học	luận trên lớp	
2	Chuyển động trong cơ thể sống – Quy luật vận chuyển máu và các yếu tố ảnh hưởng	4/0/8	- Giải thích được các hiện tượng và các quá trình sinh học cơ bản : khuếch tán, thẩm thấu, lọc siêu lọc - Giải thích được quy luật vận chuyển chất lỏng	CLO1, CLO2	Thuyết trình	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
3	Chuyển động trong cơ thể sống – Quy luật vận chuyển không khí ở phổi và các yếu tố ảnh hưởng	4/0/8	- Giải thích được các hiện tượng và các quá trình vận chuyển chất khí - Giải thích được quy luật vật lý ảnh hưởng tới sự trao đổi không khí	CLO1, CLO2	Thuyết trình	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
4	Dao động và sóng	4/0/8	Phân biệt được các loại sóng âm Trình bày được đặc điểm của âm, siêu âm và ứng dụng của siêu âm	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
5	Điện và	4/0/8	Trình bày	CLO1	Thuyết	- Đọc	Điểm thường

	sự sống		được cơ chế hình thành các loại điện thế màng tế bào - Giải thích được một số ứng dụng của dòng điện trong điều trị		trình ngắn tích cực hóa người học	trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	xuyên
6	Quang hình học	4/0/8	Giải thích được cơ chế hình thành, các sửa tật khúc xạ ở mắt	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
7	Bản chất sóng của ánh sáng	4/0/8	Trình bày được các quy luật tán sắc, giao thoa, nhiễu xạ, phân cực ánh sáng	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
8	Bản chất ánh sáng: tính chất hạt của ánh sáng	4/0/8	Trình bày được các quy luật hấp thụ, phát xạ ánh sáng Hiểu được tính chất laser và ứng dụng trong Y khoa	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
9	Bức xạ ion hoá	4/0/8	Trình bày được các tính chất cơ	CLO1	Thuyết trình ngắn	- Đọc trước bài ở	

			bản của tia bức xạ, cơ chế tương tác của bức xạ với vật chất		tích cực hóa người học	nhà - Thảo luận trên lớp	
10	Bức xạ ion hoá (tiếp)	2/0/4	Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy Xquang, ghi đo phóng xạ, và các biện pháp an toàn bức xạ	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	- Đọc trước bài ở nhà - Thảo luận trên lớp	
11	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để giải quyết các vấn đề của bài thi.	CLO1		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đo độ nhớt dung dịch bằng nhớt kế OSWALD	4/0/4	Sử dụng đồng hồ bấm giây, nhiệt kế đo được độ nhớt	CLO2 CLO3	Nhớt kế Đồng hồ Nhiệt kế	- PP thao tác mẫu thực hành lại	Quan sát, thực hành, thảo luận,	

			dung dịch,					
2	Đo hệ số căng bề mặt dung dịch	4/0/4	Sử dụng thành thạo lực kế, thước kẹp, đo được hệ số căng bề mặt của dung dịch	CLO2 CLO3	Lực kế, thước kẹp	PP thao tác mẫu thực hành lại ,	Quan sát, thực hành, thảo luận,	
3	Một số phương pháp định lượng nồng độ dung dịch	4/0/4	Sử dụng được phân cực kế, khúc xạ kế, xác định nồng độ dung dịch	CLO2 CLO3	Khúc xạ kế, phân cực kế, máy quang phổ hấp thụ UV-VIS	- PP Quan sát, PP thao tác mẫu thực hành lại	Quan sát, đàm thoại, thực hành, thảo luận,	
4	Sử dụng kính hiển vi	3/0/2	Sử dụng kính hiển vi, đo được chiết suất bản thủy tinh bằng KHV	CLO2 CLO3	Kính hiển vi	PP thao tác mẫu thực hành lại	Quan sát, đàm thoại, thực hành, thảo luận,	
5	Thi thực hành	0/4/0		CLO2 CLO3			Thao tác thực hành theo yêu cầu đề bài	Thi thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1 : đánh giá chuyên cần

Điểm	Mức F (0-3.9)	Mức D (4-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7-8.4)	Mức A (8.5-10)
Tiêu chí đánh giá	- Đi học <8 buổi	- Nghỉ học 1 hoặc 2 buổi - Không tham gia thảo luận xây dựng bài học	- Nghỉ học 1 hoặc 2 buổi - Tích cực tham gia xây dựng bài học	- Đi học đủ 10 buổi - Không tham gia thảo luận xây dựng bài học	- Đi học đủ 10 buổi - Tích cực tham gia xây dựng bài học

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành: không

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận: không

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Đánh giá chuyên cần	Điểm thường xuyên		1	CLO 3	
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Thi thực hành			CLO2 CLO3	Thi chạy trạm
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Thi lý thuyết			CLO1 CLO2	Thi trắc nghiệm trên máy tính

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 45

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	91 %	41	9	23	9

CLO2	9 %	4	1	2	1
Tổng	100%	45	10	25	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng:

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thực hành * 0.3) + (Điểm thi phần lý thuyết * 0.6) + (Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2019), *Lý sinh*

2. Bộ môn Sinh – Lý Sinh (Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam) (2019), *Thực tập Lý sinh*

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. PGS.TS Nguyễn Văn Thiện (2005), Vật lý lý sinh y học, Nhà xuất bản Y học
2. Lương Duyên Bình (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. PGS. TSKH. Phan Sỹ An (2005), *Lý sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA **PT. BỘ MÔN**

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN HÓA HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hóa học

* Tiếng Anh: Chemistry

- Mã học phần/ mô đun: CHEM1001
- Số tín chỉ: 2,5 LT/0,5 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 37,5 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 15 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 9 tiết (Thi LT + Thi TH)
  + Thời gian tự học: 88,5 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
  + Học phần học trước (đã học): Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Hoá học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hoài Vân	0979311819	hoaivantt@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Dũng	0982396848	vnnguyentiendung@gmail.com
3	TS. Ngô Hạnh Thương	0984910368	ngohanhthuong@gmail.com
4	ThS. Trương Thị Thu Hương	0948949998	Ngoctan31081@gmail.com
5	ThS. Đinh Thị Tuyết	0977683717	Dinhtuyet0210@gmail.com
6	TS. Đinh Thị Hồng Minh	0983220909	Minhdh255888@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Thị Hà	0989928899	nguyenhahyd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu và trình bày được một số kiến thức cơ bản về hóa đại cương, hóa vô cơ và hóa hữu cơ. Hiểu và nêu được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học trong đời sống, cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học của chúng. Hiểu và Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống
MT2	Nhận thức được tầm quan trọng của các bài học, làm quen với các kỹ thuật trong phòng thí nghiệm hóa học. Thực hiện được một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết; pha chế và xác định được pH của dung dịch; tính nồng độ; độ tan, tính chất của một vài hợp chất hữu cơ liên quan trong lĩnh vực y học.
MT3	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các phản ứng hóa học an toàn và hiệu quả. Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1	2	1	1			
MT2	2	1	1			
MT3	2	1	1			

4. 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa đại cương, hóa vô cơ và hóa hữu cơ để làm các bài tập liên quan đến lĩnh vực y dược.
CLO2	Giải thích và vận dụng được một số ứng dụng của các quá trình hóa học, các chất hóa học xảy ra trong cơ thể sống cũng như vai trò và ý nghĩa trong y học.
CLO3	Sử dụng được các dụng cụ cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học để thực hiện quy trình thí nghiệm: tính pH; tính nồng độ theo phương pháp acid – base, oxy hóa khử, tạo phức; xác định tính chất của acol – aldehyd – ceton, acid carboxylic và carbohydrat.
CLO4	Thực hiện công việc được giao và tự đánh giá kết quả theo các tiêu chí đã được xác định.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

CLO	PLO					
	PLO2	PLO8	PLO10	PLO11	PLO12	PLO14
CLO1	2	1	1	2	1	1
CLO2	2	1	1	2	1	1
CLO3	2	1	1	2	1	1
CLO4	2	1	1	2	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Giảng dạy trực tiếp: Giáo trình, tài liệu tham khảo, phấn bảng, máy tính, máy chiếu, màn chiếu, loa mic.

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Cốc có mỏ 250 ml, 1000ml
2.	Cốc có mỏ 100 ml
3.	ống nghiệm 20ml
4.	ống nghiệm 10ml
5.	Đũa thuỷ tinh
6.	Bình thủy tinh có nút nhám không màu, có màu 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml
7.	Bếp điện
8.	Lưới armiang
9.	Đèn cồn
10.	Giá đun đèn cồn
11.	Kẹp gỗ
12.	Bật lửa
13.	Giá để ống nghiệm
14.	Chổi rửa ống nghiệm
15.	Công tơ hút
16.	pipet
17.	Quả bóp cao su
18.	Buret 25ml
19.	Kẹp buret
20.	Giá đỡ buret
21.	Bình nón 250ml
22.	Bình định mức 50, 100ml
23.	Lọ thủy tinh đựng chỉ thị
24.	ống đong 10,15,25ml
25.	Khay đựng hóa chất.
26.	Găng tay y tế
27.	Khẩu trang than hoạt tính loại dày

Phòng học thực hành có: nội quy phòng thực hành, hộp sơ cứu, bảng, phấn, máy chiếu, bàn thực hành theo tiêu chuẩn

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) trước khi học học phần và thi kết thúc học phần.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành; chuẩn bị lý thuyết trước khi đến thực hành.

- Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại mục 8.1 và 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

* Lý thuyết

I. Cấu tạo nguyên tử. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

II. Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời được câu hỏi: Liên kết hóa học là gì. Trình bày được cấu tạo phân tử.

III. Nhiệt động học hóa học. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trình bày được định nghĩa, công thức tính toán hai nguyên lí của nhiệt động học (nguyên lí I và II).

IV. Động hóa học. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thuộc công thức phản ứng bậc 1, phản ứng bậc 2.

V. Đại cương về dung dịch. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời được các câu hỏi: Định nghĩa về acid, base, dung dịch. Các công thức tính nồng độ. Áp suất thẩm thấu.

VI. Dung dịch các chất điện li. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thuyết điện ly, dung dịch điện ly yếu, điện ly mạnh. Công thức tính pH.

VII. Dung dịch keo. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Định nghĩa dung dịch keo.

VIII. Điện hóa học. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Định nghĩa phản ứng oxy hóa khử. Định nghĩa về pin.

IX. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố phi kim. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Các nguyên tố kim loại, phi kim. Tìm hiểu về ứng dụng của các nguyên tố liên quan đến y học.

X. Đại cương về hóa học hữu cơ. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời câu hỏi về cấu tạo của carbon, lai hóa, hiệu ứng trong hóa hữu cơ.

XI. Hydrocacbon. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời được định nghĩa về hydrocarbon no, không no, thơm và các dẫn xuất của chúng.

XII. Alcol-phenol-Thiol- Ether. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Tìm hiểu ứng dụng của alcol-phenol-thiol-ether trong y học.

XIII. Aldehyd -Ceton-Glucid. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Tìm hiểu ứng dụng của Aldehyd -Ceton-Glucid trong y học.

XIV. Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Tìm hiểu ứng dụng của Acid carboxylic- Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic trong y học.

XV. Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Tìm hiểu ứng dụng của Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin trong y học.

XVI. Các hợp chất dị vòng. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Tìm hiểu ứng dụng của Các hợp chất dị vòng và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic trong y học.

* Thực hành

Nội dung 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành. Phương pháp chuẩn độ trung hòa. Hoàn thành bảng kiểm: nguyên tắc, phương trình phản ứng.

Nội dung 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử. Hoàn thành bảng kiểm: nguyên tắc, phương trình phản ứng.

Nội dung 3: Alcol – Aldehyd – ceton. Hoàn thành bảng kiểm: nguyên tắc, phương trình phản ứng.

Nội dung 4: Acid carboxylic – Carbohydrat. Hoàn thành bảng kiểm: nguyên tắc, phương trình phản ứng.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này có 3 tín chỉ, trong đó có 2,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá cương, vô cơ và hóa học hữu cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng. Học phần giúp người học hiểu được ứng dụng của một số hợp chất hóa học quan trọng trong đời sống và trong cơ thể con người, và ứng dụng của chúng trong y học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (2 tiết)	I.1. Giới thiệu về học phần hóa học I.2. Cấu tạo nguyên tử	2/0/4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học (nguyên tử, phân tử, dung dịch, động hóa học) làm các bài tập liên quan đến lĩnh vực y dược; giải thích vai trò, ý nghĩa của các quá trình trong y học.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Tranh luận 3. Động não	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	01 Bài kiểm tra định kỳ kiến thức từ mục I đến mục XVI
Buổi 1 (2 tiết) Buổi 2 (1 tiết)	II. Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử.	3/0/6		CLO1 CLO2			
Buổi 2 (3 tiết) Buổi 3 (1 tiết)	III. Nhiệt động học hóa học IV. Động hóa học	4/0/7		CLO1 CLO2		Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	
Buổi 3 (2 tiết)	V. Đại cương về dung dịch VI. Dung dịch các chất điện li	2/0/6		CLO1 CLO2			
Buổi 3 (1 tiết)	VII. Dung dịch keo	3/0/6					
Buổi 4 (2 tiết) Buổi 4 (2 tiết) Buổi 5 (1 tiết)	VIII. Điện hóa học	3/0/6		CLO1 CLO2			
Buổi 5 (3 tiết)	IX. Hóa học vô cơ: Các nguyên tố kim loại khối s, p,d Hóa học vô	3/0/6	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học các hợp chất vô cơ	CLO1 CLO2			

	cơ: Các nguyên tố phi kim		để làm các bài tập liên quan đến lĩnh vực y dược; giải thích vai trò, ý nghĩa của các quá trình trong y học.				
Buổi 6 (2 tiết)	X. Đại cương về hóa học hữu cơ XI. Hydrocacbon	2/0/4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hóa học hữu cơ để làm các bài tập liên quan đến lĩnh vực y dược; giải thích vai trò, ý nghĩa của các quá trình trong y học.	CLO1 CLO2		Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi	
Buổi 6 (2 tiết) Buổi 7 (1 tiết)	XII. Alcol-phenol-Thiol-Ether	3/0/6		CLO1 CLO2			
Buổi 7 (3 tiết)	XIII. Aldehyd -Ceton-Glucid	3/0/6					
Buổi 8 (2 tiết)	XIV. Acid carboxylic-Ester và hợp chất tạp chức có nhóm carboxylic	2/0/5,5					
Buổi 8 (2 tiết) Buổi 9 (1 tiết)	XV. Amin-amid và hợp chất tạp chức có nhóm amin	3/0/5		CLO1 CLO2			
Buổi 9 (3 tiết) Buổi 10 (1,5 tiết)	XVI. Các hợp chất dị vòng	4,5/1/6					
	Thi kết thúc học phần	4 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Nội dung 1: Giới thiệu một số dụng cụ và thao tác trong thực hành Phương pháp chuẩn độ trung hòa	4/0/4	Sử dụng được các dụng cụ cơ bản, thực hiện quy trình thí nghiệm để tính nồng độ của acid hoặc base	CLO3 CLO4	Tất cả các dụng cụ	Thuyết trình, thao tác mẫu, thực hành lại, bảng kiểm	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, trả lời, thực hành, viết báo cáo	Bài báo cáo thực hành
Buổi 2 (4 tiết)	Nội dung 2: Phương pháp chuẩn độ complexon. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa - khử	4/0/4	Sử dụng được các dụng cụ cơ bản, thực hiện quy trình thí nghiệm để tính nồng độ của Com III, độ cứng toàn phần của nước, nồng độ của $KMnO_4$, Fe^{2+}.	CLO3 CLO4	Tất cả các dụng cụ	Thuyết trình, thao tác mẫu, thực hành lại, bảng kiểm	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, trả lời, thực hành, viết báo cáo	
Buổi 3 (4 tiết)	Nội dung 3: Ancol – Aldehit - ceton	4/0/4	Sử dụng được các dụng cụ cơ bản, thực hiện quy trình thí nghiệm để giải thích được độ tan của alcol, tính khử của aldehyd và ceton	CLO3 CLO4	Tất cả các dụng cụ	Thuyết trình, thao tác mẫu, thực hành lại, bảng kiểm	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, trả lời, thực hành, viết báo cáo	
Buổi 4 (3 tiết)	Nội dung 4: Acid carboxylic -	3/0/3	Sử dụng được các dụng cụ cơ bản, thực	CLO3 CLO4	Tất cả các dụng	Thuyết trình, thao tác mẫu,	1 Nghe giảng, ghi chép,	

	Carbohydrat		hiện quy trình thí nghiệm để giải thích được độ tan của acid, tính khử của carbohydrat		cụ	thực hành lại, bảng kiểm	thảo luận, trả lời, thực hành, viết báo cáo	
	Thi hết thực hành	4,0 tiết				Chấm thi theo bảng kiểm	Làm bài thi thực hành	Bài thi thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. **Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)**

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**				
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**
Chuyên cần	Đi học ≤ 7 buổi.	Đi học đủ 8 buổi, đi muộn 2 buổi	Đi học đủ 8 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học đủ 9 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 10 buổi .
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.
Bài kiểm tra trên lớp	Điểm trung bình các bài kiểm tra (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra (8.5 – 10)

9.2.2. **Rubric 2: Đánh giá bài thường xuyên (thực hành)**

Rubic 2.1. Điều kiện dự thi thực hành

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Chuẩn bị	Chuẩn bị trên 50% số thí nghiệm trong bảng kiểm trước khi đến lớp	Chuẩn bị dưới 50% số thí nghiệm trong bảng kiểm trước khi đến lớp
Tham dự lớp	Tham gia học đủ các bài thực hành	Vắng từ 01 buổi học thực hành không phép trở lên
Kết quả thực hành	Hoàn thành tất cả các thí nghiệm của bài học	Không hoàn thành các thí nghiệm của bài học

Sinh viên được đánh giá là đạt được dự thi thực hành.

Rubric 3. Đánh giá kết quả thi thực hành

Tiêu chí	Điểm từ 4,0 – 10,0	Mức F 0 – 3.9 điểm
Kết quả thi thực hành	Điểm cụ thể của từng bài được đánh giá theo bảng kiểm thi trực tiếp tại phòng thực hành	Không ra kết quả, hoặc ra chưa làm xong ½ thí nghiệm hoặc gian lận trong thi cử

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Đánh giá 01 bài kiểm tra (lý thuyết) trên lớp.	Điểm của 01 bài kiểm tra	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học, tham gia bài kiểm tra.
Điểm thực hành	30%	Đánh giá bài thi thực hành tại phòng thí nghiệm	- Điểm của 01 bài kiểm tra	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4	Tham dự bài thi thực hành theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Bài thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm của 01 bài trên máy	100%	Không	CLO1 CLO2	Tham dự bài thi cuối kỳ theo lịch của PĐT

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút; Tổng số câu: 30

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

CLO1	50%	15	5	7	3
CLO2	50%	15	5	7	3
Tổng	100%	30	10	14	6

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thi kết thúc thực hành là điểm của 01 bài thực hành
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm kiểm tra thường xuyên * 0.1)

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Hóa học. *Bài giảng Hóa học vô cơ và hữu cơ.* Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] PGS.TSKH Phan An (2020), *Bài giảng Hóa học vô cơ và hữu cơ*

[2] Lê Thành Phước (2015), *Hóa đại cương vô cơ t1, t2*. NXB Y học.

[3] Bộ Y tế (2007). Hóa học hữu cơ. NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

`ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
TIN HỌC ỨNG DỤNG – XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC
Trình độ đào tạo: Bác sĩ, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng - Xác xuất thống kê y học

* Tiếng Anh: Applied Informatics - Probability of medical statistics

- Mã học phần/ mô đun: INMA3001
- Số tín chỉ: 03(2.0LT/1.0TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
    + Lý thuyết: 30 tiết
    + Thực hành: 30 g tiết
    + Thảo luận, hoạt động nhóm:
    + Kiểm tra, đánh giá: 09 tiết (thi LT +thi TH)
    + Thời gian tự học: 81 tiết
- **Đối tượng học (năm thứ)**: Sinh viên đại học y học cổ truyền năm thứ ba
- **Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo**

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
    + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
    + Học phần học trước (đã học): Tin học đại cương
    + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	ThS. Phí Văn Phương	0904387179	Toán-Tin	vnphivanphuong@gmail.com
2	TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	0988900957	Toán-Tin	ngocquynh37@gmail.com
3	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	0945112963	Toán-Tin	dothanh1810@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	0904336196	Toán-Tin	thuytrang198210@gmail.com
5	TS. Trần Thị Vân	0983109980	Toán-Tin	tranvanem68@yahoo.com.vn
6	ThS. Hoàng Minh Phương	0936936916	Toán-Tin	nguyenngoctrang18@gmail.com

7	ThS. Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	Toán-Tin	nguyenvantuyetdt@gmail.com
8	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	Toán-Tin	lanem79vatm@gmail.com
9	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	Toán-Tin	hoangthuhang2183@yahoo.com
10	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	Toán-Tin	nguyentukhaothi@gmail.com
11	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Toán-Tin	Trinhnt83@gmail.com
12	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	Toán-Tin	hienloveu2101@gmail.com
13	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	Toán-Tin	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Áp dụng được các kiến thức thức cơ bản về xác suất và thống kê để tính xác suất, lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và thực hiện được các loại kiểm định giả thuyết thống kê
MT HP2	Có kiến thức cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và kiến thức cơ sở về xác suất thống kê y học.
MT HP3	Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án. Nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.
MT HP4	Có trách nhiệm, nghiêm túc thực hiện vận dụng công nghệ thông tin, xác suất thông kê vào trong quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa hoc và vận dụng vào cuộc sống.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
MT HP1	1		1			
MT HP2	2		1			
MT HP3	2		2			
MT HP4						2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 1	Vận dụng được các công thức, tính chất của xác suất, thống kê và tham số mẫu; ước lượng khoảng tin cậy để giải một số bài toán xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê liên quan lĩnh vực Y học.
CLO 2	Lựa chọn được kiểm định phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, áp dụng kiến thức xác suất, thống kê vào phân tích số liệu trong nghiên cứu y dược.
CLO3	Tìm kiếm được thông tin y tế trực tuyến tuyến trên Google, các Webside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác một số tính năng chuyên sâu của Google drive;

	Trích dẫn, quản lý được tài liệu tham khảo vào chương trình Word.
CLO4	Sử dụng phần mềm SPSS để nhập, mã hóa dữ liệu; chuyển file dữ liệu sang dạng Excel, thực hiên phân tích và giải thích được các thống kê suy luận: kiểm định giá trị trung bình, tỷ lệ, tương quan và hồi quy. Từ đó ứng dụng phần mềm vào việc làm báo cáo luận văn, nghiên cứu và một số báo cáo thực tế tại bệnh viện.
CLO5	Làm việc độc lập và giao tiếp hiệu quả với các hoạt động trên lớp của học phần.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO).

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2															
CLO 2		2						1									
CLO 3		1						1	3								
CLO 4		2						1	2								
CLO 5														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Tổ chức dạng SEMINAR

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
5.	Phòng thực hành Tin học 405
6.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22
7.	Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China
8.	Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Lắng nghe giảng viên giảng bài; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn sinh viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

Thực hiện đúng nội qui, qui định của phòng thực hành Tin học.

6.2.2. Bài tập:

Sinh viên làm bài tập về nhà (đạt 80% yêu cầu).

6.2.3. Tự học:

- *Lý thuyết*: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành.

***Bài 1: Xác suất**:*

Bài tập trang 18,19,32, từ trang 146 đến trang 149 TLC [2]

Bài 2: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục:

Bài tập trang 45 TLC [2]

Bài 3: Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc:

Bài tập trang 150,151 TLC [2]

Bài 4: Tham số mẫu:

Bài tập trang 151,153 TLC [2]

Bài 5: Kiểm định giả thuyết thống kê

Bài tập 1, 2 trang 150,151 TLC [2]

Bài 6: Kiểm định giá trị trung bình

Bài tập trang 96 TLC [2]

Bài 7: So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn:

Bài tập trang 152 TLC [2]

Bài 8: Kiểm định giá trị của xác suất:

Bài tập trang 156 TLC [2]

***Bài 9: So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập**:*

Bài tập trang 154,155 TLC [2]

- *Thực hành*: Sinh viên chủ động tổ chức ôn bài học trước, tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và làm trước các bài tập thực hành có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới trong phần bài tập lượng giá, phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định. Cụ thể sinh viên cần làm và tìm hiểu trước các bài tập trong phần bài tập lượng giá:

Bài 1: ***Hệ thống mạng Lan & Internet:***

Bài tập trong phần lượng giá cuối bài học 1-2 (trang 37, 38) TLC [3]

Bài 2: ***Tìm kiếm và sử dụng thông tin:***

Bài tập trong phần lượng giá cuối bài học trang 48) TLC [3]

Bài tập trong phần bài tập thực hành 1 -9 (trang 118)) TLC [3]

Bài 3: ***Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote:***

Bài tập trong phần lượng giá cuối bài học 1-2 (trang 71)) TLC [3]

Bài tập trong phần bài tập thực hành 1 -4 (trang 119, 120)) TLC [3]

Bài 4: ***Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS:***

Bài tập trong phần lượng giá cuối bài học 1-2 (trang 117)) TLC [3]

Bài tập trong phần bài tập thực hành 1-5 (trang 121-126) TLC [3]

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

+ Tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học giờ học lý thuyết.
+ Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tin học ứng dụng-Xác suất thống kê y học là học phần kiến thức cơ sở của khối ngành có 3 tín chỉ gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

Lý thuyết: Học phần trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược. Học phần giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trù …trong lĩnh vực y dược.

Thực hành: Học phần Tin học ứng dụng sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Wedside uy tín trong và ngoài nước; Áp dụng phần mềm quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote để giúp tự động hóa việc trích dẫn, lập danh mục quản lý và chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn; Ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; Sử dụng phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết) + Buổi 2 (1 tiết)	**Bài 1:** ***Xác suất*** 1. Định nghĩa xác suất 2. Công thức tính xác suất -Công thức cộng -Công thức nhân -Công thức xác suất toàn phần -Công thức Bayes -Bài toán phản ứng xét nghiệm	5/0/12	1.1 Sử dụng được các công thức đếm mẫu, công thức xác suất vào giải một số bài toán xác suất trong Y dược học và trong thực tiễn.	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Buổi 2 (3 tiết)	**Bài 2:** ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục*** 1.Khái niệm đại lượng ngẫu nhiên (liên tục, rời rạc) 2.Hàm mật độ và phân phối xác suất 3.Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: -Trung bình -Phương sai và độ lệch chuẩn 4. Quy luật chuẩn: định nghĩa, các	3/0/8	2.1 Sử dụng được một số quy luật xác suất thường gặp của đại lượng ngẫu nhiên liên tục vào giải bài toán xác suất và làm căn cứ cho các nghiên cứu trong thống kê y, dược	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

	đặc trưng. 5.Quy luật khi bình phương, quy luật Student, quy luật Fisher-Snedecor 6.Giá trị tới hạn 7. Tra ngược						
Buổi 3 (4 tiết)	**Bài 3:** ***Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc*** 1.Quy luật nhị thức 2.Quy luật Poisson 3.Quy luật siêu bội 4.Quy luật đa thức	3/0/6	3.1 Sử dụng được một số quy luật xác suất thường gặp của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc vào giải bài toán xác suất và làm căn cứ cho các nghiên cứu trong thống kê y, dược.	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Buổi 4 (4 tiết)	**Bài 4:** ***Tham số mẫu.*** 1.Giá trị trung tâm: Trung bình. Trung vị Số mod 2.Giá trị biến thiên: -Khoảng -Phương sai - độ lệch chuẩn -Bách phân vị, tứ phân vị, khoảng phân vị -Hệ số biến thiên	4/0/8	4.1. Hiểu ý nghĩa và tính được các tham số mẫu thường gặp	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Buổi 5 (3 tiết)	**Bài 5:** ***Kiểm định giả thuyết thống kê*** 1.Các bước bài toán kiểm định 2.Các xác suất của bài toán kiểm	3/0/6	5.1. Hiểu được mục đích và các bước tiến hành kiểm định giả thuyết; Phân biệt được 2 loại sai lầm có thể mắc phải khi tiến	CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu	Điểm thường xuyên

	định 3. Thực hiện ước lượng khoảng		hành kiểm định. 5.2. Tính được khoảng tin cậy cho giá trị trung bình			hỏi	
Buổi 5 (1 tiết) + Buổi 6 (1 tiết)	**Bài 6*: Kiểm định giá trị trung bình lý thuyết*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị trung bình lý thuyết	2/0/4	6.1 Thực hiện được các bước kiểm định của bài toán kiểm định một giá trị trung bình vào nghiên cứu khoa học	CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Buổi 6 (3 tiết) + Buổi 7 (1 tiết)	**Bài 7: *So sánh phương sai, so sánh trung bình của hai biến chuẩn*** 1.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh phương sai 2.Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh trung bình của hai biến chuẩn cho các trường hợp khác nhau của phương sai	4/0/9	7.1 Phân biệt được dạng bài toán kiểm định một giá trị trung bình với bài toán so sánh phương sai và so sánh trung bình hai biến chuẩn. 7.2. Thực hiện được các bước kiểm định của các bài toán: so sánh phương sai; so sánh trung bình hai biến chuẩn vào nghiên cứu khoa học	CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Buổi 7 (2 tiết)	**Bài 8: *Kiểm định giá trị của xác suất*** Thực hiện 4 bước của bài toán kiểm định giá trị giá trị của xác suất	2/0/4	8.1. Vận dụng các bước bài toán kiểm định xác suất để giải một số bài toán thống kê trong nghiên cứu về y, dược.	CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

Buổi 7 (1 tiết) + Buổi 8 (3 tiết)	**Bài 9:** ***So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập*** Thực hiện 4 bước của bài toán so sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập	4/0/8	9.1. Vận dụng các bước bài toán so sánh các tỉ lệ, kiểm định tính độc lập để giải một số bài toán thống kê trong nghiên cứu về y, dược.	CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
	Kiểm tra thường xuyên	0/4/0		CLO1		Làm bài kiểm tra	
	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Nhớ và áp dụng các công thức, tính chất của xác suất, thống kê và tham số mẫu; ước lượng khoảng tin cậy để giải một số bài toán xác suất và kiểm định giả thuyết thống kê.	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Buổi 1 (4 tiết)	**1. Hệ thống mạng lan & internet** 1.1. Hệ thống mạng Lan 1.2. Hệ thống mạng Internet	**4/0/2**	- Học viên biết cách chia sẻ và sử dụng thành thạo tài nguyên trên hệ thống mạng Lan - Tìm kiếm hiệu quả thông tin trên Internet và khai thác ứng dụng trên Internet	CLO3	- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	- Thuyết trình ngắn - TH theo hướng dẫn - Làm việc nhóm	1. Tự học đọc GT trang 3-38) TLC [3], 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách BTTH : bài tập 1-9 (trang 118)) TLC [3]; 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả	Không
Buổi 2 (4 tiết)	**2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin** 2.1. Các loại OPACs. 2.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí 2.3. Thông tin y học trực tuyến 2.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	**4/0/2** **8/0/4**	- Truy cập được địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y. - Tìm kiếm dowload được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu trực tuyến chuyên ngành Y.	CLO3C LO5	- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	- Thuyết trình ngắn - TH theo hướng dẫn - Làm việc nhóm	1. Tự học đọc GT trang 39-49) TLC [3] 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách BTTH: bài tập 1 -9 (trang 118)) TLC [3] 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	Điểm thường xuyên
Buổi 3	**3. Phần mềm quản lý tài**	4/02	- Quản lý và tạo danh	CLO3C	- Máy vi tính:	- Thuyết	1. Tự học đọc GT	Điểm

(4 tiết	**liệu tham khảo Endnote** 3.1. Giới thiệu phần mềm 3.2. Cài đặt và khởi động Endnote 3.3. Tạo một thư viện EndNote mới 3.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word.		mục tài liệu tham khảo. - Áp dụng được phần mềm Endnote giúp tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.	LO5	61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA	trình ngắn - TH theo hướng dẫn - Làm việc nhóm	trang 50-71) TLC [3] 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách BTTH: bài tập 1 -4 (trang 119,120)) TLC [3] 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	thường xuyên
Buổi 4 (4 tiết)	3.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu) 3.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word 3.7.Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote	4/0/2						
	4. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS	**14/0/8**	- Vận dụng kiến thức SPSS để xử lý dữ liệu: Tạo biến và nhập tệp dữ liệu, gán nhãn dữ liệu Thao tác tìm kiếm, sắp xếp dữ liệu, trích lọc, tính toán, mã hóa dữ liệu.	CLO4C LO5	- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China	- Thuyết trình ngắn - TH theo hướng dẫn - Làm việc nhóm	1. Tự học đọc GT trang 72-117) TLC [3] 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách BTTH: bài tập 1-5 (trang	Điểm thường xuyên
Buổi 5 (4 tiết)	4.1. Xử lí dữ liệu trên SPSS 4.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả 4.3. Biểu đồ	4/0/2						

Buổi 6 (4 tiết)	4.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	4/0/2	- Thao tác được các bước trong xử lý và phân tích số liệu: bảng tần số, bảng tính các đại lượng thống kê, nhận biết được biến tuân theo qui luật chuẩn, vẽ biểu đồ. - Thao tác được các bước kiểm định mối quan hệ giữa hai biến, so sánh giá trị trung bình. - Trình bày, đọc kết quả xử lý qua SPSS.		- Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA		121-126)) TLC [3] 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	
Buổi 7 (4 tiết)	4.5. Kiểm định về trung bình	4/0/2						
Buổi 8 (4 tiết)	4.6. Phân tích phương sai (ANOVA)	2/0/2						
Buổi 9 (4 tiết)	Thi TH trên máy tính	**0/4/0**	- Thực hành tìm kiếm dowload được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu trực tuyến chuyên ngành Y. - Truy cập vào kho tạp chí Scholar, trang Pebmed để tìm kiếm TT tài liệu nhằm trích dẫn vào Endnote. Tạo được tài liệu tham khảo thủ công, trích dẫn vào đề tài nghiên cứu khoa học. - Sử dụng SPSS để sắp	CLO3 CLO4				Điểm thi TH

			xếp, trích lọc, tính toán, phân loại dữ liệu; Kiểm định biến chuẩn, tính tỉ lệ, tìm mối quan hệ, so sánh giá trị trung bình.					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 1(Đánh giá thường xuyên lý thuyết):

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**40%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**60%**

Rubric 2(Đánh giá thường xuyên thực hành):

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần đi học	Đi học <4 buổi.	Đi học <5 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <5buổi, không đi muộn	Đi học <6 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 6 buổi	**20%**

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Chuẩn bị bài tập TH	Làm <5 bài tập (0 - 3.9)	Làm <9 bài tập (4 – 5.4)	Làm <12 bài tập (5.5 – 6.9)	Làm <15 bài tập (7 – 8.4)	Làm <18 bài tập (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Thực hành	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO5	
Điểm thi Thực hành	30%			100%		CLO3 CLO4	
Điểm thi Lý thuyết	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 20

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	40%	8	2 (25%)	4 (50%)	2(25%)
CLO2	60%	12	3(25%)	6(50%)	3(25%)
Tổng	100%	40	5	10	5

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của điểm bài kiểm tra *và* điểm thi kết thúc học phần *theo bảng 9.3.1*

- Điểm lý thuyết là điểm trung bình chung theo trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần lý thuyết.
- Điểm thực hành là điểm thi thực hành trực tiếp tại phòng thực tập Tin học.
- Điểm học phần:

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm thực hành * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

- Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn toán Tin (2021). *Bài giảng Thống kê y tế*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

[2] Đặng Đức Hậu (2008), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[3]. Bộ môn Tin học (2021), *Tin học ứng dụng*, Học viện y – dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 1 Thống kê cơ bản)*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Đại học Y tế Công cộng (2005), *Giáo trình thống kê y tế công cộng (Phần 2 Phân tích số liệu)*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Hà Xuân Bộ & Đỗ Đức Lâm*, Hướng dẫn sử dụng phần mềm endnote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo,* Học viện Nông nghiệp Hà Nội(2019).

[4]. Bộ quốc phòng Học viện quân Y, *Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Hà Nội(2022)

[5]. Bộ môn Toán - Tin, *Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[6]. Bộ môn Toán - Tin, Thực hành SPSS và ứng dụng trong Y –sinh học, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

11. Hướng dẫn thực hiện

✔ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✔ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✔ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✔ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm:***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm:***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÂM LÝ Y HỌC - ĐẠO ĐỨC Y HỌC - TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng đào tạo: Bác sỹ y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tâm lý học – Đạo đức y học - Truyền thông và giáo dục sức khỏe
* Tiếng Việt: Tâm lý học – Đạo đức y học - Truyền thông và giáo dục sức khỏe
* Tiếng Anh: Psychology - Medical ethics - Media and health education
- Mã học phần/ mô đun: SOC 3001
- Số tín chỉ: 2,0LT/00.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học:60 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc x	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	□

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Các học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
  + Học phần học trước (đã học):
  + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Đỗ Văn Pha	0916359842	dopha70@yahoo.com
2	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiến thức
MT HP1	Nắm được những kiến thức cơ bản về: những diễn biến tâm lý của người bệnh trong điều kiện bình thường và khi có bệnh; các kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe; các nguyên tắc cơ bản trong

	chỉ đạo hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe; các nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh tật chính cần truyền thông.
	Kỹ năng
MT HP2	Xây dựng kỹ năng lắng nghe, chia sẻ, thương lượng và giải quyết những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và thân nhân người bệnh; Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình; Lập được kế hoạch truyền thông - Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe để chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP3	Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người; phân loại các hiện tượng tâm lý người nói chung và người bênh nói riêng
CLO2	Xác định được vai trò và sứ mệnh của người thầy thuốc
CLO3	Rèn luyện được tinh thần trách nhiệm cao trong quá trinhg chăm sóc người bệnh cũng như tác phong giao tiếp đúng đắn với người bệnh và người nhà của người bệnh
CLO4	Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc ra quyết định và can thiệp chăm sóc sức khỏe người bệnh, cộng đồng.
CLO5	Luôn đặt sự an toàn , quyền lợi của người bệnh làm trung tâm. Nhận biết các nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn
CLO6	Sử dụng công cụ đa truyền thông hỗ trợ chuyển tài các thông tin, kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo...

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO **CLO**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**
CLO1		3										3		3		3	3
CLO2		3										3		3		3	3
CLO3		3										3		3		3	3
CLO4		3										3		3		3	3
CLO5		3										3		3		3	3
CLO6		3										3		3		3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mịc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp – Truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền với thời lượng 2.0 tín chỉ gồm 08 bài giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về tâm lý con người nói chung, tâm lý y học nói riêng. Cùng với những kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe. Để từ đó rèn luyện được những phẩm chất đạo đức, kỹ năng cần có của một người thầy thuốc.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản về tâm lý người bệnh, về đạo đức con người nói chung và đạo đức y học nói riêng. Bên cạnh đó là những nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh. Ngoài ra còn có những khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Hành vi sức khoẻ; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khoẻ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: - Bản chất hiện tượng tâm lý người. - Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp	4	1.Trình bày được khái niệm, bản chất, đặc điểm tâm lý người 2.Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý y học 3. Trình bày được	*1,3*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	nghiên cứu của Tâm lý Y học		các lĩnh vực ứng dụng của tâm lý y học. 4.				
2	Bài 2: Tâm lý người bệnh	3	Phân tích được mối quan hệ giữa tâm lý và bệnh. Trình bày được những đặc điểm tâm lý ở người bệnh mắc các bệnh khác nhau.	1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Bài 3: Đạo đức y học	4	1.Trình bày được khái niệm và cấu trúc của đạo đức và đạo đức y học. 2.Trình bày và phân tích được ý nghĩa của việc nghiên cứu và học tập đạo đức y học. 3. Trình bày được nội dung lời thề Hypocrate, 9 điều y huấn cách ngôn của Hải Thượng Lãn Ông và Tuyên ngôn Geneva. Phân tích được ý nghĩa của 3 lời thề trên.	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Bài 4: Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	4	1. Trình bày được định nghĩa, các đặc điểm của giao tiếp và phân tích được các quá trình xảy ra trong giao tiếp. 2.Trình bày và	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			phân tích được các phương tiện của giao tiếp 3. Phân tích, so sánh được 2 dạng phong cách giao tiếp. 4. Hình thành thái độ tích cực, tôn trọng người bệnh.		trình ngắn		
5	Bài 5: - Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. - Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao giáo dục sức khỏe	4	1. Trình bày được khái niệm, mục đích của Truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. 2. Phân tích được vị trí vai trò của Truyền thông - giáo dục sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân 3. Trình bày được hệ thống tổ chức Truyền thông - giáo dục sức khỏe trong ngành Y tế Việt Nam	6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
6	Bài 6: - Hành vi sức khỏe, quá trình		1.Trình bày được khái niệm về hành vi, hành vi sức khỏe.		Phương pháp giảng dạy tích cực	Hoạt động nhóm Động não Học dựa	

	thay đổi hành vi - Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe		2. Phân tích được các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe. 3. Trình bày được các bước của quá trình thay đổi hành vi và phân tích các yếu tố tác động đến các bước của quá trình thay đổi hành vi. 4.Nêu các nguyên tắc chính để lựa chọn các nội dung Truyền thông - giáo dục sức khỏe. 5. Liệt kê được các nội dung chính cần tiến hành Truyền thông - giáo dục sức khỏe hiện nay. 6. Trình bày được những nội dung cơ bản của các vấn đề sức khỏe, bệnh tật chính cần tập trung Truyền thông - giáo dục sức khỏe.		giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	trên vấn đề	
7	Bài 7: - Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức		1.Trình bày được khái niệm về phương tiện và phương pháp Truyền thông - giáo dục sức khỏe. 2. Trình bày được		Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	khỏe - Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe		các phương tiện Truyền thông - giáo dục sức khỏe. 3. Trình bày được các phương pháp Truyền thông - giáo dục sức khỏe trực tiếp và gián tiếp. 4. Trình bày được các nội dung quản lý đặc trưng trong Truyền thông - giáo dục sức khỏe.		trình ngắn		
8	Bài 8: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	2	1. Trình bày được khái niệm chung về truyền thông. 2. Phân tích được các yêu cầu làm cho truyền thông có hiệu quả. 3. Trình bày được các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện.	6,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học không đầy đủ	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của nhà trường	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của nhà trường	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của nhà trường	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của nhà trường và được nêu gương	**10%**
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mnh	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra điều kiện	30%	Làm bài kiểm tra tự luận 60 phút	Điểm thường xuyên	Điều kiện thi kết thúc học phần (30%)	2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi test trên máy	Thi lý thuyết	70%	3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	20	4	6	6	4
CLO2	60 %	30	6	9	9	6
Tổng	100%	50	10	15	15	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- Hướng dẫn học phần Tâm lý y học – Kỹ năng giao tiếp (tài liệu lưu hành nội bộ)
- Giáo trình truyền thông- giáo dục sức khỏe (Học viện YDHCTVN -2017, Nhà xuất bản Y học)

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1, Trường Đại học Y Hà Nội – Bộ môn Y đức và Y xã hội học (2012), **Tâm lý Y học**, NXB Y học

2, Trường Đại học Y Hà Nội (2011), **Đạo đức Y học**, NXB Y học

3, Trường đại học y khoa Thái Nguyên - Bộ môn y xã hội học (2008**)**, **Bài giảng môn Tâm lý học – y đức** , Chủ biên Ths. GVC. Đàm Thị Tuyết

4. Nguyễn Quang Uẩn (2003), **Tâm lý học đại cương** , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

5. PGS.TS. Nguyễn Văn Nhận (2006), **Tâm lý học Y học,** NXB Y học

6. Nguyễn Huỳnh Ngọc (2010), **Tâm lý học y học – y đức,** NXB Giáo dục Việt Nam

7. Bộ Y tế. Giáo dục và nâng cao sức khỏe (2013), nhà xuất bản Y học. Hà Nội

8. Trường đại học Y Dược Thái Nguyên -Bộ môn Y học cộng đồng. Giáo trình truyền thông giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học. 2006.

9. Baltasar Gracian. 300 điều nên tránh trong giao tiếp, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 270 (trang 2002).

10. David J. Anspaugh, Mark B.Dignan, Suán L.Aspaugh. Health promotion program, McGraw-Hill Companiees (2000), 219 pg.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: bác sỹ Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
* Tiếng Việt: Phổ biến Pháp luật về hành nghề
* Tiếng Anh: Disemination of law practice
- Mã học phần/ mô đun: SOC 6004
- Số tín chỉ: 01 LT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 50 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 5 tiết
  + Thời gian tự học: 30 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học ngành YHCT năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn YTCC

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đinh Thị Hương	0914681139	Dinhhuong512@gmail.com
2	Ths. Trương Thị Minh Trang	0975778477	truongminhtrang16@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MTHP
MT1	Cung cấp những kiến thức căn bản nhất của Luật Khám bệnh chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế và Luật Dược
MT2	Vận dụng được các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh để giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn.

Bảng 3.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu của học phần đến MT của CTĐT

MTCTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1		2				
MT2		2				

1-Mức đóng góp ít; 2- Mức đóng góp vừa; 3- Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR của học phần (CLO)
CLO1	Ứng dụng kiến thức pháp luật về hành nghề trong khám bệnh chữa bệnh và thực hiện quy định của pháp luật về hành nghề khám bệnh chữa bệnh.
CLO2	Làm việc độc lập tự chịu trách nhiệm trong công tác hành nghề khám chữa bệnh; Có trách nhiệm tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1-Mức đóng góp ít; 2- Mức đóng góp vừa; 3- Mức đóng góp nhiều

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1	2																2
CLO2	2																2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

- Sinh viên phải thể hiện rõ kế hoạch cá nhân và kế hoạch nghiên cứu bài học.
- Sinh viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại lục 10).
- Sinh viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên, chủ động chuẩn bị bài thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên, tài liệu học tập và các nguồn khác (nếu được yêu cầu), phân công cá nhân và tổ thực hiện bài thuyết trình. Đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc

chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn khác để có bài học cá nhân.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; tham dự 100% buổi kiểm tra đầy đủ

- Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả học phần/ mô đun

Phổ biến pháp luật về hành nghề nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hành nghề khám chữa bệnh, các vấn đề liên quan đến Luật khám chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế, luật dược, một số các vấn đề liên quan đến hành nghề. Các quyền và nghĩa vụ của người hành nghề, các quy định của Nhà nước về hành nghề khám bệnh chữa bệnh. Học phần giúp người học hiểu để vận dụng được các quy định của pháp luật hiện hành vào cuộc sống và hành nghề y.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương) chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1	Chương I. Luật Khám bệnh chữa bệnh	04/0	1. Nắm được các quy định của Luật khám bệnh chữa bệnh	CLO1	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp đ*ộng não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	
Buổi 2	Văn bản Quy phạm pháp luật về khám chữa bệnh	04/0	1. Nắm được một số văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước về hành nghề khám chữa	CLO01	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán;	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu	

			bệnh		2. Phương pháp *động não)*	hỏi – trả lời	
Buổi 3	Chương II. Luật Bảo hiểm y tế	04/0	1. Nắm được các quy định của Luật Bảo hiểm y tế và một số văn bản hướng dẫn hiện hành	CLO01 CLO02	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	
Buổi 4	Luật Dược	03/0	1. Nắm được các quy định của Luật Dược và một số văn bản hướng dẫn hiện hành	CLO01 CLO02	1. Phương pháp thuyết giảng; - Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán; 2. Phương pháp *động não)*	1. Chuẩn bị bài theo đúng theo mục 6.2 và theo nội dung hoạt động dự giờ trên lớp 2. Đặt câu hỏi – trả lời	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <1.5 buổi.	Đi học <3 buổi, đi muộn	Đi học <3 buổi,	Đi học <4 buổi,	Đi học đủ 4 buổi	**20%**

		1 buổi	không đi muộn	không đi muộn	.	
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Lý thuyết	Điểm thường xuyên	50%	Rubric 1	CLO1, CLO2	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1, CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50 (Dễ 50%; Trung bình: 30%; Khó 20%)

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	50 %	25	12	4	4	5
CLO2	50 %	25	12	4	4	5
Tổng	100%	50	24	8	8	10

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết thi phần lý thuyết

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính chế Tín chỉ các bậc A,B+, B, C+, C, D+, D và F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Nội dung bài giảng Phổ biến hành nghề do bộ môn biên soạn.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
- Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12, ngày 14 tháng 11 năm 2008;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 06 năm 2014;
- Luật dược số: 105/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06/4/2016. Ngày 19/4/2016, Chủ tịch nước ký Lệnh số 05/2016/L-CTN về việc công bố Luật dược. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 54/2017//NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của luật Dược;
- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;
- Thông tư 32/2013/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202…..

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU 1

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Giải phẫu 1

* Tiếng Anh: Human Anatomy 1

- Mã học phần: MEDI1001

- Số tín chỉ: 2,0 LT/1,0 TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 5,5 tiết (KTTX: 0,5 tiết/ thi LT: 1 tiết/ thi TH: 4 tiết)

+ Thời gian tự học: 84,5 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 1

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần học trước: 0

+ Học phần song hành: 0

+ Học phần học trước: 0

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV thỉnh giảng
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghunghvqy@gmail.com	
4	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	GV hợp đồng
5	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	
6	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	
7	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	Trợ giảng

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu MT	Nội dung MT HP
MT1	Kiến thức khái quát về đặc điểm giải phẫu đại thể hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan.
MT2	Khả năng vận dụng kiến thức đã học xác định được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ cơ xương khớp, thần kinh, giác quan trên ảnh, atlat, mô hình và trên cơ thể người.
MT3	Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2					
MT HP2	2					
MT HP 3			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Cơ xương khớp.
CLO2	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của của các cơ quan thuộc hệ Thần kinh.
CLO3	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các của các cơ quan thuộc Giác quan.
CLO4	Xác định được các mốc giải phẫu của cơ quan thuộc hệ Cơ xương khớp, Thần kinh, Giác quan trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.
CLO5	Tự giác trong học tập và nghiên cứu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		2															
CLO 2		2															
CLO 3		2															
CLO 4		2															
CLO5														1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2.
- Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng.

6.1.2. Thực hành: mô hình, máy chiếu, tranh, atlas, phấn, bảng.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1 Dự lớp:

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

6.2.2. Tự học:

- Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng.
- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

- **Lý thuyết: Trả lời các câu hỏi lượng giá theo từng nội dung bài học** (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2,3,4)

Bài 1: Giải phẫu hệ xương khớp

Câu 1: Mô tả hình thể ngoài, các mốc giải phẫu của các xương, khớp vùng đầu mặt cổ?

Câu 2: Mô tả hình thể ngoài, các mốc giải phẫu của các xương, khớp chi trên?

Câu 3: Mô tả hình thể ngoài, các mốc giải phẫu của các xương, khớp chi dưới?

Câu 4: Mô tả hình thể ngoài, các mốc giải phẫu của các xương, khớp thân mình?

Bài 2: Giải phẫu hệ cơ

Câu 1: Nêu được vị trí, nguyên ủy, bám tận, thần kinh chi phối, động tác của các cơ vùng đầu mặt cổ?

Câu 2: Nêu được vị trí, nguyên ủy, bám tận, thần kinh chi phối, động tác của các cơ thân mình?

Bài 3: Giải phẫu hệ cơ (tiếp)

Câu 1: Nêu được vị trí, nguyên ủy, bám tận, thần kinh chi phối, động tác của các cơ chi trên?

Câu 2: Nêu được vị trí, nguyên ủy, bám tận, thần kinh chi phối, động tác của các cơ chi dưới?

Bài 4: Đại cương hệ thần kinh. Giải phẫu hệ thần kinh trung ương

Câu 1: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của thân não?

Câu 2: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của tiểu não?

Câu 3: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của tủy sống?

Bài 5: Giải phẫu hệ thần kinh trung ương (tiếp)

Câu 1: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của não thất IV?

Câu 2: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của đại não?

Câu 3: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của gian não?
Câu 4: Mô tả vị trí, hình thể ngoài, liên quan, chức năng của não thất bên?
Câu 5: Trình bày về các đường dẫn truyền thần kinh?
Câu 6: Trình bày về các màng não tủy?

Bài 6: Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên
Câu 1: Mô tả vị trí, nguyên ủy, đường đi, liên quan, phân nhánh, chi phối hoạt động của các thần kinh sống?
Bài 7: Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên (tiếp)
Câu 1: Mô tả vị trí, nguyên ủy, đường đi, liên quan, phân nhánh, chi phối hoạt động của các thần kinh sọ?
Bài 8: Giải phẫu các giác quan (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2)
Câu 1: Mô tả hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo, liên quan, chức năng của các cơ quan thị giác?
Câu 2: Mô tả hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo, liên quan, chức năng của các cơ quan thính giác?

- **Thực hành: Xác định các mốc giải phẫu trên mô hình, tranh, ảnh** (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2,3,4)

Bài 1: Giải phẫu hệ xương khớp
- Xương khớp đầu mặt cổ
- Xương khớp thân mình

Bài 2: Giải phẫu hệ xương khớp (tiếp)
- Xương khớp chi trên
- Xương khớp chi dưới

Bài 3: Giải phẫu hệ cơ
- Cơ vùng đầu mặt cổ
- Cơ thân mình

Bài 4: Giải phẫu hệ cơ (tiếp)
- Cơ chi trên
- Cơ chi dưới

Bài 5: Giải phẫu hệ thần kinh trung ương
- Thân não
- Tiểu não
- Tủy sống
- Não thất IV
- Đại não
- Gian não

Bài 6: Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên
- Các thần kinh sống
- Các thần kinh sọ

Bài 7: Giải phẫu các giác quan (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2)
- Cơ quan thị giác
- Cơ quan thính giác

Bài 8: Ôn tập

6.2.3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần
- Tham dự lý thuyết trên lớp tối thiểu đạt 80%
- Tham dự 100% số buổi thực hành.
- Hoàn thành bài KTTX.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Giải phẫu 1 trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về giải phẫu hệ xương, hệ cơ, hệ khớp, hệ thần kinh, các giác quan; giúp sinh viên tự mô tả và xác định đúng vị trí, hình thể, liên quan, đặc điểm chức năng của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở cũng như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**- Nhập môn Giải phẫu người** **- Giải phẫu hệ xương khớp:** + Xương khớp vùng đầu mặt cổ + Xương khớp chi trên + Xương khớp chi dưới + Xương khớp thân mình	4/0/10	- Khái niệm môn học - Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của hệ xương khớp.	CLO1 CLO5	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Thuyết trình kết hợp hỏi đáp.	- Tự học: như mục 6.2.2. - Tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu.	Không
2	**Giải phẫu hệ cơ**: - Cơ vùng đầu mặt cổ. - Cơ thân mình	4/0/7	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của các hệ cơ vùng đầu mặt cổ và	CLO1 CLO5 CLO1 CLO5			

			thân mình.	CLO2 CLO5			
3	**Giải phẫu hệ cơ (tiếp)**: - Cơ chi trên - Cơ chi dưới	4/0/8	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của các hệ cơ chi trên và chi dưới.				
4	**- Đại cương hệ thần kinh** **- Giải phẫu hệ thần kinh trung ương:** - Thân não - Tiểu não - Tủy sống	4/0/5	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của thân não, tiểu não, tủy sống.				
5	**Giải phẫu hệ thần kinh trung ương (tiếp):** - Đại não - Gian não - Não thất IV - Não thất bên - Các đường dẫn truyền thần kinh - Các màng não tủy	4/0/5	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của đại não, gian não.	CLO2 CLO5			
6	**Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên:** - Các thần kinh sống	4/0/5	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của các thần	CLO2 CLO5			

			kinh sống.	CLO2			
7	**Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên (tiếp):** - Các thần kinh sọ	2/0/5	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của các thần kinh sọ.	CLO5 CLO3 CLO5			
8	**Giải phẫu các giác quan:** - Cơ quan thị giác - Cơ quan tiền đình ốc tai	4/0/0	Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và chức năng của các giác quan.				
Theo lịch của PĐT	**Thi kết thúc HP**	0/1/0					Điểm thi KTHP: - Trắc nghiệm trên máy tính - Nội dung: theo kết cấu đề
	TỔNG	**30/1,0/40**					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH / KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**- Giải phẫu hệ xương khớp:** + Xương khớp vùng	4/0/7	Chỉ được các mốc giải phẫu	CLO4 CLO5	- Thuyết trình -Thực	- Tự học: như mục 6.2.2.	Không

	đầu mặt cổ + Xương khớp chi trên		của các cơ quan trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.		hành lại	- Tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu.	
2	**- Giải phẫu hệ xương khớp (tiếp):** + Xương khớp chi dưới + Xương khớp thân mình	4/0/7					
3	**Giải phẫu hệ cơ**: - Cơ vùng đầu mặt cổ. - Cơ thân mình	4/0/7					
4	**Giải phẫu hệ cơ (tiếp)**: - Cơ chi trên - Cơ chi dưới	4/0/7					
5	**Giải phẫu hệ thần kinh trung ương:** - Thân não - Tiểu não - Tủy sống - Não thất IV - Đại não - Gian não	4/0/7					
6	**Giải phẫu hệ thần kinh ngoại biên:** - Các thần kinh sống - Các thần kinh sọ	4/0/7					
7	**Giải phẫu các giác quan:** - Cơ quan thị giác - Cơ quan tiền đình - ốc tai	4/0/7					
8	**Ôn tập**	2/0/2.5	Nội dung 7 bài thực hành				
9	**Thi thực hành**	0/4/0	Nội dung 7 bài thực hành				Điểm thi thực hành
	TỔNG	**30/4/44,5**					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra tự luận trong các câu hỏi lượng giá phần tự học mục 6.2.2

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**CĐR HP**	**Mô tả mức chất lượng**					**Điểm**
			8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**	
Kiến thức theo nội dung câu hỏi của bài kiểm tra	90%	CLO1 CLO2 CLO3	Đáp ứng 85% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 70% đến 84% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 55% đến 69% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 40% đến 54% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	100%
Hình thức trình bày	10%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Rubic 2: Đánh giá bài thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt bài Thực hành Giải phẫu 2**	**Trọng số**
Xác định 30 mốc giải phẫu trên mô hình	Mỗi 01 mốc xác định **chính xác** đạt 0,33 điểm; **không chính xác hoặc không xác định** đạt 00 điểm.	100%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm bài kiểm tra thường xuyên	10%	Một trong các câu hỏi lượng giá	KTTX	100%	Rubic 1	CLO1 CLO2 CLO3	Tự luận, điểm đánh giá theo Rubic 1

						CLO5	
Điểm thực hành	30%	Tất cả các bài thực hành	Thực hành	100%	Rubic 2	CLO4 CLO5	Chạy trạm trên mô hình người, điểm đánh giá theo Rubic 2
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Tất cả các bài lý thuyết	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO1 CLO2 CLO3	Theo kết cấu đề thi, điểm đánh giá theo thiết kế phần mềm thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút Tổng số câu hỏi: 40

CĐR HP	Trọng số	Tổng câu hỏi	Câu hỏi bậc 1	Câu hỏi bậc 2
CLO1	40,0%	16	6	10
CLO2	46,6%	18	8	10
CLO3	13,4%	8	4	4
Tổng	**100%**	**40**	**18**	**22**

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.4.2. Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm tổng kết học phần là điểm thi kết thúc học phần theo công thức:

Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x 6,0 + Điểm thực hành x 0,3 + Điểm kiểm tra đánh giá x 1,0)/ 10

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2014), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.
2. Frank H.Netter,MD (2009), *Atlas Giải phẫu người*, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.
2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương; Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo đề cương chi tiết module và hướng dẫn của giảng viên dạy module.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: GIẢI PHẪU 2

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Giải phẫu 2

* Tiếng Anh: Human Anatomy 2

- Mã học phần: MEDI1002
- Số tín chỉ: 1,0 LT/ 1,0 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 5,5 tiết (KTTX: 0,5 tiết; thi LT: 1 tiết; thi TH: 4 tiết)
  + Thời gian tự học: 49,5 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☑		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: 0

+ Học phần song hành: 0

+ Học phần học trước: Giải phẫu 1

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Giải phẫu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Email	Ghi chú
1	TS. Quách Thị Yến	0978461278	quachthiyen888@gmail.com	
2	ThS. Nguyễn Thị Sinh	0979343896	sinhnguyen.gp@gmail.com	GV thỉnh giảng
3	ThS. Nguyễn Trung Hưng	0913317480	nguyentrunghunghvqy@gmail.com	
4	ThS. Bùi Văn Thăng	0924017894	bmgiaiphauvatm@gmail.com	GV hợp đồng
5	TS. Hoàng Cao Hiếu	0943338586	hoangcaohieu@gmail.com	
6	ThS. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	trangnh1215@gmail.com	

7	BS. Đào Thúy Hằng	0812002636	daothuyhang1512@gmail.com	Trợ giảng

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu MT	Nội dung MT HP
MT1	Kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu và hệ sinh dục.
MT2	Khả năng vận dụng kiến thức đã học xác định được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu và hệ sinh dục trên ảnh, atlat, mô hình và trên cơ thể người
MT3	Khả năng làm việc được độc lập và làm việc nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2					
MT HP2	2					
MT HP3			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn.
CLO2	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp.
CLO3	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa.
CLO4	Mô tả được đặc điểm giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tiết niệu và hệ Sinh dục.
CLO5	Xác định được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp, Tuần hoàn, Tiêu hóa, Tiết niệu và Sinh dục của trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.
CLO6	Tự giác trong học tập và nghiên cứu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO1		2															
CLO2		2															
CLO3		2															
CLO4		2															

CLO5		2														
CLO6														2		

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2.
- Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng.

6.1.2. Thực hành: mô hình, máy chiếu, tranh, atlas, phấn, bảng, phần mềm giải phẫu 3D.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

6.2.2. Tự học

- Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng.
- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

*** Lý thuyết: Trả lời các câu hỏi lượng giá theo từng nội dung bài học** (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2,3,4)

Bài 1: Giải phẫu hệ tuần hoàn

Câu 1: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn?

Câu 2: Mô tả được mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn?

Câu 3: Trình bày được các cấu trúc liên quan của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn?

Bài 2: Giải phẫu hệ hô hấp

Câu 1: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp?

Câu 2: Mô tả mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối hệ Hô hấp?

Câu 3: Trình bày được các cấu trúc liên quan của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp?

Bài 3: Giải phẫu hệ tiêu hóa

Câu 1: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa?

Câu 2: Mô tả được mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa?

Câu 3: Trình bày được các cấu trúc liên quan của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa?

Bài 4: Giải phẫu hệ tiết niệu, hệ sinh dục

Câu 1: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể của các cơ quan thuộc hệ Tiết niệu?

Câu 2: Mô tả được mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tiết niệu?

Câu 3: Trình bày được các cấu trúc liên quan của các cơ quan thuộc hệ Tiết niệu?

Câu 4: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể của các cơ quan thuộc hệ Sinh dục?

Câu 5: Mô tả được mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Sinh dục?

Câu 6: Trình bày các cấu trúc liên quan của các cơ quan thuộc hệ Sinh dục?

*** Thực hành: Xác định các mốc giải phẫu trên mô hình, tranh, ảnh atlas** (Đọc TLC số 1 và TLTK số 1,2,3,4)

Bài 1: Giải phẫu hệ tuần hoàn

- Tim
- Trung thất

Bài 2: Giải phẫu hệ tuần hoàn – tiếp

- Vòng tuần hoàn phổi
- Vòng tuần hoàn hệ thống

Bài 3: Giải phẫu hệ hô hấp

- Mũi
- Hầu
- Thanh quản
- Khí quản
- Phế quản
- Phổi

Bài 4: Giải phẫu hệ tiêu hóa

- Miệng
- Thực quản
- Dạ dày
- Ruột non
- Ruột già

Bài 5: Giải phẫu hệ tiêu hóa – tiếp

- Các tuyến nước bọt
- Tụy
- Gan

Bài 6: Giải phẫu hệ tiết niệu

- Thận
- Niệu quản
- Bàng quang
- Niệu đạo

Bài 7: Giải phẫu hệ sinh dục

- Cơ quan sinh dục nam

+ Tinh hoàn

+ Mào tinh

+ Ống dẫn tinh

+ Túi tinh

+ Ống phóng tính

+ Tuyến hành niệu đạo

+ Dương vật

+ Bìu

- Cơ quan sinh dục nữ

+ Buồng trứng

+ Vòi dẫn trứng

+ Tử cung

+ Âm đạo

+ Âm hộ

+ Tuyến tiền đình lớn

Bài 8: Ôn tập

6.2.3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết lý thuyết.
- Tham dự 100% số tiết thực hành.
- Hoàn thành bài KTTX.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Giải phẫu 2 trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu và Sinh dục; giúp sinh viên mô tả và xác định được vị trí, hình thể, liên quan, mạch máu nuôi dưỡng và thần kinh chi phối của các cơ quan này trên cơ thể người bình thường, từ đó làm nền tảng phục vụ cho các môn học cơ sở như Sinh lý học, Mô học – Phôi thai học và các môn học chuyên ngành.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Tuần 1/ Buổi 1	**Giải phẫu hệ tuần hoàn** - Đại cương hệ tuần hoàn - Tim - Tuần hoàn phổi - Tuần hoàn hệ thống	4/0/8	Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể, mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn.	CLO1 CLO6	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Thuyết trình kết hợp hỏi đáp.	- Tự học: như mục 6.2.2. - Tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu.	Không
Tuần 2/ Buổi 2	**Giải phẫu hệ hô hấp** - Mũi - Hầu - Thanh quản - Khí quản - Phế quản - Phổi	3/0/6	Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể, mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp.	CLO2 CLO6			
Tuần 3/ Buổi 3	**Giải phẫu hệ tiêu hóa** - Đại cương hệ tiêu hóa - Miệng - Thực quản - Dạ dày - Ruột non và các tuyến tiêu hóa lớn - Ruột già	4/0/8	Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể, mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa.	CLO3 CLO6			
Tuần 4/ Buổi 4	**Giải phẫu hệ tiết niệu** - Thận - Niệu quản - Bàng quang - Niệu đạo	2/0/6	Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể, mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Tiết	CLO4 CLO6			

			niệu.				
	Giải phẫu hệ sinh dục 1. Cơ quan sinh dục nam - Cơ quan sinh dục trong - Cơ quan sinh dục ngoài 2. Cơ quan sinh dục nữ - Cơ quan sinh dục trong - Cơ quan sinh dục ngoài - Tuyến vú	2/0/6	Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo đại thể, mạch máu nuôi dưỡng, thần kinh chi phối của các cơ quan thuộc hệ Sinh dục.	CLO4 CLO6			
Theo lịch của PĐT	**Thi kết thúc HP**	0/1/0	Nội dung 5 bài lý thuyết				Điểm thi KTHP: - Trắc nghiệm trên máy tính - Nội dung: theo kết cấu đề
	Tổng	**15/1,0/34**					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.2. Kế hoạch, nội dung giảng thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (TH/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1/ Buổi 1	**Giải phẫu hệ tuần hoàn** - Tim và trung thất - Mạch máu đầu – mặt – cổ	4/0/2	Chỉ được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tuần hoàn trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.	CLO5 CLO6	- Thuyết trình - Thực hành lại	- Tự học: như mục 6.2.2. - Tóm tắt ý chính của bài học và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề chưa hiểu.	Không
Tuần 2/ Buổi 2	**Giải phẫu hệ tuần hoàn** - Các mạch máu lớn của tuần hoàn hệ thống và sự cấp máu ở ngực bụng - Mạch máu chi trên, chi dưới	4/0/2					
Tuần 3/ Buổi 3	**Giải phẫu hệ hô hấp** - Mũi - Hầu - Thanh quản - Khí quản - Phế quả - Phổi	4/0/2	Chỉ được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Hô hấp trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.				
Tuần 4/ Buổi 4	**Giải phẫu hệ tiêu hóa** 1. Đường ống tiêu hóa: - Thực quản - Dạ dày - Ruột non - Ruột già	4/0/2	Chỉ được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tiêu hóa trên mô hình, trên cơ thể người và				
Tuần 5/	**Giải phẫu hệ**	4/0/2					

Buổi 5	**tiêu hóa** 2. Các tuyến tiêu hóa - Các tuyến nước bọt - Gan - Tụy		tranh atlas.				
Tuần 6/ Buổi 6	**Giải phẫu hệ tiết niệu** - Thận - Niệu quản - Bàng quang - Niệu đạo	4/0/2	Chỉ được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Tiết niệu trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.				
Tuần 7/ Buổi 7	**Giải phẫu hệ sinh dục** 1. Cơ quan sinh dục nam - Cơ quan sinh dục trong - Cơ quan sinh dục ngoài 2. Cơ quan sinh dục nữ - Cơ quan sinh dục trong - Cơ quan sinh dục ngoài - Tuyến vú	4/0/2	Chỉ được các mốc giải phẫu của các cơ quan thuộc hệ Sinh dục trên mô hình, trên cơ thể người và tranh atlas.				
Tuần 8/ Buổi 8	Ôn tập	2/0/1,5	Nội dung 7 bài thực hành				
Tuần 9/ Buổi 9	**Thi thực hành**	0/4/0	Nội dung 7 bài thực hành				Điểm thi TH
	Tổng	**30/4/15,5**					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Kiểm tra tự luận một trong các câu hỏi lượng giá ở mục tự học 6.2.2

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**CĐR HP**	**Mô tả mức chất lượng**					**Điểm**
			8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**	
Kiến thức theo nội dung câu hỏi của bài kiểm tra	90%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đáp ứng 85% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 70% đến 84% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 55% đến 69% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 40% đến 54% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	100%
Hình thức trình bày	10%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Rubic 2: Đánh giá bài thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt bài Thực hành Giải phẫu 2**	**Trọng số**
Xác định 30 mốc giải phẫu trên mô hình	Mỗi 01 mốc xác định **chính xác** đạt 0,33 điểm; **không chính xác hoặc không xác định** đạt 00 điểm.	100%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Điểm bài kiểm tra thường xuyên	10%	Một trong các câu hỏi lượng giá	KTTX	100%	Rubic 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Tự luận, điểm đánh giá theo Rubic 1
Điểm thực hành	30%	Tất cả các bài thực hành	Thực hành	100%	Rubic 2	CLO5 CLO6	Chạy trạm trên mô hình người, điểm đánh giá theo Rubic 2
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Tất cả các bài lý thuyết	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo kết cấu đề thi, điểm đánh giá theo thiết kế phần mềm thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra HP	**Trọng số**	**Tổng câu hỏi**	**Câu hỏi bậc 1**	**Câu hỏi bậc 2**
CLO1	27,5%	11	4	7
CLO2	17,5%	7	2	5
CLO3	27,5%	11	5	6
CLO4	27,5%	11	5	6
Tổng	**100%**	**40**	**16**	**24**

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.4.2. Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Điểm tổng kết học phần là điểm thi kết thúc học phần theo công thức:

Điểm tổng kết học phần = (Điểm lý thuyết x 6,0 + Điểm thực hành x 0,3 + Điểm kiểm tra đánh giá x 1,0)/ 10

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2014), *Bài giảng Giải phẫu học*, NXB Y học.

2. Frank H.Netter, MD (2009), *Atlas Giải phẫu người*, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Giải phẫu – Đại học Y Hà Nội (2006), *Giải phẫu người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa)*, NXB Y học.

2. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 1 (Giải phẫu học đại cương; Chi trên – chi dưới – đầu – mặt – cổ)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 2 (Giải phẫu ngực – bụng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. GS.TS.BS. Trịnh Văn Minh (2010), *Giải phẫu người Tập 3 (Giải phẫu Hệ thần kinh – Hệ nội tiết)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo đề cương chi tiết module và hướng dẫn của giảng viên dạy module.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔ PHÔI THAI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Mô phôi thai học

* Tiếng Anh: Histology and Embryology

- Mã học phần: MEDI1003

- Số tín chỉ: 2LT/1TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0

+ Kiểm tra/thi: 6 tiết (1 tiết lý thuyết, 4 tiết thực hành, 1 tiết KTTX)

+ Thời gian tự học: 84 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học ngành YHCT năm thứ 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần học trước: Sinh học tế bào

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Mô học - Phôi thai học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Quách Thị Yến	0912661423	Quachthiyen888@gmail.com
2	Ths. Cù Thị Bích Thủy	0987467088	Bichthuymp1905@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Huyền Trang	0947152902	Trangnh1215@gmail.com
4	TS. Võ Đình Vinh	0913237239	vodinhvinh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1	- Kiến thức về cấu tạo hình thái tế bào, mô, cơ quan người bình thường để giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của chúng.
MT2	- Ứng dụng sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường để giải

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
	thích một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.
MT3	- Nhận biết đúng các loại: tế bào, mô và các cấu trúc của các cơ quan khi quan sát dưới KHVQH.
MT4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2					
MT HP2	2					
MT HP 3	2					
MT HP 4			1			

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được cấu trúc mô học của tế bào, mô, cơ quan người bình thường để giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của chúng.
CLO2	Trình bày được đại cương sự hình thành và phát triển phôi thai người bình thường
CLO3	Giải thích được một số dị dạng bẩm sinh thường gặp
CLO4	Nhận biết được mô cơ quan, tế bào người bình thường khi quan sát dưới kính hiển vi quang học
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần(CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		1															
CLO 2		2															
CLO 3		1															
CLO 4		1															

CLO 5														1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: cần trang bị đầy đủ máy chiếu, loa mic, bút chỉ, bảng phấn

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
01	Kính hiển vi
03	Tranh

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.1và 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

+ Lý thuyết:

++ Bài 1,2: Giới thiệu môn học và biểu mô: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả được: Đặc điểm, vị trí, mối liên hệ của Mô học với các môn học khác trong Y học. Nội dung khái quát; phương pháp dạy - học & lượng giá học phần. Các tài liệu học tập và tham khảo chính về Mô học.
- Trình bày được định nghĩa, chức năng và những tính chất chung của biểu mô
- Phân biệt các loại biểu mô phủ, biểu mô tuyến về vị trí và cấu tạo
- Giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo của biểu mô với vị trí và chức năng của chúng

++ Bài 3: Mô liên kết: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả được cấu tạo chung của mô liên kết chính thức
- So sánh về cấu tạo hình thái và chức năng của các sợi liên kết
- Mô tả được cấu tạo hình thái và nêu chức năng của các tế bào liên kết
- Trình bày được định nghĩa, chức năng và cấu tạo chung của mô sụn
- So sánh về cấu tạo và vị trí của các loại mô sụn
- Mô tả cấu tạo chung của mô xương.

- Mô tả cấu tạo hình thái của từng loại xương: xương cốt mạc, xương Havers đặc, xương Havers xốp

++ Bài 4: Mô cơ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả được cấu tạo vi thể và siêu vi thể của sợi cơ vân
- Mô tả được cấu tạo vi thể và siêu vi thể của sợi cơ tim
- Mô tả được cấu tạo vi thể và siêu vi thể của sợi cơ trơn
- So sánh được cấu tạo vi thể và siêu vi thể của 3 loại sợi cơ: cơ vân, cơ tim và cơ trơn

++ Bài 5: Mô thần kinh- Hệ thần kinh: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả được cấu tạo của nơron(thân nơron)
- Phân biệt sợi nhánh và sợi trục
- Phân biệt 3 loại sợi thần kinh
- Nêu cấu tạo của sinap hóa học
- Kể tên và liên hệ chức năng các tế bào thần kinh đệm
- Mô tả ðýợc cấu tạo mô học của tuỷ sống & tiểu não. Kể tên các lớp tế bào của vỏ não.
- Trình bày được cấu tạo của màng não tuỷ.
- Mô tả ðýợc cấu tạo mô học của: Hạch thần kinh và dây thần kinh ngoại vi. Liệt kê & nêu chức năng những tận cùng thần kinh vận ðộng & cảm giác ngoại vi.

++ Bài 6: Hệ tuần hoàn: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả cấu tạo chung của thành động mach. Phân biệt về cấu của thành động mạch cơ và động mạch chun
- Mô tả cấu tạo của thành mao mạch
- Phân biệt 3 loại mao mạch
- Mô tả cấu tạo của thành tĩnh mạch, phân biệt về cấu tạo giữa thành động mạch với thành tĩnh mạch
- Trình bày vị trí, cấu tạo các thành phần tham gia cấu tạo hệ tuần hoàn bạch huyết

++ Bài 7: Hệ hô hấp: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- So sánh về cấu tạo mô học của đường dẫn khí trong và ngoài phổi
- Giải thích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của các đoạn dẫn khí
- Giải thích được sự phù hợp giữa cấu tạo của phế nang với quá trình trao đổi khí-máu

++ Bài 8: Da và tuyến phụ thuộc: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Trình bày cấu tạo và chức năng của da
- Trình bày cấu tạo và chức năng của tuyến mồ hôi
- Trình bày cấu tạo và chức năng của tuyến bã
- Kể tên được các lớp của lông

++ Bài 9: Hệ bạch huyết- miễn dịch: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Phân biệt được cấu tạo và chức năng của các loại tế bào võng
- Trình bày được sự biệt hoá của dòng hồng cầu và dòng bạch cầu lympho
- Trình bày được cấu tạo vi thể của tuỷ xương và tuyến ức

- Phân biệt được cấu tạo mô học của tuyến ức, hạch bạch huyết và lách dưới kính hiển vi quang học

++ Bài 10: Hệ tiêu hóa: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Trình bày được cấu tạo chung của thành ống tiêu hóa chính thức
- Phân biệt về cấu tạo và chức năng các đoạn của ống tiêu hóa chính thức
- Trình bày cấu tạo vi thể, siêu vi thể của tiểu thùy gan theo thuyết cổ điển
- Trình bày cấu tạo các thành phần của khoảng cửa của gan
- Trình bày vị trí, cấu tạo, chức năng của tuyến nýớc bọt
- Trình bày vị trí, cấu tạo, chức năng của tuyến tụy

++ Bài 11: Hệ tiết niệu: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Giải thích được sự phù về cấu tạo vi thể của tiểu cầu thận với chức năng của chúng
- So sánh về cấu tạo và chức năng của các đoạn ống thận
- Trình bày được cấu tạo của phức hợp cận tiểu cầu và liên hệ với chức năng của chúng

++ Bài 12: Hệ nội tiết: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Trình bày đặc điểm chung và phân loại tuyến nội tiết
- Trình bày vị trí, cấu tạo vi thể, siêu vi thể và chức năng của tuyến yên
- Trình bày vị trí, cấu tạo vi thể, siêu vi thể và chức năng của tuyến thượng thận
- Trình bày vị trí, cấu tạo vi thể, siêu vi thể và chức năng của tuyến giáp

++ Bài 13: Hệ sinh dục nam: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Mô tả được cấu tạo (vi thể, SVT) của ống sinh tinh, tuyến kẽ của tinh hoàn
- Trình bày được sự tiến triển của các tế bào dòng tinh qua các giai đoạn
- So sánh quá trình sinh tinh và sinh noãn
- Phân tích được 1 mẫu tinh dịch bình thường theo WHO 2021

++ Bài 14: Hệ sinh dục nữ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau:

- Trình bày được quá trình tạo noãn
- So sánh được cấu tạo của các nang trứng
- Trình bày được sự hình thành, cấu tạo và chức năng của hoàng thể
- Phân tích được mối liên quan giữa các biến đổi của niêm mạc thân tử cung với các biến đổi của buồng trứng trong chu kỳ kinh nguyệt

++ Bài 15: Phôi thai học đại cương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau

- Trình bày sự tạo ra tinh hoàn
- Trình bày sự tạo ra huống trứng
- Trình bày sự tạo ra cơ quan sinh dục ngoài nam
- Trình bày sự tạo ra cơ quan sinh dục ngoài nữ

++ Bài 16: Dị tật bẩm sinh: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), trả lời các câu hỏi sau

- Giải thích sự xuất hiện một số dị tật bẩm sinh của cơ quan sinh dục
- Trình bày sự biệt hóa giới tính và các loại giới tính

+ Thực hành: Đọc trước tài liệu, các tiêu chí nhận biết các chi tiết của bài học ở vật kính x10, x40.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: tham dự lý thuyết trên lớp tối thiểu đạt 80% và tham dự 100% số buổi thực hành.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần

Mô phôi thai học gồm 2 nội dung: mô học và phôi thai học

- Mô học là môn học nghiên cứu về hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan người bình thường. Nghiên cứu cấu trúc mô học người bình thường là điều kiện để học tốt môn giải phẫu bệnh.
- Phôi thai học: nghiên cứu sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết** LT/KT(TL)/Tự học	**CĐR của bài học**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
	A1. Giới thiệu môn học	0,5/0/3	Hiểu được lĩnh vực mô phôi nghiên cứu và ứng dụng của môn học		Thuyết trình	Đọc TL, thảo luận	
	A2. Biểu mô	1,5/0/5	Trình bày định nghĩa, cấu tạo, chức năng, phân loại các loại biểu	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần	

			mô			hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A3. Mô liên kết	03/0/5	Trình bày định nghĩa, cấu tạo chức năng của mô liên kết chính thức, mô sụn , mô xương	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A4. Mô cơ	1/0/4	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng của tế bào, mô cơ trơn, cơ vân, cơ tim So sánh được về cấu tạo của 3 loại sợi cơ	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A5. Mô thần kinh – hệ thần kinh	2,5/0/4	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên mô TK và các hệ TK	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A6. Hệ tuần	01/0/4	Trình bày vị	CLO1	1.Thuyết	-Ở nhà:	

	tuần hoàn		trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ tuần hoàn máu và hệ tuần hoàn bạch huyết. Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ tuần hoàn	CLO5	trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A7. Hệ hô hấp	1,5/0/4	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ hô hấp Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ hô hấp	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A8. Da bộ phận phụ thuộc da	01/0/4	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên da và các bộ phận phụ thuộc da Giải thích	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo	

			được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên da và các bộ phận phụ thuộc da			luận, trả lời câu hỏi	
	A9. Hệ bạch huyết miễn dịch	03/1/5	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ bạch huyết miễn dịch Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ miễ dịch	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp 2. Thảo luận nhóm về cơ quan bạch huyết trung ương	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	Cơ quan bạch huyết trung ương
	A10. Hệ tiêu hóa	03/0/5	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ tiêu hóa Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ tiêu hóa	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A11. Hệ tiết niệu	01/0/3	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực	-Ở nhà: đọc trước nội dung,	

			các thành phần cấu tạo nên hệ tiết niệu Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ tiết niệu		hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A12. Hệ nội tiết	01/0/3	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ nội tiết Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ nội tiết	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A13. Hệ sinh dục nam	01/0/5	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ sinh dục nam Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ sinh dục nam	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	

	A14. Hệ sinh dục nữ	01/0/5	Trình bày vị trí, cấu trúc, chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ sinh dục nữ Giải thích được sự phù hợp của cấu tạo và chức năng các thành phần cấu tạo nên hệ sinh dục nữ	CLO1 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	A15. Phôi thai học đại cương	06/0/6	Mô tả được quá trình thụ thai và đại cương hình thành các cơ quan	CLO2 CLO3 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	A12, A13, A14, A15
	A16. Dị tật bẩm sinh	02/0/3	Giải thích được một số di tật bẩm sinh.	CLO2 CLO3 CLO5	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	-Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú những phần cần hỏi - Trên lớp: nghe giảng, thảo luận, trả lời câu hỏi	
	Thi kết thúc Học phần	0/1/0	Tất cả nội dụng đã học				KTHP
	Tổng	30/2/68					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết**	**CĐR của bài học**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
		TH/ KT/ Tự học					
	B1. Hướng dẫn cách học thực hành Biểu mô	2/0/2	Nhận biết được hình thái các loại biểu mô	CLO4 CLO5	Thuyết trình, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn sv tự học	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B1
	B2. Mô liên kết	2/0/1	Nhận biết được các loại mô liên kết	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B2
	B3. Mô cơ	2/0/1	Nhận biết được hình thái các loại tế bào cơ, mô cơ	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B3
	B4. Mô thần kinh – hệ thần kinh	2/0/1	Nhận biết được hình thái tủy sống, tiểu não	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B4
	B5. Hệ tuần tuần hoàn	4/0/1	Nhận biết được hình thái động mạch, tĩnh mạch, mao mạch	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B5

	B6. Hệ hô hấp	2/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ hô hấp	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B6
	B7. Da bộ phận phụ thuộc da	2/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của da và các bộ phận phụ thuộc da	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B7
	B8. Hệ bạch huyết miễn dịch	2/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ bạch huyết miễn dịch	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B8
	B9. Hệ tiêu hóa	5/0/2	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ tiêu hóa	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B9
	B10. Hệ tiết niệu	2/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ tiết niệu	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B10
	B11. Hệ nội tiết	1/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ nội tiết	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B11
	B12. Hệ sinh dục nam	2/0/1	Nhận biết hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ sinh dục nam	CLO4 CLO5	1.Thuyết trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	Soi tiêu bản, vẽ hình, thảo luận nhóm	B12
	B13. Hệ sinh	2/0/2	Nhận biết	CLO4	1.Thuyết	Soi tiêu bản, vẽ	B13

	dục nữ		hình thái các cấu trúc cấu tạo của hệ SD nữ	CLO5	trình 2.Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	hình, thảo luận nhóm	
	Thi kết thúc thực hành	0/4/0	Tất cả nội dung đã học				
	Tổng	30/4/16					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần lý thuyết được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá bài thực hành

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO4

Tiêu chí	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng**
đánh giá	**MỨC F** **(0-3.9)**	**MỨC D** **(4.0-5.4)**	**MỨC C** **(5.5-6.9)**	**MỨC B** **(7.0-8.4)**	**MỨC A** **(8.5-10)**	**số**
Vẽ tranh	Không vẽ được đúng cấu trúc tiêu bản nào	Vẽ được đúng cấu trúc tiêu bản chỉ được <=30% số tiêu bản yêu cầu	Vẽ được đúng cấu trúc tiêu bản chỉ được 30-50% số tiêu bản yêu cầu	Vẽ được đúng cấu trúc tiêu bản chỉ được 50- 80% số tiêu bản yêu cầu.	Vẽ được đúng cấu trúc tiêu bản chỉ được 80-100% số tiêu bản yêu cầu	**20%**
Soi tiêu bản	Không thực hiện được thao tác soi tiêu bản	Thực hiện được thao tác soi tiêu bản, chỉ được <=30% hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện được thao tác soi tiêu bản, chỉ được 30% -50% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện tốt thao tác soi tiêu bản, chỉ được 50% - 80% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện thành thạo thao tác soi tiêu bản, chỉ được 80-100% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	80%

9.2.2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Chuẩn đầu ra của học phần: CLO1

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng
đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	số
Thái độ trả lời câu hỏi	-Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	- Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ.Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu.Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	-Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu.	-Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	-Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	**20%**
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

9.2.3. Rubric đánh giá học phần thực hành: chạy trạm trên mô hình, theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

9.2.4. Rubric đánh giá học phần lý thuyết: thi test trên máy, theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm thảo luận nhóm	1	10%	9.2.2	CLO1, CLO5	Nêu ra các chủ đề, sinh viên thuyết trình
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành	1	30%	9.2.3	CLO4 CLO5	Vẽ tranh, soi tiêu bản, Thi chạy trạm
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	1	60%	9.2.4	CLO1, CLO2 CLO3, CLO5	Thi test trên máy

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Chuẩn đầu ra học phần/ modun	Trọng số	Tổng câu hỏi	Câu hỏi bậc 1	Câu hỏi bậc 2	Câu hỏi bậc 3
CLO1	67%	27	12	15	0
CLO2	25%	10	5	5	0
CLO3	8%	3	0	0	3
Tổng	100%	40	17	20	3

9.5. **Điểm học phần mô phôi**

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần* (60%) *Điểm thi thực hành kết thúc học phần (30%)*, và *Điểm kiểm tra thường xuyên 10%*, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Công thức: Điểm học phần = 0,1*KT +0,3*TH+0,6*LT

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Mô học và phôi thai học, Trường Đại học Y Hà Nội (2004), *Mô học*, NXB Y học, Hà Nội

2. Bộ môn Mô học và phôi thai học, Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Mô phôi thai học người*, NXB Y học, Hà Nội

3. Đỗ Kính (2015), Phôi thai học- Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng, NXB Y học, Hà Nội

4. Nguyễn Đình Tảo (1018), Mô phôi ứng dụng trong hỗ trợ sinh sản, NXB Y học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trịnh Bình (2015), *Mô – phôi,* NXB Y học, Hà Nội

2. T.W Sadler, Nguyễn Trí Dũng biên dịch, Trịnh Bình hiệu đính (2018), *Phôi thai y học Langman,* NXB Y học, Hà Nội.
3. WHO laboratory manual for the examination and procession of human semen 5th Edition 2010.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH LÝ HỌC

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Sinh lý

* Tiếng Anh: Physiology

- Mã học phần: MEDI 2008

- Số tín chỉ: 2.5 LT/0.5TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 38 tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 5.5 tiết (KTTX: 0.5 tiết, Thi LT 1.0 tiết, thi TH: 04 tiết)

+ Thời gian tự học: 91.5 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học năm thứ 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [X]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [X]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần học trước: Sinh học, Lý sinh, Giải phẫu.

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sinh lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vũ Thị Lan Anh	0912537951	vtlanh@gmail.com
2	Ths. Đỗ Thị Hường	0366000368	dohuong1406@gmail.com
3	TS. Đặng Ánh Ngọc	0353233786	danganhngoc.hd@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung CĐR HP (CLO)
MT1	Kiến thức khái quát về hoạt động chức năng và điều hòa chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan của cơ thể bình thường trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường sống.
MT2	Khả năng vận dụng các kiến thức sinh lý học đã học để nghiên cứu, học tập kiến thức sinh lý bệnh – miễn dịch và phân tích được kết quả một số xét nghiệm cơ bản thường sử dụng trên lâm sàng.
MT3	Khả năng tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm và nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan tới sinh lý học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2					
MT2	1		1			
MT3	1				1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần(ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP
CLO1	Trình bày được hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại.
CLO2	Phân tích được kết quả một số xét nghiệm cơ bản thường sử dụng trên lâm sàng.
CLO3	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự học và làm việc nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

6. 1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		2												1			
CLO 2		2												1			
CLO 3														1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

Bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, VGA, màn hình led, loa mic, bảng, phấn

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Hóa chất, dụng cụ phục vụ các xét nghiệm
2	Máy tính
3	Tranh, video bài giảng thực hành
4	Tiêu bản máu
5	Kính hiển vi olympus
6	Kính hiển vi 5 đầu soi
7	Phiến đá
8	Bàn, ghế, quạt, điều hòa, máy hút ẩm
9	Video thí nghiệm liên quan đến động vật thực nghiệm
110	Máy ly tâm...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) trước khi học học phần và thi kết thúc học phần.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
+ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
+ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
+ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Chuẩn bị, tham gia đầy đủ các bài thực hành và hoàn thành báo cáo thực hành theo từng buổi học.
- Tự học:
+ Chủ động tổ chức giờ tự học;
+ Đảm bảo thời gian tự học theo quy định;
+ Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo theo mục 10, thực hành chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp; đồng thời trả lời các câu hỏi lượng giá theo từng bài dưới đây:

Bài 1: Sinh lý đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi.

1. Trình bày về ba đặc điểm của sự sống, định nghĩa nội môi và nêu tầm quan trọng của nội môi và hằng tính nội môi.
2. Trình bày vai trò của hệ thống tiếp nhận, tiêu hóa và chuyển hóa chất dinh dưỡng
3. Trình bày về vai trò của hệ thống vận chuyển chất dinh dưỡng, bài tiết các sản phẩm chuyển hóa trong quá trình tạo hằng tính của nội môi.
4. Trình bày vai trò của PXCĐK, PXKĐK và nồng độ hormon và các ion trong điều hòa chức năng.
5. Trình bày vai trò của cơ chế điều hòa ngược âm tính, dương tính trong điều hòa chức năng, cho ví dụ.

Bài 2: Sinh lý tế bào- sự trao đổi chất qua màng tế bào.

1. So sánh sự khuếch tán đơn thuần và khuếch tán được thuận hóa.
2. Trình bày về cấu tạo và hoạt động của bơm Na^+-K^+-ATPase.
3. Nêu vai trò của bơm Na^+-K^+-ATPase.
4. Trình bày về vận chuyển tích cực thứ phát.
5. Trình bày về vận chuyển qua một lớp tế bào.

Bài 3: Sinh lý điện thế màng về điện thế hoạt động

1. Trình bày nguyên nhân gây ra điện thế nghỉ, các yếu tố tham gia tạo điện thế nghỉ.
2. Trình bày ba giai đoạn của điện thế hoạt động.
3. Kể các nguyên nhân gây ra điện thế hoạt động và trình bày về sự hoạt hóa kênh natri.
4. Kể các nguyên nhân gây ra điện thế hoạt động và trình bày về sự hoạt hóa kênh kali.
5. Kể các nguyên nhân gây ra điện thế hoạt động và trình bày vai trò của kênh calci - natri.
6. Trình bày cơ chế phát sinh điện thế hoạt động và sự lan truyền điện thế hoạt động.

Bài 4: Sinh lý chuyển hóa chất và chuyển hóa năng lượng

1. Trình bày về vai trò, nhu cầu và cơ chế điều hoà chuyển hoá glucid.
2. Trình bày về vai trò, nhu cầu và cơ chế điều hoà chuyển hoá lipid.
3. Trình bày về vai trò, nhu cầu và cơ chế điều hoà chuyển hoá protid.
4. Kể tên các dạng năng lượng và các nguyên nhân tiêu hao năng lượng của cơ thể.
5. Trình bày định nghĩa chuyển hoá cơ sở và các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển hoá cơ sở.
6. Kể tên các phương pháp đo tiêu hao năng lượng.
7. Trình bày điều hoà chuyển hoá năng lượng bằng cơ chế thể dịch.

Bài 5: Sinh lý điều nhiệt

1. Trình bày các nguyên nhân sinh nhiệt
2. Trình bày về phương thức truyền nhiệt trực tiếp, đối lưu, bức xạ nhiệt và bằng bay hơi nước.
3. Trình bày về bộ phận nhận cảm và đường truyền vào của cung phản xạ điều nhiệt.
4. Trình bày về trung tâm điều hòa thân nhiệt, đường truyền ra của cung phản xạ điều nhiệt. Vẽ sơ đồ các đường đáp ứng của phản xạ điều nhiệt.
5. Trình bày cơ chế chống nóng, chống lạnh của cơ thể, các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người.

Bài 6: Sinh lý các dịch của cơ thể

1. So sánh sự khác nhau giữa dịch nội bào và dịch ngoại bào.
2. Thế nào là huyết tương, thế nào là huyết thanh? Trình bày tóm tắt các chức năng của huyết tương.
3. Trình bày về chức năng của albumin huyết tương.
4. Trình bày về chức năng của globulin huyết tương.
5. Trình bày về các lực tác động lên quá trình tạo thành dịch kẽ ở mao mạch phía đầu tiểu động mạch
6. Trình bày về các lực tác động lên quá trình tái hấp thu dịch trở lại huyết tương ở mao mạch phía đầu tiểu tĩnh mạch.
7. Trình bày về các yếu tố ảnh hưởng đến lưu lượng bạch huyết.
8. Trình bày về hàng rào máu - dịch não tuỷ và hàng rào máu - não.
9. Trình bày về chức năng của dịch não tuỷ.
10. Trình bày về dịch nhãn cầu.

Bài 7: Sinh lý máu

1. Trình bày về chức năng của hồng cầu, điều hoà sản sinh hồng cầu.
2. Trình bày vai trò của sắt, vitamin B_{12} và acid folic trong quá trình sản sinh hồng cầu.
3. Trình bày về các kháng nguyên, kháng thể của hệ thống nhóm máu ABO và ứng dụng lâm sàng của hệ thống nhóm máu ABO.
4. Trình bày về các kháng nguyên và kháng thể của hệ thống nhóm máu Rh và tai biến do không phù hợp nhóm máu Rh trong truyền máu và trong sản khoa.
5. Trình bày về chức năng của bạch cầu trung tính và bạch cầu ưa acid, bạch cầu mono, bạch cầu lympho.
6. Trình bày cơ chế, ý nghĩa các giai đoạn của quá trình cầm máu.
7. Trình bày về vai trò các chất chống đông sửa dụng trong lâm sàng.
8. Trình bày về các rối loạn đông máu cầm máu trên lâm sàng.

Bài 8: Sinh lý hệ tuần hoàn

1. Mô tả hệ thống nút tự động của tim và nêu ý nghĩa. Giải thích tại sao tim hoạt động một cách nhịp nhàng, tự động.
2. Trình bày về các giai đoạn của chu kỳ tim.
3. Trình bày các phản xạ điều hoà hoạt động tim.
4. Trình bày cơ chế thể dịch điều hoà hoạt động tim.
5. Trình bày về các đặc tính sinh lý của động mạch và nêu ý nghĩa của từng đặc tính.
6. Kể tên, nêu trị số bình thường và ý nghĩa của từng loại huyết áp động mạch.
7. Trình bày về các yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp động mạch.
8. Trình bày về điều hòa huyết áp theo cơ chế thể dịch
9. Trình bày các nguyên nhân của tuần hoàn tĩnh mạch.
10. Trình bày về các lực ảnh hưởng lên quá trình trao đổi chất ở mao mạch phía đầu tiểu động mạch.

Bài 9: Sinh lý hệ hô hấp

1. Trình bày cơ chế tạo áp suất âm và ý nghĩa của áp suất âm trong khoang màng phổi.
2. Trình bày về các thể tích hô hấp : Định nghĩa, ý nghĩa của từng loại.
3. Trình bày về dung tích sống : Định nghĩa, ý nghĩa và các yếu tố ảnh hưởng.
4. Trình bày về các lưu lượng thở : Định nghĩa, ý nghĩa của từng thông số.
5. Trình bày về thông khí phế nang.
6. Trình bày qúa trình vận chuyển O_2 và CO_2 của máu.
7. Trình bày về sự trao đổi khí ở màng hô hấp và các yếu tố ảnh hưởng.
8. Trình bày cấu tạo và hoạt động của trung tâm hô hấp, vai trò của CO_2 O_2 và ion H^+ trong điều hoà hô hấp.

Bài 10: Sinh lý hệ tiêu hóa

1. Trình bày về hoạt động cơ học và các enzym tiêu hoá của dạ dày.
2. Trình bày cơ chế bài tiết và tác dụng của HCl ở dạ dày.
3. Trình bày về tác dụng của yếu tố nội và chất nhày ở dạ dày.
4. Trình bày về ba giai đoạn bài tiết dịch vị điều hoà bài tiết dịch vị theo cơ chế thần kinh và thể dịch.
5. Trình bày về các enzym của dịch tụy.
6. Trình bày về tính chất và tác dụng của dịch mật.
7. Trình bày về các enzym tiêu hoá của dịch ruột.
8. Giải thích tại sao sự hấp thu lại xảy ra chủ yếu ở ruột non.
9. Trình bày về các chức năng của gan.

Bài 11: Sinh lý bài tiết nước tiểu

1. Trình bày về cấu tạo, ý nghĩa của màng lọc cầu thận và cơ chế lọc ở cầu thận.
2. Trình bày về vai trò của lưu lượng máu thận đối với quá trình lọc ở cầu thận.
3. Trình bày về vai trò của áp suất keo huyết tương, co tiểu động mạch đi và đến đối với quá trình lọc ở cầu thận.
4. Trình bày về cơ chế tự điều hoà tại thận.
5. Trình bày về tái hấp thu ở ống lượn gần.
6. Mô tả sự trao đổi ion natri và nước ở quai Henle.
7. Trình bày sự tái hấp thu ion natri, bicarbonat và nước ở ống lượn xa.
8. Mô tả hoặc vẽ sơ đồ bài tiết ion hydro ở ống lượn xa.
9. Mô tả sự tái hấp thu ion natri ở các đoạn của ống thận và vai trò của aldosteron.

10. Mô tả sự tái hấp thu nước ở các đoạn của ống thận và vai trò của ADH.

Bài 12: Sinh lý hệ nội tiết

1. Trình bày cơ chế tác dụng của hormon thông qua chất truyền tin thứ hai, hoạt hoá hệ gen.
2. Trình bày cơ chế điều hoà ngược âm tính và dương tính.
3. Trình bày nguồn gốc, bản chất hoá học, tác dụng và điều hoà bài tiết các hormon giải phóng và ức chế của vùng dưới đồi.
4. Trình bày nguồn gốc, bản chất hoá học, tác dụng của GH, TSH, ACTH; Giải thích về các triệu chứng của bệnh khổng lồ, to đầu ngón và lùn tuyến yên.
5. Trình bày bản chất hoá học, tác dụng và điều hoà bài tiết FSH, LH, prolactin.
6. Trình bày nguồn gốc, bản chất hóa học, tác dụng và điều hoà bài tiết ADH (vasopressin) và Oxytocin.
7. Trình bày tác dụng của T_3, T_4, calcitonin và giải thích các biểu hiện của bệnh Basedow.
8. Trình bày tác dụng của cortisol, aldosteron và giải thích tại sao lại nói tuyến thượng thận là tuyến sinh mạng.
9. So sánh tác dụng của adrenalin và noradrenalin và giải thích tại sao hai hormon này lại có tác dụng khác nhau tại mô đích.
10. Trình bày tác dụng của insulin và glucagon.
11. Trình bày tác dụng và điều hoà bài tiết hormon tuyến cận giáp, biểu hiện của bệnh suy tuyến cận giáp và tại sao lại gọi tuyến cận giáp là tuyến sinh mạng.

Bài 13: Sinh lý hệ sinh dục và sinh sản

1. Vẽ sơ đồ quá trình sản sinh tinh trùng, trình bày tác dụng của các hormon ảnh hưởng đến quá trình sản sinh tinh trùng.
2. Trình bày vai trò của các yếu tố (không phải hormon) đối với sản sinh tinh trùng.
3. Trình bày tác dụng của testosteron và inhibin.
4. Vẽ sơ đồ điều hoà chức năng tinh hoàn.
5. Trình bày mốc đánh dấu, cơ chế và những biến đổi trong thời kỳ dậy thì.
6. Trình bày tác dụng của estrogen.
7. Trình bày sự biến đổi của hormon tuyến yên, buồng trứng và niêm mạc tử cung trong chu kỳ kinh nguyệt.
8. Giải thích về cơ chế phóng noãn và hiện tượng kinh nguyệt.
9. Trình bày nguyên nhân và những biến đổi ở thời kỳ mãn kinh.
10. Trình bày về chức năng của rau thai, tác dụng của các hormon do rau thai bài tiết.
11. Giải thích về cơ sở sinh lý của các biện pháp tránh thai.

Bài 13: Sinh lý hệ thần kinh

1. Trình bày đặc điểm dẫn truyền điện thế hoạt động trên sợi trục neuron.
2. Trình bày tác dụng của chất truyền đạt thần kinh lên neuron sau synap.
3. Trình bày đặc điểm dẫn truyền qua synap và các yếu tố ảnh hưởng đến dẫn truyền xung động qua synap.
4. Trình bày chức năng cảm giác của hệ thần kinh.
5. Trình bày chức năng vận động của tủy sống và các phản xạ tủy.
6. Trình bày vai trò vận động của thân não và não trung gian, tiểu não.
7. Trình bày vai trò vận động và các đường vận động xuất phát từ vỏ não.
8. Trình bày tác dụng kích thích và ức chế của hệ giao cảm và phó giao cảm lên các cơ quan.
9. Trình bày các yếu tố điều hòa hoạt động của hệ thần kinh thực vật.

10.Trình bày về một số chức năng cao cấp cao hệ thần kinh.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %, tham dự 100% số buổi thực hành. Hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần

Sinh lý học là học phần nghiên cứu chức năng sinh lý của các tế bào, các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể sống con người, mối quan hệ giữa cơ thể sống và môi trường bên ngoài. Những kiến thức về Sinh lý học trực tiếp phục vụ cho các môn bệnh học và là cơ sở để giải thích và phát hiện các rối loạn chức năng trong tình trạng bệnh lý. Mỗi phương pháp chẩn đoán, điều trị hay phòng bệnh đều phải được đặt trên cơ sở kiến thức sinh lý học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (4 tiết/buổi)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**Chuẩn đầu ra của Bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	- Sinh lý đại cương về cơ thể sống và hằng tính nội môi. - Sinh lý tế bào và trao đổi chất qua màng tế bào. - Sinh lý điện thế màng và điện thế hoạt động.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng của các tế bào – cơ quan – hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường và trong mối liên hệ giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường.	CLO1 CLO2	Thuyết trình-ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	- Sinh lý dịch cơ thể. - Sinh lý chuyển hóa chất và chuyển hóa năng lượng. - Sinh lý điều nhiệt.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng chuyển hóa và điều nhiệt trong cơ thể bình thường và trong mối liên hệ giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường.	CLO1 CLO2	Thuyết trình-ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
3	Sinh lý máu.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan huyết học của cơ thể bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý về	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình-ngắn tích cực hóa: Thuyết trình	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi.	

			huyết học của một số bệnh/hội chứng thường gặp 3. Nhận định được kết quả một số xét nghiệm huyết học cơ bản thường sử dụng trên lâm sàng.		kết hợp hỏi đáp	- Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
4	Sinh lý Hệ tuần hoàn.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan tuần hoàn của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý hệ tuần hoàn của một số bệnh/hội chứng thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
5	Sinh lý Hệ hô hấp	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan hô hấp của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý hô hấp của một số bệnh/hội chứng thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
6	Sinh lý Hệ tiêu hóa	4/0.5/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan tiêu hóa của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý tiêu hóa của một số bệnh/hội chứng thường gặp.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Kiểm tra thường xuyên Thời gian: 0.3 giờ Kiến thức: từ buổi 1 đến buổi 5

							Hình thức: tự luận theo bộ câu hỏi.
7	Sinh lý Hệ tiết niệu.	2/0/5.5	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan tiết niệu của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý về tiết niệu của một số bệnh/hội chứng thường gặp.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
8	Sinh lý Hệ nội tiết.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan huyết học của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý về huyết học của một số bệnh/hội chứng thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
9	Sinh lý Hệ sinh dục	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan sinh dục của cơ thể trong trạng thái bình thường. 2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý sinh dục của một số bệnh/hội chứng thường gặp.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
10	Sinh lý Hệ thần kinh.	4/0/8	1. Trình bày được hoạt động chức năng và điều hòa chức năng cơ quan thần kinh của cơ thể trong trạng thái bình thường.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa:	- Ở nhà: đọc trước nội dung, ghi chú phần	

			2. Giải thích được các biểu hiện bệnh lý thần kinh của một số bệnh/hội chứng thường gặp		Thuyết trình kết hợp hỏi đáp	cần hỏi. - Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Thi kết thúc học phần	0/1/0					KTHP Hình thức: thi trắc nghiệm trên máy; Nội dung theo kết cấu đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	- Xác định thời gian máu chảy, máu động. - Xác định nhóm máu	4/0/4	- Thực hiện kỹ năng soi tiêu bản trên kính hiển vi. - Xác định được nhóm máu theo ABO; thời gian máu đông, máu chảy; hematocrit; máu	CLO2 CLO3	- Hóa chất, dụng cụ phục vụ các xét nghiệm - Máy tính, - Tranh, video bài	1. Thuyết trình, thao tác hướng dẫn thực hiện các bước tiến hành xét nghiệm.	- Đọc trước tài liệu TH tại nhà. - Nghe, trả lời - Ghi chép, trao đổi	

	ABO. - Phản ứng chéo máu.		lắng. - Định lượng Hb - Giải thích kết quả xét nghiệm.		giảng thực hành, Tiêu bản sinh lý theo nội dung bài học, - Kính hiển vi olympus, - Máy đo huyết áp. - Phiến đá - Bàn, ghế, quạt, điều hòa, máy hút ẩm. - Máy ly tâm,...	2. Hướng dẫn sinh viên thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản, video, và dựa trên thao tác của giảng viên.	- Thực hành xét nghiệm dưới hướng dẫn của giảng viên - Đọc, nhận định, giải thích kết quả xét nghiệm. - Viết báo cáo.	
Buổi 2 (4 tiết)	- Hematocrit - Xác định máu lắng - Định lượng Hb	3/0/3 1/0/1	- Đọc và nhận định một số xét nghiệm và thăm dò chức năng thông thường về máu.					
Buổi 3 (4 tiết)	Nhận dạng bạch cầu	2/0/2						
	Hệ tuần hoàn	2/0/2	Đo huyết áp, phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp động mạch.					
Buổi 4 (3 tiết)	Hệ thần kinh	1/0/1	- Mô tả và giải thích hiện tượng duỗi cứng mất não ở thỏ trong thí nghiệm. - Mô tả và giải thích hiện tượng phá 1 bên tiểu não ếch. - Xem video về hình thành " điều kiện hóa" trên động vật.					
	Hệ sinh dục	2/0/2	- Mô tả và giải thích thí nghiệm chẩn đoán có thai theo phương pháp sinh vật học và phương pháp miễn dịch học. - Thảo luận về cơ chế của các biện pháp tránh thai.					

	Thi thực hành	0/4/0	- Tìm, nhận định các tế bào máu trên tiêu bản máu, nhận định và giải thích nhóm máu trên phiến đá. Đọc và đánh giá kết quả các xét nghiệm đã học. - Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp động mạch. - Mô tả và giải thích hiện tượng đã được quan sát trên video đã học.	CLO2 CLO3	Tiêu bản sinh lý máu. Kính hiển vi Olympus. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm.	Chuẩn bị danh sách thi, tiêu bản không dán nhãn tên, bộ câu hỏi thi thực hành.	Sinh viên được gọi danh sách ngẫu nhiên vào các trạm đã được chuẩn bị sẵn.	SL TH Nội dung thi: Bài 1,2,3,4 Hình thức thi: Chạy trạm

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric

9.2.1.Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kiến thức theo nội dung câu hỏi của bài kiểm tra/bài tập lớn	90%	CLO 1 CLO2	Đáp ứng 85% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 70% đến 84% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 55% đến 69% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 40% đến 54% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	100%
Hình thức trình bày	10%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Rubric 2: Rubric đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5 -6.9 điểm	4.0-5.4	0-3.9 điểm
Kỹ năng làm bài thi thực hành	100%	- Kỹ năng làm tốt thành thạo. - Phân tích, đánh giá tốt, nhận định đúng và giải thích được kết quả xét nghiệm.	- Kỹ năng làm thiếu 1-2 bước - Phân tích, đánh giá khá tốt, nhận định đúng và giải thích được kết quả xét	- Kỹ năng thiếu nhiều bước - Phân tích, đánh giá chưa tốt, có nhận định được nhưng không giải thích kết quả	- Kỹ năng thiếu nhiều bước. - Phân tích chưa tốt, có nhận định kết quả, nhưng không đánh giá và giải	- Không làm được - không phân tích được kết quả, có nhận định kết quả nhưng không đánh giá và giải thích được kết quả

			nghiệm.	xét nghiệm.	thích được kết quả xét nghiệm.	xét nghiệm.

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Nội dung thi bài 1,2,3, 4,5 Sinh lý học, đánh giá theo hệ số	KTTX	100%	Rubic 1	CLO1 CLO3	Chấm thi theo đáp án và rubic 1
Điểm bài thi thực hành	30%	Nội dung thi 4 bài thực hành; Đánh giá bài thực hành tại phòng thực hành theo hệ số	TH	100%	Rubric 2	CLO2	Chấm thi theo đáp án, thang điểm có sẵn và rubic 2
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Nội dung thi 10 bài lý thuyết; Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO1 CLO3	Thang điểm 10 trên đáp án và trọng số điểm thiết kế sẵn có trên phần mềm

9.4.Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Môn thi: Sinh lý học

Đối tượng: YHCT

Thời gian: 30 phút

Tổng số câu: 50 câu

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	30%	15	6	7	2
CLO2	70%	35	14	17	4
Tổng	100%	50	20	24	6

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

9.5.Điểm học phần

Điểm học phần = Điểm đánh giá thường xuyên *10% + Điểm đánh giá cuối kỳ lý thuyết *60% + Điểm đánh giá cuối kỳ thực hành *30%

10.Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính (TLC)

[1] Phạm Thị Minh Đức (2022), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Nguyễn Thị Lệ (2017), *Giáo trình thực tập sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.

10.2.Tài liệu tham khảo (TLTK)

[3] Bộ Y tế (2011), *Sinh lý học,* Nhà xuất bản Y học.

[4] Trường đại học Y Hà Nội (2020). *Sinh lý học,* Nhà xuất bản Y học.

[5] Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh (2020). *Sinh lý học y khoa.* Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG HỌC PHẦN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy, Ngành: YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Hóa sinh

* Tiếng Việt: Hóa sinh

* Tiếng Anh: Biochemistry

- Mã học phần: MEDI2007
- Số tín chỉ: 2,5 TC LT/0,5 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 38 tiết
  + Thực hành: 15 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 3,5 tiết(KTTX 0,5 tiết; Thi Lý thuyết: 1 tiết, Thi thực hành: 2 tiết)
  + Thời gian tự học: 93,5 tiết
- Đối tượng học : Sinh viên ngành YHCT trình độ đại học năm thứ hai
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): sinh học di truyền, giải phẫu
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần: BM Hoá sinh -Khoa Khoa học Y sinh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S Phùng Bá Dương	0989898217	Phungbaduong78@gmail.com
2	Th.S Đỗ Thị Hương Lan	0363133189	Dohuonglan79@gmail.com
3	Bs Nguyễn Trọng Trí	0909016390	Minhtri2021@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT
MT 1	Kiến thức về hóa học và chuyển hóa một số chất như glucid – lipid- acid amin, acid Nucleic-Hemogolbin, hoạt động sinh hóa 1 số cơ quan như gan, thận.
MT 2	Vận dụng kiến thức hóa sinh cho các học phần y học cơ sở, y học chuyên ngành, ứng dụng trong xét nghiệm cận lâm sàng và chẩn đoán bệnh
MT 3	Khả năng tự học, làm việc nhóm, lập luận và phản biện

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT học phần đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT 1	1					
MT 2	1	1				
MT 3			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được cơ sở lý thuyết về hóa học và chuyển hóa glucid – lipid- acid amin, acid Nucleic-Hemogolbin, hoạt động sinh hóa 1 số cơ quan như gan, thận
CLO2	Giải thích được các biểu hiện rối loạn chuyển hóa trong trạng thái bệnh lý của một số bệnh
CLO3	Thực hiện và đánh giá được 1 số chỉ số sinh hóa trong các xét nghiệm bằng các dụng cụ, trang thiết bị sinh hóa ; ứng dụng chẩn đoán một số bệnh lý.
CLO4	Có kỹ năng thuyết trình, năng lực tự học, bảo vệ quan điểm cá nhân trong giải quyết được vấn đề thảo luận trong học tập.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR học phần (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1		1															
CLO 2		2															
CLO 3		3	1														
CLO 4														1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Kế hoạch bài giảng chi tiết; - Bài giảng ppt

- Projector, phấn bảng, loa, mic, laptop, bút chỉ

6.1.2 Lâm sàng: Không

6.1.3 Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của Học phần

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ ấm
2	Tủ sấy
3	Máy li tâm
4	Tủ đựng hóa chất
5	Máy đo quang
6	Máy phân tích nước tiểu tự động
7	Tủ lạnh
8	Pipet tự động
9	Đèn cồn, pipet thủy tinh, ống nghiệm
10	Bộ kit xét nghiệm và một số hóa chất khác.
11	Tủ lạnh

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) trước khi học và thi kết thúc học phần
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Chuẩn bị và tham gia đầy đủ các bài thực hành .
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Xem bài học trước; chuẩn bị cho bài học mới theo các nội dung ghi tại mục 8); tự học phần tự đọc và thời gian ôn học phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi phần thực hành/thi kết thúc học phần. Đảm bảo thời gian tự học theo quy định:

Lý thuyết

Bài Enzym: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:

1. Trình bày định nghĩa, thành phần cấu tạo, phân loại enzym, cho ví dụ?
2.Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzym?
3. Trình bày được cấu trúc phân tử của enzym: Trung tâm hoạt động, enzym đa chuỗi, đơn chuỗi; izoenzym, tiền enzym, phức hợp đa enzym, enzym dị lập thể

Bài Hóa học Glucid: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:

1. Trình bày định nghĩa, phân loại glucid, tính khử của monoscarid?
2. Trình bày được cấu tạo, tính chất một số oligosacarid thường gặp: Saccarose, lactose, galctose?
3. Trình bày cấu tạo, tính chất tinh bột, glycogen, celulose?

Bài Hóa học lipid: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:

1. Trình bày định nghĩa, thành phần cấu tạo Lipid?
2. Trình bày cấu tạo lipid thuần, lipid tạp?

Bài Hóa học acid amin – protein: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:

1.Trình bày định nghĩa và phân loại acid amin, cho ví dụ?
2.Trình bày phân loại protein theo cấu tạo và hình dạng, cho ví dụ?

3.Trình bày các loại liên kết trong phân tử protein?
4.Trình bày các bậc cấu trúc của protein cho ví dụ?
5.Trình bày tính chất hoà tan, kết tủa, biến tính của protein?
Bài Năng lượng sinh học:Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. Trình bày cấu tạo ATP và các lien kết giàu năng lượng?
2. Trình bày các phản ứng và ý nghĩa chu trình acid citric?
Bài Chuyển hóa Glucid:Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. Trình bày sự thoái hóa glycogen thành glucose?
2. Trình bày sự thoái hóa glucose: con đường đường phân, chu trình pentose phosphat?
3. Trình bày sự tổng hợp Glycogen từ glucose?
Bài Chuyển hóa Lipid: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. 1.Trình bày quá trình thoái hoá acid béo bão hoà?
2.Trình bày quá trình tạo và sử dụng thể ceconic, ý nghĩa?
3.Trình bày quá trình tổng hợp acid béo bão hoà ở bào tương?
4.Trình bày chuyển hoá triglycerid?
5. Trình bày các dạng vận chuyển của lipid trong máu?
Bài Chuyển hóa acid amin: : Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1.Trình bày quá trình khử amin oxy hoá?
2.Trình bày quá trình trao đổi amin liên quan với khử amin oxyhoa?
3.Trình bày số phận NH3?
4.Trình bày chu trình ure: nguyên liệu, các giai đoạn, ý nghĩa liên quan với chu trình các citriric?
Bài Chuyển hóa Hb: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
Trình bày sự thoái hóa hemoflobil và phân loại hội chứng vàng da
Bài Chuyển hóa acid nucleic: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. Trình bày thoái hóa nhân purin?
2. Trình bày thoái hóa nhân pyrimidin?
Bài Hormon: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
Trình bày các cơ chế tác dụng của hormon
Bài Thăng bằng acid - base: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. Trình bày các hệ đệm trong cơ thể?
2. Trình bày các thông số đánh giá thăng bằng acid – base của cơ thể?
Bài Hóa sinh gan mật: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
Trình bày các chức phận của gan?
Bài Hóa sinh thận: Sinh viên đọc giáo trình, tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi sau:
1. Trình bày các chất được lọc qua cầu thận và tái hấp thu qua ống thận
2.Trình bày các chất bất thường trong nước tiểu

Thực hành

Bài 1: Đọc giáo trình lý thuyết và thực hành hóa sinh, trình bày được các nội dung sau:
1. Các con đường chuyển hóa và sử dụng glucose trong cơ thể?
2. Nguyên lý xét nghiệm định lượng Glucose máu theo phương pháp đo quang?
3. Ý nghĩa lâm sàng XN định lượng glucose máu
3. Nguyên lý xét nghiệm định lượng protein?
4. Ý nghĩa lâm sàng XN định lượng protein máu?

Thực hành bài 2 hóa sinh

Đọc giáo trình lý thuyết và thực hành hóa sinh và trình bày được các nội dung sau:

1. Các dạng vận chuyển lipid trong cơ thể?

3. Nguyên lý và ý nghĩa lâm sàng XN định lượng Cholessterol máu, Triglycerid máu?

4. Nguyên lý và ý nghĩa lâm sàng XN đo hoạt độ enzym AST, ALT?

Thực hành bài 3: Đọc giáo trình lý thuyết và thực hành hóa sinh và trình bày được các nội dung sau:

1. Chu trình ure và ý nghĩa chu trình ure

2.Các gia đoạn thoái hóa hemoglobil và các hội chứng vàng da

3. Ý nghĩa lâm sàng XN định lượng ure, creatinin máu

4. Y nghĩa lâm sàng XN định lượng bilirubil toàn phần máu?

Thực hành bài 4: : Đọc giáo trình lý thuyết và thực hành hóa sinh và trình bày được các nội dung sau:

1. Nguyên lý tìm glucose và protein niệu?

2. Ý nghĩa các thông số nước tiểu trong XN phân tích 10 thông số nước tiểu bằng máy tự động?

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% các bài thực hành.

7. Mô tả học phần

Học phần hóa sinh cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc các đại phân tử sinh học như glucid, lipid, protid và chuyển hóa của chúng trong cơ thể sống.

Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên phát triển khả năng lập luận, phản biện, đưa ra các xét nghiệm sinh hóa phù hợp phục vụ cho chẩn đoán, điều trị bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1	**Hóa học glucid** 1. Đại cương 2. Monosaccarid (đường đơn hay ose). 3. Oligosaccarid. 4. Polysaccarid	2/0/4	Trình bày được kiến thức cơ bản của glucid và ý nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng	CLO1 CLO2	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
	Hóa học Lipid 1. Định nghĩa. 2. Vai trò của lipid đối với cơ thể 3. Thành phần cấu tạo của lipid: 4. Phân loại Lipid	2/0/4	Trình bày được kiến thức cơ bản của lipid và ý nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng	CLO1 CLO2			Không
Buổi 2	**Hóa học acid amin** 1. Acid amin: 2. Protein	2/0/4	Trình bày được kiến thức cơ bản của acid amin và ý nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
	Hóa học acid nucleic -Hb	2/0/4	Trình bày được kiến thức cơ bản của acid nucleic, Hb và ý	CLO1 CLO2			Không

	1. Acid nucleic 2. Hemoglobin (Hb).		nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng	CLO4			
Buổi 3	**Enzym** 1.Đại cương về enzym. 2. Cách gọi tên và phân loại enzym 3. Cấu trúc phân tử enzym 4. Tính đặc hiệu của enzym. 5. Cơ chế hoạt động của enzym. 6. Động học enzym 7. Các yếu tố ảnh h-ưởng đến hoạt động của enzym 8. Coenzym	4/0/8	Trình bày được kiến thức cơ bản về enzym và ý nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
Buổi 4	**Năng lượng sinh học** 1. Sự hô hấp tế bào 2. Sự phosphoryl-oxy hoá. 3. Chu trình acid	4/0/8	Trình bày được kiến thức cơ bản về năng lượng sinh học, ý nghĩa chu trình Krebs	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không

	citric (chu trình Krebs).						
Buổi 5	**Chuyển hóa Glucid** Tiêu hoá và hấp thu glucid. 2. Sự thoái hoá của glucose 3. Sự tổng hợp glucose 4. Chuyển hoá của các saccarid khác. 5. Chuyển glycogen 6. Điều hòa chuyển hóa glucid 7. Rối loạn chuyển hóa glucid	4/0/ 8	Giải thích được kiến thức về chuyển hóa glucid trong điều kiện sinh lý và rối loạn bệnh lý về chuyển khóa glucocid	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
Buổi 6	**Chuyển hóa Lipid** 1. Tiêu hoá và hấp thu lipid ở đường tiêu hóa. 2. Thoái hoá acid 3.Rối loạn chuyển hoá lipid	4/0/ 8	Giải thích được kiến thức về chuyển hóa lipid trong điều kiện sinh lý và rối loạn bệnh lý về chuyển hóa lipidd	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không

Buổi 7	**Chuyển hóa acid amin** 1. Sự thuỷ phân protein thành acid amin 2. Sự thoái hoá acid amin	2/0/4	Trình bày được kiến thức về quá trình chuyển hóa amin, kết quả xét nghiệm đo hoạt độ enzyme AST, ALT và định lượng ure máu.	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
	Chuyển hóa Hb 2. Chuyển hóa Hb	2/0/4	Trình bày được kiến thức về chuyểnhóa hemoglobin; giá trị xét nghiệm ĐL bilirubil toàn phần máu	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
Buổi 8	**Sinh tổng hợp protein, chuyển hóa nucleotid**	4/0/8	1.Trình bày được các giai đoạn tổng hợp protein Trình bày sự thoái hóa base nito nhân purin.	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
Buổi 9	**Thăng bằng acid - base** Phương trình Henderson-Hasselbalch 2. Dung dịch đệm và hệ thống đệm 3. Sự thăng bằng acid-base trong cơ	2/0/4	1. Trình bày được các hệ đệm và tác dụng của nó trong cơ thể. 2. Mô tả được các thông số đánh giá tình trạng rối loạn thăng bằng acid-base		1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không

	thể sống 4. Các thông số đánh giá tình trạng acid-base của cơ thể 5.Các rối loạn thăng bằng acid-base						
	Hormon 1. Phân loại 2. Cơ chế tác dụng của hormon: 3.Hormon dẫn xuất của acid amin: 4. Hormon steroid	2/0/4	Trình bày được kiến thức cơ bản của hormon và ý nghĩa ứng dụng trên xét nghiệm cận lâm sàng				KHông
Buổi 10	**Hóa sinh Thận-Nước tiểu** 1.Thận 2. Nước tiểu	1/0/2	1. Trình bày được chức năng lọc của cầu thận và sự tái hấp thu ở ống thận 2. Mô tả được các tính chất của nước tiểu bình thường, bất thường	CLO1 CLO2 CLO4	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa kết hợp hỏi đáp	1. Ở nhà: đọc trước nội dung trong mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi...	Không
	Hóa sinh gan 1. Thành phần hoá học 2. Chức năng chuyển hoá glucid,	1/0/2	1. Trình bày được thành phần chính của mật, cấu tạo hoá học và vai trò của muối mật 2. Phân tích được đặc điểm chuyển hoá glucid, lipid và	CLO1 CLO2 CLO4			Không

	lipid, protein của gan. 3. Chức năng tạo mật 4. Chức năng khử độc		protein của tế bào gan và hai cơ chế khử độc của gan.				
	Kiểm tra thường xuyên	0/0,5/0					KTTX Kiểm tra thường xuyên - Nội dung: theo câu hỏi lượng giá mục 6.2 phần tự học - Hình thức: tự luận ? trắc nghiệm - Thời gian: 0.5 giờ
	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Tất cả nội dung đã học				

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	**(2)**	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
1	**Glucid và Lipid** Cách sử dụng Pipet thủy tinh, Pipet tự động, cách lấy máu làm TN, Phương pháp đo quang Định lượng Glucosse máu Định lượng Protein máu	4/0/4	1. Sử dụng được một số dụng cụ, trang thiết bị sinh hóa 2.Phân tích được xét nghiệm ĐL glucose, protein máu	CLO2 CLO3	. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
2	**Lipid, Acid amin** Định lượng Cholessterol TP máu Định lượng Tryglycerid máu Đo hoạt độ AST/ALT máu	4/0/4	Phân tích được xét nghiệm Đl cholesterol, tryglycerid máu, đo hoạt độ enzyme AST, ALT	CLO2 CLO3	. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	
3	**Acid amin- Protein** Bài 3: Đinh lượng Bilirubil TP máu Định lượng Ure, Creatinin máu	4/0/4	Phân tích được xét nghiệm Đl cholesterol, tryglycerid máu, đo hoạt độ enzyme AST, ALT	CLO2 CLO3	. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	

4	**Định tính** Định tính Glucose NT Định tính Protein NT Tổng phân tích 10 thông số nước tiểu	3/0/5,5	Phân tích được xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	CLO2 CLO3	. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	
	KTTH	0/2/0					THHS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric: *9.2.1. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên*

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên (KTTX)

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**Mô tả mức chất lượng**				
		8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**
Nội dung	90%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic 100%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 85%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 70%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 50%	Không trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic
Hình thức trình bày	10%	Chữ viết rõ ràng, trình bày đẹp, bố cục logic, có áng tạo.	Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, bố cục tương đối logic	Chữ viết đọc được, bố cục không chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc, bố cục không rõ ràng	Cẩu thả, không có bố cục

Rubric 2: Đánh giá học phần thực hành hóa sinh (THHS)

Nội dung đánh giá bài thi thực hành	**Thời gian thi (phút)**	**Trọng số điểm (%)**	**Lquan đến CLO**
Bài trắc nghiệm theo đề thi thiết kế sẵn	15/bài	100	CLO1, CLO2, CLO3

9.2.4. Rubric đánh giá học phần lý thuyết: thi test trên máy, theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm kiểm tra/thảo luận/ chuyên cần..	Điểm bài kiểm tra	10%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm phần thực hành	30%	Điểm thi thực hành tại phòng thực hành	- TH HS	- 30%	Rubric 2	*CLO1,* *CLO2* *CLO3*	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%	Thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	60%		*CLO1* *CLO2* *CLO3*	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút

Tổng số câu: 60

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	**67%**	40	18	20	2
CLO2	**25%**	15	5	9	1
CLO3	**0,8%**	5	2	3	0
Tổng	**100 %**	**60**	**25**	**32**	**3**

Điểm thi được tính theo thang điểm 10

9.5. Điểm học phần

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành thực hành là điểm kiểm tra thi thực hành tại phòng thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (TH HS)* 0,3%) + LT * 0,6 + KTTX* 0,1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ Y tế (2022). Hóa sinh Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học.

[2].Trường đại học Y Hà Nội (2003). Thực tập Hóa sinh, Nhà xuất bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2007). Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[2].Trường Đại học Dược Hà Nội (2004).Hóa sinh học, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Bộ y tế (2021).Hóa sinh lâm sàng Tạ Thành Văn, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG HỌC PHẦN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
HỌC PHẦN VI SINH
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
* Tiếng Việt: Vi sinh
* Tiếng Anh: Medical Microbiology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2006
- Số tín chỉ:
* LT: 02 tín chỉ
* TH: 01 tín chỉ
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Kiểm tra: 5,5 tiết (01 tiết LT + 04 tiết TH + 0,5 tiết KTTX)
  + Thời gian tự học: 84,5 tiết (60 tiết tự học LT + 24,5 tiết tự học TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: không
  + Học phần học trước: Giải phẫu, Mô Phôi
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh – KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	Vi sinh - KST	halevisinh@gmail.com
2	ThS. Lê Văn Dũng	0977258636	Vi sinh - KST	ledungvnn@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng	0988792286	Vi sinh - KST	thuhangnguyen.th@gmail.com
4	ThS. Đỗ Lan Phương	0912393168	Vi sinh - KST	phuongvisinh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT 1	Vận dụng kiến thức về đặc điểm của vi sinh vật gây bệnh để biết được phương pháp chẩn đoán một số nguyên nhân gây bệnh thường gặp và tư vấn dự phòng.
MT 2	Khả năng thực hành một số phương pháp và cách phát hiện các loại vi sinh vật gây bệnh thường gặp.
MT 3	Có năng lực tự học, có kĩ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT 1	2					
MT 2	2					
MT 3		1	1	1		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP
CLO1	Phân biệt được hình thể, cấu trúc của vi khuẩn và virus gây bệnh, chức năng của từng phần cấu trúc
CLO2	Nhận biết quá trình nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, kháng nguyên vi sinh vật, vacxin và huyết thanh miễn dịch, cơ chế tác dụng của thuốc kháng sinh lên vi sinh vật và các phản ứng miễn dịch dùng trong chẩn đoán vi sinh vật
CLO3	Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn.
CLO4	Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do virus gây ra.
CLO5	Thực hiện được một số phương pháp phát hiện các loại vi sinh vật gây bệnh thường gặp
CLO6	Thực hiện các biện pháp phòng chống một số bệnh nhiễm trùng một cách chủ động
CLO7	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		2	1											1			
CLO 2		2	1											1			
CLO 3		2	1											1			
CLO 4		2	1											1			
CLO 5		3	1											1			
CLO 6		2	1											1			
CLO 7		2	1											1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Kế hoạch bài giảng chi tiết
- Bài giảng ppt
- Projector, phấn bảng, loa, mic, laptop, bút chỉ

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kính hiển vi
2	Box cấy (Tủ an toàn sinh học)
3	Tủ ấm
4	Tủ sấy
5	Nồi hấp tiệt trùng
6	Máy li tâm
7	Tủ đựng hóa chất
8	Cân phân tích
9	Hóa chất, Thuốc nhuộm, môi trường nuôi cấy vi khuẩn...
10	Dụng cụ thí nghiệm: Ống nghiệm, Đĩa petri, que cấy, bình nón....

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1 Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

6.2.2 Bài tập: Không

6.2.3 Tự học:

Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài kiểm tra thường xuyên/thi đánh giá cuối kỳ lý thuyết và thực hành ; Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

Riêng phần thực hành: Sinh viên không chuẩn bị về kiến thức bài thực hành trước hoặc chuẩn bị không đạt yêu cầu sẽ không được tham gia bài thực hành của buổi thực tập.

Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

❖ ***Lý thuyết***

Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi lượng giá để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Bài 1:

- Đại cương VSV, Đại cương vi khuẩn
- Đại cương virus

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày các loại hình thể, kích thước của vi khuẩn?
2. Mô tả cấu trúc tế bào vi khuẩn và sự khác nhau giữa tế bào vi khuẩn và tế bào người?
3. Trình bày sự chuyển hóa, hô hấp, sinh sản và phát triển của vi khuẩn?
4. Trình bày 2 thành phần cấu trúc cơ bản của virus và các chức năng chính của các thành phần cấu trúc đó?
5. Nêu 2 cấu trúc không bắt buộc gặp ở một số virus và các chức năng của các thành phần cấu trúc đó?
6. Trình bày hai phương pháp phân loại virus?
7. Trình bày 5 bước cơ bản quá trình nhân lên của virus. Nêu cơ chế chính của từng bước thực hiện quá trình đó?
8. Giải thích 7 hậu quả tương tác khi có sự xâm nhập của virus vào tế bào. Nêu được ứng dụng thực tế của từng hậu quả đó?

Bài 2:

-Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật

-Vacxin và huyết thanh miễn dịch

-Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể sử dụng trong vi sinh y học

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày khái niệm: nhiễm trùng và các hình thái của nhiễm trùng?
2. Trình bày khái niệm độc lực và các đơn vị đo độc lực?
3. Mô tả các yếu tố độc lực của vi sinh vật?
4. Trình bày sự né tránh hệ thống phòng ngự của vi sinh vật?
5. Trình bày vai trò của cơ thể và yếu tố hoàn cảnh trong nhiễm trùng?

6. Trình bày nguyên lý sử dụng vacxin?

7. Phân tích nguyên tắc sử dụng vacxin và 2 tiêu chuẩn cơ bản của vacxin?

8. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng miễn dịch của cơ thể đối với vacxin?

9. Trình bày cách phân loại vacxin và lịch tiêm chủng các vacxin đang được sử dụng rộng rãi ở nước ta?

10. Trình bày nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch?

Bài 3:

- Kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh
- Các cầu khuẩn gây bệnh thường gặp: tụ cầu (tụ cầu vàng), liên cầu, phế cầu, màng não cầu, lậu cầu
- Haemophilus influenzae

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày định nghĩa, xếp loại và cơ chế tác động của thuốc kháng sinh?

2. Trình bày nguồn gốc sự đề kháng kháng sinh, khả năng lan truyền và vai trò lâm sàng của sự đề kháng?

3. Trình bày nguyên tắc phối hợp kháng sinh và các biện pháp ngăn ngừa sự gia tăng vi khuẩn đề kháng?

4. Trình bày các đặc điểm sinh học của các vi khuẩn sau: tụ cầu vàng, liên cầu, phế cầu, màng não cẫu, lậu cầu, *Haemophilus influenza* ?

5. Trình bày khả năng gây bệnh của tụ cầu vàng, liên cầu, phế cầu, màng não cẫu, lậu cầu, *Haemophilus influenza*?

6. Trình bày các phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do tụ cầu vàng, liên cầu, phế cầu, màng não cẫu, lậu cầu, *Haemophilus influenza* gây nên?

7. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do tụ cầu vàng, liên cầu, phế cầu, màng não cẫu, lậu cầu, *Haemophilus influenza* gây nên?

Bài 4:

-Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa: thương hàn, lỵ, *E.coli*, tả
-Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố:
+Trực khuẩn uốn ván, bạch hầu, ho gà
+Các trực khuẩn gây hoại thư sinh hơi: *C.perfringens, C.septicum, C.novyi*

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày đặc điểm sinh học của các vi khuẩn sau: Thương hàn, lỵ, E.coli, tả, uốn ván, bạch hầu, ho gà, *C.perfringens, C.septicum, C.novyi* ?

2. Trình bày khả năng gây bệnh của vi khuẩn: Thương hàn, lỵ, E.coli, tả, uốn ván, bạch hầu, ho gà, *C.perfringens, C.septicum, C.novyi* ?

3. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do Thương hàn, lỵ, E.coli, tả, uốn ván, bạch hầu, ho gà, *C.perfringens, C.septicum, C.novyi* gây nên?

4. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do Thương hàn, lỵ, E.coli, tả, uốn ván, bạch hầu, ho gà, *C.perfringens, C.septicum, C.novyi* gây nên?

Bài 5:

- Trực khuẩn gây ngộ độc thịt
- Vi khuẩn dịch hạch
- Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: lao, phong

- Họ Pseudomonadaceae: P.aeruginnosa, B.pseudomallei(Whitmore)
- Một số xoắn khuẩn gây bệnh: giang mai, H.pylori, Leptospira

Câu hỏi lượng giá

1. Trình bày đặc điểm sinh học của các vi khuẩn sau: Trực khuẩn gây ngộ độc thịt, dịch hạch, lao, phong, *P.aeruginnosa, B.pseudomallei(Whitmore),* giang mai, *H.pylori, Leptospira* ?

2. Trình bày khả năng gây bệnh của vi khuẩn: Trực khuẩn gây ngộ độc thịt, dịch hạch, lao, phong, *P.aeruginnosa, B.pseudomallei(Whitmore),* giang mai, *H.pylori, Leptospira* ?

3. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do Trực khuẩn gây ngộ độc thịt, dịch hạch, lao, phong, *P.aeruginnosa, B.pseudomallei(Whitmore),* giang mai, *H.pylori, Leptospira* gây nên ?

4. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do Trực khuẩn gây ngộ độc thịt, dịch hạch, lao, phong, *P.aeruginnosa, B.pseudomallei(Whitmore),* giang mai, *H.pylori, Leptospira* gây nên ?

Bài 6:

- Một số vi khuẩn gây bệnh khác: Chlamydia, Mycoplasma
- Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi
- Virus Rubella
- Virus SARS

Câu hỏi lượng giá

1. Trình bày đặc điểm sinh học của các vi khuẩn sau: Chlamydia, Mycoplasma ?

2. Trình bày khả năng gây bệnh của vi khuẩn: Chlamydia, Mycoplasma?

3. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do Chlamydia, Mycoplasma gây nên ?

4. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do Chlamydia, Mycoplasma gây nên ?

5. Trình bày đặc điểm sinh học của các virus sau: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi, Rubella, SARS ?

6. Trình bày khả năng gây bệnh của các virus sau: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi, Rubella, SARS ?

7. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do virus cúm, á cúm, quai bị, sởi, Rubella, SARS gây nên ?

8. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do virus cúm, á cúm, quai bị, sởi, Rubella, SARS gây nên ?

Bài 7:

- Enterovirrus: bại liệt, Coxsackie virus
- Rotavirus
- Arbovirus: virus viêm não Nhật Bản, Dengue virus
- Các virus gây viêm gan: HAV, HBV
- Các virus gây ung thư

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày đặc điểm sinh học của các virus sau: virus viêm não Nhật Bản, Dengue virus, HAV, HBV, Các virus gây ung thư ?

2. Trình bày khả năng gây bệnh của các virus sau: virus viêm não Nhật Bản, Dengue virus, HAV, HBV, Các virus gây ung thư ?

3. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do virus viêm não Nhật Bản, Dengue virus, HAV, HBV, Các virus gây ung thư gây nên ?

4. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do virus viêm não Nhật Bản, Dengue virus, HAV, HBV, Các virus gây ung thư gây nên ?

Bài 8:

- Họ Herpesviridae: Herpesvirus, virus thủy đậu
- Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV/AIDS

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày đặc điểm sinh học của các virus sau: Herpesvirus, virus thủy đậu, HIV/AIDS ?
2. Trình bày khả năng gây bệnh của các virus sau: Herpesvirus, virus thủy đậu, HIV/AIDS ?
3. Trình bày phương pháp chẩn đoán vi sinh học các bệnh do Herpesvirus, virus thủy đậu, HIV/AIDS gây nên ?
4. Trình bày các nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do Herpesvirus, virus thủy đậu, HIV/AIDS gây nên ?

❖ ***Thực hành***

Bài 1:

- Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh
- Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.

Câu hỏi lượng giá:

1. Sắp xếp các công việc sau theo đúng quy trình xét nghiệm vi sinh lâm sàng (*Khoanh tròn vào đáp án đúng*):

(1). Định danh (2). Trả kết quả (3). Xử lý bệnh phẩm

(4). Nhận bệnh phẩm (5). Làm kháng sinh đồ

a. (1)-(2)-(4)-(5)-(3) b. (3)-(1)-(4)-(5)-(2)

c. (4)-(3)-(1)-(5)-(2) d. (4)-(1)-(3)-(5)-(2)

2. Vẽ sơ đồ Qui trình xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh?
3. Thế nào là chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh?
4. Thế nào là chẩn đoán trực tiếp? Các bước chẩn đoán trực tiếp?
5. Ý nghĩa của bước nhuộm soi trong chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh?
6. Thế nào là chẩn đoán gián tiếp? Các bước tiến hành chẩn đoán gián tiếp?
7. Trình bày kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2?

Bài 2:

- Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu
- Xác định hình thể vi khuẩn

Câu hỏi lượng giá:

1. Vẽ quy trình sử dụng kính hiển vi quang học với vật kính dầu?
2. Vẽ hình thể và tính chất sắp xếp đặc trưng của 1 số loại vi khuẩn đã học?

Bài 3:

- Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, an toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2
- Xác định hình thể vi khuẩn

Câu hỏi lượng giá:

1. Trình bày các bước chính khi mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN?

2. Vẽ hình thể, tính chất sắp xếp của 6 loài vi khuẩn đại diện cho 3 loại hình thể vi khuẩn trên 6 tiêu bản đã được soi?

Bài 4: Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram

Câu hỏi lượng giá:

1. Kể tên hóa chất và vẽ quy trình nhuộm đơn?
2. Kể tên hóa chất và vẽ quy trình nhuộm Gram?
3. Cách đọc một tiêu bản nhuộm vi khuẩn?
4. Giải thích tại sao vi khuẩn Gram dương bắt màu tím, vi khuẩn Gram âm bắt màu đỏ khi nhuộm Gram?

Bài 5: Môi trường nuôi cấy

Câu hỏi lượng giá:

1. Định nghĩa môi trường nuôi cấy là gì?
2. Phân loại môi trường nuôi cấy theo: Thành phần, tính chất vật lý và công dụng?
3. Các bước điều chế môi trường nuôi cấy?
4. Môi trường nuôi cấy cần đảm bảo những điều kiện gì?

Bài 6: Kháng sinh đồ

Câu hỏi lượng giá:

1. Định nghĩa về kĩ thuật kháng sinh đồ? Kể tên 2 Kỹ thuật kháng sinh đồ?
2. Các điều kiện cần để thực hiện kỹ thuật kháng sinh đồ?
3. Nêu nguyên lý, cách thực hiện, cách đọc kết quả của kỹ thuật kháng sinh đồ: Khoanh giấy kháng sinh khuếch tán?
4. Nêu nguyên lý, cách thực hiện, cách đọc kết quả của kỹ thuật kháng sinh đồ: Khoanh giấy kháng sinh khuếch tán?

Bài 7: Xét nghiệm phân và xét nghiệm máu

Câu hỏi lượng giá:

1. Nêu chỉ định khi xét nghiệm phân, máu?
2. Kể tên các tác nhân gây bệnh thường gặp trong bệnh phẩm phân, máu?
3. Kể tên các bước trong quy trình cấy phân, máu?
4. Cách đọc kết quả quy trình xét nghiệm phân, máu?

Bài 8: Hình thể vi khuẩn

Câu hỏi lượng giá:

1. Vẽ hình thể, tính chất sắp xếp của 6 loài vi khuẩn đại diện cho 3 loại hình thể vi khuẩn trên 6 tiêu bản đã được soi?

6.2.4 Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

7. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản đại cương về đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật; mối liên quan giữa vi sinh vật gây bệnh và cơ thể người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật, phương thức bảo vệ của cơ thể với vi sinh vật gây bệnh. Đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng. Học phần vi sinh cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về xét nghiệm vi sinh lâm sàng: thao tác vô trùng, xác định hình thể vi khuẩn, nhuộm tiêu bản, điều chế môi trường nuôi cấy, kỹ thuật kháng sinh đồ,

xét nghiệm phân, máu;giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/tự học)**	**CĐR của bài học**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
Buổi 1 (4 tiết)	Đại cương vi sinh vật, Đại cương vi khuẩn	2.0/0.0/4.0	Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi khuẩn	CLO 1 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	Đại cương virus	2.0/0.0/4.0	Trình bày được đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vírus	CLO 1 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 2 (4 tiết)	Kháng sinh với vi khuẩn và sự kháng kháng sinh	1.0/0.0/2.0	Trình bày được cơ chế thuốc kháng sinh tác dụng lên vi khuẩn và sự đề kháng kháng sinh, các biện pháp hạn chế sự đề kháng kháng sinh	CLO 1 CLO 2 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	Các phản ứng kháng nguyên – kháng thể	2.0/0.0/4.0	Trình bày được mục đích của các phản ứng KN -KT trong	CLO 2 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	

	sử dụng trong vi sinh y học		vi sinh y học Nguyên lý và giải thích các phản ứng KN-KT Ý nghĩa của hiệu giá KT và Động lực KT trong chẩn đoán		hỏi đáp	lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	1.0/0.0/2.0	Nêu khái niệm nhiễm trùng, các hình thái nhiễm trùng , các yếu tố độc lực và sự né tránh đáp ứng miễn dịch của vi sinh vật	CLO 2 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 3 (4 tiết)	Vacxin và huyết thanh miễn dịch	1.0/0.0/2.0	Trình bày nguyên lý sử dụng, nguyên tắc sử dụng, cách phân loại và lịch tiêm chủng vaccin hiện nay Nguyên lý và nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch	CLO 2 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	Các cầu khuẩn gây bệnh. H. influenzae	3.0/0.0/6.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do các cầu khuẩn	CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			gây bệnh: Tụ cầu, liên cầu, phế cầu, não mô cầu, lậu cậu và Haemophilus influenzae				
Buổi 4 (4 tiết)	Một số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	2.0/0.0 /4.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do 1 số vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa: Thương hàn, ly, tả, Ecoli	CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	Nhóm vi khuẩn sinh ngoại độc tố	2.0/0.0 /4.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do 1 số vi khuẩn sinh ngoại độc tố gây nên: Trực khuẩn uốn ván, bạch hầu, ho gà, *C.perfringens, C.septicum, C.novyi.*	CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 5	Trực khuẩn	0.5/0.0	Nhận biết được	CLO	Thuyết trình	1.Tự học:	Không

(4 tiết)	gây ngộ độc thịt	/1.0	đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do 1 số vi khuẩn gây nên: - Trực khuẩn gây ngộ độc thịt - Vi khuẩn dịch hạch - Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong - Họ *Pseudomonadaceae* - Giang mai, *H.pylori, Leptospira*	3 CLO 7	ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Vi khuẩn dịch hạch	0.5/0.0 /1.0		CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Nhóm vi khuẩn kháng cồn, acid: Lao, Phong	1.0/0.0 /2.0		CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Họ *Pseudomonadaceae*	1.0/0.0 /2.0		CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Giang mai, *H.pylori, Leptospira*	1.0/0.0 /2.0		CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 6 (4 tiết)	*Chlamydia, Mycoplasma*	1.0/0.0 /2.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều	CLO 3 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không

			trị các bệnh do *Chlamydia, Mycoplasma* gây nên				
	Myxovirus: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi	1.5/0.0/3.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do một số virus sau gây nên: virus cúm, á cúm, quai bị, sởi, rubella, SARS, SARS COV2	CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Virus rubella, SARS, SARS COV2	1.5/0.0/3.0		CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 7 (4 tiết)	Virus bại liệt, Coxsackie virus , Rota virus	1.0/0.0/2.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do một số virus sau gây nên: Virus bại liệt, Coxsackie virus , Rota virus, Virus viêm não Nhật Bản, virus Dengue, Virus Viêm gan, Các	CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	Virus viêm não Nhật Bản, virus Dengue	1.0/0.0/2.0		CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Virus Viêm gan	1.0/0.0/2.0		CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả	

			virus gây ung bướu.			lời câu hỏi	
	Các virus gây ung bướu	1.0/0.0/2.0		CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 8 (2 tiết)	Virus Herpesvirus, virus thủy đậu	1.0/ 0,5/ 2.0	Nhận biết được đặc điểm sinh học của vi sinh vật, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị các bệnh do một số virus sau gây nên: Virus Herpesvirus, virus thủy đậu, HIV/AIDS	CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Kiểm tra thường xuyên - Nội dung: theo câu hỏi lượng giá mục 6.2 phần tự học - Hình thức: tự luận - Thời gian: 0.5 tiết
	Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người HIV	1.0/0.0/2.0		CLO 4 CLO 7	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	Thi kết thúc học phần	0/1.0/0	Tất cả nội dung đã học				

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/KT/Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	**Bài 1:** - Phương pháp chẩn đoán visinh vật gây bệnh - Kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2, bảo quản vận chuyển.	4.0/0/3.0	-Phân biệt được các kỹ thuật chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh thường gặp - Thực hiện được kỹ thuật lấy mẫu bệnh phẩm xác định SARS-CoV-2	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1. Bộ test nhanh xét nghiệm KN và KT của virus HBV 2.Dụng cụ thí nghiệm 3. Box cấy 4. Tủ sấy 5. Nồi hấp tiệt trùng	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
Buổi 2 (4 tiết)	**Bài 2:** - Sử dụng kính hiển vi vật kính dầu - Xác định hình thể vi khuẩn	4.0/0/3.0	Sử dụng được kính hiển vi vật kính dầu - Nhận biết được hình thể của vi khuẩn khi quan sát	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Kính hiển vi 2. Hóa chất, bộ thuốc nhuộm 3.Dụng cụ	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành	Không

			dưới KHVQH		thí nghiệm 4. Bộ tiêu bản		theo hướng dẫn của giáo viên	
Buổi 3 (4 tiết)	**Bài 3:** - Kỹ thuật mang khẩu trang, mặc cởi TPPHCN, an toàn sinh học trong việc lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm nghi nhiễm SARS-CoV-2 - Xác định hình thể vi khuẩn	4.0/0/4.0	Thực hiện được các quy trình an toàn sinh học trong lấy mẫu, bảo quản mẫu; Xác đinh được hình thể vi khuẩn qua pp phuộm	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Cân phân tích. 4. Nồi hấp tiệt trùng. 5. Hóa chất. 6. Dụng cụ thí nghiệm	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
Buổi 4 (4 tiết)	**Bài 4:** - Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram	4.0/0/3.0	Thực hiện được kỹ thuật nhuộm; phân biệt được một số loại vi sinh vật bằng pp nhuộm	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Hóa chất 4. Dụng cụ thí nghiệm 5. Kính hiển vi	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
Buổi 5 (4 tiết)	**Bài 5:** - Môi trường nuôi cấy	4.0/0/3.0	Thực hiện được điều chế môi trường	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Hóa chất.	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2	Không

					4. Dụng cụ thí nghiệm 5. Kính hiển vi	2. Thực hành lại theo hướng dẫn	2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	
Buổi 6 (4 tiết)	**Bài 6**: - Kháng sinh đồ	4.0/0/4.0	Thực hiện được kỹ thuật KSĐ KGKSKT	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Hóa chất. 4. Dụng cụ thí nghiệm 5. Kính hiển vi	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
Buổi 7 (4 tiết)	**Bài 7.** - Xét nghiệm phân - Xét nghiệm máu	4.0/0/4.0	-Hiểu được nguyên lý các bước thực hiện trong quy trình xét nghiệm các bệnh phẩm thông thường - Nhận biết được hình thể của 1 số vi sinh vật gây bệnh trên các mẫu bệnh phẩm	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Hóa chất. 4. Dụng cụ thí nghiệm 5. Kính hiển vi	1. Thuyết trình và thao tác mẫu 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không

Buổi 8 (2 tiết)	**Bài 8.** Hình thể vi khuẩn	2.0/0/0.5	Thực hiện được pp chẩn đoán nhanh nhuộm soi Nhận biết được hình thể của 1 số vi sinh vật gây bệnh trên các mẫu bệnh phẩm	CLO 5 CLO 6 CLO 7	1.Box cấy 2. Tủ ấm 3. Hóa chất. 4. Dụng cụ thí nghiệm 5. Kính hiển vi	1. Thuyết trình và thao tác mẫu theo bảng kiểm 2. Thực hành lại theo hướng dẫn	1. Ở nhà: Tự học theo mục 6.2 2. Trên lớp: Quan sát, thực hành theo hướng dẫn của giáo viên	Không
	KTTH	0/4/0						THVS - Nội dung: Chạy trạm soi kính và trả lời tự luận

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1 Rubric 1: đánh giá kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra tự luận lý thuyết

Rubric 1: *Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên (KTTX)*

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**Chuẩn đầu ra của Học phần**	**Mô tả mức chất lượng**				
			8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**
Trả lời câu hỏi tự luận	100%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic 100%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 85%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 70%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 50%	Không trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic

9.2.2. Rubric đánh giá học phần thực hành

+ Thi chạy trạm tiêu bản trên kính hiển vi và trả lời câu hỏi tự luận, theo thang điểm 10 dựa trên kết cấu đề thi và đáp án được thiết kế sẵn.

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số**	**Chuẩn đầu ra của Học phần**	**Mô tả mức chất lượng**				
			8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**
Kết quả soi tiêu bản trên kính hiển vi	60%	CLO5	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng, đầy đủ 100%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 85%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 70%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 55%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng dưới 40%
Trả lời câu hỏi tự luận	40%		Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic 100%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 85%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 70%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 50%	Không trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic

Ghi chú: trong bài thi thực hành có 02 câu hỏi tự luận

9.2.3. Rubric đánh giá học phần lý thuyết: thi test trên máy, theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành)

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết	- Bài kiểm tra tự luận (0.3 giờ)	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Bài kiểm tra tự luận, chấm điểm theo đáp án đã thiết kế sẵn
Điểm thực hành	30%	Chấm điểm bài thi thực hành (soi tiêu bản 6.0 điểm và trả lời tự luận 4.0 điểm)	Bài thi thực hành	100%	Rubric 1	CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1 Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút

Tổng số câu: 40

Thang điểm: 0,25 điểm/câu

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**
CLO1	**13.3%**	5	2	3
CLO2	**16.7%**	7	3	4
CLO3	**40%**	16	6	10
CLO4	**30%**	12	5	7
Tổng	**100 %**	**40**	**16**	**24**

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.4.2 Phần thi thực hành: Rubric 1

Điểm thi thực hành được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 0.3 + Điểm thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm kiểm tra thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng (2019), *Giáo trình Vi sinh y học*, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam .

[2] Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng (2019), *Giáo trình thực tập Vi sinh y học*, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam .

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2009), *Vi sinh vật*. Nhà xuất bản Y học

[2] Bộ Y tế (2012), *Giáo trình Vi sinh vật y học*. Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
KÝ SINH TRÙNG

1. Thông tin tổng quát về học phần

* Tiếng Việt: Ký sinh trùng
* Tiếng Anh: Parasites
- Mã học phần/ mô đun: MEDI2009
- Số tín chỉ: 2,0 LT/1,0 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 5.5 tiết (thi thực hành: 4.0 tiết, thi LT: 1.0 tiết, KTTX: 0.5 tiết)
  + Thời gian tự học: 84.5 tiết (57.5 LT+ 27 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành ☑		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Sinh học và di truyền, Giải phẫu, Mô phôi
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Vi sinh – KST

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Việt Hà	0982761889	halevisinh@gmail.com
2	Ths. Lê Văn Dũng	0977258636	ledungvnn@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Thị Hương	0974038830	huongnguyen172@gmail.com
4	PGS. TS. Đỗ Trung Dũng	0912116965	dotrungdung.nimpe.vn@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Giang	0963039785	visinhkysinhydhct@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT 1	Kiến thức về: các đặc điểm hình thể, chu kỳ, tác hại và dịch tễ học, một số tên thuốc điều trị và các biện pháp phòng chống bệnh do ký sinh trùng thường gặp.

MT 2	Khả năng lấy, bảo quản đúng nguyên tắc một số bệnh phẩm thông thường tìm KST.
MT 3	Có năng lực tự học, có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2					
MT HP2	2					
MT HP3		1	1	1		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP(CLO)
CLO1	Trình bày được khái niệm: ký sinh trùng, vật chủ, chu kỳ, hiện tượng ký sinh và các đặc điểm chung của bệnh ký sinh trùng.
CLO2	Trình bày được đặc điểm sinh học; tác hại, chẩn đoán, thuốc điều trị, biện pháp phòng chống các bệnh do giun, sán, đơn bào thường gặp và ký sinh trùng sốt rét.
CLO3	Trình bày được: đặc điểm sinh học, vai trò y học, chẩn đoán, biện pháp phòng chống các loại vi nấm ký sinh, tiết túc y học.
CLO4	Thực hiện được một số kỹ thuật tìm ký sinh trùng thường gặp.
CLO5	Có năng lực tự học, có kỹ năng làm việc nhóm, phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO / CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	2	1										1		1			
CLO 2	2	1										1		1			
CLO 3	2	1										1		1			
CLO 4	2	1										1		1			
CLO 5	2	1										1		1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Kế hoạch bài giảng chi tiết

- Bài giảng ppt
- Projector, phấn bảng, loa, mic, laptop, bút chỉ

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kính hiển vi
2	Box cấy (Tủ an toàn sinh học)
3	Tủ ấm
4	Tủ sấy
5	Nồi hấp tiệt trùng
6	Máy li tâm
7	Tủ đựng hóa chất
8	Cân phân tích
9	Hóa chất, Thuốc nhuộm
10	Dụng cụ thí nghiệm: Ống nghiệm, Đĩa petri, que cấy, bình nón....
11	Bộ tiêu bản Ký sinh trùng

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình, tham khảo tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) trước khi học học phần và thi kết thúc học phần.

6.2.1. Dự lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm):

Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Tự học:

- Các nội dung tự học như sau:

6.2.2.1. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: **Đại cương Ký sinh trùng:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày về ký sinh trùng, hiện tượng ký sinh và cho ví dụ.
2. Trình bày về các loại vật chủ và cho ví dụ.
3. Trình bày danh pháp và phân loại khái quát ký sinh trùng.
4. Trình bày các kiểu chu kỳ của ký sinh trùng? Cho ví dụ.
5. Phân tích 4 đặc điểm bệnh ký sinh trùng.

Bài 2: **Giun ký sinh:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày đặc điểm về hình thể trứng, con trưởng thành, chu kỳ của giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim
2. So sánh chu kỳ giữa *N. amiricanus* và *A. dueodenale*.
3. Trình bày tác hại và các biến chứng do *A. lumbricoides, A. dueodenale* và giun *E. vermicularis* gây ra ở người.
4. Mô tả đặc điểm hình thể của ấu trùng và giun chỉ bạch huyết trưởng thành.

5. Trình bày diễn biến chu kỳ của giun chỉ bạch huyết

Bài 3: **Sán ký sinh:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Phân biệt hình thể sán lá ruột và sán lá gan nhỏ C. *Sinensis,* sán lá phổi.
2. Trình bày đặc điểm chu kỳ sán dây
3. Nêu các tác hại của sán lá gan nhỏ, sán lá ruột và sán lá phổi gây ra.
4. Vẽ sơ đồ chu kỳ và nêu các biện pháp phòng bệnh sán lá ruột, sán lá phổi và sán lá gan nhỏ.
5. So sánh hình thể của sán dây lợn và sán dây bò trưởng thành ký sinh ở người.

Bài 4: **Đơn bào ký sinh:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Mô tả và vẽ các dạng hình thể của E. *histolytica.*
2. Nêu triệu chứng bệnh do E. *histolytica* gây ra ở ruột và phân biệt sự khác nhau đặc điểm bệnh lỵ a mip và lỵ trực trùng.
3. Nêu đặc điểm hình thể, vị trí ký sinh và tác hại gây bệnh của G.*lamblia*, T.*vaginalis*.
4. Mô tả 2 dạng hình thể và đặc điểm sinh học của *Balantidium coli.*
5. Trình bày triệu chứng và đặc điểm dịch tễ học của bệnh do *Balantidium coli* gây ra.

Bài 5: **Ký sinh trùng sốt rét:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày đặc điểm hình thể của KSTSR và phân biệt sự khác nhau về hình thể giữa các loại *Plasmodium*.
2. Trình bày chu kỳ phát triển của KSTSR
3. Trình bày các phương thức nhiễm bệnh sốt rét và những sự thay đổi về gan, lách, thận, máu trong bệnh sốt rét.
4. Mô tả đặc điểm các thời kỳ của cơn sốt rét điển hình.
5. Trình bày các yếu tố chẩn đoán bệnh sốt rét và 3 biện pháp chủ yếu để phòng chống sốt rét.

Bài 6: **Vi nấm:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Mô tả đặc điểm hình thể, vai trò y học của nấm *Candida, Aspergillus*
2. Trình bày được vai trò y học của nấm *Trichophyton rubrum*.
3. Mô tả đặc điểm hình thể, tác hại của nấm *Malassezia furfur* và *Piedraia hortai*
4. Trình bày được một số yếu tố dịch tễ của nấm *Malassezia furfur*
5. Trình bày những phương pháp cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh nấm *Malassezia furfur và Piedraia hortai*.

Bài 7: **Tiết túc y học:** Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Nêu sự phân loại sơ bộ về tiết túc y học

2. Trình bày đặc điểm sinh học và vai trò gây bệnh của *Sarcoptes scabiei*.
3. Mô tả đặc điểm hình thể và chu kỳ, vai trò trong y học của chấy rận, bọ chét, ruồi nhà
4. Mô tả đặc điểm hình thể, chu kỳ, vai trò trong y học của muỗi
5. Trình bày đặc điểm và kể tên của một số loại muỗi chủ yếu truyền bệnh sốt rét ở Việt Nam.

6.2.2.2. PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Nêu các đặc điểm nhận biết trứng giun sán?
2. Mô tả hình thể con trưởng thành các loại giun: đũa, tóc, móc, mỏ, kim; sán lá gan nhỏ, sán lá ruột lớn, sán lá phổi, sán dây?
3. Phân biệt ấu trùng giun chỉ *W.bancrofti* và *B.malayi*

Bài 2: Hình thể đơn bào: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày đặc điểm hình thể thể hoạt động và thể bào nang của: *E.histolytica, G.lamblia, B.coli*; thể hoạt động của *T.vaginalis*
2. Phân biệt bào nang của *E.histolytica* và bào nang của *E.coli*

Bài 3: Xét nghiệm phân: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày cách lấy bệnh phẩm phân tìm ký sinh trùng
2. Nêu mục đích, các bước tiến hành kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp bằng nước muối sinh lý và lugol
3. Nêu mục đích, nguyên lý và các bước tiến hành kỹ thuật xét nghiệm phân Willis

Bài 4: Xét nghiệm máu: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày cách lấy máu tìm ký sinh trùng
2. Trình bày các bước tiến hành kỹ thuật làm tiêu bản giọt đàn và giọt đặc
3. Trình bày các bước tiến hành kỹ thuật nhuộm tiêu bản giọt đàn và giọt đặc

Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Trình bày cấu tạo của ký sinh trùng sốt rét
2. Mô tả đặc điểm hình thể *P.falciparum*

Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Mô tả đặc điểm hình thể *P.vivax*
2. Phân biệt *P.falciparum* và *P.vivax*

Bài 7: Xét nghiệm nấm: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Nêu mục đích của xét nghiệm nấm
2. Trình bày các bước tiến hành kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp

Bài 8: Hình thể nấm: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) theo mục 10.1. và 10.2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Mô tả hình thể bộ phận dinh dưỡng của nấm
2. Mô tả hình thể bộ phận sinh sản của nấm

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần ký sinh trùng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, đặc điểm bệnh học và tác hại của các loại ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Đại cương Ký sinh trùng**	3/0/5.5	1. Trình bày được các khái niệm và đặc điểm của KST, vật chủ, chu kỳ, phân loại, danh pháp, ảnh hưởng qua lại giữa KST và vật chủ 2. Trình bày được đặc điểm bệnh, hội chứng bệnh, dịch tễ học, chẩn đoán, phòng và nguyên tắc điều trị bệnh KST	CLO1, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét, đánh giá, trả lời câu hỏi	Không
	Giun ký sinh (Giun đũa *A. lumbricoides*, giun tóc *T. trichiura*,	6/0/10	1. Mô tả được hình thể, chu kỳ và tác hại, dịch tễ của giun ký sinh. 2. Xác định được bệnh	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi	1.Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét,	Không

	giun móc *A. duodenale/ N. americanus*, giun kim *E. vermicularis*, giun chỉ *W. Bancroffti/ B. malayi*)		phẩm để chẩn đoán; chọn lựa được biện pháp phòng chống và thuốc điều trị bệnh do giun ký sinh.		đáp	đánh giá, trả lời câu hỏi	
2	**Sán ký sinh** Sán lá gan nhỏ (*C.sinensis*), sán lá ruột lớn (*F. buski*), sán lá phổi (*P. westermani*), sán dây lợn/bò (*Taenia solium/ Taenia saginata*)	6/0/10	1. Mô tả được hình thể, chu kỳ và tác hại, dịch tễ của sán lá và sán dây ký sinh. 2. Xác định được bệnh phẩm để chẩn đoán; chọn lựa các biện pháp phòng chống và một số thuốc điều trị bệnh do sán lá và sán dây	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét, đánh giá, trả lời câu hỏi	Không
	Đơn bào ký sinh *E. histolytica* *G. lamblia* *T. vaginalis* *B. coli* [1]	4/0/10	1. Mô tả được hình thể, chu kỳ và tác hại, dịch tễ của đơn bào ký sinh. 2. Xác định được các bệnh phẩm để chẩn đoán; chọn lựa được các biện pháp phòng chống và một	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1.Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét, đánh giá, trả lời câu hỏi 4. 3. Hướng dẫn phần tự đọc [1]	Không

			số thuốc điều trị bệnh do đơn bào.				
3	**Ký sinh trùng sốt rét** (Đặc điểm sinh học, sinh bệnh học SR, Phòng chống)	6/0.5/12	1. Mô tả được hình thể, chu kỳ và tác hại, của KST sốt rét 2. Xác định được các bệnh phẩm để chẩn đoán; chọn lựa được các biện pháp phòng chống và một số thuốc điều trị bệnh do KST sốt rét gây nên.	CLO2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét, đánh giá, trả lời câu hỏi	Không
	Vi nấm Tiết túc y học	5//0/10	1. Mô tả được hình thể, chu kỳ và tác hại của vi nấm, tiết túc gây ra 2. Xác định được các bệnh phẩm để chẩn đoán; chọn lựa được các biện pháp phòng chống và một số thuốc điều trị bệnh do vi nấm, tiết túc gây ra	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa: thuyết trình kết hợp hỏi đáp	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, thảo luận, nhận xét, đánh giá, trả lời câu hỏi	Kiểm tra thường xuyên - Nội dung: Giun, sán, đơn bào ký sinh - Hình thức: Bài luận/bài tập/tự luận - Thời gian: 0.5 giờ
	Thi kết thúc Học phần	1.0					Hình thức: trắc nghiệm khách quan trên máy. Nội dung: các kiến thức đã học trong Học phần

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
. (1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1	Bài 1: Hình thể các loài giun, sán thường gặp 1. Các loại giun: giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim 2. Sán lá: sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán lá ruột lớn Sán dây lợn/ bò	4/0/4	Nhận biết được hình thể giun sán	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1. Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bộ tiêu bản giun, sán	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Xem trước hình ảnh tiêu bản mẫu 3. Nghe 4. Trả lời 5. Ghi chép, trao đổi 6. Thực hành theo hướng dẫn	Không
Buổi 2	Bài 2: Hình thể đơn bào - *E. histolytica* - *G. lamblia,* - *B. coli* - *T. vaginalis*	4/0/3	Nhận biết hình thể đơn bào	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bộ tiêu bản đơn bào	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Xem trước hình ảnh tiêu bản mẫu 3. Nghe 4. Trả lời 5. Ghi chép, trao đổi 6. Thực hành theo hướng dẫn	Không
Buổi 3	Bài 3: Xét nghiệm phân - Kỹ thuật	4/0/3	Thực hiện được quy	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Quan	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Nghe	Không

	xét nghiệm phân bằng nước muối sinh lý 0.9% và Lugol Kỹ thuật Willis		trình xét nghiệm phân tìm KST gây bệnh		3.Bệnh phẩm phân	sát	3. Trả lời 4. Ghi chép, trao đổi 5. Thực hành theo hướng dẫn	
Buổi 4	Bài 4: Xét nghiệm máu 1. Kỹ thuật lấy máu tìm KST Sốt rét 2. Tiêu bản máu đàn 3. Tiêu bản giọt đặc 4. Kỹ thuật nhuộm tiêu bản máu	4/0/4	Thực hiện được quy trình xét nghiệm máu tìm KST gây bệnh	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bệnh phẩm máu	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Quan sát	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Nghe 3. Trả lời 4. Ghi chép, trao đổi 5. Thực hành theo hướng dẫn	Không
Buổi 5	Bài 5: Hình thể ký sinh trùng sốt rét - Thể tư dưỡng *Plasmodium falciparum* - Thể phân liệt *Plasmodium falciparum* Thể giao bào *Plasmodium falciparum*	4/0/4	Nhận biết hình thể KST Sốt rét	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bộ tiêu bản KST sốt rét	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Xem trước hình ảnh tiêu bản mẫu 3. Nghe 4. Trả lời 5. Ghi chép, trao đổi 6. Thực hành theo hướng dẫn	Không

Buổi 6	Bài 6: Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tiếp) - Thể tư dưỡng *Plasmodium vivax* - Thể phân liệt *Plasmodium vivax* Thể giao bào *Plasmodium vivax*	4/0/3	Nhận biết hình thể KST Sốt rét	CLO 2 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bộ tiêu bản KST sốt rét	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Xem trước hình ảnh tiêu bản mẫu 3. Nghe 4. Trả lời 5. Ghi chép, trao đổi 6. Thực hành theo hướng dẫn	Không
Buổi 7	Bài 7: Xét nghiệm nấm Kỹ thuật xét nghiệm nấm trực tiếp	4/0/3	Thực hiện được quy trình xét nghiệm nấm gây bệnh	CLO 3 CLO 4 CLO 5	1.Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bệnh phẩm nấm	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Quan sát	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Nghe 3. Trả lời 4. Ghi chép, trao đổi 5. Thực hành theo hướng dẫn	Không
Buổi 8	Bài 8: Hình thể nấm - Hình thể nấm men - Hình thể nấm sợi	2/0/3	Nhận biết được hình thể nấm	CLO 3 CLO 4 CLO 5	1. Dụng cụ thực hành 2. Kính hiển vi 3. Bộ tiêu bản nấm men, nấm sợi	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn trên tiêu bản	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Xem trước hình ảnh tiêu bản mẫu 3. Nghe 4. Trả lời 5. Ghi chép, trao đổi 6. Thực hành theo hướng dẫn	Không
	Thi hết thực hành	0/4/0						Bài thi TH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1 Rubric 1: đánh giá kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra tự luận lý thuyết

9.2.2. Rubric đánh giá học phần thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
Trả lời câu hỏi tự luận	100%	CLO1 CLO2 CLO3	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic 100%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 85%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 70%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 50%	hông trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic

Rubric2: Đánh giá học phần thực hành: chạy trạm soi kính, theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
Kết quả soi tiêu bản trên kính hiển vi	60%	CLO4	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng, đầy đủ 100%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 85%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 70%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng đến 55%	Thực hiện được thao tác soi kính, kết quả đúng dưới 40%
Trả lời câu hỏi tự luận	40%		Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic 100%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 85%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 70%	Trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic đúng đến 50%	Không trả lời đúng, đủ ý và lập luận logic

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành)

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết	- Bài kiểm tra tự luận (0.5 giờ)	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Bài kiểm tra tự luận, chấm điểm theo đáp án đã thiết kế sẵn
Điểm thực hành	30%	Chấm điểm bài thi thực hành (soi tiêu bản 6.0 điểm và trả lời tự luận 4.0 điểm)	Bài thi thực hành	100%	Rubric 1	CLO4	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút

Tổng số câu: 50

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2
CLO1	11.54 %	6	2	4
CLO2	67.69 %	34	14	20
CLO3	20.77%	10	4	6
Tổng	100%	50	20	30

- Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.
- Phần thi thực hành: Rubric 2
- Điểm thi thực hành được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành là điểm thi thực hành tại phòng thực hành.
- - Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra phần thực hành * 0.3 + Điểm thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm kiểm tra thường xuyên * 0.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Giáo trình Ký sinh trùng y học

[2]. Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2019), Tài liệu Thực tập Ký sinh trùng.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đại học Y Hà Nội; Ký sinh trùng Y học; Nhà xuất bản Y học, năm 2023.

[2]. Nguyễn Vũ Trung, Vi sinh- ký sinh trùng lâm sàng, Tập 1; Nhà xuất bản Y học, năm 2022.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIẢI PHẪU BỆNH
Trình độ đào tao: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Giải phẫu bệnh
* Tiếng Anh: Histopathology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI2004
- Số tín chỉ: 2 (LT1.5/TH0.5)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100tiết
+ Lý thuyết: 23tiết
+ Thực hành: 15tiết
+ Kiểm tra: 5.5 tiết
+ Thời gian tự học: 56.5
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Các học phần tiên quyết: không
  + Học phần học trước: Giải phẫu, Mô học
  + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp y

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Chu Văn Đức	0945925078	Giải phẫu bệnh - PY	bschuduc@gmail.com
2	ThS. Bùi Thị Quỳnh	0962535484	Giải phẫu bệnh - PY	Bsquynh89@ms.vutm.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh	0374542394	Giải phẫu bệnh - PY	Nguyenquynhgpb@ ms.vutm.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc học phần này, người học có khả năng:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Có kiến thức về một sốyếu tố nguy cơ, khái niệm, đặc điểm và vai trò của giải phẫu bệnh trong một số tổn thương bệnh lý thường gặp
MT2	Có khả năng chẩn đoán giải phẫu bệnh của một số tổn thương bệnh lý thường gặp
MT3	Có khả năng đối chiếu một số hình thái giải phẫu bệnh với một số biểu hiện trên lâm sàng
MT4	Có khả năng làm việc độc lập, tự học và làm việc nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT 1	2					
MT 2	2					
MT 3	2					
MT 4			1			

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày một số yếu tố nguy cơ, khái niệm, đặc điểm và vai trò của giải phẫu bệnh trong một số tổn thương, bệnh lý thường gặp
CLO2	Chẩn đoán được hình ảnh vi thể của một số tổn thương, bệnh lý thường gặp
CLO3	Đối chiếu được hình ảnh tổn thương giải phẫu bệnh với một số biểu hiện trên lâm sàng
CLO4	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự học và làm việc nhóm

5.Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO / CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		2															
CLO2		2															
CLO3		3															
CLO4														1			

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng dạy học phần

6.1.1. Lý thuyết:

Bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, VGA, màn hình led, loa mic, bảng, phấn

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Bàn gỗ/bàn thí nghiệm
2	Kính hiển vi 2 mắt Olympus
3	Kính hiển vi 5 đầu soi
4	Tivi/ màn chiếu
5	Tiêu bản bệnh lý từng bài học
6	Ổ điện 6 lỗ Lio, ổ cắm đảm bảo an toàn
7	Điều hòa
8	Máy hút ẩm

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

+ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

+ Không ăn uống, làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Bài tập, kiểm tra: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi, soi chẩn đoán tiêu bảntheo yêu cầu của giảng viên

- Tự học:

+ Lý thuyết: Đọc trước giáo trình, đọc tài liệu tham khảo lý thuyết trong mục 10, trả lời các câu hỏi, các vấn đề hoặc đặt câu hỏi về nội dung bài học.

CÂU HỎI TỰ LƯỢNG GIÁ

Bài học	Câu hỏi tự lượng giá
Đại cương: Tổn thương cơ bản, Rối loạn tuần hoàn	1. Liệt kê các nguyên nhân gây tổn thương tế bào? 2. Mô tả tổn thương thoái hóa nước? 3. Mô tả tổn thương thoái hóa mỡ? 4. Kể tên và so sánh các hình thái hoại tử? 5. Trình bày hiện tượng nở to tế bào? Lấy ví dụ về nở to sinh lý và nở to bệnh lý? 6. Trình bày hiện tượng teo đét tế bào? Cho 5 ví dụ minh họa? 7. Phân biệt được 3 quá trình quá sản, loạn sản, dị sản của tế bào? 8. Trình bày tổn thương phù? Lấy ví dụ 9. Nêu khái niệm sung huyết? Phân loại sung huyết? Ví dụ? 10. Mô tả tổn thương xuất huyết? Phân biệt sung huyết và xuất huyết? 11. Nêu khái niệm và nguyên nhân huyết tắc? 12. So sánh nhồi máu trắng và nhồi máu đỏ 13. Sốc là gì? Nêu hình thái vi thể của sốc?
Đại cương: Viêm, U	1. Nêu khái niệm và nguyên nhân của viêm? Phân biệt viêm và nhiễm khuẩn 2. Trình bày ý nghĩa của viêm? 3. Mô tả các giai đoạn của viêm cấp tính? 4. Liệt kê các thành phần tham gia trong viêm mạn tính? 5. Trình bày quá trình hàn gắn của viêm? 6. Trình bày quá trình hủy hoại của viêm? 7. Nêu khái niệm u, khái niệm ung thư? 8. Trình bày nguồn gốc và đặc điểm của u? 9. Trình bày cấu tạo mô u? 10. Phân biệt u lành tính và u ác tính? 11. Mô tả đặc điểm đại thể và vi thể của ung thư? 12. Phân biệt u với các tổn thương: viêm, quá sản, dị sản?
GPB phổi – hạch	1. Liệt kê các nguyên nhân gây ung thư phổi? 2. Kể tên các yếu tố tán trợ của ung thư phổi? 3. Trình bày vị trí và hình thái đại thể của ung thư phổi? 4. Mô tả đặc điểm vi thể của các thể mô bệnh học ung thư phổi? 5. Mô tả đặc điểm đại thể của bệnh Hodgkin? 6. Trình bày phân loại và mô tả đặc điểm vi thể của các thể mô bệnh học của bệnh Hodgkin? 7. Nêu các phương pháp lấy bệnh phẩm giải phẫu bệnh để chẩn đoán bệnh lý phổi, hạch?

GPB tiêu hóa	1. Nêu khái niệm viêm dạ dày?Nêu khái niệm loét dạ dày? 2. Kể tên các yếu tố tấn công và yếu tố bảo vệ của dạ dày? 3. Trình bày đặc điểm vi thể của các lớp trong nền ổ loét dạ dày mạn tính? So sánh tổn thương vi thể của ổ loét cấp và ổ loét mạn tính dạ dày 4. Mô tả đặc điểm giải phẫu bệnh của loét sẹo? 5. Liệt kê các nguyên nhân/yếu tố nguy cơ gây ung thư dạ dày? 6. Mô tả đặc điểm vi thể của các thể mô bệnh học ung thư dạ dày? 7. Nêu vai trò giải phẫu bệnh trong chẩn đoán ung thư dạ dày? 8. Nêu khái niệm và các nguyên nhân/yếu tố nguy cơ gây ung thư gan? 9. Mô tả đặc điểm đại thể và vi thể của các thể mô bệnh học ung thư biểu mô tế bào gan?
GPB tuyến giáp	1. Nêu nguyên nhân, phân loại viêm tuyến giáp? 2. Phân biệt đặc điểm đại thể, vi thể của các loại viêm tuyến giáp? Đối chiếu hình ảnh với bệnh viêm tuyến giáp trên lâm sàng? 3. Mô tả đặc điểm đại thể và vi thể của ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú? 4. Bệnh bướu giáp keo ở giai đoạn nào là bướu lan tỏa? Giai đoạn nào là bướu cục? Mô tả tổn thương vi thể của từng giai đoạn? 5. Mô tả đặc điểm đại thể của Basedow? 6. Mô tả hình thái vi thể của Basedow? Trong những đặc điểm vi thể đó, đặc điểm nào thể hiện tính chất tăng năng của tuyến giáp và liên quan nhiều đến những triệu chứng lâm sàng của bệnh?
GPB sinh dục và tuyến vú	1. Trình bày các yếu tố nguy cơ của ung thư vú? 2. Nêu phân loại ung thư vú? 3. Mô tả đặc điểm vi thể của ung thư vú tại chỗ? 4. Mô tả đặc điểm vi thể của ung thư vú xâm nhập? 5. So sánh đặc điểm đại thể của ung thư biểu mô tuyến vú tại chỗ và xâm nhập? 6. Bệnh paget núm vú là gì? Nêu một số triệu chứng lâm sàng, đặc điểm giải phẫu bệnh của bệnh paget? 7. Bệnh nguyên bào nuôi là gì? Phân loại các bệnh nguyên bào nuôi? 8. So sánh đặc điểm giải phẫu bệnh của chửa trứng lành tính và chửa chứng xâm nhập? 9. Nêu định nghĩa, đại thể và vi thể của ung thư biểu mô màng đệm? 10. Nêu được khái niệm và nguyên nhân/ yếu tố nguy cơ của ung thư cổ tử cung? 11. Trình bày phân loại ung thư cổ tử cung? 12. Mô tả đặc điểm vi thể của ung thư biểu mô vảy cổ tử cung? 13. Mô tả đặc vi thể của ung thư biểu mô tuyến cổ tử cung? 14. Nêu vai trò của giải phẫu bệnh trong sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung?

NỘI DUNG CÁC VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Bài học	Nội dung
Tổn thương cơ bản, Rối loạn tuần hoàn	Đối chiếu hình ảnh giải phẫu bệnh của các tổn thương cơ bản, các rối loạn tuần hoàn với biểu hiện sinh lý, bệnh lý thường gặp
Viêm, U	1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hàn gắn hoặc sửa chữa viêm? Ứng dụng trong điều trị bệnh. 2. Chỉ định xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp với từng trường hợp bệnh nhân sau: a. Bệnh nhân vào viện vì sờ thấy có khối ở trên cảng tay trái b. Bệnh nhân có tiền sử Viêm dạ dày mạn tính vào viện vì đau bụng vùng thượng vị c. Bệnh nhân có chảy máu bất thường núm vú
GPB Tuyến giáp	So sánh đặc điểm giải phẫu bệnh của bướu keo và basedow? Đối chiếu hình ảnh tổn thương với biểu hiện lâm sang của bệnh bướu cổ và basedow?

+ Thực hành: Nghe hướng dẫn, học thuộc, vẽ lại các tiêu chuẩn chẩn đoán vi thể các bệnh lý trong giáo trình thực hành ở mục 10

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%, thực hành 100%.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả học phần

Giải phẫu bệnh là học phần kiến thức cơ sở ngành y gồm 2 tín chỉ, gồm lý thuyết và thực hành. Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học, tổn thương, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống trong những biểu hiện lâm sàng của bệnh. Vận dụng kiến thức đã học để hiểu vai trò giải phẫu bệnh trong chẩn đoán một số bệnh lý u, ung thư và là kiến thức tiền đề cho các môn bệnh lý học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩnđầu ra

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy LT và liên kết ND chương mục với CĐR

Tuần/ Buổi (4 tiết/ Buổi)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	GPB đại cương: Tổn thương cơ bản Rối loạn tuần hoàn	4/0/8	- Trình bày nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của một số tổn thương cơ bản tế bào và mô, của các tình trạng rối loạn tuần hoàn thường gặp - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể của một số tổn thương cơ bản và rối loạn tuần hoàn - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của bệnh	CLO1 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Dạy học nêu vấn đề	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời 2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	Không
2	GPB đại cương: Viêm - U	4/0/8	- Trình bày về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của các bệnh lý viêm, u - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể của viêm, u - Nêu được một số xét nghiệm GPB trong chẩn đoán bệnh lý u, ung thư - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của bệnh lý viêm,	CLO1 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Dạy học nêu vấn đề	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời 2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	Không

			u				
3	GPB phổi – hạch	4/0/8	- Trình bày về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của Ung thư phổi; bệnh Hodgkin - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể của ung thư phổi; bệnh Hodgkin - Nêu được một số xét nghiệm GPB trong chẩn đoán bệnh lý Ung thư phổi, bệnh Hodgkin - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của Ung thư phổi; bệnh Hodgkin	CLO1 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời 2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	Không
4	GPB tiêu hóa	4/0/8	- Trình bày về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của Ung thư gan; Viêm loét dạ dày và Ung thư dạ dày - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể củaUng thư gan; Viêm loét dạ dày và một số típ Ung thư biểu		1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời	Không

			mô dạ dày thường gặp - Nêu được một số xét nghiệm GPB trong chẩn đoán bệnh lý Ung thư gan; Viêm loét dạ dày và Ung thư dạ dày - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của Ung thư gan; Viêm loét dạ dày và Ung thư dạ dày	CLO1 CLO3 CLO4		2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	
5	GPB tuyến giáp	3/0.5/6	- Trình bày nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của: Viêm tuyến giáp, tăng sản, Ung thư tuyến giáp - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể của: Viêm tuyến giáp, tăng sản, một số típ thường gặp của Ung thư biểu mô tuyến giáp; - Nêu được một số xét nghiệm GPB trong chẩn đoán bệnh lý Viêm tuyến giáp, tăng sản, Ung thư tuyến giáp. - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của: Viêm tuyến	CLO1 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học 2. Dạy học nêu vấn đề	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời 2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	KTTX Nội dung trong các buổi 1,2,3 Hình thức: tự luận

			giáp, Basedow, Bướu giáp keo, Ung thư biểu mô tuyến giáp;				
6	GBP sinh dục và tuyến vú	4/0/6.5	-Trình bày về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ của: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Bệnh nguyên bào nuôi - Mô tả tổn thương đại thể và vi thể của: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung; Bệnh nguyên bào nuôi - Nêu được một số xét nghiệm GPB trong chẩn đoán bệnh lý Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Bệnh nguyên bào nuôi - Liên hệ tổn thương với biểu hiện lâm sàng của: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Bệnh nguyên bào nuôi	CLO1 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Trên lớp: - Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, thảo luận, lắng nghe ghi chép, trả lời 2. Tự học theo hướng dẫn 6.2	Không
7	Thi lý thuyết	0/1/6					Hình thức: thi trác nghiệm; Nội dung theo kết cấu đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/ buổi)	Các nội dung cơ bản của bài TH	Số tiết (TH/ KT/Tự học)	CĐR của bài TH	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Viêm Ung thư	4/0/1	Tìm và đánh giá được các tổn thương từ đó chẩn đoán vi thể của Viêm ruột thừa cấp, Viêm lao, ung thư biểu mô vảy	CLO2 CLO4	Máy tính, Tivi Tiêu bản bệnh lý theo nội dung bài học Kính hiển vi olympus Kính hiển vi 5 đầu soi Bàn, ghế, quạt, điều hòa, máy hút ẩm	Thuyết trình, thao tác mẫu hướng dẫn, thực hành lại kỹ năng soi tìm các hình ảnh vi thể chẩn đoán tiêu bản bệnh lý Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu	1. Tự đọc trước tài liệu thực hành của bài học, xem trước hình ảnh vi thể trong file hướng dẫn. Học thuộc các tiêu chuẩn chẩn đoán tiêu bản bệnh lý, vẽ hình ảnh vi thể 2. Trên lớp: Thực hành soi tiêu bản tìm các tiêu chuẩn hình ảnh trên tiêu bản dưới hướng dẫn của giảng viên	
2	Hodgkin thể hỗn hợp tế bào và Bệnh tuyến giáp	4/0/1	Tìm và đánh giá được các tổnthương từ đó chẩn đoán vi thể của Hodgkin thể hỗn hợp tế bào, bướu keo, basedow, ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú					
3	GPB tiêu hóa	4/0/1	Tìm và đánh giá được các tổn thương từ đó chẩn đoán vi thể của: loét dạ dày mạn tính Ung thư biểu mô tuyến dạ dày, Ung					

			thư biểu mô tế bào gan					
4	GPB sinh dục	3/0/1	Tìm và đánh giá được các tổn thương từ đó chẩn đoán vi thể của: Ung thư biểu mô tuyến vú, Ung thư cổ tử cung, Chửa trứng xâm nhập					
5	Thi	0/4/2	Tìm và đánh giá được các tổn thương từ đó chẩn đoán được các tiêu bản bệnh lý đã học	CLO2 CLO4	Tiêu bản bệnh lý theo nội dung bài học Kính hiển vi olympus	Chuẩn bị danh sách thi, danh sách tiêu bản và tiêu bản không dán nhãn tên	Bốc thăm ngẫu nhiên 2 trong số các tiêu bản đã học; Soi kính hiển vi mô tả tổn thương và chẩn đoán bệnh lý trên tiêu bản	GPBTH Nội dung thi: Bài 1,2,3,4 Hình thức thi: Soi tiêu bản trên KHV, phân tích đặc điểm tổn thương và chẩn đoán

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubic

Bảng 9.2.1. Rubic 1 - Rubic đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	
Hình thức	Cẩu thả, không có bố cục	Chữ viết xấu, khó đọc, bố cục không rõ ràng	Chữ viết đọc được, Bố cục không chặt chẽ	Chữ viết rõ ràng; trình bày sạch; Bố cục tương đối logic; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục logic; Không lỗi chính tả	20
Nội dung	Nội dung không đủ, chưa đúng một số yêu cầu	Nội dung đủ, đúng yêu cầu nhưng chưa có lập luận, giải thích	Nội dung đủ, đúng yêu cầu có lập luận giải thích, minh họa nhưng chưa phù hợp	Nội dung đủ, đúng yêu cầu, lập luận, giải thích, minh họa tương đối phù hợp nội dung yêu cầu	Nội dung đủ, đúng, có sáng tạo, tổng hợp, lập luận, giải thích, minh họa phù hợp nội dung yêu cầu	80

Bảng 9.2.2.Rubic 2 - Rubic đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	
Soi tiêu bản	Không thực hiện được thao tác soi tiêu bản	Thực hiện được thao tác soi tiêu bản, chỉ được <=30% hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện được thao tác soi tiêu bản, chỉ được 30% -50% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện tốt thao tác soi tiêu bản, chỉ được 50% - 80% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	Thực hiện thành thạo thao tác soi tiêu bản, chỉ được 80-100% hình ảnh hình ảnh trên tiêu bản được yêu cầu	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến	Các câu trả lời ngắn gọn, rõràng, đầy đủ, liên quan đếncâu hỏi yêu cầu. Thể	Các câu trả lời ngắn gọn, rõràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin	80%

	quan đến câu hỏi.	vào trọngtâm của câu hỏi.	câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	hiện sựtự tin về sự hiểu biết trongcâu trả lời, nhưng lập luận giải thíchchưa thuyết phục.	trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Điểm KTTX	10%	Nội dung thi bài 1,2,3 Giải phẫu bệnh đại cương, đánh giá theo hệ số	KTTX	100%	Rubic 1	CLO1	Chấm thi theo đáp án và rubic 1
Điểm thực hành	30%	Nội dung thi 4 bài thực hành; Đánh giá bài thực hành tại phòng thực hành theo hệ số	GPB TH	100%	Rubic 2	CLO2	Chấm thi theo đáp án, thang điểm có sẵn và rubic 2
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Nội dung thi 6 bài lý thuyết; Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	100%		CLO1-CLO4	Thang điểm 10 trên đáp án và trọng số điểm thiết kế sẵn có trên phần mềm

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Bảng 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tổng số câu: 40 câu

Thời gian: 20 phút

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	70%	28	20	8	0
CLO3	30%	12	6	4	2
Tổng	**100%**	**40**	**26**	**12**	**2**

9.5 Điểm học phần

Điểm học phần = Điểm đánh giá thường xuyên *10%+ Điểm thi két thúc học phần*60% + Điểm đánh giá cuối kỳ thực hành*30%

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1].Bộ môn Giải phẫu bệnh (2023), , Giáo trình Giải phẫu bệnh, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

[2] Bộ môn Giải phẫu bệnh (2023), *Thực hành Giải phẫu bệnh*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đại học Y Hà Nội (2016), Giải phẫu bệnh học, Nhà xuất bản Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày tháng năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày tháng năm.***	**Người cập nhật**

Ề CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: *Sinh lý bệnh - Miễn dịch*
* Tiếng Anh: Pathophysiology and Immunology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI2005
- Số tín chỉ: 2.5 LT/0.5 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
+ Lý thuyết: 38 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 15 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá: 5.5 tiết (thực hành: 4 tiết, kiểm tra thường xuyên : 0,5; lý thuyết : 1 tiết)
+ Thời gian tự học: 91.5 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành [x]		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Hóa sinh, Sinh lý
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Vương Thị Mai Linh	0912016669	vmlinh1012@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Anh Thư	0934533988	nguyenanhthu3003@gmail.com
3	Ths. Vũ Thị Phương Thảo	0915679668	phuongthao2487@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT 1	Kiến thức về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cơ chế hoạt động của đáp ứng miễn dịch, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán, phòng bệnh; làm nền tảng vững vàng cho học tập lâm sàng và nghiên cứu khoa học.
MT 2	Phân tích được những thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình.
MT 3	Thực hành an toàn, hiệu quả; phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn, rèn

	luyện phẩm chất người bác sĩ.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT 1		2				
MT 2		1	1			
MT 3		1			1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP
CLO1	Mô tả kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, phân tích cơ chế hoạt động của đáp ứng miễn dịch, bệnh lý miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh, chẩn đoán bệnh.
CLO2	Phân tích được những thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lư điển hình.
CLO3	Thực hành an toàn, hiệu quả. Giải thích một số hiện tượng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng.
CLO4	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tự học và làm việc nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1		3	1														
CLO2		3	1														
CLO3		2	1														
CLO4														1			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Máy tính
3	Tranh
4	Kính hiển vi

5	Bàn, ghế, quạt, điều hòa, máy hút ẩm
6	Dụng cụ thí nghiệm
7	Hóa chất thí nghiệm
8	Động vật thực nghiệm: Ếch
9	Tiêu bản máu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/cơ sở thực hành):

+ Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

+ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

+ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

+ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

6.2.2.1.Tự học: Lý thuyết: Đọc TLC và TLTK theo mục 10 và trả lời các câu hỏi lượng giá như sau

Phần 1. MIỄN DỊCH

Bài 1. Đại cương về hệ thống miễn dịch

1. Phân biệt được đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu; đáp ứng miễn dịch đặc hiệu.
2. Hiểu được các thành phần của hệ thống miễn dịch.
3. Trình bày các thành phần tham gia vào hàng rào miễn dịch không đặc hiệu?

Bài 2. Kháng nguyên

1. Định nghĩa kháng nguyên? Phân tích tính lạ của kháng nguyên?
2. Phân biệt tính kháng nguyên và tính sinh miễn dịch?
3. Trình bày kháng nguyên nhóm máu hệ ABO? Kháng nguyên nhóm máu hệ Rh?

Bài 3. Hệ thống Bổ thể

1. Trình bày khái niệm, ký hiệu, thành phần và quy ước quốc tế về hệ thống bổ thể?
2. Phân tích điểm chung của ba con đường hoạt hoá bổ thể?
3. Phân tích các bước của hoạt hoá bổ thể theo con đường cổ điển?
4. Trình bày vai trò sinh học của bổ thể?

Bài 4. Tế bào Lympho T- đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào

1. Trình bày nguồn gốc và quá trình biệt hoá và đặc điểm lympho bào T?
2. Tế bào lympho T nhận biết kháng nguyên như thế nào?
3. Phân tích điều kiện cần và đủ để hoạt hoá lympho T?
4. Trình bày kết quả của lympho T khi hoạt hoá?
5. Nêu vai trò của đáp ứng qua trung gian tế bào?

Bài 5. Tế bào Lympho B và đáp ứng miễn dịch dịch thể

1. Trình bày quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể với KN phụ thuộc tuyến ức?
2. Trình bày quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể với KN không phụ thuộc tuyến ức?
3. Trình bày quá trình biệt hóa của tế bào lymphoB?
4. Kết quả của đáp ứng miễn dịch dịch thể?

Bài 6. Kháng thể

1. Trình bày định nghĩa Kháng thể? Nêu cấu trúc phân tử kháng thể?
2. Tình bày kháng thể lớp IgA? IgG? IgM? IgD? IgE?
3. Trình bày chức năng sinh học của các lớp kháng thể?

Vấn đề thảo luận:

Phân biệt kháng thể hệ nhóm máu ABO và hệ Rh? Người có nhóm máu Rh (-) xuất hiện kháng thể Anti D trong máu khi nào? Đặc điểm của kháng thể miễn dịch?

Bài 7. Các bệnh tự miễn

1. Trình bày được cơ chế phát sinh bệnh tự miễn?
2. Trình bày được cơ chế tổn thương trong bệnh tự miễn?
3. Phân tích được 1 số cơ chế bệnh sinh bệnh tự miễn?
4. Trình bày đặc điểm, bệnh sinh của bệnh lupus ban đỏ hệ thống?
5. Phân tích cơ chế bệnh sinh của bệnh tan máu tự miễn?

Bài 8. Quá mẫn

1. Phân tích cơ chế bệnh sinh của quá mẫn typ I?
2. Phân tích cơ chế bệnh sinh của quá mẫn typ II?
3. Phân tích cơ chế bệnh sinh của quá mẫn typ III?
4. Phân tích đặc điểm, cơ chế quá mẫn typ IV? Cho ví dụ?

Vấn đề thảo luận:

Người nhóm máu A có truyền máu cho người nhóm máu B được không? Cơ chế quá mẫn trong trường hợp này là gì? Phân tích cơ chế bệnh sinh trường hợp truyền nhầm nhóm máu?

Bài 9. Thiểu năng miễn dịch

2. Trình bày định nghĩa và phân loại thiểu năng miễn dịch?
3. Trình bày thiểu năng miễn dịch bẩm sinh dòng T? Trình bày thiểu năng miễn dịch bẩm sinh dòng B?
4. Trình bày thiểu năng miễn dịch bẩm sinh không đặc hiệu?
5. Trình bày thiểu năng miễn dịch mắc phải do suy dinh dưỡng, do dung thuốc và hóa chất?
6. Cơ chế gây suy giảm miễn dịch khi bị nhiễm HIV/AIDS?

Phần 2. SINH LÝ BỆNH

Bài 1. Đại cương Sinh lý bệnh

1. Trình bày khái niệm môn học, vị trí và nội dung môn học?
2. Trình bày khái niệm về bệnh, quá trình điễn biến và kết thúc một bệnh?
3. Trình bày định nghĩa bệnh nguyên, mối liên quan giữa nguyên nhân và điều kiện?
4. Trình bày định nghĩa bệnh sinh, ảnh hưởng của bệnh nguyên đến bệnh sinh
5. Trình bày các nguyên nhân gây bệnh, và vòng xoắn bệnh lý?

Bài 2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

1. Trình bày Phân loại và hậu quả mất nước?
2. Trình bày các cơ chế gây phù và cho ví dụ?
3. Phân loại phù? Cho ví dụ?
4. Phân tích các yếu tô gây phù (chính, phụ) trong các bệnh suy tim, hội chứng thận hư, xơ gan?
5. Phân tích các yếu tố gây phù (chính, phụ) trong các bệnh viêm cầu thận cấp, suy dinh dưỡng?
6. Nêu và phân tích một số trường hợp mất nước?

Bài 3. Rối loạn thăng bằng acid - base

1. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến pH máu?
2. Trình bày về khái niệm, phân loại nhiễm acid?

3. Trình bày về vài trường hợp nhiễm acid?
4. Trình bày khái niệm, phân loại và hậu quả của nhiễm base?
5. Trình bày và giải thích các thông số đo ở nước tiểu và máu để đánh giá cân bằng acid base?

Bài 4. Sinh lý bệnh vi tuần hoàn

1. Trình bày khái quát cấu trúc và chức năng sinh lý của hệ vi tuần hoàn ? Trình bày cơ chế, các kiểu kết tụ máu trong rối loạn vi tuần hoàn ?
2. Trình bày cơ chế tăng tính thấm thành mạch, quanh mạch trong rối loạn vi tuần hoàn ?
3. Trình bày hội chứng bùn máu ? Trình bày hội chứng thoát huyết tương ?
4. Trình bày hội chứng đông máu lan toả trong mạch ?
5. Trình bày hội chứng sốc ?

5. Bài 5. Sinh lý bệnh quá trình viêm

1.Nêu phản ứng chính xảy ra trong viêm? Sung huyết động: cơ chế, biểu hiện, hậu quả? Sung huyết tĩnh: cơ chế, biểu hiện, hậu quả?

2. Nêu hiện tượng tế bào bám mạch và xuyên mạch? Nêu hiện tượng bạch cầu thực bào? Trình bày 5 khả năng có thể xảy ra khi thực bào?

3. Dịch rỉ viêm: cơ chế hình thành, thành phần, phân loại và tác dụng?

4. Trình bày quá trình tăng sinh tế bào – lành vết thương?

5. Trình bày quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể? Trình bày nguyên tắc sử trí ổ viêm?

Bài 6. Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt

1. Trình bày được sự thay đổi thân nhiệt thụ động? Trình bày định nghĩa sốt, các yếu tố và cơ chế gây sốt?

2. Trình bày các giai đoạn của sốt? Phân biệt sốt với tăng thân nhiệt thụ động?

3.Trình bày rối loạn thần kinh, tuần hoàn, hô hấp trong sốt? Trình bày rối loạn tiêu hóa, tiết niệu trong sốt?

4. Trình bày ý nghĩa của sốt? Tại sao sốt lại là phản ứng bảo vệ cơ thể?

5. Nêu nguyên tắc xử lý sốt?

Chương II. Sinh lý bệnh các cơ quan – hệ thống

Bài 1. Sinh lý bệnh tạo máu

1. Trình bày phân loại thiếu máu theo nguyên nhân?
2. Trình bày một số nguyên nhân làm hồng cầu dễ vỡ gây thiếu máu ?
3.Trình bày một số yếu tố ngoài hồng cầu làm hồng cầu vỡ gây thiếu máu?
4. So sánh đặc điểm thiếu máu do chảy máu và thiếu máu do tan máu?
5.Nguyên nhân đặc điểm thiếu máu do thiếu sắt? Phân tích các thích nghi của cơ thể khi thiếu máu?

Vấn đề thảo luận:

Bệnh nhân rong kinh thì có thể phân loại vào thiếu máu loại nào?

Bài 2. Sinh lý bệnh hô hấp

1. Trình bày khái quát quá trình hô hấp của cơ thể?
2. Phân tích cơ chế bệnh sinh của bệnh lên cao? Phân tích cơ chế bệnh sinh của ngạt?
3. Trình bày định nghĩa và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khuếch tán khí?
4. Phân tích một số bệnh lý của phổi có rối loạn khuếch tán khí?
5. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân, biểu hiện của suy hô hấp? Trình bày thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp?

Vấn đề thảo luận:

Thí nghiệm lên cao thực nghiệm: Cho chuột vào hệ thống bình thông nhau, giảm áp suất không khí trong bình nhờ máu hút chân không, tương ứng với áp suất không khí ở các độ cao 4.000m, 6.000m, 8.000.

Chuột A: Tiêm chất kích thích

Chuột B: Tiêm chất ức chế

Chuột C: Không tiêm

Thấy chuột thở nhanh → thở chậm → chết

Dự đoán thời gian tử vong của chuột A, B, C – con nào chết sớm nhất, con nào muộn nhất? Giải thích cơ chế bệnh sinh bệnh lên cao?

Bài 3. Sinh lý bệnh tuần hoàn

1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân và các cách phân loại suy tim?
2. Trình bày các biện pháp thích nghi của tim?
3. Phân tích nguyên nhân và cơ chế biểu hiện suy tim trái? Phân tích nguyên nhân và cơ chế biểu hiện suy tim phải? Phân tích những thay đổi trong suy tim?
4. Trình bày định nghĩa, cơ chế và hậu quả của tăng huyết áp?
5. Trình bày cơ chế bệnh sinh và yếu tố thuận lợi trong xơ vữa động mạch?

Vấn đề thảo luận:

Cơ chế sốc giảm thể tích? Nguyên nhân dẫn đến sốc giảm thể tích?

Bài 4. Sinh lý bệnh tiêu hoá

1. Trình bày cơ chế, biểu hiện chính khi dạ dày tăng co bóp và tăng tiết dịch ?
2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của viêm loét dạ dày – tá tràng? Phân tích cơ chế gây loét dạ dày do HP?
3. Trình bày nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của hội chứng tắc ruột? Trình bày nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của táo bón?
4. Trình bày bệnh viêm tụy cấp?
5. Trình bày nguyên nhân, cơ chế gây tiêu chảy? Trình bày hậu quả của tiêu chảy?
6. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của rối loạn hấp thu?

Vấn đề thảo luận

Hậu quả của tiêu chảy cấp là gì? Hậu quả tiêu chảy mạn là gì? Vẽ vòng xoắn bệnh lý trong trường hợp này?

Bài 5. Sinh lý bệnh gan mật

1. Trình bày chức năng của gan? Trình bày nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan?
2. Trình bày đặc điểm tuần hoàn của gan? Trình bày nguyên nhân và hậu quả của tăng áp lực tĩnh mạch cửa?
3. Nêu và phân tích các cơ chế gây cổ trướng trong rối loạn chức năng gan?
4. Trình bày rối loạn chuyển hóa của gan?
5. Trình bày rối loạn cấu tạo mật và bài tiết mật của gan?
6. Trình bày nguyên nhân và cơ chế biểu hiện của suy gan cấp? Trình bày cơ chế trong hôn mê gan?

Vấn đề thảo luận:

Phân tích cơ chế phù do xơ gan?

6. Bài 6. Sinh lý bệnh thận

1. Trình bày cấu tạo màng lọc và quá trình lọc của thận? Thế nào là thiểu niệu, vô niệu, đa niệu? Cho ví dụ lâm sàng?
2. Thế nào là hồng cầu niệu, protein niệu, trụ niệu? Cho ví dụ lâm sàng?
3. Trình bày về hội chứng tăng ure huyết, toan máu, thiếu máu trong bệnh lý thận? Trình bày về tỷ trọng nước tiểu? Trình bày về hệ số thanh thải của thận?
4. Phân tích cơ chế bệnh sinh và biểu hiện lâm sàng của viêm cầu thận cấp, mạn? Phân tích về cơ chế bệnh sinh của viêm ống thận cấp? Phân tích về cơ chế bệnh sinh và biểu hiện lâm sàng của hội chứng thận hư?
5. Trình bày nguyên nhân, cơ chế của suy thận cấp? Phân tích về cơ chế bệnh sinh và biểu hiện lâm sàng của suy thận mãn?

6.2.2.2: Tự học thực hành:

Đọc TLC và TLTK theo mục 10

6.2.3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/ module:

Số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Sinh lý bệnh Miễn dịch là môn học giúp cho người học kiến thức cơ bản về những thay đổi chức năng của cơ thể khi bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: về cơ chế bệnh sinh, bệnh học, từ đó biết vận dụng kiến thức vào việc học tập các môn học khác, biết giải thích các triệu chứng lâm sàng, chăm sóc, theo dõi người bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của Sinh viên**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (2 tiết)	Đại cương hệ thống miễn dịch	2/0/4	1. Trình bày được thế nào là đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu; đáp ứng miễn dịch đặc hiệu. 2.Trình bày được các thành phần của hệ thống miễn dịch.	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi,	
Buổi 1 (2 tiết)	Kháng nguyên	2/0/4	1. Trình bày được kháng nguyên; Phân biệt được tính KN và tính sinh miễn dịch; các yếu tố ảnh hưởng đến tính sinh miễn dịch của kháng nguyên 2. Trình bày được về Quyết định Kháng nguyên 3.Biết 1 số loại KN: KN nhóm máu, KN của vi sinh vật	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 2	Lympho T, MD tế	2/0/4	1.Trình bày được nguồn gốc,		Thuyết trình	1. Tự học: như mục	

(2 tiết)	bào		quá trình biệt hóa và đặc điểm của lympho T 2. Trình bày được quá trình nhận biết và hoạt hoá của lympho T 3. Trình bày được vai trò của đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào. 4. Trình bày được quá trình hình thành CMI.	CLO1 CLO3	ngắn tích cực hóa người học	6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 2 (2 tiết)	Bổ thể	2/0/4	1. Trình bày được khái niệm, thành phần và một số quy ước về hệ thống bổ thể. 2. Trình bày được khái quát các con đường hoạt hoá bổ thể. 3. Trình bày được sự hoạt hóa bổ thể theo con đường cổ điển.	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 3 (2 tiết)	Lympho B, MD dịch thể Kháng thể	2/0/4	1.Trình bày được quá trình tăng sinh, biệt hóa của tế bào lymphoB 2.Trình bày được đáp ứng miễn dịch dịch thể với kháng nguyên phụ thuộc tuyến ức,kháng nguyên không phụ thuộc tuyến ức 3.Trình bày được các lớp	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			Kháng thể, đáp ứng tạo Kháng thể lần 1 và lần 2.				
Buổi 4 (2 tiết)	Quá mẫn	2/0/4	1. Nêu được khái niệm và các loại của quá mẫn. 2. Trình bày được quá mẫn typ I, II,III.	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	
Buổi 4 (1 tiết)	Thiểu năng miễn dịch	1/0/2	1. Trình bày được khái niệm, phân loại của thiểu năng miễn dịch. 2. Trình bày được thiểu năng miễn dịch bẩm sinh. 3. Hiểu được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh ở một số bệnh thiểu năng miễn dịch bẩm sinh. 4. Trình bày thiểu năng miễn dịch mắc phải. 5. Phân tích mối liên quan giữa thiếu hụt miễn dịch, nhiễm khuẩn và suy dinh dưỡng	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 4 (1 tiết)	Các bệnh Tự miễn.	1/0/2	1. Trình bày được cơ chế phát sinh bệnh tự miễn. 2. Trình bày được cơ chế tổn thương trong bệnh tự miễn. 3. Phân biệt bệnh tự miễn cơ quan và bệnh tự miễn hệ thống. 4. Trình bày được cơ chế gây bệnh ở một số bệnh tự miễn phổ biến.	CLO1 CLO3	1.Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

Buổi 5 (01 tiết)	Đại cương sinh lý bệnh	1/0/2	1.Trình bày được định nghĩa môn học, vị trí, nội dung chương trình môn học; khái niệm bệnh nguyên, quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và bệnh.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 5 (2 tiết)	Rối loạn chuyển hóa nước – điện giải	2/0/4	1. Nêu được vai trò và sự trao đổi nước điện giải trong cơ thể. 2. Phân loại được mất nước, nêu được sự mất nước ảnh hưởng đến cơ thể. 3. Phân tích được các yếu tố gây phù. 4. Phân tích và tìm được các yếu tố chính gây phù trong suy tim, xơ gan, bệnh thận hư, viêm cầu thận cấp.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 5 (01 tiết)	Rối loạn chuyển hóa Acid – Base	1/0/2	1.Trình bày được vai trò điều hoà pH máu của hệ đệm, phổi, thận. 2. Phân loại được nhiễm acid, nhiễm base; cơ chế, những biểu hiện lâm sàng đặc trưng của nhiễm acid cố định bệnh lý; Nhiễm base bệnh lý.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 6 (02 tiết)	Vi tuần hoàn	2/0/4	1. Trình bày được cơ chế các rối loạn cơ bản vi tuần hoàn. 2. Trình bày được cơ chế và hậu quả các rối loạn vi tuần hoàn	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			cục bộ; các hội chứng rối loạn vi tuần hoàn toàn thân.				
Buổi 6 (2 tiết)	Viêm	2/0/4	1. Nêu được khái niệm về viêm; rối loạn vận mạch trong viêm 2. Trình bày được phản ứng tế bào trong viêm 3. Nêu được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể; xử trí ổ viêm.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 7 (2 tiết)	Sinh lý bệnh Sốt – điều hòa thân nhiệt	2/0/4	1.Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh. 2.Nêu được định nghĩa sốt, yếu tố gây sốt; các giai đoạn sốt, rối loạn chuyển hoá và chức năng các cơ quan trong sốt; Nêu được các ý nghĩa của sốt và nguyên tắc xử trí.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 7 (2 tiết)	Sinh lý bệnh tạo Máu	2/0/4	1. Trình bày định nghĩa thiếu máu, phân loại thiếu máu ; nguyên nhân, đặc điểm, phân loại của từng loại thiếu máu. 2. Trình bày được cơ chế tăng, giảm các loại bạch cầu ; bệnh leucose.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	
Buổi 8 (02 tiết)	Sinh lý bệnh Hô hấp	2/0/4	1. Trình bày được cấu trúc, chức năng của bộ máy hô hấp; các giai đoạn của quá trình trao đổi khí và các biện	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			pháp thăm dò chức năng hô hấp. 2. Trình bày nguyên nhân, bệnh sinh, hậu quả của các bệnh hô hấp thường gặp trên lâm sàng;nguyên nhân, biểu hiện của rối loạn hô hấp ngoài; rối loạn quá trình hô hấp trong 3. Phân tích các biểu hiện, bệnh sinh của các loại suy hô hấp.		Nêu vấn đề	3. Giải quyết vấn đề.	
Buổi 8 (02 tiết)	Sinh lý bệnh Tuần hoàn	2/0/4	1. Nêu được các cách phân loại suy tim. 2. Trình bày được các biện pháp thích nghi của tim. 3. Trình bày được cơ chế các biểu hiện của suy tim trái và suy tim phải. 4. Phân tích được cơ chế và hậu quả của cao huyết áp, hạ huyết áp.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	
Buổi 9 (02 tiết)	Sinh lý bệnh Tiêu hóa	2/0/4	1.Trình bày được cơ chế và biểu hiện rối loạn co bóp, tiết dịch tại dạ dày. 2. Trình bày được cơ chế, yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày, tá tràng . 3. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của tắc	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	

			ruột, của táo bón . 4. Trình bày được bệnh viêm tuỵ cấp . 5. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy .				
Buổi 9 (02 tiết)	Sinh lý bệnh Gan	2/0/4	1.Trình bày được những nguyên nhân chủ yếu gây rối loạn chức năng gan; Phân tích được cơ chế rối loạn tuần hoàn trong gan. 2.Phân tích được rối loạn chức phận về chuyển hoá G, P, L, muối nước và rối loạn chức phận cấu tạo mật và bài tiết mật trong gan. 3.Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của suy gan. 4.Trình bày được cơ chế hôn mê gan.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	
Buổi 10 (04 tiết)	Sinh lý bệnh Thận	4/0/8	1. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế của các biểu hiện rối loạn chức năng cầu thận; nguyên nhân và cơ chế biểu hiện rối loạn chức năng ống thận. 2. Giải thích được các cơ chế gây thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu. 4. Phân tích được nguyên	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Nêu vấn đề	1. Tự học: như mục 6.2 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi 3. Giải quyết vấn đề.	

			nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh cầu thận, ống thận.				
	Kiểm tra thường xuyên	0/0.5/0					Bài kiểm tra tự luận, thời gian 25 phút. Theo bộ câu hỏi lượng giá mục 6.2
	Thi kết thúc học phần	0/1/0					Trắc nghiệm khách quan, theo lịch phân công của Phòng đào tạo Nội dung: toàn bộ các bài đã học

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Tuần/ Buổi (…. Tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (3 tiết)	Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ Rh	3/1/5	Thực hiện và đọc được kết quả xét nghiệm Kỹ thuật xác định nhóm máu A,B,O, nhóm máu Rh.	CLO3	1,2,3,4,5,6,7	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Tự học theo 6.2 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo	
Buổi 2 (4 tiết)	Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh	4/0/4.5	Thực hiện và đọc được kết quả xét nghiệm Kỹ thuật phát hiện HbsAg trong huyết thanh	CLO3	1,2,3,4,5,6,7	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo	
Buổi 3 (4 tiết)	Thí nghiệm gây viêm mạc treo ruột ếch và thí nghiệm garo chi ếch.	4/0/4	1. Thực hiện được gây viêm mạc treo ruột ếch 2. Thực hiện được gro chi ếch	CLO3	1,2,3,4,5,6,7	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo	

Buổi 4 (4 tiết)	Tiêu bản máu bệnh lý.	4/0/4	1. Thực hiện được vi trường, 2. Mô tả được các tiêu bản máu bệnh lý, 3. Giải thích được cơ chế bệnh sinh các trường hợp bệnh lý.	CLO3	1,2,3,4,5,6,7	1. Thuyết trình 2. Thực hành theo hướng dẫn	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo	
	Thi KT thực hành	0/4/0						Thi chạy trạm

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			0 – 3.9 điểm	4.0-5.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	7.0-8.4 điểm	8.5-10 điểm	
Nội dung	80%	CLO 1 CLO2 CLO3	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	100%
Hình thức trình bày	20%		Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch	

			sai nhiều lỗi chính tả;	không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	

Rubric 2: Đánh giá bài thực hành (thi chạy trạm)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**0 – 3.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**7.0-8.4 điểm**	**8.5-10 điểm**
Kỹ năng làm bài thi thực hành	100%	Không làm được, phân tích đánh giá chưa không phù hợp	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích được những không đánh giá được	Kỹ năng thiếu nhiều bước, phân tích, đánh giá chưa tốt	Kỹ năng làm thiếu 1-2 bước, phân tích, đánh giá khá tốt	Kỹ năng làm tốt thành thạo, phân tích, đánh giá tốt

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết	Điểm thường xuyên	100%	Rubic 1	CLO1 CLO2	Theo rubic
Điểm bài thi thực hành	30%	Thi thực hành	Bài thi thực hành chạy trạm	100%	Rubric 2	CLO3	Theo rubic
Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần/mô đun	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Môn thi: Sinh lý bệnh Miễn dịch

Đối tượng: y học cổ truyền

Thời gian: 30 phút

Tổng số câu: 50 câu

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	30%	15	5	7	3
CLO2	70%	35	10	18	7
Tổng	100%	50	15	25	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành là điểm bài thi chạy trạm
- Điểm kiểm tra thường xuyên là điểm trung bình bài kiểm tra thường xuyên và đánh giá bài thực hành qua các buổi.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành * 0,3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,6 + Điểm kiểm tra quá trình *0,1

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Sinh lý bệnh miễn dịch (2019), *Giáo trình Sinh lý bệnh Miễn dịch*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

2. Bộ môn Sinh lý bệnh miễn dịch (2019), *Thực hành Sinh lý bệnh Miễn dịch* , Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch (2018), "Sinh lý bệnh và Miễn dịch – Phần Sinh lý bệnh học", nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế,2017, "Sinh lý bệnh và Miễn dịch – Phần Miễn dịch học", nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

DƯỢC LÝ

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Bác sĩ YHCT Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Dược lý

* Tiếng Anh: Pharmacology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3010
- Số tín chỉ: 03 LT/01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành/LS: 30 tiết
  + Kiểm tra/đánh giá: 5 tiết
  + Thời gian tự học: 120 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	**Bắt buộc** ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không.
  + Học phần học trước (đã học): Sinh lý, Sinh lý bệnh - miễn dịch, Giải phẫu 1,2 , Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng.
  + Học phần song hành: Không.
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: BM dược lý

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	Dược lý	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	Dược lý	tolehong512@gmail.com
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	Dược lý	tongmaivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	Dược lý	phamphuonglien22339@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản dược lý học để kê đơn và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
MT 2	Thực hiện được nhận thức thuốc, kê đơn thuốc, phân tích đơn thuốc và thử nghiệm tác dụng dược lý của một số thuốc.
MT 3	Nhận thức được vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc, Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT HP	MT CTĐT					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT 1	2	2	2	1	1	1
MT 2	3	2	2	1	1	2
MT 3	2	2	1	2	1	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các đặc điểm dược động học và dược lực học của các nhóm thuốc/thuốc điển hình đang lưu hành để sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả theo tình huống bệnh cụ thể.
CLO2	Kê được đơn thuốc, nhận thức được các nhóm thuốc/thuốc thông thường đang lưu hành, và phân tích được đơn thuốc theo tình huống ca bệnh và thử nghiệm tác dụng dược lý của một số thuốc.
CLO3	Nhận thức được vai trò của người thầy thuốc trong hoạt động kê đơn thuốc; Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập; Tự nhận xét, đánh giá được kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức Thấp; 2 – Mức Trung bình ; 3 – Mức Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	2			3	2	2		1			1	1		1	2	1	1
CLO 2	2			3	2	3		2			2	2		2	2	2	1
CLO 3	2			3	2	2		2			1	2		2	2	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2.

Giảng dạy trực tiếp: phấn, bảng, laptop, máy chiếu, màn chiếu (hoặc màn hình LED), loa mic.

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2 Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, động vật, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Động vật thí nghiệm: Ếch (100-150 g), thỏ (2-2,5 kg), chuột nhắt trắng (18-22 g).
2	Thiết bị: Cân động vật; cân thuốc (độ chính xác d = 0,001 mg), máy xét nghiệm đường huyết cầm tay.
3	Dụng cụ: Lồng, chuồng nuôi nhốt động vật phù hợp, kim đầu tù để cho động vật uống thuốc, găng tay y tế, dụng cụ bắt giữ động vật (ví dụ: Hộp nhốt thỏ, ống typ giữ chuột...), khay inox, kéo phẫu thuật thẳng, mũi nhọn (loại to, nhỏ), panh cong, panh mấu, kẹp không mấu, chỉ mổ, kim khâu, bàn cố định ếch, dùi sắt (nhọn đầu) để phá tủy ếch, xylanh 1 ml, 5 mL, cốc có mỏ, dung tích 50, 100, 250, 500 ml, bông y tế, đồng hồ bấm giờ, ống nghe, lam kính, chuông thủy tinh, ống hút thủy tinh (đầu hút cao su).
4	Thuốc và hóa chất thí nghiệm: Dung dịch nikethamid ống 250 mg/ml, nước muối sinh lý, dung dịch atropin sulfat 0,1% (nhỏ mắt), pilocarpin nitrat 1% (nhỏ mắt), nước cất, NaCl 0,9%, dung dịch $MgSO_4$ 40%, dung dịch $MgSO_4$ 15%, dung dịch $CaCl_2$ 3%, hỗn dịch tiêm insulin, kít định lượng insulin, Heparin 5000 UI/ml, nước cất được làm ấm ở ấm 37^0C, dung dịch strychnin sulfat 1‰, dung dịch vitamin K 1%, nước muối sinh lý, tùy theo bài thực hành.
5	Thuốc nhận thức: Gồm các thuốc theo danh mục thuốc nhận thức quy định ở giáo trình thực hành (xem chi tiết ở bảng 8.2.1).
6	Máy chiếu, màn chiếu (hoặc màn hình LED), máy tính/laptop, bảng, phấn, một số video thí nghiệm.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học tập, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Dược lý trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về dược lý đại cương (dược động học, các cách tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, dị ứng thuốc) và dược lý học (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, liều dùng) của các nhóm thuốc phòng và điều trị bệnh. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn kỹ năng nhận thức thuốc, kê đơn thuốc theo tình huống ca bệnh, phân tích đơn thuốc và thí nghiệm tác dụng của một số thuốc trên động vật. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn điều trị bệnh, thông tin, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 9.3.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết/b)	**1. Dược lý đại cương** 1.1. Hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ và dược động học cơ bản 1.2. Tác dụng của thuốc 1.3. Phản ứng bất lợi của thuốc	4/0/4	1. Giải thích được nội dung về dược lực học, dược động học và các đường đưa thuốc vào cơ thể. 2. Phân tích được các cách tác dụng của thuốc, cơ chế phân tử và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. 3. Trình bày được phản ứng bất lợi của của thuốc.	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời. 4. Tự đọc cơ chế phân tử trong tác dụng của thuốc.	Không

Buổi 2 (4 tiết/b)	**2. Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật** 2.1. Đại cương 2.2. Thuốc kích thích hệ adrenergic 2.3. Thuốc ức chế hệ adrenergic 2.4. Thuốc kích thích hệ cholinergic 2.5. Thuốc ức chế hệ cholinergic.	4/0/8	1. Trình bày được định nghĩa và vị trí các hệ adrenergic và cholinergic. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không
Buổi 3 (4 tiết/b)	**3. Thuốc gây tê, mê** 3.1. Đại cương thuốc tê, mê 3.2. Thuốc tê cấu trúc ester 3.3. Thuốc tê cấu trúc amid 3.4. Thuốc tê cấu trúc khác 3.5. Thuốc mê đường hô hấp 3.6. Thuốc mê tĩnh mạch **4. Thuốc ngủ và rượu** 4.1. Đại cương 4.2. Thuốc ngủ 4.3. Rượu **5. Thuốc an thần, bình thần** 5.1. Đại cương 5.2. Các thuốc. **6. Thuốc chống động kinh**	4/0/8	1. Trình bày được định nghĩa và phân loại các nhóm thuốc 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không

	6.1. Đại cương 6.2. Các thuốc trị động kinh						
Buổi 4 (4 tiết/b)	**7. Thuốc giảm đau trung ương** 7.1. Đại cương 7.2. Thuốc chủ vận trên receptor opioid 7.3. Thuốc chủ vận – đối kháng hỗn hợp và chủ vận từng phần 7.4. Thuốc đối kháng đơn thuần trên receptor opioid **8. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (NSAID)** 8.1. Đại cương 8.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm **9. Histamin và thuốc kháng histamin H1** 9.1. Đại cương 9.2. Thuốc kháng histamin H1	4/0/8	1. Trình bày được định nghĩa và phân loại các nhóm thuốc 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không
Buổi 5 (4 tiết/b)	**12. Kháng sinh** 1. Đại cương 2. Beta lactam 3. Phenicol 4. Tetracyclin	4/0,5/8	1. Trình bày được định nghĩa và phân loại các nhóm thuốc kháng sinh. 2. Giải thích được các nguyên tắc sử dụng kháng sinh.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi	- Kiểm tra định kỳ - Hình thức:

	5. Macrolid 6. Lincosamid 7. Aminoglycosid và spectinomycin 8. Peptid 9. Quinolin 10. Trimethoprim và sulfamethoxazole 11. Imidazol		3. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình.			chép, suy nghĩ - trả lời.	Trắc nghiệm trên google form - Thời gian: 10-15 phút - Nội dung: Bài học từ buổi 1-4.
Buổi 6 (4 tiết/b)	**11. Thuốc chống nấm** 11.1. Đại cương 11.2. Các thuốc chống nấm	4/0/8	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không
	12. Thuốc điều trị lao, phong 12.1 Đại cương 12.2. Thuốc điều trị lao 12.3. Thuốc điều trị phong						
	13. Thuốc điều trị sốt rét 13.1. Đại cương 13.2. Thuốc điều trị sốt rét						
	14. Ngộ độc cấp và điều trị ngộ độc cấp		1. Phân tích được các nguyên tắc xử lý ngộ độc thuốc.				

	14.1. Một số tác nhân gây ngộ độc 14.2. Điều trị ngộ độc cấp		2. Liên hệ được yếu tố tác dụng của một số thuốc với các triệu chứng điển hình khi ngộ độc. 3. Trình bày được tác dụng, cơ chế, chỉ định của một số thuốc đặc hiệu dùng trong chống nhiễm độc.				
Buổi 7 (4 tiết/b)	**15. Hormon** 15.1. Đại cương 15.2. Hormon tuyến yên 15.3. Hormon vỏ tuyến thượng thận 15.4. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết 15.5. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp 15.6. Hormon tuyến cận giáp 15.7. Hormon sinh dục và thuốc tránh thai.	4/0/8	1. Trình bày được định nghĩa và phân loại các hormon. 2. Giải thích được cơ chế tác dụng của hormon điển hình. 3. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không
Buổi 8 (4 tiết/b)	**16. Thuốc điều trị rối loạn tiêu hóa** 16.1. Thuốc chữa viêm loét dạ dày 16.2. Thuốc gây nôn và chống nôn 16.3. Thuốc lợi mật và thông mật	4/0/8	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không

	16.4.Thuốc nhuận tràng và tẩy tràng 16.5. Thuốc điều hoà chức năng vận động đường tiêu hoá 16.6. Thuốc chống co thắt và làm giảm nhu động ruột 16.7.Thuốc chống tiêu chảy **17. Thuốc trị lỵ amip và trùng roi** 17.1. Đại cương 17.2. Các thuốc điều trị **18. Thuốc trị giun sán** 18.1. Đại cương 18.2. Thuốc trị giun 18.3. Thuốc trị sán						
Buổi 9 (4 tiết/b)	**19. Thuốc điều trị tăng huyết áp** 19.1. Đại cương 19.2. Các thuốc điều trị tăng huyết áp 19.3. Phối hợp thuốc **20. Thuốc trị suy tim** 20.1. Đại cương 20.2. Glycosid trợ tim 20.2. Thuốc làm tăng co bóp cơ tim do tăng AMPv 20.3. Các thuốc điều trị suy	4/0/8	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không

	tim khác **21. Thuốc chống đau thắt ngực** 21.1. Loại chống cơn: nitrat và nitrit 21.2. Loại điều trị củng cố 21.3. Thuốc khác						
Buổi 10 (4 tiết/b)	**22. Thuốc lợi tiểu** 22.1. Đại cương 22.2. Thuốc lợi tiểu giảm K+ 22.3. Thuốc lợi tiểu giữ K+ 22.4. Các thuốc lợi tiểu khác **23. Các chất điện giải chính và dịch truyền** 23.1. Đại cương 23.2. Các chất điện giải và dịch truyền **24. Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu và tiêu fibrin** 24.1. Đại cương 24.2. Các thuốc 24.2.1. Thuốc làm đông máu 24.2.2. Các thuốc chống đông máu 24.2.3. Các thuốc làm tiêu fibrin	4/0/8	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không

	25. Thuốc chống thiếu máu 25.1. Đại cương 25.2. Các thuốc điều trị thiếu máu 25.2.1. Sắt 25.2.2. Vitamin B12 25.2.3. Acid folic 25.2.4. Các thuốc chống thiếu máu khác						
Buổi 11 (3 tiết/b)	**26. Thuốc điều trị rối loạn lipid** 26.1. Đại cương 26.2. Các thuốc 26.2.1. Các resin chelat hóa 26.2.2. Các dẫn xuất statin 26.2.3. Các dẫn xuất của acid fibric 26.2.4. Các thuốc khác	3/0/6	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm. 3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời.	Không
	27. Vitamin 27.1. Đại cương 27.2. Vitamin tan trong dầu 27.3. Vitamin tan trong nước						
Buổi 12 (2 tiết/b	**28. Thuốc trị ho** 28.1. Đại cương 28.2. Các thuốc trị ho	2/0/4	1. Phân loại được các nhóm thuốc điển hình. 2. Phân tích được đặc điểm dược lý học của thuốc điển hình trong mỗi nhóm.	CLO1, CLO3	1. Thuyết trình. 2. Động não. 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi. 2. Suy nghĩ - trả lời câu hỏi. 3. Nghe, ghi	Không
	29. Thuốc trị hen 29.1. Đại cương						

	29.2. Các thuốc trị hen		3. Giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc điển hình theo nhóm.			chép, suy nghĩ - trả lời.	
	Thi cuối học kỳ	0,5	Theo lịch chung của HV SV làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính, tại phòng máy của HV.				KTHP
	Tổng	**45/1/90**					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 9.3.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1 (4 tiết)	1.1. Cách kê đơn thuốc 1.2. Kê đơn hợp lý an toàn (theo WHO) 1.3. Cách nhận thức thuốc; 1.4. Bài tập tình huống: Kê đơn.	4/0/4	1. Trình bày được quy định kê đơn và cách kê đơn hợp lý, an toàn toàn, hiệu quả 2. Kê được đơn thuốc theo tình huống bệnh. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân	CLO2, CLO3	Thuốc nhận thức, Máy chiếu, màn chiếu	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Thảo luận nhóm 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thảo luận. 5. Kê đơn thuốc. 6. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành

			biệt được các thuốc.					
2	2.1. Thực hành kê đơn thuốc 2.2. Tác dụng của nicotin và spartein trên huyết áp và nhịp tim chó 2.3. Tác dụng của adrenalin, acetylcholin, nicotin và atropin trên huyết áp và nhịp tim chó 2.4. Nhận thức các dạng bào chế thuốc và một số nhóm thuốc tác dụng lên hệ TKTV, thuốc ức chế TKTW 2.5. Bài tập kê đơn	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Ghi được, giải thích được các kết quả và ý nghĩa của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.	CLO2, CLO3	Thuốc nhận thức, Máy chiếu, màn chiếu, máy vi tính.	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4. Giải thích thí nghiệm. 5. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành
3	3.1. Thực hành kê đơn thuốc 3.2. Kỹ thuật bắt giữ động vật thí nghiệm 3.3. Kỹ thuật cho động vật uống thuốc. 3.4. Nhận thức các thuốc nhóm thuốc chống động kinh, thuốc	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thao tác và giải thích được các hoạt động của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.	CLO2, CLO3	Thuốc nhận thức, chuột nhắt trắng, thỏ, xy lanh 1 ml, xy lanh 5 ml, kim đầu tù, găng tay, lồng chuồng nuôi ĐV, khay inox, cốc có mỏ.	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thao tác trên ĐV. 5. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành

	gây tê, gây mê, thuốc giảm đau trung ương. 3.5. Bài tập kê đơn.							
4	4.1. Thực hành kê đơn thuốc. 4.2. Kỹ thuật tiêm thuốc cho động vật. 4.3. Nhận thức các thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid, thuốc trị gout, thuốc kháng histamin H1. 4.4. Bài tập kê đơn.	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thao tác và giải thích được các hoạt động của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.	CLO2, CLO3	Thuốc nhận thức, chuột nhắt trắng, thỏ, xy lanh 1 ml, xy lanh 5 ml, gang tay, lồng chuồng nuôi ĐV, khay inox, cốc có mỏ.	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thao tác trên ĐV. 5. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành
5	5.1. Thực hành kê đơn thuốc. 5.2. Tác dụng của atropine và pilocarpin trên hệ phó giao cảm. 5.3. Nhận thức các thuốc nhóm kháng sinh, kháng nấm, thuốc trị lao, phong. 5.4. Bài tập kê đơn.	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thực hiện được các thao tác và giải thích được kết quả và ý nghĩa của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.	CLO2, CLO3	- ĐV TN: thỏ. - Lồng chuồng nuôi phù hợp, găng tay, xy lanh 1mL, cốc thủy tinh chia vạch - Hóa chất: dung dịch atropin sulfat 0,1% (nhỏ mắt), pilocarpin nitrat 1% (nhỏ mắt).	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thí nghiệm. 5. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành
6	6.1. Thực hành kê đơn thuốc. 6.2. Tác dụng của	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thực hiện được các	CLO2, CLO3	- Thuốc nhận thức. - Ếch 100-150 g.	1. Thuyết trình có giải thích minh	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH.	Bài báo cáo thực

	magnesi sulfat trên nhu động ruột. 6.3. Tác dụng đối lập của magnesi sulfat và calci clorid trên thỏ 6.4. Nhận thức các thuốc hormon, thuốc trị ký sinh trùng (giun sán, amip, sốt rét), thuốc trị rối loạn tiêu hóa. 6.5. Bài tập kê đơn.		thao tác và giải thích được kết quả và ý nghĩa của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.		- Thỏ 2,0-2,5 kg. - Cân điện để cân thuốc, lồng nuôi nhốt phù hợp, găng tay y tế, khay inox, kéo phẫu thuật thẳng mũi nhọn, panh cong, panh mấu, kẹp không mấu, chỉ mổ, kim khâu, bàn cố định ếch, dùi sắt, cốc có mỏ 50, 100, 250, 500 ml, bông y tế, xylanh 5 mL, xylanh 1 ml. - Dung dịch $MgSO_4$ 40%, NaCl 0,9%, $MgSO_4$ 15%, $CaCl_2$ 3%.	họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thí nghiệm. 5. Viết báo cáo.	hành
7	7.1. Thực hành kê đơn thuốc. 7.2. Tác dụng của heparin trên quá trình đông máu	4/0/4	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thực hiện được các thao tác và giải thích được kết quả và ý	CLO2, CLO3	- Thuốc nhận thức. - Chuột nhắt trắng 18-22 g. - Khay để hoá	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não.	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép.	Bài báo cáo thực hành

	7.3. Tác dụng của insulin lên nồng độ đường huyết. 7.4. Nhận thức các thuốc nhóm trị bệnh tăng huyết áp, lợi tiểu, trị bệnh tim, dịch truyền, trị rối loạn lipid máu. 7.5. Bài tập kê đơn.		nghĩa của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.		chất và dụng cụ, máy đo đường huyết cầm tay, kéo phẫu thuật nhỏ, bông, xylanh 1 ml, lồng nuôi chuột, cốc có mỏ. - Hỗn dịch tiêm insulin, kít định lượng insulin, heparin 5000 UI/ml, nước cất được làm ấm ở ấm 37^0C.	3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thí nghiệm. 5. Viết báo cáo.	
8	8.1. Thực hành kê đơn thuốc. 8.2. Thử định khu tác dụng của strychnin; 8.3. Tác dụng của vitamin K trên quá trình đông máu. 8.4. Phân tích một số đơn thuốc . 8.5 Nhận thức các thuốc vitamin, thuốc chống thiếu máu, thuốc tác dụng trên quá trình	2/0/2	1. Kê được đơn thuốc theo yêu cầu đề bài. 2. Thực hiện được các thao tác và giải thích được kết quả và ý nghĩa của thí nghiệm. 3. Giải thích được các thông tin ghi trên nhãn thuốc để phân biệt được các thuốc.	CLO2, CLO3	- Thuốc nhận thức. - Ếch 100-150 g, thỏ 2,0-2,5 kg. - Lồng nuôi phù hợp, găng tay y tế, bàn cố định ếch, dùi chọc tủy ếch, xylanh 1 mL, bông, chỉ mổ, kéo phẫu thuật, panh mấu, panh cong, hộp nhốt thỏ, lam	1. Thuyết trình có giải thích minh họa. 2. Động não. 3. Làm mẫu 4. Quan sát 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành trước khi đến phòng TH. 2. Nghe, quan sát, ghi chép. 3. Trả lời câu hỏi. 4.Thực hiện thí nghiệm. 5. Viết báo cáo.	Bài báo cáo thực hành

	đông máu, thuốc trị rối loạn hô hấp.				kính, đồng hồ bấm giây. - Dung dịch vitamin K 1%, dung dịch strychnin 1%o.			
	Đánh giá	Thi TH 4,0 tiết	Sinh viên làm bài thi thực hành tại Bộ môn, vấn đáp và viết trên giấy (kê đơn thuốc và nhận thức thuốc).					Bài thi KTTH
	Tổng	30/0/30						

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số (%)**	**Chuẩn đầu ra của Học phần**	**Điểm**			
			Mức điểm tối đa	**Mức điểm trong khoảng 0-tối đa**	**0 điểm**	**Điểm tối đa thành phần**
1. Nhận thức thuốc	**40**	CLO2 CLO3				**4,0**
Tên biệt dược, tên gốc	2,5		- Ghi được tên chính xác. - Phân biệt được tên biệt dược, tên gốc trên mẫu	Không áp dụng	- Ghi tên chưa chính xác, hoặc - Không phân biệt	0,25

			thuốc.		được tên biệt dược, tên gốc trên mẫu thuốc.	
Dạng thuốc, hàm lượng /nồng độ	2,5		- Thu thập được đầy đủ và chính xác dạng bào chế và hàm lượng thuốc.	Mức điểm giảm đi 1/2 nếu chỉ đúng thông tin dạng thuốc hoặc hàm lượng	- Mô tả chưa chính xác/không mô tả được dạng bào chế thuốc. - Thu thập chưa chính xác/không thu thập được hàm lượng thuốc	0,25
Nhóm tác dụng dược lý	5		- Thu thập được chính xác tên nhóm tác dụng dược lý ở đơn vị nhóm nhỏ nhất của thuốc.	Mức điểm giảm đi 1/2 nếu chỉ đúng nhóm tác dụng dược lý nhưng không phải đơn vị nhóm nhỏ nhất của thuốc	- Mô tả chưa chính xác/không mô tả được tên nhóm tác dụng dược lý của thuốc.	0,5
Tác dụng	10		- Ghi và trả lời được đầy đủ và chính xác các tác dụng dược lý của thuốc.	Mức điểm giảm đi theo số tác dụng dược lý chưa thu thập được/điểm của phần Tác dụng. <u>Ví dụ:</u> thuốc có 5 tác dụng mà SV chỉ nêu được 3 tác dụng thì được 1,2 điểm.	- Trình bày chưa chính xác/không mô tả hay giải thích được tác dụng dược lý của thuốc.	1,0
Chỉ định	10		- Giải thích được đầy đủ và chính xác các chỉ định của thuốc.	Mức điểm giảm đi theo số chỉ định của thuốc chưa thu thập được/điểm của phần Chỉ định. <u>Ví dụ:</u> thuốc có 5 chỉ định dùng mà SV chỉ nêu được 3 chỉ định thì được	- Trình bày chưa chính xác/không mô tả hay giải thích được các chỉ định của thuốc.	1,0

				1,2 điểm.		
Cách dùng thuốc	5		- Trình bày được đầy đủ và chính xác cách chuẩn bị thuốc trước khi dùng trên người bệnh (nếu cần). - Liệt kê được đầy đủ và chính xác các đường đưa thuốc vào cơ thể (tương ứng phù hợp với dạng thuốc nhận thức). - Giải thích chính xác thời điểm đưa thuốc vào cơ thể (nếu có).	Mức điểm giảm đi theo số đường đưa thuốc vào cơ thể hoặc thời điểm dùng thuốc hoặc cách chuẩn bị thuốc mà SV chưa thu thập được/điểm của phần Cách dùng. <u>Ví dụ:</u> Adrenalin ống tiêm 1 mg/ml có thể đưa vào cơ thể bằng 1 trong 5 đường: tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền TM, tiêm vào mỏm tim. Nhưng SV chỉ nêu đúng được 2/5 cách trên thì được 0,2 điểm.	- Trình bày chưa chính xác cách chuẩn bị thuốc trước khi dùng trên người bệnh. Hoặc - Liệt kê chưa chính xác các đường đưa thuốc vào cơ thể.	0,5
Sô lô, hạn dùng, số đăng ký thuốc	5		- Thu thập được đầy đủ và chính xác cả 3 thông số: số lô, hạn dùng và số đăng ký thuốc.	Mức điểm giảm đi 0,15-0,2 điểm với mỗi thông tin không chính xác hoặc không thu thập được.	- Không thu thập được hoặc thu thập không chính xác cả 3 thông số.	0,5
2. Kê đơn thuốc	**60**	CLO2, CLO3				**6,0**
Trường hợp "liệt"	**0**	CLO2, CLO3	Nếu vi phạm 1 trong 5 điều sau, bài kê đơn sẽ được nhận ngay 0 điểm: 1. Đơn kê không ghi rõ họ tên và tuổi của người bệnh; 2. Sinh viên không phân biệt được đơn thuốc thường, đơn thuốc gây nghiện hoặc đơn thuốc hướng tâm thần. Ví dụ: thuốc hướng tâm thần nhưng kê vào đơn thuốc thường,… 3. Đơn kê không có chẩn đoán bệnh; 4. Đơn kê không ghi họ tên bác sỹ khám bệnh; 5. Đơn kê không ghi rõ ngày tháng năm kê đơn.			**0**

Ngoài trường hợp "liệt"		CLO2, CLO3	**Nội dung thể hiện trong đơn thuốc**	**Mô tả, vị trí của nội dung trong đơn**	**Yêu cầu đặc biệt**	
2.1. Thông tin về cơ sở khám chữa bệnh theo quy định	5		Gồm tên đơn vị, tên khoa/phòng khám bệnh, số điện thoại khoa/ phòng*: - Có đủ 3 thông tin - Có 2/3 thông tin - Có 0-1 thông tin	Ở góc trên, bên trái của đơn	Đầy, đủ, rõ ràng, chính xác	0,5 0,25 0
2.2. Tên đơn			- "ĐƠN THUỐC" hoặc - "ĐƠN THUỐC "H" (kèm dòng chỉ liên) hay - "ĐƠN THUỐC "N" kèm theo dòng chỉ liên.	Viết in hoa hay in thường và in đậm, ở vị trí chính giữa, ngay dưới mục 2.1.	Bắt buộc	-
2.3. Thông tin về người bệnh	5		- **Họ tên, Tuổi, Giới (Bắt buộc) - ***Cân nặng, người giám hộ (bắt buộc với trẻ ≤ 72 tháng tuổi) - CMND/CCCD - Địa chỉ (chi tiết đến số nhà/thôn) - Số thẻ BHYT (nếu có)	Viết ngay dưới mục 2.2, ghi chính xác, đầy đủ, chi tiết, khuyến khích thêm số ĐT người bệnh	** và*** bắt buộc có	0,5
2.4. Chẩn đoán	-		Chẩn đoán (nếu không chẩn đoán được bệnh thì ghi triệu chứng điển hình)	Viết ngay sau mục 2.3, chính xác, ngắn gọn, phù hợp	Bắt buộc	-
2.5. Thời	-		Dòng chữ "Đợt điều trị: Từ	Viết ngay sau mục 2.4, phù hợp với	Bắt buộc với đơn	Trừ 0,5

gian điều trị			ngày…… đến ngày…….” (ghi rõ ngày tháng năm): chỉ áp dụng với Đơn thuốc “N”.	quy định và liều lượng thuốc kê	”N”.	điểm nếu thiếu
2.6. “Thuốc điều trị:”	40		1. Tên thuốc gốc (biệt dược), hàm lượng, số lượng 1 đợt kê Đường dùng, liều lượng, cách dùng. 2. … (số thuốc: n)	Viết ngay sau mục 2.4 (hoặc 2.5), phù hợp, hiệu quả, an toàn, đúng liều lượng, cách dùng, đường dùng	Ghi chính xác, đầy đủ, hợp lý, hiệu quả.	**4,0 (**Mỗi thuốc sai trừ 4/n điểm.**)**
2.7. ”Dặn dò:”	5		- Lưu ý đặc biệt khi dùng thuốc; - Chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, tập luyện, sinh hoạt; - Hết thuốc tái khám, khi khám mang theo đơn”	Viết ngay sau mục 2.6, ở bên trái.	Đúng, đầy đủ, phù hợp.	0,5 (Mỗi ý thiếu trừ 0,5/n điểm, tùy đơn)
2.8. Gạch chéo	-		Gạch chéo nếu dưới dặn dò còn khoảng trống trong đơn.	Gạch ngắn, ngay dưới mục 2.7 cho đến đầu mục 2.9.	Gạch ngay ngắn, thẳng, gạch ngắn, không kéo hết chiều ngang của đơn.	Trừ 0,25 điểm nếu không đúng quy định
2.9 Địa điểm, ngày tháng năm kê đơn			Ghi rõ địa điểm khám bệnh, ngày tháng năm kê đơn.	Viết ngay sau mục 2.7 hoặc 2.8, ở góc dưới bên phải	Bắt buộc	-
2.10. Thông tin bác sỹ/y sỹ kê đơn	5		- “Bác sỹ khám” - Ký tên	Viết ngay dưới mục 2.9, góc dưới bên phải	Đầy đủ, rõ ràng.	0,5

2.11. Họ tên người kê đơn	-		Ghi rõ họ tên bác sỹ/y sỹ khám và kê đơn (ghi số điện thoại của người khám nếu mục 2.1 chưa ghi).	Ngay dưới mục 2.10, ở góc dưới bên phải	Bắt buộc	-
Tổng	**100**					**10**

*Ghi chú: * Nếu không ghi số ĐT của khoa/phòng khám bệnh thì có thể ghi số ĐT của bác sỹ khám và viết ở phía dưới cùng, góc bên phải, sau khi bác sỹ ký và ghi rõ họ tên. Với các mục bắt buộc, nếu học viên vi phạm tức là rơi vào trường hợp 'liệt" ở trên và nhận 0 điểm bài kê đơn.*

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Kiểm tra định kỳ	10	Trắc nghiệm trên google form	Kiểm tra định kỳ	100	Không	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Thực hành	30	Đánh giá bài thi thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm (vấn đáp và viết)	Thi kết thúc phần thực hành	100	Rubric 1	CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Lý thuyết	60	Thi trắc nghiệm trên máy tính	Thi lý thuyết kết thúc học phần	100	Không	CLO1 CLO3	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Đề kiểm tra định kỳ gồm 10-15 câu hỏi test, thực hiện trên google form, thời gian làm bài từ 10-15 phút. Số câu hỏi tương ứng với thời gian làm bài. Điểm được tính là thàng điểm 10.

Đề thi thực hành gồm 2 kỹ năng là nhận thức thuốc và kê đơn thuốc. Thời gian thi 10 phút. Thang điểm 10 (xem chi tiết ở rubric 1).

Đề thi kết thúc học phần được tiến hành trong 30 phút, dạng bài trắc nghiệm trên máy tính. Thi tại phòng máy của Học viện. Thời gian 30 phút. Tổng số 60 câu hỏi.

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ): 15 câu.

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng): 30 câu

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo): 15 câu.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm kiểm tra định kỳ * 10% + Điểm thi phần thực hành * 30% + Điểm thi kết thúc phần lý thuyết * 60%).

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Đào Văn Phan (2013), *Dược lý học* (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2012), *Dược lý học*, Tập 2, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Bộ môn Dược lý (2020), *Giáo trình Thực tập dược lý học*, Bộ môn Dược lý.

[3]. Bộ Y tế (2012), *Dược lý học*, Nhà xuất bản Y học.

[4]. Bộ Y tế (2015), *Dược thư Quốc gia Việt Nam*, Lần xuất bản thứ 2, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật

[5]. Bộ Y tế (2017), *Dược thư Quốc gia Việt Nam dùng cho tuyến y tế cơ sở, Lần xuất bản thứ hai,* Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

2. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm:***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Trình độ đào tạo: Đại học. Ngành: Y cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dinh dưỡng – an toàn thực phẩm
* Tiếng Việt: Dinh dưỡng - an toàn thực phẩm
* Tiếng Anh: Nutrition and food safety
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5013
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 50 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 01 tiết
  + Thời gian tự học: 34 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Học xong học phần Hóa sinh, vi sinh, sinh lý bệnh học, nội cơ sở 1, ngoại cơ sở 1
+ Học phần học trước (đã học):
+ Học phần song hành: Nội cơ sở 2, Ngoại cơ sở 2, Phụ sản, Nhi, Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
2.	PGS.TS Nguyễn Trọng Hưng	0912187523	DD&ATTP	nguyentronghung9602@yahoo.com
3.	TS Bùi Thị Mai Hương	0916602816	DD&ATTP	buimaihuong_73@yahoo.com
4.	ThS Phạm Thị Miền	0973507360	DD&ATTP	Phammien89@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về Dinh dưỡng & ATTP, đánh giá được tình trạng dinh dưỡng, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh liên quan đến Dinh dưỡng.
MT HP2	Thực hiện được các quy trình xây dựng khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.
MT HP3	Giao tiếp hiệu quả với cộng đồng, người bệnh dựa trên các tiếp cận về văn hóa, tập quán ăn uống, học vấn, điều kiện kinh tế-xã hội trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và can thiệp cải thiện dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	2		2		
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và giải thích được tầm quan trọng và vai trò của công tác Dinh dưỡng và ATTP trong thực hành y khoa.
CLO2	Chẩn đoán, điều trị, tư vấn được được một số bệnh thường gặp liên quan đến Dinh dưỡng & ATTP theo YHHĐ và YHCT kết hợp với YHHĐ.
CLO3	Thực hiện được các kỹ thuật và xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.
CLO4	Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự định hướng, chủ động cập nhật kiến thức chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		2	2	2	2												
CLO 2			3		3			2									
CLO 3			2	3													
CLO 4							3			1				2	1		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần: Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý
- Thực hành: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành.

6.2.3. Tự học:

*Lý thuyết:

Bài 1: Dinh dưỡng, ăn uống sức khoẻ và bệnh tật: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 3: Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm và xây dựng chế độ ăn dựa vào Tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 4: Các phương pháp đánh giá dinh dưỡng ở cộng đồng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống:

Vợ chồng chị Hương có một bé trai 5 tháng tuổi, hiện tại cháu có cân nặng là 9,5kg, cao 70cm; vợ chồng chị Hương có kinh tế ổn định lại là con đầu nên họ cũng dành nhiều thời gian chăm sóc con và rất chiều con. Theo họ, cháu bé vẫn khỏe mạnh, ăn uống tốt, song họ lại sợ bé béo phì. Cả hai vợ chồng chị Hương đều là những người bình thường, chị Hương có chiều cao 158 cm, nặng 53kg, chồng của chị cao 168cm nặng 65kg.

Câu hỏi:

Đánh giá theo chỉ số nhân trắc, dựa vào quần thể tham khảo NCHS, bé trai con chị Hương có tình trạng dinh dưỡng như thế nào?

Hai vợ chồng chị Hương có phải là người có tình trạng dinh dưỡng bình thường tính theo BMI ?

Bài 5: Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng thừa cân/béo phì và các bệnh không lây liên quan tới dinh dưỡng. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 6: Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, quy trình can thiệp, chăm sóc dinh dưỡng ở bệnh viện. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 7: Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống:

Một bé gái sinh vào ngày 12 tháng 5 năm 2016, hiện tại cân nặng đo được là 8,7kg, chiều cao 85,4cm. Biết rằng ngày đo trẻ là 09 tháng 6 năm 2016.

Câu hỏi: Tính tuổi của đứa trẻ này? Nhận định tình trạng dinh dưỡng của trẻ?

Bài 8: Nguyên tắc xây dựng khẩu phần, thực đơn theo chế độ tiết chế dinh dưỡng cho người bệnh. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 9: Chế độ ăn điều trị một số bệnh: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 10: Các bệnh do thực phẩm gây ra, ngộ độc thực phẩm và cách phòng chống. Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống:

Vợ chồng Tuấn được mời tham gia vào một buổi tiệc của bạn bè. Tuấn và vợ góp vui bữa tiệc bằng một món ăn tự chuẩn bị mang đến bữa tiệc. Họ nấu món thịt bò sốt vang rất bài bản, cẩn thận và hoàn thành xong nó lúc 13h chiều. Họ lái xe đến buổi tiệc và bày món ăn trên bàn lúc 15h chiều. Buổi tiệc dự kiến lúc 16h, nhưng mọi người trò chuyện và chỉ chính thức bắt đầu lúc 18h tối.Tuấn ăn món thịt bò sốt vang nhưng vợ anh ta không ăn. Ngoài ra anh ta còn ăn thêm salad, bánh mỳ bơ tỏi và các món tráng miệng ngọt với nước dưa hấu. Họ về nhà lúc 23h đêm và đi ngủ. Khoảng 2h sáng, Tuấn đau bụng và tiêu chảy dữ dội suốt 3h sau đó. Gần sáng tiêu chảy giảm dần và Tuấn cảm thấy khỏe hơn. Sau khi ăn sáng nhẹ thì Tuấn cảm thấy khỏe hẳn.Vợ chồng Tuấn có gọi điện hỏi thăm mọi người thì phát hiện có 3 người cũng ăn thịt bò sốt vang có bị tiêu chảy nhẹ.

Câu hỏi:

- Đây có phải là vụ Ngộ độc thực phẩm hay không?
- Tuấn và 3 người bạn có triệu chứng tiêu chảy nhẹ đã mắc ngộ độc thực phẩm hay bệnh lây truyền qua thực phẩm? Những mối nguy nào có thể xuất hiện trong món ăn? Theo em đâu là nguyên nhân chính?
- Những lưu ý nào mà Tuấn và các bạn của anh ta đã quên khi chuẩn bị thực phẩm cho buổi tiệc?
- Cần làm gì để giảm nguy cơ mắc bệnh, nếu bạn là Tuấn?

Bài 11: Nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể (bệnh viện, trường học, nơi làm việc). Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống:

Mỗi nhóm lựa chọn 1 loại thực phẩm. Vẽ sơ đồ chuỗi thực phẩm liên quan đến thực phẩm đã chọn sau đó liệt kê các mối nguy (tác nhân ô nhiễm) có thể gặp phải cho thực phẩm đó?

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần

Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm là môn học cung cấp những kiến thức dinh dưỡng cơ bản, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng tế bào…. từ đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sức khỏe; nghiên cứu và lập ra những kế hoạch để can thiệp đối với những người đã và đang gặp các vấn đề về dinh dưỡng. Từ đó đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục tình trạng mất cân bằng dinh dưỡng ở người bệnh, xây dựng nên chế độ ăn uống hợp lý, lành mạnh để đảm bảo sức khỏe tốt cho người bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với CĐR

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Dinh dưỡng, ăn uống sức khoẻ và bệnh tật	1/0/3	1.Trình bày được mối liên quan giữa dinh dưỡng, ăn uống với sức khỏe và bệnh tật.	CLO1, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
02	Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng	1/0/3	Trình bày được vai trò và nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị của các chất sinh năng lượng, vitamin, chất khoáng và nhóm thực phẩm.	CLO1, CLO4,	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
03	Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm	1/0/3	Trình bày và ứng dụng sử dụng tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối	CLO1, CLO4,	Thuyết trình ngắn tích cực hóa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả	

	và xây dựng chế độ ăn dựa vào Tháp dinh dưỡng hợp lý cho các nhóm đối tượng.		tượng.		người học, thuyết trình ngắn có minh họa	lời câu hỏi	
04	Các phương pháp đánh giá dinh dưỡng ở cộng đồng	1/0/2	+Trình bày được các phương pháp đánh giá dinh dưỡng, cách tiến hành đánh giá và phân loại tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học. + Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, người trưởng thành và người bệnh dựa trên các chỉ tiêu nhân trắc, sinh hóa, khẩu phần + Xây dựng được khẩu phần và chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng trên cộng đồng và người bệnh.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
05	Các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng: Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng thừa cân/béo phì và các bệnh không lây	1/0/2	+Trình bày được nguyên nhân, cách phát hiện và biện pháp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân-béo phì	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình	1.Tự học: 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe	

	liên quan tới dinh dưỡng		và bệnh mạn tính không lây liên quan tới dinh dưỡng).		huống.	giảng, trả lời câu hỏi.	
06	Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, quy trình can thiệp, chăm sóc dinh dưỡng ở bệnh viện.	1/0/2	+ Trình bày được nguyên tắc cơ bản xây dựng khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn điều trị. + Trình bày được chế độ ăn điều trị cho một số bệnh (suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường và tăng huyết áp, ung thư ...)	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
07	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.	2/0/4	+ Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng thường gặp. + Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
08	Nguyên tắc xây dựng khẩu phần, thực đơn theo chế độ tiết chế dinh dưỡng cho người	1/0/3	+ Trình bày được nguyên tắc cơ bản xây dựng khẩu phần ăn và xây dựng chế độ ăn điều trị. + Sử dụng thành thạo các phần	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình	1.Tự học: 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

	bệnh		mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng thực đơn , Có kỹ năng làm việc theo nhóm;		ngắn có minh họa		
09	Chế độ ăn điều trị một số bệnh: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư	2/0/4	+Khai thác, khám, phát hiện chính xác, đầy đủ các triệu chứng cơ năng, thực thể: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư + Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh: suy dinh dưỡng nặng, đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
10	Các bệnh do thực phẩm gây ra, ngộ độc thực phẩm và cách phòng chống.	2/0/4	+Trình bày được phân loại, đặc điểm, nguyên nhân các loại ngộ độc thực phẩm và cách phòng bệnh do thực phẩm. +Thực hiện được phương pháp đánh giá nhanh các mối nguy áp dụng được các nguyên lý quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm cho bếp ăn tập thể.	CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
11	Nguyên tắc	2/0/4	+ Trình bày được	CLO2,	Thuyết	1.Tự học:	

	và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể (bệnh viện, trường học, nơi làm việc)		nguyên tắc và phương pháp quản lý an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể.	CLO3, CLO4	trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
9	Thi kết thúc học phần	0/1/0		CLO1 CLO2, CLO3, CLO4		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá điểm thường xuyên

*Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt**					**Trọng số**
	0 điểm	**6 điểm**	**7 điểm**	**8 điểm**	**9 – 10 điểm**	
Chuyên cần	Tham gia < 12 buổi học	Tham gia 12 - 14 buổi Có buổi đi học muộn. Không tham gia phát biểu. Không trả lời được các câu hỏi	Tham gia 12 – 14 buổi. Đi học đúng giờ. Không tham gia phát biểu. Có trả lời được các câu hỏi tự	Tham gia 12 – 14 buổi. Chủ động tham gia phát biểu. Các ý kiến có hiệu quả . Có trả lời được các câu hỏi tự	Tham gia 15 buổi Tích cực tham gia phát biểu ở hầu hết buổi học Các ý kiến rất hiệu quả. Có trả lời	50%

		tự học trước bài.	học trước bài.	học trước bài.	được các câu hỏi tự học trước bài.	
Điểm bài kiểm tra 15 phút	Sinh viên làm bài kiểm tra 15 phút viết về các kiến thức đã học. Điểm theo thang điểm từ 0 - 10.					50%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần	Điểm thường xuyên - Lý thuyết	100%	9.2.1	CLO1 CLO2 CLO4	Dựa vào bảng điểm danh học lý thuyết Chấm bài kiểm tra 15 phút
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Bài thi trắc nghiệm	100%	9.4	CLO 1 đến CLO4	Sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Điểm số được ghi nhận sau khi kết thúc bài thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	30 %	15	3	10	2
CLO2	60 %	30	6	20	4
CLO4	10%	5	2	3	0
Tổng	100%	50	11	33	6

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng trong bảng *9.3.1*

- Điểm học phần = Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.7 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010)**. *Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010)**. *Dinh Dưỡng và An toàn thực phẩm*** (Dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Dinh Dưỡng – An toàn thực phẩm (2012), Dinh Dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng (2016). Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

4. Viện Dinh dưỡng (2016). Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

5. Viện Dinh dưỡng (2004). Chế độ ăn, dinh dưỡng và dự phòng bệnh mạn tính.

6. Viện Dinh dưỡng (2019). Dinh dưỡng lâm sàng. Nhà xuất bản Y học.

7. Hướng dẫn chế độ ăn trong bệnh viện (2016). Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

HỌC PHẦN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp

* Tiếng Anh: Environmental health - Occupational health

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 4012
- Số tín chỉ: 2,0 LT/00 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá :10 tiết (thi LT)
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ths. Nguyễn Văn Bình	0916359842	YTCC	binhytcc2012@gmail.com
2	Ths. Bàng Thị Hoài	0945989989	YTCC	thuhoaiytcc@gmail.com
3	Ths. Lương Thị Thu Hà	0369203688	YTCC	bshytcca@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiến thức
MT HP1	Nội dung SKMT bám sát được những kiến thức cơ bản, chính xác, khoa học, cập nhật về thực tiễn Việt Nam nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SKMT

MT HP2	Nội dung SKNN nhằm giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác không do nghề nghiệp gây nên
	Kỹ năng
MT HP4	Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về SKMT cũng như sức khỏe người lao động
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP5	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao
MT HP6	Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
MT HP7	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường
MT HP8	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1			3			
MT HP2			3			
MT HP3			3			
MT HP4			3			
MT HP5			3			
MT HP6			3			
MT HP7			3			
MT HP8			3			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được sự tác động của môi trường sống tới sức khỏe con người, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng để duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại
CLO2	Trình bày được khái niệm và tiêu chuẩn của môi trường đất, nước, không khí. Vai trò của môi trường đối với sức khỏe.
CLO3	Phân tích, nhận định được những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe
CLO4	Đề xuất được giải pháp phù hợp và hiệu quả để phòng chống ô nhiễm không khí, nước, cơ sở y tế, nhà ở.

CLO5	Tích cực, chủ động, nhiệt tình tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng
CLO6	Trình bày đươc khái niệm về bệnh nghề nghiệp và cách phòng chống tác hại do môi trường lao động gây nên
CLO7	Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

CLO	PLO						
	PLO 1	PLO3	PLO4	PLO5	PLO7	PLO12	PLO14
CLO 1	3						
CLO 2	3						
CLO 3		3	3	3			
CLO 4					3		
CLO 5						3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Kim châm cứu
5	Máy điện châm

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

- ❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương Lão khoa: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Đái tháo đường: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Văn A, 62 tuổi, giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: Đái tháo đường tuýp 2 (10 năm), tăng huyết áp (7 năm). Vào viện với lý do: Phù chân tăng dần, tiểu ít. Sau khai thác bệnh nhân thấy các triệu chứng: Phù hai chân tăng dần trong 2 tuần, tiểu ít, chán ăn, huyết áp lúc vào viện 160/90mmHg. Thuốc đang sử dụng: Metformin, Amlodipine

Cận lâm sàng: Đường huyết lúc đói: 9.5 mmol/L, HbA1c: 8.2%, Creatinin máu: 3.2 mg/dL.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
2. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
3. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
4. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân người mệt mỏi, đoản khí, kèm tự hãn. phù hai chân, sắc mặt u ám, sợ lạnh, chân tay lạnh, đại tiện lúc lỏng lúc táo. Chất lưỡi nhạt, sắc tối, rêu trắng khô, mạch trầm vi, vô lực

1. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
2. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 3: Tăng huyết áp: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Trần Thị B, 65 tuổi, Giới tính: Nữ, Nghề nghiệp: Hưu trí. Một ngày trước khi vào viện, bệnh nhân thấy đau đầu, hoa mắt chóng mặt. Ở nhà uống Panadol không đỡ đau nên vào viện. Vào viện, khám thấy: Bệnh nhân tỉnh táo, tiếp xúc tốt, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt. Huyết áp: 160/90 mmHg (đo hai lần cách nhau 15 phút, khi nghỉ ngơi), Mạch: 75 lần/phút. Chỉ số BMI: 27 kg/m². Tim mạch: Nghe tim: T1 đanh

Cận lâm sàng: Công thức máu, sinh hóa máu: Bình thường. Điện tâm đồ (ECG): Dày thất trái nhẹ. Siêu âm tim: Dày thất trái

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc điều trị Huyết áp nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các nhóm thuốc huyết áp

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân đau đầu nhiều, đau thiện án, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt, ù tai, hai gò má đỏm ngũ tâm phiền nhiệt. Lưng gối mỏi yếu. Chất lưỡi đỏ, ít rêu, mạch huyền

1. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
2. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 4: Rối loạn giấc ngủ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 5: Thoái hóa khớp: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Thị C, 65 tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Nội trợ. Tiền sử: Thoái hóa khớp gối 5 năm, Một tuần trước khi vào viện bệnh nhân đau khớp gối ngày càng tăng, đi lại khó khăn. Ở nhà, không điều trị gì nên vào viện. Sau thăm khám thấy: Đau khớp gối 2 bên, nặng hơn khi đi lại, giảm khi nghỉ ngơi, khớp gối có tiếng lạo xạo khi cử động, hạn chế vận động, đi lại khó khan

Cận lâm sàng: XQuang khớp gối: Hẹp khe khớp, gai xương ở bờ xương đùi, xương chày, dày xương dưới sụn. Xét nghiệm máu: Bình thường

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, hàm lượng sử dụng của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Đau khớp gối nhiều, đau thiện án. Đau kèm hạn chế vận động. Bệnh nhân thường có đau đầu âm ỉ, ù tai, hoa mắt, chóng mặt, ngủ ít. Chất lưỡi hồng, ít rêu. Mạch huyền tế sác.

1. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
2. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 6: Rối loạn lipid máu: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bệnh nhân Nguyễn Văn D, 70 tuổi, giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp (10 năm) đang dùng Amlordipin 5mg/ngày. Vào viện khám sức khỏe định kỳ thấy: Huyết áp: 130/80mmHg, mạch 70 lần/phút. BMI: 27kg/m2.

Cận lâm sàng: Cholesterol toàn phần**:** 6.8 mmol/L**,** LDL-C**:** 4.5 mmol/L**,** HDL-C**:** 1.0 mmol/L**,** Triglyceride**:** 2.8 mmol/L

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
2. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân thể trạng béo bệu, người mệt mỏi, thường thấy tức ngực, chân tay nặng nề, cảm giác rã rời, vô lực, bụng đầy trướng. Miệng lưỡi dính nhớt. Mạch huyền hoạt.

1. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
2. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 7: Tai biến mạch máu não: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 8: Loãng xương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án lão khoa: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa

Bài 2: Bình bệnh án Đái tháo đường theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án Đái tháo đường theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án Tai biến mạch máu não theo YHHĐ:

- Chọn 1 bệnh nhân tại khoa: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Bình bệnh án Tai biến mạch máu não theo YHCT:

- Bệnh nhân đã được chọn ở bài 4 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án Tăng huyết áp theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 7: Bình bệnh án Tăng huyết áp theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 6 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 8: Bình bệnh án Rối loạn lipid máu theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 9: Bình bệnh án Rối loạn lipid máu theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 8 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 10: Bình bệnh án Rối loạn giấc ngủ theo YHHĐ và YHCT:

- Chọn một BN: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 11: Bình bệnh án Loãng xương theo YHHĐ và YHCT:

- Chọn 1 BN: BN đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 12: Bình bệnh án Thoái hóa khớp theo YHHĐ và YHCT:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Lão khoa YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại : Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.Giới thiệu HP Lão khoa 2. Đại cương về lão khoa -Đại cương lão khoa - Đặc điểm sinh lý của người cao tuổi. - Đặc điểm bệnh lý của người cao tuổi	4/0/8	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ + YHCT	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Đái tháo đường - đại cương	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

	- ĐTĐ theo YHHĐ - ĐTĐ theo YHCT		phòng được bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT		hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
3	Tăng huyết áp - đại cương - Tăng huyết áp theo YHHĐ - Tăng huyết áp theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Tăng huyết áp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4	Rối loạn giấc ngủ - đại cương - RL giấc ngủ theo YHHĐ - RL giấc ngủ theo YHCT	2/0/4	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Thoái hóa khớp - đại cương - Thoái hóa khớp theo YHHĐ - Thoái hóa khớp theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh thoái hóa khớp, Loãng xương ở người cao tuổi theo YHHĐ và	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo	Điểm thường xuyên

			YHCT.			luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
6	Rối loạn Lipid máu - đại cương - RLLP máu theo YHHĐ - RLLP máu theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rối loạn Lipid máu ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7	Tai biến mạch máu não - đại cương - Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHHĐ - Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
8	Loãng xương - đại cương - Loãng xương ở người cao tuổi theo YHHĐ - Loãng xương ở người cao tuổi theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được Loãng xương ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên

9	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Lão khoa. 2.Hướng dẫn làm bệnh án lão khoa	3/0/1.5	Viết được hồ sơ bệnh án Lão khoa	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Lâm sàng Đái tháo đường theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh ĐTĐ theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân,	CLO3, CLO5	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			tập thể, nhận xét, đánh giá					
3	Lâm sàng Đái tháo đường theo YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh ĐTĐ theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
4	Lâm sàng Tai biến mạch máu não theo YHHĐ	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh TBMMN theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe, búa phản xạ	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng Tai biến mạch máu não theo	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy	Dạy học theo case	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

	YHCT		sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		điện châm, kim châm cứu	bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
6	Lâm sàng Tăng huyết áp theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Lâm sàng Tăng huyết áp theo YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét,	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				đánh giá	
8	Lâm sàng Rối loạn Lipid máu theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
9	Lâm sàng Rối loạn Lipid máu theo YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10	Lâm sàng Rối loạn giấc ngủ theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện	Dạy học bên giường bệnh,	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	Điểm thường xuyên

			đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		châm, kim châm cứu	dạy học theo case bệnh	lớp: trình bày BA, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
11	Lâm sàng Loãng xương theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc XQ, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
12	Lâm sàng Thoái hóa khớp theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc XQ, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá					
13	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
14	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS
15	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	**20%**
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	**20%**
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO 1	20 %	10	4	4	2	0
CLO 2	20 %	10	4	4	2	0
CLO 3	20 %	10	4	4	2	0
CLO 4	20 %	10	4	4	2	0
CLO 5	20 %	10	4	4	2	0
Tổng	100%	50	20	20	10	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết thi phần lý thuyết *0.7 + Điểm kiểm tra * 0.3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. Phạm Vũ Khánh, bộ môn Lão khoa (2016), Lão khoa YHCT, NXB Giáo dục

10.1.2. Nhiều tác giả của Đại học Y Hà Nội (2022), Bệnh học Lão khoa, NXB Y học.

10.1.3. Trường Đại học Y Hà Nội (2023), Lão khoa đại cương, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2015), Bài giảng Điều tri học Nội khoa YHCT, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊCH TỄ HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Dịch tễ học

* Tiếng Việt: Dịch tễ học

* Tiếng Anh: Epidemiology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3011
- Số tín chỉ: 02 LT
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá :10 tiết (thi LT)
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc X	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Xác suất thống kê Y học
  + Học phần học trước (đã học): Xác suất thống kê Y học
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	YTCCC	
2	Ths. Nguyễn Văn Bình	0916359842	YTCCC	binhytcc2012@gmail.com
3	Ths. Đỗ Văn Pha	0918498755	YTCCC	dopha2005@gmail.com
4	Ths. Lương Thị Thu Hà	0974899244	YTCCC	bshaytcc@gmail.com
5	Ths. Bàng Thị Hoài	0977045888	YTCCC	thuhoaiytcc@gmail.com
6	Ths. Đinh Văn Tài	0912373999	YTCCC	bsvawtai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các phương pháp mô tả tình hình sức khỏe cộng đồng, xác định các yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; nắm được các nguyên lý và phương pháp cơ bản của dịch tễ học.
MT HP2	Xác định các yếu tố nguy cơ và đánh giá hiệu quả của các can thiệp kiểm soát và dự phòng các vấn đề sức khỏe phổ biến ở Việt Nam; Coi trọng việc phát hiện sớm dịch bệnh để có biện pháp đáp ứng phòng chống kịp thời và hiệu quả.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tuân thủ các quy định pháp luật và đạo Đức nghề nghiệp

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP 1		2	3			
MT HP 2		2	3			
MT HP3						3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Đánh giá hiệu quả can thiệp và cách suy luận kết hợp nhân quả trong nghiên cứu dịch tễ học.
CLO2	Phân tích được các nguyên lý dịch tễ học và các nguyên tắc dự phòng những bệnh phổ biến ở cộng đồng, bao gồm các bệnh lây và không lây. Đưa ra được thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải đáp một số câu hỏi cụ thể về nguyên nhân, tiên lượng bệnh, phòng ngừa và đánh giá điều trị bệnh.
CLO3	Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng, chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, sàng tuyển phát hiện sớm, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dịch tễ học.
CLO4	Lập kế hoạch và thực hiện được công tác giám sát, điều tra dịch, tiêm chủng mở rộng, khống chế côn trùng Y học.
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO1		3						3									
CLO2		3						3									
CLO3																	
CLO4																3	
CLO5														3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học:1. Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao.

Câu hỏi thảo luận:

1. Dịch tễ học có vai trò gì trong Y học và Y tế công cộng
2. Tại so dịch tễ học được xem là công cụ quan trọng trong nghiên cứu

Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK).

Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học

Câu hỏi thảo luận:

1. Nghiên cứu mô tả có vai trò gì trong dịch tễ học
2. Khi nào thì sử dụng nghiên cứu mô tả
3. Làm thế nào để xác định các biến số quan trọng trong nghiên cứu mô tả?
4. Phân tích sự khác biệt giữa nghiên cứu cắt ngang và báo cáo bệnh tật.
5. Nghiên cứu mô tả có thể giúp phát hiện yếu tố nguy cơ của bệnh không? Tại sao? Hãy lấy một ví dụ

Bài 4: Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học

Câu hỏi tình huống:

1. Trong nghiê cứu bệnh chứng có những sai số gì? Hãy phân tích và lấy ví dụ cụ thể để giải thích cho các sai số đó.
2. Ví dụ: Nghiên cứu bệnh chứng về ảnh hưởng của thuốc lá đến ung thư phổi của R. Doll và Hill (1953)

Bảng 1: số liệu của NC bệnh chứng về kết hợp giữa hút thuốc lá và ung thư phôi

	Ung thư phổi	Không mắc ung thư phổi	Tổng
Hút thuốc lá	1350	1296	2646
Không hút thuốc lá	7	61	68
Tổng	1357	1357	2714

Hãy tính tỷ suất chện và đưa ra các nhận xét.

Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

1. Hãy lấy ví dụ cho từng loại nghiên cứu thuần tập (không lấy các ví dụ đã có trong giáo trình đã có)?
2. Phân tích các sai số trong nghiên cứu thuần tập?

Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Phương pháp nghiên cứu thuần tập: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

1. Sự khác nhau về vai trò của NCV giữa nghiên cuuws quan sát và nghiên cuwus can thiệp
2. Ưu và nhược điểm của nghiên cuwus can thiệp là gì?

Bài 7: Sai số và nhiễu: Phương pháp nghiên cứu thuần tập: Đọc TLC và TLTK

Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả: Phương pháp nghiên cứu thuần tập: Đọc TLC và TLTK.

Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

1. Trình bày bảng phân loại người mang mầm bệnh theo các thời kỳ của bệnh trong đặc trung dịch tễ học của vật chủ, môi trường? Trình bày các thể của bệnh truyền nhiễm?

2. Lấy ví dụ cụ thể để giải thích các khái niệm: Nhiễm trùng, Truyền nhiễm? Trình bày đặc trong dịch tễ học của tác nhân (Khả năng lây lan; Khả năng lây bệnh)?

Bài 10: Quá trình dịch: : Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Hãy phân tích các yếu tố liên quan đến quá trình dịch?

Bài 11: Giám sát dịch tễ học: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

1. Xác định loại giám sát:

- (a) Bác sĩ báo cáo về bệnh lây truyền bệnh nhiễm trùng
- (b) Nhóm điều chỉnh dịch vụ đến vùng có dịch vụ để thu thập
- (c) Hệ thống giám sát ống thông qua xét nghiệm định kỳ tại các phòng thí nghiệm
- d) Dân tự khai báo tình trạng sức khoẻ

2. So sánh phương pháp giám sát:

- Phân biệt giám sát chủ động và giám sát

- ưu tiên và chế độ hạn chế
- Đưa ra một ví dụ cụ thể cho mỗi phương pháp.

Bài 12: Điều tra xử lý dịch: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:
Để kiểm soát dịch cần dựa trên nguyên tắc nào? Trình bày biện pháp kiểm soát một vụ dịch đối với nguồn truyền nhiễm, đường truyền nhiễm, khối cảm thụ?
Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học
Tình huống:
Dựa vào sơ đồ quá trình truyền nhiễm hãy phân tích và lấy ví dụ cụ thể về quá trình truyền nhiễm cũng như biện pháp phòng trống đối với bệnh lây qua đường tiêu hóa
Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học. Tình huống:
Dựa vào sơ đồ quá trình truyền nhiễm hãy phân tích và lấy ví dụ cụ thể về quá trình truyền nhiễm cũng như biện pháp phòng trống đối với bệnh lây qua đường Hô hấp.

Bài 15: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học. Tình huống:

Dựa vào sơ đồ quá trình truyền nhiễm hãy phân tích và lấy ví dụ cụ thể về quá trình truyền nhiễm cũng như biện pháp phòng trống đối với bệnh lây qua đường da và niêm mạc.
Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học. Tình huống:
Dựa vào sơ đồ quá trình truyền nhiễm hãy phân tích và lấy ví dụ cụ thể về quá trình truyền nhiễm cũng như biện pháp phòng trống đối với bệnh lây qua đường da và niêm mạc.
Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:
1. 1. Trình bày được nguyên tắc cơ bản của chương trình phòng chống một số bệnh không lây phổ biến.
2. 2. Trình bày được cách thức tổ chức và thực hiện sàng lọc đối với một số bệnh không lây phổ biến.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Bài1: Định nghĩa, mục tiêu, nội dung và cách đề cập dịch tễ học	4/0/2	Phân tích được khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ và bệnh ,dịch	*CL01, CL02, CLO5*	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
	Bài 2: Đo lường trong dịch tễ học	0/0/6	Tính toán được các chỉ số đo lường bệnh trạng	CL03,CLO5	Cung cấp giáo trình và để cương cho sinh viên tự học	Tự học: như mục 6.2.3	
	Bài 3: Phương pháp nghiên cứu mô tả	2/0/4	Hiểu khái niệm và vai trò của nghiên cứu được mô tả trong dịch tễ học và ứng dụng trong thực tế? - Thu thập và trình bày số liệu trong nghiên cứu mô tả	CLO2,CLO3,CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
	Bài 4: Phương pháp	2/0/4	Hiểu khái niệm và vai trò của nghiên cứu bệnh	CLO2,CLO3,CLO5	GV sử dụng Thuyết	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thi thường xuyên

	nghiên cứu bệnh chứng		chứng trong dịch tễ học và ứng dụng trong thực tế? - Thu thập và trình bày số liệu trong nghiên cứu bệnh chứng		trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	
	Bài 5: Phương pháp nghiên cứu thuần tập	2/0/4	Hiểu khái niệm và vai trò của nghiên cứu thuần tập trong dịch tễ học và ứng dụng trong thực tế? - Thu thập và trình bày số liệu trong nghiên cứu thuần tập	CLO2,CLO3,CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
	Bài 6: Phương pháp nghiên cứu can thiệp	1/0/4	Hiểu khái niệm và vai trò của nghiên cứu can thiệp trong dịch tễ học và ứng dụng trong thực tế? - Thu thập và trình bày số liệu trong nghiên cứu can thiệp	CLO2,CLO3,CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	
	Bài 7: Sai số và nhiễu	0/0/6	Phân tích được các sai số và yếu tố nhiễu trong nghiên cứu dịch tễ học	CLO3,CLO5	Cung cấp giáo trình và để cương cho sinh viên	Tự học: như mục 6.2.3	

					tự học		
	Bài 8: Phân tích mối quan hệ nhân quả	0/0/6	Phân tích được mối quan hệ nhân quả trong dịch tễ học	CLO1,CLO5	Cung cấp giáo trình và để cương cho sinh viên tự học	Tự học: như mục 6.2.3	
	Bài 9: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng	1/0/4	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế Phân tích được khái niệm và nguyên lý của dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ,dịch bệnh	CLO3, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thi thường xuyên
	Bài 10: Quá trình dịch	2/0/4	Phân tích được khái niệm và nguyên lý của dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, mối liên quan giữa yếu tố nguy cơ,dịch bệnh	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	Điểm thi thường xuyên
	Bài 11: Giám sát dịch tễ học	1/0/4	Tuân thủ các nguyên tắc quy trình về phòng ngừa, cách ly, kiểm soát nhiễm khuẩn	CLO4,CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thi thường xuyên

					huống.		
	Bài 12: Điều tra xử lý dịch	2 /0/2	Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	,CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	Điểm thi thường xuyên
	Bài 13: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	2/0/2	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp	CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thi thường xuyên
	Bài 14: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	2/0/2	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp	CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	Điểm thi thường xuyên
	Bài 15:	2/0/2	Nhận định được	CLO2,	Thuyết	1.Tự học:	Điểm thi

	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu		các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp	CLO5	trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	như mục 6.2.3	thường xuyên
	Bài 16: Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	2/0/2	Nhận định được các loại nhiễm khuẩn chính và các tác nhân sinh học phổ biến gây bệnh đòi hỏi sự chăm sóc y tế; Nhận định được các con đường lây nhiễm có nguồn lây nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp	CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.vấn đề	Điểm thi thường xuyên
	Bài 17: Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	4/0/2	Giải thích được các nguyên tắc và ứng dụng trong dự phòng cấp 1, 2, 3; chiến lược dự phòng mức cá nhân, tiếp cận dự phòng dựa vào cộng đồng và tiếp cận dựa vào yếu tố nguy cơ cao trong phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thi thường xuyên
	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Giải thích được các khái niệm, các phương pháp	CLO1, CLO2,CLO3,CL		Thi trắc nghiệm khách quan	

			nghiên cứu trong dịch tễ học; điều tra, giám sát dịch tễ học, các yếu tố liên quan đến quá trình dịch và biện pháp phòng chống đối với các bệnh truyền nhiễm và các bệnh không lây	O4		trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: **(Không có phần lâm sàng hay thực hành)**

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm	**40%**

	(0 - 3.9)	(4 – 5.4)	(5.5 – 6.9)	(7 – 8.4)	(8.5 – 10)	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành: Không giảng dạy thực hành

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Lý thuyết	Điểm thường xuyên	50%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Rubric 1
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	30 %	15	5	5	5	0
CLO2	30 %	15	5	5	5	0
CLO3	20%	10	4	4	2	0
CLO4	20%	10	4	4	2	0
Tổng	100%	50	18	18	14	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.7 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết dịch tễ học (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình lý thuyết Dịch tễ học (2013).*
2. Trường Đại học Y Hà Nội ,Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Bộ môn dịch tễ học, *Giáo trình thực hành Dịch tễ học (2013)..*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Trình độ đào tạo: Bác sĩ, Ngành: YHCT, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản

* Tiếng Anh: Fundamental of nursing

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 2102
- Số tín chỉ: 01LT/ 01TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 5 tiết
  + Thời gian tự học: 50 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ YHCT năm 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Giải phẫu
  + Học phần học trước (đã học): Sinh lý
  + Học phần song hành: Vi sinh
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Điều dưỡng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	ThS. Mai Thuý Mai	0917549549	Điều dưỡng	maithuymai.vutm@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Thơ	0984947994	Điều dưỡng	vutho.vatm@gmail.com
3	ThS. Phạm Thị Nga	0904890660	Điều dưỡng	ngafam.tlm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MTHP1	Trình bày được các nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khoẻ.
MTHP2	Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.
MTHP3	Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản theo đúng quy trình.
MTHP4	Phát hiện và xử trí được một số tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật.
MTHP5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MTHP1			2			
MTHP2		2				
MTHP3			2			
MTHP4		2				
MTHP5		2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nhận thức rõ tầm quan trọng về vai trò của công tác điều dưỡng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành y khoa.
CLO2	Có kiến thức cơ bản về mục đích, chỉ định, chống chỉ định, các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản.
CLO3	Ứng dụng được kiến thức điều dưỡng cơ bản vào thực hành chăm sóc trên người bệnh.
CLO4	Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản đúng quy trình.
CLO5	Theo dõi, phát hiện sớm và xử trí kịp thời những tình huống có thể xảy ra đối với người bệnh.
CLO6	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO6	PLO15
CLO 1	2		
CLO 2	2		
CLO 3	2		
CLO 4		2	
CLO 5		2	
CLO 6			2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Thực hành: Mô hình, dụng cụ

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	MH điều dưỡng đa năng
2	MH chăm sóc bệnh nhân
3	MH Thông tiểu nam nữ
4	MH TT tiêm cánh tay
5	MH truyền cánh tay
6	MH chuẩn TT tiêm mông
7	Mô hình ép tim nửa người có báo động
8	Giường bệnh nhên đa năng 3 tay quay và tủ đầu giường
9	Bàn chuẩn bị TN
10	Xe tiêm các loại
11	Máy hút dịch
12	Bình oxy nhỏ+áp lực kế
13	Bơm tiêm điện
14	Bơm truyền dịch
15	Tủ sấy thường
16	Nồi hấp tiệt trùng
17	Bóp bóng mặt nạ người lớn
18	Dụng cụ cố định đốt sống cổ
19	Máy vi tính
20	Máy in
21	Cáng cứng
22	Cọc truyền
23	Đè lưỡi
24	Bát Inox
25	Chậu Inox
26	Bộ phẫu tích
27	Hộp đựng bông cồn
28	

	Hộp nhôm
29	Khay chữ nhật
30	Kìm kẹp săng
31	Kéo các loại
32	Trụ cắm panh
33	Khay quả đậu
34	Kẹp phẫu tích
35	Panh các loại
36	Bốc thụt
37	Giá để ống nghiệm
38	Huyết áp điện tử cánh tay
39	Huyết áp thủy ngân
40	Huyết áp đồng hồ

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiềuh hình thức khác nhau.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

- Bài 1: Khử khuẩn – tiệt khuẩn: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 2: Dấu hiệu sinh tồn : Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 3: Kỹ thuật tiêm thuốc: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 4: Truyền dịch – truyền máu: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 5: Liệu pháp oxy: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 6: Thay băng, cắt chỉ vết thương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 7: Các pp cầm máu tạm thời: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bài 8: Kỹ thuật đặt sonde dạ dày: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 9: Rửa dạ dày: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 10: Thụt tháo – thụt giữ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 11: Thông tiểu – DLNT- RBQ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 12: Hút đờm dãi: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 13: Cấp cứu ngừng tuần hoàn: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Bài 14: Sơ cứu gãy xương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

❖ Thực hành

- Bài 1: Rửa tay – mặc áo – mang găng
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm.
- Bài 2: Dấu hiệu sinh tồn
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm
- Bài 3: Kỹ thuật tiêm thuốc
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm
- Bài 4: Truyền dịch – truyền máu
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm
- Bài 5: Liệu pháp oxy
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 6: Băng bó vết thương
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm
- Bài 7: Thay băng, cắt chỉ vết thương
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
  + Làm việc độc lập: Thao tác các bước theo bảng kiểm
- Bài 8: Kỹ thuật đặt sonde dạ dày
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 9: Thụt tháo
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 10: Thông tiểu – DLNT- RBQ
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 11: Hút đờm dãi
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 12: Cấp cứu ngừng tuần hoàn
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 13: Sơ cứu gãy xương
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.
- Bài 14: Vận chuyển bệnh nhân
  + Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Xem Video, thảo luận dựa trên bảng kiểm trong buổi học.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thực hành phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Điều dưỡng cơ bản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Đây là một trong những học phần kỹ năng thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiền lâm sàng cơ bản về thực hành các kỹ năng điều dưỡng trên các vật liệu học tập tại phòng thực hành đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, cách xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường mà một nhân viên y tế phải làm. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng để học tiếp các môn như: Nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa…Học phần thực hành rèn luyện cho sinh viên thực hành các kỹ năng điều dưỡng cơ bản đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần lâm sàng tiếp theo.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với CĐR

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CĐR

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/ buổi)	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học/chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1. Khử khuẩn, tiệt khuẩn	2/0/4	1. Nêu được các khái niệm: Làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn 2. Trình bày được tầm quan trọng của công tác khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện và cách phân loại dụng cụ theo Spaulding 3. Mô tả được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn 4. Nêu được các nội dung của phòng	1,3,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			ngừa chuẩn, cách phân loại và QL chất thải rắn y tế				
	2. Dấu hiệu sinh tồn	1/0/2	1. Trình bày được giới hạn bình thường của dấu hiệu sinh tồn (mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở) và những yếu tố ảnh hưởng tới DHST 2. Thực hiện được các kỹ thuật theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở đúng QTKT 3. Nhận định được các dấu hiệu sinh tồn bất thường và đưa ra các quyết định xử lý phù hợp	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	3. Kỹ thuật Tiêm thuốc	1/0/2	1. Trình bày được tầm quan trọng của tiêm thuốc và các nguyên tắc dùng thuốc theo đường tiêm 2. Thực hiện được KT tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch đúng QTKT 3. Kể được các tai biến có thể xảy ra khi tiêm thuốc, cách xử trí và biện pháp đề phòng	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	4. Truyền dịch - Truyền máu	1/0/2	1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc của truyền dịch - truyền máu 2. Thực hiện được kỹ thuật truyền dịch - truyền máu theo	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			đúng QTKT 3. Nêu được các tai biến của truyền dịch - truyền máu và cách xử trí		có minh họa		
	5. Liệu pháp oxy	1/0/2	1. Trình bày được các nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy 2. Thực hiện được kỹ thuật cho người bệnh thở oxy đúng QTKT	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	6. Thay băng, cắt chỉ vết thương	1/0/2	1. Trình bày được nguyên tắc băng vết thương 2. Thực hiện được các kiểu băng cơ bản đúng QTKT 3. Thực hiện được kỹ thuật băng một số bộ phận cơ thể	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	7. Các PP cầm máu tạm thời	1/0/2	1. Trình bày được cách phân loại chảy máu trong chấn thương 2. Trình bày được các biện pháp cầm máu khẩn cấp	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	8. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	1/0/2	1. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của đặt thông dạ dày 2. Mô tả được cách đo trước khi tiến hành đặt ống thông dạ dày và PP kiểm tra ống thông sau khi đặt xong 3. Liệt kê được các	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			tai biến khi đặt ống thông dạ dày 4. Thực hiện được kỹ thuật đặt ống thông dạ dày đúng QTKT				
	9. Rửa dạ dày	1/0/2	1. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định và các tai biến có thể xảy ra trong rửa dạ dày 2. Thực hiện được các bước của quy trình kỹ thuật rửa dạ dày đúng QTKT	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	10. Thụt tháo-Thụt giữ	1/0/2	1. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định của thụt tháo, thụt giữ 2. Trình bày được các bước của quy trình thụt tháo, thụt giữ	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	11. Thông tiểu, DLNT, RBQ	1/0/2	1. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, tai biến của thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang 2. Thực hiện được kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu và rửa bàng quang theo đúng QTKT	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	12. Hút đờm dãi	1/0/2	1. Trình bày được mục đích, tai biến của kỹ thuật hút thông đường hô hấp 2. Thực hiện được kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên đúng QTKT 3. Trình bày được	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			các bước tiến hành kỹ thuật hút thông đường hô hấp dưới				
	13. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	1/0/2	1. Nêu được các nguyên nhân gây ngừng tuần hoàn 2. Trình bày được cách xác định ngừng tuần hoàn 3. Thực hiện được KT cấp cứu ngừng tuần hoàn và theo dõi nạn nhân sau khi cấp cứu	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
	14. Sơ cứu gãy xương	1/0/2	1. Nêu được các triệu chứng của gãy xương 2. Giải thích được mục đích và nguyên tắc của bất động xương gãy 3. Thực hiện được kỹ thuật sơ cứu gãy xương cẳng tay, cánh tay, cẳng chân, xương đùi đúng QTKT	2,3,4,5,6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
3	Thi hết học phần	0/1/0	Kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, cách xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sõ cứu thông thýờng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Điểm thi LT

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/ buổi)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1. Rửa tay, mặc áo, mang găng	1/0/0,5	1. Thực hiện được các kỹ thuật rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa, mặc áo choàng vô khuẩn, mang găng vô khuẩn đúng QTKT	1,3,4,5, 6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
1	2. Dấu hiệu sinh tồn	4/0/2	1. Thực hiện được các kỹ thuật theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở đúng QTKT 2. Nhận định được các dấu hiệu sinh tồn bất thường và đưa ra các quyết định xử lý phù hợp	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
1	3. Kỹ thuật tiêm thuốc	4/0/2	1. Thực hiện được kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
2	4. Truyền dịch -	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ	4,5,6	Như bảng	-GV thao tác mẫu	1.Tự học: như mục	

	Truyền máu		thuật truyền dịch - truyền máu theo đúng QTKT		6.1.3	dựa trên Bảng kiểm	6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
2	5. Liệu pháp oxy	1/0/0,5	1. Thực hiện được kỹ thuật cho người bệnh thở oxy đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
2	6. Băng bó vết thương	2/0/1	1. Thực hiện được các kiểu băng cơ bản đúng QTKT 2. Thực hiện được kỹ thuật băng một số bộ phận cơ thể	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
2	7. Thay băng, cắt chỉ vết thương	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ thuật thay băng vết thương thông thường, vết thương nhiễm khuẩn và kỹ thuật cắt chỉ vết thương.	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
3	8. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ thuật đặt ống thông dạ dày đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	

3	9. Thụt tháo	1/0/0,5	1. Thực hiện được các bước của quy trình thụt tháo, thụt giữ	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
3	10. Thông tiểu, DLNT, RBQ	4/0/2	1. Thực hiện được kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu và rửa bàng quang theo đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
4	11. Hút đờm dãi	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
4	12. Cấp cứu ngừng tuần hoàn	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn và theo dõi nạn nhân sau khi cấp cứu	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
4	13. Sơ cứu gãy xương	2/0/1	1. Thực hiện được kỹ thuật sơ cứu gãy xương cẳng tay, cánh tay, cẳng chân, xương đùi đúng QTKT	4,5,6	Như bảng 6.1.3	-GV thao tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
4	14. Vận	1/0/0,5	1. Thực hiện	4,5,6	Như	-GV thao	1.Tự học:	

	chuyển BN		được các kỹ thuật vận chuyển người bệnh đúng QTKT		bảng 6.1.3	tác mẫu dựa trên Bảng kiểm	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: - Quan sát - Thao tác lại dựa vào BK	
5	Thi hết học phần	0/4/0	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	4,5,6	Như bảng 6.1.3			Điểm thi TH

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric

- Rubric 1: đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Kỹ thuật 1	- Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Đảm bảo thời gian	- Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian	- Làm thành thạo các thao tác - Đúng thời gian	20%
Kỹ thuật 2	- Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Đảm bảo thời gian	- Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian - Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian	- Làm thành thạo các thao tác - Đúng thời gian	20%
Kỹ thuật 3	- Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Đảm bảo thời gian	- Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian	- Làm thành thạo các thao tác - Đúng thời gian	20%

Kỹ thuật 4	- Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Đảm bảo thời gian	- Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian	- Làm thành thạo các thao tác - Đúng thời gian	20%
Kỹ thuật 5	- Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Chưa đảm bảo thời gian	- Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác - Đảm bảo thời gian	- Làm đúng các thao tác - Đúng thời gian	- Làm thành thạo các thao tác - Đúng thời gian	20%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	33,3%	Đánh giá các bài thực hành tại phòng thực hành	Thi TH	100%	Rubric 1	CLO4, CLO5, CLO6	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	66,7%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi LT	100%	Không	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Thực hành: Bốc thăm ngẫu nhiên 5 trong số các Kỹ thuật đã học tại phòng thực hành.

Phần thi thực hành: Rubric 1

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

- Lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	20%	8	2	4	2
CLO2	30%	12	3	6	3
CLO3	10%	4	1	2	1

CLO4	10%	4	1	2	1
CLO5	20%	8	2	4	2
CLO6	10%	4	1	2	1
Tổng	100%	40	10	20	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành * 1 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 2)/3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2011). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 1.* Hà Nội: NXB Y học.
2. Bộ Y tế (2011). *Điều dưỡng cơ bản, Tập 2.* Hà Nội: NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2011). *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*. Hà Nội: NXB Y học.
2. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 1.* Hà Nội: NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2020). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2.* Hà Nội: NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202…

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI CƠ SỞ YHHĐ

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nội cơ sở YHHĐ

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: MEDI3103
- Số tín chỉ: 5 (LT:03/ TH: 02)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết
  + Lý thuyết: 45 iết
  + Lâm sàng : 60 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 25 tiết
  + Thời gian tự học: 120 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành YHCT năm thứ ba
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không
+ Học phần học trước: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths.BSCKII.Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths.Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Ths. Nguyễn Ngọc Đăng	091635838	bsdang1988@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về thăm khám, triệu chứng, hội chứng lâm sàng, triệu chứng cận lâm sàng và nguyên nhân gây bệnh vào lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ và đề xuất chỉ định cận lâm sàng phù hợp logic với chẩn đoán
MT HP2	Làm được bệnh án nội khoa, thăm khám một cách hệ thống, phát hiện dấu hiệu bất thường, đề xuất chẩn đoán ban đầu, biết đọc và phân tích các kết quả xét nghiệm cơ bản như công thức máu, tổng phân tích nước tiểu, xét nghiệm chức năng gan thận, đường máu… điện tâm đồ, X- qung tim phổi .
MT HP3	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2	2			1	

MT HP2	2	2				
MT HP3			1			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nhận định dược triệu chứng, hội chứng lâm sàng, nguyên nhân gây bệnh và hiểu được ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm cơ bản và ứng dụng các xét nghiệm cận lâm sàng trong hỗ trợ chẩn đoán bệnh nội khoa.
CLO2	Áp dụng được các kỹ năng lâm sàng cơ bản: khai thác bệnh sử , tiên sử và khám lâm sàng theo hệ thống và làm hồ sơ bệnh án một số bênh lý nội khoa thông thường.
CLO3	Lập luận và đưa ra được chẩn đoán sơ bộ, chỉ định cận lâm sàng và nhận đinh được kết quả cận lâm sàng một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên tình huống giả định và bệnh nhân thực.
CLO4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1			2	1	1	1											
CLO 2	3		2	1	1	1											
CLO3	3		2	1	1	1											
CLO4															1		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Nội cơ sở (tài liệu lưu hành nội bộ), tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2;

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Nhiệt kế
5	Thước dây

Phòng học lâm sàng có bảng, bút viết bảng, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Thực hành kỹ năng khhai thác triệu chứng, khám thực thể và nhận định triệu chứng bất thường, định hướng chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, ít nhất 3 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.1; 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp. Nội dung đọc trước căn cứ theo lịch giảng của bộ môn.

❖ Lý thuyết

Phần tim mạch:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch
2. Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh tim mạch
3. Khám bệnh nhân đau ngực
4. Hội chứng suy tim

- Nội dung thảo luận:

Bệnh nhân: Nguyễn Văn H, 55 tuổi vào viện vì đau ngực dữ dội. Bệnh nhân xuất hiện đau ngực đột ngột khi đang nghỉ ngơi, cảm giác đau thắt như bóp nghẹt, lan lên vai trái và hàm. Cơn đau kéo dài hơn 30 phút, không giảm khi nghỉ ngơi. Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp 10 năm; Rối loạn lipid máu; Hút thuốc lá 20 năm (1 gói/ngày); Gia đình có người từng bị nhồi máu cơ tim. Khám lâm sàng: Huyết áp: 140/90 mHg, Mạch: 100 lần/phút, Nhịp thở: 24 lần/phút, SpO_2: 94%; Khám tim mạch: Nhịp tim nhanh, có tiếng T3 nhẹ, Tĩnh mạch cổ nổi nhẹ; Khám phổi: Không rales; Các cơ quan khác chưa phát hiện dấu hiệu bệnh lý

Câu hỏi:

1. Anh/chị hãy xác định triệu chứng cơ năng và triệu chứng thực thể của bệnh nhân này?
2. Với dữ liệu đã có anh/chị hãy đưa ra định hướng chẩn đoán và phân tích chẩn đoán của bệnh nhận này?
3. Với chẩn đoán đưa ra anh/chị hãy đề xuất chỉ định cận lâm sàng cho bện nhân này?

Phần hô hấp

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Trệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp
2. Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh lý hô hấp
3. Các hội chứng lâm sàng hô hấp
4. Khám bệnh nhân khó thở

- Nội dung thảo luận:

Bệnh nhân Nguyễn Văn A 68 tuổi vào viện vì sốt cao, ho có đờm, khó thở. Bệnh nhân sốt ngày thứ 4, nhiệt độ dao động từ 38.2 - 39.7°C kèm rét run, ho đờm vàng đục. Ban đầu, bệnh nhân chỉ ho khan, sau đó ho có đờm,số lượng nhiều, đau ngực phải khi ho. Ngoài ra, bệnh hân cảm thấy mệt mỏi, chán ăn, khó thở tăng dần khi đi lại.

Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp 12 năm, đang dùng Amlodipin; Đái tháo đường type 2, kiểm soát kém; Hút thuốc lá 40 năm (1 gói/ngày); Tiền sử viêm phổi cách đây 2 năm.

Khám lâm sàng:

• Dấu hiệu sinh tồn: Nhiệt độ: 39°C; Mạch: 105 lần/phút; Huyết áp: 130/80 mmHg; Nhịp thở: 26 lần/phút; SpO_2: 92% khi thở khí phòng

• Khám toàn thân: Mệt mỏi, vã mồ hôi, không có phù ngoại vi

• Khám hô hấp: Nhìn: Lồng ngực di động kém bên phải; Nghe: Rales nổ ở đáy phổi phải; Gõ: Đục vùng đáy phổi phải

•Các cơ quan khác chưa phát hiện dấu hiệu bệnh lý

Câu hỏi:

1. Anh/chị hãy xác định triệu chứng cơ năng và triệu chứng thực thể của bệnh nhân này?
2. Với dữ liệu đã có anh/chị hãy đưa ra định hướng chẩn đoán và phân tích chẩn đoán của bệnh nhận này?
3. Với chẩn đoán đưa ra anh/chị hãy đề xuất chỉ định cận lâm sàng cho bện nhân này?

Phần Tiêu hóa:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Khám bộ máy tiêu hóa
2. Khám và chẩn đoán gan to
3. Khám bệnh nhân đau bụng
4. Khám và chẩn đoán vàng da
5. Khám và chẩn đoán cổ trướng

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân năm 47 tuổi đi khám vì vàng da, vàng mắt. Anh/ chị hãy phân tích nguyên nhân vàng da có thể có của bệnh nhân này: vàng da trước gan, tại gan và sau gan?
2. Anh/chị hãy phân biệt bụng cổ trướng và bụng chướng hơi?

Phần cơ xương khớp:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Triệu chứng học bộ máy vận động

- Nội dung thảo luận:

1. Anh/chị hãy phân biệt sưng khớp do viêm và sung khớp không do viêm?
2. Anh/chị hãy cho biết tại sao khi khám vận động của khớp cần khám cả vận động chủ động và vận động thụ động?
3. Anh/chị hãy cho biết khi không có cận lâm sàng chúng ta có thể xác định được tràn dịch khớp gối không? Vì sao?

Phần Thận tiết niệu:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi và tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Khám và chẩn đoán phù
2. Triệu chứng học hệ tiết niệu
3. Các hội chứng hay gặp trong bệnh thận

- Nội dung thảo luận:

1. Anh/chị hãy phân biệt phù do suy thận với phù do suy tim và phù do xơ gan?
2. Bệnh nhân nữ 36 tuổi đi khám vì phù và mệt mỏi. Bệnh nhân đã được thăm khám và chỉ định cận lâm sàng. Trong kết quả xét nghiệm của bệnh nhân: protein niệu 24h:3,5g. Anh/chị hãy cho biết kết quả xét nghiệm này có bình thường không và tại sao bệnh nhân này lại có protein niệu?

Phần Nội tiết:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi và tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Khám bệnh nhân nội tiết – Các thăm dò CLS cơ bản trong chẩn đoán bệnh nội tiết.
2. Triệu chứng học bệnh lý tuyến giáp
3. Triệu chứng học bệnh đái tháo đường

- Nội dung thảo luận:

Bệnh nhân nữ 66 tuổi đi khám vì ăn nhiều, uống nhiều và gầy sút cân. Anh chị hãy đặt câu hỏi để khai thác triệu chứng và tiền sử của bệnh nhân này? Tại sao bệnh nhân này ăn nhiều uống nhiều mà vẫn sút cân?

Phần huyết học:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi và tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Khám và chẩn đoán sốt
2. Hội chứng xuất huyết
3. Hội chứng thiếu máu
4. Khám và chẩn đoán lách to
5. Khám và chẩn đoán hạch to

- Nội dung thảo luận:

Anh/chị hãy cho biết làm thế nào để phân biệt lách to với khối u dưới bờ sườn trái?
Anh/chị hãy phân biệt xuất huyết do nguyên nhân tiểu cầu và xuất huyết do nguyên nhân thành mạch?
Bệnh nhân nữ đi khám vì sốt. Anh chị hãy đặt câu hỏi để khai thác triệu chứng và tiền sử bệnh với bệnh nhân này?

❖ Lâm sàng

Sinh viên chủ động đọc trước nội dung liên quan trước khi đến khoa lâm sàng trong TLC và TLTK1,2 trước khi đến khoa lâm sàng theo kế hoạch lâm sàng tại cơ sở thực hành dưới sự hường dẫn của giảng viên phụ trách lâm sàng. Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP
Nội cơ sở:
Nội dung nhóm 1:

1. Hướng dẫn làm bệnh án Nội khoa. Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS học phần

Nội dung nhóm 2:

1. Khám lâm sàng tim mạch
2. Khám bệnh nhân suy tim
3. Lâm sàng Bệnh mạch vành
4. Lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp
5. Khám lâm sàng hô hấp
6. Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi
7. Khám bệnh nhân tràn khí màng phôi
8. Lâm sàng viêm phổi/ viêm phế quản
9. Khám và chẩn đoán vàng da

10. Khám và chẩn đoán cổ trướng
11. Lâm sàng xơ gan
12. Khám lâm sàng thận tiết niệu
13. Lâm sàng Hội chứng thận hư
14. Lâm sàng nhiễm khuẩn tiết niệu
15. Lâm sàng bệnh thận mạn
16. Lâm sàng viêm khớp dạng thấp
17. Lâm sàng Goute
18. Khám lâm sàng bệnh nhân đau lưng
19. Lâm sàng Đái tháo đường.
20. Lâm sàng Basedow
21. Lâm sàng Cushing
22. Lâm sàng/ Leucemia

Trong quá trình học nội dung nhóm 2 sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên) thực hiện công thăm khám bệnh nhân dưới sự hướng dẫn của giảng viện, xác định triệu chứng bệnh lý, đưa ra chẩn đoán tiềm năng, làm bệnh án, báo cáo ca bệnh và thỏa luận. Ngoài giờ giảng lâm sàng sinh viên chủ động thực hành các kỹ năng tiếp xúc người bệnh, khai thác bệnh sử, thực hiện thăm khám trên người bệnh, đưa ra chẩn đoán tiềm năng, chỉ định cần lâm sàng cơ bản, làm bệnh án trao đổi thảo luận trong nhóm lâm sàng. Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm kiến thức về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng lâm sàng nội khoa tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp, thận tiết niệu, nội tiết và huyết học. Kỹ năng thăm khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; Ở thời điểm kết thúc học phần, sinh viên có khả năng khai thác bệnh sử, tiền sử, khám lâm sàng nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên lâm sàng ở mức độ thực hiện có giám sát, làm tiền đề cho việc chẩn đoán một số bệnh lý nội khoa thường gặp ở các vòng sau.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương Hô hấp							
1.	Triệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp	2/0/4	Mô tả được các triệu chứng lâm sàng bệnh hô hấp	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2.	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh lý hô hấp	1/0/2	Trình bày được chỉ định, kỹ thuật, kết quả của một số phương pháp thăm dò cân lâm sàng bệnh hô hấp	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3.	Các hội chứng lâm sàng hô hấp	2/0/4	Mô tả được triệu chứng lâm sàng và trình bày được cận lâm sàng của các hội chứng lớn thường gặp trong bệnh hô hấp.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4.	Khám bệnh nhân khó thở	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám, triệu chứng và định hướng xác định nguyên nhân gây khó thở	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Chương Tim mạch							

5.	Triệu chứng lâm sàng bệnh lý tim mạch	2/0/4	Mô tả được triệu chứng lâm sàng, trình bày được nguyên nhân gây các triệu chứng bệnh tim mạch	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
6.	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng bệnh tim mạch	2/0/4	Biết cách đọc một số hình ảnh bình thường và một số rối loạn nhịp trên điện tâm đồ và mô tả được hình ảnh trung thất trên phim chụp Xquang tim mạch.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
7.	Khám bệnh nhân đau ngực	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám, triệu chứng và định hướng xác định nguyên nhân gây đau ngực.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
8.	Hội chứng suy tim	2/0/4	Mô tả được triệu chứng của hội chứng suy tim và xác định nguyên nhân của suy tim.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Chương Tiêu hóa							
9.	Khám bộ máy tiêu hóa (Lâm sàng và cận lâm sàng)	3/0/6	Mô tả được cách thăm khám, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bộ máy tiêu hóa	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
10.	Khám và chẩn đoán gan to	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám phát hiện và phân loại gan to	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường

			trên lâm sàng.	CLO4		2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	xuyên
11.	Khám bệnh nhân đau bụng	1/0/2	Mô tả được cách khám bệnh nhân đau bụng và định hướng xác định nguyên nhân của cơn đau bụng cấp và mạn	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
12.	Khám và chẩn đoán vàng da	2/0/4	Mô tả được cách thăm khám phát hiện triệu chứng vàng da và phân tích nguyên nhân gây vàng da.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
13.	Khám và chẩn đoán cổ trướng	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám phát hiện triệu chứng cổ trướng và xác định nguyên nhân gây cổ trướng.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
	Chương 4						
14.	Khám và chẩn đoán phù	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám phát hiện triệu chứng phù và phân tích nguyên nhân gây phù.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
15.	Triệu chứng học hệ tiết niệu (Lâm sàng và CLS)	3/0/6	Mô tả được triệu chứng của bệnh lý thận tiết niệu thường gặp.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu	Điểm thường xuyên

					huống.	hỏi	
16.	Các hội chứng hay gặp trong bệnh thận	2/0/4	Mô tả được triệu chứng của các hội chứng bệnh lý thận tiết niệu thường gặp.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
	Chương Nội tiết						
17.	Khám bệnh nhân nội tiết – Các thăm dò CLS cơ bản trong chẩn đoán bệnh nội tiết.	2/0/4	Mô tả được cách thăm khám phát hiện triệu chứng của một số bệnh nội tiết	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
18.	Triệu chứng học bệnh lý tuyến giáp	2/0/4	Mô tả được hội chứng nhiễm độc giáp và hội chứng suy giáp	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
19.	Triệu chứng học bệnh đái tháo đường (ĐTĐ)	2/0/4	Mô tả được triệu chứng cảu ĐTĐ và liệt kê được phân loại, biến chứng của đái tháo đường	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Chương Huyết học							
20.	Khám và chẩn đoán sốt	2/0/4	Mô tả được cách thăm khám phát hiện triệu chứng sốt và xác định nguyên nhân gây sốt.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

21.	Hội chứng xuất huyết	2/0/4	Mô tả được các hình thái xuất huyết trên lâm sàng Liệt kê được nguyên nhân xuất huyết và các xét nghiệm cần làm để chẩn đoán nguyên nhân xuất huyết	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
22.	Hội chứng thiếu máu	2/0/4	Mô tả được triệu chứng lâm sàng của hội chứng thiếu máu. Liệt kê được các nguyên nhân thiếu máu và các xét nghiệm cần làm để chẩn đoán	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
23.	Khám và chẩn đoán lách to	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám phát hiện và phân độ lách to. Liệt kê được các xét nghiệm cần làm để thăm dò chẩn đoán lách to.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
24.	Khám và chẩn đoán hạch to	1/0/2	Mô tả được cách thăm khám phát hiện hạch to và liệt kê được các xét nghiệm cần làm để thăm dò chẩn đoán hạch to.	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Chương Cơ xương khớp							
25.	Triệu chứng học bộ máy vận động (LS và CLS)	4/0/8	Hiểu được triệu chứng lâm sang, cận lâm sàng hệ cơ, hệ xương, hệ khớp	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

26.	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Nhận định triệu chứng, lập luận chẩn đoán ban đầu và chỉ định	CLO1 CLO3		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. Tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (LS/TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP 2.Hướng dẫn làm bệnh án Nội khoa	2/0/1	Viết được hồ sơ bệnh án Nội khoa	CLO2	Bảng, phấn, máy chiếu	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2.	Khám lâm sàng tim mạch	4/0/2	Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám tim mạch theo trình tự và đúng cách	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3.	Khám bệnh nhân	2/0/1	1. Thực hiện được khai	CLO2	Bảng, bút,	Dạy học bên	1.Tự học: như	Điểm

	suy tim		thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
4.	Lâm sàng Bệnh mạch vành	4/0/2	1. Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5.	Lâm sàng bệnh nhân tăng huyết áp	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể,	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			nhận xét, đánh giá					
6.	Khám lâm sàng hô hấp	2/0/1	Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám hô hấp theo trình tự và đúng cách	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7.	Khám bệnh nhân tràn dịch màng phổi	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8.	Khám bệnh nhân tràn khí màng phôi	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể,	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			nhận xét, đánh giá					
9.	Lâm sàng viêm phổi/ viêm phế quản	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10.	Khám và chẩn đoán vàng da	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu vàng da và dấu hiệu bất thường khác nếu có và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
11.	Khám và chẩn đoán cổ trướng	4/0/2	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu cổ trướng và dấu hiệu bất thường khác nếu có và đề	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo	Điểm thường xuyên

			xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				luận, nhận xét, đánh giá	
12.	Lâm sàng xơ gan	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
13.	Khám lâm sàng thận tiết niệu	4/0/2	Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám thận tiết niệu theo trình tự và đúng cách	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
14.	Lâm sàng Hội chứng thận hư	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn	Điểm thường xuyên

			đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			kiểm	khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
15.	Lâm sàng nhiễm khuẩn tiết niệu	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
16.	Lâm sàng bệnh thận mạn	4/0/2	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
17.	Lâm sàng viêm khớp dạng thấp	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

			biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		Máy đo huyết áp	case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
18.	Lâm sàng Goute	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
19.	Khám lâm sàng bệnh nhân đau lưng	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp Thước dây	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

20.	Lâm sàng Đái tháo đường.	4/0/2	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
21.	Lâm sàng Basedow	4/0/2	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
22.	Lâm sàng Cushing	2/0/1	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo	Điểm thường xuyên

			sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				luận, nhận xét, đánh giá	
23.	Lâm sàng/ Leucemia	4/0/2	1.Thực hiện được khai thác triệu chứng và thăm khám theo trình tự, nhận biết được dấu hiệu bất thường và đề xuất chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng phù hợp với chẩn đoán 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO3 CLO4	Bảng, bút, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, thảo luận, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
24.	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
25.	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/10/0		CLO2 CLO3 CLO4				Điểm thi LS
26.	Thi vấn đáp	0/8/0		CLO3 CLO4				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.4. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.5. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá quá trình – lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 10 buổi.	Đi học < 11 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 11 buổi, không đi muộn	Đi học 12 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học đủ 12 buổi .	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 – 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá quá trình – lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	30%

Rubric 3: Lượng giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	40%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	30%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.6. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO2 CLO3 CLO4	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	70 %	49	15	20	10	4
CLO3	30 %	21	6	9	4	2
Tổng	100%	70	21	29	14	6

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)
Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)
Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

- Giáo trình học tập:

  Bài giảng Nội cơ sở, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

1. Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Triệu chứng học tập 2 (2021), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI CƠ SỞ Y HỌC HIỆN ĐẠI

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần/mô đun: Ngoại cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Việt: Ngoại cơ sở Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Basic Surgery in Modern Medicine

- Mã học phần: MEDI 3104

- Số tín chỉ: 02 LT / 02 LS

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 60 tiết

+ Kiểm tra/ thi: Lý Thuyết: 03 tiết; Thực hành: 12 tiết

+ Thời gian tự học: 90 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên Y học cổ truyền năm thứ 3

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☑						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: 0

+ Học phần song hành: 0

+ Học phần học trước (đã học): Dược lý đại cương; Tiền lâm sàng 2, Phẫu thuật thực hành.

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Ngoại	Phamthaihung73@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Văn Trường	0907022777	Ngoại	Dr.nguyenvantruong@gmail.
3	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Ngoại	Duongpv1104@gmail.com
4	ThS Phạm Quang Khải	0394596999	Ngoại	Quangkhaipham96@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Môn Ngoại cơ sở là một phần trong chương trình đào tạo bác sĩ y học cổ truyền, giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý ngoại khoa. Mục tiêu cụ thể của học phần:

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm giải phẫu, sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để khám phát hiện triệu chứng, hội chứng về bệnh lý ngoại khoa thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường.
MT HP2	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.
MT HP 3	Làm được hồ sơ bệnh án ngoại khoa và một số thủ thuật cơ bản, Sơ cứu bước đầu một số cấp cứu ngoại thường gặp.
MT HP 4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm. Thể hiện sự cẩn trọng, tỉ mỉ và chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng, tôn trọng các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh. Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và trao đổi, thảo luận chuyên môn

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2	2	2	1		
MT HP2	1	3	2	2	2	2
MT HP3		1	2	2	2	2
MT HP4					2	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí về bệnh lý ngoại khoa.
CLO2	Vận dụng được kiến thức trong thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường. Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường
CLO3	Làm hoàn chỉnh được bệnh án ngoại khoa
CLO4	Cấp cứu ban đầu bệnh nhân
CLO5	Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp và trao đổi, thảo luận chuyên môn khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh. Giao tiếp được với người nhà, người bệnh và

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3		2	1	1	1									1		
CLO 2	3		2	1	1	1									1		
CLO 3	2		2	1	1	1									1		
CLO 4	2		2	1	1	1									1		
CLO 5	1		1	1	1	1									1		

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: Máy tính, máy chiếu, loa, mic, tranh ảnh.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Mô hình, tranh ảnh, máy chiếu
2	Thiết bị mô phỏng, Bệnh nhân
3	Phòng bệnh

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp. Chủ động thực hành luyện tập các kỹ năng; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nhóm để đảm bảo phối hợp hiệu quả; học hỏi, nghiên cứu và phát triển bản thân trong suốt sự nghiệp y khoa.

❖ Lý thuyết

Mẫu bệnh án ngoại khoa

Nội dung thảo luận:

- Bệnh án ngoại khoa khác gì so với bệnh án nội khoa?
- Các bước quan trọng trong việc thu thập thông tin bệnh nhân ngoại khoa?
- **Nội dung bệnh án ngoại khoa (30 phút)**
- Các lỗi thường gặp khi lập bệnh án ngoại khoa.
- Chia sẻ kinh nghiệm, bài học rút ra.

Đại cương gãy xương

Nội dung thảo luận:

- Nguyên nhân phổ biến nhất gây gãy xương là gì?
- Phân loại gãy xương
- Cơ chế lành xương và nguyên tắc điều trị
- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến tốc độ lành xương?

Bài khám bụng ngoại khoa

Tình huống: Nam 24 tuổi, nhập viện vì đau bụng vùng hố chậu phải 8 giờ. Đau khởi phát quanh rốn, sau đó khu trú hố chậu phải, tăng khi vận động, không nôn, không tiêu chảy.

Yêu Cầu Thảo Luận: Sinh viên thảo luận cách khám bụng ngoại khoa để xác định nguyên nhân đau: Nhìn: Sờ, Gõ,Nghe; các dấu hiệu đặc biệt:McBurney, Blumberg, Rovsing có ý nghĩa gì?

Khám chấn thương – vết thương ngực

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 35 tuổi, bị đâm bằng dao trong một vụ xô xát. Bệnh nhân tỉnh nhưng than phiền đau nhiều vùng ngực trái, khó thở tăng dần.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 120 lần/phút
  - Huyết áp: 85/60 mmHg
  - Nhịp thở: 28 lần/phút
  - SpO_2: 90% khi thở khí phòng
- **Quan sát vết thương:**
  - Một vết thương dài 3 cm ở khoang liên sườn 4, đường nách trước bên trái.
  - Máu chảy ít nhưng có bọt khí xuất hiện ở vết thương.
- **Khám lồng ngực:**
  - Lồng ngực trái di động kém hơn bên phải.
  - Rì rào phế nang giảm bên trái; Gõ vang hơn ở vùng phổi trái; Dấu hiệu tĩnh mạch cổ nổi.

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương
   - Các dấu hiệu nào gợi ý tổn thương nguy hiểm ở bệnh nhân này?
   - Những biến chứng có thể gặp trong chấn thương ngực kín và chấn thương ngực hở?
2. Cách khám bệnh nhân chấn thương ngực
   - Các bước đánh giá ban đầu theo nguyên tắc **ABCDE** trong cấp cứu?
3. Cận lâm sàng cần thực hiện
   - X-quang ngực có giá trị gì trong đánh giá bệnh nhân này?
   - Khi nào cần làm siêu âm FAST hoặc CT scan ngực?

Khám chấn thương sọ não

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 28 tuổi, bị tai nạn giao thông do va chạm xe máy với ô tô. Bệnh nhân được đưa vào viện trong tình trạng lơ mơ, có vết thương vùng trán chảy máu.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 100 lần/phút
  - Huyết áp: 140/90 mmHg
  - Nhịp thở: 22 lần/phút
  - SpO_2: 96% khi thở khí phòng
- **Quan sát vết thương:**
  - Một vết rách dài 5 cm ở vùng trán, chảy máu nhiều.
  - Sờ thấy bờ xương không đều, có thể lộ xương.
- **Thần kinh:**
  - Bệnh nhân lơ mơ, Glasgow Coma Scale (GCS) = 11 điểm (M: 5, V: 3, E: 3).
  - Đồng tử bên trái giãn nhẹ, phản xạ ánh sáng chậm hơn bên phải.
  - Có dấu hiệu chảy dịch màu trong qua mũi.

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương
   - Các dấu hiệu nào gợi ý chấn thương sọ não nặng?
   - Dịch trong chảy qua mũi có thể là gì?

Cách khám bệnh nhân chấn thương sọ não

- Đánh giá **Glasgow Coma Scale (GCS)** để phân loại mức độ tổn thương?
- Làm thế nào để phát hiện dấu hiệu tăng áp lực nội sọ?

Cận lâm sàng cần thực hiện

- Chỉ định chụp CT scan sọ não trong trường hợp này?
- Khi nào cần chụp X-quang sọ não hoặc siêu âm FAST?

Hướng xử trí

- Các bước sơ cứu ban đầu cho bệnh nhân chấn thương sọ não?

Khám chi – cột sống – xương chậu

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 40 tuổi, bị tai nạn giao thông do va chạm với ô tô khi đang đi xe máy. Bệnh nhân được đưa vào viện trong tình trạng đau nhiều ở lưng, không thể cử động chân và có vết thương chảy máu ở đùi phải.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 110 lần/phút
  - Huyết áp: 100/70 mmHg
  - Nhịp thở: 24 lần/phút
  - SpO_2: 97% khi thở khí phòng
- **Quan sát tổn thương:**
  - Vết thương sâu 5 cm ở đùi phải, chảy máu nhiều.
  - Hai chân có sự mất cân xứng về chiều dài, chân phải ngắn hơn và xoay ngoài.
  - Bệnh nhân không thể nâng chân hoặc co duỗi khớp gối phải.
- **Khám thần kinh - cột sống:**
  - Bệnh nhân than phiền đau nhiều vùng lưng dưới.
  - Mất cảm giác và vận động hoàn toàn từ ngang rốn trở xuống.
  - Phản xạ gân gót và gối giảm.

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương

- Các dấu hiệu nào gợi ý gãy xương chậu hoặc cột sống?
- Bệnh nhân này có nguy cơ tổn thương thần kinh tủy sống không?

2. Cách khám bệnh nhân chấn thương chi, cột sống, xương chậu

- Nguyên tắc khám tổn thương chi thể: nhìn - sờ - đo - vận động - tuần hoàn - thần kinh?
- Các dấu hiệu mất vững cột sống cần lưu ý khi khám?
- Làm thế nào để đánh giá tổn thương thần kinh trong gãy xương chi?

Khám hậu môn trực tràng

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 55 tuổi, nhập viện vì đau vùng hậu môn, đi ngoài ra máu đỏ tươi kèm cảm giác mót rặn. Bệnh nhân cho biết tình trạng này xuất hiện khoảng 3 ngày nay, đau tăng khi đi đại tiện.

Khám lâm sàng

- **Bệnh sử:**
  - Không có tiền sử bệnh lý hậu môn trực tràng trước đây.
  - Không sốt, không sụt cân, không tiền sử rối loạn đại tiện kéo dài.
  - Không chấn thương vùng hậu môn gần đây.
- **Khám hậu môn – trực tràng:**

- Quan sát: Vùng hậu môn có vết nứt nhỏ, rỉ máu. Không thấy khối sa ra ngoài.
- Thăm trực tràng:
  - Cảm giác đau nhiều khi đưa ngón tay vào.
  - Niêm mạc trực tràng còn mềm, không thấy khối u.
  - Phát hiện tăng trương lực cơ thắt hậu môn.
- Soi hậu môn – trực tràng: Niêm mạc trực tràng bình thường, không có dấu hiệu polyp hay khối u.

Câu hỏi thảo luận

- Các triệu chứng gợi ý bệnh lý nào ở hậu môn – trực tràng?
- Các dấu hiệu phân biệt **nứt hậu môn, trĩ nội, trĩ ngoại, áp xe hậu môn, ung thư trực tràng**?
- Khi nào cần cảnh giác với bệnh lý ác tính?

Khám hệ tiết niệu

Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 42 tuổi, nhập viện vì đau vùng hông lưng bên phải đột ngột, dữ dội, lan xuống vùng bẹn. Bệnh nhân kèm theo buồn nôn, tiểu rắt, tiểu máu nhẹ.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 95 lần/phút
  - Huyết áp: 140/85 mmHg
- **Bệnh sử:**
  - Cơn đau khởi phát đột ngột, dữ dội vùng hông lưng phải, không tư thế giảm đau.
  - Đau lan xuống bẹn phải, cảm giác căng tức bàng quang.
  - Tiểu buốt, tiểu rắt, nước tiểu có màu hồng nhẹ.
  - Tiền sử sỏi thận 2 năm trước, đã điều trị bảo tồn.
- **Khám bụng:**
  - Không có dấu hiệu phản ứng thành bụng.
  - Ấn điểm niệu quản giữa và dưới bên phải đau chói.
  - Dấu hiệu **chạm thận (+), bập bềnh thận (-)**.
  - Gõ hông lưng phải đau (+).

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương

- Các triệu chứng nào gợi ý **cơn đau quặn thận**?
- Cách phân biệt **đau quặn thận** với các nguyên nhân khác như viêm ruột thừa, đau cột sống thắt lưng?
- Tại sao bệnh nhân có triệu chứng **tiểu máu** và **tiểu rắt**?

2. Cách khám bệnh nhân đau quặn thận

- Các điểm đau quan trọng khi khám: **điểm sườn lưng, điểm niệu quản trên – giữa – dưới**?
- Tại sao cần khám **bàng quang, tinh hoàn (ở nam) hoặc cơ quan sinh dục nữ** khi nghi ngờ đau quặn thận?
- Khi nào cần làm nghiệm pháp **chạm thận, bập bềnh thận**?

Hội chứng chảy máu trong

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị tai nạn giao thông do va chạm xe máy với ô tô. Bệnh nhân tỉnh nhưng than đau nhiều vùng bụng, chóng mặt, da nhợt nhạt.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 115 lần/phút (tăng)
  - Huyết áp: 90/60 mmHg (tụt)
  - Nhịp thở: 26 lần/phút
  - SpO_2: 98% khi thở khí phòng
- **Bệnh sử:**
  - Bệnh nhân than đau bụng nhiều, đau tăng dần sau tai nạn.
  - Cảm giác chóng mặt, buồn nôn, vã mồ hôi.
  - Không có vết thương hở vùng bụng, nhưng có bầm tím vùng hạ sườn trái.
- **Khám bụng:**
  - Bụng chướng nhẹ, co cứng vùng hạ sườn trái.
  - Gõ đục vùng thấp, phản ứng thành bụng (+).
  - Dấu hiệu **Morrison (+)** trên siêu âm FAST (có dịch tự do trong ổ bụng).

Câu hỏi thảo luận

- Các triệu chứng nào gợi ý **chảy máu trong ổ bụng**?
- Các cơ quan nào dễ bị tổn thương nhất trong chấn thương bụng kín?
- Nguyên tắc khám bụng trong chấn thương: **nhìn – sờ – gõ – nghe – nghiệm pháp**?
- Khi nào cần làm **dấu hiệu Blumberg, dấu hiệu Cullen, dấu hiệu Grey Turner**?
- Khi nào chỉ định **siêu âm FAST, CT scan bụng có cản quang**?

Hội chứng tắc ruột

Tình huống:Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 65 tuổi, nhập viện vì đau bụng từng cơn, chướng bụng và nôn nhiều. Bệnh nhân có tiền sử phẫu thuật cắt dạ dày do loét dạ dày cách đây 10 năm và thường xuyên ăn nhiều trái cây có nhiều chất xơ không tan như hồng ngâm.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 90 lần/phút
  - Huyết áp: 125/80 mmHg
  - Nhịp thở: 20 lần/phút
  - Nhiệt độ: 37°C
- **Bệnh sử:**
  - Đau bụng quặn từng cơn vùng thượng vị lan xuống quanh rốn.
  - Chướng bụng, cảm giác đầy bụng sau ăn.
  - Nôn nhiều, nôn ra dịch thức ăn cũ, không sốt.
  - Chưa đi ngoài trong 2 ngày qua.
- **Khám bụng:**
  - Bụng chướng, nhu động ruột tăng mạnh, có tiếng óc ách.
  - Không có phản ứng thành bụng.
  - Dấu hiệu **Bouveret (+)** (tắc ruột do bã thức ăn).
  - Thăm trực tràng: không có phân trong trực tràng.

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương

- Các triệu chứng nào gợi ý **tắc ruột**
- Tại sao bệnh nhân có tiền sử **phẫu thuật cắt dạ dày** dễ bị tắc ruột do bã thức ăn?

2. Các bước khám bệnh nhân tắc ruột

- Khi nào cần **sờ nắn bụng để tìm khối cứng nghi ngờ bã thức ăn**?
- Dấu hiệu nào gợi ý nguy cơ hoại tử ruột, cần phẫu thuật cấp cứu?
- Tại sao cần đánh giá hậu môn – trực tràng khi nghi ngờ tắc ruột?

3. Cận lâm sàng cần thực hiện

- Ý nghĩa của **X-quang bụng không chuẩn bị: mức hơi – dịch ruột non**?
- Khi nào cần chỉ định **CT scan bụng có cản quang để xác định vị trí tắc**?

4. Biện pháp **dự phòng tắc ruột do bã thức ăn** ở bệnh nhân có tiền sử phẫu thuật dạ dày?

Hội chứng viêm phúc mạc

Tình huống: Khoa cấp cứu tiếp nhận một bệnh nhân nam, 50 tuổi, nhập viện vì đau bụng dữ dội, sốt và buồn nôn. Bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày tá tràng nhưng chưa điều trị triệt để.

Khám lâm sàng

- **Dấu hiệu sinh tồn:**
  - Mạch: 110 lần/phút
  - Huyết áp: 95/60 mmHg
  - Nhiệt độ: 38.5°C
- **Bệnh sử:**
  - Đau bụng đột ngột, dữ dội vùng thượng vị, sau lan ra khắp bụng.
  - Bụng căng cứng, đau liên tục, không giảm khi thay đổi tư thế.
  - Buồn nôn, sốt cao, không trung tiện.
  - Tiền sử viêm loét dạ dày nhưng chưa nội soi kiểm tra gần đây.
- **Khám bụng:**
  - Bụng chướng, căng cứng như gỗ.
  - **Dấu hiệu phản ứng thành bụng (+)**, gõ đau khắp bụng.
  - **Dấu hiệu Blumberg (+)** (đau dội ngược).
  - **Gõ đục vùng thấp** (có thể có dịch ổ bụng).

Câu hỏi thảo luận

1. Nhận định tổn thương

- Các triệu chứng nào gợi ý **hội chứng viêm phúc mạc**?
- Nguyên nhân thường gặp của viêm phúc mạc nguyên phát và thứ phát?

2. Các bước khám bệnh nhân viêm phúc mạc

- Vai trò của **phản ứng thành bụng, dấu Blumberg, gõ đục vùng thấp** trong chẩn đoán?
- Khi nào cần **khám trực tràng, âm đạo (ở nữ)** để tìm nguyên nhân viêm phúc mạc?
- Dấu hiệu nào gợi ý viêm phúc mạc có **shock nhiễm trùng (tụt huyết áp, vã mồ hôi, thiểu niệu, rối loạn ý thức)?**

Lâm sàng

Bài: Hướng dẫn làm bệnh án Ngoại khoa:

Ôn lại cách làm bệnh án

Tự làm bệnh án

Bài. Đại cương gãy xương:

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài thực hành Khám bụng ngoại khoa

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Bài thực hành Khám chấn thương – vết thương ngực

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Bài thực hành Khám chi – cột sống – xương chậu

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Bài thực hành Khám hậu môn trực tràng

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Bài thực hành Khám hệ tiết niệu

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Khám lâm sàng Hội chứng chảy máu trong

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Khám lâm sàng Hội chứng tắc ruột

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.
- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN,làm bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

Khám lâm sàng Hội chứng viêm phúc mạc

- Đọc tài liệu trước khi đi thực tập.

- Làm việc nhóm (tối đa 10 SV): Khám BN,làm bệnh án, trình bày trong buổi học.

- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng

6.2.4 Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên cần tham gia học đủ:

+ Tối thiểu 80% giờ học lý thuyết

+ 100% số giờ thực hành.

+ Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần

Học phần NGOẠI CƠ SỞ YHHĐ cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thăm khám, nhận biết triệu chứng, hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về vô khuẩn, tiệt khuẩn trong ngoại khoa, cũng như nguyên tắc sơ cứu ban đầu đối với một số cấp cứu ngoại khoa phổ biến.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, thăm khám và phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh thuộc hệ tiêu hóa, lồng ngực, mạch máu, cũng như nhiễm khuẩn trong ngoại khoa. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên nhận diện triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình và ngoại niệu thường gặp.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thực hành sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa, áp dụng phương pháp luận khoa học trong công tác chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và nghiên cứu khoa học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Mẫu bệnh án ngoại khoa	2/0/4	Làm được bệnh án ngoại khoa	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2.	Đại cương gãy xương	2/0/4	- Phân tích được nguyên nhân, biến chứng, di chứng của người bệnh gãy xương. - Mô tả được triệu chứng, hướng điều trị người bệnh gãy xương.	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên
3.	Khám bụng ngoại khoa	04/0/8	- Trình bày được cách phân chia ổ bụng - Khám, phát hiện được các dấu hiệu bụng ngoại khoa, điểm đau ngoại khoa	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên

			-Phân tích được nguyên tắc khám bụng ngoại khoa				
4.	Khám chấn thương – vết thương ngực	04/08	- Phân tích được các triệu chứng của chấn thương và vết thương ngực. - Thăm khám lâm sàng được cơ quan hô hấp - Liệt kê được các loại tổn thương hay gặp trong chấn thương và vết thương ngực - áp dụng được nguyên tắc, sơ cứu, bệnh nhân bị chấn thương, vết thương ngực	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên
5.	Khám chấn thương sọ não	02/0/4	- Phân tích được các nguyên tắc thăm khám bệnh nhân chấn thương sọ não. - Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân chấn thương sọ não. - Trình bày đươc các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng của chấn thương sọ não	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên
6.	Khám chi – cột sống – xương	04/0/8	- **Áp dụng** được trình tự khám bệnh nhân chấn thương chỉnh	CLO1 đến	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

	chậu		hình. - Trình bày được cách khám chi. -Trình bày được cách khám xương chậu. - Trình bày được cách khám cột sống	CLO6	học, thuyết trình ngắn có minh họa	2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	
7.	Khám hậu môn trực tràng	02/1/4	Vận dụng được đặc điểm giải phẫu cơ bản của hậu môn, trực tràng trong thăm khám. - Thực hiện được thăm khám hậu môn trực tràng - Phát hiện được một số bệnh lý vùng hậu môn trực tràng.	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên Kểm tra giữa học phần: nội dung bài 1- 9
8.	Khám hệ tiết niệu	04/0/8	- Trình bày được đặc điểm giải phẫu cơ bản, sinh lí hệ tiết niệu - Mô tả được các triệu chứng của cơ quan tiết niệu - Thăm khám phát hiện được bệnh lý tiết niệu và cơ quan sinh dục	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên
9.	Hội chứng chảy máu trong	02/0/4	- Liệt kê được các nguyên nhân gây chảy máu trong. - Trình bày được sinh lí, sinh lí bệnh của mất máu cấp.	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

			- Khám phát hiện được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng mất máu cấp - Trình bày được nguyên tắc điều trị theo nguyên nhân mất máu trong, dự phòng phát hiện sớm hội chứng mất máu.			Thảo luận tình huống.	
10.	Hội chứng tắc ruột	04/0/8	- Phân tích được sinh lí bệnh của tắc ruột - Liệt kê được các nhóm nguyên nhân gây tắc ruột - Phát hiện được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của tắc ruột cơ học - Trình bày được hướng xử trí tắc ruột cơ học	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên
11.	Hội chứng viêm phúc mạc	02/0/4	- Vận dụng được đặc điểm giải phẫu cơ bản, sinh lí phúc mạc để giải thích diễn biến VPM - Trình bày được các nguyên nhân viêm phúc mạc. - Thăm khám phát hiện được viêm phúc mạc.	CLO1 đến CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi Thảo luận tình huống.	Điểm thường xuyên

Theo lịch thi	Thi kết thúc học phần	02	Các nội dung đã học				Thi trắc nghiệm trên phần mềm Itest

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Mẫu bệnh án ngoại khoa	4/0/2	Làm được BA Ngoại khoa		Bảng, phấn Bệnh án mẫu	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
2.	Đại cương gãy xương	04/2/2	- Khám phát hiện được triệu chứng người bệnh gãy xương	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn Ống nghe	Thuyết trình, thảo luận nhóm,	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy	Điểm thường

			Đề xuất được hướng xử trí người bệnh gãy xương.		Phòng khám. Phòng bó bột	tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật, bảng kiểm Đóng vai người bệnh	khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	xuyên
3.	Thực hành Khám bụng ngoại khoa	08/0/4	- Thực hiện được phân chia ổ bụng trên bệnh nhân - Sử dụng được nguyên tắc khám bụng ngoại khoa - Khám, phát hiện được các dấu hiệu bụng ngoại khoa, điểm đau ngoại khoa	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn Ống nghe	Thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật; bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	Điểm thường xuyên
4.	Thực hành Khám chấn thương – vết thương ngực	08/0/4	- Diễn giải được các triệu chứng của chấn thương và vết thương ngực. - Thăm khám được cách lâm sàng cơ quan hô hấp - Liệt kê được các loại tổn thương hay gặp trong chấn thương và vết thương ngực - sơ cứu, cấp cứu được bệnh nhân bị chấn thương, vết thương ngực	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật; Bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	Điểm thường xuyên
5.	Thực hành Khám	04/0/2	- Liệt kê các nguyên tắc thăm	CLO1 đến	Bảng, phấn	Thuyết trình,	Thuyết trình, thảo	Điểm

	chấn thương sọ não		khám bệnh nhân chấn thương sọ não. - Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân chấn thương sọ não. - Mô tả đươc các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng của chấn thương sọ não	CLO6		thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật; Bảng kiểm đóng vai	luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	thường xuyên
6.	Thực hành Khám chi – cột sống – xương chậu	08/0/4	- Áp dụng được trình tự khám cột sống. - Áp dụng được đặc điểm trong khám chi. - Áp dụng được đặc điểm trong khám xương chậu.	CLO1 đến CLO6	Ống nghe	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật; bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	Điểm thường xuyên
7.	Thực hành Khám hậu môn trực tràng	04/0/2	- Thực hiện được thăm khám hậu môn trực tràng - Phát hiện được một số bệnh lý vùng hậu môn trực tràng.	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	Điểm thường xuyên; Chấm bệnh án
8.	Khám lâm sàng Khám hệ tiết niệu	08/0/4	- Mô tả được các triệu chứng của cơ quan tiết niệu - Thăm khám để phát hiện được bệnh lý tiết niệu và cơ	CLO1 đến CLO6	Ống nghe	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên	Điểm thường xuyên

			quan sinh dục			trên bệnh nhân thật, bảng kiểm, đóng vai	bệnh nhân thật; đóng vai	
9.	Khám lâm sàng Hội chứng chảy máu trong	04/0/2	- Liệt kê được các nguyên nhân gây chảy máu trong. - Trình bày được sinh lí, sinh lí bệnh của mất máu cấp. - Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng mất máu cấp - Trình bày được nguyên tắc điều trị theo nguyên nhân mất máu trong, dự phòng phát hiện sớm hội chứng mất máu.	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật;bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật	Điểm thường xuyên
10.	Khám lâm sàng Hội chứng tắc ruột	08/0/2	- Phân tích được sinh lí bệnh của tắc ruột - Liệt kê được các nhóm nguyên nhân gây tắc ruột - Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của tắc ruột cơ học - Trình bày được hướng xử trí tắc ruột cơ học	CLO1 đến CLO6	Bảng, phấn	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động não, thực hành trên bệnh nhân thật, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật	Điểm thường xuyên
11.	Khám lâm sàng Hội chứng viêm phúc mạc	04/0/2	- Trình bày được đặc điểm giải phẫu cơ bản, sinh lí phúc mạc. - Trình bày được các nguyên	CLO1 đến CLO6	Ống nghe	Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh luận, động	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng	

			nhân viêm phúc mạc. - Trình bày được các cách thăm khám để phát hiện viêm phúc mạc.			não, thực hành trên bệnh nhân thật;bảng kiểm, đóng vai	bệnh nhân trên bệnh nhân thật; đóng vai	
12.	Làm BA thi	0/4/0		CLO3		Bốc bệnh nhân tại khoa Lâm sàng	Khám bệnh và làm bệnh án tại khoa thi lâm sàng	Điểm thi LS
13.	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5		Hỏi thi LS	Thực hiện trên BN	Điểm thi LS
14.	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5		Hỏi thi LS	Trả lời	Điểm thi LS

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: đánh giá học lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <12uổi.	Đi học <14 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <15 buổi, không đi muộn	Đi học < 16 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 16 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: đánh giá học lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**

		khoa LS	cầu của khoa LS			
Chỉ tiêu lâm sàng	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	30%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	10%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: Đánh giá thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- **Phần thi lý thuyết**: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60; Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	40 %	24	8	10	6
CLO2	60 %	36	10	16	10
Tổng	100%	60	18	26	16

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)
Bậc 2: Áp dụng)
Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

- **Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3**

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

- Điểm đạt: ≥ 40
- Điểm chưa đạt: < 40

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ngoại 2021. *Ngoại cơ sở.* Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Ngoại 2024. *Ngoại cơ sở*. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, *NXB Y học*.

[2]Hà Văn Quyết (2006). *Bài giảng bệnh học Ngoại khoa, Tập 1,2, Hà Nội, NXB Y học*.

[3] Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa, tập 1. Trường đại học Y Hà Nội

[4] Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa, tập 1. Trường đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện theo hướng dẫn

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI BỆNH LÝ YHHĐ

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nội bệnh lý YHHĐ

* Tiếng Anh: Modern medical pathology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4105

- Số tín chỉ: 5 (LT: 03 / TH: 02)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết

+ Lý thuyết: 45 iết

+ Lâm sàng : 60 tiết

+ Kiểm tra: 25 tiết

+ Thời gian tự học: 120 giờ

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành YHCT năm thứ 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh, nội cơ sở, ngoại cơ sở.

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
9.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
10.	Ths.BSCKII.Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
11.	Ths.Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
12.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
13.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com

14.	PGS. Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	twyenht@gmail.com
15.	TS.Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
16.	TS.Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
17.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Chẩn đoán, xây dựng được kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp cho một số bệnh nội khoa bệnh thường gặp.
MT2	Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, xây dựng chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân và đưa ra hướng điều trị, và chương trình điều trị cụ thể trên người bệnh cụ thể một số bệnh lý nội khoa thường gặp.
MT3	Tuân thủ qui định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	3	3				
MT2	3	3				
MT3			2			1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân một số bệnh nội khoa bệnh thường gặp trên tình huống giả định..
CLO2	Đưa ra được kế hoạch điều trị và dự phòng phù hợp với chẩn đoán cho một số bệnh nội khoa bệnh thường gặp trên tình huống giả định..
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: làm điện tâm đồ, đo dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền, thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh trên người bệnh cụ thể một số bệnh lý nội khoa thường gặp.

CLO4	Tuân thủ qui định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp. Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3		3	3	2	2											
CLO2	3		3	3	2	2											
CLO 3	3		3	3	2	2											
CLO 4														2			2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Bệnh học nội khoa (tài liệu lưu hành nội bộ), tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2;

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Nhiệt kế
5	Thước dây

Phòng học lâm sàng có bảng, bút viết bảng, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phòng bệnh ít nhất 3 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.1, 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Phần tim mạch:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Suy tim
2. Bệnh van hai lá
3. Bệnh van động mạch chủ
4. Cơn đau thắt ngực - Nhồi máu cơ tim
5. Tăng huyết áp

- Nội dung thảo luận:

1. Một bệnh nhân nam 65 tuổi, có tiền sử tăng huyết áp và đái tháo đường type 2, nhập viện vì khó thở tăng dần trong 2 tuần qua. Bệnh nhân cảm thấy mệt mỏi, khó thở khi gắng sức, ho về đêm và phù chân. Khi khám, thấy tĩnh mạch cổ nổi, phù ấn lõm hai chân, ran ẩm hai đáy phổi, nhịp tim nhanh 96 lần/phút, huyết áp 130/80 mmHg. Điện tâm đồ cho thấy rung nhĩ, siêu âm tim phát hiện phân suất tống máu (EF) 35%. BNP tăng cao.

   Câu hỏi:

   1. Chẩn đoán suy tim:
   • Các triệu chứng và dấu hiệu nào trong tình huống này gợi ý bệnh nhân bị suy tim?
   • Phân suất tống máu (EF) 35% có ý nghĩa gì trong phân loại suy tim?
   • Những xét nghiệm nào cần làm thêm để xác định nguyên nhân gây suy tim?
   2. Phân loại suy tim:
   • Bệnh nhân này thuộc nhóm suy tim phân suất tống máu giảm (HFrEF) hay bảo tồn (HFpEF)?
   • Theo phân loại NYHA, bệnh nhân này ở giai đoạn nào?
   3. Điều trị suy tim:
   • Những nhóm thuốc nào cần chỉ định cho bệnh nhân này?
   • Cách lựa chọn và điều chỉnh liều thuốc chẹn beta, ức chế men chuyển (ACEi) hoặc ức chế thụ thể angiotensin-neprilysin (ARNI)?
   • Khi nào cần sử dụng lợi tiểu, và những lưu ý khi sử dụng?
   • Có vai trò của thuốc kháng aldosterone (spironolactone) trong điều trị không?
   • Bệnh nhân có rung nhĩ, cần cân nhắc gì về chống đông máu?

2. Bệnh nhân nam, 55 tuổi, nhập viện vì đau đầu, chóng mặt và mệt mỏi kéo dài 1 tuần. Bệnh nhân có tiền sử tăng huyết áp 5 năm nhưng không điều trị thường xuyên. Khi khám, huyết áp đo được 170/100 mmHg, nhịp tim 88 lần/phút, BMI 28 kg/m². Khám mắt thấy dấu hiệu hẹp động mạch võng mạc. Tim không có tiếng thổi, phổi không ran bất thường.Xét nghiệm cận lâm sàng ghi nhận: Creatinin máu 1.4 mg/dL, kali 3.2 mmol/L; Đường huyết lúc đói 130 mg/dL, HbA1c 6.8%; Điện tâm đồ cho thấy dấu hiệu dày thất trái; Siêu âm tim ghi nhận phì đại thất trái, chức năng tâm thu bảo tồn; Tổng phân tích nước tiểu có vi đạm niệu (+)

   Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và phân loại tăng huyết áp

• Dựa vào tiêu chuẩn chẩn đoán, bệnh nhân này thuộc giai đoạn tăng huyết áp nào?

• Bệnh nhân có dấu hiệu của tăng huyết áp nguyên phát hay thứ phát không?

• Những yếu tố nguy cơ tim mạch nào cần quan tâm ở bệnh nhân này?

2. Đánh giá tổn thương cơ quan đích

• Bệnh nhân có dấu hiệu tổn thương tim do tăng huyết áp không?

• Dấu hiệu tổn thương thận do tăng huyết áp trong xét nghiệm này là gì?

• Hình ảnh đáy mắt có thể cung cấp thông tin gì về mức độ tăng huyết áp?

3. Điều trị tăng huyết áp

• Mục tiêu huyết áp điều trị của bệnh nhân này là bao nhiêu?

• Nhóm thuốc nào phù hợp để kiểm soát huyết áp trong trường hợp này?

• Khi nào nên kết hợp nhiều thuốc hạ áp?

• Có cần điều chỉnh kali và creatinin trước khi dùng ức chế men chuyển hoặc thuốc lợi tiểu không?

4. Thay đổi lối sống và theo dõi

• Những thay đổi lối sống nào có thể giúp kiểm soát huyết áp?

• Khi nào cần theo dõi lại huyết áp sau khi bắt đầu điều trị?

• Cách đánh giá hiệu quả điều trị và phát hiện tác dụng phụ của thuốc?

Phần hô hấp

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Viêm phế quản cấp
2. Hen phế quản
3. Chẩn đoán và xử trí tràn khí màng phổi
4. Chẩn đoán và điều trị tràn dịch màng phổi
5. Viêm phổi
6. COPD

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 67 tuổi, có tiền sử hút thuốc lá 40 bao-năm, nhập viện vì khó thở tăng dần trong 1 tuần, kèm theo ho khạc đờm vàng. Bệnh nhân có tiền sử bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) giai đoạn GOLD 3 nhưng không tuân thủ điều trị thường xuyên. Khám lâm sàng ghi nhận nhịp thở 24 lần/phút, nhịp tim 92 lần/phút, huyết áp 130/80 mmHg, ran rít và ran ngáy rải rác hai bên phổi. Không có dấu hiệu suy tim hoặc phù ngoại biên. Xét nghiệm khí máu động mạch: pH: 7.35, $PaCO_2$: 55 mmHg, PaO_2: 60 mmHg, HCO_3^-: 30 mEq/L; X-quang phổi cho thấy phổi tăng sáng, cơ hoành dẹt; Chức năng hô hấp: $FEV_1/FVC = 55\%$, $FEV_1 = 42\%$ giá trị dự đoán

   Câu hỏi:

   1. Chẩn đoán và đánh giá mức độ COPD

   • Dựa trên tiêu chuẩn chẩn đoán, bệnh nhân này thuộc giai đoạn nào của COPD theo GOLD?

   • Các yếu tố nào có thể gây đợt cấp COPD trong trường hợp này?

   • Vai trò của khí máu động mạch trong đánh giá mức độ nặng của COPD?

   • Những dấu hiệu nào gợi ý bệnh nhân đang tiến triển thành suy hô hấp?

2. Điều trị đợt cấp COPD

• Các thuốc giãn phế quản nào phù hợp trong điều trị đợt cấp COPD?

• Khi nào cần sử dụng corticosteroid đường toàn thân?

• Khi nào có chỉ định kháng sinh trong điều trị đợt cấp COPD?

3. Điều trị duy trì và dự phòng đợt cấp

• Những nhóm thuốc nào được khuyến cáo để kiểm soát COPD mạn tính?

• Bệnh nhân có cần chỉ định liệu pháp oxy dài hạn không? Nếu có, tiêu chí nào để quyết định?

• Vai trò của phục hồi chức năng hô hấp trong COPD?

• Những biện pháp dự phòng nào có thể giảm nguy cơ đợt cấp trong tương lai?

2. Bệnh nhân nữ, 65 tuổi, có tiền sử đái tháo đường type 2 và tăng huyết áp, nhập viện vì sốt cao 39°C, ho đờm vàng, khó thở tăng dần trong 3 ngày qua. Bệnh nhân có cảm giác ớn lạnh, đau ngực kiểu màng phổi và mệt mỏi. Khám lâm sàng: Nhiệt độ: 38,9°C, nhịp thở 24 lần/phút, nhịp tim 98 lần/phút, huyết áp 125/80 mmHg; Nghe phổi có ran nổ vùng đáy phổi phải; Không có dấu hiệu suy hô hấp nặng (không tím tái, không co kéo cơ hô hấp phụ). Xét nghiệm cận lâm sàng: Công thức máu: Bạch cầu 15.000/mm³, CRP tăng cao; X-quang phổi: Thâm nhiễm phế nang thùy dưới phổi phải; Cấy đờm: Đang chờ kết quả; Khí máu động mạch: pH 7.42, PaO_2 75 mmHg, $PaCO_2$ 38 mmHg

Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và đánh giá mức độ nặng

• Dựa trên tiêu chuẩn nào để chẩn đoán viêm phổi mắc phải trong cộng đồng?

• Các thang điểm nào có thể được sử dụng để đánh giá mức độ nặng của bệnh nhân?

• Khi nào cần phân biệt viêm phổi do vi khuẩn với viêm phổi do virus?

2. Điều trị viêm phổi

• Chọn lựa kháng sinh theo kinh nghiệm ban đầu cho bệnh nhân này là gì?

• Khi nào cần điều chỉnh kháng sinh dựa vào kết quả vi sinh?

3. Biến chứng và theo dõi

• Những biến chứng có thể xảy ra trong viêm phổi?

4. Dự phòng viêm phổi trong tương lai

• Những nhóm bệnh nhân nào cần tiêm vắc-xin phế cầu và cúm để dự phòng viêm phổi?

• Vai trò của cai thuốc lá và kiểm soát bệnh nền trong dự phòng viêm phổi?

Phần Tiêu hóa:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Loét dạ dày tá tràng
2. Xuất huyết tiêu hóa cao
3. Xơ gan
4. Viêm gan mạn
5. Viêm tụy cấp
6. HC ruột kích thích

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 50 tuổi, nhập viện vì đau thượng vị kéo dài 2 tháng, tăng lên khi đói và giảm sau khi ăn. Bệnh nhân có tiền sử hút thuốc lá 20 bao-năm và thường xuyên uống rượu bia. Gần đây,

bệnh nhân thấy buồn nôn, ợ hơi và sụt cân khoảng 3 kg trong 2 tháng. Khám lâm sàng: Huyết áp: 120/75 mmHg, nhịp tim: 80 lần/phút; Đau tức vùng thượng vị khi ấn, không có dấu hiệu nhiễm trùng; Không vàng da, không gan lách to. Cận lâm sàng: Nội soi dạ dày: Loét 1.5 cm ở bờ cong nhỏ dạ dày, có đáy sạch, không chảy máu; Test urease nhanh (+), sinh thiết không thấy tế bào ác tính; Công thức máu: Hgb 12.5 g/dL, bạch cầu bình thường; Xét nghiệm chức năng gan, thận bình thường

Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và nguyên nhân viêm loét dạ dày
• Tiêu chuẩn nào được sử dụng để chẩn đoán loét dạ dày?
• Những nguyên nhân phổ biến gây viêm loét dạ dày?
2. Điều trị viêm loét dạ dày
• Phác đồ tiệt trừ H. pylori hiện nay được khuyến cáo là gì?
• Cách chọn lựa thuốc ức chế bơm proton (PPI) trong điều trị loét dạ dày?
• Khi nào cần phối hợp thêm thuốc bảo vệ niêm mạc dạ dày?
4. Thay đổi lối sống và dự phòng tái phát
• Những thay đổi lối sống nào giúp giảm nguy cơ tái phát viêm loét dạ dày?
• Bệnh nhân này có cần ngừng rượu bia và thuốc lá không?

2. Bệnh nhân nam, 45 tuổi, phát hiện viêm gan B cách đây 5 năm nhưng chưa điều trị. Gần đây, bệnh nhân thấy mệt mỏi, chán ăn, đầy bụng và đau tức hạ sườn phải. Không có triệu chứng vàng da hay xuất huyết. Bệnh nhân có tiền sử uống rượu (10 năm, khoảng 3-4 lon bia/ngày). Khám lâm sàng: Huyết áp: 120/80 mmHg, nhịp tim: 78 lần/phút; Không vàng da, không phù chân; Gan sờ to nhẹ, bờ tù, ấn tức vùng hạ sườn phải. Cận lâm sàng: AST: 80 U/L, ALT: 100 U/L, GGT: 90 U/L; Bilirubin toàn phần: 1.2 mg/dL; Albumin: 3.8 g/dL, INR: 1,1; HBsAg (+), HBeAg (-), HBV-DNA: 20.000 IU/mL; Siêu âm bụng: Gan to nhẹ, nhu mô không đồng nhất, không có báng bụng; FibroScan: Độ cứng gan 8 kPa Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và đánh giá mức độ viêm gan mạn
• Dựa vào tiêu chuẩn nào để chẩn đoán viêm gan mạn?
• Cần làm thêm xét nghiệm nào để đánh giá tổn thương gan do HBV?
• Ý nghĩa của các chỉ số HBeAg, HBV-DNA trong tiên lượng bệnh?
• Bệnh nhân có dấu hiệu tiến triển thành xơ gan chưa?
2. Khi nào cần điều trị kháng virus?
• Những tiêu chí nào quyết định có điều trị kháng virus cho bệnh nhân viêm gan B mạn?
• Các thuốc kháng virus được khuyến cáo hiện nay là gì?
3. Theo dõi và xử trí biến chứng
• Bệnh nhân cần theo dõi các chỉ số gì trong quá trình điều trị?
• Những biến chứng có thể xảy ra trong viêm gan mạn?
4. Thay đổi lối sống và dự phòng
• Những thay đổi lối sống nào giúp giảm nguy cơ tiến triển bệnh?
• Bệnh nhân có cần ngừng rượu bia hoàn toàn không?
• Người thân của bệnh nhân có cần tiêm phòng viêm gan B không?

Phần cơ xương khớp:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Viêm khớp dạng thấp
2. Viêm cột sống dính khớp
3. Gout
4. Thoái hóa khớp

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 52 tuổi, có tiền sử tăng huyết áp và rối loạn lipid máu, nhập viện vì đau và sưng khớp bàn ngón chân cái phải trong 2 ngày qua. Cơn đau xuất hiện đột ngột, dữ dội vào ban đêm, kèm theo sưng nóng đỏ khớp, hạn chế vận động. Trước đó, bệnh nhân có uống rượu bia và ăn nhiều hải sản trong một bữa tiệc. Khám lâm sàng: Huyết áp: 140/90 mmHg, nhịp tim: 82 lần/phút; Khớp bàn ngón chân cái phải sưng nóng đỏ, rất đau khi chạm vào; Không có tổn thương khớp khác, không có dấu hiệu nhiễm trùng toàn thân. Cận lâm sàng: Acid uric máu: 9.2 mg/dL; CRP tăng nhẹ, bạch cầu máu bình thường; Chụp X-quang khớp không thấy tổn thương bào mòn xương; Chọc dịch khớp: Dịch viêm, tinh thể urate hình kim trong bạch cầu đa nhân, không có vi khuẩn.

   Câu hỏi:

   1. Chẩn đoán và phân biệt với bệnh lý khác
   • Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh gout cấp là gì?
   • Khi nào cần chọc dịch khớp để xác định chẩn đoán?
   • Những bệnh lý nào có thể gây viêm khớp cấp tính tương tự gout?
   2. Điều trị cơn gout cấp
   • Các lựa chọn điều trị trong cơn gout cấp?
   • Khi nào nên dùng colchicine, và cách sử dụng như thế nào để tránh tác dụng phụ?
   • Có nên dùng allopurinol hoặc febuxostat trong cơn gout cấp không? Vì sao?
   3. Thay đổi lối sống và phòng ngừa
   • Những thực phẩm nào bệnh nhân nên hạn chế để kiểm soát bệnh gout?
   • Vai trò của giảm cân và tập thể dục trong kiểm soát bệnh gout?
   • Bệnh nhân có cần hạn chế rượu bia hoàn toàn không?

2. Bệnh nhân nữ, 60 tuổi, nhập viện vì đau khớp gối hai bên kéo dài 1 năm, tăng dần, đặc biệt là khi đi lại hoặc đứng lâu. Bệnh nhân cảm thấy cứng khớp buổi sáng khoảng 10 phút và có tiếng lạo xạo khi cử động gối. Đau giảm khi nghỉ ngơi nhưng gần đây có lúc đau ngay cả khi không vận động. Bệnh nhân có tiền sử tăng huyết áp, BMI 29 kg/m², không chấn thương khớp trước đó. Khám lâm sàng: Huyết áp 130/80 mmHg, nhịp tim: 78 lần/phút; Khớp gối hai bên không sưng nóng, ấn dọc khe khớp có điểm đau; Giảm biên độ vận động gối, có tiếng lạo xạo khi gấp duỗi; Không có tràn dịch khớp, không biến dạng nặng. Cận lâm sàng: X-quang gối: Hẹp khe khớp bên trong, gai xương nhỏ, đặc xương dưới sụn; CRP và bạch cầu máu trong giới hạn bình thường; Không có dấu hiệu viêm khớp nhiễm khuẩn hay bệnh lý viêm khác.

   Câu hỏi:

   1. Chẩn đoán và phân biệt thoái hóa khớp gối với bệnh lý khác
   • Tiêu chuẩn chẩn đoán thoái hóa khớp gối dựa trên lâm sàng và X-quang?
   • Các bệnh lý nào có thể gây đau khớp gối mạn tính cần phân biệt với thoái hóa khớp?
   • Khi nào cần chụp cộng hưởng từ (MRI) để đánh giá tổn thương khớp?
   2. Điều trị thoái hóa khớp gối
   • Các phương pháp điều trị nội khoa nào được khuyến cáo?
   3. Thay đổi lối sống và phục hồi chức năng

• Bệnh nhân có cần giảm cân không? Nếu có, giảm bao nhiêu để có hiệu quả?
• Những bài tập hoặc vật lý trị liệu nào giúp cải thiện triệu chứng?
• Bệnh nhân có thể sử dụng nẹp gối hoặc gậy chống để giảm áp lực lên khớp không?

Phần Thận tiết niệu:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 1. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Nhiễm khuẩn tiết niệu
2. Sỏi thận - tiết niệu
3. Viêm cầu thận cấp - mạn
4. Hội chứng thận hư
5. Suy thận mạn

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 35 tuổi, nhập viện vì phù mặt và hai chân tăng dần trong 2 tuần. Bệnh nhân không đau bụng, không tiểu máu, nhưng cảm thấy mệt mỏi và tiểu ít hơn bình thường. Không có tiền sử bệnh thận trước đó. Khám lâm sàng: Huyết áp: 125/80 mmHg, nhịp tim: 78 lần/phút; Phù mềm hai chân, ấn lõm; Không có dấu hiệu vàng da, không tràn dịch màng bụng; Không có dấu hiệu nhiễm trùng hoặc đau vùng thận. Cận lâm sàng: Xét nghiệm nước tiểu: Protein niệu 24 giờ = 4.8 g/24h, không có hồng cầu niệu; Albumin máu: 2,5 g/dL ; Cholesterol toàn phần: 280 mg/dL; Creatinine huyết thanh: 0.9 mg/dL; Xét nghiệm miễn dịch: Âm tính với lupus ban đỏ hệ thống; Siêu âm thận: Kích thước thận bình thường, không có tắc nghẽn.

   Câu hỏi:

   1. Chẩn đoán và nguyên nhân hội chứng thận hư
   • Tiêu chuẩn chẩn đoán hội chứng thận hư là gì?
   • Những nguyên nhân nào có thể gây hội chứng thận hư nguyên phát và thứ phát?
   • Khi nào cần sinh thiết thận để xác định nguyên nhân?
   2. Điều trị hội chứng thận hư
   • Các nguyên tắc điều trị hội chứng thận hư?
   • Vai trò của corticosteroid trong điều trị và khi nào cần ức chế miễn dịch khác?
   3. Biến chứng và theo dõi
   • Những biến chứng nào có thể xảy ra trong hội chứng thận hư?
   • Khi nào cần theo dõi chức năng thận định kỳ?
   4. Dự phòng và thay đổi lối sống
   • Những thay đổi nào trong chế độ ăn giúp kiểm soát bệnh?
   • Bệnh nhân có cần hạn chế muối hoặc protein không?
   • Khi nào có thể ngừng điều trị và nguy cơ tái phát là gì?

2. Bệnh nhân nam, 40 tuổi, nhập viện vì đau vùng hông lưng phải dữ dội, lan xuống bẹn, xuất hiện đột ngột cách đây 6 giờ. Cơn đau từng cơn, không giảm khi thay đổi tư thế. Bệnh nhân buồn nôn nhưng không nôn, tiểu ít và cảm giác khó chịu khi đi tiểu. Trước đây, bệnh nhân có một đợt đau tương tự nhưng tự hết sau vài ngày. Khám lâm sàng: Huyết áp: 130/85 mmHg, nhịp tim: 90 lần/phút; Ấn đau vùng hông lưng phải, dấu hiệu chạm thận (+); Không sốt, không phù chân, không dấu hiệu nhiễm trùng rõ ràngg. Cận lâm sàng: Xét nghiệm nước tiểu: Hồng cầu vi thể (+), không có bạch cầu niệu; Creatinine huyết thanh: 1,0 mg/dL; Siêu

âm bụng: Sỏi 7 mm ở niệu quản phải, có giãn nhẹ đài bể thận; CT không cản quang: Xác định sỏi 7 mm niệu quản đoạn giữa, không có dấu hiệu tắc nghẽn nặng.

Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và đánh giá mức độ sỏi tiết niệu
• Tiêu chuẩn chẩn đoán sỏi tiết niệu là gì?
• Khi nào cần chỉ định chụp CT không cản quang thay vì siêu âm?
• Những yếu tố nào dự báo khả năng sỏi tự đào thải?
2. Điều trị sỏi tiết niệu
• Khi nào có thể điều trị bảo tồn bằng thuốc giãn cơ trơn và giảm đau?
• Khi nào cần can thiệp ngoại khoa (tán sỏi ngoài cơ thể, nội soi tán sỏi, phẫu thuật…)?
• Có cần dùng kháng sinh dự phòng trong trường hợp này không?
3. Phòng ngừa tái phát sỏi thận
• Những thay đổi trong chế độ ăn giúp giảm nguy cơ tái phát sỏi?
• Khi nào cần xét nghiệm phân tích thành phần sỏi để điều chỉnh chế độ ăn?
• Vai trò của tăng lượng nước uống trong dự phòng sỏi thận?

Phần Nội tiết:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Đái tháo đường
2. Basedow
3. HC Cushing
4. Bướu cổ đơn thuần

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 55 tuổi, nhập viện vì mệt mỏi, khát nước nhiều và tiểu nhiều trong 2 tháng gần đây. Bệnh nhân có tiền sử tăng huyết áp 5 năm, đang điều trị bằng amlodipine 5 mg/ngày. Gần đây, bệnh nhân sụt 4 kg trong 3 tháng mà không rõ nguyên nhân. Khám lâm sàng: Huyết áp: 135/85 mmHg, nhịp tim: 82 lần/phút; BMI: 27 kg/m² ; Không có dấu hiệu thần kinh khu trú, không có phù chân; Bàn chân không có vết loét, không có dấu hiệu nhiễm trùng. Cận lâm sàng: Đường huyết lúc đói: 165 mg/dL; HbA1c: 7.8%; Creatinine: 1,0 mg/dL, eGFR = 80 mL/phút/1.73m²; Lipid máu: LDL 130 mg/dL, HDL 38 mg/dL, Triglyceride 190 mg/dL; Nước tiểu: Protein niệu vi thể (+); Chụp đáy mắt: Không có biến chứng võng mạc đái tháo đường.

Câu hỏi

1. Chẩn đoán và phân biệt đái tháo đường type 2
• Tiêu chuẩn chẩn đoán đái tháo đường là gì?
• Khi nào cần làm nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (OGTT)?
• Cách phân biệt đái tháo đường type 1 và type 2 trong trường hợp này?
2. Lựa chọn điều trị đái tháo đường
• Các nguyên tắc điều trị đái tháo đường type 2?
• Thuốc điều trị nào phù hợp cho bệnh nhân này?
• Khi nào cần chỉ định insulin cho bệnh nhân đái tháo đường type 2?

3. Kiểm soát biến chứng và theo dõi

• Những biến chứng nào có thể xảy ra trong đái tháo đường type 2?

• Bệnh nhân này có nguy cơ biến chứng nào cao nhất?

• Cách theo dõi đường huyết và HbA1c trong quá trình điều trị?

4. Thay đổi lối sống và dự phòng

• Những thay đổi trong chế độ ăn giúp kiểm soát đường huyết tốt hơn?

• Bệnh nhân có cần giảm cân không? Nếu có, cần giảm bao nhiêu kg?

• Lợi ích của tập thể dục đối với kiểm soát đái tháo đường?

2. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi, nhập viện vì hồi hộp, run tay và sụt cân không rõ nguyên nhân trong 3 tháng qua. Bệnh nhân cảm thấy tim đập nhanh, dễ cáu gắt, đổ mồ hôi nhiều dù thời tiết mát. Bệnh nhân không có tiền sử bệnh lý nội tiết trước đây. Khám lâm sàng: Huyết áp: 130/75 mmHg, nhịp tim: 110 lần/phút (nhanh), nhịp đều; Run nhẹ đầu chi, có biểu hiện kích thích thần kinh; Tuyến giáp to lan tỏa độ II, không đau, không có hạch cổ; Mắt lồi hai bên, dấu hiệu Von Graefe (+). Cận lâm sàng: FT4: 3,2 ng/dL; TSH: < 0,01 mIU/L; TRAb: 8 IU/L; Siêu âm tuyến giáp: Tuyến giáp to lan tỏa, tăng sinh mạch máu; Xạ hình tuyến giáp: Tăng bắt xạ lan tỏa.

Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và phân biệt Basedow với bệnh lý khác

• Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh Basedow?

• Cách phân biệt Basedow với cường giáp do viêm giáp hoặc bướu nhân độc?

• Khi nào cần làm xạ hình tuyến giáp để chẩn đoán?

2. Điều trị Basedow

• Các phương pháp điều trị Basedow?

• Khi nào chỉ định thuốc kháng giáp tổng hợp?

• Khi nào cần điều trị iod phóng xạ hoặc phẫu thuật cắt giáp?

3. Kiểm soát triệu chứng và biến chứng

• Cách kiểm soát nhịp tim nhanh trong Basedow?

• Những biến chứng nguy hiểm của Basedow?

• Khi nào bệnh nhân cần nhập viện để điều trị?

4. Theo dõi và dự phòng tái phát

• Thời gian điều trị kháng giáp trung bình bao lâu?

• Dấu hiệu nào giúp dự báo nguy cơ tái phát bệnh Basedow?

• Chế độ ăn uống và lối sống có ảnh hưởng đến bệnh không?

Phần huyết học:

Sinh viên đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để giải quyết câu hỏi và tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

- Nội dung đọc:

1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu
2. Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch
3. Leucemie cấp

- Nội dung thảo luận:

1. Bệnh nhân nam, 28 tuổi, nhập viện vì mệt mỏi, sốt kéo dài và chảy máu chân răng trong 2 tuần qua. Bệnh nhân cũng ghi nhận có xuất hiện các vết bầm tím trên da mà không rõ nguyên nhân. Gần đây, bệnh nhân sụt khoảng 5 kg trong 2 tháng. Không có tiền sử bệnh lý

huyết học trước đây. Khám lâm sàng: Huyết áp: 110/70 mmHg, nhịp tim: 100 lần/phút; Da xanh xao, xuất huyết dưới da rải rác; Nhiệt độ: 38,5°C; Gan to 2 cm dưới bờ sườn, lách to 3 cm; Không có hạch ngoại vi lớn. Cận lâm sàng:: Công thức máu: Bạch cầu: 75.000/mm³ (tăng), 80% blast; Hemoglobin: 7,5 g/dL (thiếu máu); Tiểu cầu: 25.000/mm³ (giảm); Đông máu: PT kéo dài, D-dimer tăng; Tủy đồ: Blast > 20% tế bào tủy; Miễn dịch tế bào dòng (Flow cytometry): Xác định phân nhóm leukemia; Xét nghiệm nhiễm sắc thể (FISH, PCR): Tìm đột biến liên quan (ví dụ: t(9;22) trong LLA).

Câu hỏi:

1. Chẩn đoán và phân biệt bạch cầu cấp với bệnh lý khác
   - Tiêu chuẩn chẩn đoán bạch cầu cấp theo WHO?
   - Cách phân biệt bạch cầu cấp dòng tủy (AML) và dòng lympho (ALL)?
   - Khi nào cần làm xét nghiệm di truyền để xác định tiên lượng bệnh?
2. Điều trị bạch cầu cấp
   - Các phác đồ hóa trị chuẩn cho AML và ALL?
   - Khi nào cần ghép tủy xương?
   - Vai trò của thuốc đích?
3. Xử trí biến chứng trong bạch cầu cấp
   - Những biến chứng cấp tính nào cần xử trí ngay?
   - Cách xử trí giảm bạch cầu trung tính và nguy cơ nhiễm trùng?
   - Khi nào cần truyền tiểu cầu hoặc hồng cầu?
4. Tiên lượng và theo dõi
   - Những yếu tố nào ảnh hưởng đến tiên lượng bệnh nhân?
   - Cách theo dõi bệnh nhân sau điều trị để phát hiện tái phát?
   - Vai trò của tầm soát biến chứng lâu dài sau hóa trị?

❖ Lâm sàng

Sinh viên chủ động đọc trước nội dung liên quan trước khi đến khoa lâm sàng trong TLC và TLTK1,2 trước khi đến khoa lâm sàng theo kế hoạch lâm sàng tại cơ sở thực hành dưới sự hường dẫn của giảng viên phụ trách lâm sàng. Nội dung học tập gồm:

Nội dung nhóm 1:

1. Lâm sàng Hen phế quản
2. Lâm sàng COPD
3. Lâm sàng Viêm phế quản
4. Lâm sàng Viêm phổi
5. Lâm sàng Hội chứng vành cấp
6. Lâm sàng Tăng huyết áp
7. Lâm sàng Suy tim
8. Lâm sàng Loét dạ dày tá tràng
9. Lâm sàng Xuất huyết tiêu hóa
10. Lâm sàng Xơ gan
11. Lâm sàng HC thận hư
12. Lâm sàng Suy thận mạn
13. Lâm sàng Suy thận cấp
14. Lâm sàng Viêm khớp dạng thấp
15. Lâm sàng Gout

16. Lâm sàng Thoái hóa khớp
17. Lâm sàng Đái tháo đường
18. Lâm sàng Cushing
19. Lâm sàng Basedow
20. Lâm sàng Thiếu máu

Trong quá trình học lâm sàng nội dung trên sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên) được phân công thăm khám bệnh nhân được chỉ định, đưa ra chẩn đoán tiềm năng và xây dựng kế hoạch điều trị, làm bệnh án báo cáo ca bệnh, giảng viên quan sát và thảo luận ca bệnh. Ngoài giờ giảng lâm sàng sinh viên chủ động thực hành các kỹ năng tiếp xúc người bệnh, khai thác bệnh sử, thực hiện thăm khám trên người bệnh, đưa ra chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị, làm bệnh án trao đổi thảo luận trong nhóm lâm sàng. Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

Nội dung nhóm 2:

1. Bình bệnh án Basedow
2. Bình bệnh án COPD
3. Bình bệnh án Suy tim
4. Bình bệnh án Xuất huyết tiêu hóa
5. Bình bệnh án Bệnh thận mạn
6. Bình bệnh án Gout

Trong quá trình học lâm sàng nội dung trên sinh viên làm việc nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên) được phân công thăm khám bệnh nhân được chỉ định, đưa ra chẩn đoán tiềm năng và xây dựng kế hoạch điều trị, làm bệnh án báo cáo ca bệnh và thảo luận ca bệnh.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Nội bệnh lý Y học hiện đại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sỹ YHCT. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức lâm sàng cơ bản về chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nội khoa thông thường.

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý. Nội dung kiến thức lý thuyết gồm cơ chế gây bệnh, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và phác đồ điều trị cơ bản các bệnh lý nội khoa thông thường. Nội dung thực hành lâm sàng là rèn luyện kỹ năng thăm khám phát hiện bệnh lý, kỹ năng biện luận chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị các bệnh lý nội khoa thông thường. Ở thời điểm kết thúc học phần, sinh viên có khả năng thăm khám lâm sàng nội khoa, đề xuất chỉ định cận lâm sàng, nhận định được kết quả, lập luận chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị cơ bản các bệnh nội khoa thường gặp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương Hô hấp							
1.	Viêm phế quản cấp	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm phế quản cấp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2.	Hen phế quản	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Hen phế quản 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3.	Chẩn đoán và xử trí tràn khí màng phổi	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, đưa ra hướng xử trí tràn khí màng phổi 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

4.	Chẩn đoán và điều trị tràn dịch màng phổi	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, đưa ra hướng xử trí tràn dịch màng phổi 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
5.	Viêm phổi	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm phổi 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
6.	COPD	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh COPD 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
7.	Suy tim	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Suy tim 2.Ra quyết định cá nhân,	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng,	Điểm thường xuyên

			tập thể, nhận xét, đánh giá		tình huống.	trả lời câu hỏi	
8.	Bệnh van hai lá	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Van hai lá 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
9.	Bệnh van động mạch chủ	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
10.	Cơn đau thắt ngực - Nhồi máu cơ tim	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh Cơn đau thắt ngực - Nhồi máu cơ tim 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
11.	Tăng huyết áp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

			hoạch điều trị và phòng Tăng huyết áp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		nhóm, dạy học qua tình huống.	nghe giảng, trả lời câu hỏi	
12.	Loét dạ dày tá tràng	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Loét dạ dày tá tràng 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
13.	Xuất huyết tiêu hóa cao	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Xuất huyết tiêu hóa cao 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
14.	Xơ gan	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Xơ gan 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
15.	Viêm gan mạn	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục	Điểm thường xuyên

			định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm gan mạn 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
16.	Viêm tụy cấp	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm tụy cấp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
17.	HC ruột kích thích	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị HC ruột kích thích 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
18.	Nhiễm khuẩn tiết niệu	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Nhiễm khuẩn tiết niệu 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
19.	Sỏi thận -	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn	1.Tự học:	Điểm thường

	tiết niệu		bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Sỏi thận - tiết niệu 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO4	tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	xuyên
20.	Viêm cầu thận cấp - mạn	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Viêm cầu thận cấp - mạn 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
21.	Hội chứng thận hư	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Hội chứng thận hư 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
22.	Suy thận mạn	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng Suy thận mạn 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
Chương Nội tiết							

23.	Đái tháo đường	2/0/4	1.Đưa ra được chẩn đoán xác Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Đái tháo đường 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
24.	Basedow	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Basedow 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
25.	HC Cushing	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị HC Cushing 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
26.	Bướu cổ đơn thuần	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh bướu cổ đơn thuần	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng,	Điểm thường xuyên

			2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			trả lời câu hỏi	
27.	Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng thiếu máu 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
28.	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
29.	Leucemie cấp	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, đưa ra hướng điều trị Leucemie cấp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
30.	Viêm khớp dạng thấp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	Điểm thường xuyên

			nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Viêm khớp dạng thấp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
31.	Viêm cột sống dính khớp	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị Viêm cột sống dính khớp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
32.	Gout	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Gout 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
33.	Thoái hóa khớp	1/0/2	1.Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để lập luận chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Thoái hóa khớp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
34.	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán	CLO1 CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên	Thi kết thúc học phần

			nguyên nhân nguyên nhân, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh			máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (LS/TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27.	Lâm sàng Hen phế quản	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị Hen phế quản 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
28.	Lâm sàng COPD	4/0/2	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh COPD 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			giá					
29.	Lâm sàng Viêm phế quản	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm phế quản 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
30.	Lâm sàng Viêm phổi	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Viêm phổi 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
31.	Bình bệnh án COPD	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
32.	Lâm sàng Hội chứng vành cấp	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe	Dạy học bên giường bệnh,	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

			kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị Hội chứng vành cấp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		Máy đo huyết áp	dạy học theo case bệnh	trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
33.	Lâm sàng Tăng huyết áp	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Tăng huyết áp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
34.	Lâm sàng Suy tim	4/0/2	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị Suy tim 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
35.	Bình bệnh án Suy tim	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám,	Điểm thường xuyên

			nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				thảo luận, nhận xét, đánh giá	
36.	Lâm sàng Loét dạ dày tá tràng	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh Loét dạ dày tá tràng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
37.	Lâm sàng Xuất huyết tiêu hóa	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Xuất huyết tiêu hóa 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
38.	Lâm sàng Xơ gan	4/0/2	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Xơ gan 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể,	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			nhận xét, đánh giá					
39.	Bình bệnh án Xuất huyết tiêu hóa	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
40.	Lâm sàng HC thận hư	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng HC thận hư 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
41.	Lâm sàng Suy thận mạn	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Suy thận mạn 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
42.	Lâm sàng Suy thận cấp	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống,	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống	Dạy học bên giường	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

			chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Suy thận cấp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		nghe Máy đo huyết áp	bệnh, dạy học theo case bệnh	2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
43.	Bình bệnh án Bệnh thận mạn	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
44.	Lâm sàng Viêm khớp dạng thấp	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Viêm khớp dạng thấp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
45.	Lâm sàng Gout	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			và dự phòng Gout 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				nhận xét, đánh giá	
46.	Lâm sàng Thoái hóa khớp	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Thoái hóa khớp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
47.	Bình bệnh án Gout	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
48.	Lâm sàng Đái tháo đường	4/0/2	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Đái tháo đường 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			giá					
49.	Lâm sàng Cushing	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị Cushing 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
50.	Lâm sàng Basedow	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị Basedow 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
51.	Bình bệnh án Basedow	2/0/1	1.Phân tích và lập luận được chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
52.	Lâm sàng Thiếu máu	2/0/1	1.Thực hiện được thăm khám một cách hệ thống, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng cơ bản, chẩn	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình	Điểm thường xuyên

			đoán, xây dựng kế hoạch điều trị và dự phòng Thiếu máu 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		áp	bệnh	diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
53.	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
54.	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/10/0		CLO3 CLO4				Điểm thi LS
55.	Thi vấn đáp	0/8/0		CLO1 CLO2 CLO4				Điểm thi LS

9.Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá quá trình – lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 10 buổi.	Đi học < 11 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 11 buổi, không đi muộn	Đi học 12 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học đủ 12 buổi .	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 – 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá quá trình – lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	30%

Rubric 3: Lượng giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh phù hợp	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	40%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	30%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 70

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	60 %	42	13	17	8	4
CLO2	40 %	28	8	12	6	2
Tổng	100%	70	21	29	14	6

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (2021), Học viện YDHCT Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 1
Đối tượng đào tạo: Sinh viên Y5 đại học chính quy

Ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y học cổ truyền 1
* Tiếng Việt: Nội khoa Y học cổ truyền 1
* Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 1
- Mã Học phần/ Môn học: TRAD5112
- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 5 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo: Học kì 2 năm học thứ 5 (học kì 10)

<table>
<tr><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành □</td><td colspan="2">Kiến thức ngành
×</td><td rowspan="2">Thực tập và luận văn
□</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc
□</td><td>Tự chọn
□</td><td>Bắt buộc
x</td><td>Tự chọn</td></tr>
</table>

- Các học phần tiên quyết/song hành/học trước:

+Học phần tiên quyết: Không

+Học phần song hành: Không

+Học phần học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ; Y lý 1, Y lý 2; Châm cứu1,2; Phương pháp không dùng thuốc, Thuốc YHCT, Phương tễ YHCT.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 250 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 60 tiết
  + Kiểm tra: 10 tiết gồm (Lý thuyết 2 tiết – Lâm sàng 8 tiết)
  + Thời gian tự học: 135 tiết (Lý thuyết 103 tiết - Lâm sàng 32 tiết)
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	doanquanghuy@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvyd@gmail.com\
6	BSCKII. Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	BSCKII. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com

8	BSCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths Lâm Ngọc Xuyên	0979728866	Lamxuyen1981@gmail.com
11	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
12	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
13	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp Nội khoa YHCT cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2					3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.
CLO2	Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO3	Thực hiện được các kĩ năng: tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán, lập pháp và lựa chọn phương điều trị, dự phòng các bệnh lý nội khoa kết hợp YHCT-YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.

CLO4	Làm được một số kỹ thuật điều trị Nội khoa YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án Nội khoa gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
CLO5	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	O1	O2	O3	O4	O5	O6	O7	O8	O9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3																
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3	1											
CLO 4							3										
CLO 5														2	2		

6. Yêu cầu của học phần/modun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy tính, Máy chiếu, loa, mic, tranh ảnh.

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): 09 bệnh viện thực hành (BV YHCT TƯ, BV Đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV YHCT Bộ Công An, BV YHCT Quân đội, BV Châm cứu TƯ, BV Nội tiết TW, BV Tuệ Tĩnh, BV Thanh Nhàn).

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- *Dự lớp học lý thuyết:*

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Lắng nghe giảng viên giảng bài; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

✓ Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn sinh viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

✓ Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

- *Tự học:*

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Sinh viên chuẩn bị các nội dung chủ đề trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập tình huống đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận:

- Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

- Mỗi lớp chia thành 4 nhóm/tổ trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận về bệnh tương ứng với bài học gồm các nội dung thảo luận như sau:
    - Bệnh danh
    - Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
    - Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
    - Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
    - Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
    - Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
    - Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
    - Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thảo luận và trình bày slide báo cáo trong buổi học
- Thảo luận giải quyết các tình huống sau (tùy mỗi nội dung bài học):

Câu hỏi tình huống:

Nội tiết chuyển hóa:

Bệnh nhân Trần Thị B, 56 tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: Đái tháo đường tuýp 2 (6 năm), tăng huyết áp (5 năm). Vào viện với lý do: mười mệt . Sau khai thác bệnh nhân thấy các triệu chứng: Phù hai chân tăng dần trong 2 tuần, tiểu ít, chán ăn, huyết áp lúc vào viện 180/90mmHg. Thuốc đang sử dụng: Metformin, Amlodipine

Cận lâm sàng: Đường huyết lúc đói: 10.5 mmol/L, HbA1c: 9.2%, Creatinin máu: 5.2 mg/dL.

- Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
- Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
- Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
- Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân người mệt mỏi, đoản khí, kèm tự hãn. phù hai chân, sắc mặt u ám, sợ lạnh, chân tay lạnh, đại tiện lúc lỏng lúc táo. Chất lưỡi nhạt, sắc tối, rêu trắng khô, mạch trầm vi, vô lực

- Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
- Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Tim mạch – thần kinh

Bệnh nhân Nguyễn Văn Q, 76 tuổi, Giới tính: Nam, Nghề nghiệp: Hưu trí. Một ngày trước khi vào viện, bệnh nhân thấy đau đầu, hoa mắt chóng mặt. Ở nhà uống thuốc không đỡ đau nên vào viện. Vào viện, khám thấy: Bệnh nhân tỉnh táo, tiếp xúc tốt, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt. Huyết áp: 190/90 mmHg (đo hai lần cách nhau 15 phút, khi nghỉ ngơi), Mạch: 85 lần/phút. Chỉ số BMI: 26.5 kg/m². Tim mạch: Nghe tim: T1 đanh

Cận lâm sàng: Công thức máu, sinh hóa máu: Bình thường. Điện tâm đồ (ECG): Dày thất trái nhẹ. Siêu âm tim: Dày thất trái

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

- Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
- Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?

— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc điều trị Huyết áp nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các nhóm thuốc huyết áp

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân đau đầu nhiều, đau thiện án, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt, ù tai, hai gò má đỏm ngũ tâm phiền nhiệt. Lưng gối mỏi yếu. Chất lưỡi đỏ, ít rêu, mạch huyền

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
— Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Cơ xương khớp

Bệnh nhân Nguyễn Thị A, 78 tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Nội trợ. Tiền sử: Thoái hóa khớp gối 10 năm, Một tuần trước khi vào viện bệnh nhân đau khớp gối ngày càng tăng, đi lại khó khăn. Ở nhà, không điều trị gì nên vào viện. Sau thăm khám thấy: Đau khớp gối 2 bên, nặng hơn khi đi lại, giảm khi nghỉ ngơi, khớp gối có tiếng lạo xạo khi cử động, hạn chế vận động, đi lại khó khăn

Cận lâm sàng: XQuang khớp gối: Hẹp khe khớp, gai xương ở bờ xương đùi, xương chày, dày xương dưới sụn. Xét nghiệm máu: Bình thường

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

— Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
— Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?
— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, hàm lượng sử dụng của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Đau khớp gối nhiều, đau thiện án. Đau kèm hạn chế vận động. Bệnh nhân thường có đau đầu âm ỉ, ù tai, hoa mắt, chóng mặt, ngủ ít. Chất lưỡi hồng, ít rêu. Mạch huyền tế sác.

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
— Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Cơ xương khớp – Nội tiết:

Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bệnh nhân Nguyễn Văn H, 80 tuổi, giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: thoái hóa khớp. Vào viện khám sức khỏe định kỳ thấy: Huyết áp: 130/80mmHg, mạch 70 lần/phút. BMI: 27kg/m2.

Cận lâm sàng: Cholesterol toàn phần**:** 6.8 mmol/L**,** LDL-C**:** 5.5 mmol/L**,** HDL-C**:** 1.0 mmol/L**,** Triglyceride**:** 5.8 mmol/L

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

— Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
— Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân thể trạng béo bệu, người mệt mỏi, thường thấy tức ngực, chân tay nặng nề, cảm giác rã rời, vô lực, bụng đầy trướng. Miệng lưỡi dính nhớt. Mạch huyền hoạt.

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

— Anh chị hãy biện chứng luận trị và ðýa ra pháp phýõng phù hợp

* Lưu ý: Trong khi đọc tài liệu, sinh viên đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn khác để có bài học cá nhân.

❖ Lâm sàng

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh trước khi đi bệnh viện thăm khám cho Người bệnh.
- Trên lâm sàng: chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học: để thực hành tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

7. Mô tả Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 1 sẽ hướng dẫn học viên cách thức khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa thường gặp. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
1.	Viêm loét dạ dày tá tràng	3/0/6	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VLDDTT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VLDDTT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
2.	Viêm khớp dạng thấp	4/0/8	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VKDT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VKDT theo YHCT kết hợp YHHĐ.		huống	nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
3.	Đau thần kinh hông to	4/0/9	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán ĐTKHT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng ĐTKHT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4.	Đau lưng	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán ĐL theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng ĐL theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5.	Đau vai gáy	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán ĐVG theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng ĐVG theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
6.	Đau đầu	4/0/9	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Đau đầu theo YHCT.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm,	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			- Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Đau đầu theo YHCT kết hợp YHHĐ.		PP Nghiên cứu tình huống	nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
7.	Táo bón	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Táo bón theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Táo bón theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
8.	Tăng huyết áp	4/0/9	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán THA theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng THA theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
9.	Đột quỵ não	4/0/9	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Đột quỵ não theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Đột quỵ não theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
10.	Đái tháo đường	4/0/9	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy		Điểm thường

			đoán ĐTĐ theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng ĐTĐ theo YHCT kết hợp YHHĐ.		học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên
11.	Rối loạn chuyển hóa lipid	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán RLCHLP theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng RLCHLP theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống		Điểm thường xuyên
12.	Liệt VII ngoại biên	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Liệt VII NB theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Liệt VII NB theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
13.	Hội chứng ruột kích thích	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán HCRKT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phng HCRKT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
14.	Gout	4/0/10	- Giải thích được bệnh nguyên,	CLO1	Thuyết trình ngắn tích	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm

			bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Gout theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Gout theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO2	cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	thường xuyên
15.	Viêm phế quản mạn	2/1/4	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VFQ mạn theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VFQ Mạn theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
16.	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Vận dụng kiến thức để giải thích được căn nguyên, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị, dự phòng các bệnh Nội khoa YHCT thông thường	CLO1 CLO2			Theo rubric

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
1	Cách làm bệnh án Nội khoa YHCT	2/0/1	Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ	CL04	1 đến 5	- Thảo luận nhóm nhỏ - Phân tích tình huống	- Chuẩn bị trước bài - Thăm khám chuẩn bị bệnh nhân - Lắng nghe - Trả lời câu hỏi - Làm bài tập - Thảo luận	
2	Viêm loét dạ dày tá tràng	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VLDDTT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VLDDTT. -Làm được bệnh án VLDDTT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			chuyên nghiệp khi hành nghề.					
3	Viêm khớp dạng thấp	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VKDT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VKDT. -Làm được bệnh án VKDT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
4	Đau thần kinh hông to	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị ĐTKHT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị ĐTKHT. -Làm được bệnh án ĐTKHT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
5	Đau lưng	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Đau lưng	CL03 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường

			bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Đau lưng. -Làm được bệnh án Đau lưng gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CLO5		- Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	xuyên
6	Đau vai gáy	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị ĐVG bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị ĐVG. -Làm được bệnh án ĐVG gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
7	Đau đầu	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Đau đầu bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Đau đầu.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA	Điểm thường xuyên

			-Làm được bệnh án Đau đầu gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	
8	Táo bón	2/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Táo bón bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Táo bón. -Làm được bệnh án Táo bón gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
9	Tăng huyết áp	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị THA bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị THA. -Làm được bệnh án THA gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			nhóm nhỏ - Đóng vai		
10	Đột quỵ não	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị ĐQN bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị ĐQN. -Làm được bệnh án ĐQNgồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
11	Đái tháo đường	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị ĐTĐ bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị ĐTĐ. -Làm được bệnh án ĐTĐ gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			chuyên nghiệp khi hành nghề.					
12	Rối loạn chuyển hóa lipid	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị RLCHLP bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị RLCHLP. -Làm được bệnh án RLCHLP gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
13	Liệt VII ngoại biên	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Liệt VII ngoại biên bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Liệt VII ngoại biên. -Làm được bệnh án Liệt VII ngoại biên gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
14	Hội chứng ruột kích thích	4/0/4	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị HCRKT bằng	CL03 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường

			YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị HCRKT. -Làm được bệnh án HCRKT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CLO5		- Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	xuyên
15	Gout	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Gout bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Gout. -Làm được bệnh án Gout gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
16	Viêm phế quản mạn	4/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VFQ Mạn bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VFQ Mạn.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA	Điểm thường xuyên

			-Làm được bệnh án VFQ Mạn gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	
17	Hỏi thi lâm sàng	0/8/0			1 đến 5			Hỏi thi lâm sàng

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	

7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thời gian	**Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu**	**Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ**
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau)*
8h30-10h30	FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5) Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh	
10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần X 100 phút (phân tích ca lâm sàng).	
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	Học lý thuyết tại trường	
18h00-7h00	**Trực:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <80% số buổi	Đi học 80-85% buổi	Đi học 86-90%- buổi	Đi học 91-99% buổi, không đi muộn	Đi học đủ 100% buổi, không đi muộn	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5,5 – 6,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8,5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá thường xuyên lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Không đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu về số lượng nhưng chưa thạo	Đạt chỉ tiêu về số lượng và tự thực hiện được	Đạt chỉ tiêu về số lượng và thành thạo	Đạt chỉ tiêu về số lượng và thành thạo mang lại hiệu quả LS	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	30%

Rubric 3: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám BN: - Hỏi bệnh - Thăm khám - Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2,1	2,2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0,3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0,1

10. Tài liệu học tập

Tài liệu giảng dạy chính:

1. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.

2. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền,* NXB Y học Hà Nội.

3. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2018) , *Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền,* NXB Y học Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1. Trường đại học Y Hà nội (2024), *Giáo trình kỹ năng y khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội (2022), *Bệnh học Nội khoa tập 1*, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội (2022), *Bệnh học Nội khoa tập 2* , Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NỘI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN 2
Đối tượng đào tạo: Sinh viên Y6 đại học chính quy

Ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Nội khoa Y học cổ truyền 2
* Tiếng Việt: Nội khoa Y học cổ truyền 2
* Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine 2
- Mã Học phần/ Môn học: TRAD6113
- Số tín chỉ: 5 (3LT/2LS)
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy năm thứ 6 chuyên ngành YHCT
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo: Học kì 1 năm học thứ 6 (học kì 11)

<table>
<tr><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành □</td><td colspan="2">Kiến thức ngành
×</td><td rowspan="2">Thực tập và luận văn
□</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc
□</td><td>Tự chọn
□</td><td>Bắt buộc
x</td><td>Tự chọn</td></tr>
</table>

- Các học phần tiên quyết/song hành/học trước:

+Học phần tiên quyết: Không

+Học phần song hành: Không

+Học phần học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội Bệnh lý YHHĐ; Y lý 1, Y lý 2; Châm cứu1,2; Phương pháp không dùng thuốc, Thuốc YHCT, Phương tễ YHCT.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 250 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 60 tiết
  + Kiểm tra: 10 tiết gồm (Lý thuyết 2 tiết – Lâm sàng 8 tiết)
  + Thời gian tự học: 135 tiết (Lý thuyết 103 tiết - Lâm sàng 32 tiết)
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Nội YHCT

2. Thông tin giảng viên

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Gmail
1	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	doanquanghuy@gmail.com
2	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
4	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
5	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvyd@gmail.com\
6	BSCKII. Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com
7	BSCKII. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com

8	BSCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
9	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
10	Ths Lâm Ngọc Xuyên	0979728866	Lamxuyen1981@gmail.com
11	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
12	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
13	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp Nội khoa YHCT cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2					3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR		Nội dung CĐR HP (CLO)
Kiến thức	CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT.
	CLO2	Vận dụng các kiến thức để đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Nội khoa thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
Kỹ năng	CLO3	Thực hiện được các kĩ năng: tứ chẩn (vọng, văn, vấn, thiết) để chẩn đoán, lập pháp và lựa chọn phương điều trị, dự phòng các bệnh lý nội khoa kết hợp YHCT-YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.
	CLO4	Làm được một số kỹ thuật điều trị Nội khoa YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án Nội khoa gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
Thái độ	CLO5	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO1	3																
CLO2	3																
CLO3			3	3	3	1											
CLO4							3										
CLO5														2	2		

6. Yêu cầu của học phần/modun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy tính, Máy chiếu, loa, mic, tranh ảnh.

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): 09 bệnh viện thực hành (BV YHCT TƯ, BV Đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV YHCT Bộ Công An, BV YHCT Quân đội, BV Châm cứu TƯ, BV Nội tiết TW, BV Tuệ Tĩnh, BV Thanh Nhàn).

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- *Dự lớp học lý thuyết:*

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Lắng nghe giảng viên giảng bài; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

✓ Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn sinh viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

✓ Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

- *Tự học:*

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Sinh viên chuẩn bị các nội dung chủ đề trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập tình huống đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận:

- Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
- Mỗi lớp chia thành 4 nhóm/tổ trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận về bệnh tương ứng với bài học gồm các nội dung thảo luận như sau:
    - Bệnh danh
    - Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
    - Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
    - Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
    - Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
    - Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
    - Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
    - Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thảo luận và trình bày slide báo cáo trong buổi học
- Thảo luận giải quyết các tình huống sau (tùy mỗi nội dung bài học):

Cơ xương khớp

Một phụ nữ 56 tuổi đến phòng khám phàn nàn với bác sĩ của cô ấy về việc các khớp cuối bàn tay trá i đang dần to ra mặc dù không đau trong khoảng thời gian 9 tháng qua. Cô ấy có cứng khớp khi đán h máy nhưng không phải là điều đầu tiên xuất hiện vào buổi sáng. Bệnh nhân cũng đau ở đầu gối ph ải, đôi khi như "khóa chặt" khớp,đau cũng xuất hiện sau khi đi bộ một quãng dài. Thăm khám thấy, huyết áp 130/85 mmHg, nhịp tim 80ck/p, và cân nặng 129 kg. Thăm khám chỉ phát hiện khớp gian đốt ngón xa (DIP) bàn tay trái to, không đau và khớp gối phải hạn chế vận động nhẹ, có dấu hiệu lạ o xạo khớp (+). Không sưng, không đỏ.

— Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?

— Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
— Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân người mệt mỏi, đoản khí, kèm tự hãn. phù hai chân, sắc mặt u ám, sợ lạnh, chân tay lạnh, đại tiện lúc lỏng lúc táo. Chất lưỡi nhạt, sắc tối, rêu trắng khô, mạch trầm vi, vô lực

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
— Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Tim mạch

Bệnh nhân Nguyễn Văn Y, 63 tuổi, nhập viện vì khó thở. Cách nhập viện 7 ngày, bệnh nhân thấy khó thở liên tục trong ngày, khó thở tăng khi đi lại và khi nằm đầu thấp, giảm khi nghỉ ngơi kèm phù 2 chân tăng dần, hồi hộp đánh trống ngực liên tục. Bệnh nhân được người nhà đưa đi khám tại bệnh viện tỉnh và được nhập viện. Bệnh nhân không sốt, không ho, không đau ngực, tiêu, tiểu bình thường. Tiền căn: • Nhồi máu cơ tim, suy tim mạn được chẩn đoán và điều trị từ năm 60 tuổi. • 3 năm nay, BN khó thở khi đi lại khoảng 50m, thường xuyên khó thở khi nằm đầu thấp, thỉnh thoảng khó thở kịch phát về đêm. • Hiện tại, bệnh nhân đang điều trị liên tục tại Bệnh viện tỉnh với: Furosemide, Spironolactone, Bisoprolol, Enalapril, Atorvastatin, Aspirin. • Hút thuốc lá 30 gói-năm (khoảng 1 gói/ngày trong 30 năm), hiện vẫn còn hút thuốc. Lúc nhập viện bệnh nhân tỉnh. Bác sĩ khám thấy Mạch: không đều, 120 lần/phút; Huyết áp: 110/70 mmHg; Nhiệt độ 370 C; Nhịp thở: 20 lần/phút, đều; SpO2: 95% (khí trời). Phù 2 chân. Tĩnh mạch cảnh nổi 5 cm, phản hồi bụng-tĩnh mạch cảnh dương tính.

— Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
— Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
— Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân sợ lạnh, chân tay lạnh, đại tiện lúc lỏng lúc táo. Chất lưỡi nhạt, sắc tối, rêu trắng khô, mạch trầm vi, vô lực

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
— Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Thần kinh

Một người đàn ông 30 tuổi nói răng anh ta có tiền sử đau đầu kinh niên và tình trạng trở nên tồi tệ hơn từ 1 tuần nay. Cách đây 9 tháng anh ta có gặp 1 vấn đề tương tự và sau khi làm các CLS thì đã loại trừ được các bệnh về xoang. Anh ta lo ngại rằng điều này có thể là do một khối u não. Vì một số người thân của anh ta đã chết vì nhiều loại ung thư.

Anh ta thông có tiền sử chấn thương đầu rõ ràng, mặc dù anh ta đã có nhiều chấn thương trong thể thao. Không có tiền sử từng mắc các bệnh nghiêm trọng khác.

Khi BS đặt câu hỏi cẩn thận về cơn đau. for additional information about lightning link casino. Anh ta khai rằng cơn đau đầu xuất hiện khi thức dậy và trở nên tồi tệ hơn khi ho.
Trong khi khám anh ấy rất ổn. Thị lực bình thường. Phát hiện phù gai thị khi khám mắt nhưng không phát hiện thần kinh khu trú. Khám các bộ phận khác bình thường.

- Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
- Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
- Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
- Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Thận tiết niệu
Bệnh nhân nữ 58 tuổi tiền sử đái tháo đường từ lâu nay có phù và protein niệu trên que thử nước tiểu. Phát hiện bệnh võng mạc do đái tháo đường, bệnh lý thần kinh ngoại vi, không có dấu hiệu gợi ý bệnh lý hệ thống.

- Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
- Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
- Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
- Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân ăn kém, ngủ kém, ngũ tâm phiền nhiệt, lưỡi đỏ, mạch tế sác.

- Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp
Tiêu hóa
Bệnh nhân (BN) nam, 37 tuổi, đến khám vì đau dạ dày.
Lúc đói BN xót dạ dày, sôi bụng. Sau ăn BN đau dạ dày lan ra sau lưng. BN thường xuyên ợ hơi, ợ chua, hôi miệng. Khi đánh răng BN thường xuyên buồn nôn, nôn khan. BN ho khan, ngứa cổ họng, ho tăng khi nằm (kể cả ngày & đêm).
Sau ăn trưa BN nằm nghỉ ngay. Sau ăn tối khoảng 15 – 20 phút BN nằm nghỉ.
BN thường xuyên lo âu, stress. Ăn uống không đúng giờ.
BN uống bia rượu 3-4 lần/ tuần, mỗi lần khoảng 1 xị rượu hoặc 5-6 lon bia; khi uống rượu bia BN rất ít ăn.
BN hút thuốc lá từ 20 tuổi: 17 gói/ năm.
Khám lâm sàng & cận lâm sàng:

- Huyết áp: 125/80 mmHg. Mạch 85 lần/ phút.
- Bụng mềm, không điểm đau.
- Tim T1, T2 đều, rõ, không ổ đập bất thường.
- Phổi: rì rào phế nang đều, rung thanh bình thường, không rales.
- Chiều cao: 1,7 mét – cân nặng 65 kg.
- Nội soi dạ dày: loét nông hang vị, phù nề & sung huyết thân – hang vị; GERD A-LA; H.P dương tính.

- ECG chưa phát hiện bất thường.
- Xquang tim phổi thẳng chưa phát hiện bất thường.
- Siêu âm bụng chưa phát hiện bất thường.

— Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?

— Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp

— Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên

— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân ăn kém, ngủ kém, ngũ tâm phiền nhiệt, lưỡi đỏ, mạch tế sác.

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

— Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Hô hấp

NB nữ 20 tuổi với tình trạng bệnh hen khó kiểm soát được đưa tới khoa cấp cứu với triệu chứng hơi thở ngắn nghiêm trọng và sự thở khò khè khi hít vào và thở ra có thể nghe rõ. NB trông nhợt nhạt, không thể nằm xuống được, và dường nhủ cực kì sợ hãi. Mạch đập là 120 bpm và nhịp thở 32/phút. Mẹ NB nói rằng nb vừa mới mắc cúm nhẹ và đã đỡ từ chiều này. NB sử dụng liệu pháp hít (albuterol) nhưng chỉ khi nào thực sự cần thiết vì bố mẹ cô lo sợ rằng cô sẽ bị lệ thuộc vào thuốc. NB đã sử dụng thêm 2 liều hít ngay trước khi đến bệnh viện, nhưng "thuốc hít dường như không có tác dụng".

— Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?

— Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp

— Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên

— Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân ăn kém, ngủ kém, cơ nhục nhão, sắc nhợt, người mệt, lưỡi hồng, rêu trắng.

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân ăn kémmiệng đắng, mặt đỏ, mắt đỏ, đau căng đầu, ngủ kém, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch huyền.

— Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

❖ *Lâm sàng*

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh trước khi đi bệnh viện thăm khám cho Người bệnh.

- Trên lâm sàng: chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học: để thực hành tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

7. Mô tả Học phần/ Môn học

Xu thế điều trị các bệnh lý hiện nay thường phối hợp điều trị YHHĐ và các liệu pháp YHCT để gia tăng kết quả điều trị đồng thời giảm bớt tác dụng phụ của thuốc. Môn học Nội khoa Y học cổ truyền 2 sẽ hướng dẫn học viên cách thức khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa chuyên ngành bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ. Môn học này sẽ cung cấp kiến thức nội khoa YHCT và cập nhật các kiến thức mới nhất của YHHĐ về các chứng bệnh Nội khoa chuyên ngành. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT hiện nay.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
17.	Viêm gan mạn	2/0/4	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Viêm gan mạn theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Viêm gan mạn theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
18.	Xơ gan	2/0/4	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Xơ gan theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Xơ gan theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
19.	Thiểu năng tuần hoàn não	3/0/6	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán TNTHN theo YHCT.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét,	Điểm thường xuyên

			- Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng TNTHN theo YHCT kết hợp YHHĐ.		Nghiên cứu tình huống	đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi. 1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
20.	Thoái hóa khớp	3/0/6	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán THK theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng THK theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
21.	Suy nhược cơ thể	3/0/7	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán SNCT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng SNCT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
22.	Tâm căn suy nhược	3/0/7	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán TCSN theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng TCSN theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống		Điểm thường xuyên
23.	Bệnh lý khối u	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học		Điểm thường xuyên

			đoán Bệnh lý khối u theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Bệnh lý khối u theo YHCT kết hợp YHHĐ.		bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
24.	Đau TK liên sườn	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Đau TKLS theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Đau TKLS theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
25.	Nhồi máu cơ tim	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán NMCT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng NMCT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
26.	Suy tim	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán ST theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống		Điểm thường xuyên

			với thực tiễn và dự phòng ST theo YHCT kết hợp YHHĐ.				
27.	Rối loạn TK tim	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán RLTKT theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng RLTKT theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống		Điểm thường xuyên
28.	Hội chứng thận hư	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán HCTH theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng HCTH theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
29.	Thiếu máu	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Thiếu máu theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Thiếu máu theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
30.	Mất ngủ	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo	Điểm thường xuyên

			đoán Mất ngủ theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Mất ngủ theo YHCT kết hợp YHHĐ.		bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
31.	Viêm cầu thận cấp	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VCTC theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VCTC theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
32.	Viêm cầu thận mạn	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VCTM theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VCTM theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
33.	Viêm bàng quang	2/0/5	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán VBQ theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng VBQ theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

34.	Đái dầm	2/0/4	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Đái dầm theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Đái dầm theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
35.	Đái máu	2/0/4	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán Đái máu theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng Đái máu theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
36.	Hen phế quản	3/1/6	- Giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh và biện chứng để chẩn đoán HFQ theo YHCT. - Vận dụng kiến thức đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng HFQ theo YHCT kết hợp YHHĐ.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, PP Nghiên cứu tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
37.	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Vận dụng kiến thức để giải thích được căn nguyên, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị, dự phòng các bệnh Nội khoa YHCT	CLO1 CLO2			Theo rubric

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
1	Cách làm bệnh án Nội khoa YHCT	2/0/1	Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ	CL04	1 đến 5	- Thảo luận nhóm nhỏ - Phân tích tình huống	- Chuẩn bị trước bài - Thăm khám chuẩn bị bệnh nhân - Lắng nghe - Trả lời câu hỏi - Làm bài tập - Thảo luận	
2	Viêm gan mạn	2/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VGM bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VGM.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA	Điểm thường xuyên

			-Làm được bệnh án VGM gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	
3	Xơ gan	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Xơ gan bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Xơ gan. -Làm được bệnh án Xơ gan gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
4	Thiểu năng tuần hoàn não	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị TNTHN bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị TNTHN. -Làm được bệnh án TNTHN gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			-Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			- Đóng vai		
5	Thoái hóa khớp	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị THK bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị THK. -Làm được bệnh án THK gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
6	Suy nhược cơ thể	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị SNCT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị SNCT. -Làm được bệnh án SNCT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
7	Tâm căn suy	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán,	CL03	1 đến 5	- Dạy học lâm	1.Tự học: như	Điểm

	nhược		lập pháp, phương điều trị TCSN bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị TCSN. -Làm được bệnh án TCSN gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CLO4 CLO5		sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	thường xuyên
8	Bệnh lý khối u	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Bệnh lý khối u bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Bệnh lý khối u. -Làm được bệnh án Bệnh lý khối u gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
9	Đau TK liên sườn	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Đau TKLS bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Đau TKLS.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA	Điểm thường xuyên

			-Làm được bệnh án Đau TKLS gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	
10	Nhồi máu cơ tim	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị NMCT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị NMCT. -Làm được bệnh án NMCT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
11	Suy tim	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Suy tim bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Suy tim. -Làm được bệnh án Suy tim gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			-Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			- Đóng vai		
12	Rối loạn TK tim	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị RLTKT bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị RLTKT. -Làm được bệnh án RLTKT gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
13	Hội chứng thận hư	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị HCTH bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị HCTH. -Làm được bệnh án HCTH gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
14	Thiếu máu	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán,	CL03	1 đến 5	- Dạy học lâm	1.Tự học: như	Điểm

			lập pháp, phương điều trị TM bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị TM. -Làm được bệnh án TM gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CLO4 CLO5		sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	thường xuyên
15	Mất ngủ	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Mất ngủ bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Mất ngủ. -Làm được bệnh án Mất ngủ gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
16	Viêm cầu thận mạn	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VCT Mạn bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VCT Mạn.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA	Điểm thường xuyên

			-Làm được bệnh án VCT Mạn gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	
17	Viêm cầu thận cấp	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VCTC bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VCTC. -Làm được bệnh án VCTC gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
18	Viêm bàng quang	3/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị VBQ bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị VBQ. -Làm được bệnh án VBQ gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên

			-Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.			- Đóng vai		
19	Đái dầm	2/0/1	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Đái dầm bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Đái dầm. -Làm được bệnh án Đái dầm gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
20	Đái máu	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, phương điều trị Đái máu bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị Đái máu. -Làm được bệnh án Đái máu gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CL03 CLO4 CLO5	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	Điểm thường xuyên
21	Hen phế quản	3/0/2	-Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán,	CL03	1 đến 5	- Dạy học lâm	1.Tự học: như	Điểm

			lập pháp, phương điều trị HFQ bằng YHCT k/h YHHĐ. -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi điều trị HFQ -Làm được bệnh án HFQ gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB, thể hiện tính chuyên nghiệp khi hành nghề.	CLO4 CLO5		sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	mục 6.2.3 2.Trên lớp: Thăm khám Nb Trình bày BA Trình diễn khám Lập luận Tư vấn NB	thường xuyên
22	Hỏi thi lâm sàng	0/8/0			1 đến 5			Hỏi thi lâm sàng

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thời gian	**Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu**	**Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ**
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau)*
8h30-10h30	FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5) Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,.. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh	
10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần X 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GĐ bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự	
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	Học lý thuyết tại trường	
18h00-7h00	**Trực:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực.	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <80% số buổi	Đi học 80-85% buổi	Đi học 86-90%-buổi	Đi học 91-99% buổi, không đi muộn	Đi học đủ 100% buổi, không đi muộn	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5,5 – 6,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8,5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá thường xuyên lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	MỨC D (4,0-5,4)	MỨC C (5,5-6,9)	MỨC B (7,0-8,4)	MỨC A (8,5-10)	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Không đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu về số lượng nhưng chưa thạo	Đạt chỉ tiêu về số lượng và tự thực hiện được	Đạt chỉ tiêu về số lượng và thành thạo	Đạt chỉ tiêu về số lượng và thành thạo mang lại hiệu quả LS	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	30%

Rubric 3: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám BN: - Hỏi bệnh - Thăm khám - Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2,1	2,2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0,3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0,1

10. Tài liệu học tập

Tài liệu giảng dạy chính:

1. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.

2. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền,* NXB Y học Hà Nội.

3. Khoa Y học cổ truyền – Trường đại học Y Hà Nội (2018) , *Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền,* NXB Y học Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

4. Trường đại học Y Hà nội (2024), *Giáo trình kỹ năng y khoa*, Nhà xuất bản Y học
5. Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội (2022), *Bệnh học Nội khoa tập 1*, Nhà xuất bản y học.
6. Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội (2022), *Bệnh học Nội khoa tập 2* , Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 202…..

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC HIỆN ĐẠI

Đối tượng đào tạo: Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ngoại bệnh lý Y học hiện đại

* Tiếng Việt: Ngoại bệnh lý Y học hiện đại

* Tiếng Anh: Pathology Surgery in Modern Medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI4106

- Số tín chỉ: 02 LT / 02 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 60 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 15 tiết

+ Thời gian tự học: 90 tiết

+ Thảo luận/ làm việc nhóm: 05 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Y học cổ truyền (năm thứ 4)

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☑						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Sinh viên học hết các học phần từ năm thứ nhất đến hết năm thứ 3

+ Học phần học trước: Không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Phạm Thái Hưng	0982714599	Ngoại	phamthaihung73@gmail.com
2	BSCKI. Phạm Việt Dương	0902110224	Ngoại	Duongpv1104@gmail.com
3	ThS. Phạm Quang Khải	0394596999	Ngoại	Quangkhaipham96@gmail.com
4	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	0915668285	Ngoại	Nghĩa.dr@gmail.com
5	PGS.TS Ngô Mạnh Hùng	0908593998	Ngoại	Ngomanhhung@gmail.com
6	TS Nguyễn Thành Vinh	0968883366	Ngoại	Dr.thanhvinh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệuMục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Sử dụng được các kiến thức cơ bản về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh để khám giải thích các triệu chứng, chẩn đoán bệnh lý ngoại khoa. Đưa ra được chỉ định, đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.
MT HP2	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường để đưa ra chẩn đoán và hướng điều trị.
MT HP3	Phát hiện, xử trí kịp thời, an toàn và chuyển tuyến phù hợp những cấp cứu thông thường tại tuyến y tế cơ sở.
MT HP4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm: Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị, tư vấn dự phòng một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MTHP 1	3	3	2	2		
MTHP 2		3	3	3	2	2
MTHP 3		2	2	3	2	2
MTHP 4						3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ mo dun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Sử dụng được các kiến thức cơ bản về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh để khám giải thích các triệu chứng, chẩn đoán bệnh lý ngoại khoa. Đưa ra được chỉ định, đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh ngoại khoa thông thường.
CLO2	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thông thường để đưa ra chẩn đoán và hướng điều trị.
CLO3	Phát hiện, xử trí kịp thời, an toàn và chuyển tuyến phù hợp những cấp cứu thông thường tại tuyến y tế cơ sở.

CLO4	Kết hợp YHCT và YHHĐ đưa ra được hướng điều trị một số bệnh ngoại khoa thông thường.
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm: Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị, tư vấn dự phòng một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

5.Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO*có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3		3		1	1					2			3	3		
CLO 2	3		3	3	3	1	2										
CLO 3	3		3		1	1								2	2		
CLO 4			2	3	1	1	2				2			2	2		
CLO 5	2		2		1	1	2				2			3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa thử phản xạ
4	Đèn soi đồng tử

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: tại buồng bệnh và phòng khám bệnh

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường):

Đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; các nghiên cứu mới nhất về kỹ thuật phẫu thuật; Chủ động thực hành luyện tập các kỹ năng; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nhómđể đảm bảo phối hợp hiệu quả; học hỏi, nghiên cứu và phát triển bản thân trong suốt sự nghiệp y khoa.

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiệnnghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên tại Học Viện cũng như tại Bệnh viện thực hành. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán, hướng điều trị theo chỉ tiêu thực hành.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài Chạm thương bụng

Tình huống: bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị tai nạn xe máy, ngã đập bụng vào tay lái. Bệnh nhân đau bụng nhiều, mạch 110 lần/phút, huyết áp 90/60 mmHg. Khám thấy bụng chướng nhẹ, ấn đau vùng hạ vị, siêu âm FAST có dịch tự do trong ổ bụng.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán ban đầu của bạn là gì?
2. Những xét nghiệm, cận lâm sàng nào cần thực hiện tiếp theo?
3. Hướng xử trí phù hợp trong trường hợp này?

Bài Chấn thương và vết thương sọ não

Tình huống: Bệnh nhân nam, 40 tuổi, bị tai nạn giao thông, ngã đập đầu xuống đường. Khi vào viện, bệnh nhân lơ mơ, glasgow 10 điểm, có vết bầm tím tụ máu dưới da đầu vùng thái dương trái, vết rách da đầu vùng đỉnh máu chảy thành dòng, đồng tử hai bên không đều. Chụp CT sọ não cho thấy tụ máu ngoài màng cứng.

***Câu hỏi thảo luận*:**

1. Chẩn đoán và phân loại mức độ chấn thương sọ não của bệnh nhân?
2. Những dấu hiệu nào cảnh báo diễn tiến nặng?
3. Hướng xử trí cấp cứu trong trường hợp này?

Bài Chấn thương vàvết thương ngực

Tình huống: BN: Nguyễn Thị L Tuổi: 36 Giới tính: Nữ

- Tiền sử: Khỏe mạnh, không có bệnh lý nền.
- Sau một vụ tai nạn giao thông, bệnh nhân bị đau ngực dữ dội, khó thở, ho ra máu nhẹ, khó khăn trong việc thở sâu.
- Khám lâm sàng: Mạch 110 lần/phút, huyết áp 120/70 mmHg, da tái, khó thở, có cảm giác di động khi ấn lên vùng ngực bên phải.
- Cận lâm sàng: X-quang ngực gãy nhiều xương sườn, không có tràn khí màng phổi.

Câu hỏi thảo luận:

1. Dựa vào triệu chứng và kết quả chẩn đoán hình ảnh,thảo luận để đưa ra chẩn đoán.
2. Thảo luận để đưa ra hướng xử trí ?
3. Theo dõi bệnh nhân như thế nào và những điều cần chú ý trong quá trình phục hồi sau chấn thương ngực?

Bài Viêm ruột thừa

Tình huống: Bệnh nhân nữ, 22 tuổi, vào viện vì đau bụng hố chậu phải tăng dần trong 12 giờ. Khám thấy sốt nhẹ 38°C, ấn đau và có phản ứng nhẹ tại hố chậu phải. Xét nghiệm bạch cầu 14.000/mm³, CRP tăng. Siêu âm bụng ghi nhận ruột thừa dày 8mm, có dịch quanh ruột thừa.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và hướng xử trí ban đầu cho bệnh nhân?
2. Khi nào cần chỉ định phẫu thuật ngay?
3. **Nếu không điều trị kịp thời, bệnh nhân có thể gặp biến chứng gì?**

Bài Hẹp môn vị

Tình huống: Bệnh nhân nam, 50 tuổi, đau thượng vị kéo dài, kèm nôn nhiều sau ăn, nôn ra thức ăn cũ, sút cân trong 2 tháng. Khám thấy bụng lõm, dấu hiệu óc ách lúc đói (+). Nội soi dạ dày phát hiện loét xơ chai vùng môn vị, hẹp lòng môn vị.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và nguyên nhân gây hẹp môn vị trong trường hợp này?
2. Các xét nghiệm cận lâm sàng cần thực hiện thêm?
3. Hướng điều trị nội khoa và chỉ định phẫu thuật?

Bài Thủng ổ loét dạ dày tá tràng

Tình huống: Bệnh nhân nam, 45 tuổi, tiền sử loét dạ dày mạn tính, vào viện vì đau bụng đột ngột dữ dội vùng thượng vị, lan khắp bụng. Khám thấy bụng co cứng như gỗ, ấn rất đau, dấu hiệu mất vùng đục trước gan (+). Chụp X-quang bụng đứng phát hiện liềm hơi dưới hoành.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán xác định và phân biệt với bệnh lý khác?
2. Hướng xử trí cấp cứu ban đầu?

Bài Ung thư dạ dày

Tình huống: Bệnh nhân nam, 55 tuổi, sút 7kg trong 3 tháng, ăn nhanh no, đầy bụng, đau âm ỉ thượng vị. Khám thấy thiếu máu nhẹ, sờ có khối cứng vùng thượng vị. Nội soi dạ dày phát hiện khối loét sùi ở hang vị, sinh thiết kết luận ung thư biểu mô tuyến.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân biệt với các bệnh lý dạ dày khác?
2. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh và xét nghiệm cần thực hiện thêm?
3. Hướng điều trị phù hợp theo giai đoạn bệnh?

Bài Ung thư Đại tràng

Tình huống: Bệnh nhân nam, 60 tuổi, có tiền sử táo bón kéo dài, gần đây xuất hiện đau bụng âm ỉ, sụt 5kg trong 2 tháng, đi ngoài phân lẫn máu. Khám bụng không thấy khối rõ, xét nghiệm thiếu máu nhược sắc. Nội soi đại tràng phát hiện khối u hẹp lòng đại tràng sigma, sinh thiết xác định ung thư.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân biệt với các bệnh lý đại tràng khác?
2. Các xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh cần thực hiện thêm?

3. Hướng điều trị theo từng giai đoạn bệnh?

Bài Viêm tụy cấp

Tình huống: Bệnh nhân nam, 45 tuổi, tiền sử uống rượu nhiều, vào viện vì đau bụng đột ngột vùng thượng vị, lan ra sau lưng, kèm buồn nôn và nôn. Khám thấy bụng chướng nhẹ, đau nhiều vùng thượng vị, phản ứng thành bụng (+). Xét nghiệm amylase và lipase máu tăng cao gấp 4 lần bình thường.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân loại mức độ viêm tụy cấp trong trường hợp này?
2. Các nguyên nhân có thể gây viêm tụy cấp?
3. Hướng xử trí ban đầu và tiêu chí đánh giá tiên lượng bệnh?

Bài sỏi mật và biến chứng

Tình huống: Bn Nam 50 tuổi; Đau bụng bắt đầu cách đây 2 ngày, không có yếu tố khởi phát rõ rang; Đau vùng hạ sườn phải, ban đầu âm ỉ nhưng dần tăng lên; Đau liên tục, có lúc đau nhói lan lên vai phải.; Đau tăng khi ăn đồ dầu mỡ.; Nghỉ ngơi có cải thiện một chút.

Triệu chứng kèm theo:

- Sốt nhẹ 38,2°C
- Buồn nôn nhưng không nôn; Không tiêu chảy, không bí trung đại tiện

Tiền sử: Không bệnh lý gan, thận, không tiền sử loét dạ dày

Khám lâm sàng:

- HA 130/80 mmHg, mạch 90 l/ph, nhiệt độ 38,2°C
- Quan sát: Bệnh nhân nằm co chân phải, có vẻ khó chịu
- Sờ nắn: Đề kháng nhẹ vùng hạ sườn phải; Ấn điểm Murphy (+)
  Không có phản ứng dội, không dấu hiệu Blumberg

Câu hỏi thảo luận nhóm:

1. **Chẩn đoán sơ bộ của bạn là gì?Các chẩn đoán phân biệt cần xem xét?**
2. **Bạn sẽ chỉ định những cận lâm sàng nào để xác định nguyên nhân?**
3. **Nếu siêu âm cho thấy thành túi mật dày, có sỏi và dịch quanh túi mật, hướng xử trí tiếp theo là gì?**

Bài Sỏi tiết niệu

Tình huống: BN nam Tuổi: 45 Giới tính: Nam

- Tiền sử: Không có bệnh lý nền nghiêm trọng.
- Triệu chứng hiện tại: Đau quặn bụng dữ dội, kéo dài 3 ngày, đau vùng hông trái, lan xuống bẹn và đùi trái, tiểu buốt, tiểu rắt.
- Khám lâm sàng: Mạch 100 lần/phút, huyết áp 130/85 mmHg, đau khi ấn vào vùng hông trái, dấu hiệu chạm thận trái dương tính.
- Cận lâm sàng: Siêu âm bụng cho thấy hình ảnh sỏi niệu quản trái kích thước 1.5 cm, có dấu hiệu ứ nước thận trái.

Câu hỏi thảo luận:

1. Dựa vào triệu chứng và cận lâm sàng,gì để chẩn đoán và phác đồ điều trị đầu tiên là gì?
2. Nếu sỏi niệu quản không tự qua được, bạn sẽ lựa chọn phương pháp điều trị nào và tại sao?
3. Những biến chứng nào có thể xảy ra nếu sỏi niệu quản không được điều trị kịp thời?

Bài Gãy Xương hở

Tình huống: Bệnh nhân nam 26 tuổi, tai nạn giao thông xe máy tự ngã cách 01 giờ, được người dân đưa vào viện. Sau tai nạn bệnh nhân bất tỉnh khoảng 20p, sau tỉnh không nhớ sự việc xảy ra, có vết thương lớn chảy máu nhiều, lộ xương và đau dữ dội cẳng chân (T). Khám lâm sàng vào viện ghi nhận:

- Bệnh nhân tỉnh tiếp xúc được, G: 15 điểm, hơi thở mùi cồn
- Tiền sử nội khoa khỏe mạnh, Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa cách 5 năm ổn định
- Mạch: 90 (l/p), HA: 90/60 mmHg
- Biến dạng rõ tại 1/3G cẳng chân (T), vết thương dập nát phức tạp kt ~ 15x8 cm lộ xương, chảy máu nhiều.Bàn chân (T) lạnh không bắt được mạch mu

Câu hỏi thảo luận:

1. Dựa trên thông tin lâm sàng, Anh (chị) hãy nêu chẩn đoán sơ bộ với bệnh cảnh trên? Cần tiến hành làm thêm những kỹ thuật, thủ thuật hay Cận lâm sàng nào để khẳng định?
2. Anh (chị) hãy nêu ra phương hướng và điều trị cụ thể cho bệnh nhân này?
3. Các biến chứng có thể có và cách phòng ngừa đối với bệnh nhân này?

Bài Gãy 2 xương cẳng tay

Tình huống: Bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị ngã từ độ cao, đau và sưng nề cẳng tay phải. Khám thấy cẳng tay biến dạng, có khối u dưới da, không có vết thương hở. X-quang cho thấy gãy cả xương quay và xương trụ.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân loại gãy xương của bệnh nhân?
2. Hướng xử trí ban đầu và phương pháp điều trị phù hợp?

Bài Gãy 2 xương cẳng chân

Tình huống:Bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị tai nạn xe máy, ngã và đập mạnh cẳng chân xuống đường. Khám thấy cẳng chân sưng to, biến dạng rõ, đau nhiều, mạch mu chân yếu. X-quang cho thấy gãy cả xương chày và xương mác.

Câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân loại gãy xương của bệnh nhân?
2. Nguy cơ biến chứng nào cần lưu ý?
3. Hướng xử trí và điều trị phù hợp?

Bài Đại cương bỏng

Tình huống: Bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị bỏng do nước sôi đổ vào người. Khi vào viện, bệnh nhân đau rát nhiều, vùng ngực và cánh tay trái đỏ, phồng rộp. Diện tích bỏng khoảng 15% diện tích cơ thể. Bệnh nhân tỉnh, mạch 100 lần/phút, huyết áp 110/70 mmHg.

Câu hỏi thảo luận:

1. Đánh giá mức độ và phân loại bỏng của bệnh nhân?
2. Các nguyên tắc sơ cứu ban đầu và xử trí cấp cứu?
3. Khi nào cần truyền dịch và nhập viện điều trị?

❖ **Lâm sàng**

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Ngoại bệnh lý dành cho sinh viên YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Đặc điểm dịch tễ, sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp trong cộng đồng, đồng thời có khả năng dựa vào các kiến thức cơ bản về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh để phân tích các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và đưa ra được chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét

nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh ngoại khoa thông thường. Làm việc độc lập và làm việc nhóm. Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm, thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)**	**Số tiết (LT/TH/TT)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**(*)	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chạm thương bụng	02/0/4	Trình bày được tổn thương GPB trong CT bụng Khám được HC chảy máu trong ổ bụng và HC VPM do vỡ tạng rỗng Đưa ra được nguyên tắc ĐT CT bụng	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
2	Chấn thương và vết thương sọ não	02/0/4	Mô tả được nguy cơ của CTSN – VTSN, các thương tổn thường gặp Khám, chẩn đoán được chấn thương sọ não máu tụ nội sọ và đưa ra được cách thức xử trí các loại máu tụ nội sọ Công thức chẩn đoán, biến chứng của VTSN Sơ cứu được bệnh nhân vết thương sọ não hở	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
3	Chấn thương và vết thương ngực	02/0/4	Trình bày được đặc điểm tổn thương GPB trong CTNK – VTN Chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí một	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận	Điểm thường xuyên

			số thương tổn thường gặp trong chấn thương ngực kín Chẩn đoán và sơ cứu được vết thương ngực hở đơn thuần			xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
4	Viêm ruột thừa	02/0/4	Trình bày được bất thường về giải phẫu của ruột thừa Phân tích được các giai đoạn và biến chứng của viêm ruột thừa Chẩn đoán và tư vấn được các phương pháp điều trị ruột thừa viêm và các biến chứng VRT	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Hẹp môn vị	02/0/4	Phân tích được nguyên nhân gây HMV thường gặp Chẩn đoán và phân loại được các giai đoạn của hẹp môn vị Trình bày được Nguyên tắc và các phương pháp điều trị một số nguyên nhân gây HMV thường gặp	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
6	Thủng ổ loét dạ dày tá tràng	02/0/4	Chẩn đoán được thủng ổ loét dạ dày tá tràng và các biến chứng Đưa ra được nguyên tắc và các phương pháp điều trị Thủng ổ loét dạ dày tá tràng	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7	Ung thư dạ dày	02/0/4	Trình bày được các yếu tổ thuận lợi gây Ung thư dạ dàyvà giai đoạn ung thư dạ dày theo giải phẫu bệnh Chẩn đoán được ung thư dạ dàyvà các biến	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, ðánh giá, thảo luận,	

			chứng Đưa ra được nguyên tắc và các phương pháp điều trị ung thư dạ dày			nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	Ung thư Đại tràng	02/0/4	Trình bày được các yếu tổ thuận lợi gây Ung thư dạ dày và giai đoạn ung thư đại tràng Theo giải phẫu bệnh Chẩn đoán được ung thư đại tràng và các biến chứng Đưa ra được nguyên tắc và các phương pháp điều trị ung thư đại tràng	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
9	Viêm tụy cấp	02/0/4	Trình bày được nguyên nhân, đặc điểm tổn thương GPB – diễn biến của viêm tuỵ cấp Khám, chẩn đoán được viêm tuỵ cấp Đưa ra được nguyên tắc điều trị và dự phòng phòng viêm tuỵ cấp	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
10	Sỏi mật và biến chứng	02/0/4	Trình bày được nguyên nhân, đặc điểm tổn thương GPB – diễn biến của Sỏi mật Khám, chẩn đoán được sỏi ống mật chủ Đưa ra được nguyên tắc điều trị và dự phòng phòng tái phát sỏi mật	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
11	Sỏi tiết niệu	2/0/4	- Trìnhbàyđượcnhữngyếutốthuậnlợivàđặcđiểmdịchtễhọccủasỏihệtiếtniệu. - Khám phát hiện được đượccáctriệuchứnglâmsàng, và ddwa ra các chỉ định cậnlâmsàngsỏithận, sỏiniệuquản, sỏibàngquang, sỏiniệuđạo	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

			- Phân tích đượccácbiếnchứngcủasỏitiếtniệu và dự phòng sỏi tiết niệu				
12	Gãy xương hở	02/0/4	**- Trình bày được định nghĩa, cơ chế chấn thương và phân loại gãy xương hở.** - Khám phát hiện **các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng giúp chẩn đoán và đánh giá mức độ tổn thương trong gãy xương hở.** - Đưa ra **được nguyên tắc xử trí cấp cứu, điều trị và phòng ngừa biến chứng trong gãy xương hở.**	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
13	Gãy 2 xương cẳng tay	02/0/4	**- Trình bày được giải phẫu, cơ chế chấn thương và phân loại gãy hai xương cẳng tay.** - Khám phát hiện được **các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng giúp chẩn đoán và đánh giá mức độ tổn thương trong gãy hai xương cẳng tay.** **Đưa ra được nguyên tắc xử trí, các phương pháp điều trị và phòng ngừa biến chứng của gãy hai xương cẳng tay.**	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
14	Gãy 2 xương cẳng chân	2/0/4	**- Trình bày được giải phẫu, cơ chế chấn thương và phân loại gãy hai xương cẳng chân.** - Khám phát hiệnđược **các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng giúp chẩn đoán gãy hai xương cẳng chân và phát hiện sớm hội**	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

			chứng khoang. - Đưa ra **được các nguyên tắc xử trí, phương pháp điều trị gãy hai xương cẳng chân, cũng như xử trí cấp cứu hội chứng khoang để tránh biến chứng nghiêm trọng.**				
15	Đại cương bỏng	02/0/4	**- Trình bày được khái niệm, cơ chế gây bỏng và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tổn thương do bỏng.** **- Phân loại bỏng theo nguyên nhân và phân độ bỏng dựa trên mức độ tổn thương mô.** **- Nêu được nguyên tắc chẩn đoán, đánh giá mức độ nặng của bỏng và định hướng xử trí ban đầu.**	CLO 1 CLO2 CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm CBL	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
16	Thi Lý thuyết kết thúc học phần	0/2/0					Thi trắc nghiệm trên phần mềm Itest theo lịch thi của P.ĐTĐH

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chạm thương bụng	4/0/2	-Áp dụng được kiến thức về Giải phẫu bệnh nhận định thương tổntrong chấn thương và vết thương bụng - Khám được hội chứng chảy máu trong ổ bụng và hội chứng VPM do vỡ tạng rỗng - Phân tích được phương pháp xử trí tạng tổn thương trong chấn thương và vết thương bụng	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án; bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
2	Chấn thương và vết thương sọ não	4/0/2	**- Phân tích được các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng giúp chẩn đoán chính xác mức độ tổn thương trong chấn thương và vết thương sọ não.** **- Đánh giá và quyết định phương pháp xử trí phù hợp dựa trên tình trạng lâm sàng của bệnh nhân, bao gồm cấp cứu ban đầu,**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án; bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			theo dõi và điều trị ngoại khoa nếu cần. **- Dự đoán tiên lượng và xác định các biến chứng có thể xảy ra sau chấn thương sọ não, từ đó xây dựng kế hoạch điều trị và phục hồi chức năng hiệu quả.**					
3	Ung thư dạ dày	4/0/2	**- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của ung thư dạ dày, giúp nhận biết bệnh ở các giai đoạn khác nhau.** **- Đánh giá và đưa ra quyết định chẩn đoán dựa trên các phương pháp nội soi, sinh thiết, chẩn đoán hình ảnh và các chỉ dấu ung thư.** **- Dự đoán tiên lượng bệnh, xác định hướng điều trị phù hợp và theo dõi biến chứng sau điều trị.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
4	Thủng ổ loét dạ dày tá tràng	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để đánh giá triệu chứng của bệnh nhân nghi ngờ loét dạ dày – tá tràng.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và đánh giá mức độ tổn thương.** **- Xây dựng kế hoạch điều trị phù**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			hợp cho bệnh nhân và theo dõi biến chứng.					
5	Gãy 2 xương cẳng tay	4/0/2	**- Thực hiện thăm khám lâm sàng để đánh giá mức độ tổn thương, biến dạng chi, dấu hiệu mất cơ năng và biến chứng thần kinh – mạch máu trong gãy hai xương cẳng tay.** **- Phân tích phim X-quang để xác định vị trí, hướng gãy, mức độ di lệch của xương và đưa ra chẩn đoán chính xác.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng kỹ thuật sơ cứu, bất động, nắn chỉnh (nếu được phép), đề xuất phương án điều trị phù hợp (bảo tồn hay phẫu thuật) và hướng dẫn bệnh nhân chăm sóc sau điều trị.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
6	Gãy 2 xương cẳng chân	4/0/2	**- Thực hiện thăm khám lâm sàng để đánh giá mức độ tổn thương trong gãy hai xương cẳng chân, nhận biết sớm các dấu hiệu của hội chứng khoang** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán chính xác gãy hai xương cẳng chân và đánh giá**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			nguy cơ hội chứng khoang. **- Lựa chọn và thực hiện đúng kỹ thuật sơ cứu, theo dõi diễn tiến hội chứng khoang, đề xuất phương án điều trị phù hợp).**					
7	Ung thư Đại tràng	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để nhận diện các triệu chứng nghi ngờ ung thư đại tràng** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để xác định chẩn đoán và đánh giá giai đoạn bệnh.** **- Xây dựng kế hoạch điều trị phù hợp cho bệnh nhân dựa trên giai đoạn ung thưvà theo dõi sau điều trị để phát hiện tái phát hoặc biến chứng.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy khám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

8	Viêm ruột thừa	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để nhận diện các triệu chứng điển hình và không điển hình của viêm ruột thừa cấp…** **-Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định, đánh giá mức độ viêm và phát hiện các biến chứng như vỡ ruột thừa, áp-xe.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí, chỉ định phẫu thuật, hướng dẫn chăm sóc hậu phẫu và theo dõi biến chứng sau điều trị**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
9	Hẹp môn vị	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để nhận diện các triệu chứng đặc trưng của hẹp môn vị.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định, đánh giá nguyên nhân và mức độ hẹp môn vị.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trívà đề xuất**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			phương pháp điều trị phù hợp.					
10	Viêm tụy cấp	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để nhận diện các triệu chứng điển hình của viêm tụy cấp.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định, phân loại mức độ nặng và phát hiện biến chứng của viêm tụy cấp.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí, đánh giá chỉ định can thiệp nội soi mật tụy (ERCP) hoặc phẫu thuật khi cần thiết.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
11	Sỏi tiết niệu	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để phát hiện các triệu chứng của sỏi tiết niệu.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định, đánh giá vị trí, kích thước sỏi và mức độ tắc nghẽn.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí, bao gồm hướng dẫn điều trị nội khoa, chỉ định các phương pháp can thiệp và phẫu thuật khi cần thiết.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

12	Chấn thương và vết thương ngực	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để phát hiện các dấu hiệu của chấn thương ngực.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định loại tổn thương (gãy xương sườn, tràn khí màng phổi, tràn máu màng phổi, tổn thương tim – phổi).** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí cấp cứuvà theo dõi diễn tiến bệnh nhân.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
13	Đại cương bỏng	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để đánh giá nguyên nhân, diện tích và độ sâu của tổn thương bỏng, xác định mức độ nặng của bỏng theo phân loại lâm sàng.** **- Phân tích các xét nghiệm và cận lâm sàng liên quan để đánh giá ảnh hưởng toàn thân của bỏng và phát hiện biến chứng sớm.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí cấp cứu bỏng, bao gồm sơ cứu ban đầu, hồi sức, giảm đau, chăm sóc vết thương và theo dõi tiến triển của bệnh**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, dạykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			nhân.					
14	Sỏi mật và biến chứng	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để nhận diện các triệu chứng của sỏi ống mật chủ và biến chứng.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán xác định, đánh giá mức độ tắc nghẽn và phát hiện biến chứng như viêm đường mật, viêm tụy cấp do sỏi.** **- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí, bao gồm điều trị nội khoa chỉ định can thiệp (nội soi ERCP lấy sỏi, dẫn lưu mật, phẫu thuật và theo dõi sau điều trị để ngăn ngừa tái phát.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên
15	Gãy xương hở	4/0/2	**- Thực hiện khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng để đánh giá mức độ gãy xương hở, phân loại theo Gustilo-Anderson, xác định nguy cơ nhiễm trùng và tổn thương mô mềm kèm theo.** **- Phân tích kết quả cận lâm sàng để chẩn đoán chính xác mức độ gãy xương, đánh giá tình trạng nhiễm trùng và đề xuất phương án điều trị phù hợp.**	CLO 1 CLO2 CLO 3 CLO4 CLO5		Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm. - Bình bệnh án, bảng kiểm, đóng vai	Thuyết trình, thảo luận nhóm, daykhám tại buồng bệnh nhân trên bệnh nhân thật Đóng vai người bệnh	Điểm thường xuyên

			- Lựa chọn và thực hiện đúng quy trình xử trí ban đầu, bao gồm rửa vết thương, băng vô trùng, cố định xương tạm thời, sử dụng kháng sinh dự phòng và chuẩn bị phẫu thuật kết hợp xương hoặc ghép mô khi cần thiết.					
16	Làm BA thi	0/4/0	Các mặt bệnh đã học	CLO3, CLO4, CLO5		Bốc bệnh nhân tại khoa Lâm sàng	Khám bệnh và làm bệnh án tại khoa thi lâm sàng	Điểm thi
	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5		Hỏi thi trên bệnh nhân	Thực hiện trên bệnh nhân	Điểm thi
	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5		Hỏi thi	Trả lời câu hỏi	Điểm thi lâm sàng

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

- Điểm thái độ, chuyên cần:Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC)

Rubric 1: + Áp dụng cho giờ học Lý thuyết

- Điểm thái độ, chuyên cần:Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC)

Số giờ TC nghỉ học so với Số giờ TC quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng	10 điêm
Vắng học <= 10%	7-9 điêm
Vắng học > 10% - 15%	5-7 điểm
Vắng học > 15% - 20%	3-5 điểm
Vắng học > 20% - 25%	0-3 điểm
Vắng học > 25%	Không được thi KTHP

Chú thích:

+ Nghỉ học có lý do lấy điểm cận trên.

+ Nghỉ học không có lý do lấy điểm cận dưới.

+ Áp dụng cho giờ học lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọngsố
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <12 buổi	Đi học <13 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <14 buổi, không đi muộn	Đi học <15 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 15 buổi	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40%

Rubric 2: + Áp dụng cho giờ học Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trựckhông đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	**20%**
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	**20%**
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham giahoạt động gì tạilớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổiý kiến liên quan đến bài học. Cácđóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: + Áp dụng cho thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	**30%**
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	**15%**
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	**15%**
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	**40%**

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hìnhthức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lýthuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	40 %	24	8	8	8
CLO2	60 %	36	8	16	12
Tổng	100%	60	16	24	20

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tàiliệuhọctập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Giáo trình Ngoại khoa, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Ngoại Bệnh lý (2008), Bộ Y tế, NXB Y học.
[2] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa (2001), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[3] Bệnh học ngoại khoa (2003), Bộ Y tế, NXB Y học.
[4] Giáo trình Bệnh học ngoại khoa bụng (2010), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[5] Bệnh học ngoại khoa tiết niệu (2007), Học viện quân y, NXB Quân đội nhân dân.
[6] Bệnh học ngoại khoa tiêu hóa (2013), Đại học y dược TP. Hồ Chí Minh, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng đào tạo:Y học cổ truyền, Trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Ngoại khoa YHCT
* Tiếng Việt: Ngoại khoa y học cổ truyền
* Tiếng Anh: Surgery of traditional medicine
- Mã học phần: TRAD6114
- Số tín chỉ: 2 LT/ 1 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Lâm sàng: 30 tiết
  + Bài tập: 4 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
  + Kiểm tra/đánh giá: 15 tiết (Thi lâm sàng + thi lý thuyết)
  + Thời gian tự học: 70 giờ
- Đối tượng học: Đại học chính quy năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

Bệnh lý Ngoại khoa YHHĐ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
2.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
4.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
5.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com
6.	Ths. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	- Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán, biện chứng luận trị theo YHCT, chỉ định pháp phương điều trị của một số bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ và YHCT
MT HP2	- Vận dụng được kiến thức nền tảng y học cơ sở, bệnh học, điều trị để khai thác bệnh, làm bệnh án, đưa ra chuẩn đoán đúng, chỉ định điều trị đúng , theo dõi bệnh nhân, tiên lượng, phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ
MT HP3	- Có kỹ năng báo cáo, trình bày một số bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ
MT HP4	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(5)	(6)
MT HP1	3	3	3	3
MT HP2	3	3	3	3
MT HP3	3	3	3	3
MT HP4	3	3	3	3

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng và biện chứng luận trị một số bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ và YHCT.
CLO2	Giải thích được tiêu chuẩn chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị một số bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT
CLO3	Đưa ra được chẩn đoán chính xác và chỉ định điều trị một số bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.
CLO4	Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.
CLO5	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý ngoại khoa theo YHCT

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2		3		3	1	2							1	2		
CLO 2	3		3		3	1	2							1	2		
CLO 3	3		3		3	1	2							2	2		
CLO 4	2		2		3	1	2							3	3		
CLO 5	3		3		3	1	2							3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện thực hành, khoa lâm sàng thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):
  - ✓ Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
  - ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
  - ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
  - ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
  - ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học:

* Lý thuyết:

+ Bệnh lý hậu môn trực tràng (rò hậu môn, bệnh trĩ)
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Sỏi tiết niệu
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Gãy xương

- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Vết thương phần mềm

- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

+ Bệnh lý tuyến vú (bệnh u xơ tuyến vú, bệnh xơ nang tuyến vú, ung thư tuyến vú)

- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên

* Thực hành trên lâm sàng:
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Trĩ
+ Các phương pháp điều trị ngoại khoa bệnh lý hậu môn trực tràng
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Dò hậu môn
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Sỏi tiết niệu
+ Giảng lâm sàng cách thăm khám hệ tiết niệu và các phương pháp điều trị sỏi tiết niệu
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Điều trị gãy xương bằng YHCT
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Vết thương phần mềm
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án U xơ tuyến vú
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Xơ nang tuyến vú
+ Giảng lâm sàng và bình bệnh án Ung thư tuyến vú

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
* Điều kiện dự thi:
+ Theo quy định chung của nhà trường.
+ Thái độ học tập chăm chỉ, nghiêm túc. Bên cạnh việc bắt buộc phải tham gia học trên lớp >=80% thời gian cho quy định học phần lý thuyết, khi nghỉ học < 20% sinh viên phải có đơn xin phép gửi về bộ môn muộn nhất 07 ngày sau khi nghỉ.
Khi có đơn xin phép nghỉ học với lí do chính đáng, sinh viên được giảng viên bộ môn cung cấp các chủ đề cemina, sinh viên tự chuẩn bị và trả bài bằng cách báo cáo trực tiếp hoặc bằng bài viết, bài cemina được tính theo thang điểm 10, bài được coi là đạt khi đạt từ 05 điểm trở lên.
- LS: Sinh viên làm bệnh án, hỏi thi tại phòng bệnh
Điều kiện dự thi:
+ Các buổi lâm sàng phải đạt 100% số buổi học và tham gia trực đầy đủ,
+ 1 tuần 1 bệnh án điều kiện/1 sinh viên,
+ Khám lâm sàng, chẩn đoán, làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/1 tuần
- Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.
Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHĐ trong viêc học tập và nghiên cứu về cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ, đồng thời nghiêm cứu nguyên nhân, biện chứng luận trị , chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Bệnh lý hậu môn trực tràng** **1. Dò hậu môn** A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn 3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn 4. Các phương pháp điều	8/2/16	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn 2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn 3. Phòng bệnh **2. Bệnh trĩ** A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ 3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ 4. Các phương pháp điều		điều trị bằng YHCT các bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị các bệnh lý hậu môn trực tràng bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các				

	trị, phòng bệnh trĩ bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trĩ 2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trĩ 3. Phòng bệnh		chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHCT				
2	**Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt** A. Y học hiện đại 1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt 2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt. 3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	4/2/8	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang. Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết 2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt. 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.		chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.				

			7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt theo YHCT				
3	**Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính** A. Y học hiện đại 1. Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng vữa xơ, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới. 2. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi. 3. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi. 4. Lâm sàng,cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh. 5. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh	4/1/8	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh động mạch chi dưới theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị bệnh động mạch chi dưới theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT bệnh động mạch chi	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	động mạch ngoại vi. 6. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ. 2. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng.		dưới theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác bệnh động mạch chi dưới theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị bệnh động mạch chi dưới bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị bệnh động mạch chi				

			dưới theo YHCT				
4	**Sỏi tiết niệu** A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành 2. Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu 4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết niệu bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm 2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể	4/2/8	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng sỏi tiết niệu theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị sỏi tiết niệu theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT sỏi tiết niệu theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác sỏi tiết niệu theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	bệnh chứng thạch lâm. 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu 4. Phòng bệnh		định điều trị sỏi tiết niệu bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị sỏi tiết niệu theo YHCT				
5	**Gãy xương** A. Y học hiện đại 1. Định nghĩa và phân loại gãy xương 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương 3. Tiến triển của gãy	4/0,5/8	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng gãy xương theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp sơ cứu gãy xương theo YHHĐ	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	xương B. Y học cổ truyền 1. Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn chỉnh. 2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ. 3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương 2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ 4. Thuốc - Thuốc dùng ngoài - Thuốc dùng trong: 3 thời kỳ		3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị gãy xương theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác gãy xương theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị gãy xương bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên				

			nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị gãy xương theo YHCT				
6	**Vết thương phần mềm** A. Y học hiện đại 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Xử trí 5. Sinh lý liền thương và các hình thức liền thương B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2. Pháp phương điều trị liền thương theo các giai đoạn.	2/0,5/4	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng **Vết thương phần mềm** theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị **Vết thương phần mềm** theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị **Vết thương phần mềm** theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác **Vết thương phần mềm** theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

			cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị **Vết thương phần mềm** bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị **Vết thương phần mềm** theo YHCT				
7	**Bệnh lý tuyến vú** **1. Bệnh u xơ tuyến vú** A. Y học hiện đại 1. Đại cương	4/1/8	1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết	1. Tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp,	Điểm chuyên cần + Thảo luận nhóm + Bài tập tình huống thầy cô giao

	2. Nguyên nhân gây bệnh 3. Phân loại 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh u xơ tuyến vú bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nhũ hạch. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nhũ hạch **2. Bệnh xơ nang tuyến vú** A. Y học hiện đại 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chản đoán phân biệt 4. triệu chứng lâm sàng và Cận lâm sàng chẩn đoán bệnh u xơ tuyến vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tuyền vú		sàng **Bệnh lý tuyến vú** theo YHHĐ và YHCT. 2. Giải thích đúng lý do chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị **Bệnh lý tuyến vú** theo YHHĐ 3. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng YHCT **Bệnh lý tuyến vú** theo YHCT 4. Đưa ra được chẩn đoán chính xác **Bệnh lý tuyến vú** theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. 5. Đưa ra được các chỉ định điều trị **Bệnh lý tuyến vú** bằng YHCT kết hợp YHHĐ 6. Có tình thần tự chủ		vấn đề và các ca tình huống 4. Thảo luận nhóm	2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. Thảo luận, đánh giá, trả lời câu hỏi	

	bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nhũ tích. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nhũ tích. **3. Ung thư tuyến vú** A. Y học hiện đại 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Phân loại, chẩn đoán phân biệt 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán bệnh ung thư vú. 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh ung thư vú bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Bệnh nguyên bệnh cơ bệnh nhũ nham. 2. Triệu chứng và điều trị theo thể bệnh nhũ nham. 3. Điều trị nội khoa 4. Ngoại trị và phương		và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao. 7. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị **Bệnh lý tuyến vú** theo YHCT				

	pháp không dùng thuốc						
8	**Thi kết thúc học phần**	0/1/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Trĩ	4/0,1/2	**1.** Vận dụng cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị theo	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	- Bệnh viện thực hành có giường bệnh	1. Giảng dạy trên giường bệnh 2. Ca lâm sàng 3. Bảng kiểm 4. Động não 5. Giải quyết vấn đề 6. Đóng vai	- Đọc tài liệu - Có kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh đưa ra chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị theo YHCT kết hợp	Điểm chuyên cần
2	Các phương pháp điều trị ngoại khoa bệnh lý hậu môn trực tràng	1/0/0,5						
3	Giảng lâm sàng	**2/0,1/1**						

	và bình bệnh án Dò hậu môn		YHHĐ 2. Vận dụng được nguyên nhân, biện chứng luận trị để đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị theo YHCT. **3.** Đưa ra được chẩn đoán chính xác theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh. **4.** Đưa ra được các chỉ định điều bằng YHCT kết hợp YHHĐ **5.** Có tình thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước bệnh nhân trong việc chẩn đoán, điều trị **6.** Có tinh thần				YHHĐ - Chuẩn bị bệnh án - Ưu tiên phản biện tính sáng tạo, hội chẩn làm việc tập thể	
4	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	**4/0,1/2**						
5	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính	**4/0,1/2**						
6	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Sỏi tiết niệu	**4/0,1/2**						
7	Giảng lâm sàng cách thăm khám hệ tiết niệu và các phương pháp điều trị sỏi tiết niệu	**1/0/0,5**		*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*		1. Giảng dạy trên giường bệnh 2. Ca lâm sàng 3. Bảng kiểm 4. Động não 5. Giải quyết vấn đề 6. Đóng vai	- Đọc tài liệu - Có kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh đưa ra chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị theo YHCT kết hợp YHHĐ	
8	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Điều trị gãy xương bằng YHCT	**2/0,1/1**						
9	Giảng lâm sàng và bình bệnh án	**2/0,1/1**						

	Vết thương phần mềm		trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực cùng hội thảo để đưa ra chẩn đoán chính xác và pháp phương điều trị tốt nhất				- Chuẩn bị bệnh án - Ưu tiên phản biện tính sáng tạo, hội chẩn làm việc tập thể	
10	Giảng lâm sàng và bình bệnh án U xơ tuyến vú	**2/0,1/1**						
11	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Xơ nang tuyến vú	**2/0,1/1**						
12	Giảng lâm sàng và bình bệnh án Ung thư tuyến vú	**2/0,1/1**						
13	Thi lâm sàng	0/4/0					Bốc thăm bệnh án, khám chẩn đoán và làm bệnh án	Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric 1 đánh giá chuyên cần

Tham gia đầy đủ buổi học

Làm đủ bài tập được giao, bài chuyên cần cần đạt điểm 4/10 trở lên

Nộp đủ bệnh án điều kiện

9.2.2. Rubric 2 đánh giá lâm sàng

+ Rubric 2.1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**20%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**20%**

Điểm chuyên cần cần đạt 4/10 mới được thi lâm sàng

+ Rubric 2.2. Đánh giá Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	**Nghỉ thi**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	10%
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Trả lời được dưới 40% câu hỏi	Chỉ trả lời được 60% câu hỏi	Trả lời được 80% câu	Trả lời được 100% câu hỏi tự tin, dứt khoát	40%

9.2.3. Rubric 3 đánh giá học phần

STT	**Nội dung tính điểm**	**Tỉ trọng**	**Chuẩn đầu ra học phần**	**Mức độ**		
				Dễ: Nhớ	**TB: Hiểu, áp dụng**	**Khó: Phân tích, sáng tạo**
1	Bài thi Trắc nghiệm	100%	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	**20%**	**50%**	**30%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

9.4.

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	10%	Điểm chuyên cần	Bài tập chuyên cần	100%	01	*CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5*	Làm bài tập trên lớp
Điểm lâm sàng	30%	Hỏi thi lâm sàng	Bệnh án lâm sàng	100%	02		Hỏi thi tại bệnh viện lâm sàng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính		100%	03		Theo kế hoạch của phòng đào tạo, bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian 20 phút

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1, LO2, CLO3, LO4, CLO5	100%	40	8 (20%)	20 (50%)	12 (30%)
Tổng	100%	40	8	20	12

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm lâm sàng theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), Ngoại bệnh lý, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3] . Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHỤ SẢN YHHĐ
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Phụ sản YHHĐ
* Tiếng Việt: Phụ sản
* Tiếng Anh: Obstetrics and gynecology
- Mã học phần: MEDI4107
- Số tín chỉ: 2LT/1LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 giờ
  + Lý thuyết: 30giờ
  + Lâm sàng: 30 giờ
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 giờ(thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 80 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 6
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành [x]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết:
  + Học phần học trước:
  + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Sản Phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com	
2	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	minhthang4484444@gmail.com	
3	BSCKI. Nguyễn Thành Trung	09044482038	thanhtrung.nth@gmail.com	
4	ThS. Nguyễn Thị Thu	0984457555	Nguyenthu85@gmail.com	
5	ThS. Đào Hồng Phượng	0934693853	Phuonghmu1409@gmail.com.vn	
6	BSCKI. Nguyễn Minh Đức	0967898896	Minhduc90@gmail.com	
7	ThS.BSNT. Lê Văn Đạt	0376635438	Lvdat.hmu@gmail.com	
8	BSCKII. Nguyễn Đức Tú	0983730414	ductu@gmail.com	
9	BSCKII. Nguyễn Thị Ngọc	091234236	Ngocbich81@gmail.com	

	Bích			
10	Các giảng viên khác			

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh về sản, phụ khoa bằng Y học hiện đại
MT HP2	- Áp dụng kiến thức Sản phụ khoa y học hiện đại trong Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường bằng Y học hiện đại - Chỉ định và phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh sản phụ khoa thông thường;
MT HP3	- Lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
MT HP4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm. tôn trọng, cảm thông với người bệnh;

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	3	3	1	1		
MT HP2	1	3	1	1	2	2
MT HP3			2	2	2	2
MT HP4					2	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Phân tích được các thay đổi sinh lý của cơ thể phụ nữ trong thai kỳ, chuyển dạ và hậu sản. - Áp dụng được kiến thức để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý sản phụ khoa đã học
CLO2	- Áp dụng kiến thức Sản phụ khoa y học hiện đại trong công tác phòng và chữa bệnh; - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; - Đưa ra chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cõ bản phục vụ cho chẩn ðoán các bệnh sản phụ khoa thông thýờng;
CLO3	- Khám, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp; - Theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp và các cấp cứu sản phụ khoa thông thường;
CLO4	- Đề xuất được những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ sinh sản toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm, và học tập nâng cao trình độ; Tôn trọng, cảm thông và hợp tác với đồng nghiệp và người bệnh . Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3	3															
CLO 2		2	3		3										2		1
CLO 3			3	3		3						2					1
CLO 4				3	3	3						2					
CLO 5												2		2	2		

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy chiếu, loa, mic, giảng đường, phấn bảng, giáo trình

6.1.2. Lâm sàng:

Sinh viên thực tập tại các Bệnh viện thực hành, thời gian 3 tuần đối với Y5, 4 tuần đối với Y6

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Phòng khám sản khoa đầy đủ trang thiết bị: bàn khám, giường bệnh, tủ, bồn rửa tay, thiết bị chiếu sáng, áo blu, dép…
2	Bộ dụng cụ thăm khám phụ khoa, dụng cụ khám thai, dụng cụ đỡ đẻ, …
3	Máy tính, máy in…

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp. Chủ động thực hành luyện tập các kỹ năng; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nhóm để đảm bảo phối hợp hiệu quả; học hỏi, nghiên cứu và phát triển bản thân trong suốt sự nghiệp y khoa.

❖ Lý thuyết

Nội dung bài học	**Sinh viên cần tự học**	
	Đọc tài liệu giảng dạy (từ trang… đến trang..)	**Trả lời trước các câu hỏi thảo luận**
Sự thụ thai, làm tổ và phát triển của trứng	Tập 1 (12 -23)	- Phân biệt sự thụ tinh – sự thụ thai? Thai – Phần phụ của thai? - Cấu trúc và nơi sản sinh tinh trùng? - Các giai đoạn phát triển của noãn bào? - Sự di chuyển của tinh trùng (tốc độ, thời gian), noãn và trứng trong quá trình thụ tinh thường ở đâu của vòi trứng? - Bào thai phát triển qua mấy thời kì?

Tính chất thai nhi đủ tháng	Tập 1 (24 – 27)	- Đặc điểm chính về giải phẫu, sinh lý của thai nhi đủ tháng?
Các phần phụ của thai nhi đủ tháng	Tập 1 (28 – 35)	- Màng rau gồm mấy lớp? - Bánh rau có cấu trúc và chức năng gì? - Cấu trúc cuống rốn gồm mấy thành phần? - Nước ối có tính chất, chức năng, sự tái tạo nước ối?
Sinh lý chuyển dạ	Tập 1 (83 – 94)	- Chuyển dạ là gì? - Thời điểm chuyển dạ bình thường? - Chuyển dạ qua bao nhiêu giai đoạn? kể tên các giai đoạn - Nguyên nhân chính gây chuyển dạ? - Đặc điểm chính của cơn co tử cung và các phương pháp xác định cơn co tử cung? - Những thay đổi cần chú ý về mẹ, thai nhi, phần phụ của thai trong chuyển dạ?
Cơ chế đẻ ngôi chỏm kiểu thế chẩm chậu trái trước	Tập 1 (51 – 55)	- Trong cơ chế đẻ, Các bộ phận thai nhi trải qua mấy thì? - Đặc điểm của đầu, vai, môn qua 4 thì như thế nào?
Hậu sản thường	Tập 1 (63 – 70)	- Thời kì hậu sản tính từ ngày thứ bao nhiêu sau đẻ? - Nguyên nhân và đặc điểm những thay đổi tử cung và phần phụ, vú trong giai đoạn này? - Chăm sóc hậu sản cần chú ý những vấn đề gì?
Nhiễm trùng hậu sản (NTHS)	Tập 1 (204 – 210)	- Kể tên một số vi khuẩn và các yếu tố thuận lợi gây NTHS? - Có mấy hình thái nhiễm khuẩn hậu sản, tiêu chuẩn chẩn đoán, hướng xử trí?
Đẻ khó	Tập 2 (17 – 50)	- Kể tên nguyên nhân, triệu chứng của các căn nguyên gây đẻ khó.
Sảy thai, đẻ non, thai chết lưu, chửa trứng	Tập 1 (109 – 130)	- Liệt kê các nguyên nhân, triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị các bệnh
Khối u sinh dục	Tập 1 (283 – 301)	- Nêu được nguyên nhân. Tiêu chuẩn chẩn đoán và hướng điều trị U sinh dục (u xơ tử cung, u nang buồng trứng)
Rối loạn kinh nguyệt	Tập 1 (243 – 254)	- Nêu được các căn nguyên, Triệu chứng chính các rối loạn kinh nguyệt, hướng điều trị.
Những biện pháp kế hoạch hóa gia đình	Tập 2 (209 – 225)	- Kể tên 2 loại biện pháp tránh thai - Kể tên các phương pháp tránh thai cho nữ

		giới và nam giới? - Các phương pháp tránh thai là gì? Điều kiện, Lợi ích và bất lợi từng phương pháp?
Viêm sinh dục	Tập 1 (262 – 270)	- Kể tên các đường lây và nguyên nhân gây viêm sinh dục? - Tiêu chuẩn Chẩn đoán và xử trí các loại viêm sinh dục?

❖ **Lâm sàng**

Bài 1: Giới thiệu khoa phòng, chia nhóm, phổ biến nội quy; ôn lại cách làm bệnh án Sản. Phụ khoa

Bài 2: Bình bệnh án khám thai

- Làm việc nhóm (tối đa10 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án chuyển dạ

- Chọn một BN: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án nhiễm trùng hậu sản

- Chọn một BN: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Bình bệnh án kế hoạch hóa gia đình

- Làm việc nhóm (tối đa10 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án chửa ngoài tử cung

- Làm việc nhóm (tối đa10 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 7: Bình bệnh án viêm sinh dục

- - Làm việc nhóm (tối đa10 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 9: Bình bệnh án U sinh dục

- - Làm việc nhóm (tối đa10 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả học phần

Phụ khoa Yhhđ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung học phần cung cấp cho người học gồm những nét cơ bản của môn Phụ sản, tập trung vào các vấn đề của sản thường (đặc điểm sinh lý, bệnh lý, điều trị và phòng bệnh các giai đoạn trước sinh, trong sinh và sau sinh), một số đặc điểm sinh lý, triệu chứng và điều trị bệnh sản - phụ khoa thường gặp, và các kiến thức về kế hoạch hóa gia đình.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chýõng mục với chuẩn ðầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)**	**Số tiết (LT)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**(*)	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
1	Sự thụ thai, làm tổ và phát triển của trứng	2/0/2	Phân biệt được sự thụ tinh, sự thụ thai, thai, phần phụ của thai. Trình bày và giải thích được Cấu trúc và nơi sản sinh tinh trùng. Giải thích được Các giai đoạn phát triển của noãn bào Phân tích được quá trình di chuyển của tinh trùng, noãn, sự làm tổ của trứng.	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
2	Tính chất thai nhi đủ	4/0/4	Trình bày được đặc	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục	

	tháng Các phần phụ của thai nhi đủ tháng		điểm của thai nhi đủ tháng. Phân tích được đặc điểm, chức năng của các phần phụ thai nhi đủ tháng.	CLO5	hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
3	Sinh lý chuyển dạ	2/0/2	Phân tích được các giai đoạn của quá trình chuyển dạ. Phân tích được đặc điểm chính của cơn co tử cung và các phương pháp xác định cơn co tử cung? Trình bày được những thay đổi cần chú ý về mẹ, thai nhi, phần phụ của thai trong chuyển dạ?	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
4	Cơ chế đẻ ngôi chỏm kiểu thế chẩm chậu trái trước	2/0/2	Giải thích được đặc điểm bộ phận cơ thể trẻ qua 4 thì trong cơ chế đẻ	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe	

						giảng, trả lời câu hỏi.	
5	Hậu sản thường Nhiễm trùng hậu sản	4/0/4	Giải thích được cơ chế và đặc điểm những thay đổi của cơ thể nữ giới ở thời kì hậu sản. Phân tích được các vấn đề chăm sóc NB thời kì hậu sản. Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây NTHS? Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được xử trí các hình thái nhiễm trùng hậu sản.	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
6	Đẻ khó	4/0/4	Trình bày được các căn nguyên gây đẻ khó Giải thích được tiêu chẩn chẩn đoán và hướng xử trí các nguyên nhân.	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
7	Sảy thai, đẻ non, thai	4/0/4	Nêu được các nguyên nhân.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục	

	chết lưu, chửa trứng		Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được hướng điều trị	CLO5	hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	Rối loạn kinh nguyệt	4/0/4	Nêu được các nguyên nhân. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được hướng điều trị	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
9	Những biện pháp kế hoạch hóa gia đình	2/0/2	Phân tích được điều kiện, lợi ích, bất lợi của các phương pháp tránh thai các phương pháp tránh thai. Đề xuất được phương pháp tránh thai phù hợp.	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
10	Viêm sinh dục	2/0/2	Phân tích được đặc điểm hoạt động sinh lý phụ khoa. Giải thích	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm,	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo,	

			được cơ chế tác dụng của Hormon tác động liên quan, cơ chế của kinh nguyệt và các thời kì sinh dục ở nữ giới. Trình bày được nguyên nhân. Biện luận được tiêu chuẩn chẩn đoán và đề xuất được phương pháp điều trị các bệnh viêm sinh dục.		dạy học qua tình huống.	nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
13	Thi kết thúc học phần	0/2/0	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giới thiệu khoa phòng, chia	2/0/2	Thực hiện nghiêm túc nội quy khoa phòng	CLO5	Phòng giao ban sinh viên Phấn, bảng	Thuyết trình	Nghe	Điểm thường xuyê

	nhóm, phổ biến nội quy.		Xác định rõ nhiệm vụ của mình			Làm việc nhóm	Thảo luận, nhận xét, đánh giá	n
2	Bình bệnh án khám thai	4/0/8	Thực hiện được các bước khám thai và nhận định sự phát triển của thai nhi	CLO3 CLO4, CLO5	- Buồng bệnh - Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Bình bệnh án khám chuyển dạ	4/0/8	Thực hiện được các bước khám chuyển dạ. Làm được bệnh án chuyển dạ.	CLO3 CLO4, CLO5	- Buồng bệnh - Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
4	Bình bệnh án đỡ đẻ cơ chế chẩm chậu trái trước	4/0/8	Làm được bệnh án. Quan sát và phân tích được các bước đỡ đẻ cơ chế chẩm chậu trái trước.	CLO3 CLO4, CLO5	- Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Bình bệnh án nhiễm khuẩn hậu sản	4/0/8	Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được hướng điều	CLO3 CLO4, CLO5	- Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình	Điểm thường xuyên

			trị bệnh		thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	thảo luận nhóm	bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
6	Bình bệnh án kế hoạch hóa gia đình	4/0/4	Biện luận và đề xuất được phương pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp.	CLO3 CLO4, CLO5	- Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Bình bệnh án rối loạn kinh nguyệt	4/0/4	Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được hướng điều trị bệnh	CLO3 CLO4, CLO5	- Buồng bệnh - Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Bình bệnh án U sinh dục	4/0/8	Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được hướng điều trị bệnh	CLO3 CLO4, CLO5	- Buồng bệnh - Chọn bệnh nhân - Phân công, hướng dẫn sinh viên thăm khám, làm bệnh án - Bình bệnh án	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS Điểm
	Thi thực hành trên	0/4/0		CLO3, CLO4,				

	Bệnh nhân			CLO5				thi
	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: đánh giá thường xuyên lí thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	20
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	40

Rubric 2: đánh giá thường xuyên thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: Thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	40 %	24	8	8	8
CLO2	60 %	36	8	16	12
Tổng	100%	60	16	24	20

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Hiểu,

Bậc 3: Phân tích

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10. **Tài liệu học tập**

10.1.Tài liệu chính (TLC) :

[1] Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Sản (2020). *Bài giảng sản phụ khoa.*. Nhà xuất bản Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

Bộ Y tế (2007). *Sản phụ khoa*.

GS. Dương Thị Cương (2004). *Bài giảng sản phụ khoa*. Đại học Y Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN PHỤ SẢN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phụ sản Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Traditional obstetrics and gynecology

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6115
- Số tín chỉ: 2,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 12 tiết
  + Thời gian tự học: 78 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Nội YHCT
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sản phụ khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	Sản phụ khoa	nguyenthithuy@gmail.com
2	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	Sản phụ khoa	quynhlam73@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	Sản phụ khoa	huyensanyhct@gmail.com
4	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	Sản phụ khoa	vutotrinh85@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.
MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Chẩn đoán được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp theo YHHĐ và YHCT.
CLO2	Biện chứng và xây dựng được kế hoạch điều trị, dự phòng một số bệnh sản phụ khoa thường gặp theo YHHĐ và YHCT
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án một số bệnh sản phụ khoa thường gặp theo YHHĐ và YHCT trên lâm sàng.
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật điều trị YHCT cơ bản trên bệnh nhân sản phụ khoa (châm cứu, xoa bóp bấm huyệt)
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3					1											
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3	1											
CLO 4							3										
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Kim châm cứu
4	Máy điện châm

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương Sản phụ khoa: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Thống kinh: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Thị A, 22 tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Sinh viên. Tiền sử bệnh: Khỏe mạnh. Vào viện với lý do: đau vùng hạ vị trước kỳ kinh khoảng 1-2 ngày. Cơn đau âm ỉ, đôi khi dữ dội, có cảm giác căng tức vùng bụng dưới, lan ra thắt lưng. Thỉnh thoảng có buồn nôn, mệt mỏi, cảm giác lạnh tay chân. Kinh nguyệt đều, chu kỳ 28-30 ngày, số ngày hành kinh 4-5 ngày, lượng máu kinh trung bình, màu sắc hơi sẫm, có huyết khối nhỏ. Mạch trầm. Lưỡi nhợt, ít rêu, đầu lưỡi tím.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

5. Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định những cận lâm sàng nào?
6. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
7. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên

Bài 3: Rong kinh: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Thị B, 32 tuổi, nghề nghiệp: nội trợ, đã lập gia đình và có một con. Bệnh nhân vào viện vì lý do rong kinh kéo dài hơn 2 tháng. Chu kỳ kinh nguyệt của bệnh nhân kéo dài từ 10 đến 15 ngày, lượng máu nhiều, có cục máu đông, kèm theo cảm giác mệt mỏi, đau lưng và đau bụng dưới. Bệnh nhân có tiền sử kinh nguyệt không đều từ khi dậy thì, chu kỳ có lúc ngắn, lúc dài, nhưng chưa bao giờ kéo dài quá 7 ngày. Mạch trầm tế. Lưỡi nhợt, ít rêu, đầu lưỡi tím.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

4. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
5. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể theo YHHĐ và YHCT?

Bài 4: Rối loạn kinh nguyệt: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 5: Bế kinh: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Trần Thị A , 25 tuổi, nghề nghiệp giáo viên, chưa lập gia đình. Bệnh nhân đến khám vì lý do chậm kinh kéo dài 3 tháng gần đây. Kinh nguyệt của bệnh nhân trước đó đều đặn, mỗi tháng một lần, chu kỳ khoảng 28 ngày, nhưng gần đây không có kinh nguyệt dù đã qua thời gian dự kiến. Không có triệu chứng mang thai, không có đau bụng dưới hay các triệu chứng khác liên quan đến hệ sinh dục. Mạch trì, lực yếu. Lưỡi nhợt, ít rêu, rêu lưỡi trắng.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

4. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
5. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể theo YHHĐ và YHCT?

Bài 6: Tiền mãn kinh: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bệnh nhân Trần Thị Hoa, 47 tuổi, nhân viên văn phòng, đã lập gia đình và có hai con. Bệnh nhân đến khám với lý do chu kỳ kinh nguyệt không đều. Bệnh nhân hay cảm thấy nóng bừng, bốc hỏa, rối loạn giấc ngủ, khô âm đạo và cảm giác lo âu, mệt mỏi. Bệnh nhân có tiền sử kinh nguyệt đều đặn từ khi dậy thì, chu kỳ khoảng 28-30 ngày, không có vấn đề gì về kinh nguyệt trước đó. Mạch tế, nhược. Lưỡi hồng, rêu vàng, đầu lưỡi đỏ.

4. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp.
5. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên.

Bài 7: Đới hạ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 8: Bệnh lý hậu sản: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án sản khoa: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa

Bài 2: Điều trị rong kinh, viêm phần phụ trên lâm sàng:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, YHCT trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án thống kinh:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Chọn bệnh nhân để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Điều trị bệnh đới hạ kết hợp giữa YHHĐ và YHCT:

- Chọn 1 bệnh nhân tại khoa: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Điều trị rong huyết, u xơ tử cung trên lâm sàng:

- Chọn bệnh nhân để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án hậu sản táo bón:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 7: Điều trị vô sinh bằng YHCT và YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Chọn bệnh nhân để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 8: Điều trị sa sinh dục bằng YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 9: Bình bệnh án rối loạn kinh nguyệt:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Chọn bệnh nhân để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 10: Bình bệnh án hậu sản huyết hôi không dứt:

- Chọn một BN: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 11: Bình bệnh án viêm âm đạo ở người già:

- Chọn 1 BN: để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học

- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 12: Điều trị bế kinh bằng YHCT:
- Chọn 1 BN: để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 13: Bình bệnh án sản hậu lâm bế
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 14: Bình bệnh án sản hậu phát sốt
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 15: Điều trị ác trở bằng YHCT:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 16: Điều trị thiếu sữa, tắc tia sữa:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 17: Điều trị u nang buồng trứng:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 18: Bình bệnh án động thai, thai lậu:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Phụ sản YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng y khoa về lĩnh vực sản phụ khoa Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại. Sau khi học xong học phần, người học nắm được đặc điểm sinh bệnh học, nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh lý sản phụ khoa thường gặp; đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.Giới thiệu HP Sản phụ khoa 2. Đại cương về sản phụ khoa theo YHCT -Đại cương sản phụ khoa - Đặc điểm sinh lý của phụ nữ - Đặc điểm bệnh lý của phụ nữ	4/0/8	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của phụ nữ theo YHHĐ + YHCT	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Thống kinh - Đại cương - Thống kinh theo YHHĐ - Thống kinh theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh thống kinh theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống, đóng vai.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
3	Rong kinh - Đại cương - Rong kinh theo YHHĐ - Rong kinh theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rong kinh theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống, đóng vai.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo	Điểm thường xuyên

						luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
4	Rối loạn kinh nguyệt - Đại cương - Rối loạn kinh nguyệt theo YHHĐ - Rối loạn kinh nguyệt theo YHCT	2/0/4	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rối loạn kinh nguyệt theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, đóng vai.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Bế kinh - Đại cương - Bế kinh theo YHHĐ - Bế kinh theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng Bế kinh theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống, đóng vai..	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
6	Tiền mãn kinh - Đại cương - Tiền mãn kinh theo YHHĐ - Tiền mãn kinh theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Tiền mãn kinh theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7	Đới hạ - Đại cương - Đới hạ theo YHHĐ	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng Đới	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

	- Đới hạ theo YHCT		hạ theo YHHĐ và YHCT.			Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	Bệnh lý hậu sản: Huyết hôi không dứt - Đại cương - Bệnh lý hậu sản theo YHHĐ - Bệnh lý hậu sản theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được Bệnh lý hậu sản theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	0/4/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Sản khoa. 2.Hướng dẫn làm bệnh án sản khoa	2/0/1	Viết được hồ sơ bệnh án sản khoa	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Điều trị rong kinh, viêm phần phụ trên lâm sàng	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rong kinh, viêm phần phụ trên lâm sàng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Bình bệnh án	2/0/1	1. Khám, chỉ định		Bảng, phấn	Dạy học theo	1.Tự học:	Điểm

	thống kinh		cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh thống kinh 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5		case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
4	Điều trị bệnh đới hạ kết hợp giữa YHHĐ và YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh đới hạ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Điều trị rong huyết, u xơ tử cung trên lâm sàng	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rong huyết, u xơ tử cung	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
6	Bình bệnh án hậu sản táo bón	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh hậu sản táo bón 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Điều trị vô sinh bằng YHCT và YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh vô sinh 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Điều trị sa sinh	2/0/1	1. Khám, chỉ định		Bảng, phấn	Dạy học bên	1.Tự học:	Điểm

	dục bằng YHCT		cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sa sinh dục 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5		giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
9	Bình bệnh án rối loạn kinh nguyệt	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rối loạn kinh nguyệt 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10	Bình bệnh án hậu sản huyết hôi không dứt	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh hậu sản huyết hôi không dứt	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thực hiện thủ thuật, thảo	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				luận, nhận xét, đánh giá	
11	Bình bệnh án viêm âm đạo ở người già	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh viêm âm đạo ở người già 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
12	Điều trị bế kinh bằng YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh bế kinh 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc XQ, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

13	Bình bệnh án sản hậu lâm bế	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sản hậu lâm bế 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thi LS
14	Bình bệnh án sản hậu phát sốt	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sản hậu phát sốt 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thi LS
15	Điều trị ác trở bằng YHCT	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh ác trở 2. Ra QĐ cá nhân,	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận	

			tập thể, nhận xét, đánh giá				xét, đánh giá	
16	Điều trị thiếu sữa, tắc tia sữa	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh thiếu sữa, tắc tia sữa 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
17	Điều trị u nang buồng trứng	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh u nang buồng trứng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
18	Bình bệnh án động thai, thai lậu	1/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày	

			người bệnh động thai, thai lậu 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
19	Thi lâm sàng	0/8/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	40 %	24	8	12	4
CLO2	60 %	36	12	18	6
Tổng	100%	60	20	30	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Sản phụ khoa - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2018), Bài giảng Sản phụ khoa YHCT.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. Đại học Trung y thiên tân (2001), Bài giảng phụ khoa.

10.2.2. Trung ương Hội Đông y (2006), Việt nam Y học Bệnh học phụ khoa đông y, nhà xuất bản y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
NHI KHOA Y HỌC HIỆN ĐẠI
Trình độ đào tạo: **Đại học**, Ngành: **Y học cổ truyền** Mã số đào tạo: **7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
* Tiếng Việt: Nhi khoa YHHĐ
* Tiếng Anh: Pediatric
- Mã học phần/ mô đun: MEDI4108
- Số tín chỉ: 2.0 LT/ 1.0LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
  + Kiểm tra: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 80 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ×		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
  + Học phần học trước (đã học): **Các học phần thuộc kiến thức cơ sở của ngành**
  + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: **Bộ môn Nhi**

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Tiến sĩ Cao Việt Tùng	0936091272	Nhi	vtcardio@gmail.com
2	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	Nhi	thubuinhi@gmail.com
3	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	Nhi	phamhaly2012@gmail.com
4	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	Nhi	bskhiem8x@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh Nhi khoa thường gặp bằng Y học hiện đại một cách an toàn, hiệu quả.
MT HP2	Có khả năng thực hành hiệu quả ở bệnh nhân Nhi khoa.
MT HP3	Có khả năng biện luận chẩn đoán, đưa ra quyết định điều trị phù hợp một số bệnh lý Nhi khoa thường gặp bằng phương pháp Y học hiện đại.
MT HP 4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	3					
MT HP2		3		1	2	2
MT HP3		3		1	2	2
MT HP4			2	1	2	1

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và giải thích được đặc điểm sinh lý và đặc điểm bệnh lý, đặc điểm phát triển tâm thần, vận động và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em qua từng thời kỳ phát triển. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và triệu chứng một số bệnh thường gặp ở Nhi khoa.
CLO2	Vận dụng được kiến thức để biện luận chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở Nhi khoa.
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, phát hiện đúng các triệu chứng, làm tốt bệnh án Nhi khoa.
CLO4	Đề xuất được chỉ định cận lâm sàng và phân tích được các kết quả xét nghiệm. Biện luận được chẩn đoán. Đề xuất được xử trí, phương pháp điều trị, phòng bệnh một số bệnh thường gặp ở Nhi khoa
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm theo mục tiêu của học phần

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3																
CLO 2																	
CLO 3			3	3	2	1	1				2			2	2		
CLO 4			3	3	2	1					2			2	2		
CLO 5											3			2	2		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giảng đường: có bộ máy chiếu có đầu chuyển đổi HDMI, màn hình led, có loa mic, đủ ánh sáng, phòng học đảm bảo thông thoáng, đủ quạt mát cho giảng viên và sinh viên.

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện: đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Có phòng giảng được trang bị đầy đủ: Bảng, bàn ghế cho giảng viên và sinh viên, Phòng đủ ánh sáng, thông thoáng, mát.

6.1.3. Thực hành (KHÔNG)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp

Lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Lâm sàng: Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận. Thực hiện hỏi bệnh, khám và hoàn thành các bệnh án học tập. Tham gia trực ít nhất 1 buổi/tuần. Nộp ít nhất 01 bệnh án điều kiện/1 tuần.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Đọc kĩ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo trước buổi học trực tiếp. Học thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
*Lý thuyết:

Tên bài	Sinh viên cần tự học	
	Đọc tài liệu giảng dạy (từ trang… đến trang..)	**Trả lời trước các câu hỏi**
Các thời kỳ phát triển của trẻ em	Tập 1 Trang 7 -12	Trẻ em phát triển qua mấy thời kì? Mỗi thời kì có đặc điểm gì quan trọng nhất? Thời kì nào có tốc độ tăng trưởng lớn? Lí giải?
Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng và thiếu tháng	Tập 1 Trang 74 - 89	- Trẻ sơ sinh đủ tháng và thiếu tháng có những đặc điểm bên ngoài khác nhau như thế nào? - Chăm sóc trẻ đủ tháng/ thiếu tháng cần chú ý vấn đề gì? - Câu hỏi tình huống: Trẻ sơ sinh gái có các đặc điểm sau Cân nặng 2800gr, dài 48 cm, tóc dài 3 cm, móng tay dài phủ kín đầu ngón tay, độ ve vẩy tai tốt, da hồng, ít lông tơ. • Anh/chị chẩn đoán sơ bộ đây là trẻ sơ sinh đủ tháng/non tháng? Cần hỏi và khám thêm triệu chứng nào khác? • Chăm sóc trẻ sơ sinh này cần chú ý gì?
Nhiễm trùng sơ sinh	Tập 1 Trang 119 - 129	- Triệu chứng chính để chẩn đoán nhiễm trùng da, niêm mạc, rốn, phổi, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết ở trẻ là gì? - Đề xuất được cách xử trí từng nhiễm trùng phù hợp? - Câu hỏi tình huống: Trẻ sơ sinh 7 ngày tuổi tiền sử đẻ đủ tháng, đi khám vì rốn ướt chảy dịch, không mùi. Trẻ không sốt, bú tốt, các bộ phận tim mạch, hô hấp không có triệu chứng bất thường, cuống rốn chưa rụng hết, chảy ít dịch đục, da xung quanh rốn bình thường. • Anh chị hãy trả lời • Có các căn nguyên nào gây rốn ướt ở trẻ? • Lập luận chẩn đoán sơ bộ và đề xuất xử trí?
Nhiễm khuẩn cấp tính đường HH trên ở trẻ em	Tập 1 Trang 197 - 204	- Các triệu chứng quan trọng để chẩn đoán viêm họng cấp/ viêm Amidan cấp, Viêm tai giữa cấp? - Đề xuất được điều trị từng bệnh trên? - Câu hỏi tình huống: Trẻ nữ 3 tuổi, vào viện vì sốt, dễ nôn sau ăn. Diễn biến 2 ngày nay. Khám trẻ tỉnh, nhiệt độ 38.5 độ C, tự thở môi hồng, thở 34 lần/phút, phổi thông khí tốt không ran, Tim nhịp đều, 110ck/phút, họng 2 Amidan xung huyết, to, vài chấm mủ. Các bộ phận khác chưa có bất thường. Anh chị hãy:

		• Lập luận chẩn đoán? Cần làm xét ngiệm gì? • Đề xuất hướng điều trị? Điều trị nội trú/ngoại trú? Kháng sinh uống/ kháng sinh tiêm?
Viêm phổi	Tập 1 Trang 205 - 211	- Các triệu chứng quan trọng để chẩn đoán viêm phổi? - Viêm phổi có mấy mức độ? - Trường hợp nào cần phải điều trị bằng kháng sinh tiêm? - Trẻ nam 1.5 tháng tuổi, vào viện vì ho, khò khè. Diễn biến bệnh 3 ngày. Khám: Trẻ tỉnh, nhiệt độ: 38 độ C. Ho đờm. Tự thở môi hồng, thở 50 lần/phút, rút lõm lồng ngực nhẹ, phổi ít ran ẩm nhỏ hạt 2 bên, Tim mạch và các bộ phận khác chưa có bất thường. Anh chị hãy: • Biện luận chẩn đoán tên bệnh, mức độ bệnh? • Đề xuất xét nghiệm, CLS cần làm và hướng điều trị
Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ em	Tập 2 Trang 32 - 53	- Phân loại tim bẩm sinh ở trẻ? - Triệu chứng một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp? - Phương pháp chính điều trị các bệnh tim trên? - Câu hỏi tình huống: Trẻ nữ 3 tháng tuổi, đến khám vì ho húng hắng. Khám bệnh: Trẻ tỉnh, không sốt, da môi hồng, bú được. Không khó thở, phổi thông khí được, không ran, Tim nhịp đều, 130 lần/phút. Tiếng thổi tâm thu 3/6 ở khoang liên sườn 3-4 cạnh ức trái lan ra xung quanh. Mạch rõ chi ấm. Các bộ phận khác chưa có bất thường. Anh chị hãy: • Biện luận chẩn đoán sơ bộ? và đề xuất xét nghiệm/thăm dò chức năng cần làm?
Dinh dưỡng trẻ em (sữa mẹ và nhu cầu dinh dưỡng theo lứa tuổi)	Tập 2 Trang 236 - 246	- Các phương pháp nuôi trẻ < 6 tháng tuổi? - Công thức tính lượng sữa cần cho trẻ ăn khi không có sữa mẹ? - Ăn dặm là gì? Nguyên tắc cho trẻ ăn dặm? - Câu hỏi tình huống (CHTH): Trẻ nữ 5 tháng tuổi, đến khám vì tăng cân chậm.trọng lượng khi sinh Ps 3100gr Khám: Trẻ tỉnh A/AVPU, cân nặng 5200 gr. Bú được, các bộ pận khác chưa có triệu chứng bất thường. Anh/chị hãy đề xuất Chế độ ăn phù hợp cho trẻ?
Còi xương	Tập 2 Trang 280 - 290	- Còi xương thường gặp ở lứa tuổi nào? Mùa nào? - Nguyên nhân chính gây bệnh? - Triệu chứng để chẩn đoán còi xương? - Các thuốc để điều trị còi xương? - CHTH: Trẻ nam 4 tháng tuổi tiền sử chưa phát hiện bất thường, đến khám vì ngủ hay giật mình, ra mồ hôi trộm nhiều. Khám: trẻ tỉnh, hóng chuyện tốt, cân nặng 6kg, khám tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, thận chưa có bất thường. Không liệt khu trú, triệu chứng màng não âm tính, rụng

		tóc hình vành khăn, chưa lẫy tốt. Anh chị hãy: Biện luận chẩn đoán sơ bộ, đề xuất xét nghiệm cần làm? Đề xuất điều trị?
Suy dinh dưỡng	Tập 2 Trang 265 - 279	- Các chỉ số để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ? - Có mấy cách phân loại suy dinh dưỡng? - Suy dinh dưỡng nặng có các thể nào? CHTH: Trẻ nữ 13 tháng tuổi, cân nặng 7,2 kg, dài 70cm. Dựa vào các cách phân loại, Anh chị hãy phân loại dinh dưỡng ở trẻ.
Tiêu chảy cấp	Tập 2 Trang 18 - 180	- Tiêu chuẩn chẩn đoán Tiêu chảy cấp - Mất nước có mấy mức độ? Điều trị bù nước có mấy phác đồ? - Khi nào cần dùng kháng sinh? - Tại sao cần có kẽm trong phác đồ điều trị? - CHTH: Trẻ nam 8 tháng tuổi, vào viện vì ỉa lỏng 6 lần/ngày. Phân nhày, ít máu. Sốt 38 độ C. Chán ăn, dễ nôn trớ. Môi khô, mắt trũng, trẻ mệt, quấy khóc, khát nước, nếp véo da mất nhanh. Anh chị hãy • Biện luận mức độ mất nước? Đề xuất xét nghiệm và hướng điều trị?
Viêm cầu thận sau nhiễm liên cầu	Tập 1 Trang 316 - 328	- Tiêu chuẩn chẩn đoán viêm cầu thận cấp?Xét nghiệm nào quan trọng để chẩn đoán do hậu nhiễm liên cầu? - Nêu được những ý chính trong phác đồ điều trị? - CHTH: Trẻ nam 5 tuổi vào viện vì tiểu đỏ, mệt. Diễn biến 3 ngày. Khám: Trẻ tỉnh, A/AVPU. Nề nhẹ mí mắt 2 bên. Da không ban, Tim nhịp đều 100 lần/phút, Huyết áp 130/75mmHg, Tự thở môi hồng, không khó thở, phổi thông khí tốt, không ran. Các bộ phận khác chưa có bất thường. Anh chị hãy cho biết: • Cần khai thác gì về tiền sử? • Biện luận chẩn đoán sơ bộ? • Đề xuất xét nghiệm và hướng điều trị?
Hội chứng thận hư	Tập 1 Trang 329 - 342	- Phân loại Hội chứng thận hư? - Tiêu chuẩn chẩn đoán Hội chứng thận hư? - Thuốc điều trị chính Hội chứng thận hư? - CHTH: Trẻ nam 9 tuổi, vào viện vì phù nhiều, tăng 5kg/7 ngày, tiểu nhiều bọt. diễn biến 7 ngày. Khám: Trẻ tỉnh, phù trắng, mềm, ấn lõm. Tim nhịp đều M 85 lần/phút, HA 110/70mmHg, Không khó thở, phổi không ran. Bụng bè, gõ đục vùng thấp. Các cơ quan khác chưa có triệu chứng bệnh. Anh chị hãy: • Biện luận chẩn đoán sơ bộ? • Đề xuất xét nghiệm và hướng điều trị?

Viêm màng não mủ trẻ em	Tập 2 Trang 431 - 445	- Các căn nguyên gây viêm màng não mủ trẻ em? - Tiêu chuẩn chẩn đoán viêm màng não mủ? - Nêu được những ý chính trong phác đồ điều trị? - CHTH: Trẻ nữ 16 tháng, tiền sử bình thường vào viện vì sốt cao, nôn nhiều, chán ăn diễn biến bệnh 3 ngày nay. Khám: Trẻ tỉnh, mệt, Khám tim mạch chưa có bất thường, không khó thở, phổi thô, không ran. Thóp đã liền, cổ cứng (+), Vạch màng não (+/-). Các cơ quan khác chưa có bất thường. Anh chị hãy: • Chẩn đoán sơ bộ và biện luận? • Đề xuất xét nghiệm cần làm và hướng điều trị?
Co giật ở trẻ em	Tập 2 Trang 363 - 386	- Kể tên các nguyên nhân co giật ở trẻ em? - Tiêu chuẩn chẩn đoán co giật do sốt? - Các bước chính xử trí ban đầu co giật? - CHTH: Trẻ nam 24 tháng tuổi. Sốt 39 độ, có cơn mất ý thức, chân tay 2 bên gồng cứng, mắt trợn ngược, cơn kéo dài 1 phút, sau cơn trẻ tỉnh, 1 cơn/24 giờ. Khám khi vào viện: Trẻ tỉnh, cơ quan chưa có triệu chứng bất thường. Theo anh/chị: • Cần hỏi thêm các câu hỏi gì? • Chẩn đoán co giật do sốt có phù hợp? Vì sao? Đề xuất xét nghiệm và hướng điều trị?

* Lâm sàng

Tên bài	**Sinh viên cần tự học**	
	Làm việc nhóm	**Làm việc độc lập (tư duy, trả lời các câu hỏi)**
Phổ biến nội qui Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa		Đọc trước mẫu làm bệnh án Nhi khoa Bệnh án Nhi khoa gồm những phần nào? Bệnh án Nhi khoa có điểm nào khác bệnh án Nội khoa?
Lâm sàng viêm phổi trẻ em	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Phân loại mức độ viêm phổi? Căn nguyên gây bệnh? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị?
Lâm sàng Tiêu chảy cấp trẻ em	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán mức độ mất nước, căn nguyên gây bệnh? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị mất nước, các thuốc kèm theo
Lâm sàng còi xương, suy dinh dưỡng	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị

Lâm sàng khám, chăm sóc trẻ sơ sinh và bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Nhận định trẻ sơ sinh đủ tháng hay thiếu tháng qua đặc điểm bên ngoài. - Các vấn đề cần chú ý khi thăm khám trẻ (toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh) - Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào - Đề xuất và phân tích xét nghiệm - Đề xuất phương pháp điều trị
Lâm sàng hội chứng thận hư/ viêm cầu thận cấp	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm - Đề xuất phương pháp điều trị
Lâm sàng bệnh lý thần kinh (Co giật, viêm màng não)	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm - Đề xuất phương pháp điều trị, xử trí sốt
Lâm sàng tiếp cận bệnh tim bẩm sinh	Nhóm tối đa 5 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm - Đề xuất phương pháp điều trị

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Nhi khoa Y học hiện đại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền trình độ đại học. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề về đặc điểm các hệ cơ quan trẻ em, sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em qua các thời kỳ. Các kiến thức cơ bản về bệnh lý thường gặp trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em bằng phương pháp Y học hiện đại.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 2 tiết đầu	Các thời kỳ phát triển của trẻ em. Sự tăng trưởng thể chất trẻ em	2/0/2	Trình bày và giải thích được được đặc điểm sinh lý, bệnh lý, phòng bệnh trong từng thời kỳ phát triển của Trẻ em. Vận dụng lý thuyết để đánh giá được sự tăng trưởng thể chất trẻ em.	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 1 2 tiết sau	Co giật ở trẻ em	02/0/2	Trình bày được các nguyên nhân gây co giật ở trẻ. Thực hiện được các kĩ năng: Hỏi bệnh, khám, đề xuất và phân tích được các xét nghiệm cần làm. Đề xuất đươc xử trí ban đầu co giật.	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 2 2 tiết đầu	Chăm sóc trẻ sơ sinh	2/0/2	Trình bày được đặc	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn	1.Tự học: như mục	Theo Rubric

			điểm và phân tích được cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng và thiếu tháng		tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học bằng tình huống	6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 2 2 tiết sau	Nhiễm trùng sơ sinh	2/0/2	Trình bày được các đường xâm nhập, yếu tố nguy cơ, triệu chứng nhiễm trùng sơ sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất được điều trị 1 số bệnh nhiễm trùng sơ sinh thường gặp	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 3 2 tiết sau	Nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp trên trẻ em	2/0/2	Trình bày được phân loại, nguyên nhân. Phân tích được triệu chứng, từ đó biện luận chẩn đoán và đề xuất hướng xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 3 2 tiết sau	Viêm phổi	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh.	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	Theo Rubric 9.2.1. đánh

			Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị, dự phòng bệnh viêm phổi		học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	giá điểm thường xuyên
Buổi 4 2 tiết đầu	Một số bệnh tim bẩm sinh trẻ em	4/0/4	Thực hiện được kĩ năng Hỏi bệnh, khám bệnh, phát hiện được triệu chứng bất thường. Giải thích được cơ chế bệnh sinh và đề xuất được phương pháp điều trị một số bệnh TBS ở trẻ em	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 5 2 tiết đầu	Dinh dưỡng trẻ em	2/1/2	Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng ở trẻ theo tuổi. Vận dụng được kiến thức trên đề xuất được chế độ ăn phù hợp cho trẻ	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Kiểm tra 15 phút. Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 5 2 tiết sau	Tiêu chảy cấp	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm,	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên

			điều trị, dự phòng bệnh.		Dạy học bằng tình huống	gia thảo luận nhóm	
Buổi 6 2 tiết	Viêm màng não mủ	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân. Đánh giá được được triệu chứng bệnh Đề xuất và phân tích được xét nghiệm để chẩn đoán và tìm nguyên nhân và phương pháp điều trị bệnh	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 7 2 tiết đầu	Viêm cầu thận cấp sau nhiễm liên cầu	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị, dự phòng bệnh.	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 7 2 tiết sau	Hội chứng thận hư	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị, dự phòng bệnh.	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 8 2 tiết đầu	Còi xương	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3	Theo Rubric 9.2.1.

			bệnh sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị, dự phòng bệnh còi xương		hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 8 2 tiết sau	Suy dinh dưỡng	2/0/2	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh. Biện luận được chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị, dự phòng bệnh.	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, Dạy học bằng tình huống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Chẩn đoán, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1	Phổ biến nội qui	04/0/ 04	Làm được bệnh án Nhi	CLO1 CLO3	Bảng, bút	Thuyết trình	1.Tự học: như mục	Theo Rubric

	Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa		khoa			ngắn Thảo luận nhóm	6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm	9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 2	Lâm sàng viêm phổi trẻ em	04/0/08	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng điều trị	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 3	Lâm sàng Tiêu chảy cấp trẻ em	04/0/08	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng điều trị	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 4	Lâm sàng còi xương, suy dinh dưỡng	04/0/04	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý còi xương/SDD Phân loại được SDD Đề xuất được hướng điều trị	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 5	Lâm sàng khám, chăm sóc trẻ sơ sinh và bình bệnh án nhiễm trùng sơ sinh	04/0/08	Trình bày và thực hiện được đúng các bước khám trẻ sơ sinh. Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên

			tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng điều trị					
Buổi 6	Lâm sàng hội chứng thận hư/ viêm cầu thận cấp	08/0/12	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng điều trị	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 7	Lâm sàng bệnh lý thần kinh (Co giật, viêm màng não)	04/0/06	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng xử trí	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
Buổi 8	Lâm sàng tiếp cận bệnh tim bẩm sinh	04/0/06	Phát hiện được triệu chứng bệnh lý. Lập luận được chẩn đoán. Đề xuất và phân tích được xét nghiệm. Đề xuất được hướng điều trị	CLO2 đến CLO5	Bảng, bút	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Theo Rubric 9.2.1. đánh giá điểm thường xuyên
16	Làm BA thi	0//0		CLO3				Điểm thi LS
17	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3 CLO4 CLO5				Điểm thi LS
18	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3 CLO5				Điểm thi LS

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ,..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá điểm thường xuyên

*Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt					Trọng số
	0 điểm	**6 điểm**	**7 điểm**	**8 điểm**	**9 – 10 điểm**	
Chuyên cần	Tham gia < 7 buổi học	Tham gia 7 buổi Có buổi đi học muộn. Không tham gia phát biểu. Không trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia 7 buổi. Đi học đúng giờ. Không tham gia phát biểu. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia 8 buổi. Chủ động tham gia phát biểu. Các ý kiến có hiệu quả . Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia 8 buổi Tích cực tham gia phát biểu ở hầu hết buổi học Các ý kiến rất hiệu quả. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	50%
Điểm bài kiểm tra 15 phút	Sinh viên làm bài kiểm tra 15 phút viết về các kiến thức đã học (1 buổi trong buổi thứ 5 hoặc 6). Điểm theo thang điểm từ 0 - 10.					50%

*Rubric đánh giá điểm thường xuyên Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt					Trọng số
	0 điểm	**6 điểm**	**7 điểm**	**8 điểm**	**9 – 10 điểm**	
Chuyên cần	Không tham gia đủ các buổi học lâm sàng Hoặc Vắng trực không có lý do	Tham gia đầy đủ các buổi học. Có buổi đi học muộn. Không tham gia phát biểu ý kiến.	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị 1 – 2 bệnh án học tập.	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị > 2 bệnh án học tập. Chủ động phát	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị > 2 bệnh án học tập.	50%

		Không trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Ít khi phát biểu ý kiến. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	biểu ý kiến, nhưng ý kiến ít có liên quan. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tích cực tham gia phát biểu ở hầu hết buổi học Các ý kiến rất hiệu quả. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	
Điểm bệnh án	Chấm bệnh án điều kiện bất kỳ từ tuần thứ 4 – tuần thứ 7 Điểm theo thang điểm từ 0 - 10.					50%

9.2.2. Rubric đánh giá thi thực hành

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5 - 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	5 – 5.4 điểm	< 4 điểm
1	Điểm bệnh án (BA) điều kiện	30%	CLO3	Đủ thành phần. Nội dung chuyên môn đầy đủ, trình bày khoa học, logic	Đủ thành phần Nội dung chuyên môn đầy đủ, tương đối logic	Đủ thành phần Nội dung chuyên môn tương đối đầy đủ, chưa logic	Đủ thành phần nhưng nội dung sơ sài	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn
2	Thi thực hành	70%	CLO 2 đến CLO5	Thực hiện tốt hỏi bệnh. Thực hiện tốt các kỹ năng khám bệnh Biện luận tốt chẩn đoán và phần điều trị	Thực hiện tốt hỏi bệnh. Thực hiện tốt các kỹ năng khám bệnh Biện luận được chẩn đoán và 1 phần điều trị	Thực hiện được hỏi bệnh. Thực hiện được kỹ năng khám bệnh. Biện luận được 1 phần chẩn đoán và điều trị	Thực hiện được hỏi bệnh. Thực hiện được kỹ năng khám bệnh. Chưa biện luận được chẩn đoán và điều trị	Không thực hiện được: hỏi bệnh, khám bệnh. Không biện luận được chẩn đoán và điều trị

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần	Bài kiểm trà 15 phút lý thuyết. Điểm bệnh án điều kiện	50% 50%	9.2.1	CLO1 CLO2 CLO3	Dựa vào bảng điểm danh học lý thuyết và quá trình thực hành Chấm bài kiểm tra 15p và bệnh án điều kiện.
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành	Bệnh án thi lâm sàng	100%	9.2.2	CLO 2 đến CLO5	Sinh viên bốc thăm bệnh nhân, khám và làm bệnh án. GV hỏi thi
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Bài thi trắc nghiệm	100%		CLO1 CLO2	Sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Điểm số được ghi nhận sau khi kết thúc bài thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	40 %	20	6	10	4
CLO2	60 %	30	9	15	6
Tổng	100%	50	15	25	10

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng trong bảng *9.3.1*

- Điểm học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Nhi khoa tập 1,2*, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bệnh viên Nhi đồng 1 (2020), *Phác đồ điều trị Nhi khoa 2020 tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học

[3] Bệnh viện Nhi trung ương (2020), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh trẻ em,* Nhà XB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BỆNH HỌC VÀ ĐIỀU TRỊ NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Nhi khoa YHCT
* Tiếng Anh: Pediatrics in Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: TRAD6116
- Số tín chỉ: 1,0 LT/0 TH/1,0LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Học phần Y học cơ sở (Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh...) Học phần chuyên ngành: Y lý, Phương tễ, Châm cứu, Phục hồi chức năng...
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	Nhi khoa	bsnganhiyhct@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh		BV Nhi Trung ương	bshongmin@gmal.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thái	0981788226	Nhi khoa	Thainguyenthi0911@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở trẻ em theo YHHĐ và YHCT.
CLO2	Biện chứng và xây dựng được kế hoạch điều trị, dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em theo YHHĐ và YHCT
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án một số bệnh thường gặp ở trẻ em theo YHHĐ và YHCT trên lâm sàng.
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật điều trị YHCT cơ bản trên bệnh nhân Nhi khoa (xoa bóp bấm huyệt)
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3					1											
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3												
CLO 4						1	3										
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp trẻ em
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Cân, Dây đo

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đặc điểm nhi khoa YHCT: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời những câu hỏi sau:

Câu 1: Phạm vi nhi khoa y học cổ truyền là gì?

Câu 2: Đặc điểm sinh lý cơ thể trẻ em là gì?

Câu 3: Đặc điểm bệnh lý trẻ dễ mắc bệnh là gì?

Câu 4: Đặc điểm bệnh lý bệnh dễ tòng dương lại dễ hư thoát là gì?

Câu 5: Đặc điểm bệnh lý bệnh chuyển biến nhanh là gì?

Câu 6: Đặc điểm bệnh lý bệnh dễ hồi phục là gì?

Bài 2: Nguyên tắc điều trị nhi khoa YHCT: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời những câu hỏi sau:

Câu1: Thế nào là nguyên tắc nắm vững nguyên nhân gây bệnh?

Câu 2: Thế nào là nguyên tắc nắm vững cấp cứu và chữa triệu chứng?

Câu 3: Thế nào là nguyên tắc chữa bệnh phải phù hợp với giai đoạn bệnh và bệnh kèm theo?

Câu 4: Thế nào là nguyên tắc chữa bệnh đồng thời nâng cao sức chống đỡ của cơ thể "phù chính khu tà"?

Câu 5: Thế nào là nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn y học cổ truyền và y học hiện đại trong điều trị bệnh?

Câu 6: Thế nào là dùng thuốc phải thận trọng ở trẻ em

Bài 3: Chẩn đoán Nhi khoa YHCT: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời những câu hỏi sau:

Câu 1: Đặc điểm về chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền lưu ý những gì?

Câu 2: Vọng chẩn trong chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền khác biệt gì so với người lớn?

Câu 3: Vọng chỉ văn là gì? Mục đích của vọng chỉ văn ở trẻ là gì?

Câu 5: Thế nào là văn chẩn trong chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền?

Câu 6: Vấn chẩn trong chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền gồm những gì?

Câu 6: Thiết chẩn trong chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền là gì?

Bài 4: Suy dinh dưỡng: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân: Trẻ Đào Thu H, 37 tháng tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Trẻ em. Tiền sử bệnh: Suy dinh dưỡng (được chẩn đoán cách đây 6 tháng, đã điều trị nhưng tình trạng không cải thiện rõ rệt). Không có tiền sử bệnh lý nghiêm trọng khác. Lý do vào viện: Mệt mỏi, không ăn uống đầy đủ, sụt cân, tiêu chảy kéo dài.

Triệu chứng khai thác: Cân nặng: 9 kg, chiều cao: 85 cm Trẻ mệt mỏi, tiếng nói yếu đuối, sắc mặt vàng mai mái, người gầy yếu, cơ bắp nhão, tóc mỏng khô. Khát nước, ăn uống kém ngon, ăn được ít. Bụng to, nước tiểu đặc, số lượng ít, chất lưỡi nhạt, có vết hằng răng, rêu lưỡi dày. Ngoài ra có đi ngoài 3-4 lần/ngày, phân loãng, sôi bụng. Mạch tế, sắc mặt nhạt, lưỡi nhạt.. Không sử dụng thuốc đặc biệt, chỉ bổ sung vitamin và khoáng chất nhưng không đều đặn.

Cận lâm sàng: Albumin huyết thanh: 2.1 g/dL. Xét nghiệm phân: Phân loãng, một số dấu hiệu nhiễm khuẩn nhẹ. Chức năng gan, thận bình thường.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi

a) Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
b) Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
c) Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
d) Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
e) Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp theo YHCT

Bài 5: Tiêu chảy: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Trẻ: Nguyễn Thị C, 5 tuổi, giới tính: Nữ. Không có tiền sử bệnh lý nghiêm trọng.

Lý do vào viện: Tiêu chảy kéo dài, đau bụng, chướng bụng, trẻ mệt mỏi, giảm hoạt động, không ăn uống.

Triệu chứng khai thác:

- Tiêu chảy kéo dài 20 ngày, đi ngoài từ 3-4 lần/ngày, mùi thối khẳn, không nhầy máu mủ
- Bụng đầy hơi, đầy trướng, sôi bụng liên tục.
- Miệng khô, khát nước nhưng uống ít.
- Chán ăn, ăn không ngon, nôn ọe sau khi ăn một thời gian ngắn.
- Sắc mặt nhợt nhạt, người gầy yếu, cơ bắp nhão, mắt trũng, lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng dày.

- Trẻ cảm thấy đầy bụng, khó tiêu, đau bụng từng cơn và hay quấy khóc, nhất là sau khi ăn.

Cận lâm sàng:

- Cân nặng: 13 kg, chiều cao: 98 cm.
- Albumin huyết thanh: 3.1 g/dL (bình thường).
- Xét nghiệm phân: Phân lỏng, không có dấu hiệu nhiễm khuẩn rõ rệt.
- Xét nghiệm máu: Hồng cầu, bạch cầu trong giới hạn bình thường.
- Chức năng gan, thận bình thường.

Thuốc đang sử dụng:

- Thuốc bù nước điện giải (ORS) nhưng không thấy cải thiện rõ rệt.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

a) Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
b) Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
c) Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
d) Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
e) Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp theo YHCT

Bài 6: Sa trực tràng trẻ em: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Nguyên nhân bệnh sinh và biện chứng luận trị chứng thoát giang ở trẻ theo y học cổ truyền.

Câu 2: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị thoát giang giai đoạn đầu là gì?

Câu 3: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị thoát giang giai đoạn thứ 2 là gì?

Câu 4: Một số huyệt cần tác động cho trẻ mắc chứng thoát giang là những huyệt nào? Vị trí?

Câu 5: Sa trực tràng và trĩ có đặc điểm gì giống và khác nhau?

Câu 6: Tại sao sa trực tràng lại cần pháp điều trị kèm theo là thanh nhiệt trừ thấp?

Bài 7: Viêm phổi: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)). Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Trình bày khái niệm, nguyên nhân và biện chứng luận trị chứng phế viêm theo y học cổ truyền.

Câu 2: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng phế viêm thể phong hàn.

Câu 3: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng phế viêm thể phong nhiệt độc.

Câu 4: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng phế viêm thể đàm nhiệt.

Câu 5: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng phế viêm thể phế khí hư.

Câu 6: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng phế viêm thể phế âm hư.

Bài 8: Phục hồi chức năng trẻ bại não: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK).

Bệnh nhi: Nguyễn Minh T, 6 tuổi, giới tính: Nam

Chẩn đoán bại não lúc 2 tuổi, đã điều trị vật lý trị liệu nhưng chưa có sự cải thiện rõ rệt. Tiền sử: đuối nước lúc 2 tuổi.

Lý do vào viện: Chậm phát triển vận động, khó khăn trong việc tự đứng, đi, phát âm. Trẻ có triệu chứng co cứng tứ chi và chậm phát triển trí tuệ.

Triệu chứng khai thác:

- **Cân nặng**: 16 kg, **chiều cao**: 105 cm
- Trẻ **chưa tự đứng, đi**, Cần có sự hỗ trợ,
- **Gân xương yếu**, xương mềm, đầu hơi to
- Trẻ có **mắt nhìn vô định**, **phản ứng chậm**, **kém thần**
- **Tứ chi co cứng**, khó cử động, bước đi không thăng bằng. Trương lực cơ tăng toàn than.
- **Đêm ngủ không yên**, dễ bị **kinh sợ**, hay **co giật** vào ban đêm.
- **Chất lưỡi** đỏ, ít rêu, **mạch vi sác**, **chỉ văn đỏ nhạt**.

Thuốc đang sử dụng: **Baclofen**, **Diazepam**. Trẻ đang tham gia các buổi vật lý trị liệu đều đặn.

Cận lâm sàng:

- **Chức năng gan, thận bình thường**, **xét nghiệm máu** cho kết quả bình thường.
- **Chụp X-quang**: Xác định có dấu hiệu **thóp rộng**, nhưng không có dị tật xương rõ ràng.
- **Xét nghiệm thần kinh**: Không phát hiện bất thường trong các xét nghiệm điện não đồ.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

a) Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?

b) Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp

c) Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên

d) Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT

e) Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp theo YHCT

Bài 9: Sởi: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) . *Trả lời các câu hỏi sau:*

Câu 1: Nguyên nhân chứng ma chẩn theo y học cổ truyền là gì? Biện chứng chứng trạng và chứng hậu ?

Câu 2: Có mấy thể lâm sàng của chứng ma chẩn theo y học cổ truyền?

Câu 3: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị sởi thời kỳ phát sốt theo y học cổ truyền?

Câu 4: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị thời kỳ sởi mọc theo y học cổ truyền?

Câu 5: Tiệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị thời kỳ sởi bay theo y học cổ truyền?

Bài 10: Thủy đậu: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) *Trả lời các câu hỏi sau:*

Câu 1: Nguyên nhân chứng thủy hoa theo y học cổ truyền là gì? Biện chứng chứng trạng và chứng hậu?

Câu 2: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng thủy hoa thể tà phạm vào phế vệ theo y học cổ truyền?

Câu 3: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc điều trị chứng thủy hoa thể hỏa độc vào khí dinh theo y học cổ truyền?

Câu 4: Phòng bệnh và chăm sóc trẻ mắc chứng thủy hoa cần lưu ý những gì? Tại sao phải giữ vệ sinh da cho trẻ?

Bài 11: Viêm cầu thận trẻ em: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) . Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị dương thủy thể phong thủy.

Câu 2: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị dương thủy thể thủy thấp.

Câu 3: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị dương thủy thể thấp nhiệt.

Câu 4: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị âm thủy thể tỳ dương hư.

Câu 5: Trình bày triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị âm thủy thể tỳ thận dương hư.

Câu 6: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị âm thủy thể âm hư dương xung.

Câu 7: Triệu chứng, pháp điều trị, phương thuốc và phương pháp không dùng thuốc điều trị âm thủy thể dương hư âm nghịch.

❖ Lâm sàng

Bài 1 Cách làm bệnh án Nhi khoa YHCT

Bài 2: Hướng dẫn tứ chẩn trẻ em, xem chỉ văn cho trẻ dưới 3 tuổi

Bài 3: Bình bệnh án viêm cầu thận:

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án tiêu chảy:

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Bình bệnh án suy dinh dưỡng:

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án viêm phổi:

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 7: Bình bệnh án sa trực tràng:

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 8: Bình bệnh án truyền nhiễm nhi (thủy đậu/sởi):

- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.

- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 9: Bình bệnh án Bại não:
- Làm việc nhóm: Chọn 1 bệnh nhân tại khoa, Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 10: Ôn tập, Giải đáp thắc mắc, Bốc thăm bệnh án nhân thi
Bài 11: Thi lâm sàng
6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Nhi khoa YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại : Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:
Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1 Đặc điểm nhi khoa yhct	I.phạm vi nhi khoa y học cổ truyền II.đặc điểm sinh lý III.đặc điểm bệnh lý	1/0/1	1.Trình bày được phạm vi điều trị của Nhi khoa Y học cổ truyền. 2.Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý trẻ em theo Y học cổ truyền.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2 Nguyên	I. Nắm vững nguyên nhân	1/0/1	Phân tích được các	CLO1, CLO2,	Thuyết trình ngắn tích	1.Tự học: như mục	Điểm thường

tắc điều trị nhi khoa yhct	gây bệnh II. Nắm vững cấp cứu và chữa triệu chứng III. Chữa bệnh phải phù hợp với giai đoạn bệnh và bệnh kèm theo IV.Chữa bệnh đồng thời nâng cao sức chống đỡ của cơ thể "phù chính khu tà" V.Kết hợp nhuần nhuyễn y học cổ truyền và y học hiện đại trong điều trị bệnh VI.Điều trị cần kịp thời, dùng thuốc phải thận trọng		nguyên tắc điều trị trong nhi khoa Y học cổ truyền.	CLO5	cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên
3 Chẩn đoán nhi khoa yhct	I. Các đặc điểm về chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền II. Vọng chẩn III. Văn chẩn Iv. Vấn chẩn V. Thiết chẩn VI. Các đặc điểm về phương pháp chữa bệnh	2/0/2	1.Trình bày được đặc điểm chẩn đoán Nhi khoa Y học cổ truyền. 2.Trình bày được tứ chẩn trong Nhi khoa Y học cổ truyền.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4 Suy dinh	I.Đại cương II.Nguyên nhân	1/0/1	1.Trình bày được khái	CLO1, CLO2,	Thuyết trình ngắn tích	1.Tự học: như mục	Điểm thường

dưỡng	và biện chứng luận trị III.Phân loại chữa bệnh. IV. Chữa suy dinh dưỡng bằng phương pháp không dùng thuốc. V. Chăm sóc – phòng bệnh VI. Kết luận		niệm, phân loại, nguyên tắc điều trị trẻ suy dinh dưỡng theo YHHĐ. 2.Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng theo YHCT. 3.Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ suy dinh dưỡng theo YHCT.	CLO5	cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên
5 Sa trực tràng	I.Đại cương II.Điều trị sa trực tràng theo y học cổ truyền	1/0/1	1.Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, phân loại, chẩn đoán và nguyên tắc điều trị trẻ sa trực tràng theo YHHĐ. 2.Trình bày được đại cương, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ sa trực	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

			tràng theo YHCT. 3.Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ sa trực tràng theo YHCT.				
6 Tiêu chảy	I.Đại cương II.Điều trị tiêu chảy theo y học cổ truyền	2/0/2	1.Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, nguyên tắc điều trị trẻ tiêu chảy theo YHHĐ. 2.Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ tiêu chảy theo YHCT. 3.Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ tiêu chảy theo YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7 Viêm phổi	I.Đại cương II. Y học cổ truyền	2/0/2	1.Trình bày được khái niệm, phân loại, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị trẻ	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe	Điểm thường xuyên

			viêm phổi theo YHHĐ. 2.Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh trẻ viêm phổi theo YHCT. 3.Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ viêm phổi theo YHCT.			báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	
8 **Phục hồi chức năng trẻ bại não**	I.Đại cương II. Y học cổ truyền	2/0/2	1.Trình bày được khái niệm, các thể lâm sàng, chẩn đoán và các phương pháp phục hồi chức năng trẻ bại não theo YHHĐ. 2.Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng trẻ bại não theo YHCT. 3.Phân tích phương	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên

			pháp dùng thuốc điều trị trẻ bại não theo YHCT. 4.Phân tích phương pháp không dùng thuốc phục hồi chức năng trẻ bại não theo YHCT.				
9 **Sởi**	I.Đại cương II.Triệu chứng điều trị sởi theo y học cổ truyền III. Phòng bệnh và chăm sóc	1/0/1	1.Trình bày được khái niệm, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị sởi ở trẻ em theo YHHĐ. 2.Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ mắc sởi theo YHCT. 3.Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ mắc sởi theo YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên
10 **Thủy đậu**	I.Đại cương II.Triệu chứng điều trị thủy đậu theo y học cổ truyền	1/0/1	1. Trình bày được đại cương, nguyên	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp:	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình	Điểm thường xuyên

	III. Phòng bệnh và chăm sóc		nhân, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị thủy đậu theo YHHĐ. 2. Trình bày được khái niệm, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ mắc thủy đậu theo YHCT. 3. Phân tích được các phương pháp điều trị trẻ mắc thủy đậu theo YHCT.		giải quyết vấn dề	bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	
11 Viêm cầu thận	I.Đại cương II. Y học cổ truyền	1/0/1	1.Trình bày đại cương, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh trẻ viêm cầu thận cấp sau nhiễm khuẩn theo YHHĐ. 2.Trình bày được đại cương, nguyên nhân, triệu chứng trẻ viêm cầu thận theo YHCT. 3.Phân tích	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn dề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên

			được các phương pháp điều trị trẻ viêm cầu thận theo YHCT.				
12 Thi kết thúc học phần		0/1/0					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Nhi khoa. 2.Hướng dẫn làm bệnh án Nhi khoa	4/0/4	Viết được hồ sơ bệnh án Nhi khoa	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Hướng dẫn tứ chẩn trẻ em	4/0/4	Khám tứ chẩn trẻ em	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Học tập bên giường bệnh ca ngắn OMP	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
3	Lâm sàng viêm cầu thận	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi viêm cầu thận/ co	CLO3, CLO4,	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			giật. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO5			nhận xét, đánh giá	
4	Lâm sàng tiêu chảy	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi viêm cầu thận/ co giật. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng suy dinh dưỡng	4/0/4	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi suy dinh dưỡng. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, ống nghe, thước đo, cân, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
6	Lâm sàng Viêm phổi	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi viêm phổi.	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe, đè lưỡi	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
7	Lâm sàng Sa trực tràng	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi sa trực tràng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Lâm sàng Truyền nhiễm Nhi: case sởi	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi sởi/ quai bị/ thủy đậu/ tay chân miệng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
9	Lâm sàng Truyền nhiễm Nhi: case thủy đậu	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhi sởi/ quai bị/ thủy	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			đậu/ tay chân miệng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				nhận xét, đánh giá	
10	Lâm sàng Trẻ bại não	4/0/4	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho trẻ bại não 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, búa phản xạ	Dạy học bên giường bệnh ca dài	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
11	Ôn tập, giải đáp	2/0/0		CLO3				Điểm thường xuyên
14	Bệnh án thi	0/2/2						
15	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/2/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS
16	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <10 buổi.	Đi học <11 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <11 buổi, không đi muộn	Đi học <12 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 12 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. **Bộ môn Nhi. Bệnh học và điều trị Nhi YHCT (2024)**. Tài liệu lưu hành nội bộ: Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. **Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017)**, *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.
10.2.2. **Vũ Nam (2005)**, *Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học.
10.2.3. **Hải thượng lãn ông Lê Hữu Trác (2012),** *Hải thượng y tông tâm lĩnh*, Nhà xuất bản y học.
10.2.4. **Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2006)**, *Thuốc Đông Y cách sử dụng và một số bài thuốc hiệu nghiệm*, Nhà xuất bản Y học.
10.2.5. **Lê Văn Luân, Trần Phương Đông, Nguyễn Thị Quỳnh Nga (2023)** *"Đánh giá phục hồi chức năng cho trẻ bại não thể co cứng bằng cấy chỉ PDO Hàn Quốc",* đề tài cấp cơ sở Bệnh viện Châm cứu Trung ương.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN LÃO KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Lão khoa Y học cổ truyền
* Tiếng Anh: Traditional medicinal Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: TRAD6117
- Số tín chỉ: 2,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 15 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 75 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Nội YHCT
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão khoa

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Lão khoa	ngan_duong1969@yahoo.com
2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Yến	0983159129	Lão khoa	bshongyen69@gmail.com
3	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	Lão khoa	thuyphuongydhctvn@gmail.com
4	Ths. Phùng Thùy Trang	0942215189	Lão khoa	thuytrang811@gmail.com
5	PGS.TS. Phạm Vũ Khánh	0913563042	Lão khoa	bsyphamvukhanh@yahoo.com
6	Ths. Trịnh Vũ Lâm	0912325938	Lão khoa	lamtrinh.vutm@gmail.com
7	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	BV YHCT Hà Đông	
8	TS. Đinh Thị Lam	0947318666	BV Đa khoa	

			Đống Đa	
9	Ths. Nguyễn Giang Thanh	0943666983	BV Đa khoa Đống Đa	
10	Ts. Ngô Quỳnh Hoa		BV Đa khoa Đống Đa	
11	BSCKII. Trần Quốc Khánh	0904146706	BV Châm Cứu TW	
12	Ths. Trần Nhật Trường		BV Đa khoa Hà Đông	
13	BSCKI. Nguyễn Thị Hằng		BV Đa khoa Hà Đông	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về dặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Chẩn đoán được một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.
CLO2	Biện chứng và xây dựng được kế hoạch điều trị, dự phòng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT trên lâm sàng.

CLO4	Làm đúng một số thủ thuật điều trị YHCT cơ bản trên bệnh nhân Lão khoa (châm cứu, xoa bóp bấm huyệt)
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3					1											
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3												
CLO 4						1	3										
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Kim châm cứu
5	Máy điện châm

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương Lão khoa: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Đái tháo đường: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Văn A, 62 tuổi, giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: Đái tháo đường tuýp 2 (10 năm), tăng huyết áp (7 năm). Vào viện với lý do: Phù chân tăng dần, tiểu ít. Sau khai thác bệnh nhân thấy các triệu chứng: Phù hai chân tăng dần trong 2 tuần, tiểu ít, chán ăn, huyết áp lúc vào viện 160/90mmHg. Thuốc đang sử dụng: Metformin, Amlodipine

Cận lâm sàng: Đường huyết lúc đói: 9.5 mmol/L, HbA1c: 8.2%, Creatinin máu: 3.2 mg/dL.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

8. Từ bệnh nhân trên, theo Anh/chị cần phải chỉ định thêm những cận lâm sàng nào?
9. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
10. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
11. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân người mệt mỏi, đoản khí, kèm tự hãn. phù hai chân, sắc mặt u ám, sợ lạnh, chân tay lạnh, ỏai tiện lúc lỏng lúc táo. Chất lýỡi nhạt, sắc tối, rêu trắng khô, mạch trầm vi, vô lực

3. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
4. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 3: Tăng huyết áp: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Trần Thị B, 65 tuổi, Giới tính: Nữ, Nghề nghiệp: Hưu trí. Một ngày trước khi vào viện, bệnh nhân thấy đau đầu, hoa mắt chóng mặt. Ở nhà uống Panadol không đỡ đau nên vào viện. Vào viện, khám thấy: Bệnh nhân tỉnh táo, tiếp xúc tốt, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt. Huyết áp: 160/90 mmHg (đo hai lần cách nhau 15 phút, khi nghỉ ngơi), Mạch: 75 lần/phút. Chỉ số BMI: 27 kg/m². Tim mạch: Nghe tim: T1 đanh

Cận lâm sàng: Công thức máu, sinh hóa máu: Bình thường. Điện tâm đồ (ECG): Dày thất trái nhẹ. Siêu âm tim: Dày thất trái

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

6. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
7. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?
8. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc điều trị Huyết áp nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các nhóm thuốc huyết áp

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân đau đầu nhiều, đau thiện án, đau đầu vùng đỉnh kèm hoa mắt, chóng mặt, ù tai, hai gò má đỏm ngũ tâm phiền nhiệt. Lưng gối mỏi yếu. Chất lưỡi đỏ, ít rêu, mạch huyền

3. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
4. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 4: Rối loạn giấc ngủ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 5: Thoái hóa khớp: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Nguyễn Thị C, 65 tuổi, giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Nội trợ. Tiền sử: Thoái hóa khớp gối 5 năm, Một tuần trước khi vào viện bệnh nhân đau khớp gối ngày càng tăng, đi lại khó khăn. Ở nhà, không điều trị gì nên vào viện. Sau thăm khám thấy: Đau khớp gối 2 bên, nặng hơn khi đi lại, giảm khi nghỉ ngơi, khớp gối có tiếng lạo xạo khi cử động, hạn chế vận động, đi lại khó khan

Cận lâm sàng: XQuang khớp gối: Hẹp khe khớp, gai xương ở bờ xương đùi, xương chày, dày xương dưới sụn. Xét nghiệm máu: Bình thường

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

6. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên
7. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị và điều trị cụ thể?
8. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, hàm lượng sử dụng của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khi khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Đau khớp gối nhiều, đau thiện án. Đau kèm hạn chế vận động. Bệnh nhân thường có đau đầu âm ỉ, ù tai, hoa mắt, chóng mặt, ngủ ít. Chất lưỡi hồng, ít rêu. Mạch huyền tế sác.

3. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
4. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 6: Rối loạn lipid máu: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bệnh nhân Nguyễn Văn D, 70 tuổi, giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Hưu trí. Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp (10 năm) đang dùng Amlordipin 5mg/ngày. Vào viện khám sức khỏe định kỳ thấy: Huyết áp: 130/80mmHg, mạch 70 lần/phút. BMI: 27kg/m2.

Cận lâm sàng: Cholesterol toàn phần**:** 6.8 mmol/L**,** LDL-C**:** 4.5 mmol/L**,** HDL-C**:** 1.0 mmol/L**,** Triglyceride**:** 2.8 mmol/L

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

6. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy giải thích cơ chế bệnh sinh của bệnh nhân và đưa ra chẩn đoán phù hợp
7. Xây dựng mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể cho bệnh nhân trên
8. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc nào để điều trị cho bệnh nhân? Phân tích cơ chế tác dụng, thành phần, ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các thuốc trên

Cùng bệnh nhân trên, sau khai thác các triệu chứng YHCT như sau: Bệnh nhân thể trạng béo bệu, người mệt mỏi, thường thấy tức ngực, chân tay nặng nề, cảm giác rã rời, vô lực, bụng đầy trướng. Miệng lưỡi dính nhớt. Mạch huyền hoạt.

3. Anh/chị hãy phân tích các triệu chứng YHCT và đưa ra chẩn đoán bệnh nhân trên theo YHCT
4. Anh chị hãy biện chứng luận trị và đưa ra pháp phương phù hợp

Bài 7: Tai biến mạch máu não: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Bài 8: Loãng xương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án lão khoa: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa

Bài 2: Bình bệnh án Đái tháo đường theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án Đái tháo đường theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án Tai biến mạch máu não theo YHHĐ:

- Chọn 1 bệnh nhân tại khoa: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Bình bệnh án Tai biến mạch máu não theo YHCT:

- Bệnh nhân đã được chọn ở bài 4 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án Tăng huyết áp theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 7: Bình bệnh án Tăng huyết áp theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 6 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 8: Bình bệnh án Rối loạn lipid máu theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 9: Bình bệnh án Rối loạn lipid máu theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 8 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 10: Bình bệnh án Rối loạn giấc ngủ theo YHHĐ và YHCT:

- Chọn một BN: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 11: Bình bệnh án Loãng xương theo YHHĐ và YHCT:

- Chọn 1 BN: BN đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 12: Bình bệnh án Thoái hóa khớp theo YHHĐ và YHCT:
- Chọn 1 BN: BN sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ và YHCT, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Lão khoa YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại : Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.Giới thiệu HP Lão khoa 2. Đại cương về lão khoa -Đại cương lão khoa - Đặc điểm sinh lý của người cao tuổi. - Đặc điểm bệnh lý của người cao tuổi	4/0/8	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHĐ + YHCT	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Đái tháo đường	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng,	CLO1, CLO2,	Thuyết trình ngắn	1.Tự học: như mục	Điểm thường

	- đại cương - ĐTĐ theo YHHĐ - ĐTĐ theo YHCT		điều trị và dự phòng được bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT	CLO5	tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên
3	Tăng huyết áp - đại cương - Tăng huyết áp theo YHHĐ - Tăng huyết áp theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Tăng huyết áp ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4	Rối loạn giấc ngủ - đại cương - RL giấc ngủ theo YHHĐ - RL giấc ngủ theo YHCT	2/0/4	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rối loạn giấc ngủ ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Thoái hóa khớp - đại cương - Thoái hóa khớp theo YHHĐ - Thoái hóa khớp theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh thoái hóa khớp, Loãng xương ở người cao tuổi theo	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh	Điểm thường xuyên

			YHHĐ và YHCT.		tình huống.	giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
6	Rối loạn Lipid máu - đại cương - RLLP máu theo YHHĐ - RLLP máu theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được bệnh Rối loạn Lipid máu ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7	Tai biến mạch máu não - đại cương - Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHHĐ - Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng Tai biến mạch máu não ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
8	Loãng xương - đại cương - Loãng xương ở người cao tuổi theo YHHĐ - Loãng xương ở người cao tuổi theo YHCT	4/0/8	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được Loãng xương ở người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	Điểm thường xuyên

9	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Lão khoa. 2.Hướng dẫn làm bệnh án lão khoa	3/0/1.5	Viết được hồ sơ bệnh án Lão khoa	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Lâm sàng Đái tháo đường theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh ĐTĐ theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Lâm sàng Đái	2/0/1	1. Khám, chỉ định		Bảng, phấn	Dạy học theo	1.Tự học:	Điểm

	tháo đường theo YHCT		cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh ĐTĐ theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5		case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
4	Lâm sàng Tai biến mạch máu não theo YHHĐ	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh TBMMN theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe, búa phản xạ	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng Tai biến mạch máu não theo YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình	Điểm thường xuyên

			YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
6	Lâm sàng Tăng huyết áp theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Lâm sàng Tăng huyết áp theo YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận,	Điểm thường xuyên

							nhận xét, đánh giá	
8	Lâm sàng Rối loạn Lipid máu theo YHHĐ	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
9	Lâm sàng Rối loạn Lipid máu theo YHCT	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10	Lâm sàng Rối loạn giấc ngủ theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ	CLO3,	Bảng, phấn, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

			sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO4, CLO5			trình bày BA, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
11	Lâm sàng Loãng xương theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc XQ, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
12	Lâm sàng Thoái hóa khớp theo YHHĐ và YHCT	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo YHHĐ	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc XQ, máy điện châm, kim châm cứu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám,	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá				thực hiện thủ thuật thảo luận, nhận xét, đánh giá	
13	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
14	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS
15	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. Phạm Vũ Khánh, bộ môn Lão khoa (2016), Lão khoa YHCT, NXB Giáo dục

10.1.2. Nhiều tác giả của Đại học Y Hà Nội (2022), Bệnh học Lão khoa, NXB Y học.

10.1.3. Trường Đại học Y Hà Nội (2023), Lão khoa đại cương, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2015), Bài giảng Điều tri học Nội khoa YHCT, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIỀN LÂM SÀNG YHHĐ

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tiền lâm sàng YHHĐ

* Tiếng Anh: Preclinical modern medicine

- Mã học phần/ mô đun: MEDI2101
- Số tín chỉ: 2 (LT: 0 / TH: 02)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
    + Lý thuyết: 0 tiết
    + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết
    + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (thi TH)
    + Thời gian tự học: 30 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành YHCT năm thứ hai
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □x		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □x	Tự chọn □	**Bắt buộc** □	Tự chọn □	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:
+ Học phần học trước: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh
+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun: Bộ môn Nội – tổ YHHĐ, Bộ môn Nhi, Bộ môn Ngoại, Bộ môn Sản.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thư	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths.BSCKII.Nguyễn Thị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths.Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com
5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	Ths. Nguyễn Ngọc Đăng	091635838	bsdang1988@gmail.com
8.	Thạc sĩ Bùi Thị Hương Thu	0973257839	thubuinhi@gmail.com
9.	Thạc sĩ Phạm Hà Ly	0984231285	phamhaly2012@gmail.com
10.	Thạc sĩ Nguyễn Văn Khiêm	0968998333	bskhiem8x@gmail.com
11.	TS PhạmThái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
12.	BSCKII Trần Quyết Thắng	0904484444	huyensanyhctmoi@gmail.com
13.	Thạc sĩ Nguyễn Thành Trung	098 424 56 46	Thanhtrung89@gmail.com
14.	Thạc sĩ Đào Hồng Phượng	093 469 38 53	phuonghmu1409@gmail.com.vn
15.	Thạc sĩ Nguyễn Thị Thu	098 445 75 55	Dieuthu8587@gmail.com
16.	Thạc sĩ Lê Văn Đạt	0376 635 438	Lvdat@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu được nguyên tắc trong giao tiếp, khai thác bệnh sử: Giao tiếp đúng mực, tạo dựng lòng tin với bệnh nhân; Hỏi bệnh sử theo trình tự hợp lý, thu thập thông tin chính xác; Ghi chép bệnh án sơ bộ theo mẫu chuẩn;
MT2	Thực hiện được các kỹ năng thăm khám cơ bản: Đo dấu hiệu sinh tồn, khám khám bệnh tổng quát và các cơ quan: khám toàn trạng; hô hấp tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khơp, thần kinh, sinh dục, sinh sản.
MT3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	2	2				
MT2	2	2				
MT3			1		2	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được nguyên tắc trong giao tiếp, khai thác bệnh sử: Giao tiếp đúng mực, tạo dựng lòng tin với bệnh nhân; Hỏi bệnh sử theo trình tự hợp lý, thu thập thông tin chính xác; Ghi chép bệnh án sơ bộ theo mẫu chuẩn; Thực hành kỹ năng tiếp xúc người bệnh và khai thác bệnh sử.
CLO2	Thực hiện được các kỹ năng thăm khám cơ bản: Đo dấu hiệu sinh tồn, khám khám bệnh tổng quát và các cơ quan:

	khám toàn trạng; hô hấp tiêu hóa, thận tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh, sinh dục
CLO3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1	2		2				1							2			
CLO2	2		2				1										
CLO3														2			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Nội cơ sở (tài liệu lưu hành nội bộ), tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2;

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Không.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Nhiệt kế
5	Thước dây

Phòng học lâm sàng có bảng, bút viết bảng, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Trung tâm tiền lâm sàng

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp

2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Nhiệt kế
5	Thước dây
6	Mô hình

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành.
- Thực hành kỹ năng tiếp xúc người bệnh và thăm khám cơ bản, mỗi ký năng thực hiện ít nhất 3 lần/buổi thực hành. Tham gia thảo luận nhóm.

6.2.3. Tự học:

Sinh viên nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc TLC1.2.3 và TLTK 1.2.3 trước các buổi học, , chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP và lịch giảng của bộ môn trước khi đến lớp.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về khai thác bệnh sử, tiền sử, khám toàn thân và các hệ cơ quan: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết. Trong quá trình học sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video… trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên có được kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám cơ bản trước khi thực tập trên người bệnh.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
56.	Khám lâm sàng tim mạch	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám tim mạch đúng, biết nghe và nhận biết tiếng tim bình thường và một số tiếng tim bệnh lý	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
57.	Khám lâm sàng hô hấp	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám hệ hô hấp đúng, biết nghe khám phổi và nhận biết một số dấu hiệu bệnh lý hệ hô hấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
58.	Khám lâm sàng tiêu hóa	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám hệ hệ tiêu hóa đúng. Nhận biết một số dấu hiệu bệnh lý hệ bệnh tiêu hóa	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên

59.	Khám lâm sàng thận - tiết niệu	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám thận tiết niệu đúng,.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
60.	Khám Nội tiết , khám toàn thân	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám toàn thân, và khám tuyến giáp, khám hạch đúng cách.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
61.	Khám lâm sàng cơ xương khớp	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám cơ xương khớp đúng.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
62.	Khám lâm sàng thần kinh	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám thần kinh đúng cách.	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
63.	Hướng dẫn làm bệnh án Nội khoa	2/0/1	Biết cách viết hồ sơ bệnh án Nội khoa	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên

64.	Khám bụng ngoại khoa	6/0/3	1.Thực hiện được kỹ năng tiếng xúc, hỏi bệnh, khám bụng ngoại khoa đúng, biết cách nhận định dấu hiệu bụng ngoại khoa, điểm đau ngoại khoa 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
65.	Khám gãy xương	4/0/2	Thực hiện được kỹ năng tiếp xúc, hỏi bệnh, khám bệnh nhân gẫy xương, biết cách nhận định được dấu hiệu lâm sàng của gãy xương	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
66.	Khám thai	4/0/2	Hiểu được được kỹ năng kỹ năng tiếp xúc, hỏi bệnh . thực hiện.khám thai, nghe tim thai trên mô hình	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
67.	Khám phụ khoa	4/0/2	Hiểu được được kỹ năng kỹ năng tiếp xúc, hỏi bệnh. Thực hiện khám phụ khoa trên mô hình	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
68.	Khám vú	2/0/1	Thực hiện được kỹ năng kỹ năng tiếp xúc, hỏi bệnh. Biết cách thăm khám tuyến vú	CLO1 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực	Điểm thường xuyên

						hành theo hướng dẫn	
69.	Cách bước khám bệnh Nhi khoa	4/0/2	Tóm tắt được các bước khám bệnh Nhi khoa.	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
70.	Hướng dẫn khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh Nhi khoa	6/0/3	Thực hiện được kỹ năng khám toàn trạng, hô hấp, tim mạch, thần kinh trên mô hình	CLO2 CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng mô phỏng, làm mẫu, hướng dẫn, bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi và thực hành theo hướng dẫn	Điểm thường xuyên
71.	Thi tiền thực hành	0/10/0		CLO1 CLO2 CLO3			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.7. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.8. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá quá trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học < 13 buổi.	Đi học < 14 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học < 14 buổi, không đi muộn	Đi học 15 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học đủ 15 buổi .	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 – 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Lượng giá

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Giao tiếp và hỏi bệnh	Không thực hiện được giao tiếp với bệnh nhân: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, giải thích lý do thăm khám, hỏi lý do vào viện	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được giao tiếp với người bệnh mà không cần sự hướng dẫn của giảng viên	Thực hiện được giao tiếp với người bệnh tương đối thành thạo và tự tin	Thực hiện được giao tiếp với người bệnh một cách thành thạo và tự tin	30%
Khám	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	50%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	20%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.9. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thục hành	Điểm thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành Nội	45%	Thi thực hành Khám trên bệnh nhân demo, mô hình	Thi lâm thực hành	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo rubric
Điểm thực hành Ngoại	15%	Thi thực hành Khám trên bệnh nhân demo, mô hình	Thi lâm thực hành	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo rubric
Điểm thực hành Sản	15%	Thi thực hành Khám trên bệnh nhân demo, mô hình	Thi lâm thực hành	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo rubric
Điểm thực hành Nhi	15%	Thi thực hành Khám trên bệnh nhân demo, mô hình	Thi lâm thực hành	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo rubric

- Phần thi thực hành : Rubric 2

  Điểm thi thực hành được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết thi phần thực hành * 0.9 + Điểm đánh giá quá trình * 0.1)

Tròn đó điểm tổng kết thi phần thực hành = Điểm thực hành Nội *0.45 + Điểm thực hành Ngoại *0.15 + Điểm thực hành Sản *0.15 + Điểm thực hành Nhi *0.15

10. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính (TLC):

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2021), "Giáo trình kỹ năng Y khoa", Nhà Xuất bản Y học.
2. Bài giảng tiền lâm sàng nội, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.
3. Tài liệu phát tay.

- Tài liệu tham khảo:

1. Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2021), Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Triệu chứng học nội khoa tập 1 (2021), Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn Ngoại (2021), Ngoại cơ sở,Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, TL nội bộ

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chẩn Đoán Hình Ảnh
* Tiếng Việt: Chẩn Đoán Hình Ảnh
* Tiếng Anh: Diagnostic Imaging
- Mã học phần/ mô đun: MEDI2102
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc X	Tự chọn □	**Bắt buộc** X	Tự chọn □	Bắt buộc ☐	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Giải Phẫu, Sinh lý, Sinh Lý bệnh, Tiền Lâm sàng Nội
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ Môn Chẩn Đoán Hình Ảnh

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Hoàng Đình Âu	0985375589	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
2	BSCKII.Trần Đăng Khoa	0912023295	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
3	BSCKII.Phạm Văn Thương	0905196111	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
4	ThS.Phạm Thị Minh	0914761878	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
5	ThS.Quang Ngọc Khuê	0989432828	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
6	TS.Vũ Duy Lâm	0913236952	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
7	TS.Trần Phan Ninh	0982345486	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
8	TS.Trần Văn Ngọc	0986357968	Chẩn Đoán Hình Ảnh	
9	ThS.Trần Thị Thanh Thanh		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
10	ThS.Vũ Trọng Huy		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
11	TS.Nguyễn Thị Thanh Phượng		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
12	BSCKII.Nguyễn Hồng Long		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
13	TS.Lê Thị Khánh Tâm		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
14	TS.Bùi Long		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
15	TS.Nguyễn Thế Anh		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
16	TS.Nguyễn Ngọc Cương		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
17	BSCKII.Trương Thị Thanh		Chẩn Đoán Hình Ảnh	

18	ThS.Phạm Xuân Thành		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
19	ThS.Hoàng Minh Tú		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
20	ThS.Đinh Văn Thư		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
21	ThS.Triệu Quốc Tính		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
22	ThS.Vũ Thị Dung		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
23	ThS.Đỗ Thị Kim Thùy		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
24	ThS.Nguyễn Văn Công		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
25	ThS.Nguyễn Thùy Trang		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
26	ThS.Nguyễn Thanh Vân Anh		Chẩn Đoán Hình Ảnh	
27	ThS.Nguyễn Thu Lan		Chẩn Đoán Hình Ảnh	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Phân biệt được đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên hình ảnh X quang quy ước, siêu âm,cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.
MT HP2	Phân tích và biện luận hướng tới chẩn đoán được bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên hình ảnh X quang quy ước, siêu âm,cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.

MT HP3	Nhận thức được việc nắm vững những kiến thức cơ bản về các bệnh lý trên chẩn đoán hình ảnh rất quan trọng trong việc học tập chuyên ngành.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân biệt được đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên hình ảnh X quang quy ước, siêu âm,cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.
CLO2	Phân tích và biện luận hướng tới chẩn đoán được bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên hình ảnh X quang quy ước, siêu âm,cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ
CLO3	Kỹ năng đọc, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện

CLO4	Nhận thức được việc nắm vững những kiến thức cơ bản về các bệnh lý trên chẩn đoán hình ảnh rất quan trọng trong việc học tập chuyên ngành
CLO5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2																
CLO 2	2																
CLO 3			2	3													
CLO 4																	
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục phần danh mục tham khảo theo phụ lục

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Thực hành: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Phòng học thực hành có đèn đọc phim XQ, đọc Phim CT-Scaner, MRI.
2	Máy Chiếu
3	Máy Siêu Âm tại Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh

6.1.3. Lâm Sàng: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Lý thuyết:

Bài	Nội dung	Mục tiêu
Bài 1: Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp	1. Các phương pháp CĐHA cơ xương khớp 2. Giải phẫu các bộ phận cơ xương khớp của cơ thể trên chẩn đoán hình ảnh 3. CĐHA bệnh lý thoái hóa cột sống - đĩa đệm 3. CĐHA chấn thương cột sống 4. Chẩn đoán hình ảnh một số u trong ống sống hay gặp	1. Trình bày được các phương pháp CĐHA cơ xương khớp 2. Trình bày được giải phẫu cột sống trên CĐHA 3. Trình bày được một số bệnh lý thuộc cơ xương khớp hay gặp
Bài 2: Chẩn Đoán Hình Ảnh Tim mạch, lồng ngực	1. Các phương pháp CĐHA tim mạch- lồng ngực 2. Giải phẫu tim mạch-lồng ngực trên chẩn đoán hình ảnh 3. Một số bệnh lý lồng ngực hay gặp 4. Một số bệnh lý tim- mạch máu hay gặp	1. Trình bày được các phương pháp CĐHA tim mạch-lồng ngực 2. Trình bày được giải phẫu tim mạch- lồng ngực trên CĐHA 3. Trình bày được một số bệnh lý tim mạch-lồng ngực hay gặp
Bài 3: Chẩn đoán hình ảnh tiêu hóa, sinh dục	1. Các phương pháp CĐHA tiêu hóa, sinh dục 2. Giải phẫu ống tiêu hóa, hệ sinh dục trên CĐHA 3. Chẩn đoán hình ảnh một số bệnh lý gan tiêu hóa,	1. Trình bày được các phương pháp CĐHA tiêu hóa, sinh dục 2. Trình bày được giải phẫu tiêu hóa, sinh dục trên CĐHA

	sinh dục hay gặp	3. Trình bày được một số bệnh lý thuộc ống tiêu hóa, hệ sinh dục hay gặp
Bài 4: Chẩn đoán hình ảnh tiết niệu	1. Các phương pháp thăm khám hình ảnh hệ tiết niệu. 2. Giải phẫu hệ tiết niệu trên chẩn đoán hình ảnh 3. Chẩn đoán hình ảnh một số dấu hiệu bệnh lý hệ tiết niệu hay gặp 4. Chẩn đoán hình ảnh cấp cứu hệ tiết niệu	1. Trình bày được các phương pháp CĐHA thăm khám hệ tiết niệu 2. Trình bày được giải phẫu hệ tiết niệu trên CĐHA 3. Trình bày được một số dấu hiệu bệnh lý hệ tiết niệu hay gặp

Thực hành:

TT	Tên chủ đề/ bài học
1	Bài 1: Đọc phim XQ xương khớp
2	Bài 2: Siêu âm ổ bụng- phụ khoa
3	Bài 3: Đọc phim XQ tim mạch,lồng ngực
4	Bài 4: Đọc phim hệ tiết niệu

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học thực hành phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên các phương tiện chẩn đoán hình ảnh

Kỳ vọng sinh viên trong quá trình học sẽ tiếp thu được kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh để áp dụng trong chuyên ngành y cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chẩn Đoán Hình Ảnh Cơ Xương Khớp	3/0/7	-Trình bày được các phương pháp CĐHA cơ xương khớp. -Trình bày được Giải phẫu các bộ phận cơ xương khớp của cơ thể trên CĐHA -CĐHA bệnh lý liên quan thoái hóa cột sống, đĩa đệm. -CĐHA chấn thương cột sống. -Chẩn đoán hình ảnh 1 số U trong cột sống thường gặp.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Chẩn Đoán Hình Ảnh Tim Mạch, Lồng Ngực	4/0/8	-Các phương pháp CĐHA tim mạch, lồng ngực hay sử dụng trên lâm sàng. -Trình bày được giải phẫu tim mạch, lồng ngực trên CĐHA. -Một số bệnh lý lồng ngực hay	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo	Điểm thường xuyên

			gặp trên lâm sàng. -Một số bệnh lý Tim-mạch máu hay gặp trên lâm sàng.		huống.	luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
3	Chẩn Đoán Hình Ảnh Tiêu Hóa, Hệ Sinh dục.	4/0/8	-Trình bày được các phương pháp CĐHA Tiêu hóa, Hệ sinh dục. -Trình bày được Giải phẫu ống tiêu hóa, hệ sinh dục trên CĐHA. -Chẩn Đoán Hình Ảnh ứng dụng 1 số bệnh lý tiêu hóa, sinh dục thường gặp trên lâm sàng.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4	Chẩn Đoán Hình Ảnh Tiết Niệu	4/0/7	-Trình bày được các phương pháp thăm khám hình ảnh hệ tiết niệu. -Trình bày được giải phẫu hệ tiết niệu trên chẩn đoán hình ảnh. -Chẩn đoán hình ảnh 1 số dấu hiệu bệnh lý tiết niệu thường gặp trên lâm sàng. -Trình bày được 1 số phương pháp chẩn đoán hình ảnh cấp cứu hệ tiết niệu trên lâm sàng.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đọc tiêu bản phim X-Quang xương khớp	7/0/10	-Nhận biết được tổn thương cơ bản trên phim X-Quang quan sát được. -Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	-Đèn đọc phim X-Quang -Máy chiếu	-Đọc tiêu bản phim chụp trên hệ thống chuyên dụng	-Quan sát, nhận định -Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Đọc tiêu bản phim chụp X-Quang tim mạch, lồng ngực.	8/0/15	-Nhận biết được tổn thương cơ bản trên phim X-Quang quan sát được. -Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	-Đèn đọc phim X-Quang -Máy chiếu	-Đọc tiêu bản phim chụp trên hệ thống chuyên dụng	-Quan sát, nhận định -Thảo luận, nhận xét, đánh giá trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Siêu âm Ổ bụng-	8/0/10	-Nhận biết được		-Máy Siêu âm	-Đọc tiêu bản	-Quan sát,	Điểm

	Phụ Khoa		hình ảnh trên siêu âm ổ bung, phụ khoa. Những hình ảnh bình thường và hình ảnh bệnh lý thường gặp. -Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Chuyên dụng -Máy Chiếu tiêu bản hình ảnh Siêu Âm thu được trực tiếp trên bệnh nhân.	phim chụp trên hệ thống chuyên dụng	nhận định -Thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
4	Đọc phim Hệ tiết niệu	7/0/10	-Nhận biết được tổn thương cơ bản trên phim X-Quang quan sát được. -Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	-Đèn đọc phim X-Quang -Máy chiếu	-Đọc tiêu bản phim chụp trên hệ thống chuyên dụng	-Quan sát, nhận định -Thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Thi thực hành	0/5/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi TH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <2 buổi.	Đi học <3 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <3 buổi, không đi muộn	Đi học <4 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 4 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá thường xuyên lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học không đầy đủ	Đi học đầy đủ, đôi khi đi học muộn.	Đi học đầy đủ, không đi muộn.	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương tốt các quy định.	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các quy định.	**10%**
Chỉ tiêu LS	Đọc và quan sát tiêu bản phim chụp < 2 Phim/ tuần	Đọc và quan sát tiêu bản phim chụp 2 Phim/ tuần	Đọc và quan sát tiêu bản phim chụp 3-4 Phim/ tuần	Đọc và quan sát tiêu bản phim chụp 4-5 Phim/ tuần	Đọc và quan sát tiêu bản phim chụp > 5 Phim/ tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuẩn bị tiêu bản Phim chụp	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Thực hiện đọc tiêu bản phim trên hệ thống chuyên dụng	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	30%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Thực hành	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Thi thực hành	Thi thực hành	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi Tự luận	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo Ngân hàng Câu hỏi máy tính

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi tự luận theo Ngân hàng câu hỏi máy tính

Thời gian: 90 phút ; Tổng số câu: 03

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	1	1	0	0	0
CLO2	60 %	2	0	1	1	0
Tổng	100%	3	1	1	1	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Lý thuyết x 2 + Thực hành)/3

10. Tài liệu học tập

1. Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu, 2002, Nhà xuất bản Y học.
2. Chẩn đoán hình ảnh chấn thương bụng. 2010. Nhà xuất bản y học.
3. Phạm Ngọc Hoa, Lê văn Phước (2008) "CT ngực". Nhà xuất bản Y học
4. Monnier, Tubiana (1990) " Radiodiagnostic", Masson

5. Robert G, Fraser M.D, F.R.C.P (2015). “Diagnosis of diseases of the chest”, W.B. Saunders company
6. pumonary disease” 7 th Ed, Lippincott – William & Wilkins philadelphia
7. CT and MR imaging of the whole body. John R.Haaga ; Charles F.Lanzeri ; Robert C. Gilkeson. Mosbay, 2002
8. Abdominal-pelvic MRI ; Richard C . Semelka, M.D. , Wiley-liss 2006
9. Diagnostic imaging abdomen. Federle Jeffrey, 2004.
10. Diagnostic Imaging head and neck, H. Ric Harnsberger, Amirsys 2004
11. Diagnostic imaging brain, Anne G. Osborn, Amirsys, 2004
12. Imaging of the Musculoskeletal System. Nhà xuất bản Elsevier, 2008.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 202

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
TRUYỀN NHIỄM Y HỌC HIỆN ĐẠI KẾT HỢP Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Truyền nhiễm y học hiện đại kết hợp y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Modern Medicine combined with Traditional Medicine of Infectious Diseases

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5112
- Số tín chỉ: 2,0 LT/2,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 9 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 101 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Nội cơ sở YHHĐ, Nội bệnh lý YHHĐ, Nhi khoa YHHĐ, Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT, Phương tễ học, Châm cứu.
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền nhiễm - Lao

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS Tống Thị Tam Giang	0912660287	Truyền nhiễm – Lao	bstongthitamgiang@gmail.com
2	ThS BSCKII Lê Thị Phương Thảo	0946887509	Truyền nhiễm – Lao	lethao.bvtt88@gmail.com
3	ThS BSCKII Trần Thanh Hà	0965607190	Truyền nhiễm – Lao	hatran1090@gmail.com
4	ThS Bùi Thị Thanh Huyền		BV YHCT, Bộ Công an	
5	BS CKI Phan Ngọc Lý		BV YHCT, Bộ Công an	
6	BSCKII Nguyễn Thị Hải Yến		BV Đa khoa YHCT Hà Nội	

7	ThS Nguyễn Hoài Linh		BV Đa khoa YHCT Hà Nội	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức YHHĐ và YHCT về dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để phân tích chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.
MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án, làm được một số thủ thuật cơ bản của YHHĐ và YHCT để điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT.
CLO2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp theo YHHĐ và YHCT.
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, làm hồ sơ bệnh án, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp theo YHHĐ và YHCT trên lâm sàng.
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật điều trị YHCT cơ bản trên bệnh nhân mắc một số bệnh truyền nhiễm thường gặp (châm, cứu, xoa bóp bấm huyệt, giác hơi, xông hơi thuốc)
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

CLO	PLO							
	PLO 1	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO12	PLO14
CLO 1	3							
CLO2	3							
CLO 3		3	3	3	3			
CLO 4						3		
CLO 5							3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn hoặc bút lông viết bảng, v.v...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Nhiệt kế
4	Búa phản xạ
5	Kim châm cứu
6	Máy điện châm
7	Bộ giác hơi
8	Điếu ngải cứu hoặc ngải nhung
9	Đèn soi họng
10	Kim lấy máu
11	Ống sinh hóa máu
12	Ống huyết học

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn hoặc bút lông viết bảng, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của chương trình chi tiết học phần trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương về các bệnh truyền nhiễm theo y học hiện đại và y học cổ truyền: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK).

Bài 2: Phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 3: Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 4: Bệnh cảm cúm: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ, 26 tuổi. Nghề nghiệp: sinh viên. Tiền sử khỏe mạnh. Đặc điểm dịch tễ: Hàng xóm xung quanh có người mắc cúm A. Vào viện vì lý do sốt cao ngày thứ 2. Trước ngày vào viện 2 ngày, sau khi đi sinh nhật bạn về khuya, bệnh nhân xuất hiện sốt 39^0C-$39,5^0$C, kèm theo cảm giác đau nhức cơ toàn thân, đau đầu vùng chẩm gáy chói lên thành từng cơn, hoa mắt, chóng mặt, sợ gió, sợ lạnh, chườm ấm dễ chịu hơn. Kèm theo cảm giác đau họng, khát nước, thích uống ấm, sôi bụng, đại tiện phân lỏng, 4-5 lần/ngày, tiểu tiện trong dài. Ở nhà đã tự dùng thuốc Paracetamol 500mg x 1 viên/lần x 4 lần/ngày, uống cách 6 tiếng/lần nhưng không đỡ. Khám: YHHĐ: Rì rào phế nang hai bên êm dịu, không rales. Tim nhịp đều, T1, T2 rõ, không có tiếng bệnh lý. Bụng mềm, trướng hơi, không có điểm đau khu trú, gan lách không sờ thấy; YHCT: Chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, nhớt. Mạch phù hoạt. Xét nghiệm: Test cúm A dương tính; tổng phân tích tế bào máu ngoại vi trong giới hạn bình thường.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?
2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?
3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 5: Sốt xuất huyết Dengue: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 19 tuổi, nghề nghiệp: Sinh viên. Tiền sử khỏe mạnh. Thời gian vào viện: Tháng 9. Đặc điểm dịch tễ: Xung quanh có người mắc sốt xuất huyết, bản thân chưa từng được chẩn đoán mắc sốt xuất huyết, thường xuyên ngủ không mắc màn. Vào viện vì lý do sốt cao ngày thứ nhất. Trước ngày vào viện 1 ngày, bệnh nhân xuất hiện sốt, nhiệt độ cao nhất $39,5^0$C, đã uống paracetamol 500mg x 1 viên/lần x 4 lần/ngày không đỡ sốt. Ngày nay cảm giác mệt hơn, đau nhức toàn thân, đặc biệt là các cơ tứ chi, háo khát, thích uống nước mát, tự hãn, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, đại tiện phân khuôn vàng, tiểu tiện vàng, lượng nhiều, vào viện. Khám: YHHĐ: Nghiệm pháp dây thắt dương tính, các bộ phận khác chưa phát hiện bất thường; YHCT: Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, nhớt, mạch hoạt sác. Xét nghiệm: Test Dengue dương tính, test cúm A âm tính, test cúm B âm tính; Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi: Bạch cầu 3,2G/L, tiểu cầu 90G/L, HCT 41,2%, Hb 13,4g/L; Sinh hóa máu: AST 36U/L, ALT 39U/L. Siêu âm ổ bụng, hình ảnh X-quang tim phổi trong giới hạn bình thường.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 6: Viêm gan do virus viêm gan B: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 31 tuổi, nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng. Tiền sử bản thân: Khỏe mạnh, tiền sử gia đình: Vợ có HbsAg dương tính. Vào viện vì lý do vàng da, vàng mắt, mệt mỏi. Trong vòng 3 tháng trước khi bị bệnh, bệnh nhân làm việc căng thẳng, mệt mỏi, ngủ ít. Trước ngày vào viện 1 tuần, bệnh nhân xuất hiện vàng da, vàng mắt, ăn kém, sợ thức ăn có mỡ, đại tiện phân nát, 1 lần/ngày. Sau đó tình trạng mệt mỏi tăng dần, đau đầu, ngực bụng đầy trướng, vào viện. Hiện tại: Vàng da toàn thân, củng mạc mắt vàng, sắc vàng tối, đau nặng đầu, toàn thân nặng nề, cảm giác mệt mỏi, vô lực, ngực sườn đầy trướng, ăn kém, sợ mỡ, đại tiện phân nát, 2 lần/ngày, màu vàng sẫm, cảm giác nóng rát hậu môn sau đại tiện, tiểu tiện vàng dài. Khám: YHHĐ: Tim nhịp đều, T1, T2 rõ, không có tiếng bệnh lý, rì rào phế nang êm dịu, không rales, gan mấp mé bờ sườn, ấn tức, phản hồi gan – tĩnh mạch cổ âm tính, không có tuần hoàn bàng hệ, không có tràn dịch ổ bụng; YHCT: Chất lưỡi dày, hồng, rêu lưỡi trắng dày ánh vàng, nhớt, mạch huyền hoạt. Kết quả cận lâm sàng: Sinh hóa máu: AST 784U/L, ALT 728U/L, GGT 52U/L; Siêu âm ổ bụng: Nhu mô gan không đều, rải rác các nốt tăng âm, gan to, kích thước gan ~ 16,5cm theo đường giữa đòn phải, ống mật chủ và túi mật giãn nhẹ, hình ảnh dày thành túi mật.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 7: Bệnh thủy đậu: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ, 20 tuổi, nghề nghiệp: Sinh viên. Tiền sử bản thân: Khỏe mạnh. Vào viện vì lý do ban phỏng nước dày đặc ở ngực. Trước ngày vào viện 2 ngày, bệnh nhân xuất hiện sốt nhẹ, nhiệt độ cao nhất 37,8^{0}C, kèm theo các nốt sẩn màu hồng đường kính khoảng 1mm trên mặt da vùng ngực, cảm giác ngứa tại các nốt sẩn. Ngày nay xuất hiện các nốt phỏng nước dày đặc trên ngực hai bên, khi vỡ chảy dịch trong, kèm theo sốt 38,5^{0}C, cảm giác ngứa tại vị trí các nốt phỏng. Ăn kém. Ngủ không sâu giấc do ngứa. Đại tiện phân khuôn, 1 lần/ngày, tiểu tiện vàng dài, vào viện. Khám: YHHĐ: Tinh thần tỉnh táo, tiếp xúc tốt. Các nốt phỏng nước nổi dày đặc trên da vùng ngực hai bên, xen kẽ là các bọng nước đã vỡ tạo thành các vết trợt nông se miệng, chỗ đóng vảy, không có hiện tượng chảy máu, chảy mủ tại các vết trợt. Xét nghiệm: ELISA tìm kháng thể IgM dương tính; YHCT: Chất lưỡi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch hoạt sác.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 8: Bệnh quai bị: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 28 tuổi, nghề nghiệp: Giáo viên. Tiền sử bản thân: Khỏe mạnh; trước đó có đi du lịch xa, gặp gỡ nhiều người. Vào viện vì lý do sốt, sưng đau góc hàm hai bên. Trước ngày vào viện hai ngày, bệnh nhân xuất hiện sưng đau phía sau tai hai bên, sau đó sốt cao, nhiệt độ cao nhất 39^0C, đã uống paracetamol 500mg x 1 viên/lần x 3 lần/ngày nhưng không đỡ, vào viện. Hiện tại: Góc hàm hai bên và hầu họng sưng đau, sốt $38,5^0$C, mệt mỏi, nhức đầu, cảm giác đau mỏi cơ toàn thân, đau khi nuốt, nhai và uống nước, miệng khát, uống ít, buồn nôn nhưng không nôn, ăn ngủ kém, đại tiện phân táo, 2-3 ngày/lần, tiểu tiện vàng đậm, lượng ít. Khám: YHHĐ: Góc hàm hai bên sưng, tổ chức mềm, ấn đau, không nóng đỏ, niêm mạc họng nề đỏ, không loét, các bộ phận khác chưa phát hiện bất thường; YHCT: Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, nhớt, mạch hoạt sác.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 9: Sốt phát ban: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ, 13 tháng tuổi, tiền sử khỏe mạnh, tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm đầy đủ, đúng hạn theo tháng tuổi. Vào viện vì lý do ban bọng nước vùng cổ. Trước ngày vào viện 3 ngày, bệnh nhân xuất hiện sốt cao, nhiệt độ cao nhất $39,5^0$C, sau 2 ngày hết sốt, xuất hiện ban đỏ dày đặc vùng cổ lan dần xuống ngực và lưng, vào viện. Hiện tại: Tinh thần tỉnh táo, mệt mỏi, không sốt, ban bọng nước màu đỏ dày đặc vùng cổ, ngực, lưng, thưa hơn ở tứ chi, đường kính 2-3mm, tập trung thành từng đám, không ngứa, không chảy dịch. Khám: YHHĐ: Hạch nách, hạch cơ ức đòn chũm hai bên to, ban đỏ ấn kính mất; YHCT: Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, chỉ văn tím nhạt. Xét nghiệm: Công thức máu trong giới hạn bình thường, HHV-6 IgG dương tính.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?

3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

Bài 10: Bệnh sởi: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 41 tuổi, nghề nghiệp: Doanh nhân. Tiền sử bản thân: Không rõ tiền sử tiêm phòng sởi lúc nhỏ, trong vòng 2 tháng gần đây đi công tác nhiều nơi, không rõ tiền sử tiếp xúc với người xung quanh; tiền sử gia đình: Khỏe mạnh. Vào viện vì lý do sốt ngày thứ 2. Trước ngày vào viện 2

ngày, bệnh nhân xuất hiện sốt, nhiệt độ cao nhất 39,5^{0}C, kèm theo cảm giác đau rát miệng, ăn kém, mệt mỏi, vào viện. Hiện tại: Sốt 39,5^{0}C, cảm giác đau nhức toàn thân, môi khô, khát nước, mệt mỏi, loét họng miệng, nuốt khó, ăn kém do đau, mắt đỏ, chảy nước mắt, sợ gió, sợ nước, đại tiện phân lỏng, tiểu tiện vàng, lượng ít. Khám: YHHĐ: Viêm kết mạc hai mắt, hạt Koplik màu trắng hai bên má, ngang với răng hàm số 2, viền ban sẩn nổi trên mặt da vùng sau tai, các bộ phận khác chưa phát hiện bất thường; YHCT: Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng mỏng ánh vàng, nhớt, mạch hoạt sác. Xét nghiệm: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi: Bạch cầu 3,5G/L, tỷ lệ bạch cầu lympho 15%, tiểu cầu 110G/L.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích và chẩn đoán bệnh nhân trên theo y học hiện đại và y học cổ truyền?
2. Anh/chị hãy đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể theo y học hiện đại và y học cổ truyền?
3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh theo YHHĐ và YHCT?

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án truyền nhiễm y học hiện đại và y học cổ truyền.

Bài 2: Bình bệnh án bệnh cảm cúm theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 3: Bình bệnh án bệnh cảm cúm theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 4: Bình bệnh án bệnh sốt xuất huyết theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 5: Bình bệnh án bệnh sốt xuất huyết theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 4 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 6: Bình bệnh án bệnh viêm gan do virus viêm gan B theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 7: Bình bệnh án bệnh viêm gan do virus viêm gan B theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 6 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.

- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 8: Bình bệnh án bệnh thủy đậu theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 9: Bình bệnh án bệnh thủy đậu theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 8 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 10: Bình bệnh án bệnh quai bị theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 11: Bình bệnh án bệnh quai bị theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 10 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 12: Bình bệnh án sốt phát ban theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 13: Bình bệnh án sốt phát ban theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 12 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 14: Bình bệnh án bệnh sởi theo YHHĐ:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 15: Bình bệnh án bệnh sởi theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 14 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu YHCT, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về truyền nhiễm y học hiện đại kết hợp y học cổ truyền: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.Giới thiệu học phần truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT 2. Đại cương bệnh truyền nhiễm - Nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT - Đặc điểm bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT	4/0/8	- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT. - Giải thích được các đặc điểm bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT. - Vận dụng các kiến thức cơ sở để lý giải được cơ chế bệnh sinh và quá trình phát triển của các bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

2	Phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm - Nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ - Nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHCT	2/0/4	- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT. - Vận dụng các kiến thức cơ sở để lý giải được các phương pháp chẩn đoán bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3	Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm - Nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ - Nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHCT	2/0/4	- Trình bày được nguyên tắc điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT. - Vận dụng các kiến thức cơ sở để lý giải được các phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

4	Bệnh cảm cúm - Bệnh cảm cúm theo YHHĐ - Bệnh cảm cúm theo YHCT	4/0/8	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh cảm cúm theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Sốt xuất huyết Dengue - Sốt xuất huyết Dengue theo YHHĐ - Sốt xuất huyết Dengue theo YHCT	4/0/8	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, dự phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
6	Viêm gan do virus viêm gan B - Viêm gan do virus viêm gan B theo YHHĐ - Viêm gan do virus viêm gan B theo YHCT	4/0/8	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, chăm sóc, dự phòng bệnh viêm gan do virus viêm gan B theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

7	Bệnh thủy đậu - Bệnh thủy đậu theo YHHĐ - Bệnh thủy đậu theo YHCT	2/0/4	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, chăm sóc, dự phòng bệnh thủy đậu theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
8	Bệnh quai bị - Bệnh quai bị theo YHHĐ - Bệnh quai bị theo YHCT	2/0/4	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, chăm sóc, dự phòng bệnh quai bị theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
9	Sốt phát ban - Sốt phát ban theo YHHĐ - Sốt phát ban theo YHCT	2/0/4	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, chăm sóc, dự phòng sốt phát ban theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

10	Bệnh sởi - Bệnh sởi theo YHHĐ - Bệnh sởi theo YHCT	4/0/8	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị, biến chứng, chăm sóc, dự phòng bệnh sởi theo YHHĐ và YHCT.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
11	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Nguyên tắc chẩn đoán, điều trị bệnh truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT; chẩn đoán, biện chứng, điều trị, chăm sóc và dự phòng được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1. Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP truyền nhiễm YHHĐ kết hợp YHCT 2. Hướng dẫn làm bệnh án truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT	4/0/2	Viết được hồ sơ bệnh án truyền nhiễm theo YHHĐ và YHCT	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Lâm sàng bệnh cảm cúm theo YHHĐ	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh cảm cúm theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp Nhiệt kế Kim lấy máu Ống sinh hóa máu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

3	Lâm sàng bệnh cảm cúm theo YHCT	4/0/3	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh cảm cúm theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Kim châm cứu Máy điện châm Ống giác hơi Điếu ngải	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
4	Lâm sàng sốt xuất huyết Dengue theo YHHĐ	4/0/4	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sốt xuất huyết theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp Nhiệt kế Kim lấy máu Ống sinh hóa máu Ống huyết học	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng sốt xuất huyết Dengue theo YHCT	4/0/3	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sốt xuất huyết theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

6	Lâm sàng viêm gan do virus viêm gan B theo YHHĐ	4/0/4	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh viêm gan do virus viêm gan B theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Lâm sàng viêm gan do virus viêm gan B theo YHCT	4/0/4	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh viêm gan do virus viêm gan B theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Lâm sàng bệnh thủy đậu theo YHHĐ	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh thủy đậu theo YHHĐ	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét,	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			luận nhóm	đánh giá	
9	Lâm sàng bệnh thủy đậu theo YHCT	4/0/3	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh thủy đậu theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
10	Lâm sàng bệnh quai bị theo YHHĐ	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh quai bị theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
11	Lâm sàng bệnh quai bị theo YHCT	4/0/2	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh quai bị theo YHCT	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo	Điểm thường xuyên

			2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			bằng thảo luận nhóm	luận, nhận xét, đánh giá	
12	Lâm sàng sốt phát ban theo YHHĐ	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sốt phát ban theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Ống nghe Nhiệt kế Đèn soi họng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
13	Lâm sàng sốt phát ban theo YHCT	4/0/3	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sốt phát ban theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
14	Lâm sàng bệnh sởi theo YHHĐ	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sởi theo	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Ống nghe Nhiệt kế Đèn soi họng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo	Điểm thường xuyên

			YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá			bằng thảo luận nhóm	luận, nhận xét, đánh giá	
15	Lâm sàng bệnh sởi theo YHCT	4/0/3	1. Khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh sởi theo YHCT 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
16	Làm bệnh án thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
17	Thi thực hành trên bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5,5 – 6,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8,5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3,9)**	**(4,0-5,4)**	**(5,5-6,9)**	**(7,0-8,4)**	**(8,5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	30%

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2,1	2,2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0,30 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,60 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0,1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.2. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Bệnh truyền nhiễm , NXB Y học.

10.3. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.3.1. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), Bài giảng Điều tri học Nội khoa YHCT, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành:YHCT .Mã số đào tạo:7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5113

- Số tín chỉ: 03

- Số tín chỉ: 2 LT/1LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

+ Lý thuyết: 28 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết.

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 32 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương ☐</td><td colspan="6">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐</td><td rowspan="3">Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở khối ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức ngành ☒</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☒</td><td>Tự chọn ☐</td></tr>
</table>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): kiến thức y học cơ sở

+ Học phần học trước (đã học): Bệnh học Nội khoa, Bệnh học Ngoại khoa, Thần kinh.

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phục hồi chức năng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Bộ môn	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	PHCN	huychinhnguyenvinh@gmail.com
2	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	PHCN	bsthuyhoa@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	PHCN	nguyenphuongthuy2809@gmail.com
4	TS.Nguyễn Hương Giang		PHCN	
5	TS.Nguyễn Hoài Nam	0904247028	Đại học Y HN	nguyenhoainam@hmu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị PHCN một số bệnh thường gặp
MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị PHCN một số bệnh thường gặp.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm. Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
CLO2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng
CLO3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
CLO4	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị PHCN hợp lý
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3																
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3												
CLO 4							3										
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Máy chiếu, loa, mic.

6.1.2. Lâm sàng:

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)
- Bệnh viện PHCN Hà Nội (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Thước đo tầm vận động
2	Máy siêu âm trị liệu
3	Máy kéo giãn
4	Máy điện xung
5	Đèn hồng ngoại
6	Thanh song song
7	Khung tập đi

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.
- Sinh viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp sinh viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	04	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
2	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	04	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi,	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay

	người tàn tật		Phục hồi chức năng		người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Thảo luận	người tàn tật
3	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
4	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	04	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN
5	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não

			pháp điều trị hợp lý				
6	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não
7	PHCN tổn thương tủy sống	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN tổn thương tủy sống
8	Giải đáp thắc mắc	02	- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học Kết hợp: giải quyết vấn đề	Đặt câu hỏi, thảo luận.	Giải đáp thắc mắc

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	02	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm PHCN	CLO3, CLO5		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
2	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn	02	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang	CLO3, CLO5	1	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật

	tật		điểm chuyên nghành PHCN			dạy có người bệnh		
3	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	02	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên nghành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO3, CLO5	1	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
4	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	02	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần PHCN	CLO3, CLO5	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN
5	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa	02	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh	CLO3, CLO4, CLO5	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch

	người do tai biến mạch máu não		nhân cần PHCN - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý			bệnh và giảng dạy có người bệnh	sát của giảng viên.	máu não
6	LS PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN	02	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần PHCN - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám,	CLO3, CLO4, CLO5	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não

			chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý					
	PHCN Đau lưng		- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần PHCN - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO3,		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN BN Đau lưng não
	PHCN cho trẻ bị bại não		- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần PHCN	CLO4,		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN cho trẻ bị bại não

			- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý			bệnh		
7	LS PHCN tổn thương tủy sống	02	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và	CLO3, CLO4, CLO5	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN tổn thương tủy sống

			đưa ra phương pháp điều trị hợp lý					
8	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
9	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS
10	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thường xuyên lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi.	**20%**

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá thường xuyên lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**

Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Phục hồi chức năng (2018). *Phục hồi chức năng* Nơi xuất bản: Tên nhà xuất: Nhà bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Trần Trọng Hải (2016).*Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
[2] Cao Minh Châu (2014) *Phục hồi chức năng.* Nơi xuất bản. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
[3] Nguyễn Xuân Nghiên(2014) *Vật lý trị liệu phục hồi chức năng.* Nơi xuất bản: Nhà xuất bản Y học.
[4] Học viện Quân Y (2016) *Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẦN KINH

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền

Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Thần kinh

* Tiếng Anh: Nervous

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5111

- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 6 tiết (Thi LT trắc nghiệm trên máy: 1 tiết và Thi LS tại bệnh viện: 5 tiết)

+ Thời gian tự học: 49 tiết (LT: 34 tiết, LS: 15 tiết)

- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên năm thứ 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc ☑	Tự chọn	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không

+ Học phần học trước (đã học): Giải phẫu 1, Giải phẫu 2, Sinh lý, Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cở YHHĐ, Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lýYHHĐ.

+ Học phần song hành: không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: BM NỘI

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Thạc sỹ- Bác sỹ Nguyễn Du	0912337842	Nội	bsnguyendu65@gmail.com
2	Thạc sỹ- Bác sỹ Trần Văn Phong	0988262648	Khoa Tâm thần kinh-Bv19/8 BCA	bsphongbv198@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
MT HP2	Khả năng làm hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
MT HP3	Khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Khả năng tự đánh giá được công việc của bản thân và nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MTHP2		3				
MTHP3	3	3	3			

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
CLO2	Biện chứng và xây dựng được kế hoạch điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
CLO3	Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng, đưa ra chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
CLO4	Thực hiện được xử trí ban đầu và điều trị tại bệnh viện một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp.
CLO5	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: tự đánh giá được công việc của bản thân và nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO1	3																
CLO2	3																
CLO3			3														
CLO4				3	3												
CLO5	3		3	3	3							3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: giáo trình, tài liệu tham khảo (mục 10.1, 10.2)

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng...

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện, Khoa lâm sàng: đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP.

Bảng 6.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp, ống nghe tim, phổi
2	Búa phản xạ, kim khám cảm giác, thước dây
3	Tranh ảnh: giải phẫu thần kinh, bệnh thần kinh.
4	Chiếu video clip khám bệnh nhân thần kinh

Phòng học lâm sàng có: đèn đọc phim XQ, phấn, bảng. Khoa lâm sàng thần kinh có bệnh nhân, phòng thăm dò cận lâm sàng (điện cơ, điện não...)

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập đầy đủ các buổi học theo qui định của Học viện.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%
- Trực lâm sàng đầy đủ, làm bệnh án bệnh nhân và chuẩn bị bệnh nhân học lâm sàng theo yêu cầu của giảng viên lâm sàng.
- Tham gia đầy đủ các buổi học tại buồng bệnh do giáo viên hướng dẫn và tự học, nghỉ học quá số giờ qui định sẽ không được thi.
- Lý thuyết:

+ Bài : Đại cương các hội chứng liệt, h/c liệt nửa người

SV đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK), ôn lại giải phẫu và sinh lý thần kinh người. Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của giảng viên trước khi vào bài, đưa các ý kiến thắc mắc trong quá trình học tại lớp. Các nhóm tranh luận trước, đưa ra ý kiến rồi hỏi giảng viên giải đáp.

Câu hỏi tình huống:

Một bệnh nhân nam đi xe máy không đội mũ bảo hiểm, phóng nhanh bị ngã đập đầu trái xuống nền đường nhựa, sau ngã thấy mắt trái không nhắm kín, miệng méo sang phải, tay và chân bên phải không co duỗi được. Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày bằng slide hoặc lên bảng trình bày theo các câu hỏi sau:

1. Phân tích cơ chế của bệnh.
2. Chẩn đoán thần kinh.
3. Phương pháp điều trị (sơ cứu, vận chuyển, điều trị tại bệnh viện)

+ Bài: Hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau thắt lưng hông

SV đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo, ôn lại giải phẫu và sinh lý thần kinh người. Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của giảng viên trước khi vào bài, đưa các ý kiến thắc mắc trong quá trình học tại lớp. Các nhóm tranh luận trước rồi hỏi giảng viên giải đáp.

Câu hỏi tình huống:

Một công nhân đang làm ở công trường bị thanh xà gồ rơi ngang lưng, ngay sau đó thấy liệt hai chân, mất cảm giác các loại từ nếp bẹn trở xuống.

Và tình huống tiếp: Một sinh viên 22 tuổi, chiều qua nhảy cao đập bóng chuyền bị ngã ngồi mạnh đập mạnh mông xuống nền xi măng, sau ngã thấy đau chói vùng cột sống thắt lưng lan xuống đùi phải, tê bì cẳng chân phải đến tận ngón chân út và ngón cái, chân phải không đứng được bằng mũi chân và gót chân. Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày bằng slide hoặc lên bảng trình bày theo các câu hỏi sau:

1. Phân tích cơ chế của bệnh.
2. Chẩn đoán thần kinh.
3. Phương pháp điều trị (sơ cứu, vận chuyển, điều trị tại bệnh viện).

+ Bài: Liệt mặt; Động kinh

SV đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo, ôn lại giải phẫu và sinh lư thần kinh người. Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của giảng viên trước khi vào bài, đưa các ý kiến thắc mắc trong quá trình học tại lớp. Các nhóm tranh luận trước rồi hỏi giảng viên giải đáp cho hai tình huống sau:

Một bệnh nhân nữ 21 tuổi tối qua sau khi tắm nước lạnh rồi ngồi dưới quạt hong cho tóc khô, sáng nay ngủ dậy thấy miệng méo sang phải, mắt trái không nhắm kín, nhận biết vị giác vẫn bình thường.

Và tình huống nữa: Bệnh nhân nam 58 tuổi, có tiền sử bị nhồi máu bên bán cầu phải trên phim cắt lớp vi tính sọ não. Lâm sàng bệnh nhân có co giật nửa người trái, khởi đầu ngón trỏ bàn tay trái sau đó đến tay, mặt; không mất ý thức. Điện não đồ mất cân xứng hai bán cầu, ở bán cầu phải có sóng nhọn xen lẫn sóng theta và delta không liên tục.

Với mỗi tình huống phải trả lời 3 câu hỏi sau:

1. Phân tích cơ chế của bệnh.
2. Chẩn đoán thần kinh.
3. Phương pháp điều trị (sơ cứu, vận chuyển, điều trị tại bệnh viện).

+ Bài: Tai biến mạch máu não

SV đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo, ôn lại giải phẫu và sinh lý hệ thống mạch máu não, sinh lý bệnh tổn thương não để vận dụng ca lâm sàng sau:

Một bệnh nhân nam 72 tuổi, có tiền sử tăng huyết áp 10 năm, ngày hôm qua quên không uống thuốc hạ huyết áp, sáng nay bệnh nhân dậy đi tiểu bị ngã ở nhà vệ sinh. Ngay sau đó người nhà phát hiện thấy bệnh nhân mặt đỏ, miệng méo sang trái, thở mạnh, hỏi bệnh nhân trả lời khó và ngọng, tay và chân phải liệt hoàn toàn.

1. Phân tích cơ chế của bệnh.
2. Chẩn đoán thần kinh.
3. Phương pháp điều trị (sơ cứu, vận chuyển, điều trị tại bệnh viện).

Trong các tình huống trên sinh viên phải biết vận dụng kiến thức giải phẫu để chẩn đoán định khu, kiến thức sinh lý- sinh lý bênh để hiểu các triệu chứng của ca bệnh. Từ đó có thái độ và phương pháp xử trí, vận chuyển kịp thời để kết quả điều trị được tốt nhất. Từ đó cũng hiểu để vận dụng tuyên truyền cách phòng bệnh.

- Phần lâm sàng:

+ Bài: Hướng dẫn làm bệnh án thần kinh

Sinh viên xem lại mẫu bệnh án nội khoa

+ Bài: Khám vận động, cảm giác, phản xạ, thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn (ở bênh nhân tai biến mạch máu não)

Đây là các phương pháp khám thần kinh cơ bản. Sinh viên ôn lại kiến thức đã học phần khám thần kinh qua TLC và TLTK. Tại Khoa Thần kinh, giáo viên sẽ khám mẫu trên bệnh nhân kèm nhận xét kết quả. Sau đó SV làm việc nhóm (tối đa 5 SV) tập khám lại trên các bệnh nhân khác nữa, nhận định kết quả qua thảo luận nhóm. Sau cùng để giáo viên lâm sàng kiểm tra lại, nếu SV nào khám sai hay nhận định kết quả sai phải làm lại cho đúng. Thực tế trên bệnh nhân tai biến mạch máu não:

Khám vận động xem có liệt hay không, nếu liệt thì độ mấy, liệt cứng hay mềm, liệt trung ương hay ngoại vi?

Khám cảm giác: có rối loạn cảm giác không, loại cảm giác nông hay sâu bị bệnh, có phân ly cảm giác không?

Khám phản xạ: tăng hay giảm phản xạ, phản xạ bệnh lý bó tháp có dương tính không?

Khám thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn: có rối loạn giao cảm hay phó giao cảm, có teo cơ, loét cơ không? Rối loạn cơ tròn kiểu co thắt hay dầm dề?

Từ các kết quả khám trên và xem kết quả chụp phim cắt lớp hay cộng hưởng từ sọ não và các xét nghiệm sinh hóa, tế bào… cùng với hỏi bệnh để SV thảo luận nhóm về: chẩn đoán bệnh (có chẩn đoán định khu), điều trị, dự phòng.

+ Bài: Khám, chẩn đoán và điều trị hội chứng thắt lưng hông (h/c TLH)

SV chuẩn bị trước bệnh nhân, ôn lại phần lý thuyết bệnh học, phần khám h/c TLH.

Giáo viên sẽ khám mẫu trên bệnh nhân kèm nhận xét kết quả. Sau đó SV làm việc nhóm (tối đa 5 SV) tập khám lại trên các bệnh nhân, nhận định kết quả qua thảo luận nhóm. Sau cùng để giáo viên lâm sàng kiểm tra lại, nếu SV nào khám sai hay nhận định kết quả sai phải làm lại cho đúng. Đọc kết quả cộng hưởng từ phim cột sống thắt lưng cho SV, cùng nhóm SV thảo luận đề ra phương pháp điều trị, lựa chọn thuốc điều trị phù hợp với giai đoạn bệnh và các thuốc điều trị bệnh nền, cách theo dõi kết quả điều trị, tác dụng phụ của thuốc và xử trí các tác dụng phụ đó.

Sinh viên làm việc độc lập: khám BN; dự kiến: chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học hay lúc báo cáo giao ban với giáo viên lâm sàng.

+ Bài: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân liệt mặt

SV chuẩn bị trước bệnh nhân, ôn lại phần lý thuyết bệnh học, phần khám dây TK số VII.

Giáo viên sẽ khám mẫu trên bệnh nhân kèm nhận xét kết quả. Sau đó SV làm việc nhóm (tối đa 5 SV) tập khám lại trên các bệnh nhân, nhận định kết quả qua thảo luận nhóm. Sau cùng để giáo viên lâm sàng kiểm tra lại, nếu SV nào khám sai hay nhận định kết quả sai phải làm lại cho đúng. Đọc kết quả cận lâm sàng tìm nguyên nhân bệnh cho SV, cùng nhóm SV thảo luận đề ra phương pháp điều trị, lựa chọn thuốc điều trị phù hợp với giai đoạn bệnh và các thuốc điều trị bệnh nền, cách theo dõi kết quả điều trị, tác dụng phụ của thuốc và xử trí các tác dụng phụ đó.

Sinh viên làm việc độc lập: khám BN khác; dự kiến: chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học hay lúc báo cáo giao ban với giáo viên lâm sàng.

+ Bài: Khám, chẩn đoán và điều trị 12 đôi dây thần kinh sọ não

SV đọc TLC và TLTK về 12 đôi dây thần kinh sọ não (TKSN), chuẩn bị bệnh nhân có tổn thương dây TKSN qua làm việc độc lập (bệnh nhân mình phụ trách) nhờ giáo viên kiểm tra lại. Tiếp theo hoạt động nhóm: hỏi bệnh, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị cụ thể, cùng nhau thảo luận, ra quyết định. Sau cùng mời giáo viên cùng tham gia khám, kết luận. Thực tế hay gặp tổn thương dây TKSN ở bệnh nhân tai biến mạch máu não

+ Bài: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có hội chứng màng não, tiền đình

SV đọc TLC và TLTK về khám màng não, khám tiền đình, ôn lại giải phẫu não bộ, cơ quan tiền đình: SV làm việc nhóm khám bệnh nhân rồi thảo luận theo câu hỏi giáo viên đề ra là các dấu hiệu nào chỉ ra bệnh nhân bị tổn thương màng não, nguyên nhân là gì; khám nghiệm pháp nào dương tính thì tổn thương tiền đình trung ương, hay ngoại vi?

SV làm việc độc lập: khám lại trên bệnh nhân để củng cố kỹ năng và phát hiện xem có triệu chứng nào mới xuất hiện, triệu chứng nào thuyên giảm và theo dõi bệnh nhân đó liên tục cho đến khi ra viện.

+ Bài: Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hôn mê

SV đọc TLC và TLTK về bệnh học hôn mê, chuẩn bị bệnh nhân đang hôn mê để trả lời các câu hỏi của giáo viên: có bị hôn mê không? Hôn mê độ mấy hay Glasgow mấy điểm? nguyên nhân hôn mê? Tiên lượng bệnh nhân. Sau khám xong SV thảo luận nhóm, cùng bàn luận ra kết luận rồi mời giáo viên kiểm tra lại trên bệnh nhân và ra quyết định xem có cần xét nghiệm gì thêm để củng cố chẩn đoán, tiên lượng, điều trị.

SV hoạt động độc lập: tiếp tục khám và theo dõi bệnh nhân đó để thảo luận nhóm, báo cáo giáo viên khi trực.

+ Bài: Hướng dẫn đọc kết quả cận lâm sàng trong bệnh thần kinh

Trong quá trình học lâm sàng, khi chuẩn bị bệnh nhân SV cũng xem kết quả cận lâm sàng sau khi đã khám, hỏi bệnh. Cùng nhau thảo luận nhóm về định khu tổn thương, nguyên nhân…luôn gắn kết quả lâm sàng và cận lâm sàng trên cùng một bệnh nhân. Giáo viên giải đáp thắc mắc cho SV, khẳng định kết quả khám lâm sàng sẽ tương ứng với kết quả cận lâm sàng như (Chụp phim XQ, Cộng hưởng từ, Chụp cắt lớp vi tính, điện cơ, điện não…)

SV hoạt động độc lập: đọc lại kết quả cận lâm sàng, so sánh kết quả ở các thời điểm khác nhau để củng cố kiến thức, kỹ năng.

7. Mô tả chung học phần

Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg…). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội

chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thắt lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu não, …Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.

Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,…), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,…đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,… Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, điếc thần kinh, các chứng đau, Parkinson,…đang hứa hẹn triển vọng tốt.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/BT Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.1 .Giới thiệu học phần thần kinh 1.2 Đại cương các hội chứng liệt 1.3 Hội chứng liệt nửa người	4/0/9	1.1. Sau học xong học phần SV thực hành khám phát hiện được một số bệnh và hội chứng thần kinh thường gặp, cũng như biết cách xử trí ban đầu. Biết làm việc nhóm và hoạt động độc lập. 1.2. Mô tả được - Giải phẫu- Chức năng đường vận động chủ động. - Hội chứng vận động trung ương, ngoại vi (vị trí tổn thương, triệu chứng: vận động, cảm giác, phản xạ,…). - Biết chẩn đoán định khu: vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống,… 1.3.Trình bày được	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo	Điểm thường xuyên

			- Đại cương: định nghĩa - Nguyên nhân(chấn thương sọ não, tủy cổ, tai biến mạch máu não,…) - Triệu chứng: lâm sàng (bệnh nhân: hôn mê, tỉnh), cận lâm sàng (phim chụp CLVT, MRI,…) Của h/c liệt nửa người - Chẩn đoán định khu liệt nửa người (ở vỏ não, bao trong, thân não, tủy sống). - Chẩn đoán phân biệt (rối loạn phân ly, h/c Parkinson, liệt Todd, mất nhận thức nửa thân			luận nhóm	
2	2.1 Hội chứng liệt hai chân 2.2 Hội chứng đau thắt lưng hông	4/0/9	2.1, Trình bày được: - Đại cương: định nghĩa h/c liệt hai chân - Nguyên nhân (do tổn thương trung ương và ngoại vi) - Triệu chứng: lâm sàng (liệt cứng, liệt mềm, diễn biến), cận lâm sàng (giúp tìm nguyên nhân) - Chẩn đoán được liệt hai chân (thực thể hay chức năng, liệt trung ương hay ngoại vi, vị trí tổn thương). - Điều trị: nguyên tắc, đ.trị cụ thể 2.2. Trình bày được: - Đại cương. - Giải phẫu-Chức năng dây thần kinh hông to. - Các nguyên nhân thường gặp của đau TLH (TVĐ.đệm, chấn thương, ung thư, thoái hóa…). - Triệu chứng: hỏi bệnh và khám lâm sàng(hỏi vị	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	Điểm thường xuyên

			trí, đặc điểm của đau, khám cột sống và các rễ thần kinh…). Cận LS(X-quang thường qui, MRI, CT-Scan, EMG, sinh hóa-tế bào,…).				
3	3.1. Liệt mặt 3.2. Động kinh	4/0/9	3.1. Trình bày được: - Đại cương. - Giải phẫu, chức năng dây thần kinh VII. - Nguyên nhân (liệt VII: trung ương, ngoại vi). -Triệu chứng: lâm sàng (liệt VII trung ương, ngoại vi), cận lâm sàng. - Chẩn đoán (xác định, phân biệt). - Điều trị (nguyên nhân, triệu chứng, PHCN,…) 3.2. Trình bày được: - Đại cương. - Sinh lý bệnh. -Phân loại. - Nguyên nhân (chấn thương sọ não, u não, bệnh lý mạch máu não,…) Của bệnh động kinh - Triệu chứng lâm sàng (cơn co cứng-co giật, cơn vắng ý thức, cơn động kinh thùy thái dương,…) - Chẩn đoán (xác định, phân biệt). - Điều trị (nguyên tắc chung, điều trị trạng thái động kinh,…) -Tiên lượng và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	Điểm thường xuyên
4	Tai biến mạch máu não	3/0/7	4.Trình bày được: -Đại cương. -Định nghĩa và phân loại. Tai biến mạch máu não	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa	1. Tự học như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

			-Giải phẫu-Sinh lý hệ thống tuần hoàn não (hệ thống động mạch cảnh trong, động mạch đốt sống thân nền,…). Sinh lý tuần hoàn não (điều hòa tuần hoàn,..) -Nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh của TBMMN. -Triệu chứng: lâm sàng (TBMMN thoảng qua, nhồi máu não, chảy máu não), cận lâm sàng (phim CLVT, MRI, siêu âm Doppler…). -Chẩn đoán (dựa vào định nghĩa TBMMN, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phân biệt nhồi máu não và chảy máu não). - Điều trị (nguyên tắc, điều trị cụ thể, dự phòng, phục hồi chức năng…).		người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	
5	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Mô tả được triệu chứng, biết chẩn đoán và xử trí một số bênh và hội chứng thần kinh hay gặp	CLO1 CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết

Tổng: 15 tiết LT, 34 tiết tự học, 1 tiết thi = 50 tiết

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	-Phổ biến nội qui, nội dung và PP học lâm sàng. -Hướng dẫn làm bệnh án thần kinh	2/0/1	Biết làm bệnh án thần kinh	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2	- Khám vận động, cảm giác, phản xạ, thực vật, dinh dưỡng, cơ tròn ở BN tai biến mạch máu não	4/0/2	Biết cách khám lâm sàng thần kinh: vận động, cảm giác, phản xạ Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim khám cảm giác	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Khám, chẩn đoán và điều	4/0/2	- Biết cách hỏi bệnh để phát	CLO3 CLO4	Bảng, phấn,	Dạy học bên	1. Tự học	Điểm thường

	trị hội chứng thắt lưng hông (h/cTLH)		hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của hội chứng thắt lưng hông - Khám phát hiện các triệu chứng - Biết xử trí bệnh nhân, thủ thuật tiêm ngoài màng cứng khi có chỉ định. Làm bệnh án h/c TLH - Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc - Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS	CLO5	đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim khám cảm giác	giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	xuyên
4	Khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân liệt mặt	4/0/2	- Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của bệnh nhân liệt mặt	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim khám	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh	Điểm thường xuyên

			- Khám phát hiện các triệu chứng - Biết xử trí bệnh nhân, làm bệnh án. - Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS		cảm giác	kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
5	Khám, chẩn đoán và điều trị 12 đôi dây thần kinh sọ não	4/0/2	Biết cách khám lâm sàng 12 đôi dây thần kinh sọ não. Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc - Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim khám cảm giác	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh	Điểm thường xuyên

							giá	
6	Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có hội chứng màng não, tiền đình	4/0/2	- Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân của hội chứng màng não, tiền đình - Khám phát hiện các triệu chứng - Biết xử trí bệnh nhân, làm bệnh án. - Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim khám cảm giác	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Khám , chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hôn mê	4/0/2	- Biết cách hỏi bệnh để phát hiện triệu chứng cơ năng, giai đoạn và định hướng nguyên nhân bệnh nhân hôn	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, đèn đọc phim XQ, búa phản xạ, kim	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị	Điểm thường xuyên

			mê - Khám phát hiện các triệu chứng - Biết xử trí bệnh nhân, làm bệnh án. - Vận dụng vào bệnh nhân cụ thể biết giải thích, động viên bệnh nhân yên tâm điều trị và phối hợp cùng thầy thuốc trong quá trình khám và điều trị. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả khám và chỉ định làm xn cận LS		khám cảm giác	bảng kiểm, dạy học bằng thảo luận nhóm.	bệnh nhân, trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
8	Hướng dẫn đọc kết quả cận Ls trong bệnh TK	4/0/2	Biết đọc kết quả cận Ls trong bệnh TK Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đáng giá kết quả đọc với kết quả khám lâm sàng.	CLO3 CLO4 CLO5	Đèn đọc phim XQ, phim chup của bệnh nhân, bản ghi kết quả điện não, điện cơ, các xn cơ bản	Hướng dẫn đọc kết quả CT, MRI…	Quan sát gv đọc mẫu rồi tập đọc lại, riêng lẻ và theo nhóm thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Làm bệnh án	0/1/0		CLO1				Điểm

	thi			CLO2 CLO5				thi LS
9	Thi thực hành khám trên bệnh nhân + vấn đáp	0/4/0		CLO3 CLO4 CLO5				Điểm thi LS

Tổng: 30 tiết LS, 15 tiết tự học, 5 tiết thi = 50 tiết

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Hình thức đánh giá

Rubric 1: Đánh giá điểm thường xuyên Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt qui định					Trọng số
	MỨC F (0- 3.9)	MỨC D (4- 5.4)	MỨC C (5.5- 6.9)	MỨC B (7- 8.4)	MỨC A (8.5- 10)	
Chuyên cần	Đi học < 4 buổi	Đi học đủ 4 buổi, đến muộn 15 phút	Đi học đủ 4 buổi, đến muộn 10 phút	Đi học đủ 4 buổi , đến muộn 5 phút	Đi học đủ 4 buổi Đúng giờ	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu cho bài học tại lớp	Phát biểu ít có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu có hiệu quả	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp, đóng góp hiệu quả cao	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 0-3.9	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 4- 5.4	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 5.5-6.9	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 7-8.4	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 8.5-10	40%

Rubric 2: Đánh giá điểm thường xuyên Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt qui định					Trọng số
	MỨC F (0- 3.9)	MỨC D (4- 5.4)	MỨC C (5.5- 6.9)	MỨC B (7- 8.4)	MỨC A (8.5- 10)	
Chuyên cần	Nghỉ học <4 buổi, đi trực đủ, nhưng muộn, thực hiện các yêu cầu của Khoa	Nghỉ học <2 buổi, đi trực đủ, đúng giờ, thực hiện các yêu cầu của Khoa	Đi học, đi trực đủ, đúng giờ, thực hiện các yêu cầu của Khoa	Đi học, đi trực đủ, đúng giờ, thực hiện tốt các yêu cầu của Khoa	Đi học, đi trực đủ, đúng giờ. Được Khoa và bệnh nhân khen	20%
Chỉ tiêu LS	Không đạt chỉ tiêu LS	Đạt 50% chỉ tiêu LS	Đạt 70% chỉ tiêu LS	Đạt chỉ tiêu LS	Vượt chỉ tiêu LS	40%
Chuẩn bị bệnh nhân để giảng	Không chuẩn bị được BN	Chuẩn bị được 1 BN nhưng kết quả khám thiếu chính xác	Chuẩn bị được 1 BN	Chuẩn bị tốt được 1 BN	Chuẩn bị tốt được >2 BN	20%
Làm việc độc lập	Không ra được QĐ	Ra QĐ không phù hợp	Ra QĐ đúng <70%	Ra QĐ đúng <90% và bảo vệ được QĐ của mình	Ra QĐ đúng và bảo vệ được QĐ của mình	10%
Báo cáo trực, làm việc nhóm	Không tham gia làm việc nhóm và không báo cáo trực.	Tham gia làm việc nhóm không hiệu quả và báo cáo trực thiếu chính xác	Tham gia làm việc nhóm và báo cáo trực đủ	Tham gia làm việc nhóm và báo cáo trực tốt	Tích cực tham gia làm việc nhóm và báo cáo trực tốt	10%

Ghi chú Trong thời gian học lâm sàng thần kinh sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu sau:

1. Hoàn thành 02 bệnh án thần kinh.
2. Khám được 05 bệnh nhân tai biến mạch máu não.
3. Khám được 05 bệnh nhân đau thắt lưng hông.
4. Khám được 02 bệnh nhân tiền đình- tiểu não hoặc bệnh nhân có hội chứng màng não.
5. Khám được 03 bệnh nhân liệt mặt.
6. Biết cách khám bệnh nhân hôn mê.
7. Biết nhận định kết quả phim chụp cắt lớp vi tính sọ não ở bệnh nhân chảy máu não, nhồi máu não.

8. Biết nhận định kết quả phim chụp cộng hưởng từ sọ não ở bệnh nhân chảy máu não, nhồi máu não.

   Biết nhận định kết quả phim chụp x. quang thường: cột sống, sọ não.

9. Biết nhận định kết quả: xét nghiệm dịch não- tủy, dạng sóng động kinh.

Rubric 3 (Bảng kiểm chấm thi lâm sàng trên bệnh nhân)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt qui định					Trọng số
	MỨC F (0- 3.9)	MỨC D (4- 5.4)	MỨC C (5.5- 6.9)	MỨC B (7- 8.4)	MỨC A (8.5- 10)	
Làm bệnh án thi	Làm BA thiếu và chẩn đoán sai	Làm BA chẩn đoán và điều trị chưa phù hợp	Làm BA biện luận và chẩn đoán thiếu	Làm BA biện luận và chẩn đoán phù hợp, điều trị thiếu	Làm BA biện luận chặt chẽ và chẩn đoán điều trị đúng	20%
Trình bày chẩn đoán	Không trình bày được	chưa phù hợp	Thiếu	Đầy đủ , thiếu chính xác	Đầy đủ chính xác, chặt chẽ	10%
Biện luận chẩn đoán	Không biện luận được	chưa phù hợp	Thiếu	Đầy đủ, thiếu chặt chẽ	Đầy đủ, chặt chẽ	20%
Kỹ thuật khám để phát hiện các triệu chứng TK	không thực hiện được	thực hiện được dưới sự hướng dẫn hay gợi ý của giáo viên	thực hiện được còn chậm	thực hiện được tương đối thành thạo	thực hiện được thành thạo	40%
Vấn đáp	không trả lời được 4 câu hỏi	trả lời được 1 câu hỏi	trả lời được 2 câu hỏi	trả lời được 3 câu hỏi	trả lời được 4 câu hỏi tự tin, dứt khoát	10%

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng trên bệnh nhân theo bảng kiểm đã công bố khi bắt đầu học HP.

9.3 Hình thức, tiêu trí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1.

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CLO ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường	50%	Rubric 1	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Trung bình Rubric

xuyên			xuyên	50%	Rubric 2	CLO 4 CLO 5	theo bài
Điểm lâm sàng	30%	Chấm bệnh án Khám bệnh nhân Thi TH Thi VĐ	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO 4 CLO 5	Theo Rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	không	CLO 1 CLO 2	Theo kết cấu đề thi

9.4 Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Phần lý thuyết: thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính,

Thời gian: 20 Phút Tổng số câu: 35 câu

Chuẩn đầu ra học phần/ Modul	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi thi bậc 1	Số câu hỏi thi bậc 2	Số câu hỏi thi bậc 3
CLO1	40%	14	4	7	3
CLO2	60%	21	6	10	5
Tổng	100%	35	10	17	8

Bậc 1: Tái hiện (nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết tính theo thang điểm 10.

Phần thi thực hành lâm sàng tại Bệnh viện: Rubric 3, điểm tính theo thang điểm 10.

9.5 Điểm học phần/ Mô đun:

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra thực hành lâm sàng × 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết × 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên × 0.1).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Nội; *Giáo trình khám thần kinh*, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. 2023

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK) :

<u>Tiếng việt</u>

1. Bộ môn Dược lý; *Dược lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

2. Bộ môn Giải phẫu; *Giải phẫu người*, tập I, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001

3. Bộ môn Giải phẫu Học viện Quân y (2002); *Giải phẫu đầu mặt cổ- thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Sinh lý bệnh; *Miễn dịch học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2001.
5. Bộ môn Sinh lý học; *Sinh lý học*, Trường đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học. 2015.
6. Nguyễn Văn Chương (chủ biên), *Thần kinh học toàn tập*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội. 2016
7. Lê Quang Cường (chủ biên) (2008), *Triệu chứng học thần kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

Tiếng nước ngoài

Harrison's., *Principles of Internal Medicines*. 16th edition. McGraw Hill. 2004.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỒI SỨC CẤP CỨU

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
* Tiếng Anh: Emergency resuscitation
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5110
- Số tín chỉ: 3 (LT: 02 / TH: 01)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 t iết
  + Lâm sàng : 30 tiết
  + Kiểm tra: 15 tiết
  + Thời gian tự học: 75 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành YHCT năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x□		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x□	Tự chọn □	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: Giải phẫu, hóa sinh, sinh lý, ký sinh trùng, vi sinh, nội cơ sở, ngoại cơ sở, nội bệnh lý 1, ngoại bệnh lý

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hồi sức cấp cứu và chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
18.	Ts.Trần Văn Phú	0948588088	drtranvanphu@yahoo.com
19.	Ths Bùi Nam Phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
20.	Các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện 19.8 BCA;; Bệnh viện Thanh Nhàn; Bệnh viện Đa khoa Hà Đông; bệnh viện Saint Paul.		

21. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu được các nguyên tắc cơ bản trong hồi sức cấp cứu, bao gồm: Tiếp cận bệnh nhân cấp cứu theo quy trình ABCDE; Nhận diện dấu hiệu nguy hiểm; Nguyên tắc

	vận chuyển và bàn giao bệnh nhân cấp cứu..
MT2	Phân tích được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí của các tình huống cấp cứu thường gặp
MT3	Thực hiện được một số kỹ năng:xác định được bệnh nhân nặng, suy hô hấp, rối loạn tri giác; áp dụng quy trình cấp cứu ABCDE trong tiếp cận bệnh nhân nguy kịch, hồi sinh tim phổi; biết đọc và phân tích cận lâm sàng cấp cứu; Phát hiện được dấu hiệu nguy hiểm, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí.
MT4	Tuân thủ qui định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	3	3				
MT2	3	3				
MT3	3	3				
MT4			1			1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được các nguyên tắc cơ bản trong tiếp cận bệnh nhân cấp cứu theo quy trình ABCDE Vận dụng được các kiến thức về sinh lý bệnh, triệu chứng học, tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc xử trí vào thăm khám, phát hiện tình trạng nguy hiểu và đề ra hưởng xử trí một số tình huống cấp cứu thường gặp.
CLO2	Giải thích được nguyên tắc sử dụng các phương tiện hỗ trợ chẩn đoán cấp cứu như: khí máu động mạch, điện giải đồ, ECG, X-quang cấp cứu, siêu âm tại giường.
CLO3	Thực hiện được một số kỹ năng: nhận diện bệnh nhân nặng, đánh giá mức độ sốc, suy hô hấp, rối loạn tri giác; áp dụng quy trình cấp cứu ABCDE trong tiếp cận bệnh nhân nguy kịch, hồi sinh tim phổi; biết đọc và phân tích cận lâm sàng cấp cứu (điện tâm đò cấp cứu, khí máu động mạch …); Phát hiện được dấu hiệu nguy hiểm, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí.
CLO4	Tuân thủ qui định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp. Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3		2	1	1	3											
CLO2	3		2	1	1	3									2		
CLO 3	3		2	1	1	3											
CLO 4			2			2											

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Bài giảng Bệnh học nội khoa (tài liệu lưu hành nội bộ), tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2;

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Búa phản xạ
4	Nhiệt kế

Phòng học lâm sàng có bảng, bút viết bảng, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phng bệnh ít nhất 3 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá tfnh thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.1, 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Sinh viên nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần và đọc tài liệu (trong TLC và TLTK 1,2). Đọc và nghiên cứu nội dung bài học trước khi đến lớp, trình tự nội dung bài cần đọc trước buổi học theo lịch giảng và kế hoạch giảng chi tiết của bộ môn.

Nội dung đọc:

1. Các nguyên lý cơ bản trong HSCC
2. Cơn tăng huyết áp
3. Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực
4. Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể
5. Chẩn đoán và xử trí hôn mê
6. Ngộ độc cấp
7. Phù phổi cấp
8. Ngừng tuần hoàn
9. Suy hô hấp cấp
10. Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc

❖ Lâm sàng

Sinh viên chủ động đọc trước nội dung liên quan trước khi đến khoa lâm sàng trong TLC và TLTK1,2 trước khi đến khoa lâm sàng theo kế hoạch lâm sàng tại cơ sở thực hành dưới sự hường dẫn của giảng viên phụ trách lâm sàng. Nội dung học tập gồm:

1. Khó thở cấp
2. Đau ngực cấp ở người lớn
3. Rối loạn ý thức và hôn mê
4. Đau bụng cấp
5. Rối loạn nhịp tim và huyết động
6. Xuất huyết tiêu hóa
7. Ngộ độc cấp
8. Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ
9. Điện giải và khí máu

Trong quá trình học lâm sàng nội dung trên sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên) được phân công thăm khám bệnh nhân được chỉ định, đưa ra chẩn đoán tiềm năng và đề xuất hướng xử trí, làm bệnh án báo cáo ca bệnh, giảng viên quan sát và thảo luận ca bệnh. Ngoài giờ giảng lâm sàng sinh viên chủ động thực hành thăm khám trên người bệnh, đưa ra chẩn đoán và đề xuất hướng xử trí, làm bệnh án trao đổi thảo luận trong nhóm lâm sàng. Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp trong việc nhận diện, xử trí ban đầu và hỗ trợ điều trị các tình huống cấp cứu thường gặp. Sinh viên sẽ có khả năng tiếp cận bệnh nhân trong tình trạng nguy kịch, đánh giá nhanh, đưa ra quyết định phù hợp và thực hiện các kỹ thuật cấp cứu cơ bản trong môi trường lâm sàng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	4/0/8	1. Hiểu được các nguyên tắc cơ bản trong hồi sức cấp cứu 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2.	Cơn tăng huyết áp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để phát hiện dấu hiệu nguy hiểm, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí và dự phòng cơn tăng huyết áp 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	4/0/8	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để phát hiện dấu hiệu nguy hiểm, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí đau ngực 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4.	Điều	4/0/8	1.Vận dụng được kiến	CLO1	Thuyết	1.Tự học:	Điểm

	chỉnh nước và điện giải trong cơ thể		thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để phát hiện dấu hiệu nguy hiểm, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí điều chỉnh nước và điện giải 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO2 CLO4	trình ngắn tích cực hóa người học.	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	thường xuyên
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	4/0/8	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để chẩn đoán hôn mê, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
6.	Ngộ độc cấp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để chẩn đoán ngộ độc cấp, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
7.	Phù phổi cấp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để chẩn đoán phù phổi cấp, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét,	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

			đánh giá				
8.	Ngừng tuần hoàn	4/0/8	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để xác định tình trạng ngừng tuần hoàn, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
9.	Suy hô hấp cấp	2/0/4	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để xác định tình trạng suy hô hấp cấp, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	4/0/8	1.Vận dụng được kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học và nguyên tắc xử trí để xác định tình trạng sốc, phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí 2.Ra quyết định cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
11.	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để phân tích, lập luận chẩn đoán, đưa ra hướng xử trí	CLO1 CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi kết thúc học phần

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (LS/TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
72.	Khó thở cấp	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng khó thở cấp, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
73.	Đau ngực cấp ở người lớn	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng đau ngực cấp, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.					
74.	Rối loạn ý thức và hôn mê	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình rối loạn ý thức và hôn mê, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
75.	Đau bụng cấp	2/0/1	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng đau bụng cấp, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

			nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.					
76.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng rối loạn nhịp tim và huyết động, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
77.	Xuất huyết tiêu hóa	2/0/1	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng mất máu do xuất huyết tiêu hóa, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

78.	Ngộ độc cấp	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được tình trạng ngộ độc cấp, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
79.	Mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ	4/0/2	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu theo trình tự ABCDE, xác định được biểu hiện của mày đay - phù Quincke và sốc phản vệ, chỉ định cận lâm sàng, đọc kết quả cận lâm sàng cấp cứu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống nghe Máy đo huyết áp	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
80.	Điện giải và khí máu	2/0/1	1. Thực hiện đánh giá bệnh nhân cấp cứu	CLO3 CLO4	Bảng, phấn Ống	Dạy học bên giường	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường xuyên

			theo trình tự ABCDE, xác định được kết quả bất thường của điện giải và khí máu, phân tịch, lập luận chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí. 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá.		nghe Máy đo huyết áp	bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
81.	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
82.	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO3 CLO4				Điểm thi LS
83.	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO1 CLO2 CLO4				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá quá trình – Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	20%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 – 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Đánh giá quá trình – lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc	Không tự ra	Ra quyết định	Ra quyết	Ra quyết định	Ra quyết định	20%

độc lập	quyết định	không phù hợp	định được (<70%).	đúng (<90%).	đúng và bảo vệ được quyết định của mình	
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	30%

Rubric 3: Lượng giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Nhận định tình trạng cấp cứu và đưa ra hướng xử trí cấp cứu phù hợp	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	40%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	30%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 30

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	60 %	18	7	6	3	2
CLO2	40 %	12	5	4	3	0
Tổng	100%	30	12	10	6	2

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

1. Giáo trình Hồi sức cấp cứu, Học viện YDHCT Việt Nam .

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Nghiên cứu khoa học
* Tiếng Việt: Nghiên cứu khoa học
* Tiếng Anh: Basic Medical Research Methodology
- Mã học phần/ mô đun: MED4109
- Số tín chỉ: 2,0 LT/00 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 00 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 00 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ts. Lưu Minh Châu	0963171071	YTCC	minhchauytdp@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Văn Bình	0916359842	YTCC	binhytcc2012@gmail.com
3	Ths. Bàng Thị Hoài	0945989989	YTCC	thuhoaiytcc@gmail.com
4	Ths. Đinh Văn Tài	0912373999	YTCC	bsvantai@gmail.com
5	Ths. Lương Thị Thu Hà	0369203688	YTCC	bshytcca@gmail.com
6	Ths. Đỗ Văn Pha	0963836058	YTCC	dopha2005@gmail.com
7	Ths. Mai Thị Hương	0354382678	YTCC	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiên thức
MT HP1	- Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu
MT HP2	- Trình bày được các khái niệm về mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu.
MT HP3	- Nêu được các nội dung kiến thức về thu thập, xử lý, trình bày số liệu.
MT HP4	- Trình bày được các bước của một đề cương nghiên cứu.
MT HP5	- Trình bày được cấu trúc của đề cương nghiên cứu khoa học và cách viết bài báo khoa học
	Kỹ năng
MT HP6	- Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng thiết kế nghiên cứu.
MT HP7	- Tính được cỡ mẫu, chọn mẫu đối với từng thiết kế nghiên cứu.
MT HP8	- xây dựng biến số và chỉ số nghiên cứu
MT HP9	- Xây dựng công cụ thu thập thông tin
MT HP10	- Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP11	Rèn luyện phẩm chất say mê trong nghiên cứu.
MT HP12	- Trung thực trong nghiên cứu.
MT HP13	- Trách nhiệm về các thông tin trong nghiên cứu.
MT HP14	- Xây dựng được đạo đức, tác phong tốt trong nghiên cứu khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1			3			
MT HP2			3			
MT HP3			3			
MT HP4			3			
MT HP5			3			
MT HP6			3			
MT HP7			3			
MT HP8			3			
MT HP9			3			
MT HP10			3			
MT HP11			3			
MT HP12			3			
MT HP13			3			
MT HP14			3			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được các nguyên tắc và giải quyết được những vấn đề sức khỏe thông thường; Phát hiện, đánh giá phân tích được các vấn đề sức khỏe để xây dựng giả thuyết nghiên cứu (Lựa chọn được 01 vẫn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu),
CLO2	- Viết tên của một đề tài nghiên cứu đúng tiêu chuẩn và 3 mục tiêu nghiên cứu phù hợp tên đề tài
CLO3	- Lựa chọn được 01 thiết kế nghiên cứu phù hợp nôi dung nghiên cứu
CLO4	- Tính được cỡ mẫu trong nghiên cứu mô tả cắt ngang, nghiên cứu can thiệp, nghiên cứu phân tích
CLO5	- Xây dựng được biến số và chỉ số nghiên cứu cho 01 nghiên cứu y học dựa vào bằng chứng
CLO6	- Xây dựng được 01 bộ công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học; Tiếp cận các nguồn lưu trữ và hồi cứu thông tin; Thu thập, đánh giá và sử dụng các thông tin y học
CLO7	- Xây dựng 01 kế hoạch nghiên cứu khoa học cho đề tài nghiên cứu cụ thể
CLO8	- Hoàn thành 01 đề cương nghiên cứu khoa học

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO1		2														2	2
CLO2		2														2	2
CLO3		2														2	2
CLO4		2														2	2
CLO5		2														2	2
CLO 6		2														2	2
CLO 7		2														2	2
CLO 8		2														2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Giảng đường, máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

6.2.2. Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

6.2.3. Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên Làm một số bài tập cá nhân hoặc theo nhóm như:

- Viết tên của một đề tài nghiên cứu đúng tiêu chuẩn và 3 mục tiêu nghiên cứu phù hợp tên đề tài
- Lựa chọn được 01 thiết kế nghiên cứu phù hợp nôi dung nghiên cứu
- Tính được cỡ mẫu trong nghiên cứu mô tả cắt ngang, nghiên cứu can thiệp, nghiên cứu phân tích
- Xây dựng được biến số và chỉ số nghiên cứu cho 01 nghiên cứu y học dựa vào bằng chứng
- Xây dựng được 01 bộ công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học; Tiếp cận các nguồn lưu trữ và hồi cứu thông tin; Thu thập, đánh giá và sử dụng các thông tin y học
- Xây dựng 01 kế hoạch nghiên cứu khoa học cho đề tài nghiên cứu cụ thể

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần nghiên cứu khoa học y học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo BS ngành YHCT với thời lượng 2 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước y khoa của thiết kế nghiên ứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thày cô Học viện.

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý y khoa và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học y khoa; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nhiên cứu khoa học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung y khoa của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổng quan về các thiết kế nghiên cứu:	4	1.Trình bày được một số khái niệm về nghiên cứu khoa học Y học. 2.Trình bày được mục tiêu của nghiên cứu khoa học y học. 3. Phân tích các yêu cầu của thiết kế nghiên cứu Y học và lựa chọn thiết kế nghiên cứu y học . 4.Áp dụng các nguyên lý về đạo đức nghiên cứu Y học trong thực tiễn.	1,3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Lựa chọn vấn đề ưu tiên, phân tích và nêu vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3	1.Trình bày cách lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cần nghiên cứu. 2.Trình bày cách viết tên đề tài nghiên cứu. 3.Trình bày được tiêu chuẩn một mục tiêu tốt. 4.Phân tích vai trò của mục tiêu nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học. 5.Ứng dụng các bước trong phân tích vấn đề nghiên cứu khoa học Y học. 6.Viết tên một đề tài nghiên cứu và mục	1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			tiêu nghiên cứu của đề tài				
3	Xác định các biến số và chỉ số trong nghiên cứu	4	1.Trình bày được vai trò và ý nghĩa của các biến số và chỉ số trong nghiên cứu khoa học y học. 2.Trình bày được phân loại các biến số trong nghiên cứu khoa học y học. 3.Áp dụng thiết lập các biến số và chỉ số nghiên cứu trong xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học.	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Chọn mẫu, cỡ mẫu trong nghiên cứu	4	1.Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu cho các chiến lược thiết kế nghiên cứu khoa học y học. 2.Trình bày được các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu khoa học y học. 3.Áp dụng công thức tính cỡ mẫu và cách chọn mẫu trong xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học.	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
5	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin Mục tiêu bài học	4	1.Trình bày được các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin y khoa trong nghiên cứu khoa học Y học. 2.Trình bày được nguyên tắc xây dựng bộ công cụ: Bộ câu hỏi, bảng	6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			kiểm. 3.Xây dựng được bệnh án nghiên cứu.				
6	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học	2	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại và cách khống chế sai số ngẫu nhiên. 2.Trình bày được định nghĩa, phân loại và cách khống chế sai số hệ thống. 3.Trình bày được định nghĩa và cách khống chế yếu tố nhiễu. 4.Xác định được một số sai số có thể xảy ra trong một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.	6,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
7	Hướng dẫn chung về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	2	1.Xác định được tầm quan trọng của đạo đức nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh học. 2.Xây dựng phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu của đối tượng nghiên cứu.	7,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
8	Hướng dẫn trình bày đề cương nghiên cứu khoa học	2	1.Phân tích được vai trò của các thành phần đề cương nghiên cứu khoa học? 2.Viết đề cương nghiên cứu khoa học	7,8	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: đánh giá bài thực hành

Rubric 3: đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				**Đánh giá**
		Đạt			**Không đạt**	
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt**		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	

Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, xắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, xắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù	
Phần tổng quan	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	
Dự kiến kết quả, bàn luận, kết luận, kế hoạch nghiên cứu, phụ lục	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Rubric 1
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Rubric 3

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá (không áp dụng)

- Phần thi lý thuyết: Chấm tiểu luận

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học y khoa (tài liệu lưu hành nội bộ), năm 2022

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), " Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội

3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học

4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học

5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thống kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rhọ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: **Ngày/tháng/năm.**	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: **Ngày/tháng/năm.**	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
Y HỌC GIA ĐÌNH

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun:

- Tên học phần/ mô đun: Y học gia đình.

* Tiếng Việt: Y học gia đình.

* Tiếng Anh: Family medicine.

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 6122.
- Số tín chỉ: 02 LT.
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá :10 tiết (thi LT)
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
  + Học phần học trước (đã học): không
  + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	YTCCC	minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc si Nguyễn Văn Bình	0916359842	YTCCC	binhytcc2012@gmail.com
3	Ths. Đỗ Văn Pha	0918498755	YTCCC	dopha2005@gmail.com
4	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	YTCCC	bshaytcc@gmail.com
5	Thạc sỹ Đinh Văn Tài	0912373999	YTCCC	bsvawtai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Ứng dụng được kiến thức bản về: Các nguyên lý y học gia đình (YHGĐ); các kiến thức y học trong trong chăm sóc sức khỏe người dân theo nguyên lý YHGĐ
MT HP2	Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng đúng một số bệnh thường gặp tại cộng đồng theo nguyên lý YHGĐ. Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn cho bệnh nhân và gia đình.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tuân thủ các quy định pháp luật và đạo Đức nghề nghiệp

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP 1	3		3			
MT HP 2			3		3	
MT HP 3						3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Trình bày được khái niệm, nguyên lý, vị trí và vai trò của Y học gia đình trong hệ thống Y tế; một số công cụ đánh giá gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe từ đó vận dụng kiến thức trong thực hành chăm sóc sức khỏe người dân theo nguyên lý YHGĐ
CLO2	- Phát hiện, xử trí kịp thời, an toàn và chuyển tuyến phù hợp những cấp cứu thông thường tại tuyến cơ sở
CLO3	Phân tích được khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình và các vấn đề sức khỏe ưu tiên, các cách chăm sóc quản lý Y tế cần quan tâm trong từng giai đoạn của vòng đời người, vòng đời gia đình để tư vấn phòng bệnh thường gặp trong cộng đồng
CLO4	- Biết cách vận dụng các công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình vào chăm sóc ban đầu, tổng quát, toàn diện, liên tục trong hành nghề y học gia đình của Bác sĩ gia đình trong bối cảnh hiện nay tại Việt Nam. - Thực hành tốt kỹ năng giao tiếp, tư vấn phòng bệnh cho bệnh nhân và gia

	đình. - Đưa ra được các chỉ đinh; thực hiện các kỹ thuật theo phân tuyến của bộ Y tế tại tuyế cơ sở
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		3															
CLO 2						2											
CLO 3					2												
CLO 4							2										
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung

trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

1. Vai trò của bác sĩ Y học gia đình trong hệ thống y tế? Họ có trách nhiệm đối với bệnh nhân và cộng đồng
2. Ở Việt Nam, Y học gia đình bắt đầu phát triển từ khi nào? Những điểm quan trọng nào được đánh dấu là dấu hiệu phát hiện
3. Có nhận xét gì về thực trạng phát triển Y học gia đình ở Việt Nam hiện nay? Những khó khăn và quy thức nào đang tồn tại?
4. Y học gia đình đóng vai trò gì trong công việc **quản lý sức khỏe bản đầu?**Bạn có đề xuất gì để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Y học gia đình tại Việt Nam

Bài 2: Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình: : Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao

Câu hỏi tình huống:

1. Kể tên và giải thích các nguyên lý cơ bản của Y học gia đình. Theo bạn, nguyên lý nào quan trọng nhất? Vì sao?
2. Khi nào bác sĩ Y học gia đình cần áp dụng nguyên lý **"Dự phòng bệnh tật"** ? Đưa ra ví dụ

Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật: Các nguyên lý của Y học gia đình: : Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao

Câu hỏi tình huống:

1. Vòng đời cá thể và vòng đời gia đình được chia thành những giai đoạn nào? Mỗi giai đoạn có những đặc điểm sức khỏe nổi bật?
2. Ảnh hưởng của vòng đời cá thể - gia đình đến bệnh tật như thế nào?
3. Làm thế nào để bác sĩ Y học gia đình áp dụng mô hình vòng đời cá thể - gia đình vào công tác chăm sóc

Bài 4: Một số văn bản hướng dẫn thí điểm mô hình bác sỹ gia đình; Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao

Câu hỏi tình huống:

1. Làm thế nào để bác sĩ gia đình có thể thiết lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe dài hạn cho bệnh nhân có bệnh mạn tính như tăng huyết áp.
2. Bạn có đề xuất gì để cải thiện hiệu quả hoạt động của mô hình bác sĩ gia đình tại Việt Nam?

Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

- Hãy phân loại cấp độ dự phòng: Cấp 1., cấp 2, cấp 3 cho các tình huống sau:

1. Đo huyết áp định kỳ để phát hiện tăng huyết áp sớm
2. Tư vấn dinh dưỡng cho phòng bệnh đái tháo đường tuýp 2

- So sánh ưu tiên và chế độ của **dự phòng cấp 1** và **dự phòng cấp 2**

Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao

Câu hỏi tình huống: Xác định yếu tố nguy cơ sức khỏe

- Hút thuốc lá
- Tiền sử gia đình có bệnh tim mạch
- Béo phì
- Ô nhiễm không khí

- Tập thể dục
- Chế độ ăn uống nhiều đọc hại
- Tiếp xúc với chất độc hại trong môi trường

Câu hỏi thảo luận:

- Yếu tố nào có thể thay đổi được, yếu tố nào không thể thay đổi
- Các yếu tố này có liên quan với nhau không?

Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

1. Những nhóm đối tượng nào có nhu cầu giáo dục sức khỏe cao nhất? (Trẻ em, người cao tuổi, bệnh nhân bệnh mạn tính…)?
2. Khi tư vấn giáo dục sức khỏe, cần cung cấp những thông tin gì? (Triệu bệnh, cách phòng miễn phí, thay đổi lối sống…)

Bài 9: Lập kế hoạch, thực hiện tư vấn giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

1. Khi thiết lập kế hoạch tư vấn sức khỏe, cần thu thập bất kỳ thông tin nào về đối thủ
2. Làm thế nào để xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe của cá
3. Khi lập kế hoạch, cần lưu ý điều gì để đảm bảo hiệu quả và sự phù hợp của từng đối tượng?

0Chia thành 4 nhóm: mỗi nhóm tự chọn chủ đề để đóng vai

Bài 10: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại, viêm gan B: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

1. Nêu chẩn đoán bệnh tay chân miêng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại?
2. Với mỗi bệnh hãy đưa ra con đường lây truyền và biện pháp phòng bệnh

Bài 11: Vaccin và tiêm chủng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

- Quy trình tiểm chủng mở rộng tại tuyến xã dduwwocj thực hiện như thế nào?

Bài 12: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD): Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

- Phân tích nguyên phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng? Lấy ví dụ minh họa

Bài 13: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao:

Hãy phân tích các công cụ sử dụng trong đnahs giá gia đình và ứng dụng của nó? Layas ví dụ minh họa

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 1: Khái niệm và lịch sử phát triển và vai trò của Y học gia đình	2/0/4	Nắm được các khái niệm cơ bản về Y học gia đình	*CL01, CLO5*	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 2: Các nguyên lý của Y học gia đình	2/0/4	Ủng hộ nguyên tắc mọi thành phần trong xã hội được quyền tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc	*CL01, CLO5*	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh	

			sức khỏe chất lượng tốt; Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép, tuân thủ các qui định nghề nghiệp và phù hợp với điều kiện sức khỏe		tình huống.	giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 3: Vòng đời cá thể - gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật	4/0/4	Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người với sức khoẻ, bệnh tật và áp dụng vào trong chăm sóc sức khoẻ	CLO3, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 4: Một số văn bản hướng dẫn thí điểm mô hình bác sỹ gia đình Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ	4/0/4	Quan điểm và định hướng phát triển mô hình Bác sỹ gia đình Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên

			sóc sức khoẻ trong YHGĐ				
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 5: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ	4/0/4	Mô tả được cách phân loại các cấp độ chăm sóc dự phòng và nội dung chăm sóc của từng cấp	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 6: Quản lý các yếu tố nguy cơ sức khỏe	4/0/4	Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ Trình bày được nguyên tắc và nội dung quản lý một số yếu tố nguy cơ	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 7: Sàng lọc phát hiện bệnh	0/0/8	Hiểu được vai trò, ý nghĩa của sàng lọc trong phát hiện sớm bệnh Mô tả phương pháp sàng lọc 4 mặt bệnh	CLO4, CLO5	Cung cấp giáo trình và để cương cho sinh viên tự học	Tự học: như mục 6.2.3	

			thường gặp nhất tại địa phương.				
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài8: Xác định nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ	1/0/4	Xác định được nhu cầu và nội dung tư vấn về giáo dục sức khoẻ	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 9: Các kỹ năng giao tiếp - tư vấn của bác sĩ gia đình	1/0/4	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 10: Một số vấn đề về bệnh truyền nhiễm: bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, cúm mùa, dại, viêm gan B	3/0/4	Chẩn đoán – điều trị và tư vấn dự phòng, chuyển tuyến đối với một số bệnh truyền nhiễm có tần suất mắc cao trong cộng đồng	CLO 2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên

Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 11: Vaccin và tiêm chủng	1/0/4	Trình bày lịch chủng ngừa và các yếu tố cần chú ý khi sử dụng vaccin - chủng ngừa Quy trình tổ chức buổi tiêm chủng	CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 12: Quản lý chăm sóc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Tăng huyết áp, Đái tháo đường tip 2, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	4/0/4	Trình bày được các nguyên tắc và nội dung quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng* Áp dụng các nguyên lý của YHGĐ trong quản lý 4 bệnh không lây nhiễm thường gặp tại cộng đồng * tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	CLO 2, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên

Theo thời khóa biểu của phòng đào tạo	Bài 13: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình	02/0/5	Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội	CLO1, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thi thường xuyên
	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Giải thíc và vận dụng được : Các khái niệm, nguyên lý, vòng đời các cộng đánh giá trong chăm sóc sức khỏe người dân theo nguyên lý YHGĐ - Biết cách lập kế hoạch, tư vấn, phòng bệnh chẩn đoán, điều trị, chuyển tuyến trong chăm sóc sức khỏe người dân ở tuyến cơ sở	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi kết thúc học phần

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không có thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành: Không giảng dạy thực hành

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Lý thuyết	Điểm thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	30 %	15	5	5	5	0
CLO2	30 %	15	5	5	5	0
CLO3	20%	10	4	4	2	0
CLO4	20%	10	4	4	2	0
Tổng	100%	50	18	18	14	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.7 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tài liệu tổng hợp hướng dẫn lý thuyết, thực hành Y học gia đình (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

3. Giáo trình Y học gia đình - Bộ môn Y học gia đình - Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA-TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: bác sĩ Y học cổ truyền.Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Chương trình Y tế quốc gia- Tổ chức và quản lý y tế

* Tiếng Việt: Chương trình Y tế quốc gia - Tổ chức và quản lý y tế

* Tiếng Anh: National health programs.

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 6123

- Số tín chỉ: 02 LT

Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết:30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng:.0 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra:10 tiết

+ Thời gian tự học: 60 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Thứ 5

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương ☐</td><td colspan="6">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở khối ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức ngành ☐</td><td>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc
X</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td></td></tr>
</table>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không

+ Học phần học trước (đã học): Không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	YTCC	minhchauytdp21@gmail.com
2	Thạc sĩ Nguyễn Văn Bình	0916359842	YTCC	binhytcc2012@gmail.com
3	Thạc sĩ Lương Thị Thu Hà	0974899244	YTCC	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sĩ Bàng Thị Hoài	0977045888	YTCC	thuhoaiytcc@gmail.com
5	Thạc sĩ Đinh Văn Tài	0912373999	YTCC	bsvawtai@gmail.com
6	Thạc sĩ Mai Thị Hương	0354382678	YTCC	maihuongytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	***Kiến thức:*** -Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của các quan điểm, chiến lược, luật pháp về bảo vệ sức khoẻ hiện nay và khái niệm về sức khoẻ, chăm sóc sức khoẻ, nội dung nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế. - Giới thiệu cho sinh viên về nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh, phòng bệnh và các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế
MT HP2	Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng phân tích số liệu của các hoạt động từ đó có thể đánh giá, so sánh với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình quốc gia y tế. - Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế
MT HP3	- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý hệ thống y tế, các chương trình y tế quốc gia là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP 1			3			
MT HP 2			3			
MT HP3			3			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được nguyên lý cơ bản và nội dung chính của các chương trình quốc gia trong lĩnh vực Y tế và hệ thống tổ chức quản lý
CLO2	Lập được kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức, sử dụng, điều phối, giám sát, quản lý, đánh giá các chương trình hoạt động y tế
CLO3	Tuân thủ các quy định pháp luật và đạo dức nghề ngiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1												3					
CLO 2												3				3	
CLO 3												3					3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy tính, máy chiếu, loa, mic

VD: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Không

VD: Bệnh viện.... (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành: Không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia gồm 2 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số: Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ

chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản. Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại và giảng đường.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương về tổ chức và quản lý y tế	2	1.Nêu và giải thích được khái niệm Y xã hội học, Y tế công cộng, Tổ chức và quản lý y tế. 2.Trình bày được vị trí, vai trò của khoa học Tổ chức y tế và quản lý y tế trong việc chăm sóc, bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân cũng như trong hệ thống khoa học Y học 3.Nêu được đối tượng, nội dung cơ bản và các phương pháp nghiện cứu của môn khoa học này	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

2	Bài 2: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	*1. Trình bày được nguyên tắc cơ bản về tổ chức hệ thống Ngành Y tế Việt Nam* *2. Nêu được khái niệm, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tuyến trong hệ thống y tế Việt Nam* *3. Trình bày khái quát bộ phận tổ chức của các tuyến trong hệ thống tổ chức Y tế Việt Nam, mối quan hệ và cơ chế quản lý giữa các tuyến với nhau và với tổ chức hành chính* *4. Trình bày được các nội dung quản lý chính của các tuyến trong hệ thống y tế Việt Nam*	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Bài 3: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế 1.	4	*1. Nêu được các khái niệm thông tin y tế; chỉ số, chỉ tiêu y tế/ sức khỏe, vai trò và các yêu cầu của thông tin trong quản lý y tế.* *2. Trình bày được hệ thống phân loại thông*	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			tin y tế áp dụng trong quản lý. *3. Trình bày được phương pháp và công cụ thu thập thông tin*		ngắn		
4	Bài 4: Lập kế hoạch y tế	4	*1.Trình bày được khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch.* *2. Trình bày được nội dung các bước lập kế hoạch.* *3. Lập được bản kế hoạch hoạt động cho vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể.*	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Quản lý nhân lực y tế	3	*1. Trình bày được tầm quan trọng và một số nguyên tắc quản lý nhân lực y tế.* *2. Liệt kê được các nội dung cơ bản của quản lý nhân lực.* *3. Trình bày được một số phương pháp quản lý nhân lực.* *4. Phân tích được vai trò cơ bản của làm việc nhóm và các yếu tố chính ảnh hưởng đến làm*	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			việc nhóm.				
	Điều hành và giám sát hoạt động y tế		1. Khái niệm và vai trò của điều hành 2. Phương pháp giám sát	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Quản lý tài chính và vật tư y tế		1. Các khái niệm cơ bản 2. Quản lý tài chính y tế	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	-Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia -Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 - Chiến lược Y học cổ truyền của Tổ chức Y tế thế giới		*1.Liệt kê được tên của các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang được triển khai hiện nay.* *2. Trình bày được mục tiêu chung của ngành y tến và các giải pháp để thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia.* *3. Trình bày được mục tiêu,*	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			định hướng và hành động chiến lược về YHCT				
	- Chiến lýợc Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai ðoạn 2015-2025 - Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược học cổ truyền Việt Nam		Trình bày được Mục tiêu, giải pháp chiến lược phòng chống các bệnh truyền nhiễm Phân tích được kế hoạch hành động của chính phủ về YHCT	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 - Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030		Trình bày được Mục tiêu, giải pháp chiến lược quốc gia về an toàn thực phẩm và dinh dưỡng Xác đinh được tầm quan trọng của an toàn thực phẩm và dinh dưỡng	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	- Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Chiến lược Quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030		Trình bày được Mục tiêu, giải pháp chiến lược quốc gia về dân số và Sức khoẻ sinh sản Phân tích được chiến lược quốc gia về phòng chống bệnh sốt xuất huyết, sốt rét	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	- Chương trình phòng chống sốt xuất huyết - Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 -Chương trình tiêm chủng mở rộng		Trình bày được chiến lược quốc gia và kết quả đạt được của trường trình phòng chống HIV và tiêm chủng mở rộng	*CLO12, CLO16, CLO17*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: **(Không có phần lâm sàng hay thực hành)**

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí Đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.2.1. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**				**Đánh giá**
		Đạt			**Không đạt**	
		Rất tốt	**Tốt**	**Đạt**		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, xắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, xắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung kiến thức	70%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu câù	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	Kiểm tra 45 phút	Theo câu hỏi, bài tập bộ môn	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2,3,4,5	Rubric 1
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Trắc nghiệm trên máy tính	Bộ câu hỏi của bộ môn	100%	3	1,2,3,4,5	Thi test trên máy tính thời gian 20 phút, 50 câu

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Tài liệu hướng dẫn Tổ chức quản lý y tế (tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Giáo trình hướng dẫn học phần Chương trình mục tiêu Y tế (Nhà xuất bản Y học), 2017

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Chương trình y tế Quốc gia , Nhà xuất bản Y học, năm 2007.

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Viện Đào tạo Y học dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội, giáo trình Quản lý và Tổ chức y tế, năm 2012.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC TẾ CỘNG ĐỒNG
Đối tượng đào tạo: Bác sỹ Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Thực tế cộng đồng
* Tiếng Việt: Thực tế cộng đồng
* Tiếng Anh: Community Practice
- Mã học phần/ mô đun: PUBL5107
- Số tín chỉ: 03 (1 LT/02 TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 03 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 03 giờ

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:
Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.
a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;
b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ):HK 1 và 2 năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
□	□	X	□	□	□	□

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Bài tập: 3 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 0 tiết
  + Thời gian tự học: 3 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com

3	Thạc sỹ Lương Thị Thu Hà	0974899244	bshaytcc@gmail.com
4	Thạc sỹ Mai Thị Hương	0354382678	maihuongytcc@gmail.com
5	Thạc sỹ Bàng Thị Hoài	0977045888	thuhoaiytcc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiên thức
MT HP1	Trình bày được khái niệm về cộng đồng.
MT HP2	Phân biệt được sự khác nhau giữa chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán lâm sàng.
MT HP3	Trình bày được các bước trong chẩn đoán cộng đồng
MT HP4	Mô tả sử dụng dịch vụ y tế.
MT HP5	Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ.
MT HP6	Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng
	Kỹ năng
MT HP7	- Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
MT HP8	- Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được.
MT HP9	- Thực hành lập kế hoạch can thiệp.
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
MT HP10	- Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu đáp ứng chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho cộng đồng, góp phần đạt mục tiêu sức khỏe cho mọi người
MT HP11	- Chăm sóc SKBĐ là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến
MT HP12	- Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng
MT HP13	- Hoạt động liên ngành, thu hút sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa đảm bảo thành công của chăm sóc SKBĐ
MT HP14	- Tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh.
MT HP15	- Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại bệnh viện và cộng đồng.
MT HP16	- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá được các sinh viên lớp dưới triển khai các hoạt động học tập tại bệnh viện.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3
MT HP4			3
MT HP5			3

MT HP6			3
MT HP7			3
MT HP8			3
MT HP9			3
MT HP10			3
MT HP11			3
MT HP12			3
MT HP13			3
MT HP14			3
MT HP15			3
MT HP16			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả tình trạng sức khỏe cộng đồng và các yếu tố nguy cơ.
CLO2	Đánh giá được hiệu quả của các chương trình can thiệp cộng đồng
CLO3	- Phát hiện các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
CLO4	- Thực hành được cách thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu thu thập được.
CLO5	- Chăm sóc SKBĐ là một trong các trọng tâm trong công tác của ngành y tế không phải là nhiệm vụ của tuyến y tế cơ sở mà là của mọi tuyến
CLO6	- Chủ động phối hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong cộng đồng

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		3			3		1				3			3	3		
CLO 2		3			3		1				3			3	3		
CLO 3		3			3		1				3			3	3		
CLO 4		3			3		1				3			3	3		
CLO 5		3			3		1				3			3	3		
CLO 6		3			3		1				3			3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mịc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành: Sinh viên đi thực tế tại TTYT xã ở các địa phương theo quyết định của Học viện

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Thực tế tại địa phương: Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực tế tại địa phương theo hướng dẫn của Cán bộ trạm y tế.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viện thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khoẻ, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng.

Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khoẻ cộng đồng; thực hành giáo dục sức khoẻ; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Giới thiệu chức năng nhiệm vụ của Trạm y tế xã, Chiến lược phòng bệnh không lây nhiễm thực hiện tại tuyến xã. Hệ thống	3	1. Phân tích được tình hình nhân lực và thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế nơi sinh viên đến thực tập. 2.So sánh được thực trạng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị chủ yếu của trạm y tế xã với chuẩn quốc gia về y tế xã.	*1,3*	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	sổ sách báo cáo tại Trạm y tế xã		3.Phân tích được các nguồn kinh phí và sử dụng kinh phí cho hoạt động của trạm. 4.Nhận xét được công tác quản lý dược ở trạm y tế xã. 5.Mô tả được hệ thông sổ sách báo cáo tại trạm y tế cơ sở 6.Thực hành ghi chép thông tin y tế tại cơ sở 7.Thống kê được thông tin để viết báo cáo định kỳ tại cơ sở				
2	Bài 2: Phòng chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng Hướng dẫn tổ chức và thực hành tiêm chủng mở rộng tại cơ sở	3	1. Hỏi và khai thác được bệnh sử bệnh truyền nhiễm 2.Khám và đánh giá đúng các dấu hiệu bệnh nhiễm khuẩn. 3.Phân loại và xử trí đúng bệnh truyền nhiễm theo phác đồ Tổ chức Y tế Thế giới 4.Nêu được các biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng 5.Nhận xét được thực trạng hoạt động của chương trình phòng	1,2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

			chống sốt rét tại tuyến xã. 6.Nhận xét được thực trạng hoạt động của chương trình tiêm chủng mở rộng tại tuyến xã.				
3	Bài 3: Chẩn đoán cộng đồng, tình hình vệ sinh môi trường tại cộng đồng Hướng dẫn điều tra sức khỏe cộng đồng; dân số KHHGĐ; điều tra nhu cầu và khả năng đáp ứng Y học cổ truyền trong điều trị và chăm sóc sức khỏe tại cơ sở (Theo phiếu)	3	1. Thực hiện được các bước chẩn đoán cộng đồng để phát hiện ra vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đông nơi sinh viên thực tế. 2. Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán cộng đồng là một kỹ năng cần thiết của người cán bộ y tế cộng đông.	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Bài 4: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe nâng cao kiến thức, thái độ,	3	Lập được bản kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe (TT - GDSK) cho một chủ đề lựa chọn tại cộng đồng nơi thực tập.	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	hành vi của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, kết hợp YHCT và YHHĐ Triển khai buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng						
5	Bài 5: Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng Bài 6: Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	3	1.Xây dựng bộ câu hỏi điều tra cộng đồng 2.Phân tích số liệu và viết báo cáo đánh giá tổng hợp	6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vẫn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
1	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		
2	10	0	0	0		

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Điểm đánh giá quá trình							
Điểm chuyên cần	Tối đa: 4	-Điểm đánh giá chuyên cần tại nơi thực tập do trưởng TYT đánh giá			2	1,2	số tiết tham dự học tập tại trạm đạt 100 %
Báo cáo nhóm	Tối đa: 6	01 báo cáo hoàn chỉnh theo quy định của học phần			3		Sinh viên viết báo cao theo nhóm
Hỏi thi vấn đáp	Tối đa: 10	Sinh viên trả lời đúng nội dung câu hỏi liên quan đến nội dung học phần					Bộ môn tổ chức hỏi thi vấn đáp theo từng nhóm
2.Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun							

Tổng điểm quá trình đánh giá chia 2	**Tối đa: 10**						

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình hướng dẫn thực tế cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2017

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băn Tường và cộng sự (1998), " Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.
- Dương Đình Thiện và cộng sự, "Dịch tễ học Y học- Bộ môn Dịch tễ - Trường Đại học Y hà Nội", NXB Y học, Hà Nội.
- Quyết định 1713/QĐ-BYT ngày 16/5/2014 Hướng dẫn tổ chức buổi tiêm chủng
- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 – 2025
- Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã
- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Bộ tiêu chí quốc gia về trạm y tế xã giai đoạn đến 2020

Thực hành cộng đồng, Trường Đại học Y Thái Nguyên, 2007

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ LUẬN CƠ BẢN YHCT
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền
* Tiếng Anh: Theory of Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: TRAD2101
- Số tín chỉ: 3.0 LT/0.0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Kiểm tra, thi: 15 tiết
  + Thời gian tự học: 90 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học YHCT năm thứ 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Tâm lý học – Đạo đức y học
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung71@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	bsthumay1988@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Cung cấp kiến thức về các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.
MT2	Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.
MT3	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1	2					
MT2		2				
MT3						2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT: học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành, học thuyết thiên nhân hợp nhất, học thuyết kinh lạc, học thuyết tạng tượng
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng sinh lý của các tạng phủ trong cơ thể, nguyên nhân gây bệnh theo YHCT
CLO3	Vận dụng kiến thức trong các học thuyết YHCT cơ bản để chẩn đoán, điều trị và phòng chống bệnh tật, bào chế thuốc YHCT.
CLO4	Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO / CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1	2																
CLO2	2																
CLO3			2														
CLO4														2			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

Bài 1: Học thuyết Âm dương: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề:

1. Các quy luật âm dương:

- Âm dương đối lập
- Âm dương hỗ căn
- Âm dương tiêu trưởng
- Âm dương bình hành
- Biểu tượng của học thuyết âm dương

2. Ứng dụng của học thuyết âm dương trong Y học cổ truyền:

- Phân định âm dương trong cấu tạo cơ thể và các chức năng sinh lý.
- Phân định âm dương trong quá trình phát sinh ra bệnh tật
- Phân định âm dương để chẩn đoán bệnh tật.
- Phân định âm dương trong quá trình chữa bệnh
- Phân loại dược vật theo âm dương.

Bài 2: Học thuyết ngũ hành: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề:

1. Các quy luật ngũ hành:

- Quy luật tương sinh, tương khắc.
- Quy luật tương thừa, tương vũ.

2. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành trong Y học cổ truyền:

- Về quan hệ sinh lý.
- Khám bệnh (ngũ sắc, ngũ chí, ngũ khiếu, ngũ thể)
- Chẩn đoán bệnh
- Chữa bệnh.

Bài 3: Học thuyết thiên nhân hợp nhất: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề:

1.Môi trường tự nhiên và con người:

- Thời tiết, địa lý, thổ nhưỡng, nguồn nước và khí hậu

2.Môi trường khí hậu và con người:

3.Ứng dụng trong Y học:

- Học thuyết thiên nhân hợp nhất chỉ đạo nội dung, phương pháp phòng bệnh và giữ gìn sức khoẻ.

- Học thuyết Thiên nhân hợp nhất chỉ đạo nội dung của các nguyên nhân gây bệnh và vai trò quyết định của cơ thể đối với việc phát sinh ra bệnh tật.

- Học thuyết Thiên nhân hợp nhất chỉ đạo nội dung các phương pháp chữa bệnh toàn diện của Y học cổ truyên.

Bài 4: Học thuyết tạng tượng: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề:

Chức năng sinh lý của ngũ tạng, lục phủ. Liên hệ với các tạng phủ của YHHĐ

Bài 5: học thuyết kinh lac: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết vấn đề:

Nêu những hiểu biết về hệ kinh lạc những ứng dụng của hệ kinh lạc vào chẩn đoán & điều trị đã từng được biết đến trên lâm sàng.

Bài 6: nguyên nhân gây bệnh: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề:

- Tìm hiểu về các nguyên nhân gây bệnh bên ngoài, liên hệ thực tế trên lâm sàng.
- Tìm hiểu các nguyên nhân gây bệnh bên trong, liên hệ thực tế trên lâm sàng.
- Tìm hiểu các nguyên nhân khác gây bệnh cho con người, liên hệ thực tế lâm sàng.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80%. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Lý luận cơ bản 1 là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 2 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT như Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết Thiên nhân hợp nhất, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ và các nguyên nhân gây bệnh. Qua đó làm cơ sở lý luận cho chẩn đoán và điều trị trong YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của Sinh viên**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1 (4 tiết/ buổi)	**Học thuyết Âm dương** 1. Nội dung của HT Âm dương 2. Ứng dụng HT Âm dương trong Y học	8/0/16	1. Trình bày được tầm quan trọng của HT âm dương đối với YHC 2. Trình bày được 4 quy luật Âm dương 3. Ứng dụng của HT chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị	CLO1 CLO3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
2 (4 tiết/ buổi)	**Học thuyết Ngũ hành** 1. Nội dung HT Ngũ hành 2. Ứng dụng HT Ngũ hành trong Y học	8/0/16	1. Trình bày được những thuộc tính của Ngũ hành và qui loại vào Ngũ hành những hiện tượng tự nhiên và cơ thể sinh lý người 2. Ứng dụng học thuyết Ngũ hành vào khám bệnh, chữa bệnh và bào chế thuốc.	CLO1 CLO3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
	Học thuyết thiên nhân hợp nhất	4/0/8	1. Trình bày nội dung	CLO1	- Thuyết trình ngắn tích	1. Nghiên cứu	Điểm

3 (4 tiết/ buổi)	1. Nội dung HT Thiên nhân hợp nhất 2. Ứng dụng HT Thiên nhân hợp nhất trong Y học		của Học thuyết thiên nhân hợp nhất 2. Ứng dụng học thuyết thiên nhân hợp nhất vào: khám chữa bệnh toàn diện, phòng bệnh	CLO3	cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	thường xuyên
4 (4 tiết/ buổi)	**Học thuyết tạng tượng** 1. Nội dung HT Tạng tượng 2. Chức năng sinh lý Ngũ tạng và Lục phủ 3. Mối quan hệ giữa tạng phủ	12/0/24	1. Trình bày được những chức năng sinh lý của các tạng phủ. 2. Trình bày được mối quan hệ của tạng phủ	CLO2 CLO3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học. - Tổ chức kiểm tra 1 tiết nội dung bài HT Âm dương, HT ngũ hành,HT thiên nhân hợp nhất, chức năng sinh lý của khí, huyết, tinh, tân dịch và thần	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
	Học thuyết kinh lạc 1. Trình bày ðýợc cấu tạo hệ kinh lạc 2. Trình bày được những tác dụng	4/0/8		CLO1 CLO3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận.	Điểm thường xuyên

5 (4 tiết/ buổi)	của kinh lạc.				projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
6 (4 tiết/ buổi)	**Nguyên nhân gây bệnh** 1. Nguyên nhân gây bệnh Ngoại nhân 2. Nguyên nhân gây bệnh Nội nhân 3. Nguyên nhân gây bệnh bất nội Ngoại nhân	8/0/16	Trình bày được nguyên nhân gây bệnh theo YHCT, và những đặc điểm của nguyên nhân gây bệnh	CLO2 CLO3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa SV, phương pháp động não - GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ – Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
7 (1 tiết/ buổi)	**Ôn tập**	1/0/2	Ôn tập lại các kiến thức dã học	CLO1 CLO2 CLO3	- Phương pháp động não - Phát vấn và đưa ra các chủ đề để Sinh viên thảo luận và tự học.	1. Phát vấn, thảo luận. 2. Suy nghĩ – Trả lời;	Điểm thường xuyên
	Kiểm tra định kì Thi kết thúc học phần	0/15/0	Phân tích được các nội dung vấn đề và vận dụng kiến thức trong các học thuyết YHCT cơ bản để chẩn đoán, điều trị và phòng chống bệnh tật, bào chế thuốc YHCT.	CLO1, CLO2, CLO3		Tự luận Bài test	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học <9 buổi.	Đi học <9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <10 buổi, không đi muộn	Đi học <11 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 12 buổi .	90%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	10%

Rubric 2: Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra	80%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	10
Lập luận	10%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	10%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm bài kiểm tra 1 tiết	20%	bài kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thị trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của p.Đào tạo
Điểm chuyên cần	10%	Thời gian tham gia học tại lớp	Thời gian tham gia học tại lớp	100%	Rubric 1	CLO4	Theo điểm danh trên lớp

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	48%	29	6	21	2
CLO2	42%	25	12	11	2
CLO3	10%	6	0	4	2
Tổng	100%	60	18	36	6

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm bài kiểm tra 1 tiết * 0.2 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.7 + Điểm chuyên cần * 0.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn y lý YHCT (năm 2023), Bài giảng Lý luận Y học cổ truyền.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền (2011), Bài giảng Y học cổ truyền tập I, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.

[2] Bộ Y Tế (2010), Lý luận y học cổ truyền, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
[3] Bộ Y Tế (2008), Y lý y học cổ truyền, Nhà xuất bản y học.
[4] Ứng dụng đề tài cơ sở "Nghiên cứu phân thể YHCT bệnh nhân COVID-19 mức độ nhẹ và đề xuất phương pháp điều trị phù hợp" – CN ĐT TS Trần Thị Hồng Ngãi

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: THỰC VẬT DƯỢC

* Tiếng Anh: Medicinal botanicals

- Mã học phần/ mô đun: TRAD2102
- Số tín chỉ: 1,5 TC lý thuyết + 0,5 TC thực hành
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
    + Lý thuyết: 23 tiết
    + Thực hành/ Lâm sàng: 15 tiết
    + Kiểm tra: 6 tiết
    + Thời gian tự học: 56 tiết (gồm 50 tiết tự học LT + 6 tiết TH thực hành)
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên năm thứ 2/6
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [X]						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành [X]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc [X]	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
    + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
    + Học phần học trước (đã học): Sinh học và di truyền
    + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	Thực vật – Dược liệu	huyhup2010@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664		hien@dotochy.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929		hiennguyen.duochn@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142		nguyennhi212@gmail.com
5	Giảng viên thỉnh giảng theo nhu cầu của bộ môn			

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Ứng dụng được các kiến thức về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin; tài nguyên cây thuốc; GACP; cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền; các dược liệu chứa các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học trong các hoạt động chuyên môn y học cổ truyền

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	2		2			

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được kiến thức cơ bản về viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin; tài nguyên cây thuốc; GACP; cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó để kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng dược liệu
CLO3	Thực hiện được các thí nghiệm kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học
CLO4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1	2																
CLO2	2																
CLO3	2											2		1	1		
CLO4												2		1	1		

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; tham dự đầy đủ các buổi thực hành
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7, 8 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

- Lý thuyết:

Bài 1: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Tại sao phải viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin?
2. Nguyên tắc viết đọc tiếng Latin? Áp dụng trong viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin?

Bài 2: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Khái niệm tài nguyên cây thuốc? Đặc điểm tài nguyên cây thuốc? Các giá trị của tài nguyên cây thuốc?
2. Mối đe doạ đối với tài nguyên cây thuốc? Các lý do và các phương pháp bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc?

Bài 3: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu?
2. GACP là gì? Các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP?

Bài 4: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu?
2. Các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu

Bài 5: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Khái niệm cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật?
2. Nguyên nhân gây tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT

- Thực hành:

Bài 1: Tìm hiểu cách tiến hành và các chỉ tiêu cần đạt được khi kiểm nghiệm dược liệu Kim ngân hoa và Cam thảo bắc bằng phương pháp soi bột?
Bài 2: Tìm hiểu cách tiến hành và các chỉ tiêu cần đạt được khi kiểm nghiệm dược liệu Hoè hoa và Hà thủ ô đỏ bằng phương pháp soi bột?
Bài 3: Tìm hiểu cách tiến hành và các chỉ tiêu cần đạt được khi kiểm nghiệm dược liệu lá Trúc đào và than Kinh giới bằng phương pháp vi phẫu?
Bài 4: Tìm hiểu cách tiến hành và các chỉ tiêu cần đạt được khi kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hoá học?
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết lý thuyết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; tham dự đầy đủ các buổi thực hành và đạt yêu cầu phần thực hành. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Thực vật dược dành cho đối tượng Bác sỹ YHCT trình độ đại học cung cấp cho người học các nội dung về Nguyên tắc đọc và viết tiếng Latin; Tài nguyên cây thuốc; Trồng trọt – Thu hái – Làm khô – Bảo quản – Đánh giá chất lượng dược liệu; Các hoạt chất cơ bản trong dược liệu có tác dụng sinh học; Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền. Học phần cũng bổ sung cho người học các kiến thức và kỹ năng về soi bột, vi phẫu, kiểm nghiệm các thành phần hóa học có tác dụng sinh học trong dược liệu. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1. Giới thiệu học phần Thực vật dược 2. Nguyên tắc viết đọc tên cây thuốc bằng tiếng Latin	4/0/8	Phân tích được nguyên tắc viết đọc tên thuốc bằng tiếng Latin	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học, thuyết trình ngắn có minh hoạ	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, trả lời - Tự học: từ trang 1-11 TLC [1]	
2	Đại cương về	2/0/4	Phân tích khái	CLO	Thuyết	- Nghe,	

	tài nguyên cây thuốc		niệm, giá trị, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	1	trình ngắn tích cực hoá người học, thuyết trình ngắn có minh hoạ	ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, trả lời - Tự học: từ trang 12-41 TLC [1]	
	Thu hái, làm khô và đánh giá dược liệu – Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP	2/0/4	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học, thuyết trình ngắn có minh hoạ	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, trả lời - Tự học: từ trang 42-69 TLC [1]	
3+4+5	Các hoạt chất có tác dụng sinh học trong dược liệu	12/1/26	Phân tích được khái niệm, cấu tạo, tính chất, tác dụng chung của các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học và các dược liệu có chứa các nhóm hoạt chất đó: carbohydrat, glycosid, alcaloid, tinh dầu	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học, thuyết trình ngắn có minh hoạ, giải quyết vấn đề	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, trả lời - Tự học: từ trang 70-99 TLC [1] - Tự đọc: TLTK [2]	Kiểm tra định kỳ: nội dung buổi 1-5 Hình thức: trắc nghiệm
6	Cây độc và dự báo tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	3/0/8	Phân tích được khái niệm cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học, thuyết trình ngắn có minh hoạ, giải	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi - Suy nghĩ, trả lời - Tự học: từ trang	

			mong muốn của thuốc YHCT		quyết vấn đề	100-133 TLC [1]	
7	Thi kết thúc học phần	0/1/0		CLO1 CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1. Phổ biến các quy định chung, nội dung THHP Thực vật dược 2. Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (soi bột Kim ngân hoa + Cam thảo bắc)	4/0/4	Thực hiện được các thí nghiệm kiểm nghiệm một số dược liệu bằng phương pháp vi học và hóa học	CLO 3	Các TTB theo bảng 6.1.3	Thuyết trình Thao tác mẫu, thực hành lại, bảng kiểm	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, trả lời, thảo luận - Thực hành theo hướng dẫn, bảng kiểm - Tự học trang 1-9 TLC [2] - Tự đọc TLTK [2]	- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp soi bột
2	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học	4/0/4			Các TTB theo bảng 6.1.3	Thuyết trình Thao tác mẫu, thực	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, trả lời, thảo luận	- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm nghiệm

	(soi bột Hoè hoa + Hà thủ ô đỏ)					hành lại, bảng kiểm	- Thực hành theo hướng dẫn, bảng kiểm - Tự học trang 10-15 TLC [2] - Tự đọc TLTK [2]	dược liệu bằng phương pháp soi bột
3	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (vi phẫu thân Kinh giới + lá Trúc đào)	4/0/4			Các TTB theo bảng 6.1.3	Thuyết trình Thao tác mẫu, thực hành lại, bảng kiểm	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, trả lời, thảo luận - Thực hành theo hướng dẫn, bảng kiểm - Tự học trang 16-21 TLC [2] - Tự đọc TLTK [2]	- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi phẫu
4	Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học	3/0/3			Các TTB theo bảng 6.1.3	Thuyết trình Thao tác mẫu, thực hành lại, bảng	- Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, trả lời, thảo luận - Thực hành theo	- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương

						kiểm	hướng dẫn, bảng kiểm - Tự học trang 22-28 TLC [2] - Tự đọc TLTK [2]	pháp hoá học
5	Thi thực hành	0/4/0		CLO3	Các TTB theo yêu cầu			Thi thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá bài thực hành phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm	
Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	40	CLO 3 CLO 4	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được kết quả chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	100%
Kết quả thí nghiệm	40	CLO 3 CLO 4	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý kết quả/ vẽ hình đúng và có nhận	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý kết quả/ vẽ hình đúng, nhưng nhận	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý kết	Chưa đầy đủ kết quả, chưa xử lý kết quả/ vẽ hình và chưa có	Chưa đầy đủ kết quả, chưa có xử lý kết quả/	

			xét đầy đủ, thấu đáo	xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	quả/ vẽ hình	nhận xét	vẽ hình	
Câu trả lời	20	CLO 3 CLO 4	Trả lời đúng ≥ 85% câu hỏi	Trả lời đúng 70% đến dưới 85% câu hỏi	Trả lời đúng 55% đến dưới 70% câu hỏi	Trả lời đúng 40% đến dưới 55% câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	

Rubric 2. Đánh giá bài thi thực hành

Tiêu chí	Thang điểm	8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm
- Phần vi học: 5,0 điểm - Phần hoá học: 5,0 điểm	10,0	Đáp ứng ≥ 85% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 70% đến dưới 85% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 55% đến dưới 70% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 40% đến dưới 55% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng dưới 40% theo đáp án và biểu điểm

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thường xuyên	10%	Thực hành	Điểm thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO3 CLO4	Theo rubric
Điểm thực hành	30%	Thi thực hành	Thi thực hành	100%	Rubric 2	CLO 3	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi lý thuyết trắc nghiệm trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO 1 CLO 2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Phần Lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

CLO1	45%	18	5	9	4
CLO2	55%	22	7	11	4
Tổng	100%	40	12	20	8

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm kiểm tra thường xuyên, Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thực hành Thực vật dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2000), *Các cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
CHẨN ĐOÁN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Chẩn đoán học Y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Prediction of studying Traditional Medicine

- Mã học phần/ mô đun: TRAD 3105
- Số tín chỉ: 04 TC (2.5 LT + 1.5 TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
  + Lý thuyết: 37.5 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 45 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 12,5 tiết
  + Kiểm tra,thi: 20 tiết
  + Thời gian tự học: 85 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên Y học cổ truyền năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Lý luận cơ bản YHCT (Y lý 1)
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý Y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	091550889	ngaidytw72@yahoo.com
3	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com

7	Ths.Lê Đức Khang	0972499865	Khang.leduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản trong Chẩn đoán học YHCT bao gồm: Tứ chẩn, Bát cương; Biện chứng các Hội chứng bệnh Tinh thần khí huyết tân dịch, Tạng Phủ, Vệ khí dinh huyết – Tam tiêu, Lục kinh; Các nguyên tắc điều trị và pháp điều trị tromg YHCT.
MT2	Vận dụng được các kiến thức về chẩn đoán học Y học cổ truyền để ứng dụng trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT.
MT3	Rèn luyện khả năng lập luận, phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm trong việc giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến khám bệnh, chẩn đoán và đưa ra pháp điều trị, phòng bệnh theo YHCT; Nâng cao kỹ năng giao tiếp,rèn luyện tính kỷ luật trong học tập.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1		x				
MT2		x				
MT3		x				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản trong Chẩn đoán học YHCT bao gồm: Tứ chẩn, Bát cương; Biện chứng các Hội chứng bệnh Tinh thần khí huyết tân dịch, Tạng Phủ, Vệ khí dinh huyết – Tam tiêu, Lục kinh; Các nguyên tắc điều trị và pháp điều trị tromg YHCT.
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về chẩn đoán học Y học cổ truyền trong khám bệnh, chẩn đoán, đưa ra pháp điều trị và tư vấn phòng bệnh bằng YHCT.
CLO3	Phân tích và thực hiện được các thao tác, quy trình khám bệnh theo Tứ chẩn YHCT.
CLO4	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, thể hiện khả năng khám bệnh độc lập, tự học, tự nghiên cứu về chẩn đoán y học cổ truyền.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1	**2**																
CLO2			**2**														
CLO3																	
CLO4														**2**			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2;

Giảng đường, bàn ghế, Máy chiếu, loa, mic, phấn bảng, đèn chiếu PPT, tranh ảnh (về cách bắt mạch, lưỡi, kinh lạc..)

6.1.2. Thực hành/Lâm sàng: Giảng đường, bàn ghế, Máy chiếu, loa, mic, phấn bảng, đèn chiếu PPT, tranh ảnh, (về cách bắt mạch, lưỡi, kinh lạc..); gối kê tay; Phòng mô hình mạch chẩn, thiệt chẩn; bảng kiểm...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.
- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên, chuẩn bị bệnh án, người bệnh và thảo luận nhóm
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định. (Mỗi bài học sinh viên phải đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK); Thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề).
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80% đối với lý thuyết và hoàn thành 100% số bài kiểm tra, 100% giờ thực hành; Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và nội dung yêu cầu của Giảng viên giảng dạy, Bộ môn.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Chẩn đoán học Y học Cổ truyền là học phần bắt buộc được giảng dạy vào năm thứ 3 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Chẩn đoán Y học Cổ truyền (Y lý 2) cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp khám, chẩn đoán và đưa ra các nguyên tắc và pháp điều trị theo YHCT từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám, chẩn đoán và bước đầu đưa ra các nguyên tắc, các pháp chữa bệnh cũng như phòng bệnh bằng YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1+ 2 (8 tiết)	TỨ CHẨN: 1. Vọng chẩn 2. Văn chẩn 3. Vấn chẩn 4. Thiết chẩn	8/0/10	1. Trình bày nội dung của Tứ chẩn (vọng, văn, vấn và thiết chẩn) 2. Giải thích được ý nghĩa các chứng trạng trong Tứ chẩn 3. Vận dụng nội dung của tứ chẩn trong biện chứng và chẩn đoán YHCT	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên

					6. Vấn đáp 7. Tự học		
2	BÁT CƯƠNG 1.Nội dung của tám cương lĩnh. 2.Sự phối hợp giữa các cương lĩnh. 3.Sự phối hợp của các cương lĩnh 4.Hiện tượng chân giả. 5.Sự chuyển hóa của chứng hậu	4/0/5	1. Trình bày được nội dung của 8 cương lĩnh 2. Trình bày được sự phối hợp, sự thác tạp và sự chuyển hoá giữa các cương lĩnh 3. Vận dụng được vọng, văn, vấn, thiết quy nạp vào bát cương	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận 6. Vấn đáp 7. Tự học	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Điểm thường xuyên
3	HỘI CHỨNG BỆNH TẠNG PHỦ 1.HCB khí, huyết, tân dịch, thần. 2.HCB các tạng. 3.HCB	11/1/10	1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng chứng hậu và pháp điều trị của hội chứng bệnh khí – huyết – tân	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu	1. Nghiên cứu trước tài liệu. 2. Phát vấn, thảo luận. 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Đánh giá cho điểm bài kiểm tra (Kiến thức bài 1,2)

	lục phủ. 4.HCB phối hợp.		dịch – thần. 2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng chứng hậu và pháp điều trị của hội chứng bệnh của Ngũ tạng 3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng chứng hậu và pháp điều trị của hội chứng bệnh của Lục phủ 4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng chứng hậu và pháp điều trị của hội chứng bệnh Tạng phủ kiêm chứng		hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận 6. Vấn đáp 7. Tự học		
4	CÁC HCB KHÁC 1. HCB	4/0/5	1. Hiểu để phân biệt và chẩn đoán các	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector	Nghiên cứu trước tài liệu đã được phát	Điểm

	lục kinh 2. HCB vệ khí dinh huyết 3. HCB Tam tiêu		hội chứng bệnh Lục Kinh-VKDH-Tam tiêu-Kinh lạc 2. Vận dụng các hội chứng bệnh Lục Kinh-VKDH-Tam tiêu-Kinh lạc trong chẩn đoán lâm sàng. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của các hội chứng bệnh Lục Kinh-VKDH-Tam tiêu-Kinh lạc trong chẩn đoán YHCT.		để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận 6. Vấn đáp 7. Tự học	phát vấn, Thảo luận	thường xuyên
5	NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ 1. Phòng bệnh 2.Trị bệnh cầu kỳ bản 3. Phù chính khu tà	4/0/5	1. Trình bày các nguyên tắc điều trị theo Y học cổ truyền 2. Vận dụng lấy ví dụ cho từng nguyên tắc điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu	Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.	Điểm thường xuyên

	4. Điều chỉnh âm dương 5. Điều hòa khí huyết 6. Điều chỉnh tạng phủ 7. Tam nhân chế nghi				hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận 6. Vấn đáp 7. Tự học		
6	BÁT PHÁP 1. Hãn pháp 2. Thổ pháp 3. Hạ pháp 4. Hòa pháp 5. Ôn pháp 6. Thanh pháp 7. Tiêu pháp 8. Bổ pháp	4/0/5	1. Trình bày tám phương pháp điều trị thường dùng theo y học cổ truyền 2. Vận dụng bát pháp lấy ví dụ mỗi phương pháp	CLO1 CLO2 CLO3	1. GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn. 2.Thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên, kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 3. Động não 4. Giải quyết vấn đề 5. Thảo luận 6. Vấn đáp	Tổng hợp nội dung học tập để chuẩn bị câu hỏi để phát vấn, thảo luận.	Điểm thường xuyên

					7. Tự học		
7	Ôn tập	1,5/0/5	Ôn tập lại các kiến thức đã học.	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp		
	Thi kết thúc học phần	4				Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	CÁCH LÀM BỆNH ÁN YHCT	4/1/5	1.Trình bày được các bước làm bệnh án YHCT.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Hướng dẫn Sinh viên các bước làm bệnh án theo mẫu	Đọc trước nội dung để phát vấn và thảo luận.	

			2.Vận dụng được vào trong trường hợp bệnh nhân cụ thể.			chuẩn. + Phương pháp thuyết trình; đặt vấn đề và giải quyết vấn đề; vấn đáp; lấy VD về tình huống cụ thể.		
	VỌNG CHẨN	4/1/5	1.Thực hiện được các thao tác khám vọng chẩn trên người bệnh	CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Cầm tay chỉ việc. Hướng dẫn các quy trình vọng chẩn/ ca lâm sàng; Thảo luận; Vấn đáp; Bảng kiểm	Thuộc quy trình khám vọng chẩn; Quan sát; Thao tác lại theo đúng quy trình.	
	VĂN CHẨN	4/1/5	1.Thực hiện được các thao tác khám văn chẩn trên người bệnh	CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Cầm tay chỉ việc. Hướng dẫn các quy trình văn chẩn/ ca lâm sàng; Thảo luận; Vấn đáp; Bảng kiểm	Quan sát; Thao tác lại theo đúng quy trình.	
	VẤN	4/1/5	1.Thực	CLOCLO2	1,2,3	Cầm tay	Quan sát;	

	CHẨN		hiện được các thao tác khám vấn chẩn trên người bệnh	CLO3 CLO4		chỉ việc. Hướng dẫn các quy trình vấn chẩn/ ca lâm sàng; Thảo luận; Vấn đáp; Bảng kiểm	Thao tác lại theo đúng quy trình.	
	THIẾT CHẨN	4/1/5	1.Thực hiện được các thao tác khám thiết chẩn trên người bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Cầm tay chỉ việc. Hướng dẫn các quy trình thiết chẩn/ ca lâm sàng; Thảo luận; Vấn đáp, Bảng kiểm	Quan sát; Thao tác lại theo đúng quy trình.	
	TỔNG HỢP TRÊN CA LÂM SÀNG Tứ chẩn Bát cương Hội chứng bệnh Nguyên tắc điều trị và pháp điều trị	20/4/10	1.Thực hiện được bốn thao tác khám vọng, văn, vấn, thiết chẩn trên người bệnh. 2. Vận dụng được các thao tác khám để tóm tắt Bát cương,	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Bình bệnh án/ ca lâm sàng thực tế; Thảo luận; Vấn đáp; Bảng kiểm	Chuẩn bị ca lâm sàng; hoàn thiện bệnh án LS; Khám/chẩn đoán/ hướng điều trị/Pháp điều trị bằng YHCT.	Đánh giá Kiến thức, kỹ năng, Thái độ qua quan sát, hỏi đáp và bảng kiểm; việc hoàn thiện bệnh án LS, cho điểm.

			Hội chứng bệnh và đưa ra được nguyên tắc, pháp điều trị trên người bệnh, hoàn thiện bệnh án thực tế tại khoa phòng bệnh viện.					
	ÔN TẬP	5/2/10	Ôn lại toàn bộ kiến thức, kỹ năng đã học áp dụng vào từng trường hợp cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	1,2,3	Thuyết trình/ đặt vấn đề, giải quyết vấn đề; vấn đáp (hướng dẫn thi và giải đáp thắc mắc)	Tổng hợp kiến thức, kỹ năng; thái độ khi tiếp cận người bệnh. Đặt câu hỏi, yêu cầu giải đáp các thắc mắc.	
	THI LÂM SÀNG	0/4/0	1.Thực hiện được các thao tác khám bệnh YHCT. 2.Hoàn thiện được 1 bệnh án lâm sàng theo quy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		Hỏi bệnh/ bệnh án và người bệnh; bảng kiểm	Chuẩn bị ca lâm sàng; hoàn thiện bệnh án LS; Khám/chẩn đoán/ hướng điều trị/Pháp điều trị.	Đánh giá Kiến thức, kỹ năng, Thái độ qua quan sát, hỏi đáp và bảng kiểm; việc hoàn

			định.					thiện bệnh án LS, cho điểm.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học <9 buổi.	Đi học <9 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <10 buổi, không đi muộn	Đi học <11 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 12 buổi .	90%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	10%

Rubric 2: Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	**Trọng số%**	**Chuẩn đầu ra của Học phần**	**Mô tả mức chất lượng**					**Điểm**
			8.5-10 điểm	**7.0-8.4 điểm**	**5.5- 6.9 điểm**	**4.0-5.4 điểm**	**0 – 3.9 điểm**	
Kết quả bài kiểm tra	80%	CLO 1 CLO2 CLO3 CLO4	Kết quả đúng đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	10
Lập luận	10%		Lập luận logic	Lập luận logic,	Có lập luận;	Có lập luận;	Lập luận	

				chưa đầy đủ	chưa rõ logic	chưa logic	sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	10%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thị trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 30 phút Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2 (**Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	45%	27	6	17	4
CLO2	45%	27	6	17	4
CLO3	10%	06	1	4	1
Tổng	100%	60	13	38	9

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thi kết thúc thực hành bằng điểm thi lâm sàng.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm kiểm tra * 0.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] **Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam - Bộ môn Y lý Y học cổ truyền** (2023), *Bài giảng Chẩn đoán học Y học cổ truyền 2 (Y lý 2),* tài liệu lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] **Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền** (2011) - *Bài giảng Y học Cổ truyền tập 1,* Nhà xuất bản Y học.

[2] *Lý luận YHCT* (2006), **GS.TS Hoàng Bảo Châu**, Nhà xuất bản Y học.

[3] *Ứng dụng của Kinh dịch* - **Ths.Bs.Kiều Xuân Dũng** (2009), Nhà xuất bảnY học.

[4] Ứng dụng 3 đề tài cơ sở

- Đánh giá tác dụng của cao lỏng HSN và viên nang cứng HSN trên lâm sàng tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh. CNĐT TS Trần Thị Hồng Ngãi.
- Đánh giá tác dụng của cao lỏng HSN và viên nang cứng HSN trên lâm sàng tại Bệnh viện YHCT Trung Ương. CNĐT TS Trần Thị Hồng Ngãi.
- Đánh giá tác dụng của cao lỏng HSN và viên nang cứng HSN trên lâm sàng tại Bệnh viện Y học cổ truyền Thành phố Hồ Chí Minh. CNĐT TS Trần Thị Hồng Ngãi.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ YHCT; Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

* Tiếng Việt: THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

* Tiếng Anh: Traditional medicine

- Mã học phần: TRAD3103
- Số tín chỉ: 4TC trong đó: LT 3,0; TH: 1,0 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 6 tiết (định kỳ 1 bài =1tiết+ thi TH =4 tiết + thi LT =1tiết)
  + Thời gian tự học: 119 tiết (103 tiết LT+ 16 tiết TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 3
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	**Bắt buộc** ☑	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: không
  + Học phần học trước:Y lý YHCT, Thực vật dược
  + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về thuốc y học cổ truyền; bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng, chủ trị, kiêng kỵ, chế biến...để hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả, hợp lý.
MT HP2	Thực hiện được một số phương pháp chế biến thuốc theo cổ truyền.
MT HP3	Nhận biết, hướng dẫn sử dụng một số vị thuốc y học cổ truyền.
MT HP4	Có ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Chủ động tự làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự đánh giá kết quả làm việc.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	3	2				
MT HP2	2					
MT HP3	2	2				
MT HP4			2		2	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được kiến thức cơ bản đại cương thuốc y học cổ truyền (tính vị, quy kinh, khuynh hướng ..).
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về thuốc y học cổ truyền; bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng, chủ trị, kiêng kỵ...để hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả, hợp lý.
CLO3	Phân tích được kiến thức cơ bản về một số phương pháp chế biến thuốc y học cổ truyền.
CLO4	Thực hiện được một số phương pháp chế biến thuốc theo cổ truyền.
CLO5	Nhận biết, hướng dẫn sử dụng được một số vị thuốc y học cổ truyền.
CLO6	Có ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập; Tự nhận xét, đánh giá được kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3	3															
CLO 2	3	3									1						
CLO 3	3	2										1					
CLO4																	
CLO5	3	1															
CLO6														2	2		1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: . Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Lâm sàng: Không áp dụng cho học phần này

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Bài 1:, Chậu rửa, rổ, dần sàng, dao cầu, dao, thớt.
3	Bài 2: Dao, bếp điện, khay inox, chày cối, chảo gang, bếp đun
4	Bài 3: Chảo gang, cối chày, dần, sàng, dao cầu
5	Bài 4: Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây.
6	Bài 5: Dao, bếp điện, khay inox, chày cối, chảo gang, bếp đun
7	Bài 6: Dao, bếp điện, khay inox, chày cối, chảo gang, bếp đun
8	Bài 7: Nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox
9	Bài 8: khay inox

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình, phải tham khảo tối thiểu hết các tài liệu tham khảo ở mục 10.

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.1 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết:

Bài 1: Đại cương Đông dược: Đọc tài liệu chính (TLC), và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Thuốc giải biểu: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Tìm hiểu và trả lời câu hỏi: Trường hợp bệnh nhân có sốt nhẹ, ho, hơi có mồ hôi thì nên dùng vị thuốc nào. Giải thích lí do.

Bài 3:Thuốc phát tán phong thấp, lợi thủy thẩm thấp, trục thủy: Đọc TLC, và TLTK 1,2. Bài 4: Thuốc thanh nhiệt: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Tìm hiểu và trả lời câu hỏi: trường hợp dị ứng, mẩn ngứa nên ưu tiên dùng thuốc nào. Trường hợp nhiễm trùng tiết niệu, viêm bang quang thì ưu tiên dùng vị nào trong các vị Hoàng liên, hoàng bá, hoàng cầm. Giải thích vì sao.

Bài 5: Thuốc thanh nhiệt (tiếp), thuốc hóa đàm chỉ ho bình suyễn: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Bài 6: Thuốc cố sáp, tiêu hóa, tả hạ: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Câu hỏi: Trường hợp ăn uống khó tiêu, sôi bụng, đi ngoài phân sống thì có thể dùng thuốc gì? Có nên dùng vị thuốc Ngũ vị tử không?

Bài 7: Thuốc lý khí, thuốc hành huyết: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Câu hỏi: Bệnh nhân bị đau nhức xương khớp, đau lưng trong đơn thuốc có vị Ngưu tất: thảo luận, giải thích xem việc sử dụng có phù hợp không?

Bài 8: Thuốc chỉ huyết, thuốc trừ hàn: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Bài 9: Thuốc an thần, bình can tức phong: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Bài 10, 11: Thuốc bổ: Đọc TLC, và TLTK 1,2.

Bài 12: Chế biến thuốc đông dược: Đọc TLC, và TLTK 1,7.

❖ Thực hành

Bài 1: Sơ chế thuốc: rửa thuốc, thái phiến Hoàng kỳ. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 1

Bài 2*:* Sao thuốc: sao qua Trần bì, sao vàng Hòe, sao cháy Thảo quyết minh. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 2

Bài 3: Chích gừng dược liệu Cát cánh. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 3

Bài 4: Chế Hương phụ. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 4

Bài 5: Trích mật Hoàng kỳ. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 5

Bài 6: Chế biến dược liệu Mã tiền. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 6

Bài 7: Chế biến Thục địa. Nhận thức vị thuốc YHCT bài 7

Bài 8: Nhận thức vị thuốc YHCT bài 8. Thi thực hành

6.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80%. Hoàn thành 100% bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần

Học phần Thuốc y học cổ truyền trang bị cho người học kiến thưc về đại cương thuốc y học cổ truyền; bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng, chủ trị, kiêng kỵ, các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể tự học, phát triển nghề nghiệp về y học cổ truyền hiệu quả.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	I. Đại cương Đông dược	4/0/10	Trình bày được đại cương về thuốc YHCT	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
Buổi 2	II. Thuốc giải biểu	4/0/9	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc giải biểu	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
Buổi 3	III. Thuốc phát tán phong thấp	2,5/0/5	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc trừ thấp.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	IV. Thuốc lợi thủy thẩm thấp	1/0/2	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc lợi thủy thẩm thấp.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	V. Thuốc trục thủy	0,5/0/1	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc trục thủy.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu	Không

						hỏi	
Buổi 4	VI. Thuốc thanh nhiệt	4/0/9	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc thanh nhiệt.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Kiểm tra thường xuyên - Nội dung: từ bài 1 đến bài 4. - Hình thức: trắc nghiệm
Buổi 5	VI. Thuốc thanh nhiệt	2/0/4	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc thanh nhiệt.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	VII. Thuốc hóa đàm – chỉ khái – bình suyễn	2/0/5	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc: hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn.				
Buổi 6	VIII. Thuốc cố sáp	1,5/0/4	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc: cố sáp, tức phong, an thần, khai khiếu.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình (2 tiết) 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận về nhóm thuốc YHCT (2 tiết)	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	IX. Thuốc tiêu hóa	1/0/2	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc phần khí và nhóm thuốc phần huyết.				
	X. Thuốc	1,5/0/3	Phân tích				

	tả hạ		được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc tả hạ.				
Buổi 7	XI. Thuốc lý khí	2/0/4	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc lý khí (hành khí)	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	XII. Thuốc hành huyết	2/0/5	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc hành huyết				
Buổi 8	XIII. Thuốc chỉ huyết	2/0/5	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc chỉ huyết.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Kiểm tra thường xuyên - Nội dung: từ bài 1 đến bài 7. - Hình thức: trắc nghiệm trên giấy.
	XIV. Thuốc trừ hàn	2/1/4	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc trừ hàn.				
Buổi 9	XV. Thuốc an thần	2/0/5	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc an thần	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
	XVI. Thuốc bình can tức phong	1/0/2	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc bình can tức phong				
Buổi 10	XVII. Thuốc bổ	3/0/7	Phân tích được kiến	CLO 1 CLO 2	1. Thuyết trình	1.Tự học: như mục	Không

			thức cơ bản về nhóm thuốc bổ	CLO 3	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
Buổi 11	XVII. Thuốc bổ	3/0/7	Phân tích được kiến thức cơ bản về nhóm thuốc bổ	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không
Buổi 12	XVIII. Chế biến thuốc Đông dược	4/0/9	Phân tích được kiến thức cơ bản về chế biến thuốc y học cổ truyền.	CLO 1 CLO 2 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Không

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1	Bài 1: sơ chế thuốc:rửa thuốc, thái phiến Hoàng kỳ - Nhận thức vị thuốc YHCT bài 1	3/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để sơ chế được một số vị thuốc YHCT.	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 2	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả	Báo cáo bài tập thực hành

						trình thực hành - Vấn đáp	thực hành	
Buổi 2	Bài 2: sao thuốc: sao qua Trần bì, sao vàng Hòe, sao cháy Thảo quyết minh -Nhận thức vị thuốc YHCT bài 2	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp sao.	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 3	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	Báo cáo bài tập thực hành
Buổi 3	Bài 3: chích gừng dược liệu Cát cánh -Nhận thức vị thuốc YHCT bài 3	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp chích.	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 4	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	Báo cáo bài tập thực hành
Buổi 4	Bài 4: chế Hương phụ -Nhận thức vị thuốc YHCT bài 4	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 5	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi	Báo cáo bài tập thực hành

			được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp tứ chế			- Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	
Buổi 5	Bài 5: Trích mật Hoàng kỳ -Nhận thức vị thuốc YHCT bài 5	3/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp chích mật.	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 6	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	Báo cáo bài tập thực hành. Làm bài kiểm tra thực hành.
Buổi 6	Bài 6: chế biến dược liệu Mã tiền -Nhận thức vị thuốc YHCT bài 6	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp sao cách cát	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 7	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	Báo cáo bài tập thực hành
Buổi 7	Bài 7: Chế biến Thục địa	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 8	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi	- Chuẩn bị bài thực hành theo	Báo cáo bài tập thực hành

	-Nhận thức vị thuốc YHCT bài 7		đã học về chế biến thuốc cổ truyền để chế biến được một số vị thuốc YHCT theo phương pháp chưng, sấy			và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	
Buổi 8	Bài 8: nhận thức vị thuốc YHCT bài 8. Thi thực hành	4/0/2	Vận dụng được các kiến thức đã học về chế biến thuốc cổ truyền để nhận biết một số vị thuốc YHCT	CLO 3 CLO 4 CLO 5	Mục 9	- Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học - Giải quyết vấn đề - Làm mẫu - Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành - Vấn đáp	- Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu - Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi - Tiến hành thực hành - Báo cáo kết quả thực hành	Báo cáo bài tập thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá bài thực hành

Rubric 1. Đánh giá bài thực hành phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm	
Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	40	CLO 2 CLO 3	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được số liệu chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được số liệu chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	100%
Kết quả thí nghiệm	40	CLO 2 CLO 3	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/ vẽ đồ thị đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng, nhưng nhận xét chưa đầy đủ, chưa thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý số liệu/vẽ đồ thị	Chưa đầy đủ bảng số liệu, xử lý số liệu/vẽ đồ thị đúng và có nhận xét	Chưa đầy đủ bảng số liệu, chưa có xử lý số liệu	
Câu trả lời	20	CLO 2 CLO 3	Trả lời đúng ≥□85% câu hỏi	Trả lời đúng 70% đến dưới 85% câu hỏi	Trả lời đúng 55% đến dưới 70% câu hỏi	Trả lời đúng 40% đến dưới 55% câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra thực hành

Tiêu chí	Thang điểm	8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm
- Phần nhận thức: 10,0 điểm	10,0	Đáp ứng ≥ 85% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 70% đến dưới 85% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 55% đến dưới 70% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng 40% đến dưới 55% theo đáp án và biểu điểm	Đáp ứng dưới 40% theo đáp án và biểu điểm

9.2.2. Rubric đánh giá kiểm tra

Rubric 3. Đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
		8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kiến thức theo nội dung câu hỏi của bài kiểm tra/bài tập lớn	90%	Đáp ứng 85% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 70% đến 84% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 55% đến 69% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Đáp ứng từ 40% đến 54% trở lên các tiêu mục theo đáp án	Không diễn đạt được; thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu	100%
Hình thức trình bày	10%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể	

Rubric 4. Thảo luận nhóm (không có sildes đi kèm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tích cực tham gia thảo luận	Tham gia thảo luận mức độ vừa phải	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Trọng tâm, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**CĐR của học phần/mô đun (CLO)**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	30%	Đánh giá phần thực hành tại cơ sở thực hành/ phòng thí nghiệm	Điểm kiểm tra phần thực hành	100%	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	Theo rubric
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm kiểm tra thường xuyên	100%	Rubric 3	CLO 1 CLO 2	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần	100%	Không	CLO 1 CLO 2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Phần Lý thuyết

Thời gian: 30 phút; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	10%	6	2	3	1
CLO2	80%	48	14	24	10
CLO3	10%	6	2	3	1
Tổng	100%	**60**	**18**	**30**	**12**

Phần Thực hành: Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

Nội dung	**Điểm chuẩn**	**Điểm thực**
*** Dược liệu số:**		
Tên Việt Nam:	5	
Tên khoa học:	2	
Bộ phận dùng:	3	

Tính: Vị: Quy kinh:	5	
Công năng – chủ trị - dạng bào chế (và công năng tương ứng):	10	
*** Dược liệu số:**		
Tên Việt Nam:	5	
Tên khoa học:	2	
Bộ phận dùng:	3	
Tính: Vị: Quy kinh:	5	
Công năng – chủ trị - dạng bào chế (và công năng tương ứng):	10	
*** Dược liệu số:**		
Tên Việt Nam:	5	
Tên khoa học:	2	
Bộ phận dùng:	3	
Tính: Vị: Quy kinh:	5	
Công năng – chủ trị - dạng bào chế (và công năng tương ứng):	10	
*** Dược liệu số:**		
Tên Việt Nam:	5	
Tên khoa học:	2	
Bộ phận dùng:	3	
Tính: Vị: Quy kinh:	5	
Công năng – chủ trị - dạng bào chế (và công năng tương ứng):	10	
TỔNG ĐIỂM	**100**	

9.5. Điểm học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Thuốc Y học cổ truyền (Đông dược)*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Bộ Y tế (2014), Dược học cổ truyền – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
2. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
3. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
4. Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
5. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tễ học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

6. Võ Văn Chi (2010), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học
7. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược,* NXB Y học, Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm .....

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN**

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Bào chế đông dược

* Tiếng Anh: Pharmaceutics of Oriental medicine

- Mã học phần/ mô đun: TRAD3104
- Số tín chỉ: 02 (1,5 LT/0,5TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
    + Lý thuyết: 22,5 tiết
    + Thực hành: 15 tiết
    + Bài tập tiểu luận: 0 tiết
    + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
    + Thi, kiểm tra: 5 tiết
    + Thời gian tự học: 57,5 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): sinh viên YHCT năm thứ 3
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:
    + Học phần tiên quyết: 0
    + Học phần học trước: Thuốc YHCT
    + Học phần song hành: 0
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Bào chế-công nghiệp dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	Ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	Nguyenthungath1@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	Dsdaovanluu@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Sỹ Việt	0905508464	Vietns74@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Ứng dụng được kiến thức về kỹ thuật bào chế thuốc Y học cổ truyền trong quá trình hành nghề khám chữa bệnh và các hoạt động chuyên môn y học cổ truyền.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)
MT1	1	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được mục đích bào chế, cách sử dụng các phụ liệu để bào chế một số vị thuốc cụ thể trong chương trình.
CLO2	Phân tích được khái niệm, ưu nhược điểm, thành phần, tiêu chuẩn chất lượng của một số chế phẩm bào chế thuốc y học cổ truyền.
CLO3	Mô tả được quy trình bào chế một số thuốc y học cổ truyền

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO1				2							2			1	1	1	1
CLO2				2							2			1	1	1	1
CLO3				2							2			1	1	1	1
CLO4				2							2			1	1	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Cân kỹ thuật, cân phân tích, rây, cốc đong, ống nghiệm, bình định mức, chày cối sứ, nồi đun cách thủy
2	Tủ sấy thường, tủ sấy áp suất, tủ mát
3	Bộ bào chế đa năng (mô tơ điều khiển)

4	Bàn thí nghiệm trung tâm
5	Máy đo pH
6	Máy làm viên hoàn
8	Máy nghiền bi
9	Máy nghiền búa

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thể hiện rõ kế hoạch cá nhân và kế hoạch nghiên cứu bài học.

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại mục 10).
- Dự lớp học lý thuyết:

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập/ thảo luận:

+ Sinh viên chuẩn bị các nội dung chủ đề trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, Tài liệu thực hành, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

- Lý thuyết:

Bài 1: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

Hãy cho biết các độc tính và cách để làm giảm độc tính của các vị thuốc sau:

- Hà thủ ô
- Thảo quyết minh
- Bán hạ
- Ô đầu, phụ tử
- Mã tiền

Bài 2: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1. Cho biết thành phần thuốc thang, chè thuốc. Kỹ thuật sắc thuốc thang.
2. Khi trong thuốc thang có một trong các thành phần: Quế nhục/ Thạch cao/ Mẫu lệ/ Ma hoàng thì cần xử lý như thế nào trong quá trình sắc.

Bài 3: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

1.Cho biết ưu và nhược điểm của thuốc bột, các đường sử dụng của thuốc bột.

2. Giải quyết tình huống khi trong công thức thuốc bột có thành phần bột dược liệu độc với số lượng ít và cần kiểm soát sự đồng đều của bột đó khi trộn với các bột khác.

Bài 4: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế thuốc cốm? Ưu và nhược điểm của thuốc cốm?

Viết tiểu luận: Thuốc cốm bào chế từ nguyên liệu dược liệu và thuốc cổ truyền.

Bài 5: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế viên hoàn cứng, viên hoàn mềm?

Bài 6 Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:

Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế viên nén?
Bài 7: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:
Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế viên nang?
Bài 8: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:
Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế cao thuốc?
Bài 9: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:
Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế cồn thuốc?
Bài 10: Tìm hiểu và trả lời câu hỏi:
Các biện pháp xử lý dược liệu khi bào chế rượu thuốc?

- Thực hành:

Bài 1: Tim hiểu các yêu cầu sau khi bào chế của các vị thuốc: Hòe hoa, cam thảo, thảo quyết minh, đỗ trọng, bạch truật
Bài 2: Tìm hiểu quy trình bào chế cồn thuốc, rượu thuốc, si rô thuốc
Bài 3: Tìm hiểu quy trình bào chế thuốc cốm
Bài 4: Tìm hiểu quy trình bào chế viên hoàn
+ Lý thuyết: Sinh viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên.
- Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Bào chế đông dược là sử dụng chế hoá cơ học, chế hoá lý hoá hoặc sinh tổng hợp nhằm thay đổi hình dạng, lý tính, dược tính của các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng vật để đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất, bảo quản, kinh doanh, nâng cao hiệu quả phòng bệnh, điều trị bệnh và nâng cao thể trạng con người.

Học phần Bào chế Đông dược cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý bào chế đông dược, các mục đích cần đạt được sau khi bào chế và các phương pháp cơ bản trong bào chế . Dựa trên nền tảng đó sẽ đưa ra cách ứng dụng để bào chế từng vị thuốc cụ thể trong mỗi nhóm thuốc. Các vị thuốc sau khi bào chế đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ được ứng dụng bào chế ra các dạng thuốc như: thuốc thang, cồn thuốc, rượu thuốc, thuốc viên hoàn…
Học phần Bào chế Đông dược cung cấp các kiến thức để tạo ra các vị thuốc đạt tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với từng mục đích điều trị cụ thể, nhằm nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân, giúp cho các thầy thuốc hiểu rõ phương pháp bào chế và sử dụng thuốc một cách an toàn và hiệu quả.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:
Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết/b)	Bài 1. Kỹ thuật bào chế một số vị thuốc cổ truyền	02/0/04	1.Trình bày được mục đích, ý nghĩa và các phương pháp bào chế vị thuốc cổ truyền. 2.Vận dụng được mục đích bào chế và cách sử dụng phụ liệu bào chế của 50 vị thuốc cổ truyền.	1,3	1.Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm. Thảo luận nhóm về kỹ thuật bào chế các vị thuốc: Hà thủ ô,Thảo quyết minh, Bán hạ, Ô đầu, phụ tử, Mã tiền	
	Bài 2. Kỹ thuật bào chế thuốc thang, chè thuốc	02/0/04	1.Trình bày được định nghĩa, thành phần, kỹ thuật bào chế và kỹ thuật sử dụng thuốc thang, chè thuốc. 2. Mô tả được cách sắc của 3 bài thuốc cổ phương trong bài học	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên	

Buổi 2 (4tiết/ b)	Bài 3. Kỹ thuật bào chế thuốc bột	2/0/04	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, ưu nhược điểm, thành phần và kỹ thuật bào chế thuốc bột. 2. Mô tả được quy trình bào chế cho 3 công thức thuốc bột trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung bào chế thuốc bột có thành phần dược chất độc.	
	Bài 4, Kỹ thuật bào chế thuốc cốm	2/0/04	1.Trình bày được định nghĩa, phân loại, ưu nhược điểm, thành phần và kỹ thuật bào chế thuốc cốm. 2. Mô tả được quy trình bào chế 2 công thức thuốc cốm trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung bào chế thuốc cốm từ bài thuốc cổ phương. Viết tiểu luận theo yêu cầu.	

Buổi 3 (4 tiết/b)	Bài 5. Kỹ thuật bào chế thuốc hoàn	2/0/04	1.Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm thành phần và kỹ thuật bào chế thuốc hoàn. 2. Mô tả được quy trình bào chế 2 công thức thuốc hoàn trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung bào chế thuốc hoàn theo phương pháp chia viên.	
	Bài 6. Kỹ thuật bào chế viên nén	2/0/04	1.Trình bày được khái niệm,phân loại, ưu nhược điểm, thành phần, kỹ thuật bào chế viên nang. 2. Mô tả được quy trình bào chế 2 công thức thuốc viên nén trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về các chế phẩm viên nén có nguồn gốc từ dược liệu.	

Buổi 4 (03 tiết/b)	Bài 7. Kỹ thuật bào chế viên nang	3/0/06	1.Trình bày được khái niệm,phân loại, ưu nhược điểm, thành phần, kỹ thuật bào chế viên nang. 2. Mô tả được quy trình bào chế 2 công thức thuốc nang trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung cac chế phẩm thuốc nang có thành phần từ dược liệu.	
Buổi 5 (3 tiết/b)	Bài 8. Kỹ thuật bào chế cao thuốc.	3/0/06	1.Trình bày được khái niệm, phân loại, thành phần và kỹ thuật bào chế cao thuốc. 2. Mô tả được quy trình bào chế 2 công thức cao thuốc trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung cô cao thuốc.	
Buổi 6 (4,5 tiết/b)	Bài 9. Kỹ thuật bào chế cồn thuốc.	2/0/04	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, ưu	2	Phương pháp thuyết giảng.	Nghe giảng và nghe hướng dẫn	

			nhược điểm và các kỹ thuật bào chế cồn thuốc 2. Mô tả được quy trình bào chế của 3 công thức cồn thuốc trong chương trình.		Phương pháp thảo luận nhóm	học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung bảo quản cồn thuốc.	
	Bài 10. Kỹ thuật bào chế rượu thuốc.	1,5/0/03	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, ưu nhược điểm và các kỹ thuật bào chế cồn thuốc 2. Mô tả được quy trình bào chế của 3 công thức rượu thuốc trong chương trình.	2	Phương pháp thuyết giảng. Phương pháp thảo luận nhóm	Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm về nội dung bào chế rượu thuốc Thập toàn đại bổ.	
	Thi	0/1/0	Thi Test	1,2,3			
	Tổng	23,5/1/45					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. Tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết/buổi)	Bào chế cao thuốc, chè thuốc và một số vị thuốc thường dùng	04/0/03	Thực hiện được quy trình và Phân tích được đặc điểm dược chất, vai trò các thành phần trong công thức, bào chế cao thuốc, chè thuốc và một số vị thuốc trong bài học.	4	1, 4,5,6, 10	1.Phương pháp mô phỏng, thực tế thí nghiệm, luyện tập và thực hành. 2.Vấn đáp	1.Thực hành theo hướng dẫn. 2.Báo cáo kết quả. 3.Trả lời vấn đáp, trao đổi và thảo luận.	

Buổi 2 (4 tiết/buổi)	Bào chế cồn thuốc, rượu thuốc, siro thuốc và một số vị thuốc thường dùng	04/0/03	Thực hiện được quy trình và Phân tích được đặc điểm dược chất và vai trò các thành phần trong công thức, bào chế được cồn thuốc, rượu thuốc, siro thuốc và một số vị thuốc trong bài học.	4	1,4,5,6,10	1.Phương pháp mô phỏng, thực tế thí nghiệm, luyện tập và thực hành. 2.Vấn đáp	1.Thực hành theo hướng dẫn. 2.Báo cáo kết quả. 3.Trả lời vấn đáp, trao đổi và thảo luận.	
Buổi 3 (4 tiết/buổi)	Bào chế thuốc cốm và một số vị thuốc thường dùng	04/0/03	Thực hiện được quy trình và Phân tích được đặc điểm dược chất, vai trò các thành phần trong công thức, bào chế thuốc cốm và một số vị thuốc trong bài học	4	1,2,3,4,7	1.Phương pháp mô phỏng, thực tế thí nghiệm, luyện tập và thực hành. 2.Vấn đáp	1.Thực hành theo hướng dẫn. 2.Báo cáo kết quả. 3.Trả lời vấn đáp, trao đổi và thảo luận.	
Buổi 4 (4 tiết/buổi)	Bào chế viên hoàn và một số vị thuốc thường dùng	03/0/3,5	-Thực hiện được quy trình và Phân tích được đặc điểm dược chất, vai trò các thành	4	1,2,3,4,7	1.Phương pháp mô phỏng, thực tế thí nghiệm, luyện tập và	1.Thực hành theo hướng dẫn. 2.Báo cáo kết quả.	

			phần trong công thức, bào chế được thuốc viên hoàn và một số vị thuốc trong bài học.			thực hành. 2.Vấn đáp	3.Trả lời vấn đáp, trao đổi và thảo luận.	
Buổi 5	Kiểm tra	0/4/0						
Tổng		15/4/12,5						

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá bài tiểu luận

Rubric 1. Đánh giá bài kiểm tra, tiểu luận

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.9 – 8.4 điểm**	**Trung bình 5.5 – 6.9 điểm**	**Yếu 4.0 – 5.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp chưa rõ ràng	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung				
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa	Không chặt chẽ, logic	Không chặt chẽ

				gây ảnh hưởng	đảm bảo gây ảnh hưởng		
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Nhiều chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi nhiều và do sai chính tả	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

9.2.2. Rubic đánh giá thi trắc nghiệm.

Rubric 2: Đánh giá thi trắc nghiệm

Tiêu chí đánh giá	**CĐR**	**Trọng số**		**Mô tả mức chất lượng**				**Điểm**
			Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Kém**	
			8.5 - 10	**7.0 – 8.4**	**5.5 – 6.9**	**4.0 – 5.4**	**< 4.0**	
Kết quả thi TN	CLO 1,2,3	100 %	Trả lời đúng trên 85% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 70% và dưới 85% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 55% và dưới 70% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 40% và dưới 55% các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% các câu hỏi	
	Điểm tổng							

9.2.3. Rubric đánh giá thi thực hành.

Rubric 3: Đánh giá thi thực hành

TT	**Tiêu chí**	**Tỉ trọng cho điểm**	**Mức đánh giá chất lượng**				
			Tốt 8.5 -10 điểm	**Khá 6.9-8.4 điểm**	**Trung bình 5.5-6.9 điểm**	**Yếu 4.0- 5.4 điểm**	**Kém 0-3.9 điểm**
1	Chuẩn bị kiến thức lý thuyết liên quan	10%	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu 2 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
2	Trình bày đúng qui trình bào	20%	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài	Tương đối chính xác, khoa học,	Thiếu chính xác, nhiều sai	Thiếu chính xác, khoa học,

	chế			sai sót nhỏ	còn 1 sai sót quan trọng	sót quan trọng	nhiều sai sót quan trọng
3	Thực hành đúng qui trình	40%	Sắp xếp, chuẩn bị thí nghiệm hợp lý. Thao tác chính xác, khoa học, hoàn thành trước thời gian quy định.	Sắp xếp, chuẩn bị thí nghiệm hợp lý. Thao tác khá chính xác, khoa học, hoàn thành đúng thời gian quy định.	Sắp xếp, chuẩn bị thí nghiệm đầy đủ. Thao tác tương đối chính xác, khoa học, hoàn thành đúng thời gian quy định.	Thao tác thí nghiệm thiếu chính xác. Hoàn thành sau thời gian quy định.	Không hoàn thành quy trình.
4	Có thành phẩm đạt tiêu chuẩn	10%	Thành phẩm đạt đầy đủ các tiêu chuẩn theo yêu cầu.	Thành phẩm đạt đa số các tiêu chuẩn theo yêu cầu	Thành phẩm còn chưa đạt 1-2 tiêu chuẩn	Thành phẩm chỉ đạt được 1-2 tiêu chuẩn theo yêu cầu.	Thành phẩm không đạt được tất cả các tiêu chuẩn.
5	Trả lời vấn đáp	20%	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng	Không trả lời được hầu hết số câu hỏi đặt đúng

9.2.4. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubric 4. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	**Tỷ lệ (%)**	**Mô tả mức chất lượng**					**Điểm**
		Giỏi	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Kém**	
		8.5 - 10	**7.0 – 8.4**	**5.5 – 6.9**	**4.0 – 5.4**	**< 4.0**	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80- 90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự 60-70% buổi học	Tham dự <60% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**CĐR của học phần/mô đun (CLO)**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	10%	Chuyên cần/Tích cực học		100%	Rubric 4		Điểm danh/Đặt câu hỏi và đánh giá trả lời
Lý thuyết	60%	Điểm tiểu luận	Bài tiểu luận	20%	Rubric 1	CLO 1,2,3	Lấy điểm từ bài tiểu luận giao về nhà bài tự học
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Thi trắc nghiệm trên máy tính	80%	Rubric 2	CLO 1,2,3	Tổ chức thi trắc nghiệm tập trung tại phòng thi .
Thực hành/ Lâm sàng	30%						
		Điểm thi thực hành	Bốc thăm thực hiện một bài TN	100%	Rubic 3	CLO 4	Đánh giá trực tiếp kết quả TN

9.4. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

- Điểm lý thuyết = Điểm tiểu luận x 0,2 + Điểm thi trắc nghiệm x 0,8
- Điểm thực hành = Điểm thi thực hành.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chuyên cần *0,1+ Điểm Lý thuyết x 0,6 + Điểm thực hành* 0,3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10. Khi vào chuyển điểm tính tín chỉ theo bậc A, B+, B, C+, C, D+, D, F theo thang điểm trong Quy chế đào tạo do Học viện ban hành năm 2021

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế-Công nghiệp dược, (2023), *Bào chế đông dược.*

2. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bào chế-Công nghiệp dược, (2023), *Thực hành bào chế đông dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1.Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện theo đúng đề cương do giảng viên hướng dẫn

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHÂM CỨU 1

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Bác sĩ Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu 1

* Tiếng Anh: Acupuncture 1

- Mã học phần/ mô đun: TRAD4108

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 15 tiết (thi LT + thi LS)

+ Thời gian tự học: 75 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Kiến thức giáo dục đại cương ☐</td><td colspan="8">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [x]</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở khối ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Kiến thức ngành [x]</td><td colspan="2" rowspan="2">Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc ☐</td><td>Tự chọn ☐</td><td>Bắt buộc [x]</td><td>Tự chọn ☐</td></tr>
</table>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHĐ, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa YHHĐ, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được lịch sử của châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu
MT HP2	Trình bày được đại cương huyệt vị, phân loại huyệt vị, tác dụng huyệt vị.
MT HP3	Phân tích được Học thuyết về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.
MT HP4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyệt thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
MT HP5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bổ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật

	hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
MT HP6	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu khi điều trị cho người bệnh.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	3					
MT HP2	3	3				
MT HP3	3	3				
MT HP4	2	2				
MT HP5	2	2				
MT HP6					2	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nhận thức rõ được vai trò, tầm quan trọng của châm cứu trong nền y học Việt Nam và Thế giới. Cơ chế tác dụng của châm cứu
CLO2	Phân tích đại cương huyệt vị, phân loại huyệt vị, tác dụng huyệt vị.
CLO3	Phân tích khái niệm về hệ kinh lạc, tác dụng của hệ kinh lạc.

CLO4	Xác định được đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, cách châm cứu các huyệt thường dùng của 12 đường kinh chính và 2 mạch Nhâm, Đốc.
CLO5	Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu. Phương pháp bổ tả trong châm cứu, phát hiện và xử trí các tai biến của các kỹ thuật hào châm, điện châm, thủy châm, cứu.
CLO6	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3		1														
CLO 2	3		1														
CLO 3	3		1														
CLO 4				2	2		2										
CLO 5				2		2	3				2						
CLO 6							2								2		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện lâm sàng liên kết tại Hà Nội:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công An

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kim châm cứu
2	Máy điện châm
3	Bơm tiêm 5ml, 10ml
4	Hộp đựng bông cồn
5	Khay chữ nhật, khay hạt đậu
6	Bông, cồn
7	Mồi ngải
8	Hộp chống sốc
9	Thuốc thủy châm
10	Dụng cụ giác hơi
11	Mô hình châm cứu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và đúng quy định

+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

+ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

+ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

+ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

+ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

* Lý thuyết:

- Bài 1: Lịch sử, Đại cương Châm cứu, Tác dụng và cơ chế tác dụng châm cứu: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Bài 2: Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyệt vị: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Bài 3: Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ: Đọc tài liệu chính. Thảo luận nhóm, tập xác định đường đi và các huyệt vị hay dùng trên 4 đường kinh Phế, Đại trường, Vị, Tỳ trên mô hình và trên cơ thể người.

- Bài 4: Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận: Đọc tài liệu chính. Thảo luận nhóm, tập xác định đường đi và các huyệt vị hay dùng của 4 đường kinh Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận trên mô hình và trên cơ thể người.

- Bài 5: Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đởm, Can: Đọc tài liệu chính. Thảo luận nhóm, tập xác định đường đi và các huyệt vị hay dùng của 4 đường kinh Tâm bào, Tam tiêu, Đởm, Can trên mô hình và trên cơ thể người.

- Bài 6: Mạch: Nhâm, Đốc, Huyệt ngoài kinh: Đọc tài liệu chính. Thảo luận nhóm, tập xác định đường đi và các huyệt vị hay dùng của mạch Nhâm, Đốc và một số huyệt ngoài kinh thường dùng trên mô hình và trên cơ thể người.

- Bài 7: Kỹ Thuật Châm, cứu, Phương pháp bổ tả trong Châm cứu: Đọc tài liệu chính, tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm. Tập xác định huyệt trên mô hình, trên cơ thể người và thực hiện kỹ thuật châm trên mô hình tập châm.

- Bài 8: Kỹ Thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, cấy chỉ, Mai hoa châm: Đọc tài liệu chính, tài liệu tham khảo.

* Lâm sàng:

- Bài 1: Hướng dẫn kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng: Sinh viên thảo luận nhóm, đóng vai bệnh nhân thực hành kỹ thuật châm, cứu. Xác định huyệt vị trên cơ thể người và thực hiện kỹ thuật châm và kỹ thuật cứu.

- Bài 2: Hướng dẫn kỹ thuật điện châm trên lâm sàng: Thảo luận nhóm, sinh viên đóng vai bệnh nhân thực hành kỹ thuật điện châm. Xác định huyệt trên cơ thể người, thực hiện kỹ thuật châm, mắc máy điện châm.
- Bài 3: Hướng dẫn kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng: Thảo luận nhóm, sinh viên đóng vai bệnh nhân thực hành kỹ thuật lấy thuốc thủy châm, kỹ thuật thủy châm trên mô hình.

- Bài 4: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Phế, Đại trường: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Phế, kinh Đại trường.
- Bài 5: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Tâm, Tiểu trường
- Bài 6: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Vị, Tỳ: : Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Vị, Tỳ.
- Bài 7: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Can, Đởm: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Can, Đởm
- Bài 8: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Bàng quang, Thận: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Bàng quang, Thận.
- Bài 9: Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của kinh Tâm bào, Tam tiêu.
- Bài 9: Hướng dẫn xác định huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, huyệt ngoài kinh: Sinh viên thảo luận nhóm, một bạn làm mẫu để các bạn khác thực hành xác định huyệt vị của mạch Nhâm, Đốc và một số huyệt ngoài kinh thường dùng.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự lý thuyết trên lớp đạt tối thiểu 80%, số tiết tham dự lâm sàng phải đạt 100% số buổi theo quy định

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần châm cứu 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về đường kinh huyệt vị và cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu cơ bản.

- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến lịch sử ngành châm cứu Việt Nam và Thế giới, vai trò của châm cứu trong nền y học, cơ chế tác dụng của châm cứu. Giới thiệu các đường kinh huyệt vị trên cơ thể, kỹ thuật thực hiện các thủ thuật châm cứu cơ bản, các tai biến có thể xảy ra và cách phòng tránh, xử trí tai biến.
- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xác định đường kinh, huyệt vị trên thực tế lâm sàng, cách thức thực hiện các kỹ thuật châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chýõng mục với chuẩn ðầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương và lịch sử châm cứu ở Việt Nam và Thế giới. Tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu	04/0/05	- Trình bày được lịch sử châm cứu Việt Nam và thế giới - Trình bày được 1 số nghiên cứu về châm cứu ở Việt Nam và thế giới - Nắm được tác dụng và cơ chế tác dụng của châm cứu theo yhhd và yhct	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

2	Đại cương hệ kinh lạc, Đại cương huyệt vị	04/0/05	Trình bày được khái niệm hệ thống kinh lạc, tác dụng của hệ thống kinh lạc, đại cương huyệt vị, tác dụng của huyệt vị	CLO2,CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
3	Đường kinh: Phế, Đại trường, Vị, Tỳ	04/0/05	Trình bày được và phân tích: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyệt thường dung kinh Phế, Đại trường, Tỳ Vị	CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
4	Đường kinh: Tâm, Tiểu trường, Bàng Quang, Thận	04/0/05	Trình bày được và phân tích: Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyệt thường dung kinh Tâm, Tiểu trường, Bàng quang, Thận.	CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
5	Đường kinh: Tâm bào, Tam tiêu, Đởm, Can	04/0/05	Trình bày được và phân tích : Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyệt thường dùng kinh Tâm bào, Tam tiêu, Đởm, Can	CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
6	Đường kinh: Nhâm, Đốc, huyệt ngoài kinh	03/01/05	Trình bày được và phân tích : Đường đi, tác dụng điều trị chung, vị trí, tác dụng các huyệt thường dùng 2 mạch Nhâm, Đốc và một số huyệt ngoài đường kinh	CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
7	Kỹ thuật Châm, cứu; Phương pháp Bổ tả	03/0/05	- Trình bày được và phân tích chỉ định, chống chỉ định của	CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.	

	trong châm cứu		châm, cứu. - Thực hiện thành thạo kỹ thuật châm, cứu - Nắm được vấn đề đắc khí trong châm - Nắm được nguyên lý bổ tả trong châm - Nắm được các tai biến khi châm, cứu (triệu chứng, cách xử lý phòng và chống)		học, thuyết trình ngắn có minh họa	2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
8	Kỹ thuật Điện châm, Thủy châm, Giác hơi, Cấy chỉ, Mai hoa châm	04/0/05	- Trình bày được và phân tích chỉ định, chống chỉ định của điện châm, thủy châm, giác hơi, cấy chỉ, mai hoa châm. - Thực hiện thành thạo kỹ thuật điện châm, thủy châm, cấy chỉ, giác hơi, mai hoa châm - Trình bày được và phân tích các tai biến khi điện châm, thủy châm, giác hơi, cấy chỉ, mai hoa châm (triệu chứng, cách xử lý phòng và chống)	CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
9	Thi kiểm tra cuối học phần	0/02/0		CLO1,CLO2, CLO3,		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hướng dẫn kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	03/0/03	Thực hiện được kỹ thuật châm - cứu trên lâm sàng	*CLO5,CLO6*	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
2	Hướng dẫn kỹ thuật điện châm trên lâm sàng	03/0/03	Thực hiện được kỹ thuật sử dụng điện châm trên lâm sàng	CLO5, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
3	Hướng dẫn kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	03/0/03	Thực hiện được kỹ thuật thủy châm trên lâm sàng	CLO5, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
4	Hướng dẫn xác định	03/0/03	Xác định được	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân,	Lắng nghe	

	huyệt vị kinh Phế, Đại trường		huyệt vị kinh Phế, Đại trường trên cơ thể người		đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	thực hành, thảo luận nhóm	
5	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường	03/0/03	Xác định được huyệt vị kinh Tâm, tiểu trường trên cơ thể người	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
6	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Vị, Tỳ	03/0/04	Xác định được huyệt vị kinh Vị, Tỳ trên cơ thể người	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
7	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Can, Đởm	03/0/04	Xác định được huyệt vị kinh Can, Đởm trên cơ thể người	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
8	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Bàng quang, Thận	03/0/04	Xác định được huyệt vị kinh Bàng quang, Thận trên cơ thể người	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
9	Hướng dẫn xác định huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu	03/0/04	Xác định được huyệt vị kinh Tâm bào, Tam tiêu cơ thể người	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận nhóm	
10	Hướng dẫn xác định huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, huyệt ngoài	03/0/04	Xác định được huyệt vị mạch Nhâm, Đốc, Tân	CLO4, CLO6	Giảng trên bệnh nhân, đóng vai thực hành, thảo luận nhóm	Lắng nghe thực hành, thảo luận	

	kinh		huyệt cơ thể người			nhóm	
11	Làm BA thi	0/04/0		CLO4, CLO5, CLO6			Điểm thi LS
12	Thi LS trên bệnh nhân	0/04/0		CLO4, CLO5, CLO6			Điểm thi LS
13	Thi LS vấn đáp	0/04/0		CLO4, CLO5, CLO6			Điểm thi LS

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubic 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết	Điểm thường xuyên	50%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Trung bình Rubric theo bài

		Lâm sàng		50%	Rubric 2	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO4 CLO5 CLO6	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 70

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	20 %	14	4	4	4	0
CLO2	40 %	28	10	10	8	0
CLO3	40%	28	10	10	10	
Tổng	100%	70	24	24	22	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN CHÂM CỨU 2

Trình độ đào tạo: Bác sĩ chính quy, Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu 2

* Tiếng Anh: Acupuncture 2

- Mã học phần/ mô đun: TRAD4110

- Số tín chỉ: 2 LT/ 1 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 15 tiết (thi LT + thi LS)

+ Thời gian tự học: 75 tiết

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp, châm cứu 1

+ Học phần học trước (đã học): giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội khoa yhhd, thần kinh, cơ xương khớp

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
3	Ths.Bs Đỗ Thị Thanh Chung	0965756168	Châm cứu	Chungdothanh81@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	Ths.Bs. Phạm Thị Cẩm Yên	0912931204	Châm cứu	Camyentuetinh@gmail.com
6	ThS.Bs Nguyễn Hữu Khoa	0918672583	Châm cứu	Bsnguyenhuukhoa@gmail.com
7	Ths.Bs. Nguyễn Thị Mai Linh	0965355119	Châm cứu	Mailinh.m3@gmail.com
8	Ths.Bs Nguyễn Thế Anh	0357948386	Châm cứu	Theanh07vn@gmail.com
9	Ths.Bs. Huỳnh Thị Hồng Nhung	03891139322	Châm cứu	Chongchongtre264@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.
MT HP2	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
MT HP3	Thực hiện được kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng
MT HP4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
MT HP5	Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn trong việc thăm khám và điều trị cho người bệnh.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3	2	2				
MT HP4	2	2				
MT HP5					3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	**Nội dung CĐR HP (CLO)**
CLO1	Trình bày được các phương pháp chọn và phối hợp huyệt trong điều trị.
CLO2	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng.
CLO3	Có kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chẩn đoán các mặt bệnh thường gặp trên lâm sàng
CLO4	Ứng dụng được các phương pháp điều trị bằng Hào châm, cứu, điện châm, thủy châm trong điều trị các bệnh lý thường gặp.
CLO5	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và luôn phấn đấu học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
CLO 1	3			2													
CLO 2			1	2		2	2										
CLO 3	3		1	2	2												
CLO 4	3			3	3		3										
CLO 5														3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện lâm sàng liên kết tại Hà Nội:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Bệnh viện Châm cứu Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công An

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Kim châm cứu
2	Máy điện châm
3	Bơm tiêm 5ml, 10ml
4	Hộp đựng bông cồn
5	Khay chữ nhật, khay hạt đậu
6	Bông, cồn
7	Mồi ngải
8	Hộp chống sốc
9	Thuốc thủy châm
10	Dụng cụ giác hơi
11	Mô hình châm cứu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và đúng quy định

+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

+ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

+ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
+ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
+ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
* Lý thuyết:
- Bài 1: Phương pháp chọn và phối hợp huyệt: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo
- Bài 2: Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo
Thảo luận nhóm câu hỏi tình huống: Bệnh nhân nam 75 tuổi, Vào viện ngày 12/12/2012 vì lý do các chi của nửa người phải vận động khó khăn. Khai thác bệnh sử được biết: Bệnh nhân có tiền sử cao huyết áp, bị liệt nửa người 2 năm nay. Bệnh khởi phát đột ngột, tự nhiên cảm thấy chóng mặt đau đầu rồi ngã ra đất hôn mê, bệnh nhân được đưa đến bệnh viện Bạch Mai cấp cứu có chụp phim MRI và được chẩn đoán là xuất huyết não. Sau xử trí cấp cứu tại bệnh viện Bạch Mai, bệnh nhân đã đi điều trị nhiều nơi nhưng bệnh không thuyên giảm nhiều. Ngày 12/12/2012 bệnh nhân đến xin khám và điều trị tại khoa châm cứu bệnh viện Tuệ Tĩnh. Khi tiếp nhận bệnh nhân, khám thấy bệnh nhân tỉnh táo, tiếp xúc tốt, nói rõ, ăn uống không rơi vãi, chi trên co quắp, không duỗi ra được, các đầu chi trên và dưới đều tê bì, cơ lực kém, đi lại khó khăn, (chi trên liệt độ V, Chi dưới liệt độ III), người mệt mỏi, nửa người phải nặng nề, thi thoảng hoa mắt chóng mặt ù tai, mặt đỏ, ngủ kém, ăn ít hay buồn nôn. Chất
lưỡi đỏ, ít rêu, ở giữa có vết nứt. Mạch trầm huyền tế, mạch xích nhược.

Sinh viên sau khi thảo luận, trình bày chẩn đoán, pháp điều trị, phương huyệt điều trị bệnh nhân trên.
- Bài 3: Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai
Sinh viên thảo luận, trình bày chẩn đoán, pháp và phương huyệt điều trị bệnh nhân sau:
Bệnh nhân nữ 72 tuổi vào viện tháng 8 năm 2010 với lý do khớp gối bên trái đau, đi lại khó khăn nửa tháng nay.

Bệnh nhân kể: Bệnh nhân có tiền sử thoái hóa khớp gối 2 bên, đau âm ỉ liên tục khi đi lại vận động thì đau tăng. Cách vào viện 1 tuần bệnh nhân đột nhiên đau nhiều, lên xuống cầu thang khó, ngồi xổm đau tăng, đã đi điều trị ở phòng khám tư nhưng không đỡ nên xin vào viện điều trị.

Khám thấy: Ở mé ngoài khớp gối trái đau , đau kịch liệt cự án, hơi sưng nề. Gập duỗi khớp gối có tiếng lạo xạo, vận động đi lại có tiếng lục khục trong xương. Dấu hiệu bào gỗ dương tính, Bập bềnh xương bánh chè âm tính, dấu hiệu rút ngăn kéo âm tính. Người mệt mỏi, ăn ngủ kém, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng. mạch huyền tế sáp.

Chụp X quang kiểm tra thấy hình ảnh thoái hóa khớp gối trái, có gai xương và dày xương dưới sụn.

- Bài 4: Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay
Sinh viên thảo luận, trình bày chẩn đoán, pháp và phương huyệt điều trị bệnh nhân sau:

Bệnh nhân nam 60 tuổi, thợ xây. Sau vác đồ nặng đột nhiên xuất hiện đau vùng vai gáy lan xuống vùng bả vai, hôm sau ngủ dậy đau tăng, cơ vùng cổ co cứng, vận động quay cúi ngửa cổ khó khăn, ăn ngủ kém. lưỡi có điểm ứ huyết, mạch sáp

- Bài 5: Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to,đau lưng, đau dây V
Sinh viên thảo luận, trình bày chẩn đoán, pháp và phương huyệt điều trị bệnh nhân sau:

Bệnh nhân nữ 43 tuổi, sau đi mưa lạnh đột ngột xuất hiện đau vùng thắt lưng (T), đau nhiều cự án, vận động khó khăn, chườm ấm đỡ đau, sợ gió, lạnh, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn.

Khám thấy cơ vùng cột sống thắt lưng bên (T) co cứng; Xquang thấy hình ảnh thoái hóa , MRI cột sống TL chưa phát hiện dấu hiệu bất thường, Các xét nghiệm chức năng gan thận, công thức máu chỉ số trong giới hạn bình thường.
- Bài 6: Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống
Sinh viên thảo luận, trình bày chẩn đoán, pháp và phương huyệt điều trị bệnh nhân sau:

Bệnh nhân nữ 50 tuổi, đến khám ngày 27/3/2013 vào viện vì lý do bị mất ngủ 5 năm, cách vào viện 3 ngày tình trạng mất ngủ trầm trọng hơn. Qua hỏi bệnh thấy bệnh nhân 5 năm trước vì công việc phải lo lắng suy nghĩ nhiều mà dẫn đến mất ngủ, đã dùng thuốc ngủ tây y để điều trị nhưng chỉ được thời gian ngắn bệnh lại nặng hơn và phải đổi loại thuốc. Chất lượng giấc ngủ ngày một kém, mơ nhiều dễ tỉnh. Cách vào viện 3 ngày bệnh tình nghiêm trọng, đã uống thuốc ngủ tây y mà cả ngày không ngủ được, người mệt mỏi bồn trồn, nằm ngồi không yên, hay bực tức. Sắc mặt vàng úa ủ rũ, mệt mỏi vô lực, chất lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng nhờn, mạch trầm huyền.

Các xét nghiệm máu và chụp MRI sọ não không phát hiện bất thường.
- Bài 7: Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa: Sinh viên đọc tài liệu chính, tài liệu tham khảo
- Bài 8: Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu: Sinh viên đọc tài liệu chính, tài liệu tham khảo
* Lâm sàng:
- Bài 1: Ánh bệnh án bệnh nhân Viêm quanh khớp vai
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 2: Bình bệnh án bệnh nhân Đau lưng và Đau thần kinh hông to
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.

+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 3: Bình bệnh án bệnh nhân Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 4: Bình bệnh án Đau thần kinh liên sườn
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 5: Bình bệnh án bệnh nhân liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 6: Bình bệnh án bệnh nhân Liệt ½ người do TBMN
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 7: Bình bệnh án bệnh nhân Liệt VII ngoại biên
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 8: Bình bệnh án bệnh nhân Mất ngủ
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 9: Bình bệnh án bệnh nhân Thoái hóa khớp gối
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Bài 10: Bình bệnh án bệnh nhân Đau đầu
+ Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
+ Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự lý thuyết trên lớp đạt tối thiểu 80%, số tiết tham dự lâm sàng phải đạt 100% số buổi theo quy định

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần châm cứu 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền. Đây là một trong những học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chọn và phối hợp huyệt, sử dụng phương huyệt để điều trị một số mặt bệnh hay gặp trên thực tế lâm sàng.
- Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung liên quan đến phương pháp chọn và phối hợp huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du – Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt. Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể. Cung cấp cho sinh viên triệu chứng, cách chẩn đoán và điều trị bằng châm cứu các mặt bệnh thường gặp trên thực tế lâm sàng.
- Học phần lâm sàng rèn luyện cho sinh viên cách thức xây dựng công thức huyệt châm cứu theo đúng quy trình và quy định của Bộ Y tế. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi vấn đáp lâm sàng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành các kỹ thuật châm cứu trên thực tế lâm sàng, trên người bệnh trong các học phần tiếp theo.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phương pháp chọn và phối hợp huyệt	03/0/05	- Trình bày được phương pháp chọn và phối huyệt theo vị trí bệnh, nguyên nhân bệnh, triệu chứng bệnh, theo Nguyên - Lạc, Du –	*CLO1*	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			Mộ, Bát hội huyệt, Lục tổng huyệt, Ngũ du huyệt - Kê được đơn huyệt chữa 1 chứng bệnh cụ thể				
2	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài	04/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt 1/2 người do TBMN, Liệt VII ngoại biên, Liệt thần kinh hông khoeo ngoài và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
3	Châm cứu điều trị hội chứng liệt: Liệt thần kinh quay, trụ, giữa, Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai	04/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của Liệt thần kinh quay, trụ, giữa,	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			Thoái hóa khớp gối, Viêm quanh khớp vai và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị				
4	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay	04/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau vai gáy, đau TK liên sườn, hội chứng cổ vai tay và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
5	Châm cứu điều trị hội chứng đau: đau TK hông to,đau lưng, đau dây V	04/01/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau TK hông to,đau lưng, đau dây V và xây	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			dựng phân tích được phương huyệt điều trị				
6	Châm cứu điều trị các bệnh: Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống	04/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Mất ngủ, Tăng huyết áp, Vị quản thống và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
7	Châm cứu điều trị Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa	03/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của đau Bí đái, Thống kinh, Tắc tia sữa và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

8	Châm cứu điều trị Viêm cột sống dính khớp, đau đầu	04/0/05	- Trình bày được khái niệm, bệnh danh, nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán của bệnh Viêm cột sống dính khớp, đau đầu và xây dựng phân tích được phương huyệt điều trị	CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
9	Thi kết thúc học phần	0/2/0		CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bình bệnh án bệnh nhân Viêm quanh khớp vai	03/0/03	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị Viêm quanh khớp vai bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Bình bệnh án bệnh nhân Đau lưng và Đau thần kinh hông to	03/0/03	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau lưng và Đau thần kinh hông to bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
3	Bình bệnh án bệnh nhân Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay	03/0/03	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau cổ gáy và Hội chứng cổ vai tay bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
4	Bình bệnh án Đau	03/0/03	Phân tích, tổng hợp được	CLO2,	Dạy học bên	1.Tự học: như mục	

	thần kinh liên sườn		nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Đau thần kinh liên sườn bằng châm cứu	CLO3	giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
5	Bình bệnh án bệnh nhân liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa	03/0/03	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt dây thần kinh trụ, quay, giữa bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
6	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt ½ người do TBMN	03/0/04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt nửa người do TBMN bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
7	Bình bệnh án bệnh nhân Liệt VII ngoại biên	03/0/04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng chẩn đoán và điều trị của Liệt VII ngoại biên bằng châm cứu	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
8	Bình bệnh án bệnh nhân Mất ngủ	03/0/04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình	

			được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Tâm căn suy nhược		thảo luận nhóm	bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
9	Bình bệnh án bệnh nhân Thoái hóa khớp gối	03/0/04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
10	Bình bệnh án bệnh nhân Đau đầu	03/0/04	Phân tích, tổng hợp được nguyên nhân cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. Thực hiện được kỹ năng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị của bệnh Thoái hóa khớp gối	CLO2, CLO3	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
11	Làm BA thi	0/04/0		CLO3, CLO4, CLO5			Điểm thi LS
12	Thi LS trên bệnh nhân	0/04/0		CLO3, CLO4, CLO5			Điểm thi LS
13	Thi LS vấn đáp	0/04/0		CL03, CLO4, CLO5			Điểm thi LS

Ghi chú:

- *(3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubic 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	40 %	20	8	8	5	0
CLO2	60 %	30	12	12	5	0
Tổng	100%	50	20	20	10	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] *Giáo trình Châm cứu dành cho hệ Đại học* – Bộ môn Châm cứu, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] 2003. *Bài giảng YHCT* - Đại Học Y Hà Nội

[2] 2001. *Châm cứu chữa bệnh* – Bệnh viện châm cứu Trung ương

[3] 2005. *Châm cứu* - Đại Học Y Hà Nội

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

1.1 Tên học phần/mô đun:
- Tiếng Việt: Phương pháp điều trị không dùng thuốc
- Tiếng Anh: Non-drug treatments

1.2 Mã học phần/ mô đun: TRAD4109

1.3 Khối lượng:
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 15 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 75 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐						
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☑		- Thực tập nghề nghiệp - Chuyên môn tổng hợp và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	

1.4 Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): không
- Học phần học trước (đã học): Châm cứu 1
- Học phần song hành: không

1.5 Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp Bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh		
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 80 93	tunghuongvung@gmail.com
4	TS. Trương Anh Tuân	096 473 9616	truonganhtuanks@gmail.com
5	ThS. Trần Hồng Nhung	0353 819 123	hongnhungvatm@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Việt Anh	0888 903 100	
	ThS. Nguyễn Văn Lực	0917 844 699	
	ThS. Lê Đăng Trường	0984 739 379	
	ThS. Đào Anh Hoàng	0347 038 888	
	BSCK1. Phan Văn Chiến	0976 122 838	
	BSCK1. Chử Thị Ngọc Lan	0989 247 555	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này cần đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý và các thủ thuật xoa bóp cơ bản của phương pháp Xoa bóp bấm huyệt.
MT HP2	Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, mục đích, nội dung của phương pháp Dưỡng sinh và các động tác tập Dưỡng sinh của bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng
MT HP3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng trong điều trị các bệnh thường gặp bằng phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt.
MT HP4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc công việc của bản thân và của nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	2	2			2	2
MT HP2	2	2			2	2
MT HP3	3	3			3	3
MT HP4	2	2			2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng trong điều trị các bệnh thường gặp bằng phương pháp dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt.
CLO2	Thực hiện được các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản theo quy trình kỹ thuật chuyên ngành YHCT của Bộ Y tế

CLO3	Điều trị các bệnh thường gặp bằng phương pháp Dưỡng sinh và Xoa bóp bấm huyệt
CLO4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3		1		2	2								2			1
CLO 2				2			1							2			1
CLO 3			1	2	2									2			1
CLO 4														3			1

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic, Bảng – phấn

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện Tuệ Tĩnh – Bệnh viện Y cổ truyền Trung ương (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Bàn xoa bóp
2	Ga, gối y tế
3	Thảm tập dưỡng sinh
4	Ghế xoa bóp
5	Máy chiếu
6	Loa – micro

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập): Tuân thủ nội quy Học viện/ Bệnh viện/ Cơ sở thực tập

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần hai bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Làm bệnh án điều kiện

6.2.3. Tự học

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương Xoa bóp bấm huyệt: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi lượng giá

Câu 1: Anh/Chị hãy trình bày chỉ định – chống chỉ định của phương pháp Xoa bóp bấm huyệt?

Câu 2: Anh/Chị hãy trình bày những điều cần lưu ý khi xoa bóp bấm huyệt?

Câu 3: Lựa chọn đáp án đúng nhất

3.1 Phương pháp Xoa bóp bấm huyệt được phân thành những loại

A. Xoa bóp thẩm mỹ, xoa bóp chữa bệnh, xoa bóp trong chấn thương và thể dục thể thao, xoa bóp phục hồi sức khỏe và một số phương pháp xoa bóp khác: xoa bóp chân, tác động cột sống

B. Xoa bóp thẩm mỹ, xoa bóp chữa bệnh, xoa bóp phục hồi sức khỏe và một số phương pháp xoa bóp khác: xoa bóp chân, tác động cột sống

C. Xoa bóp thẩm mỹ, xoa bóp chữa bệnh, xoa bóp trong chấn thương và thể dục thể thao và một số phương pháp xoa bóp khác: xoa bóp chân, tác động cột sống

D. Xoa bóp chữa bệnh, xoa bóp trong chấn thương và thể dục thể thao, xoa bóp phục hồi sức khỏe và một số phương pháp xoa bóp khác: xoa bóp chân, tác động cột sống

3.2 Những nguyên tắc cơ bản của phương pháp Xoa bóp bấm huyệt

A. Điều chỉnh âm dương, điều chỉnh chức năng kinh lạc và khí huyết tạng phủ, phục hồi chức năng vận động của cân cơ xương khớp, củng cố phục hồi và tăng cường các hoạt động sống của cơ thể

B. Điều chỉnh chức năng kinh lạc và khí huyết tạng phủ, phục hồi chức năng vận động của cân cơ xương khớp, củng cố phục hồi và tăng cường các hoạt động sống của cơ thể

C. Điều chỉnh chức năng kinh lạc và khí huyết tạng phủ, phục hồi chức năng vận động của cân cơ xương khớp và tăng cường các hoạt động sống của cơ thể

D. Điều chỉnh âm dương, điều chỉnh chức năng kinh lạc và khí huyết tạng phủ, phục hồi chức năng vận động của cân cơ xương khớp

3.3 Phương pháp Xoa bóp bấm huyệt có tác dụng đối với cơ thể

A. Trên hệ thần kinh, tác động lên da, tác động lên gân cơ khớp, tác động trên hệ tuần hoàn, tác dụng đối với hô hấp tiêu hoá và quá trình trao đổi chất

B. Tác động lên da, lên gân cơ, lên khớp, lên huyệt

C. Trên hệ thần kinh, tác động trên hệ tuần hoàn, tác dụng đối với hô hấp tiêu hoá và quá trình trao đổi chất

D. Trên hệ thần kinh, tác động lên gân cơ khớp, tác động trên hệ tuần hoàn, tác dụng đối với hô hấp tiêu hoá

3.4 Xoa bóp không nên dùng trong trường hợp sau

A. Các bệnh ngoài da, tổn thương da

B. Các chứng liệt trẻ em, liệt người lớn

C. Thấp khớp hạn chế vận động: Viêm khớp dạng thấp, thấp khớp mạn

D. Suy nhược thần kinh: Đau đầu, mất ngủ kéo dài

Bài 2: Các thủ thuật Xoa bóp cơ bản: Đọc TLC và TLTK 2. Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi lượng giá
Lựa chọn đáp án đúng nhất

2.1 Các thủ thuật xoa bóp cơ bản tác động lên da, dưới da gồm

A. Xát, xoa , miết, véo, vỗ, phát

B. Phân, hợp, véo, vỗ, vờn, miết

C. Xoa, xát, miết, phân, hợp, đấm

D. Xoa , xát, miết, day, vỗ, vê

2.2 Các thủ thuật xoa bóp cơ bản tác động lên cơ gồm

A. Day, lăn, đấm, chặt, bóp, vờn

B. Xát, xoa , miết, véo, vỗ, phát

C. Ấn, day, lăn, bấm, vê, rung

D. Véo, vê, rung, xoay, ấn, bóp

2.3 Các thủ thuật XBBH tác động lên huyệt

A. Ấn, day, điểm, bấm

B. Ấn, miết, vê, day

C. Ấn, điểm, bấm, miết

D. Ấn, vê, bấm, đẩy

2.4 Các thủ thuật XBBH tác động lên khớp

A. Vận động khớp, vê, rung

B. Vận động khớp, vê, vờn

C. Vận động khớp, vờn, rung

D. Vận động khớp, xoay, vê

Bài 3: Đại cương Dưỡng sinh: Đọc TLC và TLTK 1, 3. Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi lượng giá

Lựa chọn đáp án đúng nhất

3.1 Định nghĩa luyện thở bốn thì có giơ chân và kê mông là

A. Thở bốn thì có giơ chân và kê mông là để luyện tổng hợp thần kinh, khí và huyết, trọng tâm là luyện thần kinh, chủ động về hưng phấn và ức chế nhằm mục đích ngủ tốt, đồng thời làm cho khí huyết lưu thông

B. Thở bốn thì có giơ chân và kê mông là để luyện tổng hợp thần kinh, khí và huyết

C. Thở bốn thì có giơ chân và kê mông là luyện thần kinh, chủ động về hưng phấn và ức chế nhằm mục đích ngủ tốt, đồng thời làm cho khí huyết lưu thông

D. Thở bốn thì có giơ chân và kê mông là để luyện tổng hợp thần kinh, khí và huyết, làm cho khí huyết lưu thông

3.2 Kỹ thuật luyện thở 4 thì

A. Thì 1: Hít vào ngực nở bụng phồng lên, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 2: Giữ hơi cố gắng hít thêm, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 3: Thở ra không kìm không thúc, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 4: Ngưng thở, thư giãn hoàn toàn, tự kỉ ám thị, thời gian = ¼ hơi thở

B. Thì 1: Hít sâu, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 2: Giữ hơi, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 3: Thở dài, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 4: Ngưng thở, thư giãn hoàn toàn, thời gian = ¼ hơi thở

C. Thì 1: Hít vào ngực nở bụng phồng lên, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 2: Giữ hơi đóng nắp thanh quản, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 3: Thở ra ép bụng lại, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 4: Ngưng thở, thư giãn hoàn toàn, tự kỉ ám thị, thời gian = ¼ hơi thở

D. Thì 1: Hít vào tối đa, thời gian = ¼ hơi thở
Thì 2: Giữ hơi đóng nắp thanh quản, thời gian = ¼ hơi thở

Thì 3: Thở ra không kìm không thúc, thời gian = ¼ hơi thở

Thì 4: Ngưng thở, thư giãn hoàn toàn, tự kỉ ám thị, thời gian = ¼ hơi thở

Bài 4: Phương pháp tập Dưỡng sinh bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng: Đọc TLC và TLTK 1, 3.

Bài 5: Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng đau đầu, đau vai gáy, Viêm quanh khớp vai, liệt VII ngoại biên: Đọc TLC và TLTK 3,4.

Bài 6: Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng đau lưng, đau thần kinh tọa, liệt ½ người do tai biến mạch máu não, liệt do di chứng viêm não: Đọc TLC và TLTK 3,4.

Bài 7: Ứng dụng dưỡng sinh điều trị suy nhược thần kinh, tăng huyết áp, mất ngủ, hội chứng dạ dày tá tràng: Đọc TLC và TLTK 3,4.

Bài 8: Ứng dụng dưỡng sinh điều trị thoái hóa khớp, viêm khớp dạng thấp, hen phế quản mạn, viêm phế quản mạn tính: Đọc TLC và TLTK 3,4.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án YHCT: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa YHHĐ, giới thiệu cách làm bệnh án Nội khoa YHCT.

Bài 2: Bình bệnh án Đau thần kinh tọa theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án Liệt ½ người do tai biến mạch máu não theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án Hội chứng cánh tay cổ theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 5: Bình bệnh án Viêm quanh khớp vai theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 6: Bình bệnh án Liệt VII ngoại biên theo YHCT:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyệt da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đặt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT /KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học/tự học của SV Cop lão	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương PP XBBH 1.1. Sơ lược nguồn gốc lịch sử XBBH 1.2. Định nghĩa 1.3 Chỉ định – chống chỉ định	03/0/01	Phân tích được định nghĩa, tác dụng, chỉ định – chống chỉ định và những điều lưu ý	CLO1	PP thuyết trình truyền thống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

	1.4. Tác dụng 1.5. Những điều cần lưu ý khi XBBH		khi XBBH				
2	Bài 2: Các thủ thuật xoa bóp cơ bản 2.1. Các thủ thuật tđ lên da, dưới da 2.2. Các thủ thuật tđ lên cơ 2.3. Các thủ thuật tđ lên khớp 2.4. Các thủ thuật tđ lên huyệt	04/0/01	Phân tích được cách làm, vị trí làm và tác dụng của các thủ thuật xoa bóp cơ bản	CLO2	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3	Bài 3: Đại cương về PP Dưỡng sinh 3.1. Nguồn gốc, lịch sử phát triển 3.2. Định nghĩa 3.3. Nội dung 3.4. Mục đích 3.5. Cơ sở khoa học	03/0/01	Phân tích được định nghĩa, nội dung, mục đích Và phân tích cơ sở khoa học của PPDS	CLO1	PP thuyết trình truyền thống	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4	Bài 4: Phương pháp tập dưỡng sinh bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng 4.1. Giới thiệu 4.2. Tầng 1 luyện thư giãn 4.3. Tầng 2 luyện thở 4 thì 4.4. Các động tác chống xơ cứng	04/0/01	Phân tích được cách làm, tác dụng và ứng dụng lâm sàng của các động tác tập DS	CLO2	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
5	Bài 5: Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng đau đầu, đau vai gáy, Viêm quanh khớp vai, liệt VII ngoại biên 5.1. YHHĐ 5.2. YHCT 5.3. ứng dụng xoa bóp bấm huyệt	04/0/01	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng chứng đau đầu, đau vai gáy, Viêm quanh khớp vai, liệt VII ngoại biên = xoa	CLO3 CLO4	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

	trong điều trị		bóp bấm huyệt				
6	Bài 6: Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng đau lưng, đau thần kinh tọa, liệt ½ người do tai biến mạch máu não, liệt do di chứng viêm não 6.1. Đau lưng 6.1.1YHHĐ 6.1.2. YHCT 6.1.3. ứng dụng XBBH trong điều trị 6.2. Đau thần kinh tọa 6.3. Liệt ½ người do tai biến mạch máu não 6.4. Liệt do di chứng viêm não	04/0/01	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng chứng đau lưng, đau thần kinh tọa, liệt ½ người do tai biến mạch máu não, liệt do di chứng viêm não bằng xoa bóp bấm huyệt	CLO3 CLO4	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
7	Bài 7: Ứng dụng dưỡng sinh điều trị suy nhược thần kinh, tăng huyết áp, mất ngủ, hội chứng dạ dày tá tràng 7.1. Suy nhược thần kinh 7.1.1YHHĐ 7.1.2. YHCT 7.1.3. ứng dụng XBBH trong điều trị 7.2. Tăng huyết áp 7.3. Mất ngủ	04/0/01	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được suy nhược thần kinh, tăng huyết áp, mất ngủ, hội chứng dạ dày tá tràng bằng Dưỡng sinh	CLO3 CLO4	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

	7.4. Hội chứng dạ dày – tá tràng						
8	Bài 8: Ứng dụng dưỡng sinh điều trị thoái hóa khớp, viêm khớp dạng thấp, hen phế quản mạn, viêm phế quản mạn tính 8.1. Thoái hóa khớp 8.1.1YHHĐ 8.1.2. YHCT 8.1.3. ứng dụng XBBH trong điều trị 8.2. Viêm khớp dạng thấp 8.3. Hen PQ mạn 8.4. Viêm PQ mạn	04/0/01	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được thoái hóa khớp, viêm khớp dạng thấp, hen phế quản mạn, viêm phế quản mạn tính bằng Dưỡng sinh	CLO3 CLO4	PP thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp bằng Dưỡng sinh và xoa bóp bấm huyệt	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi kết thúc học phần

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.3.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Các thủ thuật xoa bóp cơ bản 1.1. Các thủ thuật tđ lên da, dưới da 1.2. Các thủ thuật tđ lên cơ	02/0/02	Thực hành thành thạo các thủ thuật tđ lên da, dưới da, cơ	*CLO 2*	Bàn xoa bóp, ga gối, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
2	Các thủ thuật xoa bóp cơ bản 1.1. Các thủ thuật tđ lên huyệt 1.2. Các thủ thuật tđ lên khớp	02/0/03	Thực hành thành thạo các thủ thuật tđ lên huyệt, khớp	*CLO 2*	Bàn xoa bóp, ga gối, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
3	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh: 1. Đau đầu 2. Đau cổ gáy 3. Viêm quanh khớp vai	02/0/04	Thực hành thành thạo xoa bóp điều trị các bệnh	*CLO 2* *CLO 3*	Bàn xoa bóp, ga gối, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
4	Xoa bóp bấm huyệt	02/0/04	Thực hành	*CLO 2*	Bàn xoa	Phương pháp thao	Quan sát thao tác	Điểm

	điều trị bệnh: 1. Đau lưng 2. Đau thần kinh tọa		thành thạo xoa bóp điều trị các bệnh	*CLO 3*	bóp, ga gối, máy chiếu	tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	thường xuyên
5	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh: 1. Liệt VII ngoại biên 2. Liệt ½ người do đột quỵ 3. Liệt do di chứng viêm não	02/0/04	Thực hành thành thạo xoa bóp điều trị các bệnh	*CLO 2* *CLO 3*	Bàn xoa bóp, ga gối, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
6	Các động tác chống xơ cứng 1. Tầng 1 luyện thư giãn 2. Luyện thở 4 thì có kê mông và giơ chân 3. Tầng 3	02/0/04	Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng	*CLO 2* *CLO 3*	Thảm xoa bóp, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
7	Các động tác chống xơ cứng 1. Tầng 4 tư thế ngồi hoa sen	02/0/04	Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng	*CLO 2* *CLO 3*	Thảm xoa bóp, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
8	Các động tác chống xơ cứng 1. Tầng 5 tư thế ngồi	02/0/04	Thực hành thành thạo các động tác chống	*CLO 2* *CLO 3*	Thảm xoa bóp, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng	Điểm thường xuyên

	không hoa sen		xơ cứng			trên bệnh nhân giả định	kiểm	
9	Các động tác chống xơ cứng 1. Tầng 6 Tư thế ngồi thõng chân bên giường	02/0/04	Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng	*CLO 2* *CLO 3*	Thảm xoa bóp, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
10	Các động tác chống xơ cứng 1. Tầng 7 Tư thế đứng	02/0/04	Thực hành thành thạo các động tác chống xơ cứng	*CLO 2* *CLO 3*	Thảm xoa bóp, máy chiếu	Phương pháp thao tác mẫu theo bảng kiểm và thực hành trên bệnh nhân giả định	Quan sát thao tác mẫu và thực hành lại theo bảng kiểm	Điểm thường xuyên
11	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP. 2.Hướng dẫn làm bệnh án YHCT	01/0/0	Viết được hồ sơ bệnh án YHCT	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
12	Lâm sàng Ứng dụng Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt ½ người do Tai biến mạch máu não/ liệt VII ngoại biên/ Tăng huyết áp	02/0/06	1. Khám, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho BN TBMMN 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

13	Lâm sàng Ứng dụng Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	02/0/06	1. Khám, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho BN đau thần kinh tọa 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
14	Lâm sàng Ứng dụng Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau cổ gáy	02/0/06	1. Khám, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho BN TBMMN 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
15	Lâm sàng Ứng dụng Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	02/0/06	1. Khám, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho BN TBMMN 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

16	Lâm sàng Ứng dụng Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt VII ngoại biên	01/0/06	1. Khám, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho BN liệt VII 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4	Máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
17	Làm Bệnh án thi	0/4/0		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4			Điểm thi LS	Làm Bệnh án thi
18	Thi thực hành trên Bệnh nhân	0/4/0		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4			Điểm thi LS	Thi thực hành trên Bệnh nhân
19	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4			Điểm thi LS	Thi vấn đáp

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO2 CLO3	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO3 CLO4	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	30 %	15	8	8	5	0
CLO2	30 %	15	12	12	5	0
CLO3	40 %	20				
Tổng	100%	50	20	20	10	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Khí công Dưỡng sinh Xoa bóp Bấm huyệt – Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam(2025), tài liệu dạy học Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. **Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng**, *Phương pháp Dưỡng sinh*, Nhà Xuất bản Y học.

2. Đại học Y Hà Nội, *Xoa bóp bấm huyệt*, Nhà Xuất bản Y học.

3. GS.BS Hoàng Bảo Châu, *Khí Công*, Nhà Xuất bản Y học.

4. Trần Quang Đạt, Trần Thái Hà (2022). *Điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp, khí công dưỡng sinh*. Nhà xuất bản Y học.

5. Trần Thái Hà, Trần Quang Đạt (2022). *Châm cứu xoa bóp dưỡng sinh chữa và phòng một số chứng bệnh mạn tính ở người cao tuổi*. Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN PHƯƠNG TỄ 1

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phương tễ 1

* Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine 1

- Mã học phần/ mô đun: TRAD4106
- Số tín chỉ: 3,0 LT/0,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 00 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết (thi LT)
  + Thời gian tự học: 103 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Y lý, Đông dược.
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tễ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Phương tễ	Thuvan1972@gmail.com
2	Ths Phạm Quốc Sự	0936881065	Phương tễ	suhocvien@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thùy Dương	0383170825	Phương tễ	thuyduongyhct@gmail.com
4	Ths Quách Thị Diễm Hằng	0983149167	Phương tễ	Drhang.hvydhct@gmail.com
5	Ths Nguyễn Thị Trang	0947945836	Phương tễ	Bstrang16488@gmail.com
6	Ths Bùi Phương Mai	0335236662	Phương tễ	Bsbuiphuongmai@gmail.com
7	Ths Trần Thị Thúy Phương	0986646006	Phương tễ	Tranphuong1128@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT, cách xây dựng một phương thuốc. Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc.
MT HP2	Biện chứng, lựa chọn được bài thuốc và vận dụng gia giảm được các phương thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể để điều trị một số chứng bệnh
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm. Tự chịu trách nhiệm và nhận thức tầm quan trọng của công việc kê đơn trong điều trị và chăm sóc sức khỏe của người bệnh

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được kết cấu của các bài thuốc YHCT và các cách để xây dựng được một bài thuốc.
CLO2	Biện luận, phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị, ý nghĩa phối ngũ của vị thuốc trong các phương thuốc.
CLO3	Biện chứng và xây dựng được phương thuốc YHCT để phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng
CLO4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.
CLO5	Ý thức và chịu trách nhiệm trong việc kê đơn thuốc để điều trị trong từng tình huống lâm sàng cụ thể.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3			3	1												
CLO 2	3			3	1												
CLO 3	3			3	1												
CLO 4														3			
CLO 5												3			3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: môn học chưa có lâm sàng.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết:

Bài 1: Đại cương về Phương tễ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 2: Đại cương về Phương tễ 2 và cách kê đơn thuốc theo YHCT: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 3: Phương thuốc giải biểu 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 76 tuổi đến khám bệnh với biểu hiện: mắc bệnh gần 1 tuần nay, đau đầu, tự ra mồ hôi, người cảm giác sốt, sợ gió, chảy nước mũi trong, miệng không khát, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoãn. Bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên là:……
Đ	{Quế chi thang}

H	Bệnh nhân nữ 12 tuổi, buổi chiều bắt đầu xuất hiện cảm giác hơi sợ lạnh, đau đầu, toàn thân không thoải mái, tối ăn ít, sau đó xuất hiện sốt 39 độ, đau đầu tăng lên, không mồ hôi, đau họng, ho nghẹt mũi ít, đầu lưỡi đỏ, rêu trắng mỏng, mạch nhu sác. Bài thuốc cổ phương thích hợp với các chứng trạng trên là:……

Đ	{Ngân kiều tán}

Bài 4: Phương thuốc giải biểu 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 30 tuổi, sau khi bị gió lạnh đột ngột xuất hiện triệu chứng sợ gió lạnh, sốt nhẹ, không có mồ hôi, đau đầu, đau mình mẩy, ho, mạch phù khẩn. Phương thuốc thích hợp với các chứng trạng trên là:……..
Đ	{Ma hoàng thang}
H	Bệnh nhân nữ 35 tuổi đến khám với biểu hiện: phù mặt nhẹ, phù mi mắt, sốt, sợ gió, ra mồ hôi nhiều, miệng không khát, tiểu không thông lợi, mạch phù. Phương thuốc cổ phương thích hợp với các chứng trạng trên là:
Đ	{Việt tỳ thang}

Bài 5: Phương thuốc thanh nhiệt 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 43 tuổi biểu hiện người tráng nhiệt, mặt đỏ, phiền khát, uống nhiều, ra mồ hôi, sợ nóng, mạch hồng đại hữu lực. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị chứng trạng này là:_____
Đ	{Bạch hổ thang}

H	Bệnh nhân sau khi bị bệnh nhiệt, người nóng, nhiều mồ hôi, tâm phiền, ngực bực bội khó chịu, khí nghịch muốn nôn, miệng khô muốn uống, hư phiền không ngủ, mạch hư sác, lưỡi đỏ. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị là:_____
Đ	{Trúc diệp thạch cao thang}

Bài 6: Phương thuốc thanh nhiệt 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Chứng nhiệt tà đã chuyển vào phần dinh, thân nhiệt cao về đêm, thần phiền ít ngủ, có lúc nói sảng, mắt thích mở hoặc thích nhắm, khát hoặc không, có ban chẩn lờ mờ, mạch tế sác, lưỡi đỏ sẫm, khô. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị là:_____
Đ	{Thanh dinh thang}

H	Phương thuốc cổ phương thích hợp thường dùng để trị chứng tam tiêu nhiệt thịnh biểu hiện sốt cao bứt rứt, miệng táo họng khô, nói nhảm, mất ngủ, thấp nhiệt hoàng đản, tiểu tiện vàng đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch sác có lực là:_____
Đ	{Hoàng liên giải độc thang}

Bài 7: Phương thuốc hòa giải: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 30 tuổi, công việc căng thẳng, áp lực. Vài tháng nay bệnh nhân thấy đau vùng hạ sườn phải, lúc sốt lúc rét, ăn kém, mệt mỏi, người gầy, sôi bụng, đại tiện lỏng. Kinh nguyệt không đều, bầu vú căng trướng, rêu trắng mỏng, mạch huyền hư. Phương thuốc cổ phương phù hợp nhất với chứng trạng trên là:_____.
Đ	{Tiêu dao tán}

Bài 8: Phương thuốc trừ hàn: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 9: Phương thuốc trừ phong: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 36 tuổi vào viện với biểu hiện triệu chứng đau đầu nhiều, đau có tính chất co rút, cảm giác sợ gió, sốt ớn lạnh, mũi tắc, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn. Chọn bài thuốc Xuyên khung trà điều tán hay Khương hoạt thắng thấp thang phù hợp với chứng trạng trên
Đ	{Xuyên khung trà điều tán}

H	Bệnh nhân nam 64 tuổi, có tiền sử tăng huyết áp 6 năm, thường thấy hoa mắt chóng mặt, đau đầu. Những ngày gần đây vì căng thẳng mà thấy hoa mắt chóng mặt, đau đầu nhiều hơn, hoa mắt, ù tai, mặt đỏ, lưỡi đỏ ít rêu, mạch huyền. Chọn bài thuốc Thiên ma câu đằng ẩm hay Bán hạ bạch truật thiên ma thang phù hợp với chứng trạng trên
Đ	{Thiên ma câu đằng ẩm}

Bài 10: Phương thuốc bổ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 34 tuổi, mắc bệnh gần hai năm nay, đến khám bệnh với biểu hiện sắc mặt vàng kém nhuận, người mệt mỏi, hồi hộp đánh trống ngực, hay quên, ngủ ít hay mơ, ăn kém, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi hồng nhạt, mạch tế nhược. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Quy tỳ thang}

H	Bệnh nhân nam 32 tuổi, hay đi ngoài nát gần 3 năm nay, sôi bụng thì đi ngoài, đại tiện 3-5 lần/ ngày, ăn uống kém, vùng ngực, thượng vị hay bĩ mãn khó chịu. Tứ chi vô lực , hình thể gầy, sắc mặt vàng kém nhuận, lưỡi nhạt, rêu trắng bẩn, mạch hư hoãn. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Sâm linh bạch truật tán}

Bài 11: Phương thuốc bổ 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân có biểu hiện người nóng, ngũ tâm phiền nhiệt, lưng gối mỏi yếu, hoa mắt chóng mặt, nóng nhức trong xương, đạo hãn, tiểu vàng sẻn, lưỡi khô, ít rêu, mạch trầm tế sác chọn dùng bài thuốc cổ phương nào phù hợp nhất với chứng trạng trên:
Đ	{Lục vị địa hoàng hoàn}

H	Bệnh nhân nam 72 tuổi bị bệnh hơn bốn năm nay. Thể trạng trung bình, lưng đau, gối mỏi, ù tai, người lạnh, chân tay lạnh, thỉnh thoảng đau bụng lạnh, chườm nóng đỡ đau. Đại tiện phân lỏng, đi vào buổi sáng sớm. Tiểu đêm nhiều lần, nước tiểu trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chất lưỡi bệu, sắc lưỡi nhạt, mạch trầm tế. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất với chứng trạng trên:
Đ	{Thận khí hoàn}

Bài 12: Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	***Bệnh nhân nữ 53 tuổi, 1 tuần nay ho nhiều đến khám. Qua tứ chẩn thấy các chứng trạng: ho nhiều đờm*** vàng đặc, thở suyễn, người sốt gai rét, sợ gió, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch hoạt sác, thể

	trạng béo. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Định suyễn thang}

H	***Bệnh nhân nữ 20 tuổi, bị bệnh 1 tuần nay, biểu hiện ho, có ít đờm trắng, ngứa họng, sốt gai rét, sợ*** gió, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoãn. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Chỉ thấu tán}

Bài 13: Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 2 và Phương thuốc trừ phong thấp: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	***Bệnh nhân nam 67 tuổi, ho lâu ngày, vào viện biểu hiện triệu chứng: Ho nhiều, miệng họng*** khô táo, có lúc khạc ra đờm lẫn máu, n***gười gầy, da khô,*** chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi ít, mạch tế sác. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Thanh táo cứu phế thang}

H	***Bệnh nhân nữ 60 tuổi, giáo viên về hưu, khó thở ra, bệnh lâu ngày. Tinh thần mệt mỏi, ho, suyễn thở, đoản*** hơi, thở yếu, tiếng nói nhỏ, ngại nói, tự hãn, sắc lưỡi nhạt, mạch hư nhược. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Bổ phế thang}

H	***Bệnh nhân nữ 46 tuổi,*** khớp cổ tay sưng nóng đỏ đau, tái phát từng đợt. Người nóng, chóng mặt, buồn nôn, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi ánh vàng, mạch nhu sác. Lựa chọn phương Quế chi thược dược tri mẫu thang hay Độc hoạt ký sinh thang sẽ phù hợp khi điều trị bệnh nhân trên?_____
Đ	{Quế chi thược dược tri mẫu thang}

Bài 14: Phương thuốc khư thấp 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 45 tuổi, nghề nghiệp nông dân, vào viện được chẩn đoán y học cổ truyền chứng hoàng đản, biểu hiện các triệu chứng như da, mặt và mắt đều vàng, sắc vàng tươi, tiểu tiện đỏ ngắn, bụng hơi đầy, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch hoạt sác. Chọn bài thuốc cổ phương nào phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Nhân trần cao thang}

H	Bệnh nhân nam 44 tuổi có tiền sử hay uống rượu. Khoảng 7 ngày nay xuất hiện người mệt, ăn kém. Người nóng, bứt rứt khó chịu, mắt và thân thể vàng tươi. Tiểu tiện vàng, đại tiện nát. Rêu lưỡi vàng dày, nhớt dính. Mạch hoạt sác. Chẩn đoán Y học cổ truyền thuộc chứng dương hoàng. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc nào là phù hợp:
Đ	{Nhân trần cao thang}

Bài 15: Phương thuốc khư thấp 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 53 tuổi, làm nghề sông nước, có biểu hiện triệu chứng hai đầu gối sưng nóng đau nhức, 2 chi dưới lúc đầu tê bì, nặng nề, mỏi; sau tăng dần vô lực. Kèm theo vùng hạ bộ

	sưng đau, tiểu tiện vàng ít, đại tiện nát khó đi. Rêu luỡi vàng dính; mạch hoạt sác. Khi điều trị chọn dùng bài thuốc cổ phương Quyên tý thang hay Nhị diệu tán phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Nhị diệu tán}

H	Bệnh nhân nam 28 tuổi, sau khi ăn khuya về gặp gió lạnh, biểu hiện các triệu chứng như ăn uống không tiêu, đại tiện phân lỏng, đau bụng, sôi bụng, ố hàn, phát sốt, đau đầu, chân tay nhức mỏi. Rêu lưỡi trắng, dính nhớt. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc cổ phương nào là phù hợp nhất?
Đ	{Hoắc hương chính khí tán}

Bài 16: Phương thuốc lý huyết: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 63 tuổi, khoảng 2 năm gần đây thấy đau nhiều vùng ngực trái, đau như kim châm và có điểm đau cố định, ngủ không yên, dễ cáu gắt, môi tím tối, 2 mắt thâm quầng, rìa lưỡi có điểm ứ huyết, mạch sáp. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất với chứng trạng trên
Đ	{Huyết phủ trục ứ thang}

H	Bệnh nhân vùng ngực đau nhói, điểm đau cố định, đau lâu không khỏi, tâm quý, mất ngủ, rìa lưỡi có điểm ứ huyết, mạch sáp. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc nào sau đây phù hợp nhất: Huyết phủ trục ứ thang hay Đào nhân thừa khí thang
Đ	{Huyết phủ trục ứ thang}

Bài 17: Phương thuốc lý khí: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi, thường xuyên cảm thấy trong họng như có vật vướng, nuốt không xuống mà khạc không ra, ngực sườn đầy tức đau, nặng ngực hơi khó thở, cảm giác buồn nôn. Rêu lưỡi trắng, mạch huyền hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bán hạ hậu phác thang}

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi, hay bị đau vùng bụng dưới rốn, đau thiện án, chườm ấm thì đỡ đau, cảm giác đau buốt lan đến bộ phận sinh dục, chân tay lạnh, đi ngoài phân thường lỏng nát. Đau bụng kinh nhiều, kinh nguyệt ra có nhiều máu cục, lượng ít. Lưỡi tím có điểm ứ huyết, rêu lưỡi trắng. Mạch tế, trì vô lực. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Noãn can tiễn}

Bài 18: Phương thuốc an thần và phương thuốc cố sáp: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 48 tuổi, mất ngủ hơn nửa năm nay, hư phiền, người mệt mỏi, hồi hộp trống ngực, di mộng tinh, hay quên, lòng bàn chân bàn tay nóng, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Thiên vương bổ tâm đan}

H	Bệnh nhân nữ 33 tuổi, mất ngủ, hình thể gầy, sắc mặt không tươi nhuận, ăn kém, người mệt mỏi, hồi hộp trống ngực. Mạch tế nhược. Khi lựa chọn dùng phương thuốc Bổ tâm tỳ an thần

	hoàn hay Bá tử dưỡng tâm hoàn phù hợp hơn?
Đ	{Bổ tâm tỳ an thần hoàn}

Bài 19: Phương thuốc tả hạ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 20: Phương thuốc tả hạ 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 21: Phương thuốc tiêu đạo và phương thuốc khai khiếu: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 35 tuổi, thường xuyên có thói quen thích ăn những đồ ăn chiên xào, rán, thích ăn thịt mỡ. Dạo gần đây, bệnh nhân thường xuyên thấy đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, lợm giọng buồn nôn, đi ngoài phân lỏng nát. Rêu lưỡi cáu dày. Mạch hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bảo hòa hoàn}

Bài 22: Phương thuốc trừ đàm 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi có các chứng ho khạc, đờm nhiều trắng, dễ khạc, ngực hoành bĩ tắc khó chịu buồn nôn, nôn, chân tay mệt mỏi, đầu váng tim động, rêu lưỡi trắng nhuận, mạch hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Nhị trần thang}

H	Bệnh nhân nữ 64 tuổi đến khám với biểu hiện: mắc bệnh gần 1 tháng, người và tay chân mệt mỏi, ho khạc đờm nhiều, đờm trắng loãng dễ khạc, buồn nôn, ngực hoành đầy tức khó chịu, rêu lưỡi trắng nhớt, mạch hoạt. Bài thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Nhị trần thang}

Bài 23: Phương thuốc trừ đàm 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 44 tuổi, tâm phiền mất ngủ nhiều năm nay, hay mơ, dễ tỉnh giấc, tim đập không yên kèm theo hoa mắt, nôn nấc, rêu lưỡi trắng bẩn, mạch huyền hoạt, đã từng uống Toan táo nhân thang nhưng không đỡ. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Ôn đởm thang}

H	**Bệnh nhân nữ 38 tuổi, người gầy, da khô, ho kéo dài nhiều tháng, chủ yếu ho khan**, ít đờm, trong đờm có lẫn máu, đạo hãn, gò má đỏ. Sắc lưỡi hồng, ít rêu. Mạch tế sác. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bách hợp cố kim thang}

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Phương tễ học là một chuyên ngành của y học cổ truyền, nghiên cứu về các bài thuốc và cách phối hợp các vị thuốc để điều trị bệnh. Phương tễ học bao gồm các cách lập phương dựa trên biện chứng luận trị, căn cứ theo công năng chủ trị của bài thuốc có thể gia giảm cho phù hợp với chứng trạng của từng người bệnh. Phương tễ học đóng vai trò quan trọng giúp các thày thuốc lựa chọn và điều chỉnh các bài thuốc phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm tác dụng phụ. Mỗi bài thuốc cổ phương được hình thành là cả quá trình nghiên cứu về y lý, biện chứng, dược lý được kế thừa và tích lũy trong điều trị thực tiễn trên lâm sàng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (KT/LT /Tự học)**	**Chuẩn đầu ra của bài học (Chương) /Chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (Ở cột 3 theo bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Đại cương về phương tễ 1** I. Mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu 1. Trị vị bệnh 2. Tiêu và bản 3. Lập pháp chế phương - Pháp bổ và pháp tả - Chính trị và phản trị - Tắc nhân tắc dụng - Thông nhân thông dụng 4. Nhân thời, nhân địa, nhân tri thi trị 5. Tính năng của thuốc 6. Chế ước và thích nghi II. Phương tễ	4/0/9	-Lý giải được mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu - Phân tích được kết cấu của các bài thuốc YHCT và các cách để xây dựng được một bài thuốc.	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Theo Rubric

	và phối ngũ 1.Kết cấu phương tễ 2.Loại hình phối ngũ III. Liều lượng các vị thuốc trong phương tễ						
2	**Đại cương về phương tễ 2** IV. Sự biến hóa của một phương thuốc 1. Tăng hay giảm các vị thuốc trong phương thuốc (tạo thành phương thuốc mới) 2. Thay đổi các vị thuốc phối ngũ trong phương thuốc 3. Thay đổi liều lượng của các vị thuốc trong phương thuốc 4. Thay đổi dạng bào chế V. Các loại hình phương tễ 1.Lập phương theo	4/0/10	-Phân tích được mối quan hệ giữa phương tễ và các phương pháp trị liệu - Phân tích được kết cấu của các bài thuốc YHCT và các cách để xây dựng được một bài thuốc.	CLO1	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Theo Rubric

	dược vị a. Đại phương b. Tiểu phương c. Hoãn phương d. Cấp phương e. Kỳ phương f. Ngẫu phương g. Phức phương 2. Lập phương theo tác dụng của dược liệu a. Tuyên tễ b. Thông tễ c. Tả tễ, tiết tễ d. Bổ tễ e. Trọng tễ f. Kinh tễ g. Hoạt tễ h. Sáp tễ i. Táo tễ k. Thấp tễ						
3	**Cách kê phương thuốc YHCT:** I. Kê phương thuốc theo lý	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả	Theo Rubric

	luận YHCT 1. Kê phương thuốc theo cổ phương gia giảm 2. Kê phương theo đối pháp lập phương II. Kê phương thuốc theo nghiệm phương III. Kê phương thuốc theo toa căn bản 1. Điều hoà cơ thể a. Loại thực chứng: b. Loại hư chứng: 2. Tấn công bệnh		nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		có minh họa	lời câu hỏi	
4	**Phương thuốc giải biểu 1** I. Đại cương về thuốc giải biểu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc tân ôn giải biểu 1. Đại cươn	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	g 2. Ma hoàng thang 3. Quế chi thang 4. Đại thanh long thang 5. Tiểu thanh long thang 6. Cát căn thang III. Phương thuốc tân lương giải biểu 1. Đại cương 2. Tang cúc ẩm 3. Ngân kiều tán 4. Ma hạnh thạch cam thang 5. Việt tỳ thang 6. Giải cơ thang		thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.				
5	**Phương thuốc giải biểu 2** IV. Phương thuốc phù chính giải biểu 1. Đại cương	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá,	Theo Rubric

	2. Phương thuốc tư âm giải biểu a. Thông bạch thất vị ẩm 3. Phương thuốc trợ dương giải biểu a. Ma hoàng phụ tử tế tân thang 4. Phương thuốc ích khí giải biểu a. Bại độc tán b. Sâm tô tán		trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		huống.	thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
6	**Phương thuốc thanh nhiệt 1** III. Đại cương về thuốc Thanh nhiệt 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý IV. Thuốc Thanh nhiệt phần khí 1. Đại cương 2. Bạch hổ thang	4/0/10	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	3. Trúc diệp thạch cao thang III. Thanh dinh lương huyết 1. Đại cương 2. Thanh dinh thang 3. Tê giác địa hoàng thang IV. Phương thuốc thanh nhiệt giải độc 1. Đại cương 2. Hoàng liên giải độc thang 3. Tả tâm thang V. Phương thuốc thanh nhiệt tạng phủ 1. Thuốc Thanh nhiệt ở Tâm a. Đạo xích tán		cụ thể.				
7	**Phương thuốc thanh nhiệt 2** V.Thuốc Thanh	4/0/10	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình	Theo Rubric

	nhiệt tạng phủ 1. Thuốc thanh nhiệt ở Tâm b. Thanh tâm liên tử ẩm 2. Thuốc thanh nhiệt Can đởm a. Long đởm tả can thang b. Tả kim hoàn 3. Thuốc Thanh nhiệt ở vị a. Thanh vị tán b. Ngọc nữ tiễn VI.Thuốc Thanh hư nhiệt 1.Đại cương 2.Thanh hao miết giáp thang 3.Tần giao miết giáp tán 4. Đương quy lục hoàng thang		trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	**Phương thuốc trừ hàn**	4/0/8	- Phân tích được tên, thành	CLO2 CLO3 CLO4	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3	Theo Rubric

	V. Đại cương về thuốc Trừ hàn 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý VI. Thuốc Ôn lý trừ hàn 1. Đại cương 2. Lý trung hoàn - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 3. Tiểu kiến trung thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 4. Đại kiến trung thang - Thành		phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO5	hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 5. Ngô thù du thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 6. Bài tập Tình huống lâm sàng III. Thuốc Hồi dương cứu nghịch 1. Đại cương 2. Tứ nghịch tán - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng						

	lâm sàng 3. Sâm phụ thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 4. Hồi dương cứu nghịch thang - Thành phần - Công dụng - Chủ trị - Phân tích bài thuốc - Ứng dụng lâm sàng 5. Bài tập Tình huống lâm sàng IV. So sánh các phương thuốc						
9	**Phương thuốc Tả hạ 1** I. Khái niệm phương thuốc Tả hạ II. Các phương	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo,	Theo Rubric

	thuốc hàn hạ 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Đại thừa khí thang - Tiểu thừa khí thang - Điều vị thừa khí thang III. Các phương thuốc ôn hạ 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Đại hoàng phụ tử thang - Ôn tỳ thang - Tam vật bị cấp hoàn		các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		học qua tình huống.	nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
10	**Phương thuốc Tả hạ 2** III. Các phương thuốc nhuận hạ 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Ma tử nhân hoàn - Tế xuyên tiễn IV. Các phương thuốc trục thủy	3/0/6	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Thập táo thang - Châu xa hoàn V. Các phương thuốc công bổ kiêm trị 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Hoàng long thang - Tăng dịch thừa khí thang		trong các tình huống lâm sàng cụ thể.				
	Kiểm tra giữa kỳ	0/1/2	Nội dung kiến thức đã học	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên ra đề thi	Sinh viên làm bài tự luận tại lớp học	
11	**Phương thuốc trừ đàm 1** VII. Đại cương về phương thuốc Trừ đàm 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý VIII. Phương thuốc Táo thấp hóa đàm 1. Đại cươn	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	g 2. Nhị trần thang 3. Phục linh hoàn 4. Đạo đàm thang III. Phương thuốc Thanh nhiệt hóa đàm 1. Đại cương 2. Thanh khí hóa đàm hoàn 3. Tiểu hãm hung thang 4. Ôn đởm thang		tình huống lâm sàng cụ thể.				
12	**Phương thuốc trừ đàm 2** IV. Phương thuốc Nhuận táo hóa đàm 1. Đại cương 2. Bối mẫu qua lâu tán 3. Bách hợp cố kim thang V. Phương thuốc Khu hàn hóa đàm	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	1. Đại cương 2. Linh cam ngũ vị khương tân thang 3. Tam tử dưỡng thân thang V. Phương thuốc trị phong hóa đàm 1. Đại cương 2. Bán hạ bạch truật thiên ma thang 3. Tam sinh ẩm		tình huống lâm sàng cụ thể.				
	Thi kết thúc học phần	0/1/2	Toàn bộ nội dung lý thuyết Phương tễ 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Ra kết cấu đề thi trên phần mềm thi tại phòng thi trắc nghiệm của trường	Sinh viên độc lập làm bài test trên máy	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric: Đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Chuyên cần Lý thuyết	Điểm danh Làm bài kiểm tra giữa kỳ	50% 50%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	30 %	18	10	4	4	0
CLO2	50 %	30	18	6	6	0
CLO3	20%	12	0	5	5	2
Tổng	100%	60	28	15	15	2

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần Phương tễ 1 = Điểm kiểm tra thường xuyên × 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần × 0,7

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. Bộ môn Phương tễ - Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2024), *Phương tễ học*.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam 5,* Nhà xuất bản Y học.

10.2.2. Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*, quyển 2. Nhà xuất bản Y học.
10.2.3. Bành Hoài Nhân (1993), *Trung y phương tễ đại từ điển tập 3*. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc.
10.2.4. Lý Ký (2013), *Phương tễ học,* Nhà xuất bản Y dược Trung quốc.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
TS Phạm Thái Hưng	**PGS.TS Trần Thị Thu Vân**

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN PHƯƠNG TỄ 2

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phương tễ 2

* Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine 2

- Mã học phần/ mô đun: TRAD4107
- Số tín chỉ: 3,0 LT/0,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  + Lý thuyết: 45 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 00 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết (thi LT)
  + Thời gian tự học: 103 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** [x]	Tự chọn □	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Y lý, Đông dược.
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phương tễ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Phương tễ	Thuvan1972@gmail.com
2	Ths Phạm Quốc Sự	0936881065	Phương tễ	suhocvien@gmail.com
3	Ths Nguyễn Thùy Dương	0383170825	Phương tễ	thuyduongyhct@gmail.com
4	Ths Quách Thị Diễm Hằng	0983149167	Phương tễ	Drhang.hvydhct@gmail.com
5	Ths Nguyễn Thị Trang	0947945836	Phương tễ	Bstrang16488@gmail.com
6	Ths Bùi Phương Mai	0335236662	Phương tễ	Bsbuiphuongmai@gmail.com
7	Ths Trần Thị Thúy Phương	0986646006	Phương tễ	Tranphuong1128@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được mối quan hệ giữa Phương tễ và phương pháp trị liệu trong YHCT, cách xây dựng một phương thuốc. Trình bày được tên, thành phần, công dụng, chủ trị các phương thuốc Giải thích được ý nghĩa phối ngũ các phương thuốc.
MT HP2	Biện chứng, lựa chọn được bài thuốc và vận dụng gia giảm được các phương thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể để điều trị một số chứng bệnh
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm. Tự chịu trách nhiệm và nhận thức tầm quan trọng của công việc kê đơn trong điều trị và chăm sóc sức khỏe của người bệnh

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được kết cấu của các bài thuốc YHCT và các cách để xây dựng được một bài thuốc.
CLO2	Lập luận, phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị, ý nghĩa phối ngũ của vị thuốc trong các phương thuốc.
CLO3	Biện chứng và xây dựng được phương thuốc YHCT để phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng
CLO4	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.
CLO5	Ý thức và chịu trách nhiệm trong việc kê đơn thuốc để điều trị trong từng tình huống lâm sàng cụ thể.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3			3	1												
CLO 2	3			3	1												
CLO 3	3			3	1												
CLO 4														3			
CLO 5												3			3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: môn học chưa có lâm sàng.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết:

Bài 1: Đại cương về Phương tễ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 2: Đại cương về Phương tễ 2 và cách kê đơn thuốc theo YHCT: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 3: Phương thuốc giải biểu 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 76 tuổi đến khám bệnh với biểu hiện: mắc bệnh gần 1 tuần nay, đau đầu, tự ra mồ hôi, người cảm giác sốt, sợ gió, chảy nước mũi trong, miệng không khát, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoãn. Bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên là:……
Đ	{Quế chi thang}

H	Bệnh nhân nữ 12 tuổi, buổi chiều bắt đầu xuất hiện cảm giác hơi sợ lạnh, đau đầu, toàn thân

	không thoải mái, tối ăn ít, sau đó xuất hiện sốt 39 độ, đau đầu tăng lên, không mồ hôi, đau họng, ho nghẹt mũi ít, đầu lưỡi đỏ, rêu trắng mỏng, mạch nhu sác. Bài thuốc cổ phương thích hợp với các chứng trạng trên là:……
Đ	{Ngân kiều tán}

Bài 4: Phương thuốc giải biểu 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 30 tuổi, sau khi bị gió lạnh đột ngột xuất hiện triệu chứng sợ gió lạnh, sốt nhẹ, không có mồ hôi, đâu đầu, đau mình mẩy, ho, mạch phù khẩn. Phương thuốc thích hợp với các chứng trạng trên là:……..
Đ	{Ma hoàng thang}
H	Bệnh nhân nữ 35 tuổi đến khám với biểu hiện: phù mặt nhẹ, phù mí mắt, sốt, sợ gió, ra mồ hôi nhiều, miệng không khát, tiểu không thông lợi, mạch phù. Phương thuốc cổ phương thích hợp với các chứng trạng trên là:
Đ	{Việt tỳ thang}

Bài 5: Phương thuốc thanh nhiệt 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 43 tuổi biểu hiện người tráng nhiệt, mặt đỏ, phiền khát, uống nhiều, ra mồ hôi, sợ nóng, mạch hồng đại hữu lực. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị chứng trạng này là:_____
Đ	{Bạch hổ thang}

H	Bệnh nhân sau khi bị bệnh nhiệt, người nóng, nhiều mồ hôi, tâm phiền, ngực bực bội khó chịu, khí nghịch muốn nôn, miệng khô muốn uống, hư phiền không ngủ, mạch hư sác, lưỡi đỏ. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị là:_____
Đ	{Trúc diệp thạch cao thang}

Bài 6: Phương thuốc thanh nhiệt 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Chứng nhiệt tà đã chuyển vào phần dinh, thân nhiệt cao về đêm, thần phiền ít ngủ, có lúc nói sảng, mắt thích mở hoặc thích nhắm, khát hoặc không, có ban chẩn lờ mờ, mạch tế sác, lưỡi đỏ sẫm, khô. Phương thuốc cổ phương thích hợp dùng để điều trị là:_____
Đ	{Thanh dinh thang}

H	Phương thuốc cổ phương thích hợp thường dùng để trị chứng tam tiêu nhiệt thịnh biểu hiện sốt cao bứt rứt, miệng táo họng khô, nói nhảm, mất ngủ, thấp nhiệt hoàng đản, tiểu tiện vàng đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch sác có lực là:_____
Đ	{Hoàng liên giải độc thang}

Bài 7: Phương thuốc hòa giải: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 30 tuổi, công việc căng thẳng, áp lực. Vài tháng nay bệnh nhân thấy đau vùng hạ sườn phải, lúc sốt lúc rét, ăn kém, mệt mỏi, người gầy, sôi bụng, đại tiện lỏng. Kinh nguyệt không đều, bầu vú căng trướng, rêu trắng mỏng, mạch huyền hư. Phương thuốc cổ phương phù

	hợp nhất với chứng trạng trên là:_____.
Đ	{Tiêu dao tán}

Bài 8: Phương thuốc trừ hàn: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 9: Phương thuốc trừ phong: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 36 tuổi vào viện với biểu hiện triệu chứng đau đầu nhiều, đau có tính chất co rút, cảm giác sợ gió, sốt ớn lạnh, mũi tắc, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn. Chọn bài thuốc Xuyên khung trà điều tán hay Khương hoạt thắng thấp thang phù hợp với chứng trạng trên
Đ	{Xuyên khung trà điều tán}

H	Bệnh nhân nam 64 tuổi, có tiền sử tăng huyết áp 6 năm, thường thấy hoa mắt chóng mặt, đau đầu. Những ngày gần đây vì căng thẳng mà thấy hoa mắt chóng mặt, đau đầu nhiều hơn, hoa mắt, ù tai, mặt đỏ, lưỡi đỏ ít rêu, mạch huyền. Chọn bài thuốc Thiên ma câu đằng ẩm hay Bán hạ bạch truật thiên ma thang phù hợp với chứng trạng trên
Đ	{Thiên ma câu đằng ẩm}

Bài 10: Phương thuốc bổ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 34 tuổi, mắc bệnh gần hai năm nay, đến khám bệnh với biểu hiện sắc mặt vàng kém nhuận, người mệt mỏi, hồi hộp đánh trống ngực, hay quên, ngủ ít hay mơ, ăn kém, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi hồng nhạt, mạch tế nhược. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Quy tỳ thang}

H	Bệnh nhân nam 32 tuổi, hay đi ngoài nát gần 3 năm nay, sôi bụng thì đi ngoài, đại tiện 3-5 lần/ ngày, ăn uống kém, vùng ngực, thượng vị hay bĩ mãn khó chịu. Tứ chi vô lực , hình thể gầy, sắc mặt vàng kém nhuận, lưỡi nhạt, rêu trắng bẩn, mạch hư hoãn. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Sâm linh bạch truật tán}

Bài 11: Phương thuốc bổ 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân có biểu hiện người nóng, ngũ tâm phiền nhiệt, lưng gối mỏi yếu, hoa mắt chóng mặt, nóng nhức trong xương, đạo hãn, tiểu vàng xẻn, lưỡi khô, ít rêu, mạch trầm tế sác chọn dùng bài thuốc cổ phương nào phù hợp nhất với chứng trạng trên:
Đ	{Lục vị địa hoàng hoàn}

H	Bệnh nhân nam 72 tuổi bị bệnh hơn bốn năm nay. Thể trạng trung bình, lưng đau, gối mỏi, ù tai, người lạnh, chân tay lạnh, thỉnh thoảng đau bụng lạnh, chườm nóng đỡ đau. Đại tiện phân lỏng, đi vào buổi sáng sớm. Tiểu đêm nhiều lần, nước tiểu trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chất lưỡi bệu, sắc lưỡi nhạt, mạch trầm tế. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất với chứng trạng trên:
Đ	{Thận khí hoàn}

Bài 12: Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	*Bệnh nhân nữ 53 tuổi, 1 tuần nay ho nhiều đến khám. Qua tứ chẩn thấy các chứng trạng: ho nhiều đờm* vàng đặc, thở suyễn, người sốt gai rét, sợ gió, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch hoạt sác, thể trạng béo. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Định suyễn thang}

H	*Bệnh nhân nữ 20 tuổi, bị bệnh 1 tuần nay, biểu hiện ho, có ít đờm trắng, ngứa họng, sốt gai rét, sợ* gió, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoãn. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Chỉ thấu tán}

Bài 13: Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 2 và Phương thuốc trừ phong thấp: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	*Bệnh nhân nam 67 tuổi, ho lâu ngày, vào viện biểu hiện triệu chứng: Ho nhiều, miệng họng* khô táo, có lúc khạc ra đờm lẫn máu, n*gười gầy, da khô,* chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi ít, mạch tế sác. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Thanh táo cứu phế thang}

H	*Bệnh nhân nữ 60 tuổi, giáo viên về hưu, khó thở ra, bệnh lâu ngày. Tinh thần mệt mỏi, ho, suyễn thở, đoản* hơi, thở yếu, tiếng nói nhỏ, ngại nói, tự hãn, sắc lưỡi nhạt, mạch hư nhược. Lựa chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất là:_____.
Đ	{Bổ phế thang}

H	*Bệnh nhân nữ 46 tuổi,* khớp cổ tay sưng nóng đỏ đau, tái phát từng đợt. Người nóng, chóng mặt, buồn nôn, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi ánh vàng, mạch nhu sác. Lựa chọn phương Quế chi thược dược tri mẫu thang hay Độc hoạt ký sinh thang sẽ phù hợp khi điều trị bệnh nhân trên?_____
Đ	{Quế chi thược dược tri mẫu thang}

Bài 14: Phương thuốc khư thấp 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 45 tuổi, nghề nghiệp nông dân, vào viện được chẩn đoán y học cổ truyền chứng hoàng đản, biểu hiện các triệu chứng như da, mặt và mắt đều vàng, sắc vàng tươi, tiểu tiện đỏ ngắn, bụng hơi đầy, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch hoạt sác. Chọn bài thuốc cổ phương nào phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Nhân trần cao thang}

H	Bệnh nhân nam 44 tuổi có tiền sử hay uống rượu. Khoảng 7 ngày nay xuất hiện người mệt, ăn kém. Người nóng, bứt rứt khó chịu, mắt và thân thể vàng tươi. Tiểu tiện vàng, đại tiện nát. Rêu lưỡi vàng dày, nhớt dính. Mạch hoạt sác. Chẩn đoán Y học cổ truyền thuộc chứng dương hoàng. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc nào là phù hợp:
Đ	{Nhân trần cao thang}

Bài 15: Phương thuốc khư thấp 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 53 tuổi, làm nghề sông nước, có biểu hiện triệu chứng hai đầu gối sưng nóng đau nhức, 2 chi dưới lúc đầu tê bì, nặng nề, mỏi; sau tăng dần vô lực. Kèm theo vùng hạ bộ sưng đau, tiểu tiện vàng ít, đại tiện nát khó đi. Rêu luỡi vàng dính; mạch hoạt sác. Khi điều trị chọn dùng bài thuốc cổ phương Quyên tý thang hay Nhị diệu tán phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Nhị diệu tán}

H	Bệnh nhân nam 28 tuổi, sau khi ăn khuya về gặp gió lạnh, biểu hiện các triệu chứng như ăn uống không tiêu, đại tiện phân lỏng, đau bụng, sôi bụng, ố hàn, phát sốt, đau đầu, chân tay nhức mỏi. Rêu lưỡi trắng, dính nhớt. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc cổ phương nào là phù hợp nhất?
Đ	{Hoắc hương chính khí tán}

Bài 16: Phương thuốc lý huyết: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 63 tuổi, khoảng 2 năm gần đây thấy đau nhiều vùng ngực trái, đau như kim châm và có điểm đau cố định, ngủ không yên, dễ cáu gắt, môi tím tối, 2 mắt thâm quầng, rìa lưỡi có điểm ứ huyết, mạch sáp. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp nhất với chứng trạng trên
Đ	{Huyết phủ trục ứ thang}

H	Bệnh nhân vùng ngực đau nhói, điểm đau cố định, đau lâu không khỏi, tâm quý, mất ngủ, rìa lưỡi có điểm ứ huyết, mạch sáp. Khi điều trị chọn dùng phương thuốc nào sau đây phù hợp nhất: Huyết phủ trục ứ thang hay Đào nhân thừa khí thang
Đ	{Huyết phủ trục ứ thang}

Bài 17: Phương thuốc lý khí: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi, thường xuyên cảm thấy trong họng như có vật vướng, nuốt không xuống mà khạc không ra, ngực sườn đầy tức đau, nặng ngực hơi khó thở, cảm giác buồn nôn. Rêu lưỡi trắng, mạch huyền hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bán hạ hậu phác thang}

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi, hay bị đau vùng bụng dưới rốn, đau thiện án, chườm ấm thì đỡ đau, cảm giác đau buốt lan đến bộ phận sinh dục, chân tay lạnh, đi ngoài phân thường lỏng nát. Đau bụng kinh nhiều, kinh nguyệt ra có nhiều máu cục, lượng ít. Lưỡi tím có điểm ứ huyết, rêu lưỡi trắng. Mạch tế, trì vô lực. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Noãn can tiễn}

Bài 18: Phương thuốc an thần và phương thuốc cố sáp: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 48 tuổi, mất ngủ hơn nửa năm nay, hư phiền, người mệt mỏi, hồi hộp trống ngực, di mộng tinh, hay quên, lòng bàn chân bàn tay nóng, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác. Chọn bài thuốc cổ phương phù hợp với chứng trạng trên:
Đ	{Thiên vương bổ tâm đan}

H	Bệnh nhân nữ 33 tuổi, mất ngủ, hình thể gầy, sắc mặt không tươi nhuận, ăn kém, người mệt mỏi, hồi hộp trống ngực. Mạch tế nhược. Khi lựa chọn dùng phương thuốc Bổ tâm tỳ an thần hoàn hay Bá tử dưỡng tâm hoàn phù hợp hơn?
Đ	{Bổ tâm tỳ an thần hoàn}

Bài 19: Phương thuốc tả hạ 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 20: Phương thuốc tả hạ 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

Bài 21: Phương thuốc tiêu đạo và phương thuốc khai khiếu: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 35 tuổi, thường xuyên có thói quen thích ăn những đồ ăn chiên xào, rán, thích ăn thịt mỡ. Dạo gần đây, bệnh nhân thường xuyên thấy đầy bụng, ợ hơi, ợ chua, lợm giọng buồn nôn, đi ngoài phân lỏng nát. Rêu lưỡi cáu dày. Mạch hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bảo hòa hoàn}

Bài 22: Phương thuốc trừ đàm 1: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nữ 40 tuổi có các chứng ho khạc, đờm nhiều trắng, dễ khạc, ngực hoành bĩ tắc khó chịu buồn nôn, nôn, chân tay mệt mỏi, đầu váng tim động, rêu lưỡi trắng nhuận, mạch hoạt. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Nhị trần thang}

H	Bệnh nhân nữ 64 tuổi đến khám với biểu hiện: mắc bệnh gần 1 tháng, người và tay chân mệt mỏi, ho khạc đờm nhiều, đờm trắng loãng dễ khạc, buồn nôn, ngực hoành đầy tức khó chịu, rêu lưỡi trắng nhớt, mạch hoạt. Bài thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Nhị trần thang}

Bài 23: Phương thuốc trừ đàm 2: đọc TLC và TLTK trước khi lên lớp

H	Bệnh nhân nam 44 tuổi, tâm phiền mất ngủ nhiều năm nay, hay mơ, dễ tỉnh giấc, tim đập không yên kèm theo hoa mắt, nôn nấc, rêu lưỡi trắng bẩn, mạch huyền hoạt, đã từng uống Toan táo nhân thang nhưng không đỡ. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Ôn đởm thang}

H	Bệnh nhân nữ 38 tuổi, người gầy, da khô, ho kéo dài nhiều tháng, chủ yếu ho khan, ít đờm, trong đờm có lẫn máu, đạo hãn, gò má đỏ. Sắc lưỡi hồng, ít rêu. Mạch tế sác. Phương thuốc cổ phương phù hợp là:
Đ	{Bách hợp cố kim thang}

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Phương tễ học là một chuyên ngành của y học cổ truyền, nghiên cứu về các bài thuốc và cách phối hợp các vị thuốc để điều trị bệnh. Phương tễ học bao gồm các cách lập phương dựa trên biện chứng luận trị, căn cứ theo công năng chủ trị của bài thuốc có thể gia giảm cho phù hợp với chứng trạng của từng người bệnh. Phương tễ học đóng vai trò quan trọng giúp các thày thuốc lựa chọn và điều chỉnh các bài thuốc phù hợp với bệnh cảnh lâm sàng, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và

giảm tác dụng phụ. Mỗi bài thuốc cổ phương được hình thành là cả quá trình nghiên cứu về y lý, biện chứng, dược lý được kế thừa và tích lũy trong điều trị thực tiễn trên lâm sàng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**Chuẩn đầu ra của bài học (Chương)/Chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá ở cột (theo bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Phương thuốc hòa giải** I. Khái niệm phương thuốc hoà giải II. Hoà giải thiếu dương 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Tiểu sài hồ thang - Đại sài hồ thang - Sài hồ quế chi thang III. Điều hòa can tỳ 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Tứ nghịch tán	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	- Tiêu dao tán IV. Điều hòa trường vị 1. Khái niệm 2. Bài thuốc - Bán hạ tả tâm thang - Sinh khương tả tâm thang						
2	**Phương thuốc Trừ phong** I. Đại cương phương thuốc Trừ phong II. Các phương thuốc Sơ tán ngoại phong - Đại cương - Đại tần giao thang - Tiểu tục mệnh thang - Xuyên khung trà điều tán III. Các phương thuốc Bình tức nội phong - Định nghĩa - Linh giác câu	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm - Trấn can tức phong thang						
3	**Phương thuốc bổ 1** I. Đại cương về thuốc bổ 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc bổ âm 1. Đại cương 2. Lục vị địa hoàng hoàn 3. Tả quy ẩm 4. Tả quy hoàn 5. Đại bổ âm hoàn III. Phương thuốc bổ dương 1. Đại cương 2. Thận khí hoàn 3. Hữu quy ẩm 4. Hữu quy hoàn	4/0/10	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	5. Ban long hoàn						
4	**Phương thuốc bổ 2** IV. Phương thuốc bổ khí 1. Đại cương 2. Tứ quân tử thang 3. Hương sa lục quân tử thang 4. Sâm linh bạch truật tán 5. Bổ trung ích khí thang 6, Sinh mạch tán V. Phương thuốc bổ huyết 1. Đại cương 2. Tứ vật thang 3. Đương quy bổ huyết thang 4. Quy tỳ thang 5. Bổ can thang VI. Phương thuốc bổ khí huyết 1. Đại cương 2. Bát trân thang 3. Thập toàn đại bổ	4/0/9	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	4. Đại bổ nguyên tiễn						
5	**Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 1** I. Đại cương thuốc Chỉ khái bình suyễn II. Các phương thuốc Tuyên phế chỉ khái - Đại cương - Định suyễn thang - Chỉ thấu tán	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric
6	**Phương thuốc chỉ khái bình suyễn 2** III. Các phương thuốc Thanh phế chỉ khái - Định nghĩa - Tang bạch bì thang - Thanh phế thang - Bối mẫu ẩm IV. Phương thuốc ôn phế chỉ khái bình suyễn - Đại cương - Xạ can ma hoàng thang	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

6	**Phương thuốc trừ phong thấp** **I.Các phương thuốc chữa Phong hàn thấp tý** 1. Phương thuốc thống tý 2. Phương thuốc hành tý 3. Phương thuốc trước tý **II. Các phương thuốc chữa phong thấp nhiệt tý** 1.Quế chi thược dược tri mẫu thang	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric
7	**Phương thuốc khư thấp 1** I. Phương thuốc táo thấp hòa vị - Bình vị tán - Hoắc hương chính khí tán II. Phương thuốc thanh nhiệt khư thấp - Nhân	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	trần cao thang - Dương hoàng thang - Bát chính tán - Tam nhân thang - Nhị diệu tán		huống lâm sàng cụ thể.				
8	**Phương thuốc khứ thấp 2** I. Phương thuốc lợi thủy thẩm thấp 1. Ngũ linh tán 2. Trư linh thang 3. Ngũ bì tán II. Phương thuốc ôn hóa thủy thấp 1. Linh quế truật cam thang 2. Chân vũ thang 3. Kê minh tán	3/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric
	Kiểm tra giữa kỳ	0/1/2	Kiểm tra kiến thức đã học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên ra đề thi	Sinh viên làm bài tự luận	
9	**Phương thuốc lý huyết** I. Đại cương phương thuốc lý	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo,	Theo Rubric

	huyết 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Các phương thuốc hoạt huyết 1. Đào nhân thừa khí thang 2. Hoạt huyết tiêu ứ thang 3. Huyết phủ trục ứ thang 4. Bổ dương hoàn ngũ thang 5. Ôn kinh thang 6. Sinh hóa thang III. Các phương thuốc chỉ huyết 1. Thập khôi tán 2. Tứ sinh hoàn 3. Hòe hoa tán 4. Tiểu kế ẩm tử		ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
10	**Phương thuốc lý khí** I. Đại cương phương thuốc lý khí 1. Định nghĩa 2. Phân loại	4/0/8	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận	Theo Rubric

	3. Chú ý II. Các phương thuốc 1.Việt cúc hoàn 2. Hậu phác ôn trung thang 3. Tứ ma thang 4. Bán hạ hậu phác thang 5. Noãn can tiễn 6. Đinh hương thị đế thang 7. Quất bì trúc nhự thang		trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.		học qua tình huống.	xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
11	**Phương thuốc an thần** I.Đại cương về phương thuốc an thần 1.Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II. Phương thuốc dưỡng tâm an thần 1. Thiên vương bổ tâm đan	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	2. Toan táo nhân thang 3. Giao thái hoàn III.Phương thuốc trọng trấn an thần 1. Chu sa an thần hoàn 2. Quế chi cam thảo long cốt mẫu lệ thang						
11	**Phương thuốc cố sáp** I. Đại cương về phương thuốc cố sáp 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II.Phương thuốc cố biểu liễm hãn 1. Đại cương 2. Mẫu lệ tán 3. Ngọc bình phong tán	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	III. Phương thuốc cố tinh sáp niệu 1. Đại cương 2. Kim tỏa cố tinh hoàn 3. Tang phiêu tiêu tán IV.Phương thuốc sáp trường chỉ tả 1. Đại cương 2. Tứ thần hoàn **3.** Cố tràng hoàn						
11	**Phương thuốc tiêu đạo** IX. Đại cương về phương thuốc tiêu đạo 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý X. Thuốc tiêu đạo tích trệ 1. Đại cương 2. Kiện tỳ hoàn	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric

	3. Bảo hòa hoàn III. Thuốc tiêu bĩ hóa tích 1. Đại cương 2. Chỉ truật hoàn						
12	**Phương thuốc khai khiếu** I.Đại cương về phương thuốc khai khiếu 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Chú ý II.Phương thuốc lương khai 1. An cung ngưu hoàng hoàn 2. Thanh tâm ngưu hoàng hoàn	2/0/4	- Phân tích được tên, thành phần, công dụng, chủ trị và ý nghĩa phối ngũ của các vị thuốc trong phương thuốc. - Vận dụng được phương thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Theo Rubric
	Thi kết thúc học phần	0/1/2	Toàn bộ nội dung lý thuyết Phương tễ 2 đã học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên ra kết cấu đề thi tại phòng thi trắc nghiệm của trường	Sinh viên độc lập làm bài test trên máy	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric: Đánh giá thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài kiểm tra giữa kỳ hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Chuyên cần Lý thuyết	Điểm danh Làm bài kiểm tra giữa kỳ	50% 50%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 30 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	30 %	18	10	4	4	0
CLO2	50 %	30	18	6	6	0
CLO3	20%	12	0	5	5	2
Tổng	100%	60	28	15	15	2

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

- Điểm đánh giá kết thúc học phần Phương tễ 2 = Điểm kiểm tra thường xuyên × 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần × 0,7

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. Bộ môn Phương tễ - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2024), *Phương tễ học*.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam 5,* Nhà xuất bản Y học.

10.2.2. Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*, quyển 2. Nhà xuất bản Y học.

10.2.3. Bành Hoài Nhân (1993), *Trung y phương tễ đại từ điển tập 3*. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc.
10.2.4. Lý Ký (2013), *Phương tễ học,* Nhà xuất bản Y dược Trung quốc.
11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
TS Phạm Thái Hưng	

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT
Trình độ đào tạo: **Đại học**, Nghành: **Y học cổ truyền**, Mã số đào tạo: **7720115**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: RĂNG HÀM MẶT
* Tiếng Anh: Oral maxillofacial
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5114
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (KTTX:1 tiết + thi LT:1 tiết + thi LS:4 tiết + 4 tiết làm bệnh án)
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn [x]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Nội khoa cơ sở, Ngoại cơ sở
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Răng hàm mặt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ths.Nguyễn Văn Đồng	0304173301	RHM	Bsdongrhm@gmail.com
2	Ths. Cao Thị Vân Anh	0984956328	RHM	Vananh.cao1973@gmail.com
3	Ths Nguyễn Võ Hoàng Anh	0912099861	RHM	Bshoanganh73@gmail.com
4	BsCKI Nguyễn Thị Phương Thanh.	0973167799	RHM	Bsthanhrhm@gmail.com.
5	TS. Phạm Cao Phong	0912159131	BV thanh nhàn	
6	TS Phạm Thái Thông	0932170666	BV thanh nhàn	
7	BSCKII.Bùi Thị Thu Huyền	0904031237	BV Xanhpon	
8	Ths. Đặng Liên Hương	0988181640	BV Đa khoa Hà	

			đông	
9	BSCKI. Phạm Quốc Trí	0945816666	BV Đa khoa Hà đông	
10	TS. Phùng Thị Thuý Hà	0912286831	BV VN-Cuba	Drphunghavncb@gmail.com a
11	Ths. Ma Quang Dũng		BV Vn-Cuba	
12	Ths. Hoàng Phong Mỹ	0985668868	BV 198	Phongmyhoang2017@gmail.com
13	BSCKII. Trịnh Hồng Hà	0913039376	BV 198	hatrinh198@gmail.com
14	Ths. Đào Thị Kiều Trang		BV 198	
15	Ths Đậu Thị Trà Giang		BV 198	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Triệu chứng cơ bản để chẩn đoán và điều trị một số bệnh răng miệng thông thường.
MT HP2	Lập hồ sơ bệnh án và biết một số thủ thuật cơ bản điều trị bệnh Răng miệng hay gặp.
MT HP3	Tầm quan trọng của bệnh răng miệng và tuyên truyền phòng bệnh răng miệng trong cộng đồng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	2	2				
MT HP2	2	2				
MT HP3					2	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4 Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm được giải phẫu răng và giải phẫu, sinh lý vùng hàm mặt.
CLO2	Khám, chẩn đoán và hướng điều trị được một số bệnh răng hàm mặt hay gặp ở cộng đồng. Xử trí chấn thương và viêm nhiễm vùng hàm mặt. Mối liên quan giữa bệnh RHM với các bệnh toàn thân.

CLO3	Thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và nắm được nguyên tắc điều trị các bệnh lý hay gặp trong RHM, xử trí cấp cứu RHM và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh Sâu răng và viêm lợi.
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật như chuẩn bị dụng cụ khám và cách khám bệnh nhân răng hàm mặt
CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5 Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

CLO	PLO																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO1	2		1	1	1												
CLO2	2		1	1	1												
CLO3	2		1	1	1												
CLO4	2		1	1	1												
CLO5	2		1	1	1												
CLO6	2		1	1	1												

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun: CLO

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Ghế máy răng
2	Bộ dụng cụ khám răng
3	Các vật liệu RHM
4	Dụng cụ chữa, hàn, nhổ răng
5	Mô hình Răng hàm mặt

6.1.3. Thực hành: Trên bệnh nhân tại bệnh viện thực hành.
6.2. Yêu cầu đối với sinh viên
6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):
- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập
6.2.2. Bài tập: Không
6.2.3. Tự học:
Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết.

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý răng miệng: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)
Bài 2:Bệnh sâu răng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Bài 3: Bệnh lý tủy răng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học
Bài 4:Bệnh học quanh răng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Bài 5: Viêm quanh cuống răng: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học
Bài 6: Viêm nhiễm miệng, hàm mặt: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Bài 7: Chấn thương vùng hàm mặt: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học
Bài 8:Cấp cứu hay gặp trong răng hàm mặt: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn cách khám và làm bệnh án Răng hàm mặt, cách khám và chẩn đoán BN Sâu răng
- Hướng dẫn khám trên BN Sâu răng.
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học
Bài 2: Cách khám và chẩn đoán BN Viêm tuỷ răng, Viêm quanh cuống răng.
- Hướng dẫn khám trên BN Viêm tuỷ răng, Viêm quanh cuống răng .
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học
Bài 3: Cách khám và chẩn đoán BN Viêm quanh răng

- Hướng dẫn khám trên BN Viêm quanh răng. Bình bệnh án Viêm quanh răng.
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Cách khám và chẩn đoán BN chấn thương hàm mặt
- Hướng dẫn khám trên BN chấn thương hàm mặt .
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Răng hàm mặt bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nha khoa. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý răng miệng, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh răng miệng hay gặp, mối liên quan giữa bệnh RHM với các bệnh toàn thân và các chấn thương hàm mặt thường gặp.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa RHM. Bao gồm cách khám răng miệng thông thường, cách khám và chẩn đoán bệnh nhân bị Sâu răng, viêm tuỷ răng, viêm quanh răng, viêm quanh cuống răng và sử trí cấp cứu chấn thương hàm mặt. Hướng dẫn cách chăm sóc rang miệng và cách tuyên truyền phòng bệnh trong cộng đồng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết /b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số** tiết **(LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về giải phẫu sinh lý RHM. I. Cấu tạo giải phẫu miệng. 1.Tiền đình 2. Ổ miệng 2.1 Tuyến	2/0/2	-Mô tả được cấu tạo giải phẫu răng, miệng - Trình bày được chức năng sinh lý của răng miệng -Vai trò của	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

	nước bọt 2.2Lưỡi 2.3Răng và hàm răng 2.3.1. Cấu tạo răng 2.3.2 Cấu trúc răng 2.3.3 Đặc điểm các loại răng. 2.3.4 Công thức và cách ký hiệu răng II. Sinh lý răng miệng		hệ thống Môi-Má-lưỡi đối với cung răng. .				
2	Bệnh lý sâu răng I. Đại cương 1. Định nghĩa 2. Đặc điểm dịch tễ học của bệnh sâu răng II. Nguyên nhân 1. Nguyên nhân tại chỗ 2. Nguyên nhân tổng	2/0/4	-Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh bệnh sâu răng -Chẩn đoán được bệnh sâu răng và các biến chứng -Điều trị và dự phòng bệnh sâu răng.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	quát III. Sinh bệnh học IV.Giải phẫu bệnh 1. Đại thể 2. Vi thể V. Phân loại bệnh sâu răng 1. Theo độ sâu 2. Theo bệnh sinh 3. Theo vị trí tổn thương 4. Theo tiến triển của tổn thương5. Theo Black VI. Triệu chứng lâm sàng 1. Sâu men 2. Sâu ngà 3. Sâu chân răng VII. Chẩn đoán 1. Chẩn đoán xác định 2. Chẩn đoán phân biệt VIII. Điều trị 1. Sâu						

	men 2. Sâu ngà và sâu chân răng IX.Tiến triển và biến chứng X.Phòng bệnh						
3	Bệnh học tủy răng I. Đại cương II. Nguyên nhân III. Phân loại viêm tủy răng 1. Theo mức độ viêm 2. Theo	2/0/4	-Trình bày được các nguyên nhân gây viêm tủy răng. - Chẩn đoán và phân loại bệnh lý viêm tủy răng . -Nêu được hướng điều trị bệnh lý tủy răng.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	hình ảnh giải phẫu bệnh lý IV. Lâm sàng 1. Viêm tuỷ có hồi phục 2. Viêm tuỷ không hồi phục 3. Tuỷ hoại Tử						
4	Bệnh lý viêm quanh cuống I. Đại cương II. Nguyên nhân 1. Do nhiễm khuẩn 2. Do sang	2/0/4	-Xác định nguyên nhân gây Viêm quanh cuống răng. -Chẩn đoán viêm quanh cuống cấp, bán cấp và mạn tính. -Điều trị viêm quanh cuống. .	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	chẩn 3. Do điều trị răng III. Các thể bệnh viêm quanh cuống răng 1. Viêm quanh cuống cấp tính 2. Viêm quanh cuống mãn tính IV. Điều trị viêm quanh cuống răng						
5	Bệnh lý viêm quanh răng I. Đại cương 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học II. Hình thái giải phẫu và sinh lý vùng quanh răng 1. Lợi 2. Dây chằng quanh răng 3. Xương răng 4. Xương ổ răng III.Phân loại bệnh quanh răng	2/0/4	-Trình bày được hình thái giải phẫu học và *chức năng* sinh lý tổ chức quanh răng -Trình bày các yếu tố bệnh căn, bệnh sinh của bệnh quanh răng. -Mô tả triệu chứng lâm sàng của bệnh viêm lợi và viêm quanh răng *-Trình bày được phương pháp điều trị và các bước*	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	V. Bệnh căn 1. Nguyên nhân tại chỗ 2. Nguyên nhân toàn thân VI. Sinh bệnh học của bệnh quanh răng VII. ác thể lâm sàng 1. Viêm lợi 2. Viêm quanh răng VIII. Tiến triển và biến chứng 1. Tiến triển 2. Biến chứng IX. Chẩn đoán X. Điều trị . Điều trị viêm lợi 2. Diều trị viêm quanh răng XI. Các biện pháp dự		*dự phòng bệnh quanh răng* .				

	phòng bệnh quanh răng 1. Biện pháp cơ học 2. Kiểm soạt mảng bám răng bằng phương pháp hoá học 3. Các chương trình phòng bệnh cho cộng đồng 4. Dự phòng viêm lợi, viêm quanh răng ở Việt nam						
6	Viêm nhiễm hàm mặt I. Đại cương II. Phân loại 1. Viêm nhiễm đặc hiệu 2. Viêm nhiễm không đặc hiệu III. Viêm nhiễm vùng hàm mặt 1. Viêm nhiễm không	2/0/2	-Nêu được nguyên nhân, các giai đoạn lâm sàng và biến chứng của viêmmô tế bào ở vùng hàm mặt -Trình bày được xử trí ban đầu và nguyên tắc điều trị các trường hợp viêm mô tế bào thông thường	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	

	đăch hiệu vùng hàm mặt 1.1 Viêm nhiễm phần mềm vùng hàm mặt 1.1.1Nguyên nhân 1.1.2 Bệnh cảnh lâm sàng chung 1.1.3 Một số thẻ lâm sàng thường gặp 1.2 Viêm xương tuỷ vùng hàm mặt 1.3 Điều trị viêm nhiễm không đặc hiệu vùng hàm mặt 2. Viêm nhiễm đặc hiệu 2.1 Bệnh nấm vùng hàm mặt 2.2 Lao hạch vùng hàm mặt 2.3 Viêm nhiễm hàm mặt do giang mai						
7	Cấp cứu hàm mặt I. Đại cương	1/0/2	-Chẩn đoán và xử trí cơn đau do Viêm tủy răng .	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	

	II. Viêm tuỷ răng và xử trí cấp cứu III. Sang chấn răng IV. Áp xe lợi do răng và viêm tấy lan toả V.Vết thương phần mềm vùng hàm mặt và gãy xương hàm. VI. Xử trí cấp cứu khi nhổ răng VII. Cấp cứu khi tai biến nhổ răng		-Xử trí sang chấn răng. -Chẩn đoán và xử trí áp xe lợi, viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt -Xử trí chảy máu ổ răng sau nhổ rang -Sơ cứu được chấn thương phần mềm và gẫy xương vùng hàm mặt.			Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	Chấn thương vùng hàm mặt I.Tổng quan II. Phân loại vết thương hàm mặt 2.1 Theo tác nhân gây tổn thương 2.2 Theo tính chất và mức độ tổn thương III. Đặc điểm giải phẫu liên quan chấn thương vùng hàm mặt	2/0/4	=Phân loại được chấn thương vùng hàm mặt và nắm được các đặc điểm giải phẫu liên quan đến chấn thương hàm mặt. -Nắm được các xử trí cấp cứu ban đầu khi chấn thương hàm mặt. -Khám, chẩn đoán, hướng xử trí vết thương phần mềm vùng hàm mặt.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi..	

	IV. Xử trí chấn thương hàm mặt 1.Nguyên tắc chung 2. Xử trí cấp cứu 3. Vết thương phần mềm 4. Vết thương xương 4.1 Gãy xương hàm trên 4.2 Gãy xương hàm dưới		-Chẩn đoán và xử trí gãy xương hàm trên				

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (2 tiết /b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP răng hàm mặt. 2.Hướng dẫn làm bệnh án Răng hàm mặt	4/0/1	Viết được hồ sơ bệnh án nha khoa	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Cách khám và chẩn đoán bệnh sâu răng	4/0/2	Chẩn đoán và hướng điều trị bệnh sâu răng	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	

3	Cách khám và chẩn đoán Viêm tuỷ răng	4/0/3	Chẩn đoán và hướng điều trị Viêm tuỷ răng	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
4	Cách khám và chẩn đoán Bệnh lý viêm quanh cuống	4/0/2	Trình bày được cách khám và chẩn đoán bệnh Viêm quanh cuống . -Trình bày được nguyên tắc bệnh lý viêm quanh cuống	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, máy chiếu hình ảnh.	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
5	Cách khám và chẩn đoán bệnh viêm quanh răng	4/0/2	-Khám và Chẩn đoán được một số bệnh thông thường về viêm quanh răng . -Nêu được cách vệ sinh bệnh răng miệng và phòng ngừa bệnh răng miệng.	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy chiếu hình ảnh	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
6	Cách khám và	4/0/2	Chẩn đoán và		Bảng, phấn	Dạy học theo	1.Tự học: như mục	

	chẩn đoán bệnh sâu răng và Viêm tuỷ răng		hướng điều trị bệnh sâu răng và Viêm tuỷ răng	CLO3, CLO4, CLO5		case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
7	Bình bệnh án	4/0/3			Bảng, phấn, máy chiếu hình ảnh			
8	Làm BA thi	0/4/0		CLO3				Điểm thi LS
9	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <4 buổi.	Đi học đủ 4 buổi, 2 buổi đi muộn 10 – 15 phút	Đi học đủ 4 buổi, 1buổi đi muộn 10 – 15 phút	Đi học đủ 4 buổi, 1 buổi đi muộn <10	Đi học đủ 4 buổi đúng giờ .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Điểm thường xuyên

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dựa vào bảng điểm danh học lý thuyết và quá trình thực hành
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Sinh viên bốc thăm bệnh nhân, khám và làm bệnh án. GV hỏi thi
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Điểm số được ghi nhận sau khi kết thúc bài thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**	**Số câu hỏi bậc 3**
CLO1	40 %	16	4	6	6
CLO2	60 %	24	6	10	8
Tổng	100%	40	10	16	14

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Bài giảng răng hàm mặt(2020)- BM RHM- Học viện y dược hoc cổ truyền việt nam. (Lưu hành nội bộ)

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Trịnh Thái Hà (2020)- Chữa răng và nội nha Tập 1,2 Nhà xuất bản giáo dục Việt nam
2. GS.TS.Trịnh Đình Hải(2017) Bệnh học quanh răng, Nhà xuất bản giáo dục Việt nam
3. Chủ biên GS.TS. Mai Đình Hưng(2006) Bài giảng Răng hàm mặt, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Trình độ đào tạo: Đại học. Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Tai mũi họng

* Tiếng Việt: Tai mũi họng

* Tiếng Anh: Otolaryngology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5115
- Số tín chỉ: 01 LT/01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
  + Kiểm tra: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn [x]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: không
  + Học phần học trước:
  + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Tai mũi họng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	THS.TRẦN HỮU THẮNG	0989801168	TMH	tranhuuthang.ent@gmail.com
2	TS.NGUYỄN XUÂN HÒA	0988160725	TMH	tshoatmh@gmail.com
3	TS. PHẠM HUY TẤN	0911565889	TMH	phamhuytan@hmu.edu.vn
4	TS.NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN	0915093389	TMH	khanhvantmhtw@gmail.com
5	BS CK II. PHẠM VĂN HỮU	0984811861	TMH	huuphamvan1980@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Kiến thức cơ bản về Tai Mũi Họng áp dụng để khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý Tai Mũi Họng
MT HP2	Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh thường gặp.
MT HP3	Triệu chứng cơ năng, thực thể một số bệnh TMH thường gặp.
MT HP4	Kết quả xét nghiệm, CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
MT HP5	Chẩn đoán bệnh Tai Mũi Họng thông thường
MT HP6	Sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý TMH

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3	3	3				
MT HP4	3	3				
MT HP5	3	3				
MT HP6					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Mô tả được giải phẫu, cơ chế bệnh sinh, giai đoạn lâm sàng của các bệnh lý Tai Mũi Họng.
CLO2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, điều trị một số bệnh Tai Mũi Họng hay gặp.
CLO3	Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán bệnh, dựa vào hình ảnh nội soi TMH để chẩn đoán chính xác được một số bệnh lý Tai Mũi Họng.
CLO4	Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và CLS cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường
CLO5	Chẩn đoán được một số bệnh Tai Mũi Họng thông thường
CLO6	Có thái độ tỉ mỉ, cẩn trọng, tính chuyên nghiệp khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3																
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3												
CLO 4																	
CLO 5												3		3			
CLO 6												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bút chỉ, bảng, phấn

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Phòng học, bàn ghế
2	Laptop, máy chiếu
3	Bộ nội soi tai mũi họng

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần hai bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

6.2.3. Tự học: Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Tai Mũi Họng cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai Mũi Họng thông thường. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Viêm tai giữa cấp, mạn	4/0/8	Trình bày được giải phẫu tai, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán... -Biến chứng viêm tai giữa cấp, mạn -Điiều trị viêm tai giữa cấp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Viêm mũi xoang cấp, mạn	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu sinh lý mũi xoang, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3.Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, ngạt, tắc mũi, chảy mũi, giảm ngửi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
3	Chảy máu mũi	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu hốc mũi và mối liên quan, hệ thống mạch	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	

			máu nuôi dưỡng.. 2. Nguyên nhân gây chảy máu mũi 3. Cách xử trí chảy máu mũi.	CLO5	học	trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
4	Ung thư vòm mũi họng	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu thần kinh sọ và mối liên quan vùng vòm mũi họng. Sinh bệnh học, dịch tễ học ung thư 2. Triệu chứng của ung thư vòm, các giai đoạn của ung thư vòm. (T.N.M.) 3. Chẩn đoán xác định. Chẩn đoán phân biệt 4. Nguyên tắc điều trị. Tiên lượng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
5	Dị vật đường thở	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu hệ thống hô hấp. 2. Các nguyên nhân của dị vật đường thở, phân loại mức độ suy hô hấp. 3. Biến chứng dị vật đường thở 4. Nguyên tắc xử trí	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
6	Dị vật đường ăn	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu họng, thực quản, trung thất.	CLO1, CLO2, CLO3,	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3	

			2. Triệu chứng lâm sàng và Xquang của dị vật đường ăn và biến chứng. 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán: xác định, phân biệt, vị trí, biến chứng 4. Nguyên tắc xử trí	CLO4, CLO5	hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
7	Viêm họng cấp, mạn. Viêm VA, Amydal cấp, mạn	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu sinh lý họng, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau, ho, có hạch cổ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
8	Viêm thanh quản cấp, mạn	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu sinh lý thanh quản, triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân. 2.Tiêu chuẩn chẩn đoán xác định 3. Khai thác tiền sử, bệnh sử xác định các dấu hiệu: khàn tiếng, ho, khó thở...	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
9	Đại cương biến chứng nội sọ do	4/0/8	1.Nắm được giải phẫu tai giữa, xương chũm,	CLO1, CLO2, CLO3,	Thuyết trình ngắn tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3	

	tai		triệu chứng lâm sàng, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị 2. Khai thác tiền sử, bệnh sử: sốt, đau tai, chảy mủ tai tăng lên, sốt cao rét run, nhức đầu, nôn, tinh thần thay đổi 3. Xác định hồi viêm của viêm tai xương chũm mạn tính.	CLO4, CLO5	hóa người học.	2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
9	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được một số bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Tai mũi họng.	3/0/1.5	Viết được hồ sơ	CLO3, CLO5	Laptop, máy chiếu	Thuyết trình Làm việc	Nghe Thảo luận, nhận	

	2.Hướng dẫn làm bệnh án TMH.		bệnh án Tai mũi họng			nhóm	xét, đánh giá	
2	Lâm sàng viêm mũi xoang, cấp mạn.	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm bệnh án cho người bệnh viêm mũi xoang, cấp mạn. 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO5, CLO6	Laptop, máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Lâm sàng viêm tai giữa cấp, mạn.	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm bệnh án cho người bệnh viêm tai giữa cấp, mạn 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO5, CLO6,	Laptop, máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

4	Lâm sàng viêm họng cấp, mạn	3/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm bệnh án cho người bệnh viêm họng cấp, mạn. 2.Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO5, CLO6,	Laptop, máy chiếu	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Đọc phim X quang thông thường TMH, Đọc thính lực đồ., nhĩ lượng	3/0/1.5	- Biết cách sử TMH thông thường phim X quang thông thường TMH, Đọc thính lực đồ., nhĩ lượng	CLO5, CLO6,	Laptop, máy chiếu, phim XQ tai mũi họng	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubic 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**

Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubic 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO 1,2,3,4,5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO 1,2,3,4,5	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1,2,3	40 %	24	8	8	8	0
CLO4,5,6	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1. Bộ môn Mắt- Bộ môn Tai mũi họng, Trường ĐHY HN: Bài giảng Mắt-Tai mũi họng. NXB Y học 1990
10.1.2 Bộ Y tế: Mắt răng miệng tai mũi họng, NXB Giáo dục Việt Nam 2009.
10.1.3. Bộ Y tế: Sách Tai mũi họng, NXB Y học 2003
10.1.4. Gs Ngô Ngọc Liễn: Bệnh học Tai mũi họng đầu mặt cổ. NXB Y Học 2019
10.1.5. PGS Nhan Trừng Sơn: Tai mũi họng Quyển 1. NXB Hà Nội 2016
10.1.6. PGS Nhan Trừng Sơn: Tai mũi họng Quyển 2. NXB Hà Nội 2016

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN MẮT
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Mắt
* Tiếng Anh: Ophthalmology
- Mã học phần/ mô đun: MEDI5116
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (KTTX: 1 tiết + Thi LT: 1 tiết + Thi LS: 4 tiết + 4 tiết bệnh án)
  + Thời gian tự học:45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □ QUOTE	**Tự chọn** x	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Nội khoa cơ sở, Ngoại cơ sở
  + Học phần học trước: Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Mắt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ts. Hoàng Cương	0913553511	Bệnh viện Mắt TW	
2	PGS.TS. Đỗ Tấn	0912364598	Bệnh viện Mắt TW	
3	Ts. Thẩm Trương Khánh Vân	098334504	Bệnh viện Mắt TW	mailto:thuyphuongydhctvn@gmail.com
4	TS. Nguyễn Quốc Anh	0912117030	Bệnh viện Mắt TW	
5	TS. Phạm Thị Minh Châu	0796087966	Bệnh viện Mắt TW	
6	ThS. Võ Thị Thu Hồng	0982161854	Bệnh viện Mắt TW	

7	Ths. Nguyễn Thu Trang	0989955613	Bệnh viện Mắt TW	
8	Ths. Nguyễn Thị Thúy Giang	0382140555	Bệnh viện Mắt TW	
9	Ths. Nguyễn Đức Dũng	0936120784	Bệnh viện Mắt TW	
10	Ths. Nguyễn Kiên Trung	0912486046	Bệnh viện Mắt TW	
11	Bs. Nguyễn Thái Đạt	0913066055	Bệnh viện Mắt TW	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Các kiến thức cơ bản để chẩn đoán và điều trị một số bệnh về mắt thông thường
MT HP2	Khả năng thực hành hiệu quả hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản trong một số bệnh về mắt thường gặp.
MT HP3	Tầm quan trọng, tính nguy hiểm và tuyên truyền phòng bệnh với một số bệnh về mắt trong cộng đồng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm được giải phẫu và sinh lý mắt.
CLO2	Khám và chẩn đoán được một số bệnh về mắt thường gặp thường gặp ở cộng đồng.Biết cách xử trí, hướng điều trị một số bệnh về mắt thông thường. mối liên quan giữa bệnh mắt và các bệnh toàn thân và các chấn thương mắt thường gặp.
CLO3	Thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật như tra thuốc vào mắt, rửa mắt, điều trị chắp, lẹo.

CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

CLO	PLO						
	PLO 1	PLO2	PLO3	PLO6	PLO7	PLO12	PLO15
CLO 1							
CLO2				2	2		2
CLO 3		3	3				
CLO 4							
CLO 5						3	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo thị lực
2	Máy đo thị trường
3	Máy đo nhãn áp

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Trên bệnh nhân tại bệnh viện thực hành.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án cuối đợt đi lâm sàng.
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Giải phẫu sinh lý mắt: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Các nguyên nhân mờ mắt: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bài 3: Các nguyên nhân đỏ mắt: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn cách khám và làm bệnh án mắt

Bài 2: Thị lực và phương pháp khám thị lực

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Nhãn áp, thị trường.

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để có kết quả chuẩn xác trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, báo cáo kết quả chuẩn xác để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Các thuốc điều trị trong nhãn khoa

Biết được các nhóm thuốc sử dụng trong nhãn khoa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng.

Bài 5: Cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt

- Quan sát, thực hiện tên bệnh nhân giả định sau đó thực hiện trên bệnh nhân thật
- Làm việc độc lập: thực hiện tốt cách nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt.

Bài 6: Chắp, lẹo và cách xử trí.

- Chẩn đoán đúng được chắp, lẹo.
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận và xử trí
- Làm việc độc lập: khám BN, chẩn đoán, xử trí.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý mắt, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh mắt thường gặp, mối liên quan giữa bệnh mắt và các bệnh toàn thân và các chấn thương mắt thường gặp.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1.Gải phẫu, sinh lý mắt 1.1. Hốc mắt 1.2. Mi mắt 1.3. Hệ thống lệ 1.4. Nhãn cầu 1.5. Đường thần kinh thị giác và trung tâm vỏ não thị giác	4/0/8	Trình bày được đặc điểm giải phẫu,sinh lý mắt	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	2. Các nguyên nhân đỏ mắt 2.1. Đại cương 2.2. Chẩn đoán 2.3. Bệnh học - Viêm kết mạc - Viêm loát giác mạc - Glocôm - Viêm màng bồ đào.	4/0/8	Chẩn đoán, hướng điều trị các bệnh gây đỏ mắt	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua hình ảnh, slide.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
3	3. Các nguyên nhân mờ mắt 3.1. Các nguyên nhân mờ mắt từ từ 3.2. Các nguyên nhân mờ mắt đột ngột	4/0/8	Chẩn đoán và hướng điều trị các nguyên nhân gây mờ mắt từ từ và mờ mắt đột ngột	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua hình ảnh, slide.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
4	4. Đục thủy tinh thể	3/0/6	Nắm được: Định nghĩa	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn	1.Tự học: như mục	Điểm thường

			Phân loại Dịch tễ Yếu tố nguy cơ Sinh bệnh học Triệu chứng Chẩn đoán Điều trị		tích cực hóa người học	6.2.3 2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1.Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP Mắt. 2.Hướng dẫn cách khám và làm bệnh án Mắt	4/0/2	Viết được hồ sơ bệnh án Mắt	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Thị lực và phương pháp khám thị lực	4/0/2	-Thế nào là thị lực -Các phương pháp khám thị lực -Thực hành đo thị lực	CLO3, CLO5	Bảng, phấn, máy đo thị lực.	Dạy học trên bệnh nhân, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày cách khám, đo thị lực, trình diễn đo, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Nhãn áp	4/0/2	-KN nhãn áp -Các phương pháp		Bảng, phấn Máy đo nhãn	Dạy học trên bệnh nhân,	1.Tự học: như mục	Điểm thường

			đo nhãn áp -Thực hành đo nhãn áp	CLO3, CLO4, CLO5	áp	dạy học bằng thảo luận nhóm	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày cách khám, đo nhãn áp trình diễn đo, nhận xét, đánh giá	xuyên
4	Thị trường	4/0/2	-KN thị trường -Phương pháp đo thị trường -Thực hành đo thị trường	CLO3, CLO5	Bảng, phấn Máy đo thị trường	Dạy học trên bệnh nhân, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày cách khám, đo thị trường,trình diễn đo, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Các thuốc điều trị trong nhãn khoa	4/0/2	-Nêu được các thuốc sử dụng trong nhãn khoa -Chỉ định, chống chỉ định -Tác dụng phụ.	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn, Máy chiếu, hình ảnh thước.	Dạy học bằng thuyết trình kèm hình ảnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Lắng nghe, đặt câu hỏi, thảo luận.	Điểm thường xuyên
6	Cách nhỏ thuốc,	6/0/2	Nắm được qui		Dụng cụ vô	Dạy học trên	1.Tự học:	Điểm

	tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt		trình nhỏ thuốc, tra thuốc vào mắt, cách rửa mắt	CLO3, CLO5	khuẩn. Một số thuốc tra mắt thông thường	bệnh nhân giả định và trên bệnh nhân thật.	như mục 6.2.3 2. 2.Trên lớp: Lắng nghe, quan sát, thực hành.	thường xuyên
7	Chắp lẹo và cách xử trí	6/0/3	1. Khám, chẩn đoán xác địn và chẩn đoán phân biệt được chắp, lẹo và cách xử trí.	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết trình có hình ảnh trên slide	Dạy học theo case bệnh, dạy học dựa trên giải quyết vấn đề	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: Lắng nghe, quan sát, thực hành	Điểm thường xuyên
8	Làm BA thi	0/5/0		CLO3				Điểm thi LS
9	Thi vấn đáp	0/5/0		CLO3, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <3 buổi.	Đi học <3 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <3 buổi, không đi muộn	Đi học <4 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 4 buổi .	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5.5 – 6.9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8.4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8.5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học không đầy đủ	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, thực hiện các kỹ thuật <2BN/tuần	Khám, thực hiện các Kỹ thuật 2BN/tuần	Khám, thực hiện các Kỹ thuật 3-4 BN/tuần	Khám, thực hiện các Kỹ thuật 4-5 BN/tuần	Khám, thực hiện các Kỹ thuật > 5BN/tuần	**30%**
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	**30%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**30%**

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	70%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	20 %	11	7	2	2	0
CLO2	40 %	13	8	2	1	2
CLO3	40%	16	9	4	1	2
Tổng	100%	40	24	8	4	4

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Đại học Y Hà Nội - Bài giảng nhãn khoa bán phần trước - Nhà xuất bản Y học 2005

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Chủ biên.PGS.TS Hoàng Thị Phúc- Nhãn khoa (Dành đào tạo bác sỹ đa khoa) – Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
HỌC PHẦN UNG THƯ

Trình độ đào tạo: Đại học. Ngành: Y học cổ truyền. Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun: Ung thư

* Tiếng Việt: Ung thư

* Tiếng Anh: Oncology

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5117
- Số tín chỉ: 1,0 LT/ 1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [X]						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành [X]		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
							[X]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
  + Học phần học trước (đã học): Không
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	Ung bướu	bshoabvk@gmail.com
2	PGS.TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	Ung bướu	phungthihuyen@gmail.com
3	ThS. Hà Hữu Hoàng Khải	0969088085	Ung bướu	hoangkhai.hmu@gmail.com
4	BSCKI. Nguyễn Đăng Yên	0978783214	Ung bướu	ngdangyen0409@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Hương Giang	0399893280	Ung bướu	bsnhgiang@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP 1	Vận dụng được các kiến thức về dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh ung thư thường gặp.
MT HP 2	Làm được bệnh án ung thư; thực hiện được một số kỹ năng thăm khám lâm sàng, chỉ định và nhận định kết quả xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.
MT HP 3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT HP 1	3	2				
MT HP 2	3	2				
MT HP 3					3	

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích cơ chế bệnh sinh, diễn tiến tự nhiên các bệnh lý ung thư thường gặp
CLO2	Khám lâm sàng đúng kỹ thuật, phát hiện triệu chứng các bệnh lý ung thư thường gặp
CLO3	Chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng hợp lý và giải thích kết quả trong các bệnh lý ung thư thưởng gặp
CLO4	Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý ung thư thường gặp
CLO5	Lập kế hoạch điều trị và dự phòng các bệnh lý ung thư thường gặp
CLO6	Giao tiếp tốt và thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		3															
CLO 2											2	2					
CLO 3											2	2					
CLO 4			3									2					
CLO 5				2	2							2					
CLO 6														3	2	2	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy chiếu, loa, mic, bút chỉ, bảng, phấn

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP.

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Phòng học, bàn ghế
2	Laptop, máy chiếu
3	Đèn đọc phim X-quang
4	Máy đo huyết áp
5	Ống nghe

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải tham gia 100% số buổi.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của chương trình chi tiết học phần trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Khái niệm cơ bản về ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 2: Quá trình tiến triển và dự phòng ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 3: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh bệnh ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 4: Chẩn đoán bệnh ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 5: Nguyên tắc điều trị ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 6: Điều trị giảm đau trong ung thư: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 7: Ung thư vòm: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 35 tuổi vào viện vì chảy máu mũi lẫn nhày mũi (P) kèm theo đau đầu nhiều và lác trong mắt (P). Khám lâm sàng phát hiện hạch cổ nhóm II bên (P) kích thước 3cm, hạch cổ nhóm III bên (T) kích thước 2cm. Qua nội soi tai mũi họng phát hiện U sùi toàn bộ vòm mũi họng (P). Sinh thiết u vòm, kết quả: ung thư biểu mô không biệt hóa. Trên cộng hưởng từ phát hiện tổn thương u vòm xâm lấn khoang cạnh hầu, chưa xâm lấn xương, chưa xâm lấn xoang cạnh mũi.

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy phân tích cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể bệnh nhân trên?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.

Bài 8: Ung thư phế quản – phổi: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 52 tuổi, được chẩn đoán Ung thư phổi giai đoạn IV di căn cột sống thắt lưng L4-L5. Bệnh nhân hiện tại đau nhói vùng cột sống tương ứng tổn thương di căn, kèm theo đau lan xuống mặt sau hông và đùi (P), cảm giác đau bỏng rát kèm tê bì.

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy phân tích cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể bệnh nhân trên?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.

Bài 9: Ung thư dạ dày: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ 50 tuổi, tiền sử khỏe mạnh, vào viện vì đau bụng thượng vị, gầy sút cân 5kg trong vòng khoảng 2 tháng nay. Khám thấy đau bụng âm ỉ vùng thượng vị, đau kiểu rát bỏng, ăn vào đỡ đau. Bệnh nhân không có nôn máu, không đi ngoài phân đen. Nội soi dạ dày phát hiện ổ sùi loét lớn, bờ nham nhở vùng gần môn vị. Chụp cắt lớp vi tính phát hiện khối lớn gần môn vị dạ dày xâm lấn qua lớp cơ, kèm vài hạch bờ cong nhỏ.

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy đưa ra các chẩn đoán cho bệnh nhân này. Cần làm thêm những xét nghiệm gì để chẩn đoán xác định?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.

Bài 10: Ung thư đại trực tràng: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam, 65 tuổi, tiền sử khỏe mạnh, vào viện vì đi ngoài phân nhày máu khoảng 1 tháng, không đau bụng, ăn uống bình thường. Thăm trực tràng có khối u sùi chít hẹp chiếm 2/3 chu vi lòng trực tràng, di động hạn chế, bờ dưới u cách rìa hậu môn 6cm.

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy đề xuất xét nghiệm cận lâm sàng nào cần làm tiếp theo để chẩn đoán xác định?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.

Bài 11: Ung thư vú: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Bệnh nhân nữ, 50 tuổi, mắc ung thư vú giai đoạn IV, di căn xương cột sống thắt lưng, gây đau nhiều, đau lan xuống 2 chi dưới, kèm tê bì. Bệnh nhân được đánh giá mức độ đau VAS 5 điểm.
1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy đề xuất những xét nghiệm nào cần làm tiếp theo để chẩn đoán tình trạng bệnh cho bệnh nhân?
2. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.
3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc cho bệnh nhân trên?
Bài 12: U lympho ác tính không Hodgkin: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Bệnh nhân nam, 50 tuổi vào viện vì nổi hạch cổ (P), hạch to nhanh, mật độ trung bình, di động hạn chế. Khám lâm sàng phát hiện bệnh nhân gày sút 6kg/ 6 tháng gần đây (ước tính 10% trọng lượng cơ thể), không sốt, thường xuyên ngứa da. Chụp cắt lớp vi tính ngực phát hiện thêm hạch trung thất dưới carina, kích thước 5cm, hạch phá vỡ vỏ, hoại tử trung tâm. Các cơ quan bộ phận khác chưa phát hiện bất thường. Kết quả mô bệnh học: U lympho không Hodgkin, phân loại mô bệnh học theo công thức thực hành là WF8.
1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy đưa ra các xét nghiệm nào cần thiết để chẩn đoán xác định.
2. Thể mô bệnh học này thuộc phân nhóm độ ác tính nào?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.
Bài 13: Ung thư gan nguyên phát: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Bệnh nhân nam, 40 tuổi, tiền sử Alpha-Thalassemia, phải truyền máu nhiều lần; đợt này đi khám tình cờ phát hiện u gan hạ phân thùy 5, kích thước 5cm, có tính chất wash-out trên phim Cắt lớp vi tính 3 pha.
1. Cần làm xét nghiệm gì để khẳng định chẩn đoán Ung thư biểu mô tế bào gan trên bệnh nhân này?
2. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.
3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc cho bệnh nhân trên?
Bài 14: Ung thư buồng trứng: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân Lê Thị H. 22 tuổi chưa có gia đình, kinh nguyệt đều, được chuyển đến viện trong tình trạng đau bụng dữ dội, vã mồ hôi, nôn. Khám thấy bụng có phản ứng, phần phụ phải có khối kích thước 8 cm.di động hạn chế không ra máu âm đạo, siêu âm thấy khối u ở phần phụ bên phải kích thước 9cm âm vang không đồng nhất

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy đưa ra các chẩn đoán cho bệnh nhân này. Cần làm thêm những xét nghiệm gì để chẩn đoán xác định?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.

Bài 15: Ung thư cổ tử cung: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ, 40 tuổi, đi khám vì ra máu âm đạo sau quan hệ vợ chồng. Khám phát hiện u sùi cổ tử cung xâm lấn âm đạo 1/3 dưới, u kích thước khoảng 4x3cm; xâm lấn parametre. Kết quả mô bệnh học sau bấm sinh thiết: Ung thư biểu mô vảy, biệt hóa vừa theo FIGO 2018

1. Xét nghiệm nào quan trọng nhất để đánh giá giai đoạn của bệnh nhân này?
2. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các phương pháp điều trị nào? Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng không mong muốn có thể gặp phải của các phương pháp đó.
3. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc cho bệnh nhân trên?

❖ Lâm sàng:

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án Ung thư.

Bài 2: Hướng dẫn khám hạch ngoại vi:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): trình bày vị trí của các nhóm hạch ngoại vi.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán.

Bài 3: Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư vú:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 4: Thực hành khám vú:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 5: Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư dạ dày:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 6: Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư đại trực tràng:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 7: Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư phổi:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 8: Điều trị tia xạ, các biến chứng sớm- muộn cuả xạ trị:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 9: Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư vòm:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 10: Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 11: Điều trị đau và chăm sóc giảm nhẹ:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm cơ bản về ung thư	1/0/2	1. Nêu được đặc tính chung của bệnh ung thư. 2. Phân biệt được sự khác nhau của các loại ung thư. 3. Nêu được những quan điểm đúng về điều trị và phòng bệnh ung thư.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2	Quá trình tiến triển và dự phòng ung thư	1/0/2	1. Mô tả được ung thư là loại bệnh tiến triển theo thời gian. 2. Trình bày được các giai đoạn tiến triển của ung thư. 3. Trình bày được ứng dụng quá trình tiến	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

			triển tự nhiên của ung thư vào phòng chống bệnh ung thư.				
3	Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh bệnh ung thư	1/0/2	1. Kể được các nguyên nhân phổ biến gây ung thư. 2. Xác định được những nguyên nhân có thể dự phòng.	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	1/0/2	1. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán ung thư hiện nay. 2. Nêu được phương pháp chẩn đoán giai đoạn theo TNM và một số phương pháp phân loại khác được áp dụng 3. như: FIGO, Ann-Arbor và Dukes.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

5	Nguyên tắc điều trị ung thư	1/0/2	1. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản điều trị bệnh ung thư. 2. Nêu nguyên tắc và mục đích điều trị phẫu thuật. 3. Nêu nguyên tắc và kỹ thuật điều trị xạ trị. 4. Trình bày các phương pháp điều trị toàn thân.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
6	Điều trị giảm đau trong ung thư	1/0/2	1. Có khả năng nhận biết, đánh giá mức độ đau trong ung thư. 2. Biết cách sử dụng các thuốc giảm đau theo thang giảm đau ba bậc của Tổ chức y tế thế giới.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
7	Ung thư vòm	1/0/2	1. Kể được các triệu chứng lâm sàng thường gặp của u vòm mũi họng. 2. Nêu được chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt ung thư vòm mũi họng. 3. Nêu được nguyên tắc điều trị theo giai đoạn bệnh.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

8	Ung thư Phế quản - Phổi	1/0/2	1. Trình bày các yếu tố nguy cơ gây ung thư phế quản phổi 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán ung thư phế quản phổi 3. Nêu được nguyên tắc điều trị bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ và ung thư phổi tế bào nhỏ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
9	Ung thư dạ dày	1/0/2	1. Trình bày được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây ung thư dạ dày 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán bệnh ung thư dạ dày 3. Phân tích vai trò của các phương pháp điều trị ung thư dạ dày.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

10	Ung thư đại, trực tràng	1/0/2	1. Trình bày được dịch tễ học và yếu tố nguy cơ của ung thư đại trực tràng 2. Trình bày được các đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán ung thư đại trực tràng. 3. Trình bày được các nguyên tắc điều trị ung thư đại trực tràng.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
11	Ung thư vú	1/0/2	1.Trình bày được dịch tễ học, yếu tố nguy cơ gây ung thư vú. 2.Trình bày được phương pháp chẩn đoán ung thư vú và các yếu tố tiên lượng trong ung thư vú. 3.Trình bày được các phương pháp điều trị ung thư vú.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

12	U lympho ác tính không Hodgkin	1/0/2	1. Trình bày được chẩn đoán u lympho ác tính không Hodgkin 2. Trình bày được xếp loại giai đoạn u lympho ác tính không Hodgkin theo Ann Arbor 3. Nêu được nguyên tắc điều trị u lympho ác tính không Hodgkin	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
13	Ung thư gan nguyên phát	1/0/2	1. Trình bày được chẩn đoán ung thư gan 2. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư gan	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

14	Ung thư biểu mô buồng trứng	1/0/2	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư buồng trứng. 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư buồng trứng. 3. Nắm được nguyên tắc điều trị ung thư buồng trứng theo giai đoạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
15	Ung thư cổ tử cung	1/0/2	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư cổ tử cung 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư cổ tử cung 3. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư cổ tử cung theo các giai đoạn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1. Tự học: như mục 6.2.3 2. Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT…): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án .); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm,

làm BT thường xuyên số….).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giới thiệu chung, trình bày bệnh án ung thư.	2/0/1	Viêt được bệnh án Ung thư	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Máy chiếu, máy tính	- Thuyết trình	- Nghe - Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Hướng dẫn khám hạch ngoại vi	2/0/2	Có khả năng thành thục khám hệ thống hạch ngoại vi.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính.	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư vú	4/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhân ung thư vú 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

4	Thực hành khám vú	2/0/1	Có khả năng thành thục khám vú.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm Cầm tay chỉ việc	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Chẩn đoán, Nguyên tắc điều trị ung thư dạ dày	4/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhân ung thư dạ dày 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
6	Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư đại trực tràng	4/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhân ung đại trực tràng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

7	Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư phổi.	4/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhân ung thư đại trực tràng 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
8	Điều trị Tia xạ, Các biến chứng sớm - muộn của xạ trị	2/0/2	Nhận định tác dụng, biến chứng và xử trí các biến chứng sớm- muộn của xạ trị	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
9	Chẩn đoán, nguyên tắc điều trị ung thư vòm.	2/0/1	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho bệnh nhân ung thư vòm 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính, ống nghe, máy đo huyết áp	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

10	Điều trị hóa chất và tác dụng không mong muốn của hóa trị	2/0/2	Nhận định tác dụng, tác dụng không mong muốn của hóa chất; xử trí các tác dụng không mong muốn của hóa trị.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
11	Điều trị Đau và chăm sóc giảm nhẹ	2/0/2	1. Có khả năng nhận biết, đánh giá mức độ đau trong ung thư. 2. Biết cách sử dụng các thuốc giảm đau theo thang giảm đau ba bậc của Tổ chức y tế thế giới.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6.	Máy chiếu, máy tính	- Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
12	Làm BA thi	0/4/0		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.				Điểm thi LS
13	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO1 CLO6				Điểm thi LS

Ghi chú:

- (3) Số tiết (TH/LS/KT…): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra… của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án .); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Rubric đánh giá chuyên cần (lý thuyết)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5,5 – 6,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8,5 – 10)	**40%**

Rubric 2: Rubric đánh giá chuyên cần (lâm sàng)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học không đầy đủ	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3,9)**	**(4,0-5,4)**	**(5,5-6,9)**	**(7,0-8,4)**	**(8,5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	30%

Rubric 3: Rubric đánh giá lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	30%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình rubric theo bài
Điểm thực hành	45%	Chấm bệnh án Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	45%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO3 CLO4	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1,3,4	100%	50	10 (20%)	25 (50%)	15 (30%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0,3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0,1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ung bướu. *Bài giảng Chuyên ngành Ung thư*. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bài giảng Ung thư học (2015), Nguyễn Văn Hiếu, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Tâm thần

* Tiếng Anh: Mental Health

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5118
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 6 tiết (Thi LT trắc nghiệm trên máy: 1 tiết và Thi LS tại bệnh viện: 5 tiết)

+ Thời gian tự học: 49 tiết (LT: 34 tiết, LS: 15 tiết)

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành [x]		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	**Tự chọn** [x]	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không

+ Học phần học trước (đã học): Giải phẫu 1, Giải phẫu 2, Sinh lý, Nội cơ sở YHHĐ, Ngoại cở YHHĐ, Nội bệnh lý YHHĐ, Ngoại bệnh lýYHHĐ, Thần kinh

+ Học phần song hành: không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	BS CKI. Đỗ Thị Thúy Anh	0912440699	Nội	dothithuyanh73@gmail.com
2	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mời Mời thỉnh giảng ở Bệnh viện thực hành			

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyện nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần

	thường gặp.
MT HP2	Khả năng làm hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điều trị một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần thường gặp.
MT HP3	Khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Khả năng tự đánh giá được công việc của bản thân và nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MTHP2		3				
MTHP3	3	3	3			

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần thường gặp.
CLO2	Biện chứng và xây dựng được kế hoạch điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần thường gặp.
CLO3	Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng, đưa ra chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần thường gặp.
CLO4	Thực hiện được xử trí ban đầu và điều trị tại bệnh viện một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần thường gặp.
CLO5	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: tự đánh giá được công việc của bản thân và nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2																
CLO 2	2																
CLO 3			1														
CLO 4				1	1												
CLO 5	2		1	1	1							2		2			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Bảng phấn

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn, đèn đọc phim XQ

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Đọc tài liệu và thuyết trình- Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Phỏng vấn, theo dõi và khám lâm sàng, chẩn đoán ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Buổi 1:

+ Bài 1: Đại cương về sức khỏe tâm thần: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK). Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

+ Bài 2: Ý thức và nhận thức: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

+ Bài 3: Tri giác, tư duy và trí nhớ: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Buổi 2:

+ Bài 4: Ngôn ngữ và học tập: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

+ Bài 5: Động lực & Thúc đẩy- Cảm xúc: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

+ Bài 6: Stress và ứng phó- Tâm lý xã hội: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Buổi 3:

+ Bài 7: Cấu trúc và sinh lý thần kinh trong Tâm thần học – Điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc trong Tâm thần học: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để tìm hiểu bài, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
+ Bài 8: Rối loạn ý thức- nhận thức: Đọc TLC và TLTK. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Một bé gái 7 tuổi được đưa đến bác sĩ nhi khoa theo gợi ý của giáo viên lớp hai. Bệnh nhân đã trở lại trường học được 3 tuần sau kỳ nghỉ hè. Theo giáo viên, bệnh nhân cảm thấy rất khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của mình kể từ khi đi học trở lại. Đứa trẻ hiếm khi gây rối nhưng không thể hoàn thành bài tập trong thời gian quy định mặc dù các bạn cùng lớp của cô ấy làm như vậy mà không gặp khó khăn gì. Trẻ cũng mắc những lỗi bất cẩn trong công việc của mình. Mặc dù bé vẫn đang vượt qua các lớp học, nhưng điểm của bé đã giảm xuống, và trẻ dường như mơ mộng rất nhiều trong lớp. Giáo viên báo cáo rằng bệnh nhân phải lặp đi lặp lại nhiều lần hướng dẫn để hoàn thành một nhiệm vụ (ví dụ, trong một giờ học mĩ thuật). Bệnh nhân thích giáo dục thể chất và học tốt trong lớp đó. Các giáo viên báo cáo rằng sự chú ý của trẻ liên tục đảo lộn và họ phải gọi tên hoặc vẫy tay để thu hút sự chú ý của bé ngay lập tức. Bé chưa khi nào có biểu hiện nhìn chằm chằm một cách vô hồn hoặckhông phản ứng trong một thời gian ngắn.
Mặc dù cha mẹ của cô bé đã nhận thấy một số hành vi tương tự ở nhà, nhưng họkhông đặc biệt quan tâm vì họ đã tìm cách để làm việc ở nhà, nên khi họ giám sát trực tiếp đứa trẻ và công việc của trẻ, thì bé có thể hoàn thành bài tập về nhà của mình. Nhưng họ phải liên tục kiểm tra công việc của bé để chỉ ra những lỗi bất cẩn.
Trẻ dường như biết câu trả lời đúng khi nó được gợi ý. Phụ huynh cũng báo cáo rằng bệnh nhi không sẵn sàng đến trường vào các buổi sáng nếu không được theo dõi từng thời điểm. Phòng ngủ của cô ấy lộn xộn, và cô ấy mất đồ liên tục. Cha mẹ mô tả con gái của họ là một đứa trẻ vui vẻ, thích chơi với anh chị em và bạn bè của mình. Họ lưu ý rằng cô ấy không thích trường học, ngoại trừ các lớp học thể dục.
Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

9. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích rối loạn hành vi và rối loạn vận động
10. Anh/chị hãy phân tích cách thức tiếp cận và phỏng vấn bệnh nhân

+ Bài 9: Rối loạn hành vi và rối loạn vận động: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Sau khi nằm viện để chữa trị vài thương tích trên cơ thể vì một tai nạn xe cộ, Duy được chuyển đến trung tâm cai rượu. Lý do là cảnh sát phát hiện nồng độ cồn trong hơi thở rất cao. Trong cuộc phỏng vấn với bác sĩ, Duy từ chối không trả lời nhiều câu hỏi liên quan đến những vấn đề về nghiện ngập. Duy cho biết, tai nạn xảy ra trong tuần trước là lần duy nhất. Duy uống nhiều rượu trong một bữa tiệc vui với bạn bè. Duy ra về với giấy hẹn gặp lại sau 2 tuần. Nhưng sau 2 tuần, Duy không quay lại viện.
Khoảng 2 tháng sau, Duy được đưa tới trung tâm sức khỏe tâm thần để khám nghiệm và chữa trị. Lý do là Duy đã bị bắt vì tội đột nhập vào một cửa hàng. Trong thời gian tạm giam Duy đã hợp tác và khai báo thành thật. Duy thú nhận rằng hành ðộng sai trái vừa qua là lần xảy ra duy nhất trong ðời vì Duy say rượu trong lúc vui với bạn bè. Duy từ chối mình có tật nghiện rượu.

Khoảng 3 ngày sau khi đang ở trong trại giam, Duy thấy mình như lên cơn sốt. Mồ hôi toát ra nhiều, tim đập nhanh, không ăn uống được vì nôn mửa liên tục. Cơ thể bải hoải, kiệt sức và không ngủ được. Vài hôm sau thì các triệu chứng giảm dần. Duy hồi phục dù không uống viên thuốc nào.
Nhưng mấy ngày trở lại đây, Duy lại mệt mỏi trở lại. Duy có những hành vi như la hét ầm ĩ, kêu đau đầu, tay chân múa may như người đang tức giận hay muốn hành hung người khác, đứng ngồi không yên, run rẩy, co quắp như có điều gì lo sợ và tuyệt vọng. Với những triệu chứng xảy ra trong 2 lần, Duy được chuyển đến trung tâm sức khỏe tâm thần để khám. Qua vài ngày phỏng vấn và làm xét nghiệm, bác sĩ được biết về Duy như sau, Duy năm nay 19 tuổi, bỏ học khi đang học lớp 12, hiện tại không có nghề nghiệp. Duy thú nhận đã nghiện hút cần sa từ 3 năm nay. Từ lúc học lớp 9, Duy đã bị bạn xấu dụ dỗ để buôn lậu các chất gây nghiện. Duy cũng thú nhận dùng rượu bia để giải sầu và làm gia tăng cảm giác say sưa trong khi đang nghiện cần sa.
Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích rối loạn hành vi và rối loạn vận động
2. Anh/chị hãy phân tích cách thức tiếp cận và phỏng vấn bệnh nhân
3. Anh/chị hãy phân tích các xét nghiệm cận lâm sàng có thể được đề nghị

Buổi 4:
+ Bài 10: Rối loạn tri giác- trí nhớ: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Câu hỏi tình huống:
Nguyệt ngồi tại phòng đợi với nét mặt nhăn nhó và nước mắt giàn giụa. Hôm nay, cô cảm thấy mình như bị kiệt sức với cơn đau ở bụng và luôn cảm thấy muốn nôn mửa. Bây giờ đã phải ngồi đợi cả tiếng nữa mới đến lượt mình được thăm khám. Cô hiện đã 40 tuổi, là viên chức làm việc tại một văn phòng, đang sống với chồng và con gái 16 tuổi.
Theo lời khai của Nguyệt, kể từ 15 tuổi, cô đã thường có các triệu chứng đau nhức ở các khớp xương, thay đổi từ chỗ này sang chỗ khác, đôi khi cảm giác đau chấm dứt một thời gian, nhưng khi nó quay trở lại thì cảm giác đau cứ như tăng dần mức độ trầm trọng. Tình trạng này lặp đi lặp lại trong suốt 20 năm. Trong thời gian đó, cô đã nhiều lần khám để tìm cách chữa trị. Nhưng dù đã xét nghiệm rất nhiều lần, chụp Xquang, thử máu đều không phát hiện được điều gì. Tuy thế, cô vẫn được cấp các loại thuốc giảm đau, chống viêm và thuốc bổ. Rốt cuộc những lần điều trị như vậy không mang lại kết quả. Cô vẫn tiếp tục phàn nàn và lo lắng cho tình trạng đau đớn của mình. Mấy năm gần đây cô lại thường kêu đau nhiều hơn, về nhiều chứng đau khác nhau, khi thì đau bụng, khi thì đau bên hông sườn, hay đau lưng. Mỗi lần như thế, cô đều được chồng con quan tâm đưa đi khám nhưng kết quả khám cũng vẫn không phát hiện được điều gì. Do không tin tưởng vào xét nghiệm của các bác sĩ tại địa phương, cô đã mua dài hạn một tờ báo y học để tìm kiếm thêm thông tin về bệnh tật cơ thể. Tuy nhiên, cô cảm thấy cơn đau bụng của mình tăng cao khi đọc tin tức với các loại bệnh ung thư dạ dày và ruột.
Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

9. Từ tình huống trên, Anh/chị hãy phân tích rối loạn tri giác
10. Anh/chị hãy phân tích cách thức tiếp cận và phỏng vấn bệnh nhân

+ Bài 11: Rối loạn tư duy và ngôn ngữ: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.
Câu hỏi tình huống:
Một người đàn ông 26 tuổi được gia đình đưa đến khám vì ở nhà trong mấy ngày qua, bệnh nhân la hét, không ngủ, ăn uống thất thường. Bệnh nhân đã bỏ việc cả tuần nay. Bệnh nhân từ chối đi khám nên người nhà cưỡng ép đến bệnh viện tâm thần. Anh ta hét lên, “Thả tôi ra nếu không họ sẽ bắt tôi!

Họ đã theo đuổi tôi trong nhiều năm! Không thể để họ bắt được tôi! ” Anh ta phủ nhận tâm trạng chán nản, ý định tự tử, ý tưởng giết người, ảo giác thính giác hoặc thị giác, và các vấn đề về tâm thần hoặc y tế trước đó. Anh ta phủ nhận việc dùng thuốc hoặc ma túy bất hợp pháp. Để trả lời về việc sử dụng cần sa, anh ta đáp lại, "bây giờ nó là hợp pháp." Anh ấy sớm kết thúc cuộc phỏng vấn, từ chối trả lời thêm bất kỳ câu hỏi nào vì “họ có thể nghe thấy chúng ta”. Bệnh nhân từ chối uống nước vì sợ bị đầu độc.

Khi kiểm tra tình trạng tâm thần, bệnh nhân có biểu hiện không tập trung chú ý và bẩn thỉu. Anh ta hành động thận trọng và đề phòng, tránh giao tiếp bằng mắt. Lời nói của anh ấy rất khó theo dõi và anh ấy thường quay đầu đi và lẩm bẩm một mình. Cảm xúc của bệnh nhân dường như bị cùn mòn đi. Anh ta đột ngột nhìn xung quanh vài lần và dường như đang phản ứng với các kích thích bên trong.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy phân tích rối loạn tư duy và ngôn ngữ
2. Anh/chị hãy phân tích cách thức tiếp cận và phỏng vấn bệnh nhân

+ Bài 12: Rối loạn khí sắc và rối loạn lo âu: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Câu hỏi tình huống:

Một người đàn ông 40 tuổi là trưởng phòng kế toán cho một công ty xuất khẩu, đang sống với vợ và 2 đứa con, 12 và 2 tuổi. Gần đây, anh ta thấy sinh lực của mình suy giảm, chán nản với công việc đã từng cho anh ta nhiều niềm vui. Anh ta bắt đầu đi muộn về sớm, và không muốn chuyện trò cùng ai trong công ty. Một người bạn thấy tình trạng như vậy khuyên anh nên đi gặp bác sĩ. Anh ta đã đến một phòng khám đa khoa. Sau khi khám, bác sĩ kết luận không có vấn đề gì với sức khỏe thể chất. Vì vậy anh ta đến gặp bác sĩ tâm thần. Anh ta than phiền là lời hứa về phát triển công việc của anh ta gần đây bị lãng quên do công ty thua lỗ, chỉ cố gắng tồn tại. Tiền lương của anh ta bị hạ thấp, không đủ chi phí. Vợ than vãn, trách móc, và vì thế, nhiều lần 2 vợ

chồng đã cãi nhau, rồi anh ta bỏ đi mà chưa kịp ăn gì. Anh ta cho rằng mình đã chọn sai bạn đời. Cuối cùng, anh cảm thấy bực bội, mệt mỏi, tâm trí tràn ngập bối rối lo lắng, không tỉnh táo để quyết định được điều gì, công việc luôn bị chậm trễ. Anh ta tự thấy mình là người thất bại, vô dụng, tội lỗi. Trong ngày anh mệt mỏi, không tập trung vào công việc và nghĩ về cái chết.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ bệnh nhân trên, Anh/chị hãy phân tích rối loạn khí sắc và vai trò của yếu tố stres
2. Anh/chị hãy phân tích cách thức tiếp cận và phỏng vấn bệnh nhân

❖ Lâm sàng

Buổi 1: Hướng dẫn làm bệnh án Tâm thần và kĩ năng phỏng vấn bệnh nhân: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa, kĩ năng hỏi bệnh sử- tiền sử. Vấn đề quản lý bệnh nhân Tâm thần tại cộng đồng.

Buổi 2: Kiến tập phỏng vấn và khám bệnh nhân- bình bệnh án bệnh nhân Loạn thần:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Kiến tập, thực hiện khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: viết bệnh án, dự kiến chẩn đoán và điều trị để thảo luận trong buổi học

Buổi 3: Kiến tập phỏng vấn và khám bệnh nhân- bình bệnh án bệnh nhân Rối loạn khí sắc:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Kiến tập, thực hiện khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: viết bệnh án, dự kiến chẩn đoán và điều trị để thảo luận trong buổi học

Buổi 4: Kiến tập phỏng vấn và khám bệnh nhân- bình bệnh án bệnh nhân Rối loạn lo âu:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Kiến tập, thực hiện khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: viết bệnh án, dự kiến chẩn đoán và điều trị để thảo luận trong buổi học

Buổi 5: Kiến tập phỏng vấn và khám bệnh nhân- bình bệnh án bệnh nhân Rối loạn nghiện chất:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Kiến tập, thực hiện khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: viết bệnh án, dự kiến chẩn đoán và điều trị để thảo luận trong buổi học

Buổi 6: Kiến tập phỏng vấn và khám bệnh nhân- bình bệnh án bệnh nhân Rối loạn tâm thần người cao tuổi:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Kiến tập, thực hiện khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: viết bệnh án, dự kiến chẩn đoán và điều trị để thảo luận trong buổi học

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Tâm thần học cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Các chức năng tâm lý (tức hoạt động tinh thần) và mối liên quan với cơ sở giải phẫu và sinh lý thần kinh trong sức khoẻ tâm thần lành mạnh- Các chức năng tâm lý bất thường và các dấu hiệu, triệu chứng, hội chứng trong các Rối loạn tâm thần- Các nguyên tắc can thiệp và quản lý bệnh, dùng thuốc và không dùng thuốc trong các Rối loạn tâm thần. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phỏng vấn, suy luận, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương về sức khỏe tâm thần Bài 2: Ý thức và nhận thức Bài 3: Tri giác, tư duy và trí nhớ	3/0/6	Trình bày được đặc điểm của ý thức, nhận thức, tri giác, tư duy và trí nhớ	CLO1 CLO2 CLO5	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa. 2. Dạy học bằng thảo	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo,	Điểm thường xuyên

					luận nhóm	nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	
2	Bài 4: Ngôn ngữ và học tập Bài 5: Động lực & Thúc đẩy- Cảm xúc Bài 6: Stress và ứng phó- Tâm lý xã hội	4/0/8	Trình bày được đặc điểm của ngôn ngữ, học tập, động lực, cảm xúc, tâm lý xã hội,…	CLO1 CLO2 CLO5	1. Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa. 2. Dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	Điểm thường xuyên
3	Bài 7: Cấu trúc và sinh lý thần kinh trong Tâm thần học – Điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc trong Tâm thần học Bài 8: Rối loạn ý thức- nhận thức Bài 9: Rối loạn hành vi và rối loạn vận động	4/0/10	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được rối loạn ý thức- nhận thức, rối loạn hành vi và rối loạn vận động.	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	Điểm thường xuyên
4	Bài 10: Rối loạn tri giác- trí nhớ Bài 11: Rối loạn tư duy và ngôn ngữ	4/0/10	Chẩn đoán, biện chứng, điều trị và dự phòng được các hội chứng rối	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Trên lớp: Nghe giảng, trả	Điểm thường xuyên

	Bài 12: Rối loạn khí sắc- Rối loạn lo âu		loạn tâm thần.		minh họa, dạy học qua tình huống, Dạy học bằng thảo luận nhóm.	lời câu hỏi. Trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá. Thảo luận nhóm	
5	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Mô tả được triệu chứng, biết chẩn đoán và xử trí một số bệnh và hội chứng rối loạn tâm thần hay gặp	CLO1 CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết

Tổng : 15 tiết LT, 34 tiết tự học, 1 tiết thi = 50 tiết

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/ b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hướng dẫn làm bệnh án Tâm thần và kĩ năng phỏng vấn bệnh nhân: ôn lại cách làm bệnh án Nội khoa, kĩ năng hỏi bệnh sử- tiền sử. Vấn đề	8/0/4	Viết được hồ sơ bệnh án Biết cách hỏi bệnh, phỏng vấn	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, thao tác mẫu, dạy học bằng bảng kiểm, dạy học bằng	1. Tự học như mục 6.2.3 2. Chuẩn bị bệnh nhân, trình bày BA,	Điểm thường xuyên

	quản lý bệnh nhân Tâm thần tại cộng đồng.					thảo luận nhóm.	trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Lâm sàng rối loạn loạn thần	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rối loạn loạn thần 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Lâm sàng Rối loạn khí sắc	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rối loạn khí sắc 2. Ra QĐ cá nhân,	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			tập thể, nhận xét, đánh giá				nhận xét, đánh giá	
4	Lâm sàng Rối loạn lo âu	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rối loạn lo âu 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng Rối loạn nghiện chất	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh rối loạn nghiện chất 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3 CLO4 CLO5	Bảng, phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
6	Lâm sàng	6/0/3	1. Khám,	CLO3	Bảng,	Dạy học	1.Tự	Điểm

	Rối loạn tâm thần người cao tuổi		chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh cao tuổi có rối loạn tâm thần 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO4 CLO5	phấn, máy đo huyết áp, ống nghe	bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	thường xuyên
7	Làm BA thi	0/1/0		CLO3 CLO4 CLO5				Điểm thi LS
8	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO3 CLO4 CLO5				Điểm thi LS

Tổng: 30 tiết LS, 15 tiết tự học, 5 tiết thi = 50 tiết

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá điểm thường xuyên Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt qui định					Trọng số
	MỨC F (1- 3.9)	MỨC D (4- 5.4)	MỨC C (5.5- 6.9)	MỨC B (7- 8.4)	MỨC A (8.5- 10)	
Chuyên cần	Đi học < 4 buổi	Đi học đủ 4 buổi, đến muộn 15 phút	Đi học đủ 4 buổi, đến muộn 10 phút	Đi học đủ 4 buổi , đến muộn 5 phút	Đi học đủ 4 buổi Đúng giờ	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động	Hiếm khi tham gia	Phát biểu ít có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu có	Tham gia tích cực các	40%

	gì tại lớp	phát biểu cho bài học tại lớp		hiệu quả	hoạt động tại lớp, đóng góp hiệu quả cao	
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 0-3.9	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 4- 5.4	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 5.5-6.9	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 7-8.4	Điểm trung bình các bài Test, hoặc làm việc nhóm: 8.5-10	40%

Rubric 2: Đánh giá điểm thường xuyên Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	**10%**
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	**20%**
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3.9)**	**(4.0-5.4)**	**(5.5-6.9)**	**(7.0-8.4)**	**(8.5-10)**	**20%**
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến	**30%**

		không hiệu quả.	quả.		bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	

Rubric 3: Chấm thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	40%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	60%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CLO ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Trung bình Rubric theo bài
Điểm lâm sàng	30%	Chấm bệnh án Khám bệnh nhân Thi TH Thi VĐ	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO 4 CLO 5	Theo Rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	không	CLO 1 CLO 2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2.1	2.2	
CLO1	40 %	20	6	5	5	4
CLO2	60 %	30	9	7	7	7
Tổng	100%	50	15	12	12	11

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra thực hành lâm sàng × 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết × 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên × 0.1).

10. Tài liệu học tập

10.1 Tài liệu chính (TLC)

[1] Đỗ Thị Thúy Anh (2023).Sức khỏe Tâm thần. Học viện YDH CT Việt Nam.

10.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Tâm thần Đại học Y Hà Nội. 2016. *Giáo trình Bệnh học tâm thần*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y 2007. Tâm thần học và Tâm lý học y học (Giáo trình giảng dạy đại học). NXB Quân đội nhân dân.

[3] Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học y học, Học viện Quân y. 2005 Bệnh học tâm thần (Giáo trình giảng dạy sau đại học). NXB Quân đội nhân dân

[4] Tổ chức Y tế Thế giới WHO *Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi*. Geneva, 1992. (Bản dịch của Trần Di Ái và CS)

[5] Kaplan & Sadock, Concise Textbook of Clinical Psychiatry, 4th edition, 2017

[6] APA. DSM 5. 2013

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HỌC PHẦN LAO

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lao và bệnh phổi

* Tiếng Anh: Tubeculosis Diseases

- Mã học phần/ mô đun: MEDI5119
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 5 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 50 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn [x]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Không
  + Học phần học trước: Nội cơ sở, Nội bệnh lý 1, Nhi khoa 1
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Truyền nhiễm - Lao

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS Tống Thị Tam Giang	0912660287	Truyền nhiễm - Lao	bstongthitamgiang@gmail.com
2	ThS Đinh Thị Thúy Hà	0904017479	Truyền nhiễm - Lao	bs.dinhha72@gmail.com
3	ThS BSCKII Trần Thanh Hà	0965607190	Truyền nhiễm - Lao	hatran1090@gmail.com
4	ThS BSCKII Lê Thị Phương Thảo	0946887509	Truyền nhiễm – Lao	lethao.bvtt88@gmail.com
5	BSCKII Nguyễn Thu Thủy		BV Lao và Bệnh phổi TW	
6	BSNT Nguyễn Mạnh Thế		BV Lao và Bệnh phổi TW	
7	ThS.BS Nguyễn Thị Hằng		BV Lao và Bệnh phổi TW	

8	BSCKII Nguyễn Hữu Trí		BV Lao và Bệnh phổi TW	
9	BSCKII Đào Thị Hà		BV Lao và Bệnh phổi TW	
10	TS.BS Cung Văn Công		BV Lao và Bệnh phổi TW	
11	TS.BS Hoàng Văn Lương		BV Lao và Bệnh phổi TW	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được các kiến thức về dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để phân tích chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lao phổi và một số bệnh lao khác.
MT HP2	Làm được hồ sơ bệnh án, làm được một số thủ thuật cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh lao phổi và một số bệnh lao khác.
MT HP3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2	3	3				
MT HP3					3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được nguyên tắc và nội dung của chương trình chống lao quốc gia, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh lao.
CLO2	Phân tích được được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh lao thường gặp.
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: Khám, làm hồ sơ bệnh án, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh lao thường gặp trên lâm sàng.
CLO4	Làm đúng một số thủ thuật dùng trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lao thường gặp (lấy máu xét nghiệm, chọc dịch não tủy, tiêm, truyền dịch)

CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3																
CLO 2	3																
CLO 3			3	3	3	3											
CLO 4																	
CLO 5												3		3			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn hoặc bút lông viết bảng, v.v...

6.1.2. Lâm sàng: Bệnh viện, Khoa thuộc bệnh viện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP.

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy đo huyết áp
2	Ống nghe
3	Nhiệt kế
4	Búa phản xạ
5	Đèn đọc phim X-quang
6	Ống sinh hóa máu
7	Ống công thức máu
8	Ống nghiệm vô khuẩn
9	Kim chọc dịch não tủy
10	Kim chọc dịch màng phổi

Phòng học lâm sàng có bảng, phấn hoặc bút lông viết bảng, đèn đọc phim X-quang

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của chương trình chi tiết học phần trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Đại cương chương trình chống lao quốc gia: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 2: Điều trị bệnh lao: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 3: Phòng bệnh lao: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 4: Lao sơ nhiễm: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nữ, 8 tuổi, tiền sử suy dinh dưỡng thể còi, sống trong môi trường bố đẻ nghiện thuốc lá. Vào viện vì lý do sốt nhẹ về chiều kéo dài. Trước ngày vào viện 1 tháng, bệnh nhân xuất hiện sốt nhẹ về chiều, nhiệt độ thường xuyên đo được vào buổi chiều: $37,8^0$C. Kèm theo người gầy, mệt mỏi, da xanh, ăn uống kém, thỉnh thoảng ho khan từng cơn, tăng nhiều về đêm và sáng, ngủ không yên giấc, ra mồ hôi trộm, hai mắt chảy nhử vàng, đại tiện phân khuôn, tiểu tiện vàng. Khám: Thể trạng gầy, da xanh, niêm mạc nhợt; tim nhịp đều, T1, T2 rõ, không có tiếng bệnh lý, giảm thông khí vùng rốn phổi hai bên, viêm kết mạc hai mắt. Cận lâm sàng: Hồng cầu 3,97G/L, bạch cầu 6,2G/L, bạch cầu lympho 56,3%, X-quang tim phổi thẳng: Hình ảnh hạnh cạnh phế quản, khí quản gốc hai bên, phản ứng Tuberculin (Mantoux test): dương tính, đường kính nốt sưng ~5 mm.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Từ tình huống trên, anh/chị hãy phân tích cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, đưa ra mục tiêu điều trị, hướng điều trị, điều trị cụ thể bệnh nhân trên?
2. Anh/chị hãy đưa ra phương án chăm sóc, phòng bệnh cho bệnh nhân trên?
3. Từ bệnh nhân trên, chúng ta có thể lựa chọn các nhóm thuốc điều trị nào?
4. Hãy phân tích ưu, nhược điểm, tác dụng phụ của các nhóm thuốc.

Bài 5: Lao phổi: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 6: Lao màng phổi: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 7: Lao màng bụng: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 8: Lao màng não: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 9: Lao hạch: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bài 10: Lao xương khớp: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

❖ Lâm sàng:

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án lao.

Bài 2: Bình bệnh án lao sơ nhiễm:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 3: Bình bệnh án lao phổi:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 4: Bình bệnh án lao màng phổi:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 5: Bình bệnh án lao màng bụng:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 6: Bình bệnh án lao màng não:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 7: Bình bệnh án lao hạch:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

Bài 8: Bình bệnh án lao xương khớp:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 sinh viên): Khám bệnh nhân, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: Khám bệnh nhân, dự kiến chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng để thảo luận trong buổi học.

6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:

Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Lao cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về bệnh lao: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh lao thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (… tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT / Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1. Giới thiệu về học phần lao và bệnh phổi. 2. Đại cương chương trình chống lao quốc gia	2/0/4	Trình bày được chiến lược chấm dứt bệnh lao toàn cầu Trình bày được mạng lưới chống lao trên thế giới và Việt Nam Phân tích được các hoạt động cơ bản của chương trình chống lao Việt Nam Phân tích được mục tiêu cơ bản của chương trình phòng chống lao tại Việt Nam	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	

2	Điều trị bệnh lao	2/0/4	Trình bày được đặc điểm vi khuẩn, nguyên nhân gây bệnh lao Phân tích được cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền bệnh lao Phân tích được cơ sở khoa học, nguyên tắc điều trị bệnh lao bằng các thuốc chống lao Phân tích được các phác đồ điều trị lao nhạy cảm, theo dõi và phân loại kết quả điều trị.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
3	Phòng bệnh lao	2/0/4	Trình bày được nguyên lý phòng bệnh lao Phân tích được phương pháp xác định, điều trị lao tiềm ẩn Phân tích được các biện pháp giảm nguy cơ lây nhiễm lao	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

4	Lao sơ nhiễm - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	2/0/4	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao sơ nhiễm Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao sơ nhiễm.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
5	Lao phổi - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	2/0/4	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao phổi Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao phổi.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
6	Lao màng phổi - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	1/0/2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao màng phổi Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao màng phổi.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên

7	Lao màng bụng - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	1/0/2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao màng bụng Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao màng bụng.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
8	Lao màng não - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	1/0/2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao màng não Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao màng não.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
9	Lao hạch - Đặc điểm dịch tễ - Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng	1/0/2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao hạch Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao hạch.	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
10	Lao xương khớp - Đặc điểm dịch tễ	1/0/2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ, cơ chế	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học,	1.Tự học: như mục 6.2.3	Điểm thường

	- Cơ chế bệnh sinh - Các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng - Biến chứng - Điều trị và dự phòng		bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán lao xương khớp Phân tích được các phương pháp điều trị và phòng lao xương khớp.		dạy học bằng thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống.	2.Trên lớp: Nghe giảng, trả lời câu hỏi.	xuyên
14	Thi kết thúc học phần	0/1/0	Nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh truyền nhiễm; chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và dự phòng được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp	CLO1, CLO2		Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1. Phổ biến các qui định chung, qui định và nội dung LS HP truyền nhiễm 2. Hướng dẫn làm bệnh án lao	4/0/2	Viết được hồ sơ bệnh án lao	CLO3, CLO5	Bảng, phấn	Thuyết trình Làm việc nhóm	Nghe Thảo luận, nhận xét, đánh giá	
2	Lâm sàng lao sơ nhiễm	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao sơ nhiễm 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
3	Lâm sàng lao phổi	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng,	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng	Dạy học bên giường bệnh,	1.Tự học: như mục	Điểm thường

			chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao phổi 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá		Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế	dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	xuyên
4	Lâm sàng lao màng phổi	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao màng phổi 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế Kim chọc dịch màng phổi Ống nghiệm vô khuẩn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm Bảng kiểm Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
5	Lâm sàng lao màng bụng	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao màng bụng 2. Ra QĐ cá nhân,	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận,	Điểm thường xuyên

			tập thể, nhận xét, đánh giá				nhận xét, ðánh giá	
6	Lâm sàng lao màng não	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao màng não 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO4, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế Búa phản xạ Kim chọc dịch não tủy Ống nghiệm vô khuẩn	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thực hiện thủ thuật, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
7	Lâm sàng lao hạch	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao hạch 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên

8	Lâm sàng lao xương khớp	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh lao xương khớp 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO3, CLO5	Bảng, phấn/ bút viết bảng Đèn đọc phim X-quang Ống nghe Nhiệt kế Búa phản xạ	Dạy học bên giường bệnh, dạy học theo case bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm Bảng kiểm Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
11	Thi thực hành trên bệnh nhân	0/4/0		CLO3, CLO4, CLO5				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học <2 buổi	Đi học <3 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <3 buổi, không đi muộn	Đi học <4 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 4 buổi	**20%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**40%**
Test chuẩn bị bài, làm việc nhóm	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (0 - 3,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (4 – 5,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (5,5 – 6,9)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (7 – 8,4)	Điểm trung bình các bài test hoặc làm việc nhóm (8,5 – 10)	**40%**

Rubric 2:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị <2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 2BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 3-4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị 4-5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị > 5BN/tuần	20%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA giảng	**(0-3,9)**	**(4,0-5,4)**	**(5,5-6,9)**	**(7,0-8,4)**	**(8,5-10)**	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	30%

Rubric 3:

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	30%
Khám trên BN	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	15%
Vấn đáp	Không trả lời được 4 câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được 4 câu tự tin, dứt khoát	40%

Ghi chú: Chỉ hỏi tối đa 4 câu vấn đáp

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Lý thuyết Lâm sàng	Điểm thường xuyên	50% 50%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trung bình rubric theo bài
Điểm thực hành	30%	Chấm bệnh án Khám trên BN Thi thực hành Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO5	Theo rubric
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Thi lý thuyết	100%	Không	CLO1 CLO2	Theo kết cấu đề thi

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 60

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2		Số câu hỏi bậc 3
				2,1	2,2	
CLO1	30 %	24	8	8	8	0
CLO2	60 %	36	12	12	12	0
Tổng	100%	60	20	20	20	0

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 3

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0,30 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0,60 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0,1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.2. Trường Đại học Y Hà Nội (2020), Bệnh truyền nhiễm , NXB Y học.

10.3. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.3.1. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), Bài giảng Điều tri học Nội khoa YHCT, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được phê duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

3. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
HỌC PHẦN DA LIỄU

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành:Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Da Liễu
* Tiếng Việt: Da liễu
* Tiếng Anh: **Dermatology**
- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5120
- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên đại học Y năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức ngành		Kiến thức cơ sở khối ngành
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn [X]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): kiến thức y học cơ sở
  + Học phần học trước (đã học): Bệnh học Nội khoa, Bệnh học Ngoại khoa.
  + Học phần song hành: Chuyên khoa lẻ khác
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
2	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Phượng	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com
4	ThS Vũ Thị Thơm	0915642865	Drthomvu82@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh da liễu thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề da liễu liên quan giúp sinh viên có khả năng vận dụng

được kiến thức về dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh,tổn thương cơ bản để chẩn đoán và điều trị một số bệnh da liễu thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh một số bệnh da liễu. Thực hiện một số thủ thuật trên da. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	-Vận dụng được kiến thức về dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tổn thương cơ bản để chẩn đoán và điều trị được một số những bệnh da liễu thường gặp. - Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.
MT2	- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu thường gặp. - Làm được hồ sơ bệnh án và một số thủ thuật cơ bản điềutrị một số bệnh da liễu thường gặp
MT3	Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	3	2				
MT2			2			
MT3				2	1	1

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Chẩn đoán được một số bệnh Da liễu thường gặp
CLO2	Trình bày và giải thích được yếu tố dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tổn thương cơ bản những bệnh da liễu thường gặp.
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng: khám, chỉ định và đọc kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án một số bệnh Da liễu thường gặp trên lâm sàng
CLO4	Làm đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.

CLO5	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các hoạt động học tập của Học phần; Tự nhận xét, đánh giá được quá trình và kết quả thực hiện công việc của bản thân và của nhóm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO).

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1		3															
CLO 2		3							2	1				2			
CLO 3			3						2	1				2			
CLO 4		3	3	3	3				2	1				2			
CLO 5							3										

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Tổ chức giảng dạy lâm sàng tại các bệnh viện thực tập

6.1.3. Thực hành: Không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Tổn thương cơ bản: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Nấm nông thường gặp : Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Một bệnh nhân nam, 22 tuổi, thường xuyên tập luyện thể thao và sử dụng chung các thiết bị trong phòng gym, đến khám với tình trạng ngứa, đỏ và bong tróc da ở vùng giữa các ngón chân. Bệnh nhân cho biết rằng triệu chứng xuất hiện sau một thời gian dài tập luyện và có xu hướng tái phát mỗi khi thay đổi thời tiết hoặc sau khi sử dụng chung đồ dùng thể thao.

Hãy thảo luận các vấn đề sau:

1. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ: Những yếu tố nào có thể góp phần gây ra bệnh nấm nông ở bệnh nhân này?
2. Chẩn đoán: Dựa trên các triệu chứng và tình huống, bạn sẽ tiến hành những bước nào để chẩn đoán bệnh ?
3. Điều trị: bạn có thể đề xuất phương pháp điều trị bệnh nấm nông như thế nào?
4. Phòng ngừa: Những biện pháp vệ sinh và phòng ngừa hiệu quả để tránh tái phát bệnh nấm nông là ǵ?

Bài 3 Viêm da cơ địa ; Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống lâm sàng:

Một bệnh nhân nữ 30 tuổi trình bày đến phòng khám với tình trạng da khô, ngứa dữ dội và xuất hiện các mảng đỏ, viêm ở khu vực khuỷu tay, sau gáy và phía sau đầu gối. Bệnh nhân có tiền sử gia đình mắc bệnh viêm da cơ địa và cá nhân đã từng mắc các bệnh dị ứng như viêm mũi dị ứng. Trong vài tháng gần đây, bệnh nhân cho biết thời tiết thay đổi thất thường, có lúc nóng bức, có lúc lạnh, kèm theo stress công việc cao và thay đổi chế độ ăn uống không điều độ.

Yêu cầu thảo luận:

1. Chẩn đoán lâm sàng:

• Những dấu hiệu và triệu chứng nào của bệnh viêm da cơ địa được thể hiện trong tình huống này?

• Tiêu chí chẩn đoán bệnh viêm da cơ địa là gì và bệnh nhân có đáp ứng những tiêu chí đó không?

2. Yếu tố gây kích thích và tình trạng bệnh:

• Các yếu tố kích thích từ môi trường và cá nhân (như thời tiết, stress, dị ứng) ảnh hưởng như thế nào đến tình trạng bệnh?

• Vai trò của tiền sử gia đình trong việc phát triển bệnh viêm da cơ địa ra sao?

3. Phương pháp điều trị:

• Thảo luận về các hướng tiếp cận điều trị hiện đại (bao gồm dùng thuốc, chăm sóc da, điều chỉnh lối sống) và giải thích cơ chế tác động của từng phương pháp.

• Những biện pháp hỗ trợ ngăn ngừa tái phát bệnh ở trường hợp này là gì?

4. Quản lý bệnh mãn tính:

• Cách theo dõi và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh viêm da cơ địa trong dài hạn là gì?

• Vai trò của giáo dục bệnh nhân và cải thiện chất lượng cuộc sống trong quản lý bệnh mãn tính.

Bài 4 Zona Đọc TLC và TLTK . Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Tình huống lâm sàng:

Bà H, 65 tuổi, có tiền sử tiểu đường và tăng huyết áp, đến khám với tình trạng đau dữ dội và rát bỏng ở vùng ngực bên trái. Bà mô tả cơn đau xuất hiện đột ngột, theo sau là sự phát triển của các mụn nước nhỏ, đỏ, sắp xếp thành một dải theo đường đi của dây thần kinh (dermatome). Sau vài ngày, các mụn nước này vỡ ra, tạo thành các vết loét, và sau đó dần chuyển thành vết sẹo. Bà H còn phàn nàn về các cơn đau dai dẳng kéo dài sau khi các vết loét đã lành.

Các câu hỏi thảo luận:

1. Chẩn đoán và phân tích triệu chứng:

• Các dấu hiệu lâm sàng nào trong tình huống này gợi ý bệnh zona?

• Vai trò của tiền sử bệnh và độ tuổi trong việc tăng nguy cơ mắc bệnh zona là gì?

• Khi nào cần thực hiện thêm các xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán (nếu có)?

2. Quá trình điều trị và quản lý:

• Bạn sẽ lựa chọn phác đồ điều trị ban đầu như thế nào cho trường hợp này? (bao gồm cả điều trị kháng virus và quản lý triệu chứng đau)

• Trong trường hợp bệnh nhân có nguy cơ cao bị neuralgia sau zona, bạn có đề xuất thêm biện pháp hỗ trợ điều trị gì?

3. Phòng ngừa và theo dõi:

• Vai trò của vaccine phòng zona trong việc giảm nguy cơ mắc bệnh và biến chứng là gì?

• Các chiến lược theo dõi và chăm sóc sau điều trị để giảm thiểu biến chứng lâu dài (đặc biệt là neuralgia sau zona) cần được thực hiện như thế nào?

4. Tác động tâm lý và chất lượng cuộc sống:

• Bệnh zona và các biến chứng sau đó có thể ảnh hưởng đến tâm lý và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân như thế nào?

• Các biện pháp can thiệp hỗ trợ tâm lý hoặc giáo dục bệnh nhân cần được cân nhắc ra sao?

Bài 5 Trứng cá Đọc TLC và TLTK . Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Một nữ sinh 17 tuổi trình bày tại phòng khám với tình trạng mụn trứng cá trên mặt kéo dài từ 1 năm qua. Bệnh nhân có biểu hiện mụn đầu đen, mụn đầu trắng, mụn viêm và thậm chí có một số nốt u nhỏ ở vùng cằm và trán. Bệnh nhân cho biết tình trạng mụn có xu hướng trầm trọng hơn khi căng thẳng do kỳ thi đến gần và sau khi thay đổi chế độ ăn uống với lượng đồ ăn nhanh tăng lên. Ngoài ra, bệnh nhân có tiền sử gia đình với tình trạng mụn trứng cá nặng.

Các câu hỏi thảo luận:

1. Đánh giá lâm sàng và chẩn đoán:

• Các dấu hiệu lâm sàng nào giúp khẳng định bệnh trứng cá?

• Phân biệt giữa các loại mụn (mụn không viêm, mụn viêm, mụn nang) dựa trên tình trạng lâm sàng của bệnh nhân.

2. Yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh:

• Vai trò của yếu tố nội tiết (như tăng hormone androgen) và yếu tố ngoại sinh (chế độ ăn, stress) trong cơ chế phát triển mụn trứng cá.

• Sự ảnh hưởng của yếu tố di truyền đối với tình trạng mụn của bệnh nhân.

3. Phương pháp điều trị:

• Đề xuất các phương pháp điều trị ban đầu cho trường hợp này (các liệu pháp điều trị ngoài da và/hoặc điều trị nội tiết).
• Thảo luận ưu, nhược điểm của các lựa chọn điều trị khác nhau (thuốc bôi, thuốc uống, liệu pháp laser,…) và cách lựa chọn phù hợp với tình trạng lâm sàng của bệnh nhân.
4. Tác động tâm lý và quản lý dài hạn:
• Phân tích ảnh hưởng tâm lý của bệnh trứng cá đối với tuổi vị thành niên.
• Thảo luận các chiến lược hỗ trợ tâm lý và hướng dẫn chăm sóc da, nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và ngăn ngừa tái phát.
Bài 6 Vảy nến Đọc TLC và TLTK . Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Tình huống lâm sàng:
Ông A, 45 tuổi, đến khám tại phòng khám da liễu với các mảng đỏ, kèm có vảy trắng trên nền da đỏ vùng khuỷu tay, đầu gối và rìa da đầu. Các tổn thương này đã xuất hiện khoảng 6 tháng và ngày càng lan rộng. Ông có tiền sử gia đình mắc bệnh vảy nến và gần đây trải qua căng thẳng công việc. Ông đã tự ý sử dụng một số loại kem bôi không kê đơn nhưng không thấy cải thiện.
Các câu hỏi thảo luận:
1. Chẩn đoán và phân loại:
• Dựa trên triệu chứng lâm sàng và tiền sử bệnh, làm thế nào để xác định chẩn đoán vảy nến cho bệnh nhân này?
• Các thể lâm sàng của bệnh vảy nến là gì và ông A có thể thuộc thể nào?
2. Yếu tố nguy cơ và cơ chế bệnh sinh:
• Những yếu tố nào có thể góp phần vào sự khởi phát và tiến triển của bệnh vảy nến ở ông A?
• Mô tả cơ chế bệnh sinh của vảy nến liên quan đến hệ miễn dịch và yếu tố di truyền.
3. Phương pháp điều trị:
• Đề xuất phác đồ điều trị phù hợp cho trường hợp của ông A, bao gồm liệu pháp tại chỗ và toàn thân.
• Thảo luận về lợi ích và tác dụng phụ tiềm tàng của các phương pháp điều trị này.
4. Quản lý và phòng ngừa tái phát:
• Những biện pháp nào ông A có thể thực hiện để giảm nguy cơ tái phát và kiểm soát bệnh hiệu quả?
• Vai trò của việc quản lý căng thẳng và thay đổi lối sống trong việc kiểm soát bệnh vảy nến là gì?
Bài 7 Bệnh Lậu Đọc TLC và TLTK . Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Anh B, 28 tuổi, đến khám tại phòng khám nam khoa với triệu chứng tiểu buốt và xuất hiện dịch mủ màu vàng nhạt từ niệu đạo vào buổi sáng. Triệu chứng bắt đầu khoảng 4 ngày nay. Anh không có triệu chứng toàn thân như sốt hay mệt mỏi. Tiền sử sức khỏe trước đây hoàn toàn bình thường

Các câu hỏi thảo luận:
1. Chẩn đoán lâm sàng:
• Dựa trên triệu chứng cần khai thác tiền sử gì? bệnh nhân có thể mắc bệnh gì?
• Những xét nghiệm nào cần thực hiện để xác định chẩn đoán?
2. Biến chứng tiềm tàng:
• Nếu không được điều trị kịp thời, bệnh nhân có thể gặp những biến chứng nào?
3. Phương pháp điều trị:

• Phác đồ điều trị hiện nay cho bệnh này là gì?
• Cần lưu ý gì về tình trạng kháng kháng sinh trong điều trị?
4. Tư vấn và phòng ngừa:
• Bạn sẽ tư vấn gì cho bệnh nhân về việc phòng ngừa lây nhiễm trong tương lai?
5. Theo dõi sau điều trị:
• Những bước theo dõi nào cần thực hiện sau khi điều trị để đảm bảo hiệu quả và ngăn ngừa tái phát?
Bài 8 Viêm da tiếp xúc Đọc TLC và TLTK . Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.
Tình huống lâm sàng:
Chị H, 35 tuổi, là một nhân viên vệ sinh công nghiệp, đến khám với tình trạng da tay khô, đỏ, ngứa và xuất hiện các mụn nước nhỏ. Triệu chứng bắt đầu khoảng 2 tuần sau khi chị bắt đầu sử dụng một loại chất tẩy rửa mới trong công việc. Chị cho biết không sử dụng găng tay bảo vệ thường xuyên và triệu chứng giảm khi nghỉ làm cuối tuần nhưng tái phát khi trở lại làm việc.
Các câu hỏi thảo luận:
1. Chẩn đoán và nguyên nhân:
• Dựa trên triệu chứng và tiền sử tiếp xúc, làm thế nào để xác định chẩn đoán viêm da tiếp xúc cho bệnh nhân này?
• Phân biệt giữa viêm da tiếp xúc kích ứng và viêm da tiếp xúc dị ứng trong trường hợp này.
2. Cơ chế bệnh sinh:
• Mô tả cơ chế bệnh sinh của viêm da tiếp xúc kích ứng và viêm da tiếp xúc dị ứng.
3. Phương pháp điều trị:
• Đề xuất phác đồ điều trị phù hợp cho trường hợp của chị H, bao gồm các biện pháp tại chỗ và toàn thân.
• Thảo luận về vai trò của việc loại bỏ tác nhân gây bệnh trong quá trình điều trị.
4. Phòng ngừa và giáo dục bệnh nhân:
• Những biện pháp nào chị H có thể thực hiện để phòng ngừa tái phát viêm da tiếp xúc?
• Vai trò của việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân và thay đổi thói quen làm việc trong việc phòng ngừa bệnh.
5. Chẩn đoán phân biệt:
• Liệt kê các bệnh da liễu khác có triệu chứng tương tự và cách phân biệt chúng với viêm da tiếp xúc
* Lâm sàng

Tên bài	Sinh viên cần tự học	
	Làm việc nhóm	**Làm việc độc lập (tư duy, trả lời các câu hỏi)**
Phổ biến nội qui Hướng dẫn làm bệnh án Da liễu Tiếp cận bệnh nhân Da liễu		Đọc trước mẫu làm bệnh án Da liễu Bệnh án Da liễu gồm những phần nào? Bệnh án Da liễu có điểm nào khác bệnh án Nội khoa? Khai thác bệnh nhân Da liễu những lưu ý cần biết
Lâm sàng Nấm nông thường gặp	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm

	án học tập	- Đề xuất phương án điều trị
Lâm sàng viêm da cơ địa	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Phân loại mức độ viêm da cơ địa? Căn nguyên gây bệnh? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị?
Lâm sàng Vảy nến	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán mức độ vảy nến, căn nguyên gây bệnh? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị Vảy nến, các thuốc kèm theo
Lâm sàng Viêm da tiếp xúc	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị
Lâm sàng Tiếp cận bệnh Trứng cá	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị và dự phòng
Lâm sàng bệnh Ghẻ /Zona	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm Đề xuất phương pháp điều trị và dự phòng trong cộng đồng
Lâm sàng khám bệnh Lậu	Nhóm tối đa 10 SV Khám bệnh nhân Thảo luận làm bệnh án học tập	- Chẩn đoán bệnh dựa vào triệu chứng nào? - Đề xuất xét nghiệm? - Phân tích xét nghiệm - Đề xuất phương pháp điều trị và dự phòng trong cộng đồng

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Da liễu là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh,, tổn thương cơ bản, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh Da liễu thường gặp . Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/)	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết (LT/KT/Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV(*)**	**Tên bài đánh giá** (ở cột 3 bảng 8.1.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Tổn thương cơ bản	2/0/4	1.1 Trình bày được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Phân tích được tổn thương để đánh giá mức độ cấp, mãn, nặng, nhẹ của bệnh	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	
2	Bài 2: Viêm da cơ địa	2/0/4	2.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
3	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	1/0/2	3.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để	CLO1 CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp:	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên

			chẩn đoán và điều trị 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để Xác định rõ phương pháp điều trị tốt nhất.	CLO5 CLO6	trình ngắn có minh họa	Thảo luận nhóm	
4	Bài 4: Lậu	2/0/4	4.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 4.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Xác định rõ phương pháp điều trị cho cả bệnh nhân và bạn tình. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
5	Bài 5: Ghẻ, Zona	2/0/4	5.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 5.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
6	Bài 6:	2/0/4	6.1.Trình bầy được	CLO1	Thuyết	- Phần	Theo

	Trứng cá		nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 6.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
7	Bài 7: các bệnh nấm nông thường gặp	2/0/2	7.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 7.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 7.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
8	Bài 8: Vẩy nến	2/1/4	8.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, 8.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 8.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	- Phần chuẩn bị ở nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	Theo Rubric 9.2.1.đánh giá điểm thường xuyên
9	Bài 9: Cấu trúc da	0/0/2	9.1 Mô tả được cấu trúc da	CLO1	Thuyết trình	- Phần chuẩn bị ở	

			9.2. Phân tích được các bệnh liên quan đến cấu trúc da	CLO2	ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	nhà: như mục 6.2.3 - Phần chuẩn bị trên lớp: Thảo luận nhóm	
Theo lịch thi	FINAL EXAM	0/1/0				Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Hình thức: bình bệnh án/ thảo luân nhóm

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Bài 1: Tổn thương cơ bản Cách làm bệnh án Da liễu	4/0/1.5	1.1 Mô tả được các tổn thương cơ bản trên da 1.2 Làm được bệnh án Da liễu	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Làm việc nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 2 (4 tiết)	Lâm sàng Viêm da cơ địa	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh VDCĐ theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO1	Máy tính Projecter	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình,	Đánh giá cho điểm bài 2

			3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO2 CLO4 CLO5			phản biện 6. Viết báo cáo	
Buổi 3 (2 tiết)	Bài 3: Viêm da tiếp xúc	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh VDCĐ theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Máy tính Projecter	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3

Buổi 4 (4 tiết)	Bài 4: Lậu	2/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh VDCĐ theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể.	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy tính Projecter	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 5 (4 tiết)	Bài 5: Ghẻ, Zona	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh Ghẻ, zona theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Máy tính	1 Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 5

			thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể.	CLO6				
Buổi 6 (4 tiết)	Bài 6: Trứng cá	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh Ghẻ, zona theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Projecter	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6

Buổi 7 (4 tiết)	Bài 7: các bệnh nấm nông thường gặp	4/0/1.5	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh Ghẻ, zona theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy tính	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 7
Buổi 8 (4 tiết)	Bài 8: Vẩy nến	4/0/2	1. Khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, phòng và điều trị, làm hồ sơ bệnh án cho người bệnh Ghẻ, zona theo YHHĐ 2. Ra QĐ cá nhân, tập thể, nhận xét, đánh giá 3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Projecter	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 8

			thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO6				
Buổi 9	Làm BA thi	0/4/0		CLO4 CLO5 CLO6				Điểm thi LS
Buổi 10	Thi vấn đáp	0/4/0		CLO4 CLO5 CLO6				Điểm thi LS

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.1 Rubric:

*Lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt**					**Trọng số**
	0 điểm	**6 điểm**	**7 điểm**	**8 điểm**	**9 – 10 điểm**	
Chuyên cần	Tham gia < 4 buổi học	Tham gia 4 buổi Có buổi đi học muộn. Không tham gia phát biểu. Không trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia 4 buổi. Đi học đúng giờ. Không tham gia phát biểu. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia4 buổi. Chủ động tham gia phát biểu. Các ý kiến có hiệu quả . Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia4 buổi Tích cực tham gia phát biểu ở hầu hết buổi học Các ý kiến rất hiệu quả. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	50%
Điểm bài	Sinh viên làm bài kiểm tra 15 phút viết về các kiến thức đã học.					50%

kiểm tra 15 phút	Điểm theo thang điểm từ 0 - 10.	

*Rubric đánh giá điểm thường xuyên Lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt					Trọng số
	0 điểm	**6 điểm**	**7 điểm**	**8 điểm**	**9 – 10 điểm**	
Chuyên cần	Không tham gia đủ các buổi học lâm sàng Hoặc vắng không có lý do	Tham gia đầy đủ các buổi học. Có buổi đi học muộn. Không tham gia phát biểu ý kiến. Không trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị thiếu bệnh án học tập. Ít khi phát biểu ý kiến. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị 2 bệnh án học tập. Chủ động phát biểu ý kiến, nhưng ý kiến ít có liên quan. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng. Đi học đúng giờ. Chuẩn bị 2 bệnh án học tập. Tích cực tham gia phát biểu ở hầu hết buổi học Các ý kiến rất hiệu quả. Có trả lời được các câu hỏi tự học trước bài.	50%
Điểm BA	Chấm bệnh án điều kiện bất kỳ trong 2 tuần đi lâm sàng. Điểm theo thang điểm từ 0 - 10.					50%

9.2.2. Rubric đánh giá thi thực hành

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5 - 10 điểm	7 – 8.4 điểm	5.5 – 6.9 điểm	5 – 5.4 điểm	< 4 điểm
1	Điểm bệnh án (BA) điều kiện	30%	CLO3	Đủ thành phần. Nội dung chuyên môn đầy đủ, trình bày khoa học, logic	Đủ thành phần Nội dung chuyên môn đầy đủ, tương đối logic	Đủ thành phần Nội dung chuyên môn tương đối đầy đủ, chưa logic	Đủ thành phần nhưng nội dung sơ sài	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn
2	Thi thực hành	70%	CLO 2 đến CLO5	Thực hiện tốt hỏi bệnh. Thực hiện tốt các kỹ năng khám bệnh Biện luận tốt chẩn đoán và phần điều trị	Thực hiện tốt hỏi bệnh. Thực hiện tốt các kỹ năng khám bệnh Biện luận được chẩn đoán và 1 phần điều trị	Thực hiện được hỏi bệnh. Thực hiện được kỹ năng khám bệnh. Biện luận được 1 phần chẩn đoán và điều trị	Thực hiện được hỏi bệnh. Thực hiện được kỹ năng khám bệnh. Chưa biện luận được chẩn đoán và điều trị	Không thực hiện được: hỏi bệnh, khám bệnh. Không biện luận được chẩn đoán và điều trị

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Điểm chuyên cần	Điểm thường xuyên - Lý thuyết - Lâm sàng	50% 50%	9.2.1	CLO1 CLO2 CLO5	Dựa vào bảng điểm danh học lý thuyết và quá trình thực hành. Chấm bài kiểm tra 15 phút, bệnh án điều kiện
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành	Bệnh án thi lâm sàng	100%	9.2.2	CLO 2 đến CLO5	Sinh viên bốc thăm bệnh nhân, khám và làm bệnh án. GV hỏi thi
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	60%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính	Bài thi trắc nghiệm	100%	9.4	CLO1 CLO2	Sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Điểm số được ghi nhận sau khi kết thúc bài thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 50

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1**	**Số câu hỏi Bậc 2**		**Số câu hỏi bậc 3**
				2.1	**2.2**	
CLO1	40 %	20	6	6	8	0
CLO2	60 %	30	9	9	12	0
Tổng	100%	60	15	15	20	0

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 2

  Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng trong bảng *9.3.1*

- Điểm học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 0.3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết * 0.6 + Điểm đánh giá thường xuyên * 0.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

10.1.1 Bộ môn Da liễu- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – Giáo trình Da liễu cơ bản – 2025

10.1.2 Bộ môn Da liễu – Trường Đại học Y Hà Nội (2014) – Bệnh học Da liễu – NXB Y học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

10.2.1 Văn Thế Trung (2020), Cẩm nang điều trị Da liễu, Nhà xuất bản Đại học Huế

10.2.2 Nguyễn Văn Thường (2019), Hình ảnh lâm sàng, chẩn đoán và điều trị trong chuyên ngành Da liễu, Nhà xuất bản y học.

10.2.3 Bộ y tế (2023), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu.

10.2.4 Nguyễn Văn Thường. (2019). *Hình ảnh lâm sàng, chẩn đoán và điều trị trong chuyên ngành da liễu tập1, 2*. (NXB Y học)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN
DỊ ỨNG VÀ MIỄN DỊCH LÂM SÀNG
Trình độ đào tạo: Đại học, Nghành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: **Dị ứng và Miễn dịch lâm sàng**

* Tiếng Anh: **Allergy and Clinical Immunology**

- Mã học phần/ mô đun: MEDI 5121
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 1,0 LT/1,0 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 15 tiết
  + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết (thi LT + thi LS)
  + Thời gian tự học: 45 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên năm thứ 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □ QUOTE	**Tự chọn** [x]	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: kiến thức y học cơ sở
  + Học phần học trước: Bệnh học Nội khoa, Bệnh học Ngoại khoa
  + Học phần song hành: Chuyên khoa lẻ khác
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Tâm thần – Thần kinh – Dị ứng – Da liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email	Bộ môn
1	Ths. Vũ Thị Thơm	0915642865	Drthomvu82@gmail.com	TT –TK-DU-DL
2	Ths. Nguyễn Thị Phượng	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com	TT –TK-DU-DL
3	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)			

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng thường gặp kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề Dị ứng – Miễn dịch liên quan giúp sinh viên có khả năng mô tả được tổn thương cơ bản, chẩn đoán và điều trị một số bệnh Dị ứng

– Miễn dịch thường gặp, biết tư vấn để phòng tránh một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch. Thực hiện một số test Dị ứng trên da. Bên cạnh đó, sinh viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp.

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Vận dụng kiến thức đã học để thăm khám và chẩn đoán được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người dân về một số bệnh Dị ứng, tư vấn điều trị dự phòng bệnh lý Dị ứng.
MT2	Có khả năng khám, chẩn đoán, hướng xử trí và xử trí được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng.
MT3	- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức. - Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn. - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. - Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1	3	3	3	2	2	2
MT2	3	3	3	3	2	2
MT3	3	2	2	3	2	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP *có đóng góp ít vào* MT CTĐT

2 – MT HP *có đóng góp vừa vào* MT CTĐT

3 – MT HP *có đóng góp nhiều vào* MT CTĐT

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP *đối với* MT CTĐT *ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng kiến thức để thăm khám trình tự bệnh nhân Dị ứng – Miễn dịch.
CLO2	Giải thích được: dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp.
CLO3	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp
CLO4	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng.

	Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp.
CLO5	Thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.
CLO6	Điều trị được một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp Tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp cho bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng
CLO7	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO8	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.
CLO9	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh và NCKH

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO).

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO *có đóng góp ít vào* PLO

2 – CLO *có đóng góp vừa vào* PLO

3 – CLO *có đóng góp nhiều vào* PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO *đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…(2) hay mức thuần thục (3)*

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	1(4)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	3																
CLO 2	3																
CLO 3	3																
CLO 4						3											
CLO 5						3											
CLO 6						3				1							
CLO 7											2						
CLO 8														3	3		
CLO 9											2			3	2		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Tổ chức giảng dạy lâm sàng tại các bệnh viện thực tập

6.1.3. Thực hành: Không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện; Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Trực lâm sàng đầy đủ.
- Nộp bệnh án điều kiện: Một tuần một bệnh án điều kiện/một sinh viên
- Khám lâm sàng, chẩn đoán và làm thủ thuật ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Không

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

❖ Lý thuyết

Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống : Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK)

Bài 2: Viêm mạch IgA: Đọc TLC và TLTK 1, 2.

Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bài 3: Dị ứng thuốc: Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống:

Bệnh nhân nam 38 tuổi, điều trị tại khoa phẫu thuật thần kinh với chẩn đoán: Theo dõi động kinh, co giật/ Chấn thương nền sọ. Bệnh nhân có chỉ định sử dụng acid valproic. Sau 10 ngày điều trị, bệnh nhân xuất hiện sốt, ban đỏ, bọng nước lan tỏa với diện tích ~ 7% diện tích cơ thể, vài tổn thương đóng vảy tiết, loét niêm mạc miệng họng, sinh dục.

Khám hiện tại: mạch 130l/ph, huyết áp 130/80mmHg, sốt 39'C, hạch ngoại vi không sờ thấy.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

9. Chẩn đoán phù hợp nhất cho bệnh nhân này
10. Điều trị cho bệnh này KHÔNG cần sử dụng nhóm thuốc nào?
11. Xét nghiệm có thể làm để chẩn đoán nguyên nhân dị ứng thuốc cho bệnh nhân này

Bài 4: Hen phế quản: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Câu hỏi tình huống: Bệnh nhân nam 23 tuổi, đến khám vì có các triệu chứng khò khè, khó thở 3 tháng nay. Các triệu chứng ngày càng nặng hơn và diễn ra hàng ngày trong suốt tuần vừa qua. Hiện tại bệnh nhân tỉnh, cảm giác khó thở và nói được câu dài, nhịp thở 23 chu kì/phút, SpO2 95% (khí trời), mạch 100 chu kì/phút, HA 120/80 mmHg. Bác sĩ nghe thấy phổi có rale rít 2 bên.

Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

11. Chẩn đoán nào cần phân biệt ở trường hợp này
12. Chỉ định cận lâm sàng sớm nhất giúp chẩn đoán ở bệnh nhân trên
13. Hành động tiếp theo nào là phù hợp?

Bài 5: Dị ứng vaccine : Đọc TLC và TLTK 1, 2. Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Bài 6: Sốc phản vệ: Đọc TLC và TLTK 1, 2.

Thảo luận nhóm để giải quyết tình huống được giao, trình bày nội dung trên slide để báo cáo trong buổi học.

Câu hỏi tình huống: Bệnh nhân nam 51 tuổi vào viện chẩn đoán Nhồi máu cơ tim- Tăng huyết áp. Không khai thác được tiền sử dị ứng và bệnh lý trước đó. Bệnh nhân đã được đặt stent động mạch vành và dùng thuốc theo đơn: Lipitor 10mg/ngày, Aspirin 81mg/ngày, Concor 5mg/ngày, Micardis 40mg/ngày. Sau can thiệp đặt stent 1 ngày, bệnh nhân đột ngột xuất hiện khó thở, nhịp thở nhanh, nghe phổi có ral rít kèm ral ẩm rải rác. Huyết áp tụt 60/40mmHg, Mạch 120 chu kỳ/phút, Sp02 84%. Không rõ ban phản ứng trên da.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Chẩn đoán nào có khả năng ở trường hợp này
2. Chỉ định cận lâm sàng sớm nhất giúp chẩn đoán ở bệnh nhân trên
3. Trong trường hợp sốc phản vệ, thuốc nào có nguy cơ nhất gây ra bệnh cảnh này

Bài 7: Mày đay – Phù mạch: Đọc tài liệu chính (TLC) và tài liệu tham khảo (TLTK) 1,2.

Câu hỏi tình huống: Bệnh nhân nữ 16 tuổi đến khám vì tiền sử một năm nay có các đợt phát ban ngứa trên da, tái phát liên tục. Tổn thương da thường biến mất trong 24 giờ và không để lại dấu vết gì. Bệnh nhân không có sốt. Khi thăm khám, bác sĩ thấy có các sẩn và mảng đỏ trên da, nhợt màu ở giữa, kích thước khác nhau, chủ yếu ở nách và vòng eo.

Sinh viên trình bày slide theo các câu hỏi:

1. Chẩn đoán nào có khả năng ở trường hợp này
2. Chỉ định cận lâm sàng cần đưa ra trên bệnh nhân này?
3. Điều trị đầu tay phù hợp cho bệnh nhân là gì?

❖ Lâm sàng

Bài 1: Hướng dẫn làm bệnh án Dị ứng – Miễn dịch: ôn lại cách làm bệnh án

Bài 2: Bình bệnh án viêm mạch IgA:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 3: Bình bệnh án Dị ứng thuốc:

- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 2 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học

Bài 4: Bình bệnh án bệnh nhân Hen phế quản:

- Chọn 1 bệnh nhân tại khoa: Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 5: Bình bệnh án Dị ứng vaccine:
- Bệnh nhân đã được chọn ở bài 4 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 6: Bình bệnh án bệnh nhân Sốc phản vệ:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Khám BN, thảo luận để hoàn thành bệnh án theo mẫu YHHĐ, trình bày trong buổi học.
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
Bài 7: Bình bệnh án bệnh nhân Mày đay – Phù Quink:
- Làm việc nhóm (tối đa 5 SV): Bệnh nhân đã được chọn ở bài 6 sẽ được chọn để khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu, trình bày trong buổi học
- Làm việc độc lập: khám BN, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học
6.2.4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần/mô đun:
Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Tham dự 100% các buổi kiểm tra.

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các buổi đi lâm sàng /thảo luận/ làm bệnh án phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần lâm sàng/thảo luận và viết bệnh án trước các buổi học (nếu có yêu cầu).

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự ðọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bệnh án lâm sàng.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần tự chọn đối với Y học cổ truyền
- Mục đích chính yếu của học phần là cho sinh viên làm quen với chuyên ngành Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp.
- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết và lâm sàng một số tổn thương cơ bản, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh Dị ứng – Miễn dịch thường gặp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/)	**Các nội dung cơ bản của bài học**	**Số tiết (LT/LS)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**(*)	**Tên bài đánh giá** (ở cột 2 bảng 7.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2/4	1.1 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của Lupus ban đỏ hệ thống 1.2 Phân tích được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của bệnh. 1.3. Đưa ra được chỉ định cận lâm sàng và phác đồ điều trị Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	- GV sử dụng tài liệu [1] và hình ảnh projector để hướng dẫn, động não Đi lâm sàng: mô tả trên bệnh nhân cụ thể	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm)	
2	Bài 2: Viêm mạch IgA	2/2	2.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của viêm mạch IgA 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị viêm mạch IgA cho người bệnh 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng	CLO1 CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn, động não GV: giảng trên bệnh nhân viêm	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) SV làm bệnh án	

			bệnh nhân cụ thể		mạch IgA		
3	Bài 3: Dị ứng thuốc	3/4	3.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Dị ứng thuốc 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị Dị ứng thuốc trên bệnh nhân 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để phân loại Dị ứng thuốc và đưa ra những phương pháp dự phòng	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu và hình ảnh. projector để hướng dẫn, động não GV: giảng trên bệnh nhân Dị ứng thuốc	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
4	Bài 4: Hen phế quản	2/4	4.1.Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh Hen phế quản 4.2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Hen phế quản 4.3. Khám, phát hiện triệu chứng bệnh Hen phế quản, sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Đưa ra phương pháp điều trị bệnh Hen phế quản	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn, động não GV: giảng trên bệnh nhân Hen phế quản	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	A1.1.
5	Bài 5: Dị ứng vaccine	2/4	5.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu	CLO1 CLO2	GV sử dụng tài liệu và	Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước	

			chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Dị ứng vaccine 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định Dị ứng vaccine 5.3. Đưa ra phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	hình ảnh projector để hướng dẫn, động não GV: giảng trên bệnh nhân Dị ứng vaccine	nội dung (tài liệu) - Phần chuẩn bị trên lớp: (Thảo luận nhóm) Đến bệnh viện: Làm bệnh án LS	
6	Bài 6: Sốc phản vệ	2/4	6.1.Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của Sốc phản vệ. 6.2. Trình bày được những triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Sốc phản vệ 6.3. Khám, phát hiện triệu chứnglâm sàng để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng Sốc phản vệ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn, động não GV: giảng trên bệnh nhân Sốc phản vệ		
7	Bài 7: Mày đay – Phù mạch	2/4	7.1. Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây ra bệnh Mày đay – Phù mạch. 7.2. Trình bày đượctriệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng và phân loại bệnh mày đay	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	GV sử dụng tài liệu và hình ảnh projector để hướng dẫn, động não GV:		A1.2.

			7.3. Đưa ra được chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định bệnh Mày đay – Phù mạch 7.4. Phân loại và phân tích được các test Dị ứng trong bệnh lý Mày đay – Phù mạch.	CLO6	giảng trên bệnh nhân Mày đay – Phù mạch		
Theo lịch thi	FINAL EXAM						A4

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Hình thức: bình bệnh án/ thảo luân nhóm

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Bài 1: Lupus ban đỏ hệ thống	2/4	1.1 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của Lupus ban đỏ hệ thống 1.2 Phân tích được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của bệnh. 1.3. Đưa ra được chỉ định cận lâm sàng và phác đồ điều trị Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	*CLO1* *CLO2* *CLO5*	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 2 (4 tiết)	Bài 2: Viêm mạch IgA	2/4	2.1.Trình bầy được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của viêm mạch IgA 2.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán	CLO1 CLO1	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm	Đánh giá cho điểm bài 2

			và điều trị viêm mạch IgA cho người bệnh 2.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để giải thích được phương pháp điều trị cụ thể Xác định rõ phương pháp nào tốt nhất trên từng bệnh nhân cụ thể	CLO2 CLO4 CLO5		đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	
Buổi 3 (2 tiết)	Bài 3: Dị ứng thuốc	3/4	3.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Dị ứng thuốc 3.2 Sử dụng được kiến thức trên để chẩn đoán và điều trị Dị ứng thuốc trên bệnh nhân 3.3. Phân tích được các triệu chứng trên bệnh nhân để phân loại Dị ứng thuốc và đưa ra những phương pháp dự phòng	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3

Buổi 4 (4 tiết)	Bài 4: Hen phế quản	2/4	4.1.Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh Hen phế quản 4.2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Hen phế quản 4.3. Khám, phát hiện triệu chứng bệnh Hen phế quản, sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 4.3. Đưa ra phương pháp điều trị bệnhHen phế quản	CLO1 CLO2,3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 5 (4 tiết)	Bài 5: Dị ứng vaccine	2/4	5.1.Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Dị ứng vaccine 5.2 Khám, phát hiện triệu chứng, Sử dụng được kiến thức LT để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định Dị ứng vaccine	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Máy tính	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 5

			5.3. Đưa ra phương pháp điều trị và phòng bệnh	CLO6				
Buổi 6 (4 tiết)	Bài 6: Sốc phản vệ	2/4	6.1.Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của Sốc phản vệ. 6.2. Trình bày được những triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Sốc phản vệ 6.3. Khám, phát hiện triệu chứnglâm sàng để chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định 6.3. Xác định rõ phương pháp điều trị và phòng Sốc phản vệ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6

Buổi 7 (4 tiết)	Bài 7: Mày đay – Phù mạch	2/4	7.1.Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây ra bệnh Mày đay – Phù mạch. 7.2. Trình bày đượctriệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng và phân loại bệnh mày đay 7.3. Đưa ra được chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán xác định bệnh Mày đay – Phù mạch 7.4. Phân loại và phân tích được các test Dị ứng trong bệnh lý Mày đay – Phù mạch.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy tính	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 7
Buổi 8	Hỏi thi lâm sàng							

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống,	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống,	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic

					logic	logic		
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liền lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liền lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liền lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liền lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liền lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	- Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	- Trả lời đúng nội dung (≥ 85%) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời tương đối đúng nội dung (≥ 70%) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trong tâm vấn đề	- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành	15%	CLO3	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân	1. – Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân	1. – Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được

	viên nhóm 2. Trưởng nhóm			công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thị trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ; Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm thi lâm sàng là điểm bệnh án + điểm chuyên cần (viết báo cáo, trình bày bệnh án) + điểm hỏi thi lâm sàng kết thúc đợt lâm sàng
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = *(điểm lâm sàng×1 + Điểm Lý thuyết ×2)/ 3*

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Bảng 10.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	**Tên tác giả**	**Năm XB**	**Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản**	**NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB**
	Giáo trình chính			
1	Bộ y tế - Đại học Y Hà	2022	Bài giảng Dị ứng – Miễn dịch	*Nhà xuất bản*

	Nội		lâm sàng	*Y học*
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Văn Đình Hoa, Nguyễn Ngọc Lanh	2011	Sinh lý bệnh và Miễn dịch	*Nhà xuất bản Y học*
3	Nguyễn Ngọc Lanh	2009	Sinh lý bệnh và Miễn dịch	*Nhà xuất bản Y học*

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN YHCT VIỆT NAM

Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh Y học cổ truyền điển Việt Nam
* Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền Việt Nam
* Tiếng Anh: Classics of Traditional Viet Nam Medicine Classics
- Mã học phần/ mô đun: TRAD6118
- Số tín chỉ: 02 LT/ 0LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Kiểm tra: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 60 giờ
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên Đại học chính quy năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT
  + Học phần học trước: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
7	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn

	đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam.
MT2	Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1	2	2				
MT2	2	2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được các vấn đề y đức, vấn đề hư thực, hàn nhiệt, vấn đề thủy hỏa trong Hải Thượng Lãn Ông y tông tâm lĩnh.
CLO2	Vận dụng được một số vị thuốc và bài thuốc trong chẩn đoán và điều trị, phòng bệnh
CLO3	Có khả năng làm việc độc lập, học tập và tự nghiên cứu về lịch sử y học học cổ truyền, các y gia của Việt Nam và một số trước tác tiêu biểu

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2		2	2													
CLO 2	2		2	2													
CLO 3														2			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT. Học viên có thêm trải nghiệm thực tế để biết thêm về nguồn gốc YHCT Việt Nam trong nhiều thế kỷ, tri ân các đại danh y!

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (....tiết /b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Lịch sử YHCT Việt Nam	4/0/8	Trình bày được các giai đoạn phát triển của Y học Việt Nam theo từng thời kỳ lịch sử, Liệt kê được những tác phẩm và công trình Y học mang đậm bản sắc YHCT Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử	CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
2	Thân thế sự nghiệp Tuệ Tĩnh	4/0/8	Liệt kê được vài nét về cuộc đời Đại y thiền sư Tuệ Tĩnh, Nêu những nét kế thừa và phát huy của thế hệ sau trong việc bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển y học dân tộc. Trình bày sơ lược nội dung cuốn sách "Nam dược thần hiệu".	CLO1,CLO2, CLO3,	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
3	Thân thế sự nghiệp	4/0/8	Trình bày vài nét về cuộc	CLO1,CLO2,	Thuyết trình	1.Tự học: như	Điểm thường xuyên

	Hải Thượng Lãn Ông		đời danh y Hải Thượng Lãn Ông, trình bày được sơ lược tác phẩm Hải thượng y tông tâm lĩnh. Phân tích được các vấn đề y đức mà Hải thượng lãn ông nêu ra.	CLO3	ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	
4	Chuyên đề thuốc Nam Tuệ Tĩnh	4/0/8	Trình bày tóm tắt sự nghiệp trước tác của Đại Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiền sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Tam thập thất trùy phương. Phân tích được phương pháp vận phương của Đại Y Thiền sư Tuệ Tĩnh trong việc vận dụng 1 số bài thuốc trong Thập tam phương	CLO1,CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
5	Chuyên đề thuốc Nam Nguyễn Kiều	4/0/8	Trình bày khái quát thân thế và kể tên một số trước tác của lương y Nguyễn Kiều. Phân tích được nguyên tắc dùng thuốc và kể tên mười nguồn bệnh của lương y Nguyễn Kiều.	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

			Vận dụng được một số vị thuốc và bài thuốc của lương y Nguyễn Kiều				
6	Chuyên đề Thủy Hỏa	4/0/8	Trình bày được nội dung cơ bản của học thuyết Thủy Hỏa. Ứng dụng của học thuyết Thủy Hỏa qua bài thuốc Lục vị hoàn và Bát vị hoàn của Hải Thượng Lãn Ông?	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm,	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét, đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	Điểm thường xuyên
7	Chuyên đề hàn nhiệt, hư thực	4/0/8	Phân tích được hư và thực trong chương y hải cầu nguyên- Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Phân tích hàn nhiệt và điều trị chứng hàn nhiệt theo y gia quan miện, y hỏa cầu nguyên – Hải Thượng Lãn Ông y tông tâm lĩnh.	CLO1, CLO2	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa, dạy học qua tình huống.	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
9	Chuyên đề y dịch	2/0/4	Trình bày được mối quan hệ giữa dịch lý và y lý. Trình bày bố cục của kinh dịch.	CLO1,CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, dạy học bằng thảo luận nhóm,	1.Tự học: như mục 6.2. 2.Trên lớp: trình bày báo cáo, nghe báo cáo, nhận xét,	Điểm thường xuyên

						đánh giá, thảo luận, nghe giảng, trả lời câu hỏi.	
9	Thi kết thúc học phần	0/10/0	Phân tích được các vấn đề y đức, vấn đề hư thực, hàn nhiệt, vấn đề thủy hỏa, Vận dụng được một số vị thuốc và bài thuốc trong chẩn đoán và điều trị, trình bày được lịch sử y học học cổ truyền, một số y gia của Việt Nam và một số trước tác tiêu biểu	CLO1, CLO2, CLO3		Bài test/tự luận	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không có thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	90%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	10%

9.2.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Kiểm tra	Điểm <4	Điểm từ 4.0 – 5.4	Điểm từ 5.5 – 6.9	Điểm 7.0 – 8.4	Điểm 8.5 - 10	100%

Lưu ý: trọng số điểm từng câu trong bài kiểm tra căn cứ thực tế trên đề kiểm tra

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	10%	Đi học đầy đủ	01	10%	Chuyên cần	CLO3	Trung bình điểm thường xuyên
Điểm kiểm tra	20%	Điểm kiểm tra	01	20%	Kiểm tra	CLO1,ClO2, CLO3	Kiểm tra trên lớp
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	01 bài thi trắc nghiệm	70%	Trắc nghiệm	CLO1,ClO2, CLO3	Thi test theo lịch

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút Tổng số: 40 câu

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO 1	100%	11	4 (36,4%)	5 (45,4%)	2 (18,1%)
CLO 2	100%	14	6 (42,9%)	6 (42,9%)	2 (14,1%)
CLO 3	100%	15	6 (40,0%)	8 (53,3%)	1 (6,7%)
Tổng	100%	40	16 (40,0%)	19 (47,5%)	5 (12,5%)

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết 70%, Điểm chuyên cần 10%, Điểm kiểm tra 20% theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam - Bộ môn Y lý Y học cổ truyền (năm 2021), Bài giảng Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Hải thượng lãn ông (năm 2008), Hải thượng Y Tông Tâm Lĩnh, Nhà xuất bản Y học.

[2] Tuệ Tĩnh Toàn Tập (năm 2007), Nhà xuất bản Y học.

[3] Kinh dịch ứng dụng trong YHCT (năm 2021), Nhà xuất bản Y học..

[4] Lương Y Nguyễn Kiều – Một dấu son của nền Y học dân tộc Việt Nam thế kỷ 20 (năm 2015), Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN YHCT TRUNG QUỐC
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành: Y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc
* Tiếng Việt: Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc
* Tiếng Anh: Classics of Traditional Chinese Medicine Classics
- Mã học phần/ mô đun: TRAD6119
- Số tín chỉ: 2,0 LT/0,0 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
  + Lý thuyết: 30 tiết
  + Kiểm tra, đánh giá: 10 tiết
  + Thời gian tự học: 60 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên Đại học chính quy năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở khối ngành ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	

- Điều kiện tham gia học phần:
  + Học phần tiên quyết: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT
  + Học phần học trước: Lý luận cơ bản YHCT, Chẩn đoán học YHCT
  + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	Y lý YHCT	phamquocbinh68@gmail.com
2	TS. Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	Y lý YHCT	ngaidytw72@yahoo.com
3	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Y lý YHCT	huyenguyenyhcthn@gmail.com
4	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Y lý YHCT	khang.leduc@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	Y lý YHCT	lannguyenhn88@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Y lý YHCT	Bsthumay@gmail.com
7	Ths. Lưu Minh Trung	0395566604	Y lý YHCT	bs.minhtrung.71@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.
MT2	Vận dụng được một số kiến thức cơ bản trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc trong công tác khám bệnh, chẩn đoán, điều trị bằng YHCT.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT1	2	2				
MT2	2	2				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được những giá trị, lịch sử ra đời và quá trình phát triển của các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc.
CLO2	Vận dụng kiến thức trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc để khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp.
CLO3	Có khả năng làm việc độc lập, học tập và tự nghiên cứu về lịch sử y học học cổ truyền Trung Quốc và một số trước tác tiêu biểu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
CLO 1	2		2	2													
CLO 2	2		2	2													
CLO 3														2			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: không

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc là học phần tự chọn được giảng dạy vào năm thứ 6 của chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học. Học phần Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp khám, chẩn đoán, điều trị, một số vị thuốc, bài thuốc cổ phương thường gặp trong các tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc từ đó giúp sinh viên vận dụng trong công tác khám chữa bệnh bằng YHCT

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (....tiết /b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/KT/ Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2 tiết/ buổi	**Dưỡng sinh:** 1. Ý nghĩa và nguyên tắc dưỡng sinh 2. Dưỡng sinh bốn mùa	2/0/4	Phân tích được các nguyên tắc dưỡng sinh và dưỡng sinh bốn mùa	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Âm dương:** 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4/0/8	Phân tích được nội dung của học thuyết âm dương trong các kinh văn.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Tạng tượng:** 1. Đại cương 2. Kinh văn trong Nội kinh.	4/0/8	Phân tích được nội dung của học thuyết tạng tượng trong các kinh văn.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên

4 tiết/ buổi	**Kinh lạc:** 1. Đại cương 2. Mười hai đường kinh 3. Bát mạch kỳ kinh. 4. Huyệt vị	4/0/8	Phân tích được nội dung của học thuyết kinh lạc trong các kinh văn.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Bệnh năng:** 1. Đại cương 2. Bệnh nguyên và bệnh cơ	2/0/4	Phân tích được các cơ chế bệnh trong các kinh văn.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Phép tắc trị liệu:** 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị	4/0/8	Phân tích được các nguyên tắc điều trị trong các kinh văn.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Thương hàn luận :** 1. Nội dung cơ bản của Thương Hàn Luận. 2. Biện chứng luận trị lục kinh bệnh chứng.	4/0/8	Phân tích được nội dung cơ bản của biện chứng lục kinh trong Thương Hàn Luận	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
4 tiết/ buổi	**Ôn bệnh học:** 1. Đại cương về tác phẩm	4/0/8	Phân tích được nội dung cơ bản của biện chứng Vệ Khí Dinh Huyết trong Ôn	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học,	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp:	Điểm thường xuyên

	2. Định nghĩa ngoại cảm ôn bệnh 3. Nguyên nhân gây bệnh 4. Bệnh học và điều trị		bệnh.		thuyết trình ngắn có minh họa	nghe giảng, trả lời câu hỏi	
2 tiết/ buổi	**Kinh quỹ yếu lược:** 1.Nội dung chính của Kim quỹ yếu lược 2. Biện chứng luận trị Hung tý, tâm thống, đoản khí	2/0/4	Phân tích được nội dung chính của Kim Quỹ Yếu lược và biện chứng Hung tý, tâm thống, đoản khí.	CLO 1, CLO2, CLO3	Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học, thuyết trình ngắn có minh họa	1.Tự học: như mục 6.2 2.Trên lớp: nghe giảng, trả lời câu hỏi	Điểm thường xuyên
	Kiểm tra định kì Thi kết thúc học phần	0/10/0	Phân tích được các nội dung, vấn đề và vận dụng được các kiến thức trong các tác phẩm kinh điểm YHCT TQ trong khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý y khoa.	CLO1, CLO2, CLO3		Tự luận Bài test	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không có thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học <6 buổi.	Đi học <7 buổi, đi muộn 1 buổi	Đi học <7 buổi, không đi muộn	Đi học <8 buổi, không đi muộn	Đi học đủ 8 buổi .	90%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	10%

9.2.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Kiểm tra	Điểm <4	Điểm từ 4.0 – 5.4	Điểm từ 5.5 – 6.9	Điểm 7.0 – 8.4	Điểm 8.5 - 10	100%

Lưu ý: trọng số điểm từng câu trong bài kiểm tra căn cứ thực tế trên đề kiểm tra

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Trường hợp học phần/mô đun chỉ có lý thuyết:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	10%	Đi học đầy đủ	Điểm thường xuyên	10%	Chuyên cần	CLO 3	Trung bình điểm thường xuyên
Điểm kiểm tra	20%	Điểm kiểm tra	Điểm thường xuyên	20%	Kiểm tra	CLO 1, CLO2, CLO 3	Kiểm tra trên lớp
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	Thi lý thuyết	70%	Trắc nghiệm	CLO 1, CLO2, CLO 3	Thi test theo lịch

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút Tổng số: 40 câu

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	**Trọng số**	**Tổng số câu hỏi**	**Số câu hỏi bậc 1** (Tái hiện: Nhớ)	**Số câu hỏi bậc 2** (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	**Số câu hỏi bậc 3** (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO 1	100%	12	6 (50,0%)	6 (50,0%)	0 (0,0%)
CLO 2	100%	28	13 (46,4%)	10 (35,7,0%)	5 (17,9%)
Tổng	100%	40	19 (47,5%)	16 (40,0%)	5 (12,5%)

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam - Bộ môn Y lý Y học cổ truyền (năm 2021), Bài giảng Tác phẩm kinh điển YHCT Trung Quốc

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nội kinh, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

[2] Thương hàn luận, Đại học Y Hà nội, NXB Y học..

[3] Ôn bệnh học, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

[4] Kim quỹ yếu lược, Đại học Y Hà nội, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Chuyên môn tổng hợp

* Tiếng Anh: Medical knowledge synthesis

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6120

- Số tín chỉ: 3 (LT: 3)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 0 tiết

+ Bài tập: 45 tiết

+ Kiểm tra: 3 tiết

+ Thời gian tự học: 102

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành YHCT năm thứ 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	**Bắt buộc** x	Tự chọn □	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Khoa Y lâm sàng và Phòng đào tạo đại học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
22.	Ts Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
23.	Ts Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh 78@gmail.com
24.	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	doanquanghuy@gmail.com
25.	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
26.	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
27.	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
28.	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvyd@gmail.com\
29.	BSCKII. Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com
30.	BSCKII. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com
31.	BSCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com

32.	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
33.	Ths Lâm Ngọc Xuyên	0979728866	Lamxuyen1981@gmail.com
34.	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
35.	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
36.	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com
37.	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	bsnganhiyhct@gmail.com
38.	ThS. Nguyễn Thị Thái	0981788226	Thainguyenthi0911@gmail.com
39.	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
40.	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	quynhlam73@gmail.com
41.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	huyensanyhct@gmail.com
42.	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	vutotrinh85@gmail.com
43.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
44.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
45.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
46.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
47.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com
48.	Ths. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com
49.	Các giảng viên thỉnh giảng tại BV YHCT tỉnh/thành phố		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức y học để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: Làm việc độc lập và làm việc nhóm; Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2			2	2	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO2	Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3																
CLO 2											2				2		

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Bảng 6.1.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ
1	Giáo trình, tài liệu học tập, máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập): không

6.2.2. Bài tập: Hoàn thành đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao nhiệm vụ. Dựa vào danh mục các bài lý thuyết, sinh viên tự đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan. Với mỗi mặt bệnh, cần nghiên cứu tài liệu để trả lời được các câu hỏi sau:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp

- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

Để học có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Một tuần trước khi đi thực tập, sinh viên cần chủ động:

+Tìm hiểu trước về nội quy, mô hình hoạt động,, thế mạnh của cơ sở thực tập

+Đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị.

+Làm bài tập giáo viên giao với nội dung mỗi bệnh để trả lời được các câu hỏi:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Làm việc độc lập:

+ Để vận dụng kiến thức từ lý thuyết ra thực hành, hàng ngày, mỗi sinh viên đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên: viết báo cáo thu hoạch về những nội dung sau và nộp cho giảng viên hướng dẫn:

- ✓ Các chủ đề bệnh học được giao với nội dung gồm bệnh danh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh, pháp, phương điều trị bệnh, biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh và các biện pháp phòng bệnh hiệu quả bằng YHCT kết hợp YHHĐ.
- ✓ Mô hình bệnh tật tại bệnh viện thực hành mà sinh viên được phân công thực tập.
- ✓ Để đạt hiệu quả cao trong điều trị người bệnh thì trên cương vị một người bác sĩ trong tương lai, sau khi học xong học phần Chuyên môn tổng hợp, em thấy những phẩm chất, tiêu chí nào cần phải có?
- ✓ Những kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức, thái độ học được khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện?
- ✓ Sau khi học xong học phần chuyên môn tổng hợp, em có góp ý gì để giúp các bạn sinh viên học tập tốt hơn tại BV thực hành?

+Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Chuyên môn tổng hợp giúp sinh viên năm cuối vận dụng kiến thức từ lý thuyết để phát triển năng lực lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức để vận dụng vào các lĩnh vực chuyên ngành chủ chốt như Nội khoa YHCT, Ngoại khoa YHCT, Phụ sản YHCT và Nhi khoa YHCT trước khi sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bác sĩ YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Buổi	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Bài tập/Tự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
38.	Các bệnh lý Nội khoa YHCT: - Viêm khớp dạng thấp - Đau tk hông to - Viêm loét dạ dày tá tràng - Hội chứng ruột kích thích - Viêm FQ mạn - Hen phế quản - Đái tháo đường - RLCHLP - Liệt nửa người do TBMN - Tăng huyết áp - Viêm gan mạn - Xơ gan - THK - Viêm BQ - Liệt VII NB - Táo bón - Đau đầu - Thiểu năng	0/0/18/ 27	-Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Nội khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ - Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn Nội khoa YHCT.	CLO1 CLO2	Hướng dẫn tự học và giao bài tập dựa trên vấn đề	Tự học: nội dung như mục 6.2.2 và 6.2.3	Theo rubric

	tuần hoàn não (Rối loạn chức năng tiền đình) - Đau cổ gáy - Đau lưng - Bệnh Gút - SNTK - Suy tim - Rối loạn thần kinh tim - Đau thắt ngực - Viêm cầu thận mạn - Đái máu - Thiếu máu - Mất ngủ						
39.	Các bệnh lý Nhi khoa YHCT - Suy dinh dưỡng - Tiêu chảy - Viêm cầu thận cấp - Viêm phế quản phổi - Hen phế quản	0/0/9/25	-Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Nhi khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ - Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn Nhi khoa YHCT.	CLO1 CLO2	Hướng dẫn tự học và giao bài tập dựa trên vấn đề	Tự học: nội dung như mục 6.2.2 và 6.2.3	Theo rubric
40.	Các bệnh lý Ngoại khoa YHCT - Trĩ - Sỏi tiết niệu - Rò HM - Tăng sản lành	0/0/9/25	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa	CLO1 CLO2	Hướng dẫn tự học và giao bài tập dựa trên vấn	Tự học: nội dung như mục 6.2.2 và 6.2.3	Theo rubric

	tính TLT - Bệnh động mạch chi dưới mạn tính - Gãy xương - VT phần mềm		ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Ngoại khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ - Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn Ngoại khoa YHCT.		đề		
41.	Các bệnh lý sản khoa YHCT - Thống kinh - Rong kinh - Bế kinh - Đới hạ - Tiền mãn kinh - Rối loạn kinh nguyệt - Bệnh lý hậu sản	0/0/9/25	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý Sản khoa theo YHCT kết hợp YHHĐ - Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn Sản khoa YHCT.	CLO1 CLO2	Hướng dẫn tự học và giao bài tập dựa trên vấn đề	Tự học: nội dung như mục 6.2.2 và 6.2.3	Theo rubric
42.	Thi kết thúc học phần	0/3/0	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa	CLO1 CLO2			Theo rubric

			ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thông thường theo YHCT kết hợp YHHĐ - Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự giám sát, đưa ra các giải pháp thay thế và cải thiện hoạt động chuyên môn.				

10. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3,9)	**MỨC D (4,0-5,4)**	**MỨC C (5,5-6,9)**	**MỨC B (7,0-8,4)**	**MỨC A (8,5-10)**	
Chuyên cần	Bài tập không đầy đủ	Làm đủ nhưng còn sai sót	Làm đủ và không sai	Làm đủ và đúng	Làm tốt	**Điều kiện thi LT**
Thi lý thuyết	(0 - 3,9)	(4 – 5,4)	(5,5 – 6,9)	(7 – 8,4)	(8,5 – 10)	**100%**

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lý thuyết	100%	Lý thuyết bệnh học và điều trị	Thi lý thuyết	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

- Phần thi lý thuyết: thi Tự luận, thời gian 120 phút

Tổng số câu: 4 câu

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi Bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1 CLO2	100%	4	1	2	1

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (2.1: Hiểu, 2.2: Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết * 1

10. Tài liệu học tập

3. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
4. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
5. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
6. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học
7. Bộ môn Sản phụ khoa - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2018), Bài giảng Sản phụ khoa YHCT.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn Sản phụ khoa (2018). *Bài giảng sản phụ khoa Y học hiện đại.* Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
4. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
5. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa (2006), Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại, NXB Y học.
6. Bài giảng bệnh học ngoại khoa Y6(2022). BM ngoại Y HN. NXB Y học.
7. Bộ Y tế (2007). Sản phụ khoa.
8. GS. Dương Thị Cương (2004). Bài giảng sản phụ khoa. Đại học Y Hà Nội.
9. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), Nhi khoa tập 1,2, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NGOẠI KHOA YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **NGOẠI KHOA YHCT (TTNN)**

* Tiếng Việt: Ngoại khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

* Tiếng Anh: Surgery of traditional medicine (Graduate internship)

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6122
- Số tín chỉ: 5 (LT: 0 / TH: 5)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết
  + Lý thuyết: 0 tiết
  + Lâm sàng : 150 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Kiểm tra: 12 tiết
  + Thời gian tự học: 88
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y khoa năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn x	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không
+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.
+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
50.	Ts Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
51.	Ts Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh 78@gmail.com
52.	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	doanquanghuy@gmail.com
53.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
54.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
55.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
56.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
57.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com

58.	Ths. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com
59.	Các giảng viên thỉnh giảng tại BV YHCT tỉnh/thành phố		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức y học để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2			2	2	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO2	Thực hiện được các kĩ năng: khám, chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng các bệnh lý thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.
CLO3	Làm được một số kỹ thuật điều trị YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
CLO4	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin; đồng thời làm việc độc lập, tự giám sát, cải thiện hoạt động chuyên môn. Tuân thủ quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3																
CLO 2			3	3	3	3											
CLO 3							3										
CLO 4											3	2		3	3	2	2

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: không

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): Các bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố theo hợp đồng đào tạo.

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện;
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ. Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Nộp bệnh án điều kiện đầy đủ cho giảng viên hướng dẫn
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phòng bệnh, theo dõi đáp ứng điều trị ít nhất 5 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Hoàn thành đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao nhiệm vụ. Dựa vào danh mục các bài lý thuyết, sinh viên tự đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan. Với mỗi mặt bệnh, cần nghiên cứu tài liệu để trả lời được các câu hỏi sau:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)

- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Một tuần trước khi đi thực tập, sinh viên cần chủ động đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị. Làm bài tập giáo viên giao với nội mỗi bệnh để trả lời được các câu hỏi:
  - Bệnh danh
  - Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
  - Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
  - Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
  - Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
  - Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
  - Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
  - Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Trên lâm sàng: Sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên),tại khoa lâm sàng, mỗi nhóm chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học dựa trên nội dung bài học mục 8.2: để thực hành tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, mỗi sinh viên đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

+Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên năm cuối chuyên ngành Bác sĩ YHCT có cơ hội vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng y khoa đã được học và thể hiện sự tự chủ trong thực hành lâm sàng ở môi trường thực tế. Sinh viên được thực tập liên tục tại bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố, làm việc như một nhân viên y tế tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sĩ - giảng viên thỉnh giảng. Từ đó giúp người học phát triển năng lực khám, lập luận

chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
1.	Cách làm bệnh án ngoại khoa YHCT	10/0/10	Làm được bệnh án ngoại khoa YHCT gồm 2 phần YHHĐ và YHCT	CL02	1 đến 5	Thảo luận nhóm Thuyết trình tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
2.	Trĩ	20/0/12	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận	Theo rubric

			được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Đóng vai	-Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
3.	Vết thương phần mềm	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Theo rubric

			đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho			lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	-Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	

			NB và người nhà NB					
4.	Rò hậu môn	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
5.	Tăng sản lành tính tuyến tiền liệt	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
6.	Bệnh ĐM ngoại vi	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
7.	Sỏi tiết niệu	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương	CLO1C L02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
8.	Gãy xương	20/0/11	-Vận dụng kiến thức để chẩn đoán nguyên nhân, điều trị bệnh. -Thực hiện	CLO1CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận	Theo rubric

			được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Đóng vai	-Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
9.	Thi kết thúc học phần	0/12/0	-Vận dụng được kiến	CLO1CL02 CLO3 CLO4			-Thăm khám Nb - Làm BA -Trình bày	Theo rubric

			thức, kỹ năng để khám, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn phòng bệnh - Thể hiện sự chuyên nghiệp trong các hoạt động thăm khám và tư vấn y khoa				BA -Trình diễn khám - Lập luận chẩn đoán -Lập luận điều trị, phòng bệnh	

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Ngoại khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thời gian	Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bênh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau)*
8h30-10h30	-Khám NB -Thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh, các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh: FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5)	
10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GĐ bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự	
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	-Khám Nb mới vào. -Theo dõi diễn biến bệnh, tiếp tục thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh	
18h00-7h00	- **Trực tối:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực (Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân, khám BN mới, ntheo dõi diễn biến bệnh, xử trí điều trị khi cần, hoàn thiện bệnh	

11. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thái độ học lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu	10%

		hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	yêu cầu của khoa LS	của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh <3BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh > 5BN/tuần	30%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA, ca bệnh giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	20%

Rubric 2: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ học lâm sàng theo rubric 1	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	20%
Bệnh án	Không đầy đủ thành	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần,	Đủ thành phần, khá	Đủ thành phần, chi tiết,	20%

	phần theo hướng dẫn		tương đối chi tiết	chi tiết, tương đối chính xác	chính xác	
Khám BN: Hỏi bệnh Thăm khám Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	20%

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Thái độ học LS Chấm bệnh án Thi thực hành Khám trên BN Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 2

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

8. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
9. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.

10. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
11. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
12. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn Sản phụ khoa (2018). *Bài giảng sản phụ khoa Y học hiện đại.* Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
14. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
15. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa (2006), Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại, NXB Y học.
16. Bài giảng bệnh học ngoại khoa Y6(2022). BM ngoại Y HN. NXB Y học.
17. Bộ Y tế (2007). Sản phụ khoa.
18. GS. Dương Thị Cương (2004). Bài giảng sản phụ khoa. Đại học Y Hà Nội.
19. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), Nhi khoa tập 1,2, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NHI KHOA YHCT (THỰC TẾ NGHỀ NGHIỆP)

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **NHI KHOA YHCT (TTNN)**

* Tiếng Việt: Nhi khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

* Tiếng Anh: Pediatrics of traditional medicine (Graduate internship)

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6124
- Số tín chỉ: 5 (LT: 0 / TH: 5)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết
  + Lý thuyết: 0 tiết
  + Lâm sàng : 150 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Kiểm tra: 12 tiết
  + Thời gian tự học: 88
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y khoa năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn x	□

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không
+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.
+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
60.	Ts Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
61.	Ts Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh 78@gmail.com
1	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	Nhi khoa
2	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh		BV Nhi Trung ương
3	ThS. Nguyễn Thị Thái	0981788226	Nhi khoa
62.	Các giảng viên thỉnh giảng tại BV YHCT tỉnh/thành phố		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức y học để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2			2	2	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO2	Thực hiện được các kĩ năng: khám, chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng các bệnh lý thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.
CLO3	Làm được một số kỹ thuật điều trị YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
CLO4	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin; đồng thời làm việc độc lập, tự giám sát, cải thiện hoạt động chuyên môn. Tuân thủ quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3																
CLO 2			3	3	3	3											

CLO 3							3										
CLO 4											3	2		3	3	2	2

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: không

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): Các bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố theo hợp đồng đào tạo.

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện;
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ. Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Nộp bệnh án điều kiện đầy đủ cho giảng viên hướng dẫn
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phòng bệnh, theo dõi đáp ứng điều trị ít nhất 5 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Hoàn thành đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao nhiệm vụ. Dựa vào danh mục các bài lý thuyết, sinh viên tự đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan. Với mỗi mặt bệnh, cần nghiên cứu tài liệu để trả lời được các câu hỏi sau:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Một tuần trước khi đi thực tập, sinh viên cần chủ động đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị. Làm bài tập giáo viên giao với nội mỗi bệnh để trả lời được các câu hỏi:
    - Bệnh danh
    - Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
    - Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
    - Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
    - Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
    - Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
    - Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
    - Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Trên lâm sàng: Sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên),tại khoa lâm sàng, mỗi nhóm chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học dựa trên nội dung bài học mục 8.2: để thực hành tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, mỗi sinh viên đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

+Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên năm cuối chuyên ngành Bác sĩ YHCT có cơ hội vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng y khoa đã được học và thể hiện sự tự chủ trong thực hành lâm sàng ở môi trường thực tế. Sinh viên được thực tập liên tục tại bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố, làm việc như một nhân viên y tế tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sĩ - giảng viên thỉnh giảng. Từ đó giúp người học phát triển năng lực khám, lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
1	Cách làm bệnh án Nhi khoa YHCT	10/0/10	Làm được bệnh án nhi khoa YHCT gồm 2 phần YHHĐ và YHCT	CL02	1 đến 5	Thảo luận nhóm Thuyết trình tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
2.	Suy dinh dưỡng nhi khoa	28/0/22	-Vận dụng KT để chẩn đoán và điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			-Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
3.	Tiêu chảy nhi khoa	28/0/14	-Vận dụng KT để chẩn đoán và điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
4.	Viêm phổi nhi khoa	28/0/14	-Vận dụng KT để chẩn đoán và điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
5.	Viêm cầu thận nhi khoa	28/0/14	-Vận dụng KT để chẩn đoán và điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
6.	Hen phế quản nhi khoa	28/0/14	-Vận dụng KT để chẩn đoán và điều trị bệnh. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

7.	Thi kết thúc học phần	0/12/0	-Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để khám, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn phòng bệnh - Thể hiện sự chuyên nghiệp trong các hoạt động thăm khám và tư vấn y khoa	CLO1 CL02 CLO3 CLO4			-Thăm khám Nb - Làm BA -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận chẩn đoán -Lập luận điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án nhi khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thòi gian	Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét*

8h30-10h30	-Khám NB -Thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh, các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh: FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần	*bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau)*
10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GĐ bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự	
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	-Khám Nb mới vào. -Theo dõi diễn biến bệnh, tiếp tục thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh -Hoàn thiện bệnh án, phiếu chăm sóc	
18h00-7h00	- **Trực tối:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực (Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân, khám BN mới, ntheo dõi diễn biến bệnh, xử trí điều trị khi cần, hoàn	

12. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thái độ học lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%

Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh <3BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh > 5BN/tuần	30%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA, ca bệnh giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	20%

Rubric 2: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ học lâm sàng theo rubric 1	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	20%
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	20%

Khám BN: Hỏi bệnh Thăm khám Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	20%

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Thái độ học LS Chấm bệnh án Thi thực hành Khám trên BN Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 2

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

20. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học
21. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
22. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
23. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ môn Sản phụ khoa (2018). *Bài giảng sản phụ khoa Y học hiện đại.* Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
4. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
5. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa (2006), Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại, NXB Y học.
6. Bài giảng bệnh học ngoại khoa Y6(2022). BM ngoại Y HN. NXB Y học.
7. Bộ Y tế (2007). Sản phụ khoa.
8. GS. Dương Thị Cương (2004). Bài giảng sản phụ khoa. Đại học Y Hà Nội.
9. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), Nhi khoa tập 1,2, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
NỘI KHOA YHCT (TTNN)

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **NỘI KHOA YHCT (TTNN)**

* Tiếng Việt: Nội khoa YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

* Tiếng Anh: Internal traditional medicine (Graduate internship)

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6121
- Số tín chỉ: 5 (LT: 0 / TH: 5)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết
  + Lý thuyết: 0 tiết
  + Lâm sàng : 150 tiết
  + Bài tập: 0 tiết
  + Kiểm tra: 12 tiết
  + Thời gian tự học: 88
- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y khoa năm thứ 6
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn x	□

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không
+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.
+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
63.	Ts Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
64.	Ts Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh 78@gmail.com
65.	PGS.TS. Đoàn Quang Huy	0984558888	doanquanghuy@gmail.com
66.	TS. Nguyễn Tiến Chung	0989304689	nguyentienchung89@gmail.com
67.	Ths Nguyễn Thị Ngọc	0977119094	ngoc2788@gmail.com
68.	Ths Tạ Thị Nga	0814759535	Drngata994@gmail.com
69.	Ths Hoàng Trọng Quân	0985121195	trongquanhvyd@gmail.com\
70.	BSCKII. Trần Thị Thu Hương	0985815138	huongthuviet@gmail.com
71.	BSCKII. Lê Thúy Hạnh	0917886577	hanhchi2009@gmail.com

72.	BSCKII. Nguyễn Minh Hà	0915965596	bsminhha99@gmail.com
73.	Ths. Thịnh Thị Minh Thu	0915486287	thinhminhthu@gailcom
74.	Ths Lâm Ngọc Xuyên	0979728866	Lamxuyen1981@gmail.com
75.	Ths. BSNT Bùi Thị Tâm	0899975577	bacsytam.yhct@gmail.com
76.	Ths Lê Thu Hiền	0366370067	lethuhien28@gmail.com
77.	Ths Trần Thu Phương	0972520018	phuongtran3438@gmail.com
78.	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	0988173968	bsnganhiyhct@gmail.com
79.	ThS. Nguyễn Thị Thái	0981788226	Thainguyenthi0911@gmail.com
80.	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	nguyenthithuy@gmail.com
81.	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	quynhlam73@gmail.com
82.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	huyensanyhct@gmail.com
83.	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	vutotrinh85@gmail.com
84.	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuy@vutm.edu.vn
85.	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
86.	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
87.	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
88.	Bs. Nguyễn Đình Điệp	0346571213	yudaichi1102@gmail.com
89.	Ths. Trần Văn Thế	0973556837	chongchongtre264@gmail.com
90.	Các giảng viên thỉnh giảng tại BV YHCT tỉnh/thành phố		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức y học để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2			2	2	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO2	Thực hiện được các kĩ năng: khám, chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng các bệnh lý thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.
CLO3	Làm được một số kỹ thuật điều trị YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
CLO4	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin; đồng thời làm việc độc lập, tự giám sát, cải thiện hoạt động chuyên môn. Tuân thủ quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3																
CLO 2			3	3	3	3											
CLO 3							3										
CLO 4											3	2		3	3	2	2

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: không

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): Các bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố theo hợp đồng đào tạo.

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện;
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ. Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Nộp bệnh án điều kiện đầy đủ cho giảng viên hướng dẫn
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phòng bệnh, theo dõi đáp ứng điều trị ít nhất 5 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Hoàn thành đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao nhiệm vụ. Dựa vào danh mục các bài lý thuyết, sinh viên tự đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan. Với mỗi mặt bệnh, cần nghiên cứu tài liệu để trả lời được các câu hỏi sau:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Một tuần trước khi đi thực tập, sinh viên cần chủ động đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị. Làm bài tập giáo viên giao với nội mỗi bệnh để trả lời được các câu hỏi:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Trên lâm sàng: Sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên),tại khoa lâm sàng, mỗi nhóm chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học dựa trên nội dung bài học mục 8.2: để thực hành

tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, mỗi sinh viên đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

+Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên năm cuối chuyên ngành Bác sĩ YHCT có cơ hội vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng y khoa đã được học và thể hiện sự tự chủ trong thực hành lâm sàng ở môi trường thực tế. Sinh viên được thực tập liên tục tại bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố, làm việc như một nhân viên y tế tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sĩ - giảng viên thỉnh giảng. Từ đó giúp người học phát triển năng lực khám, lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
84.	Viêm loét dạ dày tá tràng	6/0/3	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
85.	Viêm khớp dạng thấp	6/0/3	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			NB					
86.	Đau thần kinh hông to	6/0/3	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
87.	Đau lưng	6/0/3	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm	Theo rubric

			đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
88.	Đau vai gáy	6/0/3	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn	Theo rubric

			điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			-Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	điều trị, phòng bệnh	
89.	Đau đầu	4/0/4	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
90.	Táo bón	4/0/4	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
91.	Tăng huyết áp	4/0/5	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			và người nhà NB					
92.	Đột quỵ não	4/0/5	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
93.	Đái tháo đường	4/0/5	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp:	Theo rubric

			chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	-Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
94.	Rối loạn chuyển hóa lipid	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận	Theo rubric

			ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	-Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
95.	Liệt VII ngoại biên	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT.	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			-Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
96.	Hội chứng ruột kích thích	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
97.	Gout	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			bệnh cho NB và người nhà NB					
98.	Viêm phế quản mạn	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
99.	Viêm gan mạn	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	Theo rubric

			nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
100.	Xơ gan	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán,	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám	Theo rubric

			lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	- Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
101.	Thiểu năng tuần hoàn não	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			vai		
102.	Thoái hóa khớp	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
103.	Suy nhược cơ thể	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
104.	Tâm căn suy nhược	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
105.	Bệnh lý khối u	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích	CLO1 CL02 CLO3	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca	1.Tự học: như mục 6.2.3	Theo rubric

			được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO4		ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
106.	Đau TK liên sườn	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình	Theo rubric

			để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
107.	Nhồi máu cơ tim	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Đóng vai		
108.	Suy tim	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ.	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			-Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
109.	Rối loạn TK tim	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
110.	Hội chứng thận hư	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
111.	Thiếu máu	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để	CLO1 CL02	1 đến 5	- Dạy học lâm	1.Tự học: như mục	Theo rubric

			giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO3 CLO4		sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
112.	Mất ngủ	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA	Theo rubric

			được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	-Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
113.	Viêm cầu thận cấp	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			nhỏ - Đóng vai		
114.	Viêm cầu thận mạn	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
115.	Viêm bàng quang	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời.	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			-Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
116.	Đái dầm	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
117.	Đái máu	4/0/2	-Vận dụng	CLO1	1 đến 5	- Dạy	1.Tự học:	Theo

			kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CL02 CLO3 CLO4		học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	rubric

118.	Hen phế quản	4/0/2	-Vận dụng kiến thức để giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị. -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

119.	Thi kết thúc học phần	0/12/0	-Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để khám, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn phòng bệnh - Thể hiện sự chuyên nghiệp trong các hoạt động thăm khám và tư vấn y khoa	CLO1 CL02 CLO3 CLO4			-Thăm khám Nb - Làm BA -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận chẩn đoán -Lập luận điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Nội khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thời gian	Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho sáng hôm sau)*
8h30-10h30	-Khám NB -Thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh, các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh: FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5)	
10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GĐ bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự	
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	-Khám Nb mới vào. -Theo dõi diễn biến bệnh, tiếp tục thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh -Hoàn thiện bệnh án, phiếu chăm sóc	
18h00-7h00	- **Trực tối:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực (Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân, khám BN mới, ntheo dõi diễn biến bệnh, xử trí điều trị khi cần, hoàn thiện bệnh án mới/bệnh án theo dõi; chuẩn bị báo	

13. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thái độ học lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh <3BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh > 5BN/tuần	30%
Chuẩn bị BA, báo cáo BA, ca bệnh giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	20%

Rubric 2: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ học lâm sàng theo rubric 1	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	20%
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	20%
Khám BN: Hỏi bệnh Thăm khám Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	20%

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Thái độ học LS Chấm bệnh án Thi thực hành Khám trên BN Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 2

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

24. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
25. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
26. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
27. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

28. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
29. Bộ môn Sản phụ khoa (2018). *Bài giảng sản phụ khoa Y học hiện đại.* Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
30. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
31. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa (2006), Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại, NXB Y học.
32. Bài giảng bệnh học ngoại khoa Y6(2022). BM ngoại Y HN. NXB Y học.
33. Bộ Y tế (2007). Sản phụ khoa.
34. GS. Dương Thị Cương (2004). Bài giảng sản phụ khoa. Đại học Y Hà Nội.
35. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), Nhi khoa tập 1,2, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. **Cấp phê duyệt**

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

PHỤ SẢN YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **PHỤ SẢN YHCT (TTNN)**

* Tiếng Việt: Phụ sản YHCT (Thực tế nghề nghiệp)

* Tiếng Anh: Obstetrics of traditional medicine (Graduate internship)

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6123

- Số tín chỉ: 5 (LT: 0 / TH: 5)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết

+ Lý thuyết: 0 tiết

+ Lâm sàng : 150 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Kiểm tra: 12 tiết

+ Thời gian tự học: 88

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y khoa năm thứ 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành x		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn x	

Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Phụ sản YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thủy	0912424455	Sản phụ khoa	nguyenthithuy@gmail.com
2	ThS. Phạm Quỳnh Lâm	0338760638	Sản phụ khoa	quynhlam73@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	0932695158	Sản phụ khoa	huyensanyhct@gmail.com
4	ThS. Vũ Thị Tố Trinh	0971779558	Sản phụ khoa	vutotrinh85@gmail.com
5	Các giảng viên thỉnh giảng tại BV YHCT tỉnh/thành phố			

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức y học để giải thích căn nguyên, chẩn đoán xác định, đưa ra phương án điều trị và dự phòng các bệnh lý thường gặp cho cá nhân, cộng đồng một cách an toàn, phù hợp với điều kiện thực tiễn.
MT HP2	Có khả năng: giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà NB, đồng nghiệp và cộng đồng; thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3				
MT HP2			2	2	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng các kiến thức để giải thích được bệnh nguyên, bệnh sinh, biện chứng để chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị phù hợp với thực tiễn và dự phòng các bệnh lý thường gặp theo YHCT kết hợp YHHĐ.
CLO2	Thực hiện được các kĩ năng: khám, chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng các bệnh lý thường gặp bằng YHCT kết hợp YHHĐ phù hợp với từng bệnh nhân. Nhận biết được các dấu hiệu tiến triển xấu của người bệnh để chuyển tuyến an toàn.
CLO3	Làm được một số kỹ thuật điều trị YHCT (điện châm, xoa bóp, cứu ngải, giác hơi...), thực hiện được kê đơn thuốc an toàn, hiệu quả khi phối hợp YHCT và YHHĐ. Làm được bệnh án gồm 2 phần YHHĐ và YHCT.
CLO4	Tư vấn, hướng dẫn, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp hiệu quả, thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động thăm khám, điều trị và cung cấp thông tin; đồng thời làm việc độc lập, tự giám sát, cải thiện hoạt động chuyên môn. Tuân thủ quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3																
CLO 2			3	3	3	3											
CLO 3							3										
CLO 4											3	2		3	3	2	2

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: không

6.1.2. Thực hành:

Bệnh viện thực hành (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP): Các bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố theo hợp đồng đào tạo.

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy tính, máy chiếu, phim XQ, phim CT, phim MRI, các tư liệu cận lâm sàng khác.
2	Kim châm cứu, máy điện châm, mồi ngải, ống giác hơi, đèn hồng ngoại…
3	Các vị thuốc đông y thường dùng
4	Ống nghe, búa phản xạ, thước đo dây và các dụng cụ khác phục vụ trong khám chữa bệnh.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập):

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định của Học viện;
- Tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng và trực lâm sàng đầy đủ. Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và thực hiện nghiêm túc các hoạt động học tập theo yêu cầu của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- Nộp bệnh án điều kiện đầy đủ cho giảng viên hướng dẫn
- Khám lâm sàng, phân tích chẩn đoán và chỉ định cận lâm sàng, lập kế hoạch điều trị và phòng bệnh, theo dõi đáp ứng điều trị ít nhất 5 bệnh nhân/tuần. Tham gia thảo luận nhóm ít nhất 2 bệnh nhân/tuần.
- Phiếu nhận xét quá trình thực tập

6.2.2. Bài tập: Hoàn thành đầy đủ các bài tập mà giảng viên giao nhiệm vụ. Dựa vào danh mục các bài lý thuyết, sinh viên tự đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan. Với mỗi mặt bệnh, cần nghiên cứu tài liệu để trả lời được các câu hỏi sau:

- Bệnh danh
- Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
- Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
- Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
- Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp

- Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
- Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
- Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

6.2.3. Tự học:

Nghiên cứu kỹ Đề cương chi tiết học phần để chủ động đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, thực hành trên lâm sàng, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và hướng dẫn tại cột 7 mục 8.2 của ĐCCTHP trước khi đến lớp.

Để học lâm sàng có hiệu quả, trước khi học trực tiếp sinh viên cần:

- Một tuần trước khi đi thực tập, sinh viên cần chủ động đọc kĩ các nội dung lý thuyết bệnh học trong TLC và TLTK để nắm được nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng, CLS, chẩn đoán và các phương pháp điều trị. Làm bài tập giáo viên giao với nội mỗi bệnh để trả lời được các câu hỏi:
  - Bệnh danh
  - Xác định được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh
  - Lý giải, liệt kê các triệu lâm sàng (chủ chứng, thứ chứng) của bệnh
  - Lập pháp, phương điều trị bệnh (các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc)
  - Lựa chọn phương pháp điều trị phối hợp YHHĐ và YHCT phù hợp
  - Xác định biến chứng, chuyển biến xấu của bệnh
  - Hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh
  - Tư vấn về các vấn đề liên quan khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Trên lâm sàng: Sinh viên chia nhóm (tối đa không quá 5 sinh viên),tại khoa lâm sàng, mỗi nhóm chọn 1 BN có bệnh phù hợp với mặt bệnh cần học dựa trên nội dung bài học mục 8.2: để thực hành tập khám và hoàn thành bệnh án theo mẫu gồm 2 phần YHHĐ và YHCT. Thảo luận, trình bày báo cáo ca bệnh trong buổi học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Làm việc độc lập:

+Hàng ngày, mỗi sinh viên đi theo bác sĩ thỉnh giảng tại buồng bệnh để học cách: thăm khám, chẩn đoán, ra các quyết định lâm sàng, cận lâm sàng; cho thuốc; làm thủ thuật; làm bệnh án và tập báo cáo theo dõi tình hình người bệnh.

+Mỗi sinh viên tự khám BN mà mình được phân công phụ trách, dự kiến chẩn đoán, điều trị, dự phòng để thảo luận trong buổi học. Làm bệnh án độc lập để nộp cho giảng viên chấm chữa.

+Trực tối: đi theo bác sĩ trực để học cách khám, chẩn đoán, theo dõi và xử trí những tình huống tiến triển xấu của người bệnh.

+Sinh viên chủ động xin giải đáp thắc mắc từ giảng viên tại khoa lâm sàng và giảng viên phụ trách khi cần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên năm cuối chuyên ngành Bác sĩ YHCT có cơ hội vận dụng toàn diện các kiến thức, kỹ năng y khoa đã được học và thể hiện sự tự chủ trong thực hành lâm sàng ở môi trường thực tế. Sinh viên được thực tập liên tục tại bệnh viện YHCT tuyến tỉnh/thành phố, làm việc như một nhân viên y tế tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn, giám sát của các bác sĩ - giảng viên thỉnh giảng. Từ đó giúp người học phát triển năng lực khám, lập luận chẩn đoán, tư duy điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ thực thụ. Do đó đây là một môn học hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (…. tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)**	**Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)**	**CĐR của bài TH/LS (chương)**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)**
1	Cách làm bệnh án sản khoa YHCT	10/0/10	Làm được bệnh án sản khoa YHCT gồm 2 phần YHHĐ và YHCT	CL02	1 đến 5	Thảo luận nhóm Thuyết trình tích cực	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
2	Thống kinh	20/0/12	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưua ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị,	Theo rubric

			thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			- Đóng vai	phòng bệnh	
3	Rong kinh	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưua ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
4	Bế kinh	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưua ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric
5	Tiền mãn kinh	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán,	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên	Theo rubric

			điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	
6	Đới hạ	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng	Theo rubric

			khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB			vai	bệnh	
7	Bệnh lý hậu sản	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưua ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời.	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	- Dạy học lâm sàng ca ngắn - Dạy học lâm sàng ca dài - Phân tích ca bệnh - Bảng kiểm -Thảo luận nhóm nhỏ - Đóng vai	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: -Thăm khám Nb -Trình bày BA -Trình diễn khám - Lập luận -Tư vấn điều trị, phòng bệnh	Theo rubric

			-Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB					
8	Rối loạn kinh nguyệt	20/0/11	- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, điều trị bệnh -Thực hiện được tứ chẩn để chẩn đoán, lập pháp, đưa ra phương điều trị phù hợp -Làm được một số kĩ thuật YHCT khi ĐT. -Làm được bệnh án gồm 2 phần YHCT và YHHĐ. -Nhận biết được tiến triển xấu của bệnh để chuyển tuyến kịp thời. -Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh cho NB và người nhà NB	CLO1 CL02 CLO3 CLO4	1 đến 5	Dạy học bên giường bệnh, dạy học bằng thảo luận nhóm	1.Tự học: như mục 6.2.3 2.Trên lớp: trình bày BA, trình diễn khám, thảo luận, nhận xét, đánh giá	Điểm thường xuyên
9	Thi kết thúc học phần	0/12/0	-Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để khám, chẩn đoán,	CL02 CLO3 CLO4			-Thăm khám Nb - Làm BA -Trình bày BA	Theo rubric

			điều trị và hướng dẫn phòng bệnh - Thể hiện sự chuyên nghiệp trong các hoạt động thăm khám và tư vấn y khoa				-Trình diễn khám - Lập luận chẩn đoán -Lập luận điều trị, phòng bệnh	

Kế hoạch lâm sàng: tại bệnh viện thực hành

Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
1	Điện châm	5 lần/tuần	≥ 3
2	Xoa bóp bấm huyệt	5 lần/tuần	≥ 3
3	Cứu ngải, giác hơi	2 lần/tuần	≥ 1
4	Chiếu đèn hồng ngoại	3 lần/tuần	≥ 1
5	Cấy chỉ	Quan sát	≥ 1
6	Làm bệnh án Sản khoa YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 4 bệnh án/tuần	
7	Khám và nhận định xét nghiệm, chẩn đoán	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
8	Tư vấn giáo dục sức khỏe	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2
9	Kê đơn thuốc YHCT kết hợp YHHĐ	Ít nhất 3 bệnh nhân/ngày	≥ 2

Kế hoạch học lâm sàng trong ngày:

Thời gian	Thứ hai Thứ ba Thứ tư Thứ năm Thứ sáu	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ
7h30-8h30	OMP Ca lâm sàng ngắn (Giao ban khoa, đi buồng cùng bác sĩ)	*Trực: (nhiệm vụ trực của sv phù hợp ví dụ:* *- Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân* *- Hoàn thiện bệnh án* *- Làm thủ thuật và các công việc chăm sóc bệnh nhân khác* *- Chuẩn bị giao ban cho*
8h30-10h30	-Khám NB -Thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh, các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án. Giảng trực tiếp tại buồng bệnh: FS - Ca lâm sàng dài: 2 buổi/tuần (thứ 4,5)	

10h30-l lh30	SGD - Thảo luận nhóm Tự học. Thực hiện các công việc chăm sóc bệnh nhân được giao, hoàn thiện bệnh án,... CBA 1-2 buổi/tuần x 100 phút (phân tích ca lâm sàng). Giảng tại GĐ bệnh viện, toàn bộ sinh viên của 1 đợt tham dự	*sáng hôm sau)*
llh30-13h30	**Nghỉ trưa**	
13h30-17h00	-Khám Nb mới vào. -Theo dõi diễn biến bệnh, tiếp tục thực hiện thủ thuật điều trị cho người bệnh	
18h00-7h00	- **Trực tối:** Theo quy định số buổi trực/sv/đợt, vị trí trực, nhiệm vụ của sinh viên khi trực (Đi buồng cùng bác sĩ, nhận xét bệnh nhân, khám BN mới, ntheo dõi diễn biến bệnh, xử trí điều trị khi cần, hoàn thiện bệnh án mới/bệnh án theo dõi; chuẩn bị báo cáo giao ban hôm sau…*)*	

14. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric:

Rubric 1: Đánh giá thái độ học lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Đi học, đi trực không đầy đủ	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện đủ các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tương đối tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS	Đi học, đi trực đầy đủ, không đi muộn, thực hiện tốt các yêu cầu của khoa LS, được bệnh nhân và khoa LS khen	10%
Chỉ tiêu LS	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh <3BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 4 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh 5 BN/tuần	Khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý người bệnh > 5BN/tuần	30%

Chuẩn bị BA, báo cáo BA, ca bệnh giảng	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	20%
Làm việc độc lập	Không tự ra quyết định	Ra quyết định không phù hợp	Ra quyết định được (<70%).	Ra quyết định đúng (<90%).	Ra quyết định đúng và bảo vệ được quyết định của mình	20%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	20%

Rubric 2: Thi lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ học lâm sàng theo rubric 1	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	Rubric 2	20%
Bệnh án	Không đầy đủ thành phần theo hướng dẫn	Đủ thành phần nhưng sơ sài	Đủ thành phần, tương đối chi tiết	Đủ thành phần, khá chi tiết, tương đối chính xác	Đủ thành phần, chi tiết, chính xác	20%
Khám BN: Hỏi bệnh Thăm khám Chỉ định CLS	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%

Thực hiện thủ thuật	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần sự hướng dẫn của giảng viên	Tự thực hiện được	Thực hiện tương đối thành thạo	Thực hiện thành thạo	20%
Vấn đáp	Không trả lời được câu hỏi vấn đáp	Chỉ trả lời được 1 câu	Chỉ trả lời được 2 câu	Trả lời được 3 câu	Trả lời được hơn 4 câu tự tin, dứt khoát	20%

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	**Trọng số điểm (%)**	**Nội dung đánh giá**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con (%)**	**Rubric**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**Mô tả cách thực hiện**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Thái độ học LS Chấm bệnh án Thi thực hành Khám trên BN Thi vấn đáp	Thi lâm sàng	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi lý thuyết được tính theo thang điểm 10.

- Phần thi thực hành lâm sàng: Rubric 2

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành lâm sàng * 1

10. Tài liệu học tập

10.1.Tài liệu chính

36. Bộ môn Sản phụ khoa - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2018), Bài giảng Sản phụ khoa YHCT.
37. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
38. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
39. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam – Bộ môn Nội Y học cổ truyền (2015), *Bài giảng điều trị học nội khoa y học cổ truyền*, NXB Y học Hà Nội.
40. Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), *Nhi khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bệnh học Nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

41. Bệnh học Nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội tổng hợp, Trường ĐH Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
42. Bộ môn Sản phụ khoa (2018). *Bài giảng sản phụ khoa Y học hiện đại.* Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam
43. Bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội (2020), *Bài giảng Nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.
44. Bài giảng bệnh học Ngoại khoa (2006), Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại, NXB Y học.
45. Bài giảng bệnh học ngoại khoa Y6(2022). BM ngoại Y HN. NXB Y học.
46. Bộ Y tế (2007). Sản phụ khoa.
47. GS. Dương Thị Cương (2004). Bài giảng sản phụ khoa. Đại học Y Hà Nội.
48. Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020), Nhi khoa tập 1,2, Nhà XB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA	**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 7720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Khoá luận tốt nghiệp

* Tiếng Anh: Graduation Thesis

- Mã học phần/ mô đun: TRAD6120

- Số tín chỉ: 3 (LT: 3)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 40 tiết (hướng dẫn và sửa chữa đề tài).

+ Bài tập: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 110

- Đối tượng học (năm thứ): Sinh viên học mã ngành Y học cổ truyền năm thứ 6

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	x

Điều kiện tham gia học phần: Sinh viên tự chọn (Dành cho SV đủ điều kiện làm KLTN theo quy định của Học viện và có đơn xin làm Khoá luận tốt nghiệp) đã học các học phần trong chương trình đào tạo ngành YHCT trình độ đại học hệ chính quy.

Tích luỹ đủ số lượng tín chỉ các học phần theo chương trình đào tạo của ngành quy định (không tính những tín chỉ học để lấy bằng hay chứng chỉ thuộc ngành khác).

Điểm trung bình chung tích lũy tính lần 1 đến hết học kỳ 10 đạt từ 2,50 trở lên.

Tính cho đến thời điểm xét, sinh viên chưa lần nào bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

Học viện sẽ quy định riêng về số lượng sinh viên được làm KLTN cho từng khóa học cụ thể.

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ chuyên ngành YHCT.

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Khoa Y lâm sàng và Phòng đào tạo đại học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
91.	Ts Phạm Thái Hưng	0982714599	phamthaihung73@gmail.com
92.	Ts Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh260878@gmail.com
93.	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	ngan_duong1969@yahoo.com
94.	Giảng viên đủ điều kiện hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp trong Quy định về KLTN hiện hành		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Người học được bổ sung, củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu về một/một số vấn đề thuộc lĩnh vực YHCT; xác định được một vấn đề cần nghiên cứu dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước đã có hoặc yêu cầu của thực tiễn và đề xuất được các khái niệm, lý thuyết khoa học phù hợp với chuyên ngành YHCT.
MT HP2	Rèn luyện kỹ năng phân tích và kết hợp được các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết vấn đề cần nghiên cứu.
MT HP3	Tạo lập ý thức tôn trọng tinh thần phản biện khoa học và trách nhiệm đóng góp tri thức khoa học cùng kiến nghị thực tiễn cho chuyên ngành YHCT.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	1	2	3	4	5	6
MT HP1	3	3	3	2		
MT HP2		3	2	2		
MT HP3			3			3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Khám phá các hiện tượng thuộc chuyên ngành YHCT mà các hiện tượng này đòi hỏi phải được giải thích thông qua một quá trình có các bước thu thập và phân tích dữ liệu mang lại khả năng diễn giải hiện tượng đó và làm giàu thêm tri thức khoa học chuyên ngành
CLO2	Thiết lập được câu hỏi nghiên cứu và tên đề tài của khóa luận từ hiện tượng thuộc chuyên ngành YHCT đã khám phá được.
CLO3	Tổng hợp được các công trình nghiên cứu trước, các lý thuyết khoa học có liên quan, thực tiễn của hiện tượng cần nghiên cứu để đề xuất, trình bày rõ các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu cũng như mối quan hệ giữa chúng.
CLO4	Tự lập hoặc phối hợp hiệu quả trong thiết kế và triển khai thực hiện quy trình thu thập có hệ thống các dữ liệu cần thiết, phân tích và thảo luận dựa trên các dữ liệu đó nhằm diễn giải rõ ràng mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu; xây dựng và đề xuất các kết luận khoa học dựa trên những khám phá về mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu
CLO5	Tự tin, khách quan đề xuất câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu dựa trên khám phá về mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu, rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu, phát triển và vận dụng các kiến thức YHCT một cách sáng tạo và linh hoạt
CLO6	Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá việc thu thập, phân tích dữ liệu và thảo luận về kết quả phân tích; Ghi nhận lại và báo cáo đầy đủ, rõ ràng, trung thực các kết quả của quá trình khám phá về mối quan hệ giữa các khái niệm chính yếu của đề tài nghiên cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
CLO 1	3							3	3							2	
CLO 2	3							3	2						2		
CLO3								3	2								
CLO4												3		3	3		
CLO5														3			
CLO6																	3

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Bảng 6.1.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ
1	Giáo trình, tài liệu học tập, máy tính, máy chiếu.... Các đề tài nghiên cứu khoa học, các tài liệu liên quan tới cơ sở lý thuyết của đề tài và liên quan tới địa điểm nghiên cứu

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

6.2.1. Dự trên lớp (giảng đường/phòng thí nghiệm/bệnh viện/cơ sở thực tập): không

6.2.2. Bài tập: Sinh viên chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận, tham gia đầy đủ các bài thực hành/thảo luận.

6.2.3. Tự học:

Chủ động giờ tự học ở nhà, nơi nghiên cứu: Sinh viên đọc trước mỗi vấn đề nghiên cứu, chuẩn bị nội dung gồm bài thuyết trình (slide) và kết quả báo cáo (dự kiến) (vấn đề được giảng viên giao). Bài thuyết trình phải đảm bảo mục tiêu, nội dung, kết cấu, phương pháp giải quyết vấn đề và kết quả giải quyết vấn đề, kết luận và kiến nghị của phần nội dung nghiên cứu.

6.2.4. Yêu cầu chung

- Tuân thủ quy định về làm khóa luận tốt nghiệp, thực hiện sự hướng dẫn về nội dung và lộ trình thực hiện KLTN.

- Thực hiện đảm báo tính bí mật, khách quan, chăm chỉ, tận tụy, thu thập số liệu trong nghiên cứu và đảm bảo an toàn cháy nổ, tính mạng trong quá trình thực nghiệm.

- Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Hoàn thiện đề tài và được sự đồng ý của cán bộ hướng dẫn

- Phải tham dự thi báo cáo khóa luận tốt nghiệp theo đúng lịch và thời gian quy định

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành gồm 03 tín chỉ được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành YHCT. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Bu ổi	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương)**	**Số tiết (LT/ KT/ Bài tập/T ự học)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1**	**PP giảng dạy đạt CĐR**	**Hoạt động học của SV**	**Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)**
Phần mở đầu: Hướng dẫn về việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp (20 giờ) **Hướng dẫn: 04 giờ**							
43.	1.1. Yêu cầu chung về khóa luận tốt nghiệp	2	Vận dụng kiến thức về nghiên cứu để xây dựng đề cương nghiên cứu và đặt vấn đề cho tên đề tài nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	CLO1, CLO2, CLO3	Động não, Thảo luận	- Nghiêm túc, tích cực, khoa học, an toàn, tỉ mỉ, kiên nhẫn - Tham khảo các tài liệu nghiên cứu khoa học theo	
44.	1.2.Phạm vi nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp	3					
45.	1.3. Trình tự thực hiện khóa luận tốt nghiệp	3					
46.	1.4.Kết cấu và dung lượng của khóa luận tốt nghiệp	3					
47.	1. 5.Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	3					

48.	1.6. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu *1.6.1. Mục tiêu nghiên cứu* *1.6.2. Câu hỏi nghiên cứu*	3				chủ đề nghiên cứu	
49.	**1.7. Ý nghĩa của đề tài** 1.7.1. Ý nghĩa về mặt học thuật 1.7.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn	3					
Phần 1: Hướng dẫn thực hiện "Chương 1: Tổng quan cơ sở lý thuyết về đề tài" (30 giờ) Hướng dẫn: 8 giờ							
50.	2.1. Các khái niệm nghiên cứu chính yếu của đề tài và đại cương lý thuyết chung	6	Tập hợp được tài liệu để vận dụng được viết tổng quan được các cơ sở lý thuyết và thực tiễn liên quan tới nội dung nghiên cứu và vấn đề lên quan tới địa điểm nghiên cứu	CLO1 CLO2 CLO3, CLO4	Động não, tổng hợp, phân tích, quy nạp, tự duy hệ thống và sơ đồ hóa, mô hình xương cá xây dựng kế hoạch cộng việc	- Nghiêm túc, tích cực, khoa học, an toàn, tỉ mỉ, kiên nhẫn - Tham khảo các tài liệu nghiên cứu khoa học theo chủ đề nghiên cứu	
51.	2.2. Tóm tắt các nghiên cứu trước đây có liên quan *2.2.1. Các nghiên cứu ở trong nước* *2.2.2. Các nghiên cứu ở ngoài nước*	6					
52.	2.3. Mô hình nghiên cứu của đề tài	6					
53.	2.4. Các vấn đề thực tiễn liên quan tới đề tài	6					
54.	2.5. Địa điểm nghiên cứu	6					
Phần 2: Hướng dẫn thực hiện "Chương 2: Phương pháp nghiên cứu của đề tài" và phân tích dữ liệu (60 giờ) Hưỡng dẫn: 16 giờ							
55.	***3.1. Phương pháp nghiên cứu của đề tài"***	30	Vận dụng kiến thức để xác định được đối tượng, phương pháp, thiết kế nghiên cứu, phương tiện và phương pháp	CLO1, CLO4	Xây dựng, thiết kế và lập kế hoạch thực hiện, xây dựng	- Nghiêm túc, tích cực, khoa học, an toàn, tỉ	
56.	3.1.1. Giới thiệu phương pháp và phạm vi nghiên cứu của đề tài	***`6***					

	3.1.1.1. Phương pháp nghiên cứu *3.1.1.2. Phạm vi nghiên cứu*		thu thập số liệu theo mẫu nghiên cứu, biến nghiên cứu và các chỉ tiêu nghiên cứu theo mục tiêu đã định.		xơ đồ xương cá khi triển khai cây vấn đề, các biến số theo mẫu và mục tiêu nghiên cúu	mỉ, kiên nhẫn - Tham khảo các tài liệu nghiên cứu khoa học theo chủ đề nghiên cứu	
57.	3.1.2. Giới thiệu chung về phương pháp xử lý dữ liệu	6					
58.	3.1.3. Quy trình xây dựng thang đo, phương tiện thu thập dữ liệu	6					
59.	3.1.4. Thu thập dữ liệu	12					
60.	**3.2. Phân tích dữ liệu"**	***30***					
61.	3.2.1. Đặc điểm mẫu dữ liệu nghiên cứu	6					
62.	3.2.2. Phân tích, đánh giá, kiểm định thang đo các khái niệm nghiên cứu	12					
63.	3.2.3. Phân tích, đánh giá, kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu	12					
Phần 3: Hướng dẫn thực hiện "Chương 3 và 4: Kết quả nghiên cứu, bàn luận về kết quả nghiên cứu và kết luận" (30 giờ) Hưỡng dẫn: 8 giờ							
64.	**4.1. Hướng dẫn thực hiện "Chương 3: Kết quả nghiên cứu"**	20			Báo cáo, thuyết trình kết quả, phân tích, tổng hợp, phẩn biện, lượng giá tìm ra điểm hợp lý và bất hợp lý, kết quả tốt xấu, tích cực,	- Nghiêm túc, tích cực, khoa học, an toàn, tỉ mỉ, kiên nhẫn - Tham khảo các tài liệu nghiên cứu khoa học theo chủ đề	
65.	4.1.1 Kết quả nghiên cứu mục tiêu 1	10	Viết và trình bày được kết quả nghiên cứu theo hình thức báo cáo bảng, biểu, hình bằng các số liệu thu thập được	CLO4, CLO5, CLO6			
66.	4.1.2. Kết quả nghiên cứu mục tiêu 2	10					
67.	**4.2. Hướng dẫn thực hiện " Chương 4: Bàn luận về kết quả nghiên cứu và**	10					

	kết luận"				tiêu cực theo mục tiêu để rút ra kết luận và kiến nghị	nghiên cứu	
68.	4.2.1. Những hàm ý của kết quả nghiên cứu	4	Bàn luận được các kết quả đã nghiên cứu để từ đó tìm ra điểm bất cập, đưa ra hướng kết luận và kiến nghị phù hợp				
69.	4.2.2. Các đề nghị	4					
70.	4.2.3. Các hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo	2					
Phần 4: Hướng dẫn hoàn thành và đánh giá khóa luận tốt nghiệp (10 giờ) **Hướng dẫn: 04 giờ**							
71.	5.1. Hướng dẫn thực hiện thủ tục hoàn thành và nộp khóa luận tốt nghiệp	4	Có trách nhiệm cáo và hoàn thiện khóa luận theo đúng quy định	CLO5, CLO6	Hành chính công việc, thuyết trình, phản ứng phản biện bảo vệ kết quả	Chuẩn bị bài báo cáo, hoàn thiện khóa luận đúng qui định	
72.	5.2. Thực hiện các quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp	6					

15. Phương pháp đánh giá học phần

9.1.Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2.Rubric 1: Đánh giá khoá luận tốt nghiệp

Theo bảng thang điểm của Hồi động chấm KLTN và quy định chấm KLTN.

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ
1	**Hình thức bài báo cáo**	**1,5**	
	- Định dạng không đúng quy định		*- 0,25*
	- Sai lỗi chính tả hoặc hành văn khó hiểu		*- 0,25*
	- Trình bày danh mục tài liệu không đúng quy định		*- 0,25*
	- Trích dẫn không đúng quy định		*- 0,25*
2	**Nội dung**		
2.1	***Tổng quan tài liệu***	***1,0 điểm***	
	- Không làm rõ các khái niệm		*- 0,25*
	- Không phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước		*- 0,25*
2.2	***Đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu***	***0,5***	
	- Đặt vấn chưa làm rõ tính cấp thiết của đề tài.		*- 0,25*
	- Mục tiêu không rõ ràng và không phù hợp với đề tài nghiên cứu		*- 0,25*

2.3	***Đối tượng và phương pháp nghiên cứu***	**1,0**	
	- Xác định không đúng đối tượng		- 0,25
	- Phương pháp nghiên cứu không phù hợp		- 0,25
	- Phương pháp thu thập thông tin không đúng, không phù hợp		- 0,25
	- Thiếu các tiêu chí đánh giá (nếu có)		- 0,25
	- Thiếu các nội dung trong phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu như nội dung nghiên cứu, biện pháp hạn chế sai số, đạo đức NC …..		- 0,25
2.4	***Kết quả nghiên cứu, bàn luận, kết luận và kiến nghị/khuyến nghị***	**3,0**	
	- Không bám sát mục tiêu nghiên cứu		- 0,25
	- Kết quả thực hiện không đủ nội dung		- 0,5
	- Chỉ trình bày kết quả, thiếu bàn luận		- 0,5
	- Sai thuật ngữ khoa học, biện luận thiếu cơ sở khoa học (không có sơ sở khoa học hoặc cơ sở không vững chắc) hoặc sai quy luật		- 0,25
	- Số liệu không chính xác do tính toán sai, sai hoặc thiếu đơn vị tính, thiếu kết quả thống kê (nếu trong phần phương pháp có nêu)		- 0,25
	- Kết luận những nội dung không liên quan đến kết quả nghiên cứu		- 0,25
	- Kết luận không đúng mục tiêu		- 0,25
	- Kết luận nêu ý kiến bàn luận		- 0,25
	- Đưa ra kiến nghị/ khuyến nghị không liên quan đến kết quả nghiên cứu		- 0,25
2.5	***Ý nghĩa thực tiễn của khóa luận***	***0,5***	
	- Không có giá trị thực tiễn, ứng dụng		- 0,25
	- Không thể hiện tính cấp thiết		- 0,25
2.6	***Năng lực thể hiện của SV báo cáo khoa học***	***1,75***	
	- Powerpoint nhiều chữ hoặc minh họa không sinh động		- 0,25
	- Thuyết trình không rõ ràng, không lưu loát		- 0,25
	- Không trả lời được câu hỏi (tính cho mỗi câu hỏi)		- 0,25
	- Trả lời không chính xác hoàn toàn (tính cho mỗi câu hỏi)		- 0,25
2.7	***Điểm thưởng*** **(**chọn 1 hình thức)		
	- Có giải thưởng khoa học công nghệ/giải thưởng Nghiên cứu khoa học/bài báo được đăng tạp chí uy tín trong nước là nội dung liên quan tới KLTN	***0.5***	
	- Có bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài KLTN	***0,75***	
Tổng cộng		**10,0 điểm**	

9.3.Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lý thuyết	100%	Khoá luận tốt nghiệp	Báo cáo khoá luận	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo rubric

Điểm thi thực hành lâm sàng được tính theo thang điểm 10.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm thi lý thuyết * 1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu cụ thể do Cán bộ hướng dẫn cung cấp, trực tiếp là giáo trình do Bộ môn giảng dạy và giáo trình về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực YHCT.

10.2. Tài liệu tham khảo

Tùy theo đề tài để bổ sung các tài liệu tham khảo phù hợp

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã đã được phê duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA | **BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên) | *(Ký, ghi rõ họ tên)*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: ***Ngày/tháng/năm.***	**Người cập nhật**